ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
HUYỆN ỦY BẢO YÊN

VĂN KIỆN ĐẢNG BỘ HUYỆN BẢO YÊN TOÀN TẬP

Tập 3

GIAI ĐOẠN 2001-2005

Tháng 5/2025

ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
HUYỆN ỦY BẢO YÊN

VĂN KIỆN
ĐẢNG BỘ HUYỆN BẢO YÊN TOÀN TẬP

Tập 3
GIAI ĐOẠN 2001 - 2005

Bảo Yên, năm 2025

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG VĂN KIỆN

THƯỜNG TRỰC HUYỆN ỦY

BAN XÂY DỰNG VĂN KIỆN

1. Đồng chí Nguyễn Công Tư, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Bí Thư Thường trực Huyện ủy - Trưởng ban;

2. Đồng chí Nguyễn Văn Phương, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Giám đốc TTCT huyện - Phó Trưởng ban;

3. Đồng chí Nguyễn Ngọc Thắng, Chánh Văn phòng Huyện ủy - Thành viên

4. Đồng chí Bùi Đăng Khoa, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy - Thành viên;

TỔ GIÚP VIỆC BAN XÂY DỰNG VĂN KIỆN

1. Đồng chí Trưởng ban Tuyên giáo, Giám đốc TTCT huyện - Tổ trưởng;

2. Đồng chí Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy -Thành viên;

3. Đồng chí Phó Chánh Văn phòng Huyện ủy - Thành viên;

4. Đồng chí Phó Giám đốc TTCT Huyện - Thành viên

5. Đồng chí Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy, phụ trách mảng LLCT, LSĐ - Thành viên;

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ huyện Bảo Yên giai đoạn 2001 - 2005 là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ huyện Bảo Yên gắn với quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng, bảo vệ và xây dựng Đảng bộ huyện Bảo Yên.

Bộ Văn kiện giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân huyện Bảo Yên hiểu rõ hơn công tác lãnh đạo của Đảng bộ huyện qua các chặng đường lịch sử; công lao của Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên qua các thời kỳ xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước; phục vụ cho việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, góp phần hoạch định chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng của Đảng bộ huyện trong những giai đoạn tiếp theo; là nguồn tài liệu quý phục vụ công tác sưu tầm, biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Yên, lịch sử đảng bộ các xã, thị trấn, lịch sử địa phương, các cơ quan, đơn vị và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện, góp phần tuyên truyền, giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, Trung tâm Chính trị huyện, các chi bộ, đảng bộ trực thuộc. Qua đó, thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ huyện Bảo Yên qua các giai đoạn cách mạng, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Việc biên soạn Văn kiện Đảng bộ huyện Bảo Yên tập 3, giai đoạn 2001-2005 tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, bảo đảm yêu cầu, quy chuẩn của một công trình khoa học, trung thành với bản gốc, bảo đảm tính chính xác, hệ thống, toàn diện, tính lịch sử, tính Đảng và có giá trị sử dụng thuận lợi, lâu dài và đúng lộ trình.

Được hình thành qua nhiều giai đoạn lịch sử, điều kiện lưu giữ khó khăn, trải qua chiến tranh và thời gian, một số văn kiện đã bị thất lạc. Nhiều văn bản được viết tay hoặc đánh máy chữ không dấu, văn bản bị mờ, rách, mất, thiếu trang. Mặc dù đã rất cố gắng nhưng chắc rằng bộ sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp để hoàn thiện bộ sách trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu bộ sách với các đồng chí và các bạn.

BAN CHỈ ĐẠO

NGHỊ QUYẾT

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 02-NQ/HU, ngày 06 tháng 04 năm 2001
"Về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư"

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/10/1998 và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 27/3/1998 của Tỉnh ủy Lào Cai (khoá XI) về công tác quần chúng của Đảng và xây dựng, củng cố cơ sở chính trị ở xã, phường, thị trấn.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ huyện. Ban Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư".

I. Tình hình

Trong những năm qua công tác vận động quần chúng của Đảng bộ huyện nhà đạt được những kết quả mới: Nhiều phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc trong huyện được đẩy mạnh; vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân được tiếp tục phát huy trên nhiều lĩnh vực, nhân dân các dân tộc đoàn kết thống nhất, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Mọi mặt đời sống xã hội của huyện được cải thiện và có bước tiến bộ rõ rệt, đặc biệt đời sống của đại bộ phận đồng bào vùng sâu, vùng xa được nâng lên; chấm dứt được nạn đói giáp hạt. Giảm đáng kể tỷ lệ hộ đói, nghèo trong toàn huyện xuống còn 22,92%, cơ sở vật chất kỹ thuật: Điện, đường, trường, trạm ở các xã, thị trấn nói chung, nhất là các xã vùng III được quan tâm xây dựng và đưa vào sử dụng có hiệu quả phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Huyện đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về Phổ cập giáo dục tiểu học.

Tuy nhiên vấn đề đời sống xã hội ở các thôn bản, cụm dân cư trong huyện; nhất là đồng bào vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân cần được quan tâm lãnh đạo để khắc phục đó là:

- Xóa đói, giảm nghèo.

- Di cư tự do của một bộ phận đồng bào vùng cao có chiều hướng gia tăng, một số di cư đi nơi khác nay quay trở lại địa bàn làm cho đời sống đồng bào đã khó khăn nay khó khăn thêm, chương trình định canh định cư gặp nhiều khó khăn.

- Bọn người xấu lợi dụng tôn giáo hoạt động trái phép ngày càng tinh vi hơn chúng đã và đang lôi cuốn, xúi dục, lừa gạt một bộ phận nhân dân nhẹ dạ theo chúng, gây nên tình hình mất ổn định trong đời sống chính trị ở một số xã trong huyện.

- Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chưa nghiêm chưa cụ thể hoá nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân nên còn có đơn thư khiếu kiện vượt cấp, khiếu kiện không bình thường.

- Thôn bản, cụm dân cư đạt tiêu chuẩn văn hoá năm 2000 mới có 51/302 thôn bản = 16,88%

** Nguyên nhân chính của những tồn tại, khuyết điểm đó là:*

- Vai trò lãnh đạo của một số cấp ủy Đảng chưa sát sao, cụ thể, chưa quan tâm đầy đủ, chất lượng lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ và đảng viên trong thôn bản nói chung còn yếu; thậm chí còn có đảng viên thiếu gương mẫu nên nhân dân thiếu niềm tin.

- Tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa đi sâu sát, gắn bó với nhân dân nên chưa kịp thời nắm bắt tình hình, phản ảnh giải quyết nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

- Một số ngành ở huyện được phân công tay ngành tay xã còn thiếu quan tâm, chưa sâu sát giúp cơ sở, việc triển khai Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và triển khai thực hiện ở cơ sở kết quả chưa cao hoặc không xây dựng được chương trình hành động thực hiện Nghị quyết.

II. Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2005 và các biện pháp lớn

A. Nhiệm vụ

1. Tập chung sức chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện có kết quả của cuộc vận động " Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư " phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu phát triển kinh tế do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đề ra đến năm 2005 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống mỗi năm từ 2 - 3%, phổ cập giáo dục trung học cơ sở 8/18 xã, thị trấn. Các thôn bản, cụm dân có đủ nguồn nước phục vụ sinh hoạt. Diện phủ sóng truyền hình để nhân dân xem được truyền hình đạt tỷ lệ 80% dân số. Phấn đấu có 50% số thôn bản hàng năm đạt tiêu chuẩn văn hoá.

2. Tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị (khoá VI) và Chỉ thị số 3 -CT/TW ngày 02/7/1998 của Bộ Chính trị (khoá VIII), Nghị định số 26/NĐ-CP Nghị định của Chính phủ ngày 19/4/1999 về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền hướng dẫn nhân dân thực hiện, nhất là đồng bào có đạo, người tín ngưỡng thực hiện đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật, sống tốt đời đẹp đạo, vì lợi ích của cả dân tộc.

Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch 184, chủ động đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các hình thức lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo hoạt động trái phép nhằm lôi kéo, lừa gạt nhân dân ta vào mục đích chính trị nằm trong âm

mưu "Diễn biến hoà bình" của thế lực thù địch. Bài trừ mê tín dị đoan. Thông qua hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tích cực giáo dục, thuyết phục vận động số hộ và người theo đạo trái phép giúp họ nhận thức rõ đúng, sai và đang bị bọn người xấu lợi dụng lôi kéo, lừa gạt, không nghe theo bọn xấu, tự bỏ hoạt động đạo trái phép, lập lại thờ cúng tổ tiên tại gia đình theo phong tục của dân tộc mình, kiên quyết không để lây lan ra diện rộng, hoặc dân tộc khác.

3. Thường xuyên nắm chắc tình hình đời sống nhân dân ở các xã, thôn bản chủ động phát hiện và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, những vấn đề bức xúc ngay cơ sở. Hạn chế mức thấp nhất đơn thư khiếu kiện, kể cả đơn thư khiếu kiện vượt cấp.

4. Tiếp tục lãnh đạo đẩy nhanh việc thực hiện các dự án chương trình ở các xã. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, chất lượng công trình phải đảm bảo đúng thiết kế và đưa vào sử dụng phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân.

5. Tiếp tục củng cố hệ thống chính trị cơ sở xuống tận thôn bản, trước hết quan tâm củng cố các hoạt động của Chi bộ, Chi đoàn thanh niên, Chi hội phụ nữ ở thôn bản. Thường xuyên tập hợp đoàn kết được các tầng lớp nhân dân vào hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội chăm lo xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, thực sự là cầu nối liền giữa Đảng với quần chúng nhân dân.

B. Những biện pháp chủ yếu:

1. Củng cố xây dựng các tổ chức Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Quản lý, bồi dưỡng và phân công nhiệm vụ cho từng đảng viên phụ trách (ít nhất là phụ trách hộ quần chúng) tích cực tuyên truyền giác ngộ quần chúng để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng gắn với việc xóa thôn bản chưa có đảng viên. Thường xuyên lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, Chi bộ đề ra.

2. Đối với các cấp chính quyền tổ chức thực hiện:

- Quy chế dân chủ ở cơ sở tạo điều kiện để nhân dân bàn, tham gia và quyết định việc đầu tư xây dựng, tổ chức sản xuất và quản lý ở địa phương.

- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện qui ước thôn bản.

- Xây dựng củng cố hoạt động của tổ hoà giải ở thôn bản.

- Xây dựng, bồi dưỡng được cốt cán già làng, trưởng bản, người có uy tín làm nòng cốt vận động đoàn kết nhân dân.

- Chủ động giải quyết tốt đơn thư, khiếu kiện và những vấn đề mới phát sinh ở cơ sở.

- Quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, tiến bộ kỹ thuật áp

dụng vào sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

3. Mặt trận và đoàn thể:

Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Củng cố tổ chức đoàn thể ở thôn, bản tập hợp đoàn kết các tầng lớp nhân dân vào tổ chức đoàn, hội... Tuyên truyền giáo dục vận động nhân dân thực hiện đúng các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực bồi dưỡng kết nạp quần chúng vào đoàn vào hội, xây dựng tổ chức đoàn thể vững mạnh.

4. Các cơ quan tay ngành, tay xã có kế hoạch cụ thể để giúp cơ sở, trước mắt tập chung giúp các thôn, bản có nhiều khó khăn sớm ổn định được cuộc sống của nhân dân, giải quyết những vấn đề nổi cộm ở cơ sở.

5. Quản lý chặt chẽ hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng đặc biệt chú ý những thôn bản vùng sâu, vùng xa kịp thời phát hiện những người lợi dụng hoạt động tôn giáo trái phép; xử lý nghiêm những người vi phạm.

6. Tăng cường đưa thông tin về cơ sở, thôn bản, tuyên truyền để nhân dân nắm được và thực hiện đúng chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận - Dân tộc, các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cơ quan của Huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ theo dõi giúp đỡ các xã, thị trấn xây dựng chương trình hành động triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này đạt kết quả./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ỦY

Số 02-NQ/HU, ngày 07 tháng 5 năm 2001

Về công tác phổ cập trung học cơ sở từ năm 2001 đến năm 2005

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII. Hướng dẫn của Bộ Giáo dục - Đào tạo về công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở . Chương trình hành động của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên quyết tâm phấn đấu đến năm 2005 huyện đạt chuẩn quốc gia về Phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 08 xã, thị trấn.

A. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

1. Những thuận lợi

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Lào Cai, sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Lào Cai. Cùng sự nỗ lực cố gắng phấn đấu vươn lên của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể huyện, xã, thôn bản. Sự nhận thức đúng đắn của đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân dân các dân tộc trong huyện đã góp phần tích cực cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo huyện nhà trong những năm qua, đạt được những thành tích đáng kể:

+ Năm 1999 huyện Bảo Yên được công nhận là đơn vị đạt chuẩn quốc gia về Phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, không có thôn bản trắng về học sinh, không có xã trắng về trường lớp. Hiện nay về giáo dục phổ thông toàn huyện có 36 trường với 621 lớp và 16.731 em học sinh.

Trong đó: Học sinh trung học cơ sở là 157 lớp với 5.105 học sinh (tăng 20 lớp so với năm 2000).

Đội ngũ cán bộ Hiệu trưởng, Hiệu phó toàn ngành giáo dục - đào tạo tương đối đồng đều và ổn định, có trên 60% đạt chuẩn về chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên được bồi dưỡng về chính trị chuyên môn nghiệp vụ quản lý Nhà nước.

2. Những khó khăn

- Những năm gần đây, sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo nhanh cả về số lượng và chất lượng. Chính vì vậy giáo dục của Bảo Yên phát triển có sự bất cập, giáo viên thiếu nghiêm trọng cả giáo viên tiểu học và trung học cơ sở đã phần nào ảnh hưởng đến chất lượng chuyên môn (thiếu hơn 70 giáo viên chủ yếu là trung học cơ sở).

- Hiện tại số học sinh chuẩn bị và đã tốt nghiệp tiểu học cơ sở là 6.088 em, đạt 54,9%. Song tỷ lệ này lại phân bổ không đều, mà chủ yếu tập chung vào một số xã giáo dục phát triển. Việc điều tra, tổng hợp số liệu ở

các cấp chính quyền và nhà trường chưa kịp thời, hồ sơ thiếu chính xác. Hoạt động của các Ban Chỉ đạo cơ sở xã hiệu quả còn hạn chế.

Từ những thuận lợi, khó khăn nêu trên, căn cứ vào kết quả điều tra của ngành Giáo dục - Đào tạo huyện và các ngành hữu quan. Từ yêu cầu bức thiết và chính đáng của nhân dân các dân tộc trong huyện. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII đã đề ra nhiệm vụ tiếp tục Phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Ban Chấp hành Huyện ủy đề ra những mục tiêu và nhiệm vụ giải pháp cơ bản phấn đấu đạt chuẩn Phổ cập giáo dục trung học cơ sở huyện Bảo Yên giai đoạn 2001 - 2005:

B. Mục tiêu - Giải pháp

I. Mục tiêu

Huyện phấn đấu để đạt chuẩn quốc gia về Phổ cập giáo dục trung học cơ sở đến năm 2005 như sau:

+ Năm 2000: Thị trấn Phố Ràng.

+ Năm 2003: Có các xã: Lương Sơn, Việt Tiến

+ Năm 2004: Xã Long Phúc

+ Năm 2005: Có các xã Nghĩa Đô, Kim Sơn, Bảo Hà, Tân Dương.

II. Những giải pháp

Huyện Bảo Yên phấn đấu để đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch đề ra về Phổ cập giáo dục trung học cơ sở đến năm 2005 là 08 xã, thị trấn, đòi hỏi sự quyết tâm cao của các tổ chức Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể quần chúng, của tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong toàn huyện đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Đảng bộ và nhân dân các xã cần nhận thức đúng vai trò của giáo dục đào tạo trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Đảng. Từ đó tập chung, sức của, sức người xây dựng cơ sở vật chất nhà trường. Huy động cao nhất số trẻ trong độ tuổi đến lớp, đến trường. Quan tâm động viên về cả tinh thần, vật chất để thầy và trò hăng say "Dạy tốt, học tốt". Đạt tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp các cấp cao, nhất là Trung học cơ sở thì mới đạt được mục tiêu đặt ra. Để đạt được mục tiêu trên cần thực hiện một số giải pháp sau:

1. Làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục

Xác định rõ trách nhiệm của mỗi cấp ủy Đảng, chính quyền, mỗi tổ chức đoàn thể đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, coi giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân sự nghiệp giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu mỗi một cơ quan, đơn vị địa phương. Mọi người, mọi tổ chức tự giác tham gia, huy động cao nhân tài vật lực cho việc xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường. Huy động các nguồn vốn đầu tư để bổ sung, hỗ trợ, đầu tư mua sắm trang thiết bị cho trường học. Vận động huy động trẻ trong độ tuổi đến trường và duy trì số lượng học sinh, nâng cao chất

lượng dạy và học để có tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp các cấp hàng năm đạt và vượt kế hoạch.

- Nâng cao vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương đây là một chỉ tiêu thi đua hàng năm của các Chi, Đảng bộ là nhiệm vụ chính trị của địa phương trước mắt và lâu dài.

2. Về hoạt động của các Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục THCS huyện và xã

Các Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục trung học cơ sở các xã. Phân công cán bộ phụ trách từng thôn bản, giao chỉ tiêu cụ thể đến từng gia đình, Ban Chỉ đạo mỗi quí họp một lần để kiểm điểm, bàn bạc, kiểm tra thường xuyên tiến độ đạt chuẩn của xã mình. Có chế độ khen thưởng để động viên kịp thời các cá nhân và đơn vị làm tốt nhiệm vụ Phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục trung học cơ sở của huyện họp 2 tháng /1 lần để từng thành viên báo cáo công việc được giao về Phổ cập giáo dục trung học. Có văn bản báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy để chỉ đạo kịp thời, đúng tiến độ.

3. Nâng cao chất lượng dạy học, huy động nhiều trẻ em đến lớp duy trì tốt số học sinh học hết tiểu học cơ sở, thi tốt nghiệp tiểu học cơ sở đạt tỷ lệ cao nhất

Từ năm 2001 - 2002 trở đi Hiệu trưởng các trường phải làm tốt công tác điều tra nắm chắc số trẻ trong từng độ tuổi để động viên các em đến trường đảm bảo tỷ lệ yêu cầu (trên 95%). Các thôn bản vùng cao coi việc huy động số lượng trẻ đến trường đạt tỷ lệ cao là nhiệm vụ trọng tâm, hàng năm tích cực mở lớp đến tận thôn bản. Tăng cường kiểm tra số lượng, thường xuyên nâng cao chất lượng dạy và học đạt tỷ lệ lên lớp và tốt nghiệp các cấp cao nhất. Để huy động tốt trẻ 6 tuổi đến trường đạt tỷ lệ cao, các trường cần làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, phụ huynh học sinh thấy rõ tầm quan trọng của công tác Phổ cập giáo dục trung học cơ sở để nhân dân tạo điều kiện tốt cho con em đi học.

4. Mở lớp Phổ cập giáo dục trung học và Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học chống mù chữ một cách vững chắc để làm cơ sở cho phổ cập trung học, những xã khó khăn, cần mở lớp phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo mô hình "Bán nội trú" tập chung cho các em ở độ tuổi cần Phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Nhà trường Phổ cập trung học cơ sở cần chú ý nâng cao chất lượng giảng dạy của thầy cô và học tập của học sinh. Phân công giáo viên có năng lực, nhiệt tình phụ trách các lớp này để đạt chất lượng, hiệu quả cao.

5. Xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dây, người học và tăng cường công tác phát triển đảng viên

Đào tạo bồi dưỡng giáo viên gắn với địa chỉ và sử dụng hợp lý để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên. Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuẩn hoá, nhằm nâng cao phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên để từng bước đạt chuẩn qui định.

Trong năm 2001 cần phấn đấu để 100% nhà trường đều có đảng viên, phấn đấu nhiều trường có tổ Đảng hoặc Chi bộ Đảng để lãnh đạo tư tưởng quần chúng, để chỉ đạo chuyên môn, đẩy mạnh thi đua năng cao chất lượng giáo dục để có nhiều đơn vị sớm đạt chuẩn Phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Phấn đấu mỗi năm ngành Giáo dục có trên 20 giáo viên được kết nạp Đảng.

6. Về công tác thi đua khen thưởng

Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục trung học cơ sở của huyện chủ động xây dựng kế hoạch Phổ cập giáo dục trung học cơ sở của toàn huyện giao chỉ tiêu kế hoạch theo thời gian cho từng cơ quan đơn vị về nhiệm vụ phụ trách công tác Phổ cập giáo dục trung học cơ sở của các xã. Từ năm 2002 trở đi đơn vị nào đạt chuẩn hoặc đạt vượt chỉ tiêu kế hoạch được khen thưởng phù hợp để động viên kịp thời.

7. Đối với các xã còn lại

Căn cứ vào tinh thần của Nghị quyết này, cấp ủy, chính quyền cơ sở chủ động xây dựng chương trình Phổ cập giáo dục trung học cơ sở của mình nhằm phấn đấu hoàn thành việc Phổ cập giáo dục trung học cơ sở sớm nhất những năm tiếp theo.

III. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào nội dung Nghị quyết, các cấp ủy Đảng, chính quyền khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện đến cơ sở; đồng thời chỉ đạo các ngành, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình cụ thể hoá bằng các chương trình dự án và các giải pháp thiết thực, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

Ban Chấp hành Huyện ủy giao cho UBND huyện cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, phòng Giáo dục - Đào tạo huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này. Các Ban xây dựng Đảng, các đồng chí trong Ban Chấp hành có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ở các cấp, các ngành trong huyện./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ỦY

BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 03-NQ/HU, ngày 08 tháng 05 năm 2001
Về phát triển Nông nghiệp và Nông thôn giai đoạn 2001 - 2005

I. Tình hình phát triển nông nghiệp - nông thôn trong thời gian qua

1. Những kết quả đã đạt được về phát triển nông nghiệp - nông thôn

- Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo, trong 15 năm qua và 5 năm gần đây (1995 - 2000), tình hình kinh tế xã hội nói chung và kinh tế nông nghiệp - nông thôn nói riêng của huyện Bảo Yên đã có những tiến bộ vượt bậc.

- Sản lượng lương thực quy thóc năm 2000 đạt: 23.668 tấn, tốc độ tăng lương thực bình quân 5 năm là 2,22%/năm. Năng suất lúa nước đạt bình quân 82 tạ/ha/năm. Cá biệt có địa phương đạt xấp xỉ 100 tạ/ha. Một số giống lúa mới có năng suất cao đã được đưa vào sản xuất thay thế cho một số giống lúa không còn phù hợp với trình độ thâm canh cao. Diện tích một số cây trồng chính như lúa nước, ngô ... tiếp tục được khai hoang mở rộng diện tích trên quỹ đất nông nghiệp nên đã hạn chế được tình trạng phát nương rẫy.

- Nhiều công trình thủy lợi tiếp tục được đầu tư xây dựng mới và sửa chữa, nâng cấp, nên đã đáp ứng kịp thời nhu cầu tưới tiêu cho các diện tích lúa hai vụ trong huyện, công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng đã được dự báo, thông báo kịp thời cho các địa phương và các hộ nông dân; các bệnh, dịch xảy ra ở từng vùng đã được tổ chức dập dịch kịp thời, không để lây lan ra các vùng khác.

- Diện tích một số cây ăn quả truyền thống như: Cam, mơ, nhãn vẫn duy trì và ổn định diện tích. Một số cây ăn quả khác đang được trồng thử nghiệm ở các xã như: Hồng, xoài, vải. Dự án trồng chè đang được triển khai thực hiện đã được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân.

- Công tác giao đất nông lâm nghiệp: Đã từng bước thực hiện việc giao đất cho nông dân sử dụng lâu dài vào mục đích sản xuất nông lâm nghiệp. Đến hết năm 2000 đã cơ bản giao xong đất nông nghiệp, trong đó có gần 1.800 ha đất ruộng nước (tăng 400 ha so với thống kê trước đây), đất lâm nghiệp đã giao được trên 60% diện tích. Các tranh chấp về đất đai đã và đang từng bước được các cấp ủy và chính quyền địa phương giải quyết, xử lý theo pháp luật.

- Ngành chăn nuôi: Đàn gia súc, gia cầm trong những năm qua vẫn giữ được nhịp độ tăng đàn từ 3- 4%. Một số loại gia súc, gia cầm như đàn trâu, đàn lợn, đàn gà đã từng bước được chú ý nâng cao tầm vóc, chất lượng sản phẩm để phù hợp với thị trường. Một số tập quán lạc hậu về chăn nuôi như: Thả dông gia súc, cho gia súc phối giống cận huyết, dùng các giống gia súc có chất lượng sản phẩm thấp không phù hợp với kinh tế thị trường... đang từng bước được khắc phục, công tác phòng chống dịch bệnh gia súc đã và đang được quan tâm của các cấp, các ngành.

- Sản xuất lâm nghiệp đã góp phần quan trọng cùng với sản xuất nông nghiệp làm thay đổi kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Đến hết năm 2000 toàn huyện đã có 29.000 ha rừng các loại đạt tỷ lệ che phủ 35,32%. Nhận thức của nhân dân về công tác bảo vệ rừng đã được nâng lên, các hiện tượng khai thác lâm sản trái phép và phá rừng làm nương rẫy đã và đang được quản lý chặt chẽ. Cây quế vẫn được coi là cây kiêm dụng vừa có tác dụng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, vừa là cây công nghiệp dài ngày và đang được quản lý, chăm sóc và tiếp tục phát triển.

- Bộ mặt nông thôn ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện đã được thay đổi đáng kể. Đã có 15/18 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã và các tuyến đường trục liên xã ô tô có thể đi lại được. Đã có 08/18 xã, thị trấn có hệ thống điện thoại, có 07/18 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia, 18/18 xã, thị trấn và các bản làng vùng cao có trường học, 17/18 xã, thị trấn có trường cấp 2, toàn huyện có 02 trường cấp 3; 50% số phòng học trong toàn huyện đã được xây dựng kiên cố, bán kiên cố, 18/18 xã đã có trạm y tế và đã được xây dựng kiên cố.

- Đã quy hoạch 04 trung tâm cụm xã. Các cửa hàng và dịch vụ về vật tư phục vụ sản xuất, hàng hoá phục vụ sinh hoạt cho nhân dân đã đưa về tại các trung tâm xã; hệ thống đường liên thôn bản đã được mở mang, chương trình phủ sóng truyền hình đã đến được 70% số thôn bản trong huyện, nhiều hộ gia đình nông thôn đã có xe máy, ti vi ... và các tiện nghi sinh hoạt sang trọng khác.

- Một số ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: Chế biến lương thực, thực phẩm, may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất đồ mộc, rèn, thủy điện nhỏ... đã hình thành nhằm phục vụ trực tiếp cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân và từng bước tạo ra sản phẩm hàng hoá, giải quyết công ăn việc làm và tăng thu nhập cho nông dân.

2. Những tồn tại, khuyết điểm

Bên cạnh những thành tích đã đạt được trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn bộc lộ một số tồn tại, khuyết điểm, đó là:

- Chưa tạo ra được vùng sản xuất lớn tập chung về hàng hoá có thế

mạnh là mũi nhọn của huyện để tạo điều kiện cho quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp nông thôn.

- Sản lượng lương thực tuy có tăng nhưng nhiều tiềm năng về đất đai, lao động chưa được phát huy hết. Một số vùng trọng điểm lúa có diện tích lúa nước lớn chưa đầu tư thâm canh nên năng suất còn thấp hơn các vùng khác trong huyện. Nhiều hộ nông dân vẫn còn giữ tập quán " Bừa chùi, cấy chay ", không bón phân, chưa chú ý công tác phòng trừ sâu bệnh nên năng suất chưa cao. Diện tích trồng ngô còn nhỏ lẻ, phân tán ở các bản vùng cao, các bãi ven sông suối, chưa tập chung thành những vùng lớn, chưa đưa được các giống mới và có năng suất cao, chất lượng tốt thay cho các giống địa phương năng suất thấp. Một số cây công nghiệp, cây thực phẩm như: Đậu tương, lạc, vừng. chủ yếu vẫn trồng nhỏ, lẻ theo tập quán của từng địa phương, chưa có sự chỉ đạo tập chung của cơ sở nên chưa tạo ra một khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn làm thay đổi cơ cấu sản phẩm trong ngành trồng trọt. Một số cây vụ đông như: Ngô, khoai tây tuy đã có tổ chức trồng khảo nghiệm đạt kết quả tốt nhưng chưa nhân ra diện rộng được.

- Công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc có xã, thôn, bản có lúc làm chưa tốt; chưa kiểm soát hết được vận chuyển gia súc và công tác giết mổ gia súc, vì vậy vẫn còn có dịch bệnh sảy ra, chưa phát huy hết lợi thế chăn nuôi thủy sản trong từng hộ nông dân và từng địa phương, chưa kết hợp thủy lợi với chăn nuôi thủy sản, còn để thả rông gia súc.

- Công tác giao đất giao rừng, trồng và khoanh nuôi bảo vệ rừng còn một số địa phương, hộ gia đình nhận đất nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, việc giao đất còn thiếu sót như giao đất cho nhân dân còn chồng chéo, thiếu chính xác, có trường hợp mâu thuẫn về đất đai chưa được giải quyết kịp thời.

- Việc triển khai thực hiện các chương trình khuyến nông khuyến lâm nhằm giúp nông dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiếp cận với trình độ thâm canh cao còn hạn chế.

- Cơ sở hạ tầng ở nông thôn đã được xây dựng nhưng thiếu đồng bộ, nên phát huy tác dụng chưa cao, tỷ lệ đói nghèo trong nông thôn còn lớn.

3. Nguyên nhân của những kết quả đã đạt được:

- Có sự tập chung chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp, của các ngành trong huyện.

- Đã làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, vận động nhân dân thực hiện các đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, góp công, góp của để thực hiện xây dựng nông thôn theo phương châm " Nhà nước và nhân dân cùng làm".

- Nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của cấp ủy,

HĐND các cấp đã thực sự đi vào lòng dân, được nhân dân hưởng ứng, ủng hộ.

4. Nguyên nhân của những tồn tại:

- Do trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán ở một số thôn bản còn lạc hậu nên nông dân chưa có đủ khả năng để nhận thức đầy đủ về phát triển kinh tế nông nghiệp - nông thôn và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp các ngành về chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa năng động đồng thời do đặc điểm khí hậu thời tiết và thổ nhưỡng của Bảo Yên nói chung và từng vùng nói riêng nên một số cây trồng, vật nuôi khó phát triển thành một vùng sản xuất rộng lớn được, từ đó làm cho sản xuất manh mún, chưa tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn.

- Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, nhiều dự án khác nhau. Tính hợp lý trong việc đầu tư xây dựng trên một địa phương giữa các dự án thiếu sức thuyết phục nên dẫn đến đầu tư xây dựng chưa đồng bộ, hiệu quả không cao.

- Một số chủ trương, chính sách đối với nông nghiệp - nông thôn việc ban hành, điều chỉnh và chỉ đạo chưa theo kịp, chưa theo kịp với những thực tế diễn ra tại nông thôn nên đã phần nào làm giảm lòng nhiệt tình của nhân dân.

II. Mục tiêu - nhiệm vụ phát triển nông nghiệp - nông thôn giao đoàn 2001-2005

1. Tư tưởng chỉ đạo

Trong giai đoạn 2001 - 2005 và những năm tiếp theo cơ cấu kinh tế của huyện Bảo Yên vẫn được xác định là: "... Nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến, thương mại dịch vụ... "Sản xuất nông - lâm nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của huyện với gần 90% dân số đang sản xuất nông - lâm nghiệp.

Vì vậy phát triển sản xuất nông nghiệp - nông thôn sẽ tạo đà phát triển triển kinh tế xã hội của toàn huyện, bảo vệ được môi trường, phát triển tiểu thủ công nghiệp tại nông thôn, giải quyết công ăn việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp - nông thôn, giảm bớt khoảng cách giữa cuộc sống của nông thôn - thành thị, tạo địa bàn ổn định về kinh tế - chính trị xã hội và an ninh quốc phòng, tăng cường mối đoàn kết các dân tộc.

2. Những mục tiêu chủ yếu đến năm 2005

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 24.000 tấn

- Năng suất lúa đến năm 2005 đạt 11 đến 13 tấn/ha.

- Năng suất ngô đến năm 2005 đạt 25 đến 26 tạ/ha.

- Diện tích cây ăn quả: 1.500 ha.

- Diện tích trồng chè mới: 700 - 800 ha

- Tỷ lệ tán che phủ rừng: 45%

- Tốc độ tăng đàn gia súc, gia cầm: 3 - 4%/năm

- Giảm tỷ lệ nghèo đói xuống còn: 11% (theo tiêu chí mới của Bộ LĐTBXH, bình quân mỗi năm giảm 2%).

3. Một số nhiệm vụ chủ yếu về phát triển nông nghiệp - nông thôn (2001 - 2005)

a. Về phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp:

- Tập chung thâm canh đi đối với quy hoạch và mở rộng diện tích trồng cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày.

- Với trên 1.700 ha ruộng nước hiện nay năng suất bình quân mới đạt hơn 80 tạ/ ha là chưa phát huy hết tiềm năng về đất đai và lao động hiện có. Để đạt năng suất cao hơn cần đẩy mạnh thâm canh bằng các biện pháp đưa các giống mới có năng suất cao phù hợp với điều kiện tự nhiên từng khu vực, từng địa phương vào sản xuất.

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về giống, phân bón và tập huấn kỹ thuật cho nhân dân để nhân dân dễ áp dụng với các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Các địa phương, các ngành cần tập chung chỉ đạo các điểm thâm canh, các điểm trình diễn các giống mới trước khi chỉ đạo gieo cấy đại trà. Các vùng trọng điểm lúa như Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Kim Sơn... huyện và xã cần tăng cường các hoạt động khuyến nông để giúp nông dân có nhận thức đầy đủ về phong trào thâm canh cây lương thực.

- Đối với cây ngô, đây là một trong hai loại cây lương thực chủ lực của địa phương. Ngô đã trồng từ lâu ở các vùng cao nhưng sản suất vẫn theo tập quán quảng canh là chủ yếu. Để sản suất ngô theo hướng sản suất hàng hoá cần tập chung đưa một số giống ngô có năng suất cao phù hợp với canh tác trên đất dốc và soi bãi vào trồng thay thế các giống ngô địa phương năng suất thấp, đồng thời có các chính sách thu mua sản phẩm, trợ giá trợ cước hợp lý để nhân dân yên tâm sản xuất, hình thành 3 vùng sản xuất ngô chính gồm: Bảo Hà, Kim Sơn, Cam Cọn, Minh Tân, Thượng Hà, Điện Quan, Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Xuân Hoà, Tân Dương. Mỗi vùng cần có các giống ngô và kỹ thuật trồng từng vụ cho phù hợp.

- Cần tiếp tục khuyến khích nhân dân tiếp tục trồng sắn với một diện tích vừa phải để giải quyết lương thực cho chăn nuôi và nguyên liệu cho chế biến tinh bột sắn. Các vùng đông dân cư, các thị trấn, thị tứ cần giành ra một quỹ đất để chuyên canh cây thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày, đảm bảo đủ cho tiêu dùng của nhân dân trong vùng.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cấp và quản lý tốt các công trình thủy lợi để có thể khai hoang thêm từ 50 - 60 ha lúa nước, 80 - 100 ha ngô và các loại cây thực phẩm quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh đi đôi với phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (chế biến).

+ Phát triển cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả:

- Cây chè được xác định là cây công nghiệp dài ngày có khả năng thích nghi với điều kiện khí hậu, đất đai của Bảo Yên, bước đầu triển khai dự án được đông đảo nhân dân ủng hộ. Để dự án có hiệu quả cao, cần tổ chức tốt công tác quy hoạch đất đai, lựa chọn các hộ nông dân có nhiệt tình, có am hiểu về cây chè, có đủ điều kiện về lao động, tiền vốn tự có để tham gia thực hiện dự án chè, cần tổ chức trồng chè tập chung, liền vùng liền khoảnh bằng các loại giống chè kỹ thuật để thuận tiện cho việc quản lý và thu mua sản phẩm. Đến năm 2005 phấn đấu ở trung tâm cụm xã vùng chè sẽ xây dựng các trạm sơ chế chè nhỏ và vừa, để tận thu sản phẩm của nhân dân.

- Đối với cây quế: Cần được tiếp tục chăm sóc, quản lý; tận thu sản phẩm ở những diện tích cần tỉa thưa và những diện tích đã đến tuổi thu hoạch, tiếp tục đưa quế vào trồng ở các thôn bản vùng cao, vùng xa trong huyện.

- Phát triển vùng cam, quýt tại Việt Tiến, Long Khánh.... bằng biện pháp đưa các giống cây mới sạch bệnh có năng suất cao vào trồng, đến năm 2005 đạt 100 ha cam, quýt các loại, tiếp tục phát triển cây nhãn, vải ở Phố Ràng, Lương Sơn, Bảo Hà và vùng ven sông Hồng nghiên cứu chọn lọc các giống vải địa phương có chất lượng tốt để nhân ra diện rộng tạo thành sản phẩm hàng hoá; giữ nguyên hiện trạng diện tích mơ hiện có; khuyến khích các hộ gia đình trồng các loại cây ăn quả mới như: Xoài, hồng, chuối ...

- Duy trì sản xuất mía đường ở một số địa phương có truyền thống như: Điện Quan, Cam Cọn... Nếu có nhà máy sản xuất dứa, có thị trường tiêu thụ sẽ phát triển thêm cây dứa. Đồng thời nghiên cứu đưa cây dâu tằm trồng ở một số xã có điều kiện vì đã có nhà máy chế biến dâu tằm và thị trường ổn định.

+ Phát triển chăn nuôi theo hướng kiêm dụng:

- Phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng tăng đầu đàn, tập chung cho đàn trâu, bò, lợn, ngựa, dê. Đến năm 2005 có 16.400 con trâu, 1.500 con bò, 46.000 con lợn... chú trọng phát triển đàn trâu địa phương, cải tạo giống bò theo hướng sin hoá, nghiên cứu thử nghiệm nuôi bò sữa ... Để tận dụng các diện tích đồng cỏ, tăng sức kéo và có sản phẩm hàng hoá trao đổi với các tỉnh bạn; Đàn gia cầm cần được lai tạo và đầu tư các giống mới

theo hướng thịt - trứng, cần chủ động cải tạo đàn lợn lai tại địa phương theo hướng nạc hoá để phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

- Tận dụng mọi diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích nhân dân sản xuất theo mô hình V.A.C.R; cấp ủy và chính quyền các cấp tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc giao đất cho nhân dân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông - lâm nghiệp.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nhân dân tích cực phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, có quy định tiêm phòng bắt buộc đối với một số loại bệnh gia súc nguy hiểm, hay lây lan.

+ Phát triển sản xuất lâm nghiệp:

- Tuy đã đạt tỷ lệ che phủ 35,32%, nhưng diện tích đất trống đồi núi trọc ở các địa phương và trong toàn huyện vẫn còn nhiều. Nhân dân địa phương vẫn chưa bỏ tập quán tự do khai thác, phá rừng làm nương rẫy, chưa có nhận thức đầy đủ về công tác khoanh nuôi, bảo vệ, quản lý và khai thác nguồn lợi từ rừng.

- Vì vậy trong 5 năm tới cần tiếp tục thực hiện Nghị định 163 của Chính phủ: Tiếp tục giao đất lâm nghiệp và đất có rừng để nhân dân quản lý, sử dụng. Khuyến khích mọi người dân tham gia nhận đất và kinh doanh trên đất rừng xây dựng, phát triển nhiều trang trại rừng để phát huy thế mạnh của miền núi. Mọi sản phẩm khai thác từ rừng trồng và rừng khoanh nuôi đều được nhà nước tạo điều kiện cho tiêu thụ thuận lợi. Cần tập chung phát triển các loại cây giống có gióng, cây nguyên liệu giấy sợi ở vùng thấp, ở vùng cao cần tập chung trồng các loại cây bản địa có chu kỳ dài như: Đinh, lát, trám, xoan...

b. Về phát triển kinh tế nông thôn:

+ Đầu tư xây dựng và củng cố cơ sở hạ tầng phù hợp:

- Đối với thủy lợi: Tiếp tục khảo sát và xây dựng thêm các công trình vừa và nhỏ có thể tưới, tiêu cho diện tích từ 3 ha trở lên, những công trình nhỏ hơn do nhân dân tự làm, nhà nước hỗ trợ một phần. Những cánh đồng ruộng có diện tích từ 5 ha trở lên có điều kiện thâm canh cao cần được ưu tiên làm kiên cố hoá kênh mương trước. Những công trình thủy lợi đã xuống cấp hoặc không còn đảm bảo đủ nước tưới, cần được sửa chữa, nâng cấp kịp thời.

- Đối với giao thông nông thôn: Trên các trục đường chính của các xã cần được kiên cố hoá cầu cống bằng bê tông cốt thép hoặc các cầu tràn liên hợp để không bị ách tắc giao thông, từng bước cấp phối hoá các đoạn đường chính. Các tuyến đường vào thôn bản do nhân dân tự làm là chính bằng nguồn huy động lao động công ích và đóng góp của nhân dân. Phần dùng mìn phá đá mở đường nông thôn do nhà nước hỗ trợ vật tư (thuốc nổ)

bằng nguồn ngân sách huyện. Các địa phương cần tổ chức lại Ban quản lý các công trình giao thông, thủy lợi để thường xuyên quản lý và tu sửa kịp thời những hư hỏng của công trình; phát huy lợi thế thủy điện nhỏ của các hộ gia đình.

- Đối với trường học, trạm y tế xã: Phấn đấu đến năm 2005 100% các lớp học cấp 2 có nhà xây kiên cố và bán kiên cố; 60% các lớp học cấp 1 có nhà xây kiên cố và bán kiên cố, có quy hoạch mặt bằng các trường học đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trạm y tế xã được cải tạo và xây dựng lại theo đúng quy định của Bộ Y tế.

+ Xây dựng thêm các công trình phúc lợi công cộng:

Ở các trung tâm xã cần quy hoạch và xây dựng một khu văn hoá gồm: Nhà đọc sách hoặc câu lạc bộ, sân vận động để thi đấu thể thao. Ở các thôn bản cũng cần giành một phần quỹ đất để xây dựng khu vui chơi thể thao của thanh thiếu niên thôn bản. Một số vùng còn lại của các xã chưa thu được truyền hình sẽ có kế hoạch lắp đặt thêm các trạm thu phát lại truyền hình, đến năm 2005 90% số thôn bản trong huyện được phủ sóng truyền hình, tiếp tục xây dựng các dự án đưa điện lưới quốc gia về nông thôn.

+ Phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp và chế biến sản phẩm:

Phát triển và duy trì một số ngành nghề truyền thống như: Rèn, mộc, quy hoạch và phát triển sản xuất vật liệu xây dựng tại các khu vực: Phố Ràng, Vĩnh Yên, Bảo Hà, Long Khánh. Từng bước đưa các công cụ chế biến nhỏ như sơ chế chè, chế biến tinh bột sắn, xay xát vào các vùng nông thôn, phát triển làng nghề dệt thổ cẩm truyền thống vào một số địa phương trong huyện. Xây dựng thí điểm công trình ủ phân trong chăn nuôi để thu hồi phí Bi ô ga phục vụ sinh hoạt tại thị trấn Phố Ràng, Bảo Hà.

+ Tăng cường các dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất:

Dịch vụ khoa học kỹ thuật: Tiếp tục xây dựng củng cố hệ thống khuyến nông, khuyến lâm ở cơ sở để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân.

Dịch vụ vật tư: Tổ chức các điểm cung ứng vật tư (Giống, phân bón, thuốc trừ sâu) đến tận các trung tâm xã và các xã có diện tích canh tác lớn với giá ưu đãi của Nhà nước.

+ Dịch vụ đầu ra, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm:

- Phát triển thị trường nông thôn để tăng cường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân bằng hệ thống chợ nông thôn ở các xã.

- Tổ chức mạng lưới cung cấp thông tin về thị trường cho nông thôn; tổ chức mạng lưới các điểm thu mua nông sản phẩm theo chương trình của tỉnh.

+ Phát triển và củng cố mối quan hệ sản xuất nông thôn bằng việc củng cố và xây dựng các hình thức hợp tác.

III. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2001 - 2005

1. Nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp:

Cấp ủy các cấp cần xây dựng Nghị quyết phát triển kinh tế từng thời kỳ của địa phương mình tập chung lãnh đạo, chỉ đạo đưa Nghị quyết của cấp ủy. Chính quyền các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của cấp ủy trên cơ sở theo đúng pháp luật của Nhà nước và các chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên giao.

2. Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo hướng dẫn nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Những vấn đề không còn phù hợp cần được báo cáo lên cấp trên kịp thời để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể quần chúng, thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để có hướng chỉ đạo cho phù hợp.

3. Từng bước nâng cao dân trí bằng các biện pháp: Bồi dưỡng văn hoá, đưa thông tin về cơ sở, đưa các hộ nông dân đi tham quan, học tập các điển hình tiên tiến trong và ngoài huyện, tăng cường đưa khuyến nông, khuyến lâm xuống cơ sở.

4. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ nhân dân các yếu tố đầu vào trong sản xuất, từng bước tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm nông lâm nghiệp, tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng như: Thủy lợi, giao thông, chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

5. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức quản lý từ cán bộ thôn bản đến cán bộ cấp ủy và chính quyền cấp xã, thị trấn đảm bảo đủ tiêu chuẩn như Nghị quyết TW 3 (khoá VIII) đã qui định.

6. Tổ chức cho nhân dân vay vốn kịp thời, hướng dẫn nhân dân sử dụng đúng mục đích để có hiệu quả kinh tế cao, bảo toàn vốn.

7. Thực hiện rà soát quy hoạch đất đai, phân vùng kinh tế của toàn huyện, xác định các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng trồng cây, con dài ngày, ngắn ngày... từ đó có kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, bố trí sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả cao.

IV. Tổ chức thực hiện

- Căn cứ vào Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2001 2005 của Ban Chấp hành Huyện ủy khoá XII. Cấp ủy và chính quyền các địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp cần tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển

nông nghiệp - nông thôn, đồng thời tổ chức kiểm điểm, đánh giá lại thực trạng tình hình phát triển nông nghiệp nông thôn của từng địa phương trong thời gian qua, từ đó xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết cho từng thời kỳ về phát triển nông nghiệp - nông thôn của từng ngành, từng địa phương.

- Từng địa phương, từng ngành định kỳ 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về Ban Thường vụ Huyện ủy để rút kinh nghiệm và có biện pháp chỉ đạo kịp thời nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ 12 đã đề ra.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

QUYẾT ĐỊNH

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 134-QĐ/HU, ngày 19 tháng 04 năm 2001
Về việc kiểm tra thực hiện quy chế cấp ủy cơ sở

Căn cứ vào Điều lệ Đảng quy định.

Căn cứ vào Kế hoạch kiểm tra số 01 - KH/HU ngày 06/4/2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc kiểm tra việc thực hiện quy chế của cấp ủy cơ sở.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

* Điều I : Thành lập đoàn (tổ) kiểm tra của Huyện ủy để thực hiện Kế hoạch kiểm tra số 01-KH/HU ngày 06/4/2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở. Đoàn kiểm tra gồm có:

- Tổ 1 gồm:

1. Đ/c Phạm Thị Sinh - Ủy viên UBKT Huyện ủy: Tổ trưởng.
2. Đ/c Khổng Văn Bảo - Phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy: Tổ viên

- Tổ 2 gồm:

1. Đ/c Bùi Đình Thành - Ủy viên UBKT Huyện ủy: Tổ trưởng
2. Đ/c Phạm Duy Thịnh - Cán bộ UBKT Huyện ủy: Tổ viên

* Điều II : Đoàn (tổ) kiểm tra của Huyện ủy có trách nhiệm hoàn thành các nội dung của cuộc kiểm tra được nêu trong Kế hoạch số 01-KH/HU ngày 06/4/2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

* Điều III : Thủ trưởng các cơ quan, cấp ủy các Chi, Đảng bộ và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 226-QĐ/HU, ngày 28 tháng 05 năm 2001
V/v thành lập Ban Chỉ đạo để kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Căn cứ Chỉ thị số 30 - CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Nghị định 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998, Nghị định 71/1998/NĐ-CP ngày 08/9/1998 và Nghị định 07/1999/NĐ-CP ngày 13/02/1999 của Chính Phủ về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Căn cứ công văn số 412 - CV/TW ngày 15/02/2000 của Bộ Chính trị hướng dẫn tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị giao Ban ngày 18/5/2001 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

* Điều I : Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở gồm các đồng chí sau:

1. Đ/c Nguyễn Gia Lợi - Phó Bí thư TT Huyện ủy làm Trưởng Ban

2. Đ/c Hoàng Văn Thoại - Ủy viên BTV - T. Ban Dân vận - Dân tộc làm Phó Ban.

3. Đ/c Lê Văn Lạc - Huyện ủy viên - Phó Chủ tịch UBND huyện làm Phó Ban

4. Đ/c Đỗ Lê Tín - Ủy viên BTV - Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy: Ủy viên

5. Đ/c Hoàng Văn Đao - Huyện ủy viên - Chủ tịch UBMTTQ huyện: Ủy viên

6. Đ/c Trịnh Hồng Duyệt - Huyện ủy viên - Chánh VP HĐND - UBND: Ủy viên

7. Đ/c Phạm Ngọc Lương - Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện: Ủy viên

8. Đ/c Bàn Văn Tòng - Chánh Thanh tra huyện: Ủy viên

9. Đ/c Ngô Thị Ninh - Huyện ủy viên - Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện: Ủy viên

10. Đ/c Nguyễn Ngọc Huân - Huyện ủy viên - C. tịch Hội Nông dân huyện: Ủy viên

11. Đ/c Nguyễn Thị Thu - Huyện ủy viên - Bí thư Huyện đoàn: Ủy viên

12. Đ/c Mai Tiến Đức - Trưởng phòng Tư pháp huyện: Ủy viên

13. Đ/c Nguyễn Đình Thi - Trưởng phòng Tổ chức - LĐXH huyện: Ủy viên

14. Đ/c Hoàng An Diên - Trưởng Đài Truyền thanh - TH huyện: Ủy viên 15. Đ/c Đào Khắc Tộ - Phó chủ tịch Hội Cựu Chiến binh huyện: Ủy viên

16. Đ/c Hà Trọng Luân - Ủy viên BTV - Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy: Ủy viên

17. Đ/c Đặng Văn Dụng - Huyện ủy viên - Chánh VP Huyện ủy: Ủy viên

* Điều II: Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo:

- Tổ chức thực hiện Chỉ thị số 30 - CT/TW ngày 18/02/1998 của Ban Chấp hành Trung ương; Nghị định 29/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1999; Nghị định 71/1998/NĐ-CP ngày 08/9/1998 và Nghị định 07/1999/NĐ-CP ngày 13/02/1999 của Chính Phủ về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch của Huyện ủy về việc tổ chức kiểm tra thực hiện " Chỉ thị về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ".

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí Ủy viên Ban Chỉ đạo kiểm tra Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Giúp Huyện ủy sơ kết, tổng kết về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

* Điều III: Các đồng chí Bí thư các Chi, Đảng bộ trực thuộc, Trưởng các Ban Xây dựng Đảng, Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 231-QĐ/HU, ngày 30 tháng 07 năm 2001
V/v thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình quy hoạch, đánh giá bổ nhiệm lại, sắp xếp, luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII nhiệm kỳ 2000-2005,

Thực hiện nội dung kế hoạch số 07 ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên về việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2005 của Đảng bộ huyện khoá XII,

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

* Điều I : Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình quy hoạch, đánh giá bổ nhiệm lại, sắp xếp, luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở gồm các đồng chí sau đây:

1. Đ/c Vi Lam Sơn - Ủy viên BCH Tỉnh ủy - Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban.

2. Đ/c Nguyễn Gia Lợi - Phó Bí thư TT Huyện ủy làm Phó ban thường trực.

3. Đ/c Hoàng Ngọc Chuyên - Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện làm Phó ban

4. Đ/c Đỗ Lê Tín - Ủy viên BTV - Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy: Thành viên

5. Đ/c Đặng Xuân Thiều - Ủy viên BTV - Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy: Thành viên

6. Đ/c Nguyễn Đình Thi - Trưởng phòng Tổ chức - LĐXH: Thành viên

* Điều II : Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo:

- Căn cứ nội dung kế hoạch số 07 ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng chương trình kế hoạch trình Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt.

- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình; 6 tháng sơ kết một lần báo cáo về Ban Thường vụ Huyện ủy; Nội dung cụ thể như sau: Kết quả

đã làm được, những vấn đề chưa làm được, những kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc đề xuất biện pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo.

* Điều III : Đồng chí Chánh Văn phòng Huyện ủy, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy. Các Chi, Đảng bộ trực thuộc và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2001./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 234-QĐ/HU, ngày 30 tháng 07 năm 2001
V/v thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ môi trường và xã hội giai đoạn 2000 - 2005

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII nhiệm kỳ 2000-2005.

- Thực hiện nội dung kế hoạch số 07 ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên về việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2005 của Đảng bộ huyện khoá XII.

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

* Điều I : Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển Văn hoá, Giáo dục, Khoa học công nghệ môi trường và xã hội giai đoạn 2000 - 2005 gồm các đồng chí sau đây:

1. Đ/c Lê Văn Lạc - Ủy viên BCH - Phó Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban

2. Đ/c Nguyễn Việt Hoàn - Ủy viên BCH - Trưởng phòng VHTTTT làm Phó ban TT

3. Đ/c Hoàng Trọng - Trưởng phòng Giáo dục - Đào tạo: Thành viên

4. Đ/c Nguyễn Xuân Dựng - Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thành viên

5. Đ/c Đặng Thị Nhu - Trưởng phòng Tài chính thương nghiệp: Thành viên

6. Đ/c Hà Thị Phú - Ủy viên BTV - Phó Chủ tịch HĐND huyện: Thành viên

7. Đ/c Hà Trọng Luân - Ủy viên BTV - Trưởng ban Tuyên giáo: Thành viên

8. Đ/c Mông Hữu Giao - Ủy viên BCH - Giám đốc Trung tâm Y tế: Thành viên

9. Đ/c Nguyễn Đình Thi - Trưởng phòng Tổ chức - LĐXH: Thành viên

10. Đ/c Phạm Văn Sáng - Trưởng phòng Công nghiệp xây dựng:

Thành viên

* Điều II : Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo:

- Căn cứ nội dung kế hoạch số 07 ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng chương trình kế hoạch trình Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt.

- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình; 6 tháng sơ kết một lần báo cáo về Ban Thường vụ Huyện ủy; Nội dung cụ thể như sau: Kết quả đã làm được, những vấn đề chưa làm được, những kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc đề xuất biện pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo.

* Điều III : Đồng chí Chánh Văn phòng Huyện ủy, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy. Các Chi, Đảng bộ trực thuộc và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2001./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 424-QĐ/HU, ngày 03 tháng 04 năm 2002
Về việc kiểm tra thực hiện quy chế cấp ủy cơ sở

Căn cứ Điều lệ Đảng quy định,

Căn cứ Kế hoạch kiểm tra số 21-KH/HU ngày 13/03/2002 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc kiểm tra thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

* Điều I: Thành lập Đoàn (Tổ) kiểm tra của Huyện ủy để thực hiện kế hoạch kiểm tra số 13 ngày 13/03/2002 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc kiểm tra thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở. Đoàn (Tổ) kiểm tra gồm có:

Tổ 1 gồm:

1. Đ/c Đặng Xuân Thiều - Ủy viên BTV Huyện ủy: Tổ trưởng
2. Thành viên của Ban Tổ chức Huyện ủy.

Tổ 2 gồm:

1. Đ/c Phạm Thị Sinh - Ủy viên UBKT Huyện ủy: Tổ Trưởng
2. Thành viên Ban Tuyên Giáo Huyện ủy.

* Điều II: Đoàn (Tổ) kiểm tra của Huyện ủy có trách nhiệm hoàn thành các trong kế hoạch số 21-KH/HU ngày 13/03/2002 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

* Điều III: Các Ban xây dựng Đảng, cấp ủy các Chi, Đảng bộ và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 511-QĐ/HU, ngày 07 tháng 05 năm 2002
Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng mô hình điểm, bản văn hoá huyện Bảo Yên

---

Căn cứ Quyết định số 168-QĐ/TU ngày 26/11/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về việc ban hành Qui định về phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ.

Thực hiện Kế hoạch số 23-KH/HU ngày 17/4/2002 của Huyện ủy Bảo Yên về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 09 - NQ/TU về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005.

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng mô hình điểm văn hoá ở bản 5 Thâu (xã Xuân Thượng) và bản Qua 2 (xã Xuân Hoà) gồm các đồng chí:

1. Đồng chí: Nguyễn Gia Lợi - Phó Bí thư thường trực làm Trưởng ban.

2. Đồng chí: Hoàng Văn Thoại - Trưởng ban Dân vận - Dân tộc làm Phó ban TT.

3. Đồng chí: Lê Văn Lạc - Phó Chủ tịch UBND huyện làm Phó ban.

4. Đồng chí: Hoàng Văn Đạo - Chủ tịch UBMTTQ huyện làm Ủy viên.

5. Đồng chí: Đỗ Thị Khanh - Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT làm Ủy viên.

6. Đồng chí: Nguyễn Văn Toàn - Trưởng Ban Định canh định cư làm Ủy viên.

7. Đồng chí: Nguyễn Việt Hoàn - Trưởng phòng Văn hoá - TT - TT làm Ủy viên.

8. Đồng chí: Nguyễn Xuân Dựng - Trưởng phòng Kế hoạch làm Ủy viên.

Điều 2 : Ban Chỉ đạo có trách nhiệm khảo sát điều tra nắm tình hình thực tế ở 02 bản, lập kế hoạch triển khai thực hiện.

Điều 3 : Văn phòng Huyện ủy, hai xã trên, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ
Vi Lam Sơn

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 555-QĐ/HU, ngày 14 tháng 06 năm 2002

V/v thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm

---

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/TW ngày 09/5/2002 của Ban Bí thư về việc kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân và Kế hoạch số 02-KH/TW ngày 09/5/2002 của Ban Bí thư về việc kiểm tra việc lãng đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định số 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị, khoá VIII (nay là Quy định số 19-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm),

Căn cứ vào Kế hoạch của Tỉnh ủy Lào Cai về triển khai thực hiện,

Căn cứ vào kết luận của đồng chí Bí thư Huyện ủy tại cuộc họp Ban Thường vụ ngày 13/6/2002,

Xét đề nghị của UBKT Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định số 5 -QĐ/TW ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm (nay là Quy định số 19-QĐ/TW) gồm các đồng chí sau:

1. Đ/c Vi Lam Sơn: UV BCH Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy - Trưởng Ban

2. Đ/c Hoàng Ngọc Chuyên: PBT - Chủ tịch UBND huyện - Phó Trưởng Ban

3. Đ/c Nguyễn Gia Lợi: Phó Bí thư TT Huyện ủy - Phó Trưởng ban.

4. Đ/c Vũ Đức Nhuận: HUV - Phó CN UBKT Huyện ủy - Phó Trưởng Ban TT

Các thành viên:

5. Đ/c Hà Thị Phú: Ủy viên BTV - Phó Chủ tịch HĐND huyện.

6. Đ/c Bàn Văn Tòng: Chánh Thanh tra huyện.

7. Đ/c Bàn Quang Thảo: Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân huyện.

8. Đ/c Đặng Văn Dụng: Huyện ủy viên - Chánh Văn phòng Huyện ủy.

9. Đ/c Đức Nguyễn Đình Thi: Trưởng Phòng Tổ chức - LĐTBXH huyện.

10. Đ/c Trần Yên: Phó trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

11. Đ/c Hoàng Kim Thệ: Phó trưởng Ban Dân vận - Dân tộc Huyện ủy.

Điều 2: Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra theo Kế hoạch số 01, 02-KH/TW ngày 0.5.2002 của Ban Bí thư Trung ương và Kế hoạch kiểm tra của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên.

Điều 3: Văn phòng Huyện ủy, UBKT Huyện ủy, các chi, đảng bộ trực thuộc và những đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 556-QĐ/HU, ngày 20 tháng 06 năm 2002
V/v kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

- Căn cứ Hướng dẫn số 145 - HD/BDV ngày 15/4/2002 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ của Trung ương,

- Thực hiện Nghị quyết Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 13/6/2002 về kiện toàn Ban Chỉ đạo huyện về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở,

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức, Ban Dân vận - Dân tộc Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
QUYẾT ĐỊNH

Điều **I**: Kiện toàn Ban Chỉ đạo của huyện về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, gồm 15 đồng chí.

(có danh sách kèm theo Quyết định này)

Điều II: Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Ban Chỉ đạo do đồng chí Trưởng ban phân công.

Quyết định này thay thế Quyết định số 122/QĐ-UB ngày 26/4/1999 của UBND huyện về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Điều III: Văn phòng Huyện ủy, các cấp ủy cơ sở, chính quyền xã, thị trấn trong huyện, các cơ quan, ban, ngành của huyện, các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

DANH SÁCH

Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

(kèm theo Quyết định số 556-QĐ/HU ngày 20 *tháng 6 năm 2002)*

---

1. Đ/c Nguyễn Gia Lợi - PBTTT Huyện ủy -Trưởng ban
2. Đ/c Lê Văn Lạc - PCT UBND huyện -Phó ban
3. Đ/c Hoàng Văn Thoại - Trưởng Ban DV - DT Huyện ủy - Phó ban TT
4. Đ/c Nguyễn Đình Thi - Trưởng phòng TC - LĐTBXH - Phó Ban
5. Đ/c Hoàng Văn Đạo - Chủ tịch UBMTTQVN huyện- Ủy viên
6. Đ/c Ngô Thị Ninh - Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện- Ủy viên
7. Đ/c Nguyễn Ngọc Huân - Chủ tịch Hội Nông dân huyện- Ủy viên
8. Đ/c Nguyễn Thị Thu - Bí thư Huyện đoàn- Ủy viên
9. Đ/c Nguyễn Hồng Kim - Chủ tịch Hội CCB huyện- Ủy viên
10. Đ/c Phạm Ngọc Lương - Chủ tịch LĐLĐ huyện- Ủy viên
11. Đ/c Hà Trọng Luân - Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy- Ủy viên
12. Đ/c Nguyễn Việt Hoàn - Trưởng phòng VH - TT - TT- Ủy viên
13. Đ/c Hoàng An Diên - Trưởng Đài TT - TH huyện- Ủy viên
14. Đ/c Mai Tiến Đức - Trưởng phòng Tư pháp huyện- Ủy viên
15. Đ/c Bàn Văn Tòng - Chánh Thanh tra huyện- Ủy viên

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 562-QĐ/HU, ngày 11 tháng 07 năm 2002

- Căn cứ Điều lệ Đảng quy định,

- Căn cứ Kế hoạch kiểm tra số 30-KH/HU ngày 02/7/2002 của Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên về việc tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch số 01, 02-KH/TW ngày 09/5/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và KH/TU về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và Quy định số 55-QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập 02 (hai) tổ kiểm tra của Huyện ủy để thực hiện Kế hoạch số 01-KH/HU ngày 02/7/2002 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch số 01, 02-KH/TW. Đoàn kiểm tra gồm có:

- Tổ 1:

1. Đ/c Nguyễn Đình Thi - Trưởng phòng TC-TBXH huyện: Tổ trưởng
2. Đ/*c* Trần Văn Khải - Phó Chánh Thanh tra NN huyện: Tổ phó
3. Đ/c Hoàng Kim Thệ - Phó Ban Dân vận-Dân tộc Huyện ủy: Tổ viên
4. Đ/c Khổng Văn Bảo - Phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy: Tổ viên

Thực hiện việc kiểm tra 02 Đảng bộ: Đảng bộ thị trấn Phố Ràng và Đảng bộ xã Thượng Hà.

Tổ 2:

1. Đ/c Vũ Đức Nhuận - Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy: Tổ trưởng
2. Đ/c Trần Yên - Phó Ban Tổ chức Huyện ủy: Tổ phó
3. Đ/c Đặng Văn Dụng - Chánh văn phòng Huyện ủy: Tổ viên
4. Đ/c Phạm Duy Thịnh - Cán bộ kiểm tra: Tổ viên

Thực hiện việc kiểm tra Đảng bộ Lâm trường và Chi bộ Chi cục thuế.

Điều 2: Tổ kiểm tra của Huyện ủy có trách nhiệm hoàn thành các nội dung của cuộc kiểm tra được nêu trong Kế hoạch số 01-KH/HU ngày 02/7/2002 của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Điều 3: Thủ trưởng các cơ quan, cấp ủy các chi, đảng bộ và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 804-QĐ/HU, ngày 21 tháng 02 năm 2003

Về việc thành lập Ban Chỉ đạo khảo sát xây dựng kế hoạch củng cố toàn diện 06 xã trong huyện còn nhiều khó khăn

---

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và Chương trình công tác của Ban Chấp hành Huyện ủy (khoá XII nhiệm kỳ 2000 - 2005),

- Căn cứ Thông báo số 531-TB/TW ngày 06/02/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Lào Cai,

- Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN Ủy QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Thành lập Ban Chỉ đạo khảo sát xây dựng kế hoạch củng cố toàn diện 06 xã *(có danh sách kèm theo)* trong huyện còn nhiều khó khăn, gồm các đồng chí có tên sau:

1. Đ/c: Nguyễn Gia Lợi - Phó Bí thư thường trực Huyện ủy - Trưởng ban.

2. Đ/c: Lê Văn Lạc - Huyện ủy viên-Phó Chủ tịch UBND huyện - Phó ban thường trực.

3. Đ/c: Đỗ Lê Tín - Ủy viên thường vụ - Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy - Phó ban.

4. Đ/c: Hoàng Văn Thoại - Ủy viên thường vụ - Trưởng ban DV- DT - Phó ban.

5. Đ/c: Vi Văn Khoa - Ủy viên thường vụ - Trưởng Công an huyện - Ủy viên.

6. Đ/c: Trịnh Hồng Duyệt - Huyện ủy viên-Trưởng phòng Nông-Lâm nghiệp - Ủy viên.

7. Đ/c: Nguyễn Đình Thi - Trưởng phòng TC- LĐXH huyện - Ủy viên.

8. Đ/c: Hoàng Đức Ngọt - Ủy viên thường vụ-Chỉ huy trưởng BCHQS huyện-Ủy viên

9. Đ/c: Nguyện Thị Thu - Huyện ủy viên - Bí thư Huyện đoàn - Ủy viên.

10. Đ/c: Đặng Thị Nhu - Trưởng phòng KH - TC - TM - Ủy viên.

11. Đ/c: Hoàng Văn Đao - Huyện ủy viên - Chủ tịch MTTQ huyện - Ủy viên.

12. Đ/c: Hà Thế Viện - Bí thư Đảng ủy xã Yên Sơn - Ủy viên.

13. Đ/c: Hoàng Tiến Lục - Bí thư Đảng ủy xã Thượng Hà - Ủy viên.

14. Đ/c: Lý Văn Chấn - Bí thư Đảng ủy xã Điện Quan - Ủy viên.

15. Đ/c: Hà Xuân Mùi - Bí thư Đảng ủy xã Kim Sơn - Ủy viên.

16. Đ/c: Hứa Kim Đạo - Bí thư Đảng ủy xã Xuân Thượng - Ủy viên.

17. Đ/c: Nguyễn Tiến Sy - Bí thư Đảng ủy xã Vĩnh Yên - Ủy viên.

Điều II: Nhiệm vụ cụ thể từng thành viên do đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

- Trưởng Ban Chỉ đạo trưng tập một số cán bộ trong huyện giúp việc Ban Chỉ đạo. Kinh phí phục vụ cho đợt khảo sát điều tra do tỉnh cấp và hướng dẫn chi theo chế độ chính sách quy định.

Điều III**:** Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát đánh giá thực trạng tình hình các lĩnh vực kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị của các xã.

- Qua khảo sát định ra những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu cần giải quyết trong thời gian tới; Trước mắt là năm 2003; từ đó đề xuất chủ trương giải pháp củng cố các lĩnh vực còn yếu kém.

- Thời gian hoàn thành nhiệm vụ trước ngày 10/03/2003.

Điều IV: Các đồng chí Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy, Chánh Văn phòng Huyện ủy, các cơ sở, phòng ban trong huyện cùng các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Ghi chú: Mời họp Ban Chỉ đạo vào 7h30 sáng ngày 24 tháng 02 năm 2003 tại tầng 3 trụ sở Huyện ủy./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

DANH SÁCH CÁC XÃ

(*Kèm theo Quyết định số: 804- QĐ/HU ngày21 tháng 02 năm 2003*)

1. Xã Yên Sơn
2. Xã Kim Sơn
3. Xã Điện Quan
4. Xã Thượng Hà
5. Xã Xuân Thượng
6. Xã Vĩnh Yên.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 996-QĐ/HU, ngày 28 tháng 07 năm 2003
V/v thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra việc "lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí"

- Căn cứ Hướng dẫn số 14-HD/KTTW ngày 20 tháng 6 năm 2003 của Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Căn cứ Quyết định số 168-QĐ/TU ngày 26 tháng 11 năm 2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về phân cấp tổ chức, cán bộ.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra việc "Lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí" huyện Bảo Yên gồm các đồng chí có tên sau:

1. Đ/c Nguyễn Gia Lợi - Phó Bí thư TT Huyện ủy: Trưởng ban
2. Đ/c Đặng Xuân Thiều - TV - Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy: Phó ban TT
3. Đ/c Nguyễn Tiến Dũng - TV - PCT UBND huyện: Phó trưởng ban
4. Đ/c Đỗ Lê Tín - TV - Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy: Ủy viên
5. Đ/c Hoàng Văn Thoại - TV - Trưởng Ban DV - DT Huyện ủy: Ủy viên
6. Đ/c Đặng Văn Dụng - HUV - Chánh VP Huyện ủy: Ủy viên
7. Đ/c Vũ Đức Nhuận - HUV - Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy: Ủy viên
8. Đ/c Nguyễn Xuân Quang - Chánh VP HĐND - UBND: Ủy viên
9. Đ/c Đặng Thị Nhu - Trưởng phòng KH - TC - TM: Ủy viên
10. Đ/c Bàn Văn Tòng - Chánh Thanh tra: Ủy viên

Điều II:

+ Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo căn cứ vào Hướng dẫn số 114-HD/KTTW ngày 20/6/2003 của Ban Chỉ đạo kiểm tra của Ban Bí thư để triển khai thực hiện.

+ Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

+ Giao cho UBKT Huyện ủy giúp Ban Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, xác định điểm kiểm tra và dự kiến thành viên các đoàn kiểm tra.

+ UBKT Huyện ủy giúp Ban Chỉ đạo dự thảo hướng dẫn các tổ chức cơ sở Đảng trong phạm vi toàn huyện tiến hành tự kiểm tra và báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

Điều III: Các đồng chí Trưởng Ban Tổ chức, Chánh Văn phòng, UBKT Huyện ủy và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 999-QĐ/HU, ngày 01 tháng 08 năm 2003
V/v thành lập Đoàn công tác chỉ đạo phong trào
"Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở 6 xã còn nhiều khó khăn

Căn cứ điểm 2, điều 14 Điều lệ Đảng khóa IX) qui định,
Căn cứ phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ,
Căn cứ Nghị quyết Ban Thường vụ Huyện ủy họp ngày 24/7/2003,
Theo đề nghị của Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều I**:** Thành lập Đoàn công tác chỉ đạo phong trào "Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc" ở 06 xã: Điện Quan, Thượng Hà, Kim Sơn, Yên Sơn, Xuân Thượng, Vĩnh Yên, gồm các đồng chí có tên trong danh sách kèm theo.

Điều II: Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí thành viên trong Đoàn công tác do đồng chí Trưởng đoàn phân công. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm thanh toán lương, tiền công tác phí cho các cán bộ tham gia Đoàn công tác.

Điều III**:** Văn phòng, Ban Tổ chức Huyện ủy, cơ quan có cán bộ tham gia Đoàn công tác và các cá nhân có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

DANH SÁCH

Đoàn công tác chỉ đạo phong trào Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở 6 xã còn nhiều khó khăn

(*Kèm theo Quyết định số 994-QĐ/HU ngày 01/8/2003)*

1. Đ/c Nguyễn Gia Lợi - Phó Bí thư TT: Trưởng đoàn
2. Đ/c Vi Khoa - Trưởng Công an huyện: Phó trưởng đoàn (Thường trực)
3. Đ/c Hoàng Văn Đao - Chủ tịch MTTQ: Phó trưởng đoàn
4. Đ/c Hoàng Văn Thoại - Trưởng Ban DV - DT Huyện ủy: Phó trưởng đoàn
5. Đ/c Hoàng Đức Ngọt - Chỉ huy trưởng QS huyện: Thành viên
6. Đ/*c* Ngô Thị Ninh - Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện: Thành viên
7. Đ/c Nguyễn Thị Thu - Bí thư Huyện đoàn: Thành viên
8. Đ/c Đỗ Thị Khanh - Chủ tịch Hội Nông dân: Thành viên
9. Đ/c Nguyễn Hồng Kim - Chủ tịch Hội CCB huyện: Thành viên
10. Đ/c Nguyễn Việt Hoàn - Trưởng Phòng VH - TT - TT: Thành viên
11. Đ/c Phạm Thị Nhung - Trưởng Đài TT - TT huyện: Thành viên
12. Đ/c Lý Văn Chấn - Bí thư Đảng ủy xã Điện Quan: Thành viên
13. Đ/c Hoàng Tiến Lục - Bí thư Đảng ủy xã Thượng Hà: Thành viên
14. Đ/c Hà Xuân Mùi - Bí thư Đảng ủy xã Kim Sơn: Thành viên
15. Đ/c Hà Thế Viện - Bí thư Đảng ủy xã Yên Sơn: Thành viên
16. Đ/c Hứa Kim Đạo - Bí thư Đảng ủy xã Xuân Thượng: Thành viên
17. Đ/c Nguyễn Tiến Sy - Bí thư Đảng ủy xã Vĩnh Yên: Thành viên

** Chú ý: Các đồng chí trong Đoàn công tác chủ động lập kế hoạch của đơn vị, cơ sở mình để trình bày phương án hoạt động tại phiên họp đầu tiên của Đoàn công tác..*

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 1402-QĐ/HU, ngày 03 tháng 08 năm 2004
V/v thành lập Ban Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cán bộ

- Căn cứ Quyết định số 168-QĐ/TU ngày 26 tháng 11 năm 2001 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Lào Cai về việc quy định phân cấp quản lý, tổ chức cán bộ,

- Căn cứ Hướng dẫn số 23-HD/BBVCSSK cán bộ ngày 18 tháng 5 năm 2004 về việc thành lập Ban Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cán bộ huyện Bảo Yên,

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Thành lập Ban Bảo vệ sức khoẻ cán bộ huyện Bảo Yên gồm các đồng chí:

1. Đồng chí: Trần Văn Yên - HUV Phó Ban Tổ chức Huyện ủy làm Trưởng ban

2. Đồng chí: Mông Hữu Giao - HUV - Giám đốc TT y tế làm Phó ban

3. Đồng chí: Nguyễn Anh Chuyên - Chánh Văn phòng huyện ủy làm ủy viên

4. Đồng chí: Đặng Thị Nhu - Trưởng phòng KHTC- TM làm ủy viên

5. Đồng chí: Nguyễn Khắc Tuấn-Bác sĩ Khoa Khám bệnh - Trung tâm Y tế huyện làm ủy viên

6. Đồng chí: Nguyễn Thị Loan Phượng - cán bộ TT Y tế huyện làm ủy viên

7. Đồng chí: Đào Thúy Mai - Kế toán Văn phòng Huyện ủy làm ủy viên

Điều II: Ban Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cán bộ có trách nhiệm tham mưu giúp cấp ủy huyện, xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ công tác của Ban BVCSSK huyện. Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên do trưởng ban phân công.

Điều III: Văn phòng huyện ủy, Ban Tổ chức huyện ủy, Trung tâm Y tế huyện, các cơ quan liên quan và các đồng chí có tên trong điều I căn cứ Quyết định thi hành./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ
Hoàng Ngọc Chuyên

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 1768-QĐ/HU, ngày 28 tháng 04 năm 2005
Về việc thành lập Tiểu Ban Bảo vệ và phục Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Yên, khóa XIII, Nhiệm kỳ 2005 - 2010

- Căn cứ Quyết định số 168-QĐ/TU ngày 26/11/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ,

- Căn cứ Thông báo số 191-TB/HU ngày 21/01/2005 Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 40 về việc thành lập các Tiểu ban chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2005 - 2010),

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Huyện ủy.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Thành lập Tiểu Ban Bảo vệ - phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa XIII (nhiệm kỳ 2005 - 2010) gồm các đồng chí có tên sau:

1/ Đồng chí Nguyễn Tiến Dũng - Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện làm trưởng Tiểu ban.

2/ Đồng chí Vi Văn Khoa - UV BTV Huyện ủy - Trưởng Công an huyện làm phó Tiểu ban phụ trách công tác bảo vệ.

3/ Đồng chí Nguyễn Anh Chuyên - UV Ban Chấp hành Huyện ủy Chánh Văn phòng Huyện ủy -Phó Tiểu ban phụ trách công tác phục vụ.

*** Các ủy viên**

4/ Đồng chí Hoàng Đức Ngọt - UV BTV Huyện ủy - Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện.

5/ Đồng chí Mông Hữu Giao - UV Ban Chấp hành Huyện ủy - Giám đốc Trung tâm Y tế huyện;

6/ Đồng chí Ma Thị Sách - Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy.

7/ Đồng chí Trịnh Công Khương - Phó Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện.

8/ Đồng chí Đoàn Thế Xương - Phó Chánh Văn phòng Huyện ủy.

9/ Đồng chí Hoàng Ngọc Thanh - Phó Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện.

10/ Đồng chí Đỗ Hữu Chiến - Phó Giám đốc Kho bạc huyện.

11/ Đồng chí Nguyễn Văn Nhật - Trưởng phòng Giáo dục huyện.

12/ Đồng chí Đặng Xuân Nhu - Trưởng phòng Tài chính kế hoạch.

Điều II: Nhiệm vụ của Tiểu ban căn cứ Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 63-KH/HU ngày 21/01/2005 của Ban Thường vụ Huyện ủy, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng để tổ chức thực hiện.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Tiểu ban do Trưởng Tiểu ban phân công

Điều III: Ban Tổ chức Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy, các chi, đảng bộ trực thuộc, các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy, các cơ quan có liên quan và các đồng chí có tên trong Điều I căn cứ Quyết định thi hành./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Hoàng Ngọc Chuyên

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 1840-QĐ/HU, ngày 10 tháng 06 năm 2005
V/v ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị BCHTW6 (lần 2) khóa VIII của Huyện ủy Bảo Yên

---

- Căn cứ Kết luận Hội nghị TW4 (khóa IX) về việc "Tiếp tục thực hiện nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí";

- Căn cứ vào Quyết định số 169-QĐ/TU ngày 26 tháng 01 năm 2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ;

- Căn cứ Quyết định số 408-QĐ/TU ngày 27 tháng 8 năm 2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai và Quyết định số 1095A-QĐ/HU ngày 01 tháng 12 năm 2003 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thành lập Ban Chỉ đạo TW6 (2) của Huyện ủy Bảo Yên;

- Căn cứ vào Quyết định số 832-QĐ/TU ngày 18 tháng 5 năm 2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo TW6 (2) khóa VIII của Tỉnh ủy Lào Cai;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo TW6(2) của Huyện ủy Bảo Yên.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quyết định này ban hành theo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết TW6(2) của Huyện ủy.

Điều 2: Văn phòng Huyện ủy, các Ban XDĐ Huyện ủy, các chi, đảng bộ trực thuộc, các ngành, đoàn thể huyện và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định Quy chế số 761-QC/BCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Ban Chỉ đạo TW6 (2) của Huyện ủy./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

QUY CHẾ

QUY CHẾ LÀM VIỆC
của Ban Chỉ đạo TW6 (2) của Huyện ủy Bảo Yên

(Ban hành theo Quyết định số: 1840 QĐ/HU ngày 10 *tháng 6 năm 2005 của Ban Thường vụ Huyện ủy)*

I. Tổ chức, bộ máy

1. Ban Chỉ đạo TW6 (2) của Huyện ủy (sau đây gọi tắt là BCĐTW6(2) của Huyện ủy) được thành lập theo quyết định của Ban Thường vụ Huyện ủy là cơ quan tham mưu giúp việc Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thường xuyên theo dõi, chỉ đạo các cấp ủy cơ sở, tổ chức đảng các cấp trong việc triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong toàn Đảng bộ huyện. BCĐTW6(2) của Huyện ủy gồm có 12 thành viên: 1 đồng chí Trưởng ban, 1 đồng chí Phó trưởng ban, 1 đồng chí Phó trưởng Ban Chỉ đạo trực tiếp làm Trưởng bộ phận thường trực và 1 đồng chí Phó trưởng Ban Chỉ đạo làm Phó bộ phận thường trực và có 3 Ủy viên Ban Chỉ đạo tham gia bộ phận thường trực của Ban Chỉ đạo Huyện ủy.

2. BCĐTW6(2) của Huyện ủy khi hoạt động cần kinh phí được cấp theo nguồn kinh phí ngân sách Đảng.

3. BCĐTW6(2) của Huyện ủy có bộ phận thường trực kiêm nhiệm gồm các thành viên của Ban Chỉ đạo là 5 thành viên (do Ban Chỉ đạo phân công, thông báo).

II. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo:

1. Chức năng

BCĐTW6(2) Huyện ủy có chức năng tham mưu giúp Huyện ủy mà trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy cơ sở, các ngành, đoàn thể, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

2. Nhiệm vụ

- Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch công tác nhằm thúc đẩy cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí của huyện theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy.

- Phối hợp với các Ban XDĐ Huyện ủy tham mưu cho Huyện ủy về chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc tổ chức thực hiện cuộc vận động của các cấp ủy cơ sở, tổ chức Đảng và các ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị theo nội dung chương trình và kế hoạch đã đề ra.

- Giúp Ban Thường vụ Huyện ủy định kỳ 6 tháng và 1 năm kiểm điểm đánh giá tình hình, kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch về đẩy mạnh

cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong toàn Đảng bộ huyện. Tổ chức việc sơ kết, tổng kết, tham mưu, đề xuất các giải pháp tiếp tục chỉ đạo cuộc vận động theo từng thời gian để trình Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định.

- Trực tiếp chỉ đạo bộ phận thường trực giúp việc BCĐTW6(2) của Huyện ủy để thực hiện theo chức năng giúp việc cho Ban Thường vụ Huyện ủy trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Quyền hạn

- Chỉ đạo, kiểm tra và yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng cơ sở lãnh đạo đơn vị cung cấp tình hình, tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãnh phí, tiêu cực.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Thường vụ Huyện ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết xử lý các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, những việc nổi cộm, bức xúc ở các cơ sở trực thuộc Huyện ủy lãnh đạo và quản lý.

- Giúp Ban Thường vụ Huyện ủy chuẩn bị các gợi ý kiểm điểm tự phê bình và phê bình đối với tập thể cấp ủy và cá nhân lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý về những vấn đề liên quan đến nội dung thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãnh phí và khi phát hiệnh có dấu hiệu vi phạm.

- Phối hợp các Ban XDĐ Huyện ủy, các cấp ủy và tổ chức Đảng trực thuộc để triển khai thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chống tham nhũng, lãng phí.

- Được mời dự các cuộc họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng ủy, tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị để nắm tình hình truyền đạt chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Huyện ủy về tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

III. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, các Ủy viên bộ phận thường trực và các Ủy viên

1. Trưởng Ban Chỉ đạo:

- Phụ trách chung, trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Chỉ đạo việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí theo chương trình, kế hoạch công tác của Huyện ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy.

- Ký các văn bản của Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Huyện ủy về kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

2. Các Phó trưởng Ban Chỉ đạo:

- Cùng với Trưởng ban quản lý điều hành các hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Được Trưởng ban phân công chỉ đạo chuẩn bị một số nội dung các kỳ họp của Ban Chỉ đạo, xây dựng các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác của Ban Chỉ đạo và của Ban Thường vụ Huyện ủy; các báo cáo chuyên đề, báo cáo sơ, tổng kết việc thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong Đảng bộ huyện.

- Được thay mặt Trưởng ban ký một số văn bản của Ban Chỉ đạo; chủ trì các cuộc họp Ban Chỉ đạo khi trưởng ban phân công.

3. Trưởng bộ phận thường trực của Ban Chỉ đạo:

- Giúp Trưởng ban nắm tình hình và kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng của các cấp ủy, tổ chức Đảng ở các cơ sở trực thuộc Huyện ủy và thường xuyên báo cáo kết quả với Trưởng ban.

- Trực tiếp phụ trách, điều hành hoạt động của bộ phận thường trực của Ban Chỉ đạo. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng, nhiệm vụ và những công việc của Ban Chỉ đạo hoặc Ban Thường vụ Huyện ủy giao.

- Được ủy quyền ký các văn bản của Ban Chỉ đạo như: Báo cáo định kỳ tháng, quý gửi Ban Thường vụ Huyện ủy và Ban Chỉ đạo TW6(2) Tỉnh ủy, các công văn trao đổi, hướng dẫn nghiệp vụ, truyền đạt ý kiến của Ban Chỉ đạo đối với các cấp ủy, tổ chức Đảng các cơ sở và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về những nội dung đó.

4. Phó bộ phận thường trực của Ban Chỉ đạo:

Được thay mặt trưởng bộ phận thường trực khi trưởng bộ phận đi vắng và chịu trách nhiệm công tác của bộ phận thường trực trước Trưởng Ban Chỉ đạo TW6(2) của Huyện ủy.

5. Các thành viên của Ban Chỉ đạo:

- Từng đồng chí trên cơ sở lĩnh vực công tác đang đảm nhiệm và địa bàn được Ban Thường vụ Huyện ủy phân công phụ trách, những công việc cụ thể được Ban Chỉ đạo giao, thường xuyên bám sát cơ sở, truyền đạt chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra phát hiện vụ việc, kịp thời đề xuất tham mưu cho Ban Chỉ đạo trình Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo xử lý những vấn đề liên quan đến việc thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

- Định kỳ hàng quý báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

- Tích cực góp ý về nội dung, chương trình, kế hoạch thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng với Ban Chỉ đạo.

IV. Chế độ làm việc

- Định kỳ mỗi quý Ban Chỉ đạo sinh hoạt một lần (nếu cần thì họp đột xuất) nhằm đánh giá tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ, thảo luận và cho ý kiến về chương trình công tác trong thời gian tới để tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

- Giữa hai kỳ họp, các thành viên Ban Chỉ đạo có thể đề xuất với Trưởng ban hoặc góp ý kiến với bộ phận thường trực của Ban Chỉ đạo về những việc Ban Chỉ đạo cần quan tâm bàn và quyết định xử lý kịp thời nhằm thúc đẩy cuộc vận động; theo địa bàn, đơn vị, lĩnh vực được phân công phụ trách thành viên Ban Chỉ đạo trực tiếp làm việc với cấp ủy, tổ chức Đảng cơ sở và đảng viên có vấn đề nổi cộm liên quan đến nội dung thực hiện cuộc vận động để nắm tình hình đôn đốc, nhắc nhở cảnh báo.

Tài liệu cuộc họp được gửi trước ít nhất 01 ngày để các đồng chí nghiên cứu, tham gia góp ý

- Hàng tháng các đồng chí Trưởng ban, Phó Ban Chỉ đạo làm việc với đồng chí Trưởng, Phó bộ phận thường trực để nắm tình hình và cho ý kiến chỉ đạo xử lý các công việc nổi cộm khi có phát sinh.

VI. Chế độ thông tin và mối quan hệ công tác

1. Chế độ thông tin:

- Ban Chỉ đạo là một đầu mối tiếp nhận các thông tin từ Tỉnh ủy, các đơn vị trong huyện về những nội dung liên quan đến triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

- Được yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc Huyện ủy báo cáo theo định kỳ hàng tuần, hàng tháng, quý, năm và chuyên đề về những nội dung liên quan đến triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

- Được phối hợp cơ quan chức năng để nắm thông tin về những nội dung liên quan đến triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

2. Mối quan hệ công tác:

a, Đối với Ban Chỉ đạo TW6 (2) của Tỉnh ủy:

- Chấp hành và thực hiện ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chỉ đạo TW6(2) Tỉnh ủy về kế hoạch, nội dung, chương trình công tác, chương trình kiểm tra.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ, thực hiện chế độ báo cáo kết quả cuộc vận động với Ban Chỉ đạo TW6 (2) Tỉnh ủy theo quy định.

b, Đối với Ban Thường vụ Huyện ủy:

- Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Huyện ủy.

- Tham mưu đề xuất với Ban Thường vụ Huyện ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức Đảng các cơ sở trực thuộc, đoàn thể, các ban ngành trong toàn huyện để tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Thường xuyên báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng với Ban Thường vụ Huyện ủy.

c, Đối với Văn phòng và các Ban XDĐ Huyện ủy:

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với Văn phòng và các Ban XDĐ trong việc nắm, xử lý thông tin, tham mưu giúp Ban Thường vụ Huyện ủy trong việc nắm, xử lý thông tin, tham mưu giúp Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo, xử lý kịp thời những vấn đề liên quan đến nội dung triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tiêu cực, lãng phí.

d, Các cấp ủy, tổ chức Đảng các cơ sở, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực tuộc huyện, các đoàn thể:

- Trực tiếp làm việc với các cấp ủy, tổ chức Đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc để bàn công tác những nội dung liên quan đến triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

- Định kỳ 3 tháng 1 lần tổ chức giao ban giữa các đơn vị trực thuộc để trao đổi thông tin, thống nhất đề xuất và kiến nghị với Ban Thường vụ Huyện ủy về chủ trương, giải pháp đẩy nhanh cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

đ, Đối với cấp ủy các cấp thuộc Đảng bộ Huyện ủy:

-Tổ chức thực hiện tuyên, giáo dục, kiểm tra, theo dõi việc tổ chức triển khai cuộc vận động của BCĐ TW6(2) của huyện tới các chi bộ để thực hiện tốt theo chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Trên đây là Quy chế làm việc của BCĐTW6(2) khóa VIII của Huyện ủy Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

CHỈ THỊ

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 02-CT/HU, ngày 05 tháng 01 năm 2001
Về việc lãnh đạo nhiệm vụ QS - QP năm 2001

Năm 2000 là năm có nhiều sự kiện chính trị trọng đại, là năm chuyển giao thế kỷ, năm cuối cùng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1996 - 2000 nhiệm vụ của LLVT tương đối nặng nề nhiều khó khăn đặt ra. Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành huyện Đảng bộ các mục tiêu nhiệm vụ quốc phòng an ninh đã được các cấp ủy Đảng quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc, công tác QS - QP của huyện đã hoàn thành đúng kế hoạch, nhiều nội dung hoàn thành khá, khu vực phòng thủ huyện đã xây dựng và từng bước được củng cố vững chắc, nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, phát huy hiệu quả tích cực, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của LLVT được nâng lên, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong mọi tình huống, lực lượng vũ trang huyện đã phối hợp với các cơ quan ban ngành, các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ QS - QP cũng như nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đã góp phần tăng cường đoàn kết quân dân, xây dựng và giữ vững lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Đời sống của cán bộ, chiến sỹ được cải thiện, công tác bảo đảm hậu cần, tài chính, kỹ thuật tiến hành có nề nếp, chính quy phong trào thi đua quyết thắng luôn được tổ chức thực hiện, LLVT huyện xứng đáng là lực lượng tin cậy của Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện.

Song trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn một số cấp ủy, chính quyền cơ sở nhận thức về nhiệm vụ QS - QP chưa sâu sắc, việc nắm và quản lý diễn biến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn chưa kịp thời, nhất là tình hình di dịch cư tự do, tuyên truyền đạo trái phép ở một số cơ sở. Công tác giáo dục quốc phòng tiến hành chậm, thiếu toàn diện, chất lượng huấn luyện DQTV ở nhiều cơ sở còn yếu, công tác củng cố, xây dựng và hoạt động của DQTV chưa thật tích cực, có xã xem nhẹ buông lỏng dẫn đến chất lượng DQTV thấp, kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ huyện triển khai chưa toàn diện, chưa được đầu tư thích đáng, kết hợp kinh tế với quốc phòng còn hạn chế, việc quản lý và sử dụng đất quốc phòng chưa thật tốt. Đội ngũ cán bộ làm công tác quân

sự ở cơ sở chưa thật sự nhiệt tình, tâm huyết với công việc trách nhiệm chưa cao, một số cấp ủy còn có biểu hiện khoán trắng cho cán bộ quân sự, vì vậy chất lượng và hiệu quả công tác QS - QP năm 2000 ở một số cơ sở còn nhiều hạn chế.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tổ chức, lãnh đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ công tác QS - QP năm 2001 của các xã, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp, LLVT trong toàn huyện. Ban thường vụ Huyện ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan xí nghiệp của Trung ương và của Tỉnh đứng chân trên địa bàn của huyện lãnh đạo tốt các nhiệm vụ sau đây.

1- Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong toàn Đảng bộ và toàn thể nhân dân, kiện toàn củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng giáo dục quốc phòng huyện. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục quốc phòng, nâng cao nhận thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và LLVT về nhiệm vụ xây dựng lực lượng và nền quốc phòng toàn dân gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng và thế trận an ninh nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Không ngừng đề cao cảnh giác Cách mạng, ngăn chặn và đối phó có hiệu quả với các âm mưu thủ đoạn của kẻ thù.

2- Đầu tư cơ sở vật chất và lực lượng đẩy mạnh thực hiện kế hoạch xây dựng huyện thành KVPT vững chắc, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, bổ xung hoàn chỉnh hệ thống kế hoạch chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu. Nâng cao chất lượng các cuộc diễn tập, luyện tập theo kế hoạch công tác QS - QP năm 2001, nhằm tăng cường khu vực phòng thủ đối phó kịp thời với các tình huống chiến lược có thể xảy ra, bảo vệ Đảng, chính quyền, tình mạng và tài sản của nhân dân.

3- Tập chung lãnh đạo không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của LLVT địa phương, trước hết là chất lượng về chính trị, bảo đảm cho LLVT có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Nắm vững phương châm huấn luyện " thiết thực, chất lượng, hiệu quả "nâng cao chất lượng huấn luyện các lực lượng Bộ đội địa phương, DQTV, DBĐV, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện DQTV trước 30/5/2000. Tổ chức huấn luyện lực lượng DBĐV đúng đối tượng, đúng biên chế, đảm bảo 100 % kế hoạch, tổ chức và tham gia các cuộc hội thi, hội thao giành thành tích cao nhất, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả thiết thực, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT, Kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống LLVT Quân khu II (19/10/1946 - 19/10/2001).

4- Tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm 5 năm thực hiện pháp lệnh dự bị động viên, tăng cường xây dựng lực lượng DQTV và lực lượng DBĐV đúng pháp lệnh, quan tâm lãnh đạo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với lực lượng DQTV, đảm bảo 100% xã, thị trấn có xã đội phó chuyên trách. Phấn đấu tỷ lệ Đảng viên trong DQTV 12 % nâng tỷ lệ nữ tham gia DQTV lên 15 %. Các xã vùng cao phải có phụ nữ tham gia lực lượng dân quân, bảo đảm 100 % chỉ tiêu giao quân năm 2001, phấn đấu 100 % các xã, thị trấn đều có thanh niên nhập ngũ. Xây dựng cơ quan quân sự địa phương vững mạnh toàn diện theo 5 tiêu chuẩn quy định tại chỉ thị 917/CT - QP của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, đưa các hoạt động chính quy thành nề nếp vững chắc, quản lý quân số, quản lý VKTB chặt chẽ, không có cán bộ, chiến sỹ vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ vi phạm kỷ luật thông thường dưới 1% quân số.

5- Duy trì thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập chung dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình, nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi, Đảng bộ, tăng cường công tác quản lý giáo dục Đảng viên. Xây dựng tổ chức Đảng TSVM gắn với xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, tăng cường xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới quân báo nhân dân, xây dựng địa bàn an toàn, khu vực đóng quân an toàn tuyệt đối. quản lý nắm chắc tình hình diễn biến ở cơ sở có biện pháp xử lý kịp thời, tránh nóng vội gây hậu quả xấu.

6- Lãnh đạo các cơ quan, ban ngành trong hệ thống chính trị, phối hợp cùng với cơ quan quân sự làm tốt công tác xây dựng cơ sở xã, thị trấn VMTD, góp phần củng cố quốc phòng an ninh. Đồng thời làm tốt công tác dân vận, nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của quần chúng nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp xóa đói giảm nghèo và cuộc vận động toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá mới ở khu dân cư.

7- Thường xuyên bảo đảm các nhu cầu xây dựng, hoạt động của LLVT, xây dựng khu vực phòng thủ huyện, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, không ngừng nâng cao đời sống của LLVT. Giữ vững nguyên tắc chỉ tiêu tài chính, chống tham ô, lãng phí, bảo vệ an toàn hệ thống kho tàng, chống hư hao, mất, xuống cấp vũ khí trang bị.

8-Lãnh đạo các cơ quan chức năng hoàn chỉnh các thủ tục ưu tiên cấp đất ở, đất sử dụng vào các mục đích làm thao trường, bãi tập, xây dựng khu động viên Quân đội. Xử lý nghiêm khắc các trường hợp cố tình tranh chấp đất quốc phòng vi phạm luật đất đai.

9- Lãnh đạo các cơ quan chức năng xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra các xã, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp về việc chấp hành và thực hiện nhiệm vụ QS - QP năm 2001. Đây là một trong những nội dung quan trọng để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị làm cơ sở, bình xét công tác thi đua khen thưởng năm 2001. 10)

- Lãnh đạo tổ chức tốt phong trào thi đua xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong toàn Đảng bộ, đẩy mạnh hoạt động thi đua quyết thắng trong lực lượng vũ trang, tạo ra động lực Cách mạng to lớn, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ QS - QP. Phát triển kinh tế xã hội đề ra trong năm 2001.

Năm 2001 là năm mở đầu của Thế kỷ 21, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm (2001 - 2005). Đặt nền móng cho việc thực hiện chiến lược 2001 - 2010, quán triệt các Nghị quyết của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đại biểu huyện Đảng bộ lần thứ XII. Quân và dân các dân tộc huyện Bảo Yên quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - văn hoá - xã hội - quốc phòng - an ninh đã đề ra./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 12-CT/HU, ngày 26 tháng 08 năm 2002
V/v tăng cường chỉ đạo công tác thu thuế cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện
---

Qua báo cáo tình hình thu ngân sách của toàn huyện từ đầu năm 2002 đến nay kết quả đạt được còn thấp; đặc biệt là chỉ tiêu thu thuế cấp quyền sử dụng đất. Tính đến ngày 15/8/2002 thu cấp quyền sử dụng đất mới được 102,8 triệu/400 triệu đồng đạt 25,7%KH. Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương về công tác thu nộp ngân sách năm 2002 mà cụ thể là công tác thu cấp quyền sử dụng đất.

Ban Thường vụ Huyện ủy Chỉ thị cho các cấp ủy Đảng, thủ trưởng các cơ quan tập chung lãnh đạo, chỉ đạo tốt những nhiệm vụ sau:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng; các quy định, hướng dẫn của Nhà nước và của tỉnh Lào Cai về thực hiện cấp giấy chứng nhận và thu tiền cấp quyền sử dụng đất.

2. Các cơ quan: Chi cục thuế, Phòng Nông nghiệp và PTNT trong quá trình thực hiện phải đảm bảo thuận tiện các thủ tục; niêm yết công khai các định mức áp giá từng loại đất. Hướng dẫn rõ ràng, chi tiết khi các đối tượng đến kê khai thực hiện việc cấp giấy chứng nhận và nộp tiền cấp quyền sử dụng đất.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và sự chỉ đạo tích cực của cơ quan chức năng trong việc cấp giấy chứng nhận và thu tiền cấp quyền sử dụng đất; không để xảy ra các hiện tượng tiêu cực. Kịp thời xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm chế độ, chính sách trong quá trình cấp và thu tiền cấp quyền sử dụng đất.

4. Các cấp ủy Đảng, thủ trưởng các cơ quan trên địa bàn thị trấn Phố Ràng tích cực chỉ đạo và nhắc nhở quần chúng nhân dân, cán bộ công nhân viên chức cơ quan (đặc biệt là vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên) trong việc thực hiện các thủ tục kê khai và nộp tiền cấp quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

Nhận được Chỉ thị này các cấp ủy đảng, UBND huyện và các cơ quan chức năng chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức thực hiện nghiêm túc tinh thần Chỉ thị và báo cáo kết quả về Thường thực Huyện ủy./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 19-CT/HU, ngày 08 tháng 12 năm 2003
Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân Huyện Bảo Yên nhiệm kỳ 2004 - 2009

Ngày 25/4/2004 cả nước nói chung, Huyện Bảo Yên nói riêng sẽ tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng Nhân dân (HĐN) các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009. Cuộc bầu cử HĐND các cấp lần này được tổ chức trong lúc toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên đang ra sức đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII được cụ thể hóa bằng 6 chương trình, Nghị quyết chuyên đề toàn khóa trên từng lĩnh vực và 6 chương trình phát triển kinh tế xã hội hướng về cơ sở năm 2003. Tình hình kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục phát triển, quốc phòng an ninh được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố một bước. Những thành tích đó chính là kết quả lãnh đạo của Đảng bộ, sự điều hành của các cấp chính quyền, sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của HĐND các cấp trong nhiệm kỳ qua.

Với ý nghĩa là cuộc vận động chính trị và sinh hoạt dân chủ sâu rộng của các tầng lớp nhân dân, cuộc bầu cử Đại biểu HĐND các cấp lần này phải đạt các mục tiêu, yêu cầu sau: Tổ chức bầu cử thực sự dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thể hiện không khí ngày hội của toàn dân; những đại biểu được lựa chọn để bầu vào HĐND, các chức vụ chủ chốt trong HĐND và UBND phải là những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân địa phương; nâng cao chất lượng đại biểu HĐND để phát huy vai trò là người đại biểu ưu tú của nhân dân trong bộ máy chính quyền Nhà nước của dân, do dân, vì dân; củng cố bộ máy chính quyền và toàn bộ hệ thống chính trị, tăng cường hiệu lực, hiệu quả và chất lượng hoạt động của HĐND, UBND các cấp, nhất là cấp cơ sở; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia xây dựng bộ máy chính quyền ở địa phương; đổi mới công tác bầu cử, mở rộng dân chủ trong việc giới thiệu người ra ứng cử vào các chức vụ chủ chốt trong HĐND và UBND.

Để đạt được những nội dung trên đây và đảm bảo cho cuộc bầu cử Đại biểu HĐND các cấp lần này thành công tốt đẹp, Ban Thường vụ yêu cầu các cấp ủy đảng trực thuộc thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 31-CT/

TW ngày 26/11/2003 của Bộ Chính trị "Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009" với các nhiệm vụ sau:

1. Chỉ đạo đánh giá toàn diện, sâu sắc hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức, vận động nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ và huy động công sức của nhân dân để phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo; tổng kết hoạt động của HĐND, UBND nhiệm kỳ 1999 - 2003 theo đúng luật tổ chức HĐND - UBND (sửa đổi); kết hợp thực hiện quy chế dân chủ với việc lựa chọn người ra ứng cử đại biểu HĐND. Thông qua bầu cử lần này tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể và cơ quan thông tin đại chúng bằng mọi biện pháp tuyên truyền sâu rộng ý nghĩa của bầu cử lần này, quyền và nghĩa vụ bầu cử của công dân, Luật bầu cử đại biểu HĐND (sửa đổi), Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi), động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực tham gia bầu cử.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử HĐND các cấp, đảm bảo phát huy dân chủ, tập chung thống nhất của Đảng, gắn công tác nhân sự chính trị quyền trong cuộc bầu cử lần này với nhân sự Đại hội Đảng các cấp năm 2005 và quy hoạch cán bộ. Lựa chọn đại biểu phải trên cơ sở có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực, uy tín, tiêu chuẩn cán bộ đảm bảo cơ cấu về giai cấp, giai tầng xã hội, độ tuổi, giới tính, dân tộc ..

4. Mở rộng dân chủ trong việc giới thiệu người ra ứng cử vào HĐND và các chức vụ chủ chốt của HĐND, UBND cùng cấp. Chỉ đạo bầu cử đại biểu HĐND các cấp có số dư tối thiểu là 2 người ở mỗi đơn vị bầu cử; có số dư đối với tất cả các chức danh lãnh đạo HĐND, UBND, từ Chủ tịch trở xuống, ở cả cấp huyện và xã.

Tổ chức Đảng các cấp chỉ giới thiệu 01 đại biểu đại diện cho tổ chức Đảng cùng cấp tham gia ứng cử vào 01 chức danh trong HĐND, UBND theo nguyên tắc tập chung dân chủ, quy trình chặt chẽ, thống nhất.

Đảng viên không tự ứng cử khi chưa được tổ chức Đảng giới thiệu; nếu được Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, nhân dân tín nhiệm giới thiệu để bầu vào HĐND, hoặc được đại biểu HĐND giới thiệu bầu vào các chức danh trong HĐND, UBND thì đảng viên có quyền nhận hoặc không nhận; không coi đó là vi phạm 19 điều cấm đảng viên không được làm. Cần lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, trưởng thôn bản,

khu phố đối với chức vụ Chủ tịch HĐND, UBND xã, thị trấn trước khi HĐND tiến hành bầu cử.

5. Cấp ủy Đảng có trách nhiệm lãnh đạo chính quyền các cấp đảm bảo các điều kiện, phương tiện vật chất, kinh phí cho bầu cử; đồng thời thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương năm 2004, chuẩn bị tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2005 và nhiệm kỳ tiếp theo.

Ban Thường vụ Huyện ủy giao cho UBND huyện phối hợp với HĐND huyện và Mặt trận Tổ quốc huyện hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác bầu cử và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Huyện ủy.

Chỉ thị này được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và được phổ biến đến chi bộ./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 21-CT/HU, ngày 14 tháng 05 năm 2004
Về việc tăng cường công tác phát triển Đảng đối với lực lượng DQTV và lực lượng DBĐV trong tình hình mới
---

- Căn cứ vào Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV và lực lượng DBĐV trong tình hình mới.

- Căn cứ vào hướng dẫn số: 01/HD ngày 03/01/2003 của Đảng ủy quân sự trung ương. Hướng dẫn thực hiện chỉ thị 16-CT/TW của Ban bí thư trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV và lực lượng DBĐV trong tình hình mới.

- Qua khảo sát cho thấy lực lượng DQTV và DBĐV của huyện Bảo Yên trong những năm vừa qua đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, song hiệu quả hoạt động còn chưa cao. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng DQTV còn thấp: Năm 2003 toàn huyện đạt 10,45%, có Đảng bộ chỉ đạt 2,6% như Cam Cọn, Xuân Thượng = 3,3%; Vĩnh Yên = 3,5%; Tân Dương = 3,5%; Bảo Hà = 3,8%; Kim Sơn = 3,8%; Xuân Hòa = 3,7%; Nghĩa Đô = 4%.v.v.

- Để tiếp tục nâng cao chất lượng tổng hợp của DQTV và quân nhân dự bị đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, thị trấn theo tinh thần Nghị quyết hội nghị Trung ương 5 (khóa IX). Ban Thường vụ huyện ủy yêu cầu cấp ủy Chi, Đảng bộ các xã, thị trấn và các cơ quan đơn vị thực hiện tốt một số nội dung chính sau đây:

1) Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Chi, Đảng bộ các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị đối với lực lượng DQTV và lực lượng DBĐV, gắn với việc kiện toàn và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Chú trọng nâng cao chất lượng DQTV, QNDB, bảo đảm là lực lượng trung thành, tin cậy của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống.

2) Chú trọng nâng cao tỷ lệ lãnh đạo trong lực lượng DQTV, quan tâm lựa chọn những đảng viên trong độ tuổi DQTV có đủ điều kiện đưa vào lực lượng DQTV. Tích cực phát hiện và bồi dưỡng đoàn viên ưu tú trong lực lượng DQTV và những quân nhân dự bị để phát triển đảng viên. Đây là những nhân tố quan trọng trong lực lượng DQTV và lực lượng DBĐV trong giải quyết các tình huống phức tạp xảy ra, phấn đấu năm 2004 các

Chi, Đảng bộ xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị nâng tỷ lệ đảng viên trong DQTV từ 15 % trở lên và từng bước nâng cao tỷ lệ lãnh đạo trong các đơn vị DBĐV,

3) Tập chung kiện toàn Ban CHQS các xã, thị trấn, đơn vị tự vệ đủ về số lượng, cán bộ có phẩm chất đạo đức và chuyên môn giỏi, xã đội trưởng phải là đảng viên, từng bước tăng tỷ lệ xã đội trưởng tham gia cấp ủy cùng cấp và nhất thiết phải là thành viên UBND xã, thị trấn. Đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự xã, thị trấn theo chương trình chuẩn quốc gia để làm tốt việc tạo nguồn cán bộ quân sự lâu dài cho cơ sở.

4) Yêu cầu cấp ủy các Chi, Đảng bộ xã, thị trấn phải có Nghị quyết lãnh đạo chuyên đề về công tác xây dựng lực lượng DQTV và lực lượng DBĐV. Đề ra chỉ tiêu, kế hoạch phát triển Đảng trong lực lượng và các biện pháp thiết thực, tổ chức triển khai và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện. Hàng năm Ban thường vụ huyện ủy căn cứ vào kết quả lãnh đạo xây dựng lực lượng DQTV - DBĐV, đặc biệt là kết quả phát triển Đảng trong lực lượng này để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các Chi, Đảng bộ xã, thị trấn và các cơ quan đơn vị.

Giao cho Ban CHQS huyện thường trực giúp Ban Thường vụ huyện ủy chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và báo cáo kết quả việc quán triệt, triển khai. Tổ chức thực hiện của các Chi, Đảng bộ qua Ban Tổ chức Huyện ủy.

Yêu cầu các Chi, Đảng bộ quán triệt và thực hiện nghiêm túc./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 22-CT/HU, ngày 23 tháng 09 năm 2004
Về tăng cường sự lãnh đạo của chi, đảng bộ **các cấp đối với công tác xây dựng**, **phát triển và hoạt động của tổ chức Hội Chữ thập đỏ**

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam huyện Bảo Yên được thành lập từ năm 1992 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên. Hội Chữ thập đỏ đã có nhiều cố gắng, tích cực chăm lo xây dựng, củng cố tổ chức Hội từ huyện đến cơ sở. Những hoạt động của Hội có nhiều nội dung thiết thực, phù hợp với tình hình đời sống, xã hội như: Tuyên truyền, giáo dục lòng nhân ái, chăm lo sức khoẻ ban đầu của nhân dân, phòng ngừa giảm nhẹ thiên tai, tổ chức cứu trợ nhân đạo, quan tâm, giúp đỡ các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, tật nguyền, người già cô đơn, người mắc bệnh xã hội, người nhiễm chất độc màu da cam và chăm sóc các gia đình chính sách xã hội ... góp phần tích cực trong việc xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Song, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động của tổ chức Hội còn bộc lộ những hạn chế và tồn tại như: Còn một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa nhận thức đúng đắn và đầy đủ về ý nghĩa, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Hội Chữ thập đỏ, chưa thật sự quan tâm tạo điều kiện cơ sở vật chất và nguồn kinh phí cho Hội hoạt động có hiệu quả. Việc thành lập tổ chức Hội có nơi còn chỉ định đồng chí Chủ tịch Hội mang tính hình thức, chưa đi vào hoạt động thường xuyên đúng Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam qui định. Đến nay toàn huyện có 18/18 xã, thị trấn có tổ chức Hội, nhưng nhiều cơ sở Hội hoạt động còn yếu, mới vận động thu hút được 30,7% hội viên tham gia so với số dân. Các trường phổ thông có tổ chức Hội hoạt động là 36,5%, khối các cơ quan, doanh nghiệp chỉ đạt 4,7% chưa đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ hiện nay.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của tổ chức Hội Chữ thập đỏ trong tình hình mới, không ngừng củng cố và phát triển Hội ngày càng lớn mạnh toàn diện, nâng cao nhận thức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công tác chữ thập đỏ. Huyện ủy yêu cầu tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, cơ quan, đoàn thể nhân dân cần tập chung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt những nhiệm vụ dưới đây:

1. Căn cứ Thông báo số 68 ngày 17 tháng 4 năm 1994 của Ban Chấp hành TW Đảng về "Tổ chức Hội Chữ thập đỏ cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo

của cấp ủy Đảng cấp đó như các đoàn thể khác ...". Cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng đối với công tác xây dựng và phát triển tổ chức Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, bao gồm tất cả các cơ quan, ban ngành, tổ chức đoàn thể từ huyện đến xã, thị trấn, các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân. Mỗi đảng viên, cán bộ lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan, đơn vị là người đầu tiên gương mẫu tham gia Hội và đi đầu trong hoạt động công tác từ thiện, nhân đạo.

Các cấp chính quyền hỗ trợ và tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội Chữ thập đỏ, từng bước xã hội hóa hoạt động của Hội và trở thành một phong trào rộng khắp của những người làm việc tự nguyện vì mục đích nhân đạo XHCN.

2. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội Chữ thập đỏ, chấn chỉnh tình trạng chỉ định BCH Hội ở cơ sở và hoạt động còn mang tính hình thức như hiện nay. Giao cho Thường trực Hội Chữ thập đỏ huyện hướng dẫn các văn bản thủ tục và tuyên truyền thực hiện Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Tổ chức thành lập cơ sở Hội ở tất cả các cơ quan, dân, chính, đảng, doanh nghiệp, đơn vị, trường học. Đồng thời có kế hoạch củng cố, kiện toàn lại tổ chức Hội ở các cơ quan, đơn vị, cơ sở trường học nơi còn yếu kém.

3. UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch - Thương mại huyện và các ngành chức năng căn cứ vào các qui định của Nhà nước xem xét tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, tăng cường nguồn kinh phí cho Hội Chữ thập đỏ các cấp đi vào hoạt động ổn định và có chất lượng, hiệu quả.

Yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể nhân dân trong huyện tập chung triển khai, tổ chức thực hiện Chỉ thị này. Nếu trong quá trình thực hiện còn có vướng mắc thì theo định kỳ báo cáo về Thường trực Huyện ủy (thông qua Thường trực Hội Chữ thập đỏ huyện để tổng hợp chung tham mưu, báo cáo Thường trực Huyện ủy chỉ đạo kịp thời)./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Hoàng Ngọc Chuyên

BÁO CÁO

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 03-BC/HU, ngày 11 tháng 01 năm 2001
Tổng kết công tác Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2000
Mục tiêu phương hướng nhiệm vụ năm 2001

Năm 2000, thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của các cấp bộ Đảng cấp trên với tinh thần tự lực, tự cường phát huy nội lực của toàn Đảng bộ, Ban Chấp hành Huyện ủy đã tập chung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang nhân dân các dân tộc trong huyện đã phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và công tác xây dựng Đảng, đoàn thể.

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, văn hoá xã hội được mở rộng và phát triển, tỷ lệ đói nghèo ngày càng giảm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ nét. Chính trị ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị ngày càng trong sạch vững mạnh về mọi mặt, được đổi mới, phát huy hiệu lực và hiệu quả. Những thành tựu trên được thể hiện qua những nội dung sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2000

I. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Diện tích lúa nước cả năm là 3.209 ha đạt 109,3% so với kế hoạch tăng 273 ha so với năm 1999. Năng suất lúa nước bình quân cả năm 83 tạ/ ha tăng 2,9 tạ/ha so với năm 1999. Diện tích ngô gieo trồng cả năm 2.503 ha đạt 100% kế hoạch tăng 50 ha so với năm 1999. ngoài ra diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây rau màu thực phẩm khác đều đạt và tăng so với kế hoạch.

- Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 23.580 tấn = 108,4% so với kế hoạch, vượt 5,6% so với năm 1999. Bình quân lương thực đầu người 320 kg/ năm. Nguyên nhân vượt là do áp dụng thâm canh tăng vụ, trồng các giống lúa có năng suất cao như giống lúa kỹ thuật 90% diện tích, trong đó lúa lai trên 60% diện tích toàn huyện.

- Chăn nuôi, thú y: Đàn gia súc, gia cầm tăng trưởng bình quân từ 2- 3,5% năm, dịch lở mồm long móng đối với gia súc đã được dập tắt trên địa bàn.

- Về lâm nghiệp: Làm tốt công tác khoanh nuôi, tái sinh bảo vệ rừng với 11.949 ha. Trồng mới năm 2000 là 180 ha. Giao đất lâm nghiệp đến nay được 7.440 ha, tỷ lệ che phủ rừng 35,32% (năm 1999 là 34,21%). Hình thành vùng nguyên liệu giấy cho 02 nhà máy giấy Phố Ràng và Bảo Hà. Lâm trường Bảo Yên thực hiện khai thác và chế biến được 5.207 m3 gỗ, sản xuất được 1.792,7 tấn giấy đế xuất khẩu. Trong công tác bảo vệ rừng huyện đã đề nghị UBND tỉnh đóng cửa rừng xã Lương Sơn nhằm giữ nguồn tài nguyên rừng đầu nguồn, góp phần giữ gìn môi trường sinh thái.

- Thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, đã tập chung dự án trồng chè và cây ăn quả có giá trị kinh tế vào một số vùng có điều kiện; có chính sách hỗ trợ đầu tư vốn, kỹ thuật, giống cho nông dân, năm 2000 các cơ sở đã trồng mới 111 ha chè và chăm sóc, thu hoạch 20 ha chè kinh doanh hiện có. Đầu tư các giống cây ăn quả như cam, quýt, nhãn, soài, hồng với 303 ha cây ăn quả các loại, riêng năm 2000 trồng mới được 33 ha. Duy trì và chăm sóc hơn 370 ha cây quế từ 2- 10 tuổi và bắt đầu cho sản phẩm.

- Công tác khuyến nông - khuyến lâm đã đi vào cuộc sống được đông đảo nhân dân hưởng ứng và tham gia tích cực có hiệu quả như chương trình lúa lai, ngô lai, phát triển chăn nuôi, trồng tre măng Trung Quốc...

2. Sản xuất CN - TTCN, XDCB, giao thông, bưu điện

Bước đầu hình thành và đưa vào sản xuất 02 nhà máy giấy - đũa xuất khẩu ở thị trấn Phố Ràng và xã Bảo Hà, tạo điều kiện cho người nông dân tận thu sản phẩm gỗ, nứa vườn rừng tăng thu nhập và góp phần tạo công ăn việc làm. Bên cạnh đó các ngành nghề truyền thống khác như chế biến lương thực, sản xuất đồ mộc, khai thác vật liệu xây dựng đáp ứng được nhu cầu thị trường, thị hiếu người tiêu dùng. Trong năm 2000 giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn đạt 5 tỷ đồng = 111% kế hoạch đề ra.

- Giá trị vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện năm 2000 ước đạt 11.887,5 triệu đồng = 158,2% kế hoạch tập chung vào các hạng mục như giao thông, cầu treo, đường điện, nhà làm việc, trường học...Trong đó riêng công trình 135 đầu tư cho 10 xã đặc biệt khó khăn với số vốn 4.324 triệu đồng, gồm 16 công trình đến nay đã hoàn thành khối lượng 100% kế hoạch vốn góp phần làm đổi mới đáng kể bộ mặt nông thôn vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn như đường Nghĩa Đô -Tân Tiến, đường Tân Thượng - Cam Cọn, đường Minh Tân - Kim Sơn; thủy lợi Nậm Xoong, Vĩnh Yên, thủy lợi làng Phàng, Điện Quan; đường điện xã Thượng Hà...

- Giao thông vận tải đảm bảo thông suốt từ trung tâm huyện lỵ đến các trung tâm xã đáp ứng nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hoá. Phong trào

làm đường giao thông nông thôn được duy trì và phát huy hiệu quả với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

- Ngành Bưu điện đảm bảo thông tin liên lạc đàm thoại thông suốt, công tác phát hành báo chí, thư tín an toàn và kịp thời đến nay 05 xã có điểm bưu điện văn hoá xã, 06 xã, thị trấn có báo đọc trong ngày, 12/18 xã có máy điện thoại, tỷ lệ máy điện thoại 0,8 máy/100 dân (năm 1999 là 0,71 máy).

3. Tài chính - tiền tệ - tín dụng, thương mại dịch vụ

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tập chung chỉ đạo tận thu các nguồn thu trên địa bàn, đến 31/12/2000 tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 3.201,747 triệu = 99% kế hoạch. Tổng chi ngân sách 10.297,878 triệu đồng = 97,5% kế hoạch.

+ Tổng thu tiền mặt qua Kho bạc: 27.600 triệu đồng, đạt 140,5% kế hoạch

+ Tổng chi tiền mặt qua Kho bạc: 27.500 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch.

- Công tác quản lý tài chính và thu chi tiền mặt cơ bản đáp ứng được các nhu cầu chi thường xuyên, tuy nhiên nhiều khoản thu còn đạt thấp.

- Công tác tín dụng Ngân hàng có nhiều cố gắng trong công tác cho vay và thu hồi vốn đến hạn trả, năm qua Ngân hàng Nông nghiệp giải quyết cho vay 13,8 tỷ đồng với 2.240 hộ nông dân; Ngân hàng người nghèo cho vay 10,3 tỷ đồng cho 2.100 hộ để có vốn đầu tư phát triển sản xuất.

- Về thương mại - dịch vụ: Các ngành chức năng đảm bảo công tác quản lý, theo dõi, điều hành và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia lưu thông hàng hoá. Thường xuyên kiểm tra các qui định về kinh doanh dịch vụ; ngăn chặn buôn lậu, chống gian lận thương mại, đồng thời kiên quyết xử lý những vi phạm.

4. Về văn hoá - xã hội

- Ngành Giáo dục - đào tạo đã có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức thực hiện và duy trì phổ cập GDTH-CMC; (năm 1999 huyện Bảo Yên đã hoàn thành phổ cập GDTH - XMC), góp phần cùng cả nước hoàn thành công tác XMC-PCGDTH ở nước ta vào ngày 28/12/2000. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đồ dùng dạy học, chất lượng giáo viên ngày càng nâng cao; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 92%, tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp trong 3 khối cấp đạt 80 - 90%.

- Công tác y tế: Việc chăm sóc bảo vệ sức khoẻ ban đầu cho người dân được quan tâm, cơ sở vật chất được đầu tư hiện đại hoá; các chương trình y tế quốc gia được triển khai và phát huy hiệu quả như phòng chống sốt rét, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng, hạn chế tỷ lệ sinh tự nhiên và

các cặp vợ chồng sinh con thứ 3, công tác dân số kế hoạch hoá gia đình đạt kết quả tốt.

- Ngành Văn hoá - thông tin - thể thao: Đã tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ, thể thao như: Biểu diễn văn nghệ, thi đấu cầu lông, bóng chuyền, bóng đá ... thiết thực chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 2000 và chào mừng Đại hội Đảng các cấp, lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang của thị trấn Phố Ràng.

- Hoạt động truyền thanh - truyền hình ngày càng nâng cao chất lượng về nội dung chương trình, nâng cấp trạm thu phát truyền hình trung tâm huyện lỵ; đầu tư hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho nhân dân vùng sâu vùng xa, mở rộng diện phủ sóng phát thanh đến 100% số xã, phủ sóng truyền hình 75% diện tích toàn huyện.

- Công tác lao động TBXH: Tập chung kiện toàn lại đội ngũ cán bộ, tổ chức bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp cơ sở sau bầu cử, đề nghị xét nâng lương, chuyển ngạch đúng quy định. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ cho các đối tượng được hưởng chính sách; phối hợp điều tra khảo sát và cứu trợ các hộ đói nghèo. Quan tâm chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

II. Công tác an ninh - quốc phòng

1. Về an ninh trật tự

Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. Các hoạt động của người nước ngoài được theo dõi chặt chẽ; củng cố và kiện toàn lực lượng công an viên cơ sở và công an theo dõi địa bàn góp phần từng bước đẩy lùi các tai tệ nạn xã hội, ngăn chặn và phòng chống tội phạm có hiệu quả. Tình hình an ninh tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh nội bộ không để xảy ra các vụ việc diễn biến gây phức tạp.

Tuy nhiên trong lĩnh vực kinh tế còn xảy ra các hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, buôn lậu trốn thuế, đã xử lý các vi phạm thu vào ngân sách 158 triệu đồng, tịch thu nhiều loại lâm sản hàng hoá. Lĩnh vực trật tự an toàn xã hội xảy ra các vụ việc làm chết 14 người (tăng 03 người so với năm 1999), làm bị thương 13 người (giảm 27 người so năm 1999), thiệt hại về tài sản khoảng 200 triệu đồng.

2. Công tác quân sự địa phương

Cấp ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang; kiện toàn lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Tổ chức ra quân huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ 34/34 đầu mối xong trước 30/5/2000, tổ chức giao quân 45 đồng chí = 100% kế hoạch. Thường xuyên luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ huyện, luyện tập kế hoạch tác chiến trị an cho các xã; tham gia hội thao do tỉnh phát động đạt giải

cao... Trong năm qua được tỉnh bình xét thi đua và khen 01 tập thể, 02 cá nhân, huyện khen thưởng 09 tập thể và 72 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác quân sự địa phương.

III. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể

1. Công tác chính trị tư **tưởng:**

Cấp ủy các cấp đã tập chung làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên tới quần chúng nhân dân về Chủ nghĩa Mác - Lê nin tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối đổi mới của Đảng với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thường xuyên triển khai học tập nghị quyết của Đảng cấp trên, tổ chức học tập tư tưởng của Bác Hồ vĩ đại, ôn lại truyền thống đấu tranh hào hùng của dân tộc nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm: Kỷ niệm 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 70 năm ngày thành lập Đảng; 55 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9; 25 năm ngày giải phóng miền Nam... Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết TW6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong năm qua đã sưu tầm, biên soạn và xuất bản cuốn lịch sử Đảng bộ huyện Bảo Yên tập 2 thời kỳ 1954 - 1975, phát hành trong dịp Đại hội Đảng bộ huyện khoá 12.

- Công tác huấn học: Năm 2000, Trung tâm Chính trị huyện mở được 24 lớp với 1.397 học viên, trong đó đã hoàn thành bế giảng lớp Trung cấp Chính trị tại chức cho 63 học viên. Đối với cấp cơ sở tập chung bồi dưỡng trình độ lý luận và kiến thức quản lý cho trưởng bản, đại biểu HĐND xã, khối đoàn thể, đối tượng Đảng, bồi dưỡng công tác Đảng ...

2. Công tác tổ chức

Sau Đại hội Đảng các cấp, các tổ chức cơ sở Đảng đã ổn định tổ chức và đi vào hoạt động có nề nếp. Tổ chức cho các đồng chí cấp ủy viên khối xã, thị trấn đi bồi dưỡng công tác Đảng tại Trung tâm Chính trị huyện để phục vụ cho công tác chuyện môn của mình.

-Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ 1.779 đ/c (tính đến 31/12/2000). Trong công tác cán bộ đề bạt, bổ nhiệm 09 đ/c trưởng, phó phòng ban, cử 04 đ/c đi học lớp Cao cấp Lý luận chính trị và 03 đ/c đang học Cử nhân chính trị tại Hà Nội.

- Phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng năm 2000:

+ Xếp loại cơ sở trong sạch vững mạnh: 33

+ Xếp loại khá: 11

+ Xếp loại yếu: 00

-Phân xếp loại cấp ủy cơ sở: Số dự phân tích 234/234 đ/c trong đó hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm 194 đ/c = 82,9%, hoàn thành chức

trách nhiệm vụ 73 đ/c = 15,8%, không hoàn thành chức trách nhiệm vụ 03 đ/c = 1,2%.

-Phân xếp loại đảng viên: Số dự phân tích 1.634/1.779 đ/c. Trong đó, xếp loại 1: 1322 đ/c = 74,3%; loại 2: 298 đ/c = 16,7%; loại 3: 09 đ/c = 0,5%; loại 4: 05 đ/c = 0,3%.

Công tác phát triển Đảng trong năm qua kết nạp mới 150 đ/c, xóa được 15/53 thôn bản trắng đảng viên. Thực hiện Chỉ thị 13 của BTV Tỉnh ủy đã giới thiệu 324 đảng viên tham gia sinh hoạt Đảng ở nơi cư trú tại 26/26 cơ sở Đảng.

3. Công tác kiểm tra Đảng

Trong năm qua công tác kiểm tra thường xuyên được duy trì và có trọng tâm, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, thực hiện pháp luật của Nhà nước. Qua đợt xây dựng chỉnh đốn Đảng, phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2) và phục vụ nhân sự cho Đại hội Đảng các cấp đã kịp thời uốn nắn những lệch lạc sai phạm, phát huy tinh thần dân chủ tạo sự đoàn kết thống nhất nội bộ góp phần thúc đẩy cơ sở yếu vươn lên khá và khá vươn lên đạt trong sạch vững mạnh.

Tuy nhiên, thông qua công tác kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm đã xem xét kỷ luật 28 đảng viên (năm 1999 là 15) với các mức xử lý: Khiển trách 11, cảnh cáo 15, cách chức 02. Qua phân xếp loại tổ chức UBKT cơ sở có 33 đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, 08 đơn vị đạt khá, 03 đơn vị đạt trung bình.

4. Công tác Dân vận - dân tộc

Cấp ủy huyện đã chủ động trong công tác nắm chắc tình hình diễn biến ở cơ sở; chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp giải quyết các vấn đề thuộc an ninh chính trị, về dân tộc tôn giáo, về di dịch cư tự do ... có hiệu quả. Trong năm qua các hoạt động tôn giáo trên địa bàn không để xảy ra những vụ việc phức tạp; tuy nhiên các hoạt động tôn giáo như làm lễ thánh, còn diễn ra một số nơi vào những tháng đầu năm và cuối năm. Các cơ quan chức năng đã trục xuất khỏi địa phương 01 trường hợp tuyên truyền đạo trái phép, thu giữ một số sách kinh có nội dung tà đạo. Qua công tác tuyên truyền vận động, thuyết phục (đặc biệt là Ban Chỉ đạo 184 từ huyện đến cơ sở) đã có 64 hộ = 381 khẩu ở các xã Thượng Hà, Minh Tân, Xuân Thượng, Vĩnh Yên, Tân Tiến và Điện Quan tự nguyện bỏ đạo, lập lại bàn thờ tổ tiên trở lại phong tục tập quán của dân tộc.

- Về tình hình di dịch cư tự do trong năm 2000 số chuyển đi 45 hộ bằng 331 khẩu năm 1999 là 33 hộ = 489 khẩu), số chuyển đến 08 hộ = 60 khẩu (năm 1999 là 07 hộ = 11 khẩu), số di cư nay quay trở lại nơi ở cũ 06 hộ = 30 khẩu (năm 1999 là 76 hộ = 283 khẩu).

5. Hoạt động của chính quyền

-Hoạt động của HĐND huyện: Hoạt động của các kỳ họp, chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ các kỳ họp HĐND đúng thời gian theo luật định. Duy trì thường xuyên các hoạt động phối hợp và chương trình công tác giữa Thường trực HĐND và các ban HĐND, hoàn thành các nội dung giám sát theo chương trình công tác.

- Hoạt động và sự điều hành của UBND huyện: Thường trực UBND huyện và các ngành chức năng đã tổ chức triển khai và chỉ đạo thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trong toàn huyện. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch hàng năm UBND tỉnh giao, nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ, nghị quyết của HĐND huyện. Từng bước đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước từ cấp huyện đến cấp cơ sở nhằm góp phần xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh. Thường xuyên giữ mối quan hệ và phối hợp hoạt động giữa Thường trực Huyện ủy, Thường trực HĐND, Thường trực UBND, phối hợp tốt với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong công tác vận động quần chúng và xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở.

6. Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể:

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường phối kết hợp hoạt động với nội dung và hình thức thích hợp; luôn bám sát cơ sở để xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cơ sở hoạt động có hiệu quả. Kiện toàn đội ngũ, thu hút tập hợp hội viên, xây dựng phong trào cơ sở ngày càng vững mạng. Đoàn viên, hội viên các đoàn thể chính trị tham gia có hiệu quả vào công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư góp phần giữ gìn an toàn xã hội, tham gia xây dựng gia đình văn hoá, bản làng văn hoá.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành tổ chức các hoạt động tình nghĩa như trao quà cho các hộ gia đình chính sách 449 hộ trị giá 18,66 triệu đồng, trao 27 xuất quà của Chủ tịch Nước trị giá 2,26 triệu đồng. Xây dựng quĩ "Đền ơn đáp nghĩa" trị giá 24,725 triệu đồng, quĩ ủng hộ nạn nhân bị chất độc da cam 24 triệu đồng, vận động ủng hộ đồng bào miền Trung và đồng bào huyện Sa Pa bị bão, lũ 75,26 triệu đồng, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa 40 triệu đồng...

- Đăng ký xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Năm qua đã có 51/106 khu dân cư đăng ký đạt tiêu chuẩn khu dân cư tiên tiến, trong đó có 30 khu tiên tiến xuất sắc được đề nghị tỉnh khen.

- Qua phân xếp loại hàng năm, Mặt trận và các đoàn thể đều đạt những thành tích đáng khích lệ trong các phong trào từ cấp huyện đến cấp cơ sở, giảm các đơn vị trung bình, tăng cơ sở vững mạnh và vững mạnh xuất sắc.

IV. Đánh giá chung

Năm 2000 là năm cuối của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, là năm kỷ niệm nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc và là năm chuyển giao thế kỷ, thiên niên kỷ mới. Trong năm qua toàn Đảng bộ đã triển khai và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết chuyên đề của BCH Huyện ủy như: Nghị quyết 04 tập chung xóa thôn bản trắng đảng viên; Nghị quyết 05 về tiếp tục lãnh đạo công tác phổ cập GDTH - CMC; Nghị quyết 06 về phân công phụ trách tay ngành tay xã; Nghị quyết 07 về phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 1999 - 2000. Bên cạnh đó có sự lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh, sự giúp đỡ có hiệu quả của các sở, ban ngành tỉnh cùng sự nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện quyết tâm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đã đề ra. Từ những kết quả đó Đảng bộ huyện Bảo Yên vẫn giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được còn một số tồn tại sau:

- Tuy cơ cấu kinh tế của huyện đã có chuyển biến, đại bộ phận nhân dân đổi mới trong tư duy để phù hợp nền sản xuất hàng hoá với kinh tế thị trường nhưng còn chậm và chưa đồng bộ, chưa đều giữa các vùng; kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng.

- Chất lượng và hiệu quả một số dự án, công trình XDCB còn hạn chế.

- Công tác khai thác, vận chuyển lâm sản có lúc có nơi quản lý chưa chặt chẽ gây dư luận không tốt trong nhân dân. Trong lĩnh vực bưu điện việc chuyển công văn giữa huyện và xã có lúc còn chậm việc bố trí lực lượng chạy công văn hoả tốc khi cần thiết chưa đáp ứng.

- Công tác thu ngân sách còn bộc lộ những hạn chế, có khoản thu không đạt kế hoạch hoặc thậm chí không thu được. Một số cán bộ cơ sở còn có biểu hiện vi phạm công tác thu - chi tài chính.

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo một số tổ chức cơ sở Đảng, công tác quản lý điều hành một bộ phận chính quyền, đoàn thể cơ sở còn thụ động chưa phát huy được tính năng động sáng tạo của cấp mình.

- Việc tham gia sinh hoạt Chi bộ nơi cư trú nội dung còn nghèo nàn, chất lượng chưa cao, chưa ra được nghị quyết để thực hiện.

Phần II
MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2001

I. Về kinh tế - xã hội

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Sản lượng lương thực có hạt: 20.724 tấn, trong đó thóc: 16.224 tấn
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 3.715 triệu đồng

- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường 95%;
- Xóa mù chữ 600 người, sau xóa mù chữ 1.000 người
- Tỷ lệ giảm sinh 0,5%o
- Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi: 4%
- Gia đình đạt chuẩn văn hoá 8.000 gia đình
- Tỷ lệ đói nghèo: 20,0% (tính theo tiêu chí mới của Bộ LĐ-TBXH).

2. Một số nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng dần tỷ trọng ngành tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; đầu tư nâng cấp và xây dựng mới công trình thủy lợi trọng điểm từng bước kiên cố hoá kênh mương. Phá thế độc canh cây lúa, áp dụng khoa học kỹ thuật, tăng vụ đưa giống mới vào sản xuất, hình thành vùng lúa cao sản, vùng thâm canh ngô. Mở rộng vùng chè, chăm sóc và trồng mới cây quế, phát triển đa dạng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế. Diện tích chè trồng mới đạt 200 ha.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng đàn gia súc gia cầm, đẩy mạnh lai tạo đàn lợn hướng nạc và sin hoá đàn bò... Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh.

- Chú trọng đẩy mạnh nghề rừng, phát triển kinh tế vườn đồi, kinh tế trang trại, quy hoạch vùng nguyên liệu giấy.

- Đầu tư các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm, tiếp tục quy hoạch đưa công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng về tại các trung tâm cụm xã; đưa thêm 1 đến 2 cụm sơ chế chè vào các xã vùng chè, từng bước thực hiện việc đưa điện lưới quốc gia đến các xã có điều kiện. Tiếp tục thực hiện việc thông xe ô tô đến 3 xã: Tân Tiến, Kim Sơn, Cam Cọn. Tập chung huy động các nguồn thu vào ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ và công khai hoá các khoản thu, phấn đấu huy động từ 4 - 5% GDP vào ngân sách Nhà nước.

- Duy trì chương trình phổ cập GDTH - CMC, tiếp tục thực hiện phổ cập trung học cơ sở ở các xã có điều kiện. Tăng cường công tác y tế bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân, đẩy mạnh các chương trình y tế quốc gia, củng cố lực lượng y tá thôn bản.

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hoá, từng bước cải tiến và xóa bỏ những tập tục lạc hậu; xây dựng các khu vui chơi văn hoá thể thao tại các trung tâm cụm xã; duy trì và mở rộng diện phủ sóng truyền hình. Thực hiện tốt công tác xã hội, thường xuyên quan tâm, chăm lo đến các gia đình thương binh liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

II. Công tác an ninh - quốc phòng

- Đẩy mạnh công tác giáo dục tuyên truyền, nâng cao ý thức và tôn trọng pháp luật trong nhân dân; đề cao cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn "Diễn biến hoà bình " của các thế lực thù địch, chủ động phòng ngừa và tấn công các loại tội phạm, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia.

- Thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh chính trị trên địa bàn, xử lý kịp thời những phát sinh gây mất ổn định từ cơ sở, chú trọng các vấn đề đơn thư khiếu kiện, các hoạt động tôn giáo trái phép lợi dụng di cư tự do, đồng thời luôn củng cố kiện toàn lực lượng công an địa bàn.

- Thường xuyên bổ sung và hoàn chỉnh các phương án phòng thủ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ dự bị động viên vững mạnh đảm bảo cho sẵn sàng chiến đấu và phòng thủ tác chiến. Làm tốt công tác tuyển quân, giao quân đủ chỉ tiêu, quản lý chặt chẽ vũ khí, khí tài, chất cháy và chất nổ.

III. Xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể

1. Công tác xây dựng Đảng

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tăng cường bám sát cơ sở nắm tình hình diễn biến tư tưởng phục vụ các yêu cầu nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức để đi vào hoạt động theo quy chế, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cấp ủy cơ sở; tiếp tục thực hiện bước 3 theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2) khoá VIII về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng chấp hành Điều lệ Đảng, nâng cao chất lượng và số lượng cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới. Thực hiện nghiêm túc công tác tinh giảm biên chế trong các cơ quan khối Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW7 (khoá VIII).

- Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của BCH Huyện ủy khoá 11 về phát triển nông nghiệp - nông thôn, Nghị quyết về xóa thôn bản trắng đảng viên; đẩy mạnh phổ cập giáo dục trung học cơ sở...

2. Công tác chính quyền

Tập chung lãnh đạo công tác củng cố chính quyền, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền các cấp, nhất là chính quyền cấp cơ sở, thực hiện một cách cải cách hành chính theo hướng tinh giảm gọn nhẹ. Đề cao trách nhiệm và hiệu lực, hiệu quả của HĐND trong công tác

giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước từ huyện tới cơ sở. Đồng thời tăng cường công tác tiếp dân, kịp thời giải quyết đơn thư của công dân không để tồn đọng dây dưa; thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể

- Tăng cường hoạt động và đổi mới công tác vận động quần chúng, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; thống nhất ý chí và hành động quyết tâm thực hiện nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Củng cố các đoàn thể quần chúng vững mạnh, tập hợp hội viên, gắn hoạt động của đoàn thể với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, phối hợp với các ban ngành tổ chức tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư".

4. Một số biện pháp chỉ đạo **thực hiện nhiệm vụ năm 2001**

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí Huyện ủy viên có trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp từng đơn vị cơ sở.

- Giao cho UBND huyện và các ngành chức năng xây dựng 02 nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành về: Phổ cập giáo dục THCS-CMC từ 2001-2005 và Nghị quyết về phát triển nông nghiệp - nông thôn giai đoạn 2001-2005.

- Hàng tháng, hàng quí tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; đồng thời xây dựng chương trình công tác phù hợp với từng thời gian cụ thể.

- Tăng cường công tác kiểm tra cơ sở

Trên đây là báo cáo tổng kết của Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2000 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu năm 2001. Với những thành tích đã đạt được trong năm 2000, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà Đảng bộ đã đề ra./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M HUYỆN Ủy
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số: 24-BC/HU, ngày 21 tháng 05 năm 2001
Tổng kết thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2)
và Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng.

- Thực hiện Kế hoạch của Bộ Chính trị, hướng dẫn kế hoạch triển khai của Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương,

- Thực hiện Kế hoạch chương trình hành động triển khai Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng của Tỉnh ủy Lào Cai,

- Căn cứ Đề cương số 81 ngày 15/5/2001 về báo cáo tổng kết của Tỉnh ủy Lào Cai,

Sau hai năm thực hiện, Đảng bộ huyện Bảo Yên đã đạt được những kết quả sau:

I. Trách nhiệm của cấp ủy trong quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện

1. Căn cứ tình hình đặc điểm cụ thể của Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên đã tiến hành xây dựng kế hoạch triển khai học tập nghị quyết và đã ra chương trình các bước tiến hành, thực hiện cho cả đợt sinh hoạt chính trị nhằm mục đích:

- Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, nâng cao uy tín và thanh danh của Đảng, thực hiện mối quan hệ mật thiết với nhân dân, làm cho Đảng - Dân một ý chí.

- Quán triệt vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng, cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ mới. Thực hiện đúng Điều lệ Đảng, thực hiện nguyên tắc tập chung dân chủ, tự phê bình và phê bình, chấn chỉnh sắp xếp lại bộ máy, tổ chức hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết TW6 và Nghị quyết TW7 (khoá VIII). Đồng thời là bước chuẩn bị tốt nhân sự cho Đại hội Đảng các cấp theo Chỉ thị 54 TW (khoá VIII).

- Rèn luyện nâng cao nhận thức tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống cho cán bộ đảng viên. Nêu cao tính tiên phong gương mẫu, chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngăn chặn, đẩy lùi một bước quan trọng tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một số bộ phận cán bộ đảng viên.

2. Triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch và mục đích yêu cầu đã được xây dựng. Huyện ủy triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng triển khai học tập và thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đối tượng là các đồng chí Huyện ủy viên, bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ cơ sở, chủ tịch HĐND, UBND, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể quần chúng trong huyện.

Sau Hội nghị của huyện, các chi, đảng bộ đã chủ động cùng các đồng chí Huyện ủy viên, thủ trưởng tay ngành, tay xã xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai ở đơn vị mình sát với tình hình của đơn vị, địa phương phục vụ cho đợt vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2).

Kế hoạch và chương trình thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) của 44 chi, đảng bộ cơ sở đều được cấp ủy huyện và các ban xây dựng Đảng của Huyện ủy kiểm tra và duyệt, việc triển khai Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, kế hoạch hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, huyện và ở cơ sở Ban Thường vụ Huyện ủy tập huấn cho 44 đồng chí bí thư các chi, đảng bộ cơ sở và 28 đồng chí Huyện ủy viên phụ trách ngành, xã trực tiếp làm báo cáo viên để triển khai. Thời gian quán triệt triển khai học tập theo chương trình kế hoạch đã xây dựng. Toàn Đảng bộ huyện cán bộ và đảng viên đều nghiêm túc trong học tập.

Cán bộ, đảng viên được triển khai học tập Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng và Kế hoạch hướng dẫn, chương trình hành động của cấp trên và cơ sở 1.507/1.705 đồng chí = 88,4%, còn lại các đồng chí miễn hoãn và già yếu không tham gia học được. Riêng đảng viên tham gia học tập đạt 95%.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) và Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng

1. Chỉ đạo tự phê bình và phê bình

Sau khi triển khai quán triệt học tập Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng và chương trình kế hoạch hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, huyện và của cơ sở xây dựng các chi, đảng bộ cơ sở và đảng viên viết bản kiểm điểm cá nhân và tập thể theo mẫu hướng dẫn kiểm điểm, thông qua cấp ủy cơ sở và nộp về Huyện ủy. Các bản kiểm điểm của tập thể cấp ủy cơ sở và cá nhân đều được cấp ủy huyện nghiên cứu và bổ sung những vấn đề trong bản kiểm điểm chưa nêu, cần phải đưa vào kiểm điểm đúng tinh thần của Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng.

Trong quá trình tiến hành bước 1 huyện Bảo Yên có thuận lợi cơ bản là tháng 10/1998 đoàn công tác của Tỉnh ủy Lào Cai sau khi kiểm tra thực tế đã có Kết luận chỉ rõ 19 khuyết điểm, tồn tại của Bảo Yên cần được

khắc phục và sửa chữa ngay. Vì vậy, công tác quán triệt và thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng ở các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn có nhiều thuận lợi.

Thực hiện Kế hoạch, nội dung tự phê bình và phê bình. Ban Thường vụ Huyện ủy qua xem xét các bản kiểm điểm đã gợi ý bằng văn bản cho 72 đồng chí cán bộ chủ chốt khối xã, thị trấn, 92 đồng chí Trưởng, Phó các ban ngành của huyện, những đồng chí có vấn đề được gợi ý kiểm điểm cụ thể. Ban Thường vụ Huyện ủy đã phân công chỉ đạo các đồng chí Huyện ủy viên phụ trách xã, các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy trực tiếp dự và chỉ đạo kiểm điểm. Tính đến ngày 30/4/2001 kết quả đã kiểm điểm 44/44 tổ chức cơ sở Đảng đã tổ chức kiểm điểm xong.

Qua kiểm điểm cá nhân, tập thể cấp ủy cơ sở, các cấp ủy cơ sở chỉ đạo chặt chẽ đúng chỉ đạo của Thường vụ Huyện ủy và bám sát những gợi ý của Ban Thường vụ để các cấp ủy viên, Trưởng, Phó phòng ban thực hiện tự phê bình và phê bình.

Một số cấp ủy qua kiểm điểm, kiểm tra có vi phạm khuyết điểm chủ yếu vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống. Đã xử lý kỷ luật 14 đồng chí. Một số cấp ủy cũng thấy rõ những yếu kém trong việc tổ chức và chỉ đạo điều hành.

2. Kết quả thực hiện kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2)

Tập thể Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 28 đồng chí, dự kiểm điểm 23 đồng chí (vắng 03 đồng chí: 01 đồng chí nghỉ chế độ, 02 đồng chí đi học tập chung dài hạn). Quá trình tổ chức kiểm điểm có mời các đồng chí cách mạng lão thành đến dự và đóng góp ý kiến bổ sung bản kiểm điểm tự phê bình và phê bình của tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy.

Với cấp ủy cơ sở: Tổng số 44 chi, đảng bộ cơ sở, số cấp ủy cơ sở dự kiểm điểm 221/221 đảng viên. Trong quá trình thực hiện các cá nhân sai phạm xử lý kỷ luật 14 đảng viên (khiển trách 05 đảng viên; cảnh cáo 07 đảng viên; cách chức 02 đảng viên).

Đối với đảng viên: Tổng số 1.705 đảng viên, số được phân tích chất lượng 1.507 đảng viên (Còn lại là số đảng viên miễn hoãn sinh hoạt).

Trong đó:

Loại I: 1.204 đảng viên = 79,7%;

Loại II: 290 đảng viên = 19,2%;

Loại III: 13 đảng viên = 0,9%

Số đảng viên loại III có sai phạm đã được tổ chức xem xét, xử lý kịp thời).

Thực hiện tự phê bình và phê bình, xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2) với phương châm "*Cấp trên làm trước,*

cấp dưới làm sau"; "cán bộ chủ chốt kiểm điểm trước, các cá nhân khác kiểm điểm sau", tập chung chủ yếu vào 03 nội dung: Tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và quá trình tổ chức chỉ đạo điều hành.

*Đánh giá chung qua đợt tự phê bình và phê bình

a. Về tư tưởng chính trị

- *Ưu điểm:* Tập thể Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy và các tổ chức chi, đảng bộ nhận thức đúng đắn và nhất trí cao quan điểm, chủ trương đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyện trung thành với Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liến với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Luôn luôn quan tâm đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên, thực hiện qui định học tập bắt buộc về lý luận, chính trị cho các đối tượng là bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc; chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND xã, thị trấn; trưởng, phó các ban ngành, đoàn thể; trưởng thôn, bản...

- *Tồn tại:* Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn tỏ ý băn khoăn, lo lắng trước những vi phạm chính sách, pháp luật, kỷ luật của Đảng của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay.

Còn một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thiếu tiên phong gương mẫu, chưa chịu nghiên cứu, học tập, rèn luyện, lời nói không đi đôi với việc làm, tác dụng hiệu quả công tác thấp.

Một vài cấp ủy cơ sở nội bộ mất đoàn kết, thống nhất chưa cao, thậm trí còn vi phạm nguyên tắc tập chung dân chủ, làm hạn chế đến năng lực lãnh đạo, giảm uy tín đối với đảng viên và quần chúng nhân dân.

b.Về đạo đức lối sống

- *Ưu điểm:* Đội ngũ cán bộ, đảng viên đại bộ phận luôn tu dưỡng rèn luyện đề cao và phát huy tốt phẩm chất đạo đức của người đảng viên cộng sản, tạo được tín nhiệm cao trong quần chúng nhân dân các dân tộc trong huyện, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đoàn kết một lòng, có lối sống giản dị trong sáng. Thể hiện sự nhất trí cao trong điều hành chỉ đạo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cấp trên và nghị quyết của Đảng bộ.

Nêu cao tinh thần trách nhiệm cá nhân chủ động sáng tạo trong công tác, gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện Điều lệ Đảng, các qui định của Trung ương, thực hiện nghiêm túc các điều cấm đảng viên không được làm, có tinh thần vươn lên khắc phục khó khăn, không có biểu hiện tham nhũng, tham ô gây lãng phí, buôn lậu tiếp tay cho kẻ xấu, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị cơ sở.

- *Tồn tại, khuyết điểm:* Một số ít cán bộ, đảng viên thiếu đầu tàu gương mẫu, chưa thường xuyên tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống dẫn

đến những vi phạm bị xử lý kỷ luật. Tác phong công tác của một số cấp ủy viên chưa sâu sát cơ sở, ít kiểm tra đôn đốc nên việc hoàn thành nhiệm vụ chưa cao.

Đấu tranh tự phê bình và phê bình ở một số cấp ủy còn e dè né tránh chưa kiên quyết, có biểu hiện gây phiền hà trong giải quyết công việc gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân.

Các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan còn nặng nề kể cả vùng thấp và vùng cao, trong đó có cả những cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu.

c. Tổ chức chỉ đạo điều hành

- *Ưu điểm:* Cấp ủy huyện và các cấp ủy cơ sở đã xây dựng quy chế hoạt động ngay từ đầu nhiệm kỳ, hàng năm có bổ sung hoàn chỉnh đồng thời có kiểm điểm uốn nắn để thực hiện đúng quy chế đã đề ra. Thực hiện nguyên tắc tập chung dân chủ trong các Hội nghị, mọi công việc đều được bàn bạc dân chủ công khai do vậy đã phát huy được sức mạnh tập thể và trách nhiệm cá nhân phụ trách trong nhiệm vụ được phân công của từng cấp ủy viên.

Thực hiện phân công nhiệm vụ đến từng cá nhân và cơ sở để việc kiểm điểm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công việc. Những cơ sở xã có nhiều khó khăn thường xuyên được quan tâm chỉ đạo đúng mức nên đã khắc phục dần mặt còn yếu.

Thực hiện công tác đánh giá công chức hàng năm, công tác quy hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, bổ nhiệm cán bộ, bổ nhiệm lại cán bộ được Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên quan tâm và chỉ đạo cụ thể. Các bước làm của công tác cán bộ thực hiện đúng qui trình theo qui định của Ban Tổ chức Trung ương, của Tỉnh ủy nên công tác cán bộ từng bước đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn cách mạng hiện nay và những năm tiếp theo, không để hẫng hụt cán bộ qua các thời kỳ.

HĐND-UBND từ huyện đến cơ sở đều có đủ năng lực điều hành và cụ thể hoá các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng vào đơn vị, địa phương có hiệu quả thiết thực. Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, ổn định đời sống, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thường xuyên được củng cố, nội dung hoạt động phong phú, động viên nhân dân thực hiện nếp sống văn hoá, giữ gìn được truyền thống bản sắc văn hoá dân tộc, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- *Khuyết điểm:* Đảng bộ huyện chưa tạo ra được sự chuyển biến cơ cấu kinh tế một cách rõ nét, nền kinh tế thuần nông độc canh cây lúa vẫn là chủ yếu. Chưa có sản phẩm cây trồng vật nuôi mũi nhọn vững chắc.

Việc triển khai Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá triển khai chậm. Công tác quản lý các nguồn vốn thuộc chương trình, dự án chưa đồng bộ, quá trình kiểm tra giám sát chưa chặt chẽ nên hiệu quả chưa cao và tiến độ còn chậm.

Vai trò lãnh đạo ở một số cơ sở còn yếu, sự điều hành của chính quyền còn lúng túng, nhiều vướng mắc của nhân dân chưa được giải quyết kịp thời dẫn đến tình trạng đơn thư vượt cấp. Hoạt động lợi dụng tôn giáo trái pháp luật còn chậm được giải quyết.

3. Kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung khác trong đợt vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng

Đồng thời triển khai thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng. Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo triển khai tổ chức Kỷ niệm 30 năm thực hiện Di chúc của Hồ Chủ Tịch (9/1969 - 9/1999) và 41 năm thực hiện lời Di huấn của Người khi lên thăm Lào Cai (23/9/1958 - 23/9/1999). 44/44 chi, đảng bộ trực thuộc tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập liên hệ thực hiện Di chúc của Bác Hồ và Năm lời thề trong lễ truy điệu Người.

Gắn với kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng. 44/44 chi, đảng bộ cơ sở tổ chức cho cán bộ, đảng viên ôn lại truyền thống lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng nhằm nâng cao ý thức chăm lo xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000 trọng tâm: 70 năm ngày thành lập Đảng, 55 năm ngày Quốc khánh, 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 25 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đẩy mạnh phong trào thi đua chào mừng Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc.

Phổ biến học tập, trao đổi viết thu hoạch trong chi bộ (tổ đảng) bài diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tại kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng. Trong ngày lễ kỷ niệm 03/02/2000 huyện đã kết nạp được 55 đồng chí vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Huyện Bảo Yên thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp 11/1999 đã vận động nhân dân đi bầu cử thực hiện quyền công dân của mình đạt 99,53% người đi bầu cử.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 22/5/2000 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng. Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo thực hiện thắng lợi Đại hội Đảng cấp cơ sở và huyện theo đúng nguyên tắc của Đảng. 44/44 chi, đảng bộ cơ sở đại hội xong trước 30/9/2000, Đại hội Đảng bộ huyện ngày 21 đến 22/11/2001.

Triển khai thực hiện Nghị quyết TW7 (khoá VIII) một số vấn đề về tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và tiền lương, trợ cấp xã hội thuộc ngân sách Nhà nước. Căn cứ vào kế hoạch của tỉnh, huyện Bảo Yên chỉ đạo các ngành tiến hành đánh giá công chức và viết đề án bảo vệ biên chế của từng phòng, ban ngành trong huyện, sau đó huyện thành lập Ban Chỉ đạo và trực tiếp duyệt các đề án biên chế đúng tinh thần Nghị quyết TW7 (khoá VIII).

III. Phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết TW6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng.

- Triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ 12 và Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX.

- Tăng cường đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nâng cao nhận thức chính trị, không mơ hồ mất cảnh giác với âm mưu "Diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Các cấp ủy chính quyền, Mặt trận Tổ Quốc và các đoàn thể quần chúng đi sâu nắm bắt tình hình tư tưởng quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện lệch lạc, sai trái, xác định bản lĩnh chính trị vững vàng cho mỗi cán bộ, đảng viên xứng đáng là chỗ dựa cho quần chúng nhân dân.

- Nêu cao hơn nữa ý thức đấu tranh tự phê bình và phê bình với tinh thần thẳng thắn chân tình. Thực sự phát huy dân chủ, khắc phục tình trạng nể nang, xuê xoa né tránh. Đồng thời nghiêm cấm lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, gây mất đoàn kết nội bộ.

- Nêu cao tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, gần gũi giúp đỡ những người vi phạm nhận ra khuyết điểm để sửa chữa.

- Duy trì chế độ sinh hoạt, tăng cường và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong quá trình chỉ đạo điều hành. Thường xuyên bổ sung hoàn chỉnh quy chế và thực hiện đúng quy chế đề ra.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Trung ương, tỉnh về công tác tổ chức và cán bộ như: Phân cấp quản lý, quy trình đánh giá, bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển cán bộ và chế độ kiểm tra công tác cán bộ. Luôn đảm bảo tốt công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Tiếp tục phấn đấu và giữ vững danh hiệu "Đảng bộ trong sạch vững mạnh"./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M HUYỆN Ủy
PHÓ BÍ THƯ

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 26-BC/HU, ngày 03 tháng 7 năm 2001
Kết quả điều tra kinh tế-xã hội
(Đồng bào vùng khó khăn)

Thực hiện Hướng dẫn số 02- HD/BCĐ ngày 08/5/2001 của Ban Chỉ đạo 184 Tỉnh Lào Cai về việc khảo sát điều tra kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào khó khăn.

Ban Chỉ đạo 184 huyện Bảo Yên đã xây dựng Kế hoạch số: 03-KH/BCĐ ngày 18/06/2001 để chỉ đạo thực hiện công tác khảo sát điều tra kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào khó khăn trên địa bàn huyện, kết quả cụ thể như sau:

1. Phạm vi, đối tượng điều tra

Khảo sát điều tra ở 11/11 xã có đồng bào người H'Mông đang sinh sống. Qua nghiên cứu cho thấy: Đồng bào mới chuyển từ các huyện bạn về Bảo Yên sau sự kiện tháng 2/1979 nên đều ở vùng sâu, vùng xa, diện tích đất canh tác hạn chế, việc đi lại, đời sống văn hoá tinh thần có nhiều khó khăn bức xúc. Mặt khác bị kẻ xấu lợi dụng nên nhiều người (hộ) còn theo đạo trái phép.

2. Nội dung khảo sát điều tra

Điều tra khảo sát đến từng hộ gia đình đồng bào H'Mông để hoàn chỉnh 02 biểu mẫu theo quy định của Tỉnh:

+ Phiếu điều tra kinh tế - xã hội.

+ Phiếu phỏng vấn lĩnh vực tư tưởng văn hoá.

Từng thôn có bản tổng hợp điều tra, mỗi xã có bản tổng hợp chung cho một đơn vị điều tra.

3. Kết quả triển khai thực hiện điều tra

- Ban Chỉ đạo 184 Huyện đã trưng tập 12 cán bộ, ngành, ban của Huyện và được Tỉnh tăng cường cho huyện 03 cán bộ = 15 đồng chí đã phân công trực tiếp điều tra ở 11 xã bắt đầu từ ngày 23 đến 29/6/2001 đã tiến hành xong ở các xã.

- Kết quả tổng hợp toàn huyện như sau:

+ Điều tra 11/11 xã có đồng bào H'Mông

+ Thôn bản điều tra 42/44 thôn = 95,45% theo kế hoạch (02 thôn ở xã Điện Quan = 66 hộ chưa điều tra được).

+ Số hộ đã điều tra: 1.035/1.135 = 91,18%;

+ Số khẩu đã điều tra: 6.240 người, trong đó: Nam 3.106 người, Nữ 3.134 người.

+ Đảng viên: 15 người; đoàn viên, thanh niên: 125 người.

(phiếu điều tra, phiếu phỏng vấn và bản tổng hợp kèm theo).

4. Nhận xét đánh giá

- Ban Chỉ đạo 184 Huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch và chỉ đạo đồng bộ và được sự chỉ đạo giúp đỡ của Tỉnh, các cấp ủy cơ sở đều có quyết tâm tổ chức thực hiện tốt nên chỉ một thời gian ngắn đã hoàn chỉnh khối lượng công việc lớn.

- Phương pháp cách tiến hành và kết quả điều tra phản ánh số liều thực tế, chính xác đúng yêu cầu đề ra.

- Số hộ thuộc diện điều tra nhưng chưa điều tra được là 100 hộ trong đó có 44 hộ chủ hộ đi vắng khi điều tra; 66 hộ ở 02 thôn Khao A và Khe Bốc, xã Điện Quan nhân dân không khai báo nguyên nhân, do nhân dân chưa hiểu rõ mục đích nội dung của việc điều tra nên không khai báo.

Trên đây là những kết quả khảo sát điều tra kinh tế - xã hội vùng đồng bào khó khăn của huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M HUYỆN Ủy
BÍ THƯ

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 28-BC/HU, ngày 10 tháng 7 năm 2001
Sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về việc đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú

Thực hiện Hướng dẫn số: 03-HD/TC ngày 10/05/2001 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai về việc Sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU về việc đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú.

Sau 2 năm triển khai thực hiện Huyện ủy Bảo Yên kiểm điểm đánh giá kết quả, rút ra ưu điểm và những khuyết điểm, tồn tại cần khắc phục trong thời gian tiếp theo.

I. Đặc điểm tình hình

Đảng bộ huyện Bảo Yên có 44 chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc trong đó:

- 18 chi, đảng bộ cơ sở xã, thị trấn;
- 26 chi, đảng bộ cơ sở khối cơ quan.
- Tổng số đảng viên đến 30/6/2001 là: 1.829 đảng viên
- Thực hiện Chỉ thị 13 - CT/TU, Huyện ủy Bảo Yên đã quán triệt chỉ đạo 26/26 chi, đảng bộ cơ quan làm thủ tục chuyển đảng viên của đơn vị mình về sinh hoạt nơi cư trú, hiện nay thực hiện:

+ Có 25/26 chi, đảng bộ cơ quan làm thủ tục giới thiệu đảng viên về sinh hoạt tại 10 Chi bộ thuộc Đảng bộ thị trấn Phố Ràng.

+ Có 01/26 chi bộ cơ quan chưa giới thiệu đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú là Chi bộ Trường PTTH Bảo Hà, Chi bộ này số lượng đảng viên ít (06 đồng chí), lại đóng trên địa bàn xã Bảo Hà, xa trung tâm huyện trên 20km.

II. Quá trình triển khai thực hiện

1. Việc quán triệt học tập

- Huyện ủy tổ chức quán triệt học tập và hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai cho các đồng chí Huyện ủy viên và 44 cấp ủy các chi, đảng bộ cơ sở.
- Căn cứ kế hoạch, hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bảo Yên chỉ đạo cấp ủy các cơ quan và Đảng ủy thị trấn Phố Ràng cụ thể hoá nội dung, cách thức, đề ra lịch tiến hành tổ chức cho đảng viên là cán bộ các cơ quan tham gia sinh hoạt tại chi bộ nơi cư trú, thời gian sinh hoạt 3 tháng 1 kỳ và sinh hoạt chung với đảng viên chi bộ sở tại.

2. Kết quả thực hiện

- Trong 2 năm (6/1999 - 6/2001) đã tổ chức sinh hoạt được 08 kỳ, hiện

nay tổng số đảng viên giới thiệu về sinh hoạt nơi cư trú 271 đồng chí. Tổng hợp 08 kỳ sinh hoạt, vắng 567/2.049 lượt đảng viên = 27,6%,

Trong đó:

+ Vắng không lý do = 198/2.049 = 9,6%

+ Vắng có lý do = 369/2.040 = 18%

Trong số vắng không có lý do chủ yếu là các đồng chí đảng viên ở các chi bộ, đảng bộ quản lý đảng viên không làm công văn thông báo cho Đảng bộ thị trấn Phố Ràng, cá biệt còn có một vài đảng viên chấp hành chưa nghiêm Chỉ thị 13 đã được cấp ủy cơ sở kiểm điểm nhắc nhở.

Kết quả thực hiện Chỉ thị 13 của Tỉnh ủy đã giúp cho đảng viên cơ quan, cũng như đảng viên sở tại nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mình đối với khu phố, thôn bản nơi cư trú, tinh thần đoàn kết thống nhất được tăng cường. Gia đình đảng viên cơ quan gương mẫu chấp hành mọi chủ trương chính sách cũng như những quy định của khu phố hoặc cụm dân cư.

Nhìn chung, các chi, đảng bộ thực hiện đúng tinh thần Chỉ thị 13 và hướng dẫn của Huyện ủy, nội dung sinh hoạt tập chung chủ yếu là các chi bộ sở tại thông báo tình hình các mặt hoạt động của chi, đảng bộ, địa phương, thôn bản về chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tình hình kinh tế, đời sống, an ninh quốc phòng, việc chấp hành của các hộ nhân dân trong thôn bản để đảng viên cơ quan biết và vận động quần chúng và gia đình thực hiện. Đồng thời đảng viên cơ quan tham gia đóng góp xây dựng cho chi, đảng bộ chính quyền địa phương lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của chi bộ, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ với nhà nước, xây dựng thôn bản khu dân cư, xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh.

3. Nhận xét chung

** Ưu điểm:*

Huyện ủy Bảo Yên đã xây dựng kế hoạch hướng dẫn và tổ chức thực hiện kịp thời. Thời gian bắt đầu từ tháng 6/1999 ngay từ tháng 5/1999 Huyện ủy tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị đối với các cấp ủy chi bộ thuộc Đảng bộ thị trấn Phố Ràng, các cơ sở quán triệt, triển khai Chỉ thị 13 tới đảng viên, đồng thời tiến hành giới thiệu và tiếp nhận đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú, kỳ thứ nhất tháng 6/1999 và kỳ thứ tám vào ngày 24/6/2001.

Qua triển khai học tập Chỉ thị 13, cấp ủy các cấp và đảng viên đều nhận thức được việc đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú là chủ trương đúng đắn của Đảng được đảng viên đồng tình, nhân dân phấn khởi hoan nghênh. Nó cụ thể hoá nhiệm vụ của cấp ủy và đảng viên

mà Điều lệ Đảng quy định, đồng thời tích cực đóng góp thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2) và góp phần tăng cường công tác tuyên truyền vận động quần chúng của Đảng.

Giới thiệu đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt đảng nơi cư trú đã góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên, tạo điều kiện cho đảng viên nêu cao tinh thần tiên phong gương mẫu, trách nhiệm đầy đủ ở nơi cư trú tạo ra sự phối hợp giữa cấp ủy cơ quan và cấp ủy ở địa phương trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh.

Thực hiện Chỉ thị 13 đã góp phần thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan và địa phương đạt kết quả tốt như việc vận động đóng góp xây dựng các loại quỹ an ninh quốc phòng, thu thuế, mua công trái, ủng hộ đồng bào lũ lụt ... đã tạo ra phong trào tốt ở cơ sở.

Phân tích chất lượng đảng viên cơ quan lấy ý kiến nhận xét chi bộ nơi cư trú đã giúp việc đánh giá nhận xét tư cách đảng viên, phân xếp loại đảng viên sát thực tế hơn qua các năm.

** Khuyết điểm tồn tại:*

- Nhận thức của một số chi ủy trực thuộc Đảng bộ thị trấn Phố Ràng và một số đảng viên cơ quan về sinh hoạt còn chưa rõ. Chi, đảng bộ cơ quan sau khi giới thiệu đảng viên về sinh hoạt nơi cư trú, chưa thường xuyên đôn đốc, kiểm tra đảng viên chấp hành các kỳ sinh hoạt, chưa thường xuyên phối kết hợp với cấp ủy chi bộ sở tại trong việc quản lý đảng viên.

- Một số ít đảng viên cơ quan chưa gương mẫu trong tham gia các kỳ sinh hoạt chi bộ nơi cư trú.

- Nơi có đông đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú, cấp ủy chi bộ sở tại ban đầu tỏ ra lúng túng, chất lượng sinh hoạt còn hạn chế, việc họp ở chi bộ đảng viên cơ quan cũng phải kiểm điểm cả công tác mọi mặt như đảng viên nông thôn. Tuy nhiên, tình trạng đó đã được khắc phục kịp thời, các kỳ sinh hoạt sau chuyển biến tốt.

4. Giải pháp cơ bản khắc phục tồn tại

- Huyện ủy chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ quan kiểm điểm chỉ rõ ưu, khuyết điểm trong việc thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU để sửa chữa khắc phục.

- Tiếp tục quán triệt Chỉ thị 13 để đảng viên nhận thức rõ mục đích, yêu cầu, nội dung đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt chi bộ nơi cư trú, để gắn liền trách nhiệm đảng viên ở nơi công tác với nơi cư trú.

- Các cấp ủy chi, đảng bộ cơ quan thường xuyên phối kết hợp với các cấp ủy chi bộ sở tại, nơi đơn vị mình có đảng viên được giới thiệu sinh

hoạt tại đó, để nắm tình hình và quản lý đảng viên chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Chỉ đạo Chi bộ Trường PTTH Bảo Hà làm thủ tục giới thiệu đảng viên tham gia sinh hoạt nơi cơ trú.

- Kịp thời uốn nắn những nhận thức lệch lạc của một số cấp ủy cơ sở, cơ quan và đảng viên cơ quan chưa gương mẫu trong các kỳ sinh hoạt nơi cư trú.

- Kiểm điểm đánh giá phân tích, xếp loại cấp ủy cơ sở, phân xếp loại đảng viên cơ quan hàng năm phải có nhận xét đánh giá của chi bộ nơi cư trú mà đảng viên tham gia sinh hoạt. Làm tốt công tác này sẽ góp phần tích cực vào phân tích chất lượng và quản lý cán bộ, đảng viên.

- Các chi, đảng bộ cơ quan 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 13- CT/TU về Huyện ủy Bảo Yên bằng văn bản (qua Ban Tổ chức Huyện ủy). Định kỳ 6 tháng, 1 năm Đảng bộ huyện chỉ đạo sơ kết rút kinh nghiệm để việc thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai đi vào nề nếp và hiệu quả.

- Thường trực Huyện ủy giao cho Ban Tổ chức Huyện ủy phối hợp cùng Văn phòng Huyện ủy, các Ban xây dựng Đảng và Đảng bộ thị trấn Phố Ràng kiểm tra đôn đốc việc tổ chức thực hiện và dự thảo qui định việc thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU đưa đảng viên cơ quan về sinh hoạt nơi cư trú./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 35-BC/HU, ngày 18 tháng 10 năm 2001
Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B về "Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân"

Tháng 5 năm 1990 Đảng bộ Huyện Bảo Yên triển khai thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Đảng bộ huyện báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết, kết quả cụ thể sau đây:

I. Tình hình huyện và các phong trào quần chúng

1. Tình hình của huyện

Huyện Bảo Yên thuộc địa bàn phía Nam, diện tích đất tự nhiên là 82.090 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 14.007,57 ha, đất lâm nghiệp 63.464,57 ha. Dân số hiện có trên 71 nghìn người ở 302 thôn bản của 18 xã, thị trấn; có 16 dân tộc anh em cùng chung sống.

Năm 1990 tỷ lệ đói, nghèo còn gần 40%, đói giáp hạt thường xuyên xảy ra, Nhà nước phải cứu trợ, điện, đường, trường, trạm, trụ sở làm việc của các xã, thị trấn cơ bản chưa được xây dựng kiên cố, hưởng thụ về văn hoá, giáo dục, y tế của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đơn thư khiếu kiện của nhân dân diễn biến phức tạp. Truyền đạo trái phép vào bộ phận dân tộc Mông phát triển. Hệ thống chính trị cơ sở tuy có đổi mới nhưng chưa ngang tầm nhiệm vụ, tỏ ra lúng túng trong phương thức hoạt động. Công tác tuyên truyền vận động quần chúng còn những hạn chế.

2. Chuyển biến của phong trào quần chúng những năm qua

a. Trên lĩnh vực kinh tế

- Về nông nghiệp - nông thôn: Đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư vốn, chuyển giao công nghệ kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất lúa bình quân đã tăng từ 40,5 tạ/ha năm 1995 lên 46,71 tạ/ha/một vụ và tổng sản lượng lương thực năm 2000 đạt 23.581 tấn vượt kế hoạch đề ra, so với năm 1995 vượt 2.148 tấn (9,1%) và đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm 2,22% đó là cơ sở để ổn định đời sống nhân dân.

- Đồng thời, đã và đang phát triển thêm ngành nghề tạo việc làm và hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngày, cây đặc sản và cây lương thực đạt năng suất cao như: Vùng cây họ đậu, mía đường, cây ăn quả ở khu Bảo Hà; cây quế ở Yên Sơn, Phố Ràng; vùng thâm canh

lúa ở Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Phố Ràng, Việt Tiến, Lương Sơn; ngô hàng hoá ở Điện Quan, Thượng Hà, Bảo Hà và dự án chè đang thực hiện ở 10/18 xã, thị trấn.

- Về chăn nuôi: Phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản, chủ động phòng chống hạn chế dịch bệnh xảy ra, tổng đàn gia súc, gia cầm tăng trưởng bình quân từ 3 - 4%/năm, đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường và phục vụ đời sống và tăng thu nhập cho nhân dân.

- Về lâm nghiệp: Đã cơ bản hoàn thành việc giao đất, khoán rừng hình thành vùng nguyên liệu giấy cung cấp cho hai nhà máy ở Phố Ràng và Bảo Hà. Nghề rừng và kinh tế từ rừng đã thực sự góp phần quan trọng trong đời sống nhân dân; nhờ đó phong trào trồng rừng và bảo vệ rừng được đẩy mạnh, nâng độ che phủ của rừng từ 29,1% (1995) lên 35,34% (2000) tăng 6,24%.

- Hoạt động tài chính, tiền tệ, tín dụng: Đã thực sự góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện, xóa đói, giảm nghèo của nhân dân. Mức tăng thu ngân sách hàng năm đạt bình quân 5,5%; vay tín dụng tăng 3,37 lần so với năm 1996. Hoạt động của các ngân hàng, nhất là ngân hàng phục vụ người nghèo đã và đang phát huy hiệu quả và được nhân dân đồng tình hưởng ứng.

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản: 10 năm qua phát triển nhanh, đứng vững trong cơ chế mới. Tổng giá trị sản phẩm đạt 13 tỷ năm 2000, tăng bình quân hàng năm 15,93% tăng 3 tỷ đồng so với năm 1995; giao thông vận tải và bưu điện luôn đảm bảo thông suốt từ huyện đến cơ sở, 15/18 xã, thị trấn đường ô tô đến được trung tâm, xây dựng được 05 điểm bưu điện văn hoá xã, 06 xã có báo đọc trong ngày, 12/18 xã, thị trấn có máy điện thoại, đạt tỷ lệ 0,8 máy/100 dân, 40,19% có điện thắp sáng; đường giao thông nông thôn, trường học, trạm xá, trụ sở làm việc cơ bản đã được nâng cấp và xây dựng kiên cố hoá.

b. Trên lĩnh vực xã hội

- Phong trào xóa đói giảm nghèo của nhân dân các dân tộc trong huyện đã và đang phát triển mạnh mẽ, đã xuất hiện nhiều mô hình tốt và gương sản xuất giỏi, từ khó khăn đói, nghèo vươn lên làm giàu. Đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt, tăng bình quân hàng năm đạt 5,22%, GDP bình quân đầu người đạt 1,766 triệu, tăng 0,35 triệu đồng so với năm 1995. Đã chấm dứt nạn đói giáp hạt; tỷ lệ đói nghèo hàng năm giảm từ 2- 3%, hiện chỉ còn 22,91% trong toàn huyện (theo tiêu chí thống kê mới năm 2001). Nhiều hộ dân đã có nhà kiên cố và mua được ô tô, xe máy và tài sản có giá trị lớn.

- Về giáo dục - đào tạo: Xã hội hoá giáo dục đã trở thành phong trào của nhân dân các dân tộc trong huyện nhất là những xã vùng thấp, nơi có

điều kiện cơ sở trường, lớp được mở rộng tỷ lệ trẻ em đến trường ngày một tăng; sự nghiệp giáo dục đào tạo thường xuyên được Đảng, chính quyền các cấp, các ngành và nhân dân chăm lo đã phát triển mạnh mẽ, những năm 1990 mới có 06/18 xã, thị trấn có cấp II, đến nay 17/18 cơ sở có đầy đủ hai bậc học cấp I và cấp II, nhiều cơ sở có 02 trường học năm học 2000 - 2001 đã mở thêm ở 42 thôn bản có lớp học, nâng tỷ lệ huy động trẻ em đến lớp học đạt 92% vượt 4,8% so với năm 1995, toàn huyện đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ năm 1999. Một cơ sở trường học đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

- Về y tế: Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được thường xuyên củng cố kiện toàn, đội ngũ thầy thuốc y, bác sỹ được tăng cường, 18/18 xã, thị trấn có trạm y tế hoạt động đều, 302/302 thôn bản có y tá. Các phòng khám đa khoa ở ba khu vực cụm xã đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân, không để dịch bệnh xảy ra, nhất là dịch sốt rét đã được ngăn chặn. Các chương trình về y tế cộng đồng như: Tiêm chủng mở rộng, dân số kế hoạch hoá gia đình được thực hiện có kết quả góp phần giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,34% năm 1996 xuống còn 2,03% năm 2000.

- Về xây dựng nếp sống văn hoá, phong trào thể thao, văn nghệ: Phong trào xây dựng nếp sống văn hoá mới được phát động mạnh mẽ, nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết TW5 (khoá VIII) đã tạo ra sự chuyển biến về hoạt động phong trào thi đua: Xây dựng làng bản văn hoá, năm 2000 đã có 51 cụm dân cư tiên tiến, 27 cụm dân cư xuất sắc đề nghị được UBMTTQ tỉnh công nhận.

- Các hoạt động văn hoá, thể thao, văn nghệ trong các lễ hội, chào mừng kỷ niệm được tổ chức tại trung tâm huyện và các xã thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Qua đó đã tuyên truyền về chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, qui ước thôn bản để nhân dân hiểu rõ và thực hiện, đồng thời đấu tranh đẩy lùi các hủ tục, tập quán lạc hậu và mê tín dị đoan.

- Về hệ thống phát thanh truyền hình của huyện đã có đầu tư, mở rộng diện phủ sóng, xây dựng mới trạm thu phát sóng FM, nâng cấp trạm thu phát truyền hình trung tâm huyện, lắp đặt 03 trạm tuyền hình: Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Bảo Hà, cung cấp 142 TV, cấp và bán trợ giá 4.086 chiếc radio cho nhân dân vùng sâu, vùng xa, nâng tỷ lệ phủ sóng phát thanh lên 100%, diện phủ sóng truyền hình 75%.

- Phong trào đền ơn, đáp nghĩa: Đã trở thành phong trào quần chúng sâu rộng, qua các cuộc vận động tương thân tương ái, cứu trợ nhân đạo giúp đỡ đồng bào vùng thiên bị tai, lũ lụt, gặp hoạn nạn, khó khăn đã được nhân dân quyên góp tiền, của ủng hộ đồng bào vùng bị lũ lụt. Thực hiện chính sách đối với người có công với Cách mạng, gia đình thương binh, liệt

sỹ, gia đình bộ đội, Bà mẹ Việt Nam anh hùng được quan tâm tốt, đã xây dựng được 06 ngôi nhà tình nghĩa tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các thương binh nặng gặp khó khăn.

c. Trên lĩnh vực an ninh quốc phòng

- Công tác an ninh - quân sự những năm qua đã được các cấp ủy, chính quyền chú ý quan tâm chỉ đạo; phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng nền quốc phòng toàn dân được phát động, thu được nhiều kết quả to lớn, đã có 01 tập thể được Nhà nước phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang và nhiều tập thể, cá nhân đạt thành tích thi đua quyết thắng được các cấp khen thưởng. Tình hình chính trị được tiếp tục ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, các tai tệ nạn xã hội từng bước được ngăn chặn và đẩy lùi, các vi phạm pháp luật xử lý kịp thời đúng qui định. Các phương án phòng thủ A - A2 thường xuyên luyện tập, hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ hàng năm đều hoàn thành trước 30/5 và đạt chất lượng, yêu cầu huấn luyện khá, giỏi chiếm tỷ lệ cao.

d. Trên lĩnh vực xây dựng Đảng, chính quyền

- Nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, xây dựng các chủ trương, chính sách, pháp luật thông qua các kỳ triển khai tổ chức cho nhân dân học tập, lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước như: Nhân dân tham gia cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết TW6 (lần 2), góp ý kiến vào các Văn kiện Đại hội Đảng các cấp, tham gia vào cuộc bầu cử HĐND - UBND, các cuộc tiếp xúc cử tri đã thực sự mở rộng quyền dân chủ của nhân dân, đóng góp nhiều ý kiến với tinh thần thẳng thắn và trách nhiệm cao trong việc xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh. Do đó từ năm 1994 đến nay Đảng bộ luôn đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh, chính quyền vững mạnh, các cơ sở Đảng có trên 60% trong sạch vững mạnh, còn lại đạt loại khá, những năm gần đây không còn cơ sở Đảng yếu kém.

3. Một số vấn đề cần được tiếp tục quan tâm

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xóa đói giảm nghèo nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân các dân tộc trong huyện, nhất là đời sống của đồng bào vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ đói, nghèo còn nhiều, điều kiện sản xuất và đời sống còn gặp nhiều khó khăn.

- Tích cực quan tâm đẩy mạnh phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, nâng cao trình độ dân trí, bồi dưỡng kiến thức khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ bản: Đường giao thông nông thôn, công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt; khai hoang ruộng,

nương bậc thang, làm trường học và củng cố y tế cơ sở nâng cao hiệu quả về phòng và khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nêu cao cảnh giác chống diễn biến hoà bình, chống lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo hoạt động mê tín dị đoan và tuyên truyền đạo trái phép.

4. Đánh giá về một số giai cấp, tầng lớp xã hội

- Giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức và cán bộ công chức viên chức trong huyện luôn tin tưởng, phấn khởi về sự lãnh đạo và các chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tích cực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước hàng năm, góp phần đắc lực hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện. Đời sống của người lao động được cải thiện và nâng cao hơn. Tuy nhiên còn một bộ phận người lao động trong các doanh nghiệp còn khó khăn về việc làm, thu nhập và đời sống chưa thực sự đảm bảo vững chắc.

- Giai cấp nông dân tin tưởng phấn khởi trước những thành tựu đạt được của công cuộc đổi mới của Đảng ta, đoàn kết dân tộc được tăng cường và giữ vững, phong trào quần chúng trong nông nghiệp được phát động rộng khắp, phong trào xóa đói, giảm nghèo, xóa mù chữ đã đạt được kết quả tốt; bộ mặt nông thôn mới: Đường, trường, trạm ... ngày một đổi mới rất đáng phấn khởi, nhân dân càng tin tưởng về sự lãnh đạo của Đảng. Song còn một bộ phận đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn gặp khó khăn về đời sống, cần có sự quan tâm hơn nữa của Đảng, Nhà nước giúp đỡ để đồng bào vượt qua khó khăn, đói nghèo.

- Lực lượng thanh niên cơ bản được tập hợp, đoàn kết hoạt động trong chức Đoàn và Hội liên hiệp thanh niên các cơ sở xã, thị trấn và cơ quan. Phong trào "Thanh niên lập nghiệp và Tuổi trẻ giữ nước" đã thực sự thu hút thanh niên đi đầu trong học tập và rèn luyện, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chương trình 135; phong trào an ninh - quân sự và hoạt động xã hội ở địa phương, đã có nhiều tập thể và cá nhân đạt thành tích xuất sắc.

- Phong trào Hội Phụ nữ thường xuyên được duy trì hoạt động có kết quả, đã động viên thu hút được đông đảo chị em các dân tộc tham gia các phong trào: "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc" và "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế, cần kiệm để xây dựng đất nước" thực hiện có kết quả chương trình: Vay vốn giải quyết việc làm, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình. Thực sự phong trào đã cuốn hút được đông đảo chị em vào hoạt động, được cống hiến và trưởng thành vì sự tiến bộ của phụ nữ và xã hội.

- Về tín ngưỡng tôn giáo: Huyện Bảo Yên có một họ Đạo ở xã Việt Tiến, hoạt động của bà con giáo dân thời gian qua luôn diễn ra ổn định đúng pháp luật, thực hiện: Kính Chúa, yêu nước và làm tròn nghĩa vụ công dân. Đồng bào yên tâm lao động và xây dựng cuộc sống, tin tưởng đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tín ngưỡng dân gian trong nhân dân những năm qua trên địa bàn cơ bản ổn định, nhu cầu của nhân dân về tín ngưỡng có xu hướng phát triển, một số người tự lập lên cái gọi là Đền Tắp ở Phố Ràng, đền Tắp ở Bảo Hà trái với qui định của Nhà nước không được phép hoạt động nên đã phải niêm phong, gần đây ở thôn bãi Liềm xã Kim Sơn đã xây dựng một nhà 2 gian để thờ tự, trái phép huyện đang chỉ đạo để ngăn chặn.

- Đạo Tin lành trái phép trong đồng bào H'Mông ở 11/18 xã, thị trấn trong huyện. Trước những năm 1997 số hộ, khẩu có người theo đạo trái phép ngày một gia tăng và thường xuyên hàng năm du canh du cư, nguyên nhân là do phong tục tập quán và do bọn người xấu kích động, một số nơi đã lập nhà nguyện trái phép và hoạt động công khai. Trong những năm gần đây nhất là hoạt động của Ban Chỉ đạo 184 từ huyện đến cơ sở đã tập chung đẩy mạnh tuyên truyền chính sách, pháp luật trong nhân dân, số người này đã nhận ra bị kẻ xấu lừa gạt và tự nguyện cam kết bỏ không theo đạo trái phép và trở lại với phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc H'Mông.

Tính riêng 8 tháng đầu năm nay toàn huyện đã có 174 hộ = 1030 khẩu bỏ không theo đạo trái phép, trong đó có 03 xã không còn người theo đạo trái phép là: Tân Tiến, Tân Dương, Minh Tân.

-Người nghỉ hưu và người hưởng chính sách xã hội trong huyện có gần 2.000, việc chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng được đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ chính sách, cuộc sống của người hưởng chế độ trợ cấp luôn ổn định có phần được cải thiện khá hơn trước là do: Chế độ chính sách đãi ngộ của Đảng và Nhà nước, đồng thời do chính bản thân mỗi người hưởng chế độ có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn vươn lên trong cuộc sống.

II. Đổi mới công tác dân vận của Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể

1. Công tác Dân vận của Đảng bộ huyện

- Thường xuyên củng cố kiện toàn về tổ chức và cán bộ của Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể từ huyện đến cơ sở; bố trí cán bộ có năng lực làm công tác dân vận, nhất là cán bộ chủ chốt của khối Mặt trận và đoàn thể ở các cấp. Kiện toàn Ban Dân vận Huyện ủy theo đúng hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, có đủ số lượng cán bộ và Trưởng phó ban chuyên trách không phải kiêm nghiệm như trước.

- Chỉ đạo các Đại hội nhiệm kỳ của Mặt trận, đoàn thể đúng qui định

Điều lệ, không để nơi nào kéo dài nhiệm kỳ, trong đó đặc biệt chú ý chỉ đạo tốt công tác nhân sự, bố trí cán bộ chủ chốt của Mặt trận, đoàn thể các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Luôn bám sát chủ trương chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, căn cứ tình hình cụ thể của huyện vận dụng và đề ra các nhiệm vụ cụ thể: Ra Nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn giai đoạn 2001 - 2005; Nghị quyết về công tác phổ cập Trung học cơ sở năm 2001 - 2005; Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư".

- Đổi mới công tác vận động phong trào quần chúng thường xuyên đi sâu sát, cụ thể, thiết thực với đời sống của nhân dân; lắng nghe ý kiến và tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để làm tốt công tác tuyên truyền chính sách pháp luật, giải thích để nhân dân hiểu và thực hiện, đồng thời cùng bàn với nhân dân để tháo gỡ khó khăn, xóa đói, giảm nghèo và những vấn đề của cuộc sống.

2. Công tác Dân vận của chính quyền

- Chính quyền từ huyện đến cơ sở thời gian qua đã chủ động bám sát các chủ trương chính sách của Đảng các cấp, cụ thể hoá các nhiệm vụ cụ thể để tổ chức, chỉ đạo thực hiện đạt kết quả các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình dự án về xây dựng cơ sở vật chất, về đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo vệ an ninh - quốc phòng và quản lý nhà nước ở địa phương. Thực hiện các kế hoạch nhà nước hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

- Tổ chức hoạt động có hiệu quả của các ngành chức năng, chuyên môn, đã tạo được phong trào của quần chúng nhân dân thi đua sản xuất, phát triển kinh tế như: Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi, chương trình vay vốn tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo và các chương trình xã hội khác.

- Tổ chức thực hiện có kết quả quy chế dân chủ ở cơ sở, trong hoạt động cơ quan những năm qua đã thực sự thể hiện chính quyền của dân, do dân và vì dân, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, từ đó dân chủ được mở rộng, sức mạnh đoàn kết được phát huy, hiệu lực quản lý của nhà nước được nâng lên rõ rệt.

3. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể

- Các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở đã thực sự tạo ra một bước mới về nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của công tác Mặt trận và đoàn thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; trong xóa đói, giảm nghèo và xây dựng cuộc sống mới. Không còn tình trạng nơi này

hoặc nơi kia thiếu sự quan tâm lãnh đạo hoặc còn xem nhẹ công tác vận động quần chúng. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thường xuyên kiện toàn tổ chức và cán bộ, đầu tư nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, phục vụ tốt cho hoạt động phong trào.

- Nội dung hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở từng bước được đổi mới: Công tác thông tin tuyên truyền được tăng cường về cơ sở đã đến từng hộ, từng cụm dân cư, đến với hội viên, đoàn viên thông qua thực hiện các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chương trình vay vốn, chương trình phổ cập giáo dục và chống mù chữ ... đã tác động thiết thực đến lợi ích và đời sống của quần chúng hội viên, đoàn viên, tạo điều kiện giúp đỡ để quần chúng khắc phục khó khăn: Xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí và góp phần bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đoàn kết xây dựng đời sống mới ở cụm dân cư.

- Tăng cường sự phối kết hợp, nhịp nhàng giữa các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở tổ chức, phát động phong trào quần chúng nhất là Mặt trận, đoàn thể và Ban Dân vận các cấp, thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng để chỉ đạo phong trào vì vậy chất lượng hoạt động của các tổ chức: Mặt trận, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Công đoàn tỷ lệ đạt xuất sắc và khá hàng năm đều trên 70% số cơ sở, còn lại trung bình, loại cơ sở yếu cá biệt vẫn còn. Các tổ chức Mặt trận, đoàn thể huyện hàng năm đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ xếp loại khá trở lên.

III. Đánh giá chung về ưu, khuyết điểm và nguyên nhân

Sau 10 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành TW (khoá VI) ở Đảng bộ huyện Bảo Yên rút ra những ưu, khuyết điểm và tồn tại như sau:

1. Về ưu điểm

- Tạo được sự chuyển biến mới của phong trào quần chúng trong huyện về phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, phát triển sự nghiệp giáo dục, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể được củng cố niềm tin của nhân dân được khẳng định.

- Các lợi ích về kinh tế, xã hội của nhân dân được đáp ứng và đời sống nâng cao một bước mới, đói nghèo đã từng bước đẩy lùi và vươn lên khá, giàu. Bộ mặt xã hội và nông thôn có nhiều khởi sắc đáng phấn khởi.

- Hình thức tập hợp quần chúng đã và đang đáp ứng được cơ bản nhu cầu, nguyện vọng của hội viên, đoàn viên và nhân dân gắn liền hài hoà các lợi ích và quyền lợi, nghĩa vụ cá nhân trong mỗi tổ chức.

- Đã tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành về sự quan tâm lãnh đạo công tác quần chúng, thực sự là trách nhiệm của Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể và của cả hệ thống chính trị trong các cơ sở và các cấp các ngành.

Nguyên nhân đạt được những kết quả trên là sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, sự phối hợp tổ chức thực hiện của chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp. Nội dung, phương pháp cách tổ chức phát động phong trào quần chúng đã tập chung giải quyết những vấn đề bức xúc của cuộc sống nhân dân nên phong trào thu được kết quả dược quần chúng đồng tình ủng hộ.

2. Khuyết điểm tồn tại

- Việc củng cố xây dựng lực lượng của tổ chức Mặt trận, đoàn thể ở cơ sở nhất là vùng sâu, vùng xa còn yếu; một số thôn bản chưa tập hợp được quần chúng vào hoạt động, chưa có hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào quần chúng.

- Do điều kiện khó khăn ở một số cơ sở vùng sâu, vùng xa nên phong trào quần chúng phát triển chưa mạnh mẽ, chưa toàn diện kết quả phong trào còn hạn chế như: Xóa đói, giảm nghèo, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, xây dựng cơ sở hạ tầng tuy đã có chuyển biến song kết quả mới chỉ là bước đầu.

- Về hình thức tập hợp quần chúng, chưa đa dạng hoá ở các mô hình hoạt động, mới nổi bật được một số ngành như: Hội Nông dân khuyến nông, khuyến lâm, Hội Phụ nữ, Công đoàn, Hội Cựu Chiến binh tổ chức vay vốn xóa đói giảm nghèo tạo việc làm và một số chương trình hoạt động khác; sự phối hợp đồng bộ của các ngành từ huyện đến cơ sở chưa được thường xuyên. Nên tập hợp quần chúng tham gia hoạt động trong các tổ chức hội, tổ chức đoàn, có nơi thôn bản vùng sâu, vùng xa chưa có tổ chức đoàn thể, và đoàn viên, hội viên.

- Công tác vận động quần chúng của Đảng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, ở từng đơn vị cơ sở và các cấp, các ngành song Nhận thức đó có lúc, có nơi một số ít cán bộ, đảng viên còn xem nhẹ, thiếu sự quan tâm đầy đủ đến công tác quần chúng, kết quả một số phong trào đạt thấp; cũng là nguyên nhân dẫn đến những yếu kém trong thực hiện Nghị quyết của Đảng.

3. Những kinh nghiệm rút ra từ công tác Dân vận ở Đảng bộ huyện

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động tạo được sự chuyển biến về nhận thức tư tưởng của các cấp, các ngành, của đội ngũ cán bộ, đảng viên về quan điểm của Đảng về công tác vận động quần chúng. Từ đó có hành

động cụ thể để chăm lo đến công tác quần chúng, tạo ra phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc.

- Tăng cường củng cố, kiện toàn tổ chức và cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể lựa chọn cán bộ có đạo đức, uy tín, tâm huyết và kinh nghiệm thực tiễn làm công tác dân vận. Đẩy mạnh phong trào thi đua nhằm giải quyết tốt các vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ của cá nhân hài hoà với quyền lợi của tập thể ... như xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân về mọi mặt, bảo vệ an ninh chính trị và toàn vẹn lãnh thổ.

- Công tác Dân vận là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là nhiệm của các tổ chức Đảng, của cán bộ và đảng viên.

- Tích cực đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền vận động và tập hợp quần chúng theo hướng quyền lợi gắn với nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp, đơn vị vững mạnh.

- Thường xuyên thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở xã, các cơ quan, nhằm phát huy mạnh mẽ sức mạnh đoàn kết, thống nhất để đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ công tác dân vận từ nay đến 2005

1. Khái quát về dự báo tình hình

- Về thuận lợi là cơ bản các điều kiện để tiếp tục đi vào ổn định tình hình về mọi mặt và phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, thoát khỏi đói nghèo, nâng cao dân trí thực hiện xã hội công băng dân chủ văn minh; đã, đang là niềm tin của nhân dân các dân tộc trong huyện.

- Về những khó khăn trở ngại: Đời sống của một bộ phận đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa tuy đã được quan tâm khắc phục một phần song khó khăn vẫn còn nhiều, tình hình du canh, du cư còn xảy ra và bị kẻ xấu tuyên truyền lợi dụng một số đồng bào vùng cao đã và đang có những việc làm trái với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Nhiệm vụ công tác Dân vận

- Tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức về 4 quan điểm trong Nghị quyết, từ đó có trách nhiệm quan tâm lãnh đạo và thực hiện tốt công tác vận động quần chúng ở từng cơ sở, cơ quan, đơn vị mà mình được phân công phụ trách và công tác.

- Tập chung sự chỉ đạo của toàn Đảng bộ để đẩy mạnh các phong trào quần chúng trên các lĩnh vực nhằm thực hiện hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ XII đề ra, các Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về nông nghiệp,

nông thôn, phổ cập giáo dục và công tác dân vận. Thường xuyên bám sát sự chỉ đạo của cấp trên để tổ chức thực hiện phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị đề ra.

- Mục tiêu của các phong trào quần chúng nhằm phấn đấu đến năm 2005 tăng tốc độ phát triển kinh tế GDP hàng năm từ 8,5 - 9%/năm, không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn 11%, phổ cập giáo dục phổ thông trung học cơ sở 08/18 xã, thị trấn, nâng tỷ lệ được phủ sóng truyền hình 80%. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Tiếp tục củng cố xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể vững mạnh, phấn đấu có 85% cơ sở Đảng TSVM, 90% chính quyền cơ sở xuất sắc và vững mạnh, 80% tổ chức Mặt trận, đoàn thể vững mạnh; tăng cường được lực lượng đảng viên,đoàn viên, hội viên, xóa được thôn, bản chưa có tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết củng cố đoàn thể quần chúng ở thôn bản nhất là vùng sâu, vùng xa, chưa có hội viên, đoàn viên cần sớm khắc phục kết hợp đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" phấn đấu đạt 85% cụm dân cư đạt tiêu chuẩn văn hoá.

- Tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

3. Biên pháp tổ chức thực hiện

- Thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo của cấp trên để tổ chức thực hiện đạt kết quả các mục tiêu đề ra; phối hợp tốt sự cộng tác của các ngành chức năng từ tỉnh, huyện và cơ sở để đẩy mạnh phong trào.

- Hàng quý, năm đề ra nhiệm vụ cụ thể, kết hợp với sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả và công tác thi đua khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, để tiếp tục động viên phong trào.

- Thường xuyên tổ chức các diễn đàn, hội thảo, tọa đàm để trao đổi, tìm ra phương pháp hay, cách làm tốt để đẩy mạnh phong trào quần chúng, xây dựng được mô hình mới, điển hình tiên tiến về chỉ đạo phong trào./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 43-BC/HU, ngày 04 tháng 01 năm 2002
Kết quả công tác thực hiện Chỉ thị 184 năm 2001
Phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu công tác năm 2002

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ CÔNG TÁC 184 NĂM 2001

A. Triển khai thực hiện Kế hoạch 05 của Tỉnh ủy

- Tổ chức Hội nghị cán bộ Ban Chỉ đạo 184 của huyện và cơ sở để quán triệt kế hoạch, hướng dẫn chỉ đạo của tỉnh; bàn chương trình công tác chỉ đạo của huyện và cơ sở.

- Tổ chức được 02 lớp tập huấn cán bộ công tác 184 và công tác dân vận ở huyện, thời gian tập huấn mỗi lớp 03 ngày được 127 lượt người tham gia. Nội dung tập huấn bồi dưỡng về công tác tôn giáo dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, đổi mới nội dung phương thức hoạt động của tổ chức Mặt trận - Đoàn thể và quán triệt chương trình công tác 184 của huyện.

- Tổ chức khảo sát, điều tra đời sống của đồng bào Mông 1.035 hộ = 6.240 khẩu, ở 43 thôn bản của 11/18 xã, thị trấn có người Mông. Kết quả điều tra đã phản ánh tình hình đời sống và nguyện vọng của một bộ phận đồng bào Mông để từ đó tham mưu giúp cho sự chỉ đạo của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với đồng bào vùng cao.

- Tổ chức hội nghị người tiêu biểu trong đồng bào Mông, thời gian hội nghị 02 ngày, trong đó có một ngày đi tham quan tỉnh Lào Cai, 44 đại biểu tiêu biểu ở 11 xã đã về dự hội nghị được nghe báo cáo tổng hợp thành tích của nhân dân các dân tộc trong phong trào "Đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" và bàn những việc nên làm của các cụm dân cư để ổn định cuộc sống, xóa đói giảm nghèo...

- Kiện toàn bổ sung Ban Chỉ đạo 184 của huyện, các cơ sở xã, thị trấn chỉ định đồng chí Bí thư Đảng ủy cơ sở làm Trưởng ban. Cùng với việc thành lập khối dân vận cơ sở và thành lập tổ công tác phối hợp giữa cán bộ các ngành của huyện với xã do đồng chí Huyện ủy viên phụ trách xã làm tổ trưởng đã thường xuyên phối hợp chỉ đạo có kết quả các công tác ở cơ sở.

- Hàng quý tổ chức đều đặn hội nghị giao ban công tác 184 và công tác dân vận để đánh giá nhận định tình hình đề ra chương trình chỉ đạo trong quý tiếp theo, tập chung chỉ đạo giải quyết những việc bức xúc ở

những xã có nhiều khó khăn để ổn định tình hình đưa hoạt động công tác 184 đạt kết quả hơn.

- Cử được 07 (bẩy) cán bộ các ngành: Mặt trận, đoàn thể, Ban Dân vận huyện đi học lớp tiếng Mông 03 tháng tại tỉnh.

B. Kết quả công tác 184 năm 2001

- Ban Chỉ đạo 184 của huyện và cơ sở đã thường xuyên chủ động phối hợp, đi sâu, đi sát thôn bản, hộ nhân dân để làm công tác tuyên truyền, giáo dục, giải thích vận động nhân dân. Bàn cùng cơ sở tháo gỡ khó khăn để đẩy mạnh sản xuất ổn định đời sống nhân dân. Kết quả đã vận động được 178 hộ = 1.035 khẩu cam kết bỏ không theo đạo trái phép quay trở lại với phong tục truyền thống của dân tộc Mông. Ban 184 huyện và xã đã đến từng hộ thăm, tặng quà chứng kiến nhân dân bỏ không theo đạo trái phép.

- Huyện đã thực hiện có kết quả mục tiêu: Khoanh vùng không để truyền đạo trái phép lây lan ra diện rộng và dân tộc khác, cơ bản không còn tụ tập công khai, cầu nguyện trái phép ở các thôn bản; giảm được 03 xã không còn người theo đạo trái phép (Tân Tiến, Tân Dương, Minh Tân), giảm tỷ lệ được 7,2% số hộ và chỉ còn 31,4% số hộ Mông còn theo đạo trái phép so với đầu năm 2001.

- Tình hình di dịch cư: Tình trạng du canh, du cư vẫn thường xuyên xảy ra trong một số bộ phận đồng bào Mông, mặc dù đã được học tập tuyên truyền vận động và ký cam kết định canh định cư, song một số hộ vẫn di cư: Tính đến 31/12/2001 có 117 hộ = 657 khẩu di cư đi ở nơi khác, chủ yếu đi tỉnh Đắc Lắc và tỉnh Lai Châu. Di cư đến các xã trong huyện có 11 hộ = 66 khẩu. Số hộ di cư đi và đến đều là người theo đạo tin lành trái phép.

*** Nguyên nhân**

- Theo đạo trái phép và di cư:

+ Đời sống của một bộ phận đồng bào vùng cao còn gặp quá nhiều khó khăn như: Ăn ở, đi lại, học hành, chữa bệnh; mặt khác do trình độ mặt bằng dân trí thấp nên nhận thức phân biệt cái đúng, sai so với đường lối chính sách còn nhiều bất cập.

+ Một bộ phận đồng bào vùng cao sa sút về nếp sống văn hoá và phong tục tập quán, đã và đang bị kẻ xấu lôi kéo dẫn đến khủng khoảng về đời sống tinh thần nên đã theo đạo trái phép và di cư tự do.

- Một số hộ bỏ không theo đạo trái phép:

+ Do sự chủ động, công tác 184 và sự phối hợp tốt để chỉ đạo và tổ chức thực hiện đã có kết quả cụ thể: Sâu sát nhân dân; nắm chắc tình hình nguyện vọng của bà còn tích cực tuyên truyền giải thích giúp đỡ nhân dân tháo gỡ khó khăn, từ đó đã tăng cường mối quan hệ và niềm tin, nhân dân nhận thức được rõ cái đúng, cái sai và tự nguyện cam kết bỏ không theo đạo trái phép.

+ Do kết quả thực hiện các chương trình về xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng cơ sở; chuyển giao công nghệ kỹ thuật vào sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân, xây dựng nông thôn mới nhân dân phấn khởi càng tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng, các chính sách của Nhà nước.

+ Thực hiện công tác 184 đồng thời thực hiện phối hợp tốt các biện pháp: Tuyên truyền vận động giáo dục kết hợp với răn đe khống chế đối với những kẻ cầm đầu và tay chân tích cực tuyên truyền đạo trái phép, không để nhân dân tụ tập công khai cầu nguyện trái phép.

*** Kết luận**

Thực hiện Kế hoạch số 05 của Tỉnh ủy và sự quan tâm phối hợp chỉ đạo của các ngành của tỉnh, huyện và cơ sở công tác 184 năm 2001 toàn huyện đã đạt được những kết quả:

- Tiếp tục ổn định được tình hình nhân dân, tích cực tuyên truyền để nhân dân nhận thức rõ chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhất là chính sách về tôn giáo dân tộc, không để kẻ xấu lợi dụng lôi kéo đồng bào theo đạo trái phép gia tăng. Đã giảm đáng kể (178 hộ = 1.035 khẩu bỏ không theo đạo và 03 xã không còn có người theo đạo trái phép).

- Đã thực hiện một bước đấu tranh, khống chế, ngăn chặn kẻ cầm đầu, tay chân tích cực truyền đạo và giải tán được cơ bản không còn các tụ điểm tập chung nhân dân công khai cầu nguyện trái phép.

*** Khuyết điểm tồn tại**

-Cá biệt còn những cơ sở chưa chủ động còn nhiều lúng túng về phương pháp tuyên truyền vận động nhân dân nên chưa có hộ bỏ không theo đạo, sự phối kết hợp của các ngành của huyện với xã chưa tốt nên kết quả còn ít và chưa có chuyển biến thực sự.

- Tình hình di dịch cư trong đồng bào Mông thường xuyên diễn ra nhiều đợt trong năm, có đợt chỉ trong vòng 03 - 04 ngày đi hàng chục hộ, so với năm 2000 số di cư đi nơi khác tăng gấp 3 lần, số di cư đến huyện tăng 03 hộ, tình hình di cư còn tiếp tục diễn biến phức tạp vào thời gian tới.

PHẦN THỨ HAI
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC 184 NĂM 2002

- Chỉ đạo các cơ sở tổng kết đánh giá một năm thực hiện công tác 184 - đề ra nhiệm vụ năm 2002 trên cơ sở quán triệt sâu sắc Kế hoạch số 05 của tỉnh với mục tiêu: Tiếp tục khoanh vùng không để đạo trái phép phát triển thêm, làm giảm số hộ, số đơn vị xã không còn người theo đạo trái phép.

- Tiếp tục tổ chức cho nhân dân học tập quán triệt các chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhất là những

thôn bản có đạo trái phép cần tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ chính sách về tôn giáo dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

- Thường xuyên nắm chắc tình hình nhân dân, phối hợp giải quyết tốt ngay từ cơ sở những vấn đề cụ thể: Di dịch cư tự do, hoạt động tôn giáo, tranh chấp đất đai, khiếu kiện, thực hiện chính sách xã hội, quản lý nhân hộ khẩu.

- Chỉ đạo sự phối hợp các ngành: Thông tin tuyên truyền, Mặt trận, đoàn thể, đoàn công tác phối hợp các xã, khối Dân vận cơ sở và các ban ngành của xã, thị trấn để chủ động công tác 184 đạt kết quả. Thường xuyên đi sâu đi sát tới từng hộ dân để tuyên truyền vận động và giúp họ tháo gỡ khó khăn trong cuộc sống, nhất là những người đã cam kết bỏ đạo không quay trở lại theo " Đạo".

- Các ngành khối an ninh - quân sự có kế hoạch phối hợp đấu tranh những đối tượng cầm đầu và tay chân hoạt động tích cực truyền đạo, khống chế, ngăn chặn không để chúng tụ tập nhân dân hoạt động công khai cầu nguyện. Đồng thời chỉ đạo việc phân loại nhân dân theo đạo trái phép để có biện pháp giáo dục, vận động tuyên truyền đạt kết quả.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố động viên tốt số người tích cực gương mẫu, già làng, trưởng bản, người có tín nhiệm để tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành đường lối chính sách, không theo đạo trái phép.

- Tiếp tục kiện toàn Ban 184, khối Dân vận cơ sở thường xuyên phối hợp hoạt động của Mặt trận, đoàn thể xây dựng củng cố các tổ chức hệ thống chính trị hoạt động có hiệu quả, tập hợp được đông đảo quần chúng tham gia hoạt động các đoàn thể và bồi dưỡng quần chúng ưu tú kết nạp vào Đảng, sớm khắc phục thôn bản chưa đoàn viên, hội viên, đảng viên.

- Thường xuyên phối hợp chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chương trình kinh tế xã hội, kế hoạch nhà nước năm 2002. Giảm tỷ lệ đói nghèo, đẩy mạnh phát triển văn hoá, giáo dục, y tế nâng cao chất lượng đời sống nhân dân.

*** Kiến nghị**

- Đề nghị tỉnh tăng cường kinh phí cho hoạt động 184.

- Bồi dưỡng cán bộ làm công tác 184 và công tác dân vận.

- Tổ chức thêm các lượt người tiêu biểu được đi thăm quan học tập, nhất là những người tiêu biểu già làng, trưởng bản.

Trên đây là báo cáo công tác 184 năm 2001, những nhiệm vụ cơ bản năm 2002. Đề nghị Tỉnh ủy thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ để Huyện Bảo Yên hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BCH HUYỆN Ủy
PHÓ BÍ THƯ

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 45-BC/HU, ngày 20 tháng 01 năm 2002
Tổng kết công tác Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2001
Mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ năm 2002

Năm 2001 là năm mở đầu của thiên niên kỷ mới, năm diễn ra nhiều sự kiện lịch sử trọng đại với nhiều thuận lợi và thử thách mới; là năm đầu tiên triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng các cấp. Trong năm qua Đảng bộ Huyện Bảo Yên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII với 06 chương trình trọng tâm toàn khoá và các Nghị quyết chuyên đề, từng bước cụ thể 07 chương trình và 27 đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII. Qua một năm tập chung chỉ đạo và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ đã đạt được những kết quả sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2001

I. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

- Diện tích lúa nước vụ xuân 1.640 ha/1.520 ha đạt 107,9% KH, tăng so cùng kỳ 8,9%. Năng suất 46,38 tạ/ha đạt 110,43% so với kế hoạch, tăng 10,34% so với cùng kỳ.

- Diện tích vụ mùa 1.843/1.882 ha đạt 98,03% KH, tăng 8,2% so cùng kỳ. Năng suất 40,9 tạ.ha đạt 97,38% so với KH, tăng xấp xỉ 1% so cùng kỳ. Lúa nương mộ 1.200 ha, giảm 20% so với cùng kỳ. Năng suất 12 tạ/ha.

- Diện tích ngô cả năm 2.535 ha/2.500 ha đạt 101,4% KH, tăng 4,19% so cùng kỳ. Năng suất bình quân 17,9 tạ/ha đạt 94,2% KH trong đó ngô hàng hoá: Diện tích 497 ha/350 ha đạt 142% KH. Năng suất 27tạ/ha đạt 108% KH, tăng 10 tạ/ha so với ngô địa phương.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 21.199 tấn/20.614 tấn đạt 102,83% KH, tăng 2.165 tấn so cùng kỳ. Trong đó thóc 16.585 tấn, diện tích giống lúa lai (chủ yếu là lúa lai Trung Quốc) 2.197 ha chiếm 63,08% tổng diện tích, giống lúa kỹ thuật nội địa chiếm tỷ lệ 30% diện tích còn lại.

- Diện tích cây mía 275 ha, tăng 2,5 ha so cùng kỳ; năng suất 20 tạ/ha.

- Cây lạc: 57 ha, tăng 07 ha so cùng kỳ, sản lượng cả năm đạt 51 tấn.

- Cây đậu tương: 57 ha tăng 04 ha so cùng kỳ, sản lượng 42 tấn. Trong

đó đậu tương hàng hoá 35 ha/30 ha đạt 116,6% KH. Năng suất 10 tạ/ha.

- Dự án trồng chè cao sản được xác định là cây xóa đói giảm nghèo của bà con nông dân, trong năm 2001 đã trồng 84,3 ha/100 ha đạt 84,3% KH, trong đó chè hạt (Xuân Hoà, Vĩnh Yên, Nghĩa Đô) 45,2 ha; chè cành ở các xã còn lại 39,1ha. Chè chăm sóc năm thứ hai: 112,6 ha; chè chăm sóc năm thứ ba: 12 ha; chè kinh doanh: 22 ha.

- Diện tích trồng chè mới không đạt kế hoạch tỉnh giao, không đạt mục tiêu dự kiến của huyện (150 ha) có nhiều nguyên nhân như trồng chè cành vốn đầu tư ban đầu lớn, một bộ phận nhân dân chưa tin tưởng tuyệt đối vào đầu ra của sản phẩm sau này, công tác tuyên truyền vận động và chỉ đạo thực hiện của cấp ủy, chính quyền, các ban ngành đoàn thể dù đã có nhưng chưa kiên quyết và triệt để.

- Phân bón các loại: Đã cung ứng 1.456,82 tấn/1.355 tấn đạt 107,5% KH.

- Thóc giống các loại: 62,05 tấn/48,665 tấn đạt 127,5% KH, trong đó lúa lại Trung Quốc 57,319 tấn.

- Chăn nuôi: Đàn gia súc, gia cầm tốc độ tăng trưởng bình quân từ 2 - 3% năm, công tác tiêm phòng dịch bệnh và quản lý vận chuyển giết mổ tốt nên không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn.

- Công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật và định canh định cư đã bám sát nhiệm vụ và các chương trình dự án, từng bước hoạt động có hiệu quả.

- Về lâm nghiệp: Tiếp tục đẩy mạnh diện tích trồng mới, khoanh nuôi, tái sinh và bảo vệ rừng có hiệu quả, các chỉ tiêu như diện tích trồng rừng tập chung đạt 204/214 ha 95,3% KH; trong đó trồng rừng dự án 661: 170 ha đạt 100% KH. Khoanh nuôi tái sinh 1.000 ha 166% KH, trồng cây lâm nghiệp xã hội 1 triệu cây = 100% KH. Giao đất lâm nghiệp 15.949,4 ha đạt 99,7% KH. Tỷ lệ tán che phủ rừng đạt 36%. Duy trì vùng nguyên liệu giấy để cung cấp cho 02 nhà máy giấy Phố Ràng, Bảo Hà. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản lý lâm sản trên địa bàn từng bước mang lại hiệu quả.

- Công tác phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai được cấp ủy, chính quyền các cấp đặc biệt quan tâm, trích một phần kinh phí để khắc phục hậu quả thiên tai; hàng năm tổ chức các đợt diễn tập phòng chống lụt bão, huấn luyện cho các lực lượng thuần thục các thao tác phòng chống nhằm hạn chế tối đa thiệt hại khi bão lũ xảy ra. Tuy nhiên trong năm qua xảy ra 06 đợt thiên tai như lũ quét, gió lốc, ngập lụt đã gây thiệt hại về tài sản của tập thể và cá nhân trị giá khoảng 1,5 tỷ đồng.

2. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, bưu điện:

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 5,5/1,5 tỷ đồng đạt 366,6% KH chủ yếu là công nghiệp chế biến lương thực, thực

phẩm, vật liệu xây dựng, đồ mộc dân dụng, may đo, sửa chữa nhỏ. Riêng sản xuất giấy đế xuất khẩu đạt khối lượng 1.750 tấn = 87,5% KH. Doanh thu đạt 8,2 tỷ đồng (Nhà máy giấy Bảo Yên).

- Tổng giá trị dự toán được duyệt của các nguồn vốn xây dựng cơ bản trên địa bàn: 28.069,316 triệu đồng, riêng năm 2001 là 13,43 tỷ đồng tổng giá trị khối lượng thực hiện đến 10/12/2001 là 20.229,7 triệu đồng, đã thanh toán 6.496,609 triệu đồng. Các công trình tập chung chủ yếu là đường giao thông, thủy lợi, cầu treo, cấp nước, trường học. Riêng chương trình 135 xây dựng mới 17 công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng 11, đang thi công 05 và 01 công trình chuyển tiếp sang 2002.

- Giao thông vận tải hàng hoá và hành khách trên địa bàn từ trung tâm huyện lỵ đến các xã trong huyện và tỉnh bạn thuận lợi, đáp ứng nhu cầu người dân, đã có 17/18 xã thông đường ô tô đến trung tâm xã; tiếp tục đẩy mạnh phong trào làm đường giao thông nông thôn với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", làm mới được 61 km, rải cấp phối 25 km và sửa chữa 50 km đường giao thông nông thôn. Phương tiện vận tải ngày càng phát triển, hiện nay có 48 ô tô tư nhân, 24 xuồng máy luân chuyển hành khách và hàng hoá.

- Công tác bưu điện: Thường xuyên đảm bảo thông tin liên lạc thông xuốt, công tác phát hành báo chí, thư tín an toàn và kịp thời; 06 xã, thị trấn có báo đọc trong ngày, 14/18 xã có máy điện thoại; tổng số máy điện thoại trong huyện là 682 máy đạt tỷ lệ bình quân 0,93 máy/100 dân (năm 2000: 0,8 máy/100 dân).

Thực hiện dự án tấm lợp - nước sinh hoạt: Với chủ trương tăng cường đầu tư giúp đỡ các hộ gia đình đặc biệt khó khăn thuộc các xã vùng III, năm qua dự án đã cấp phát 14.850 tấm lợp Phibrô xi măng, 30 thùng nhựa đựng nước (loại 1.500 lít) cho 03 xã Điện quan, Tân Tiến, Vĩnh Yên. Ngân sách huyện hỗ trợ xây dựng 01 bể nước ăn 10m tại bản Khuổi Phương (Vĩnh Yên) trị giá 10 triệu đồng. Quá trình cấp phát tấm lợp và thùng đựng nước được bình xét từ thôn bản, đảm bảo dân chủ, đúng đối tượng.

3. Tài chính tiền tệ - tín dụng - thương mại dịch vụ

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 3.314,5 triệu đồng/3.053,8 triệu đồng = 108,5% KH, tăng 3,5% so cùng kỳ; một số khoản thu vượt kế hoạch như thu xí nghiệp quốc doanh, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất, phí và lệ phí, các khoản thu còn thấp như lệ phí trước bạ 23,3%, tiền sử dụng đất 42,7% ...

- Công tác chi ngân sách cơ bản đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên trong định mức, tổng chi ngân sách 11.643 triệu đồng = 103,4% KH.

- Tín dụng - Ngân hàng: Tổng nguồn vốn huy động 19.378 triệu đồng đạt 96,8% KH tăng 7.715 triệu đồng so cùng kỳ. Doanh số cho vay 33.794 triệu đồng tăng 13.934 triệu đồng so với năm 2000. Tổng dư nợ 42.458 triệu đồng đạt 108,8% KH, tăng 18.418 triệu đồng so cùng kỳ; trong đó dư nợ cho vay hộ nghèo 15.978 triệu đồng = 6.120 hộ, tăng so với cùng kỳ 1.143 hộ = 5.628 triệu đồng. Đại đa số các hộ sử dụng vốn vay đúng mục đích và thực hiện việc thanh toán vốn, lãi đến hạn theo qui định.

- Hoạt động Kho bạc Nhà nước đã làm tốt công tác kiểm tra, kiểm soát nguồn chi và thanh toán theo qui định; tổng thu và tổng chi tiền mặt qua kho bạc đạt 37 tỷ đồng.

- Về thương mại dịch vụ: Trong năm qua các cơ quan chức năng tổ chức tốt công tác theo dõi, hướng dẫn và quản lý, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia lưu thông hàng hoá. Các loại hàng hoá ngày càng phong phú và đa dạng về chủng loại, đáp ứng kịp thời nhu cầu người tiêu dùng, giá cả tương đối ổn định không có sự đột biến lớn. Thực hiện tốt việc trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách đúng đối tượng. Tuy nhiên cần thường xuyên kiểm tra công tác đăng ký và thực hiện các qui định của Nhà nước về kinh doanh - dịch vụ; ngăn chặn buôn lậu, chống hàng giả, gian lận thương mại, đồng thời xử lý các vi phạm kiên quyết hơn.

II. Văn hoá - xã hội

1. Về Giáo dục - đào tạo

- Công tác giáo dục - đào tạo đã có nhiều cố gắng, tiếp tục duy trì công tác phổ cập tiểu học - chống mù chữ ở 18/18 xã, thị trấn, hoàn thành chỉ tiêu một xã đạt chuẩn trung học cơ sở, một xã phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 93,2% 101% KH. Bổ túc văn hoá 80 người 100% KH, xóa mù chữ 400 người 100% KH. Toàn huyện có 766 lớp học với 20.810 học sinh, 210/605 phòng học được kiên cố hoá, 02 trường trung học phổ thông (cấp 3) đang xây dựng nhà cao tầng.

- Chất lượng giáo viên từng bước được nâng cao, cơ sở vật chất và đồ dùng dạy học được đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả.

2 Công tác Y tế - Kế hoạch hoá gia đình

- Thường xuyên quan tâm đến công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân, không để xảy ra các dịch bệnh lây lan trên địa bàn. Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng mới. Các chương trình y tế quốc gia triển khai có hiệu quả, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt 96% 100% KH, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng 96% = 100% KH, giảm tỷ lệ sinh 0,84%o = 105% KH. Công tác truyền thông dân số và kế hoạch hoá gia đình đạt kết quả tốt.

3. Văn hoá - thông tin- thể thao

- Tăng cường công tác đưa thông tin về cơ sở, phát huy chức năng đội thông tin lưu động nhằm đẩy mạnh việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với người dân; đã tổ chức 30 buổi thông tin lưu động, luân chuyển 65 lượt băng hình đến đồng bào vùng sâu, vùng xa. Tổ chức tốt lễ hội đón giao thừa thiên niên kỷ mới, tham gia lễ hội Đền Thượng, Lào Cai đạt giải Ba toàn tỉnh, tổ chức được 12 đêm giao lưu văn nghệ chào mừng thành công Đại hội Đảng các cấp. Thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư đã có 8.721 hộ, 109 làng bản, 35 cơ quan đăng ký tiêu chuẩn gia đình, làng bản, cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hoá. Các phong trào thể dục, thể thao được duy trì, thường xuyên luyện tập và tham gia thi đấu đạt kết quả.

- Công tác truyền thanh - truyền hình thực hiện tốt việc tiếp sóng đài phát thanh, đài truyền hình Việt Nam và đài địa phương, duy trì 05 trạm thu phát truyền thanh - truyền hình phục vụ dân cư trên địa bàn huyện. Thường xuyên viết bài, đưa tin gương người tốt, việc tốt và xây dựng chương trình đài huyện đạt hiệu quả.

4. Công tác Lao động - Thương binh xã hội

- Thực hiện tốt chế độ cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội, hoàn thiện hồ sơ giải quyết chính sách cho 1.472 người hoạt động kháng chiến, 30 người nhiễm chất độc màu da cam và 10 người hưởng trợ cấp xã hội; trích quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" xây dựng 02 ngôi nhà tình nghĩa cho Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ở Nghĩa Đô và 01 gia đình Liệt sỹ ở Yên Sơn trị giá trên 60 triệu đồng.

- Phối hợp điều tra thực trạng đói nghèo của huyện theo tiêu chí mới, tỷ lệ đói nghèo của huyện còn 22,91% hộ đói nghèo = 3.034 hộ (trong đó hộ đói 808 = 6,1%, hộ nghèo 2.226 hộ = 16,81%). Năm 2001 giảm được 403 hộ = 3,04% hộ đói nghèo.

5. Công tác Bảo hiểm xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và lợi ích việc tham gia bảo hiểm xã hội, năm qua công tác thu bảo hiểm xã hội được 2.095,4 triệu/1.713,8 triệu đồng = 122,2% KH. Công tác xét duyệt hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội (được tỉnh phân cấp từ tháng 4/2001) được 40 hồ sơ đảm bảo đúng qui trình, thủ tục xét duyệt theo qui định của Nhà nước. Việc chi trả hàng tháng cho các đối tượng được bố trí đến các trung tâm xã xong trước ngày 15 hàng tháng, không để xảy ra sai sót hoặc nợ đọng, hiện nay có 16.014 đối tượng nhận lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội với số tiền 5.672,9 triệu đồng.

III. Công tác nội chính

- Thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh chính trị, chủ động phòng chống có hiệu quả âm mưu thủ đoạn "Diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ" của kẻ địch, giữ vững và ổn định tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Củng cố và kiện toàn lực lượng công an địa bàn và công an viên cơ sở phối hợp đồng bộ với lực lượng tỉnh tăng cường, duy trì phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Giữ vững tình hình an ninh nông thôn không để xảy ra các vụ việc gây phức tạp.

- Tuy nhiên tình trạng di dịch cư tự do và tuyên truyền đạo "Tin lành" trái phép vẫn còn xảy ra ở một số xã với những hình thức tinh vi hơn. Các vụ tai nạn xã hội xảy ra trong năm làm chết 19 người, tăng 05 người so với năm 2000; bị thương 51 người tăng 38 người so với năm 2000, thiệt hại về tài sản trị giá 183 triệu đồng. Vi phạm Chỉ thị 853 về buôn lậu và gian lận thương mại 15 vụ, tịch thu hàng hoá và xử phạt hành chính 97,68 triệu đồng. Vi phạm về lâm luật 64 vụ đã tịch thu hàng và xử lý phạt hành chính trị giá 87,83 triệu đồng.

- Công tác quân sự địa phương thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục quốc phòng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và học sinh trong các trường học nhằm nâng cao nhận thức về hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm đến công tác kiện toàn và huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các phương án, kế hoạch tổ chức luyện tập, diễn tập từ các cơ quan đến cơ sở đạt kết quả tốt; hoàn thành chỉ tiêu giao quân 60/60 thanh niên lên đường nhập ngũ.

- Các cơ quan khác trong khối Nội chính đã tập chung thực hiện tốt công tác điều tra xét xử đúng theo luật định, kiểm sát việc tuân theo pháp luật, kiểm soát các văn bản; việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân có hiệu quả, từng bước giảm hẳn đơn thư tồn đọng kéo dài và khiếu kiện vượt cấp. Trong năm 2001 tiếp nhận 64 đơn (khiếu nại 19 đơn, tố cáo 16 đơn, đề nghị 19 đơn) đã giải quyết 15/18 đơn thuộc thẩm quyền cấp huyện; 03 đơn đang xem xét giải quyết và chuyển 46 đơn đến các ngành chức năng giải quyết.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đã tổ chức cho 2.700 lượt người học tập các luật và pháp lệnh; trợ giúp pháp lý cho các đối tượng với 58 vụ việc. Công tác hoà giải tham gia 217 vụ việc góp phần kịp thời giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong đời sống nhân dân.

IV. Công tác xây dựng đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng

1. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện

- Sau Đại hội Đảng bộ Huyện Bảo Yên lần thứ XII nhiệm kỳ 2000

- 2005 Đảng bộ đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện một cách nghiêm túc, xây dựng quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; chương trình công tác toàn khoá của Ban Chấp hành; quy chế làm việc của UBKT Huyện ủy; chương trình công tác kiểm tra toàn khoá của UBKT Huyện ủy khoá XII.

- Xây dựng Nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp - nông thôn giai đoạn 2000 - 2005. Nghị quyết về tăng cường công tác giáo dục - đào tạo, duy trì phổ cập tiểu học, chống mù chữ, phổ cập trung học cơ sở. Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Từng bước cụ thể hoá Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Lào Cai khoá XII về 07 chương trình trọng tâm với 27 đề án, Ban Chấp hành Huyện ủy đề ra 06 chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện từ nay đến 2005 có phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ, Thường trực UBND huyện phụ trách và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện gồm các chương trình sau:

- Chương trình phát triển nông nghiệp - nông thôn.

- Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Chương trình phát triển văn hoá giáo dục, khoa học công nghệ môi trường và xã hội.

- Chương trình an ninh - quốc phòng.

- Chương trình xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh hoạt động có hiệu lực.

- Chương trình quy hoạch, đánh giá bổ nhiệm lại, sắp xếp luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở.

- Các Nghị quyết chuyên đề và 06 chương trình trên tuy chưa được sơ kết đánh giá nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện đã được cụ thể hoá bằng các nhiệm vụ để các cấp các ngành và cơ sở thực hiện có hiệu quả.

2. Tình hình hoạt động các tổ công tác tăng cường củng cố cơ sở

- Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Huyện ủy về đổi mới công tác nắm tình hình cơ sở, Ban Thường vụ Huyện ủy có Quyết định số 225-QĐ/HU này 08/6/2001 về việc thành lập các tổ công tác tăng cường củng cố cơ sở tại 18 xã, thị trấn do đồng chí Huyện ủy viên phụ trách xã làm tổ trưởng, bí thư các chi, đảng bộ làm tổ phó, thành viên gồm các cơ quan phụ trách tay ngành tay xã, lực lượng tăng cường của tỉnh, công an địa bàn, hiệu trưởng các trường, trưởng trạm y tế xã.

- Đề ra quy chế hoạt động của các tổ công tác với nhiệm vụ làm tư vấn tham mưu giúp cơ sở xác định đúng nhiệm vụ chính trị hàng tháng và hàng năm; đề ra các giải pháp, đôn đốc kiểm tra qua trình thực hiện

nhiệm vụ; qui định định kỳ hàng tháng họp tổ công tác và báo cáo tình hình về Thường trực Huyện ủy.

- Qua 6 tháng hoạt động các tổ đã tổ chức họp, phân công các thành viên phụ trách từ 1 - 2 thôn bản, hàng tháng phối hợp với trưởng thôn bản, bí thư chi bộ nắm và giải quyết tình hình nảy sinh từ cơ sở đồng thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân để phản ánh lên cấp trên có hướng chỉ đạo. Thông qua hoạt động tổ công tác, các cơ quan gần dân hơn tăng cường chuyển tải chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, nghị quyết của Đảng đến người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đã đạt được còn tồn tại như một số cơ sở sự phối kết hợp giữa các lực lượng tăng cường và cấp ủy chính quyền xã chưa chặt chẽ thống nhất; một số cơ quan được phân công lấy lý do bận công tác chuyên môn nên xuống cơ sở chưa thường xuyên, chế độ báo cáo về huyện theo qui định còn chậm, từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc nắm bắt tình hình, xử lý các vụ việc chưa kịp thời.

3. Công tác chính trị tư tưởng

- Cấp ủy các cấp đã tập chung làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên tới quần chúng nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đường lối đổi mới của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân phấn khởi tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng thể hiện rõ quyết tâm thi đua lao động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm tăng thu nhập cho bản thân và gia đình góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng các cấp đã đề ra.

- Củng cố kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội 87 đồng chí; mở 05 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ báo cáo viên cho 434 lượt người. Tuyên truyền học tập Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII có 100% chi, đảng bộ học tập với 83,4% số đảng viên tham gia và 64,9% số quần chúng tham gia học tập. Việc tuyên truyền học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX có 90% số đảng viên, 70,4% số quần chúng tham gia học tập. Trung tâm bồi dưỡng chính trị mở 27 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng chuyên đề về cấp ủy, đoàn thể, quản lý nhà nước, đối tượng Đảng, đảng viên mới ... cho 1.758 học viên. Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) về giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; sơ kết Chỉ thị 55 CT/TW ngày 28/6/2000 về tăng cường vai trò lãnh đạo của các tổ chức Đảng ở cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khoá VIII) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng có hiệu quả.

4. Công tác kiểm tra Đảng

- Sau Đại hội Đảng bộ huyện đã kiện toàn 21 UBKT với 44 Ủy viên và 23 Chi bộ cơ sở thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ Đảng qui định, cấp ủy và UBKT các cấp phát hiện và tiến hành kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm: 13 trường hợp giảm 06 trường hợp so với năm 2000. Đã xử lý kỷ luật 12 trường hợp có 04 đồng chí là cấp ủy viên cơ sở, vi phạm chủ yếu là thiếu tinh thần trách nhiệm, cố ý làm trái, vi phạm đạo đức lối sống; trong đó khiển trách 03, cảnh cáo 07, cách chức 01, khai trừ 01.

- Ngoài ra còn đưa ra khỏi Đảng bằng hình thức xóa tên trong danh sách 06 trường hợp. UBKT Huyện ủy tiến hành kiểm tra 02 tổ chức cấp dưới có dấu hiệu vi phạm là Đảng bộ xã Nghĩa Đô và Chi bộ Kiểm lâm, qua kiểm tra 02 tổ chức đều có vi phạm nhưng chưa đến mức phải xử lý kỷ luật (kiểm điểm sâu sắc để rút kinh nghiệm). Kiểm tra 04 tổ chức Đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra (Đảng bộ xã Lương Sơn, Kim Sơn, Việt Tiến, Long Phúc) qua kiểm tra giúp cấp ủy Đảng kịp thời khắc phục những tồn tại, phát huy những mặt tích cực góp phần nâng cao sức chiến đấu và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức cơ sở Đảng.

- Thực hiện nhiệm vụ do cấp ủy giao trong năm qua đã xây dựng kế hoạch và kiểm tra 03 chuyên đề gồm kiểm tra chương trình 135 xã Tân Dương; thực hiện Nghị quyết trồng chè xã Thượng Hà; kiểm tra quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở (Đảng bộ xã Thượng Hà, Xuân Thượng, Yên Sơn, thị trấn Phố Ràng, Lâm trường, Lương Sơn).

5. Công tác Dân vận - Tôn giáo

- Thực hiện Nghị quyết chuyên đề của Ban Thường vụ Huyện ủy về "Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" nhằm đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh sản xuất ổn định đời sống không nghe kẻ xấu tuyên truyền đạo trái phép, không di cư tự do; kiện toàn Ban Chỉ đạo 184 từ huyện đến xã; thành lập khối Dân vận ở cơ sở xây dựng quy chế hoạt động và chương trình công tác cụ thể. Trong năm qua cấp ủy đã tập chung lãnh đạo, phối hợp các lực lượng từ tỉnh đến huyện thực hiện công tác 184 đạt kết quả tốt, đến nay đã vận động được 178 hộ = 1.035 khẩu dân tộc H'Mông tự nguyện bỏ đạo "Tin lành" trái phép lập lại bàn thờ tổ tiên, treo ảnh Bác Hồ, khắc phục được 03 xã không còn người theo đạo (Tân Tiến từ tháng 4/2001, Minh Tân, Tân Dương từ tháng 10/2001) qua theo dõi đến nay những hộ đã bỏ đạo không có hộ nào quay lại theo đạo trái phép. Tập chung khoanh vùng không để lây lan ra diện rộng và sang dân tộc khác; quản lý, ly gián, răn đe các đối tượng cầm đầu nhằm ổn định tình hình tôn giáo trên địa bàn.

- Tuy nhiên công tác tôn giáo và di cư tự do còn tiềm ẩn yếu tố có thể

gây phức tạp, đến tháng 12/2001 còn 446 hộ = 2.836 khẩu hoạt động đạo "Tin lành"trái phép, tình hình di cư tự do trong năm 117 hộ = 657 khẩu (tăng 72 hộ = 326 khẩu so với năm 2000) di cư chủ yếu đi các tỉnh Tây Nguyên và Lai Châu, di cư quay trở lại 11 hộ = 66 khẩu (tăng 05 hộ = 36 khẩu so với năm 2000). Những người theo đạo trái phép thường tụ tập cầu nguyện tập thể vào thứ Năm và Chủ nhật hàng tuần.

6. Công tác tổ chức, cán bộ

- Công tác tổ chức và cán bộ được quan tâm thường xuyên, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, năm 2001 xét kết nạp 156 quần chúng ưu tú, trong đó khối nông thôn 92 đồng chí, dân tộc ít người 86 đồng chí, nữ 49 đồng chí; khắc phục được 12 thôn bản chưa có đảng viên (đến nay còn 26 thôn bản, 06 trường học chưa có đảng viên).

- Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ đến tháng 12 năm 2001: 1.898 đồng chí, trong đó đảng viên khối nông thôn 1.519 đồng chí. Số dự phân tích xếp loại đảng viên1.702 đồng chí, trong đó đảng viên loại I: 1.412 đồng chí đạt 82,9%; loại II: 273 đảng viên = 16%, loại III: 11 đảng viên = 0,64%, xóa tên: 06 đảng viên = 0,35%.

- Phân xếp loại cấp ủy cơ sở 239/239 đồng chí, trong đó hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ 201 đồng chí đạt 84,1%, hoàn thành nhiệm vụ 35 đồng chí = 14,6%, chưa hoàn thành nhiệm vụ 03 đồng chí = 1,2%.

- Phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng có 35/44 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh (79,6%); 09/44 cơ sở xếp loại khá (20,4%).

- Tổ chức trao tặng huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng cho 32 đồng chí, đến nay toàn huyện có 93 đồng chí đảng viên được tặng danh hiệu 40 và 50 năm tuổi đảng. Đề bạt, bổ nhiệm 40 đồng chí trưởng, phó phòng ban và cán bộ quản lý các trường học. Xét duyệt và cử đi học trung, cao cấp, cử nhân chính trị và đại học chuyên ngành 14 đồng chí.

- Tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn trong việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng cấp trên như tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 8B về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Sơ kết thực hiện việc phê bình, tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khoá VIII). Sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị 13 của Tỉnh ủy về việc đưa đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt nơi cư trú (2000) - 200). Sơ kết 03 năm thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở (1999 - 2001).

7. Xây dựng, củng cố chính quyền

- Hoạt động HĐND huyện đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện đúng quy chế, hoàn thành các nội dung giám sát theo chương trình

công tác đã đề ra. Các kỳ họp HĐND các cấp đúng thời gian theo luật định, thường xuyên tiếp xúc giữa đại biểu HĐND tỉnh, huyện và cử tri để thông tin truyền đạt nội dung các kỳ họp; nắm bắt và giải quyết những kiến nghị thắc mắc của nhân dân. Năm qua HĐND đã tổ chức giám sát II chuyên đề như việc thực hiện Luật Đất đai, tình hình thu chi ngân sách xã, thanh toán tiền nhân công cho nhân dân thuộc chương trình 135. Luật Hôn nhân gia đình, công tác thi hành án dân sự, công tác giải quyết khiếu nại tố cáo và tiếp công dân...

- Hoạt động và sự điều hành của UBND huyện cùng các cơ quan tham mưu đã triển khai tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn huyện; thực hiện nghiêm chỉnh chỉ tiêu kế hoạch hàng năm tỉnh giao, Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Huyện ủy về phát triển nông nghiệp- nông thôn, Nghị quyết về phổ cập trung học cơ sở. Từng bước thực hiện cải cách hành chính, tinh giảm bộ máy nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từ cấp huyện đến cấp cơ sở. Thường xuyên giữ mối quan hệ và phối hợp hoạt động có hiệu quả giữa Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện. Phối hợp tốt với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong công tác vận động quần chúng và phát huy quy chế dân chủ ở cơ sở.

8. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã tăng cường sự phối hợp hoạt động với những nội dung và hình thức đa dạng, thu hút tập hợp hội viên, xây dựng phong trào cơ sở ngày càng vững mạnHuyện ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và 18 cơ sở xã, thị trấn tiến hành Đại hội đúng nhiệm kỳ, đảm bảo theo đúng luật định; đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư; đề nghị tỉnh công nhận 55 khu dân cư xuất sắc, huyện công nhận 124 khu dân cư tiên tiến và 17 khu dân cư đạt khá.

- Đẩy mạnh việc thực hiện 02 phong trào và 05 chương trình công tác của Hội Phụ nữ. Phong trào thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước của Đoàn Thanh niên cùng với các hoạt động của Hội Cựu Chiến binh, Liên đoàn lao động và Hội Chữ thập đỏ đã mang lại hiệu quả thiết thực, tập hợp và hướng hội viên đẩy mạnh tăng gia lao động sản xuất kinh doanh ổn định đời sống, xóa đói giảm nghèo và tham gia các hoạt động tình nghĩa.

- Tích cực vận động quyên góp ủng hộ các quỹ, như quỹ vì người nghèo đạt 23,7 triệu đồng, quỹ đền ơn đáp nghĩa 56,433 triệu đồng, mua vé sổ số ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam 24 triệu đồng, cho vay vốn tạo việc làm trị giá 247 triệu đồng cho 195 đối tượng ..

Trong năm qua với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các sở ban ngành tỉnh cùng sự nỗ lực phấn đấu của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong huyện đã hoàn thành thắng lợi muc tiêu đề ra; với những kết quả đó Đảng bộ huyện Bảo Yên vẫn giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

***Ngoài những thành tựu đã đạt được trên các lĩnh vực vẫn còn một số tồn tại, khuyết điểm sau:**

- Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy đã từng bước chuyển đổi một cách tích cực, đại bộ phận nhân dân đã đổi mới nhận thức tư duy trong việc phá thế độc canh cây lúa nhưng để phù hợp nền sản xuất hàng hoá với kinh tế thị trường còn chậm, chưa đồng bộ, chưa đồng đều giữa các vùng, hiệu quả chưa cao.

- Trong công tác quản lý lâm sản tình trạng khai thác, vận chuyển trái phép còn xảy ra trên địa bàn; việc phối hợp giữa chính quyền cơ sở và các cơ quan chức năng trong công tác quản lý bảo vệ rừng có lúc chưa chặt chẽ.

- Công tác thu ngân sách đã quản lý và tận dụng các nguồn thu một cách tích cực, nhưng còn có khoản thu đạt tỷ lệ thấp.

- Công tác nắm tình hình, thông tin và báo cáo số liệu giữa cơ sở với huyện, giữa các ngành trong huyện, giữa huyện với tỉnh chưa có sự phối hợp thống nhất, phần nào ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo điều hành của cấp ủy.

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo một số tổ chức cơ sở Đảng, công tác quản lý điều hành một bộ phận chính quyền, đoàn thể cơ sở còn thụ động, hiệu quả công tác chưa cao, chưa phát huy tính năng động và nguồn lực của cơ sở mình một cách có hiệu quả.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2002

I. Về kinh tế - xã hội

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 23.000 tấn

-Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc: 2 - 3%.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện: 4.002 triệu đồng, trong đó: Thu cân đối ngân sách: 2.300 triệu đồng.

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường: 95%.

- Giảm tỷ lệ sinh: 0,8%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ: 97%.

- Tỷ lệ giảm hộ đói nghèo: 3,23%.

2. Một số nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thâm canh tăng năng suất, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Chuẩn bị tốt các loại vật tư phân bón thuốc bảo vệ thực vật, đặc biệt là giống lúa, ngô, đậu tương, cây ăn quả có năng suất cao.

- Đẩy mạnh chăn nuôi để ổn định đàn gia súc gia cầm, phòng chống dịch bệnh có hiệu quả. Xây dựng và triển khai có hiệu quả các đề án phát triển nông nghiệp nông thôn. Tổ chức rà soát và tiếp tục giao đất nông nghiệp, lâm nghiệp cho các hộ gia đình. Tiếp tục trồng rừng mới, chăm sóc khoanh nuôi và bảo vệ rừng. Tăng cường công tác tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện tốt dự án trồng chè. Tổ chức thực hiện đề án phát triển nông nghiệp - nông thôn giai đoạn 2000 - 2005.

- Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp từng bước tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gắn với chế biến, chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp địa phương. Xây dựng và triển khai chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 2000 - 2005.

- Đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng cơ bản, hoàn thiện sớm các thủ tục phê duyệt dự án, khuyến khích các doanh nghiệp ứng vốn thi công.

- Rà soát, quản lý và huy động các nguồn thu, phấn đấu đạt tổng thu ngân sách trên địa bàn gắn với tiết kiệm chi ngân sách. Có giải pháp để truy thu các loại quỹ còn nợ đọng từ những năm trước (2000 và 2001). Tích cực huy động mọi nguồn vốn trong dân, đầu tư cho phát triển sản xuất và đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Duy trì chương trình phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, tổ chức phổ cập trung học cơ sở ở những xã có điều kiện. Thực hiện chương trình phát triển văn hoá - giáo dục - khoa học công nghệ môi trường và xã hội. Đẩy mạnh việc xây dựng cơ quan, lành bản, hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá. Duy trì và mở rộng diện phủ sóng phát thanh - truyền hình; thực hiện phương án xây dựng trạm phát thanh tại các trung tâm cụm xã.

- Tăng cường công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ ban đầu cho nhân dân; thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, xây dựng phương án để từng bước đưa bác sỹ về cơ sở xã. Làm tốt công tác xã hội, thường xuyên quan tâm chăm lo đến gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

II. Công tác khối nội chính

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật trong nhân dân, đề cao cảnh giác với âm mưu thủ đoạn "Diễn biến hoà bình" của các thể lực thù địch; chủ động phòng ngừa và tấn công có hiệu quả các loại tội phạm, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

-Nắm chắc tình hình cơ sở, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng để quản lý địa bàn, xử lý kịp thời những phát sinh gây mất ổn định, chú trọng các hoạt động tôn giáo trái phép, lợi dụng di cư tự do.

- Thường xuyên bổ sung và hoàn chỉnh các phương án sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vững mạnh. Làm tốt công tác khám tuyển và giao quân đủ chỉ tiêu, chất lượng. Quản lý chặt chẽ vũ khí trang bị.

- Chú trọng giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý; làm tốt công tác điều tra xét xử và hoạt động của cơ quan kiểm sát có hiệu quả.

- Thực hiện đề án an ninh - quốc phòng giai đoạn 2000 - 2005.

III. Công tác xây dựng đảng, củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng

1. Công tác xây dựng Đảng

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng đến cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc quan điểm đường lối của Đảng, thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quán triệt thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII cụ thể bằng 07 chương trình 27 đề án của tỉnh và 06 chương trình trọng tâm của huyện Đảng bộ. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII). Tăng cường công tác kiểm tra đảng viên vàtổ chức cơ sở Đảng chấp hành Điều lệ Đảng.

- Nâng cao chất lượng và số lượng cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn TSVM, tăng cường công tác phát triển đảng viên mới. Thực hiện tinh giảm biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII). Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 10 - NQ/TU ngày 04/12/2001 của Tỉnh ủy về luân chuyển và tăng cường cán bộ cho cơ sở có hiệu quả. Thực hiện đề án xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh hoạt động

có hiệu lực và đề án quy hoạch đánh giá bổ nhiệm lại sắp xếp luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác Dân vận của Đảng, thực hiện Chỉ thị của Chính phủ về tăng cường công tác Dân vận của chính quyền. Củng cố Ban Chỉ đạo 184 và khối dân vận ở các xã đi vào hoạt động có hiệu quả với chủ trương khoanh vùng không để việc tuyên truyền đạo trái phép phát triển thêm, làm giảm số hộ, số đơn vị xã không còn người theo đạo trái phép.

2. Công tác chính quyền

- Tập chung lãnh đạo công tác củng cố chính quyền, thực hiện việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở từng bước tiêu chuẩn hoá, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền cơ sở. Thực hiện cải cách hành chính, rút gọn các phòng ban chuyên môn.

- Đề cao trách nhiệm và hiệu lực hiệu quả của HĐND trong hoạt động và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước từ huyện đến cơ sở; đồng thời tăng cường công tác tiếp xúc cử tri, giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân, phát huy quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

- Tăng cường đa dạng hoá các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng hướng về cơ sở trong công tác vận động quần chúng; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, thống nhất ý chí và hành động nhằm thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Củng cố các đoàn thể quần chúng vững mạnh về mọi mặt, phát triển thêm hội viên gắn hoạt động của các đoàn thể với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, phối hợp với các ban ngành tổ chức thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư".

4. Một số biện pháp chủ yếu nhằm tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2002

- Tăng cường công tác nắm tình hình và chỉ đạo giúp đỡ cơ sở thực hiện nhiệm vụ, đề cao trách nhiệm các thành viên tổ công tác, tăng cường, luân chuyển cán bộ của tỉnh và huyện giúp đỡ các xã khó khăn.

- Thực hiện đồng bộ 06 chương trình công tác trọng tâm hàng năm tổ chức sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm chương trình công tác phù hợp từng thời gian cụ thể đã đề ra, 6 tháng và xây dựng các đề án,

- Tập chung chỉ đạo sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan ban ngành trong huyện, tăng cường sự chỉ đạo giúp đỡ của các cơ quan cấp huyện với cấp xã.

- Tranh thủ sự hỗ trợ và giúp đỡ về mọi mặt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cơ quan ban ngành của tỉnh, các doanh nghiệp của tỉnh và

huyện để đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các xã đặc biệt khó khăn

- Tăng cường công tác kiểm tra cơ sở.

Trên đây là báo cáo tổng kết của Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2001, phương hướng mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu năm 2002, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên phát huy mọi thuận lợi, khắc phục khó khăn thử thách quyết tâm phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu năm 2002 mà Đảng bộ đã đề ra./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M HUYỆN Ủy
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số: 46-BC/HU, ngày 20 tháng 01 năm 2002
Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII, năm 2001

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện thứ XII bầu ra gồm 33 đồng chí. Ban Chấp hành Đảng bộ kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo trên 03 mặt: Chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, chỉ đạo điều hành trong năm 2001 như sau:

I. Về chính trị tư tưởng: Tập thể, cá nhân Ban Chấp hành luôn nhận thức đúng đắn và nhất trí cao với các quan điểm, đường lối của Đảng. Không có tư tưởng hoài nghi, lệch lạc sai trái. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

II. Về đạo đức lối sống: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành luôn rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người cán bộ đảng viên, có lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực, có tinh thần đoàn kết, gắn bó với tập thể. Mỗi đồng chí đều nêu cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, gương mẫu trong công việc, thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các qui định của khu dân cư. Trong công tác luôn gần gũi với quần chúng nhân dân được nhân dân tin tưởng.

III. Về tổ chức và chỉ đạo điều hành: Sau Đại hội Ban Chấp hành đã đề ra Quy chế làm việc, chương trình công tác của Ban Chấp hành; đề ra Quy chế làm việc của UBKT, chương trình công tác của UBKT và phân công các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách cơ sở.

Quá trình chỉ đạo điều hành luôn bám sát quy chế và các qui định của Điều lệ Đảng. Phát huy sức mạnh tập thể và vai trò cá nhân từng đồng chí. Năm 2001 công tác chỉ đạo, điều hành của tập thể Ban Chấp hành đạt được những kết quả sau:

1. Về phát triển kinh tế: Ban Chấp hành đã xác định cơ cấu kinh tế: Nông - Lâm nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp- Thương mại dịch vụ.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 21.199 tấn/20.614 tấn đạt 102,8% KH; đã đưa giống lúa lai và giống lúa kỹ thuật nội địa vào canh tác trên 90% diện tích toàn huyện, tích cực thâm canh đưa năng suất lúa ngày càng tăng; năng suất lúa trung bình cả năm 43,64 tạ /ha trong đó vụ xuân 46,38 tạ/ha, vụ mùa 40,9 tạ/ha. Diện tích ngô cả năm: 2.535 ha/2.500 ha đạt 101% KH tăng 102 ha so cùng kỳ, trong đó ngô hàng

hoá 497 ha/350 ha = 142% KH, năng suất tiềm năng có thể đạt 40 - 45 tạ/ha nhưng do ảnh hưởng thiên tai năm 2001 chỉ đạt 27 tạ/ha. Từng bước giảm dần diện tích lúa nương trên đất dốc. Tổ chức thí điểm đầu tư thâm canh 30 ha tại Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Kim Sơn để nhân dân tham quan học tập đạt năng suất 200 - 250 kg/sào = 55 - 60 tạ/ha, cá biệt có hộ đạt 300 kg/sào = 81 tạ/ha. Duy trì vùng cây công nghiệp ngắn ngày ở các cụm xã. Diện tích cây đậu tương 57 ha trong đó đậu tương hàng hoá 35 ha năng suất 10 tạ/ha. Diện tích cây ăn quả trồng mới 63 ha đạt 78,5% KH, chủ yếu cây có hiệu quả kinh tế như cây xoài, hồng, cam, quýt, nhãn ...

- Thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương với 08 công trình có tổng chiều dài 15 km, trị giá 2,8 tỷ đồng, có 05 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Thực hiện dự án chè trồng mới được 84,3 ha, trong đó chè cành 39,1ha. Diện tích trồng chè cao sản không đạt chỉ tiêu tỉnh và huyện giao có một số nguyên nhân như vốn đầu tư ban đầu lớn, nhân dân lo về khả năng trả nợ sau này; chưa tin tưởng tuyệt đối vào đầu ra của sản phẩm, một số cơ sở công tác tuyên truyền, triển khai Nghị quyết còn hạn chế và ảnh hưởng một phần của điều kiện thời tiết ...

- Tăng cường công tác bảo vệ trồng rừng mới khoanh nuôi tái sinh, riêng trồng mới 2001 đạt 180/170 ha đạt 105,9% KH. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 36% (năm 2000 = 35,32%). Cơ bản giao xong đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp cho nhân dân.

- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế biến đạt 5,5 tỷ đồng, tăng 266,6% KH, với gần 700 cơ sở chế biến. Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản năm 2001 đạt 13,43 tỷ đồng, trong đó chương trình 135 thực hiện 3.011 triệu/4.218 triệu đồng. Làm mới được 61 km, mở rộng nâng cấp 86 km đường giao thông nông thôn.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 2.906 triệu đồng tăng 2,32% so KH. Vay tín dụng 33.794 triệu đồng tăng 70% so cùng kỳ.

2. Văn hoá, xã hội

- Tiếp tục duy trì công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các xã có điều kiện. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 93,2%, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học, phấn đấu đến năm học 2002 - 2003 không còn tình trạng học 3 ca.

- Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì có hiệu quả. Các đối tượng chính sách xã hội được quan tâm thường xuyên, không phải trợ cấp cứu đói trong mùa giáp hạt, tỷ lệ đói nghèo giảm 3,04% so với 2,58% KH giao.

- Các chương trình, dự án được đầu tư đúng trọng tâm và bắt đầu mang lại hiệu quả.

3. Công tác an ninh - quốc phòng

- Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động bám sát cơ sở, tích cực phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh từ cơ sở. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch. Từng bước hạn chế tiến tới xóa bỏ việc tuyên truyền đạo trái phép, di dịch cư tự do. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Chỉ đạo xây dựng và tổ chức diễn tập, luyện tập theo kế hoạch, bổ sung hoàn thiện các phương án sẵn sàng chiến đấu; nâng cao chất lượng công tác tuyển quân; củng cố lực lượng dân quân tự vệ - dự bị động viên ngày càng vững mạnh.

4. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể

- Từng bước đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập chung dân chủ trong công tác chỉ đạo điều hành cũng như sinh hoạt Đảng. Các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng cấp trên được cụ thể hoá và triển khai thực hiện sâu rộng từ trong Đảng đến quần chúng nhân dân.

- Đặc biệt là cụ thể hoá 07 chương trình 27 đề án của Đảng bộ tỉnh Lào Cai khoá XII và 06 chương trình trọng tâm toàn khoá của Đảng bộ huyện 2000 - 2005. Tiếp tục thực hiện có kết quả Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khoá VIII) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng, công tác kiểm tra Đảng được quan tâm chỉ đạo thường xuyên.

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết chuyên đề của cấp ủy về phát triển nông nghiệp - nông thôn, Nghị quyết phổ cập giáo dục trung học cơ sở và Nghị quyết về đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Phát huy vai trò tư vấn tham mưu giúp đỡ của tổ công tác tăng cường củng cố cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, năm 2001 đã kết nạp mới 156 đồng chí, khắc phục được 12 thôn bản chưa có đảng viên. Tỷ lệ đảng viên xếp loại I đạt 82,9%; phân xếp loại cấp ủy có 84,1% hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ. Phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng có 79,5% đạt cơ sở trong sạch vững mạnh, còn lại xếp loại khá.

- Tổ chức sơ kết đánh giá 02 năm thực hiện Chỉ thị 13 của Tỉnh ủy về việc đưa đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt nơi cư trú (2000 - 2001); sơ kết 03 năm thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (1999 - 2001); tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 8B về đổi mới công tác vận động quần chúng,

tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân nhằm rút ra bài học kinh nghiệm để chỉ đạo tốt hơn trong thời gian tiếp theo. Chỉ đạo có hiệu quả công tác 184 về công tác tôn giáo trong tình hình mới được tỉnh đánh giá là đơn vị đạt thành tích nổi bật trong công tác này.

- Tăng cường lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ, xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Năm qua Trung tâm bồi dưỡng chính trị mở 27 lớp cho 1.758 lượt học viên để bồi dưỡng nghiệp vụ; trong đó chủ yếu là cán bộ cấp xã. Hiện nay toàn Đảng bộ có 25 đồng chí tốt nghiệp cử nhân và cao cấp chính trị (riêng khối xã 06 đồng ch), 218 đồng chí tốt nghiệp trung cấp chính trị (khối xã 140 đồng chí), nhiều đồng chí tốt nghiệp đại học chuyên ngành (riêng khối Dân - Đảng và công chức Nhà nước 26 đồng chí). Đảng bộ nhiều năm liền được tỉnh công nhận danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh; các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Củng cố chính quyền: Ban Chấp hành lãnh đạo công tác củng cố kiện toàn HĐND - UBND từ cấp huyện đến cấp xã. Hướng cho cơ sở phát huy năng lực, quản lý điều hành một cách có hiệu quả; cụ thể hoá Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng áp dụng vào đơn vị, địa phương mình một cách sát hợp, tận dụng tốt đa tiềm năng sẵn có. Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân.

- Mặt trận và các đoàn thể quần chúng thường xuyên được củng cố, có nội dung hoạt động phong phú để tập hợp quần chúng nhân dân tham gia các phong trào thi đua, thực hiện nếp sống mới, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực phát triển sản xuất kinh doanh xóa đói giảm nghèo và tham gia các hoạt động tình nghĩa.

IV. Một số khuyết điểm tồn tại: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn chậm, chưa huy động tối đa nguồn lực và phát huy hết tiềm năng, nền kinh tế thuần nông độc canh cây lúa vẫn là chủ yếu. Tình hình di cư tự do, lợi dụng hoạt động tôn giáo trái phép chưa được khắc phục triệt để.

V. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới

- Tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, nguyên tắc tập chung dân chủ, thống nhất cao trong Đảng bộ. Mỗi đồng chí Ban Chấp hành thực sự là hạt nhân lãnh đạo các cấp, các ngành, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng; động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc trong huyện nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Đại hội Đảng bộ đã đề ra.

- Có chương trình hành động, tiếp tục cụ thể hoá 06 chương trình trọng tâm và các mục tiêu mà Nghị quyết đã đề ra phù hợp với tiềm năng

thế mạnh của từng cơ sở, đồng thời có giải pháp lãnh đạo phù hợp để thực hiện các mục tiêu đó.

- Phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách tăng cường củng cố cơ sở; thực hiện tốt công tác luân chuyển tăng cường cán bộ cho các xã đặc biệt khó khăn.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Huyện ủy năm 2001 và phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XII./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M HUYỆN Ủy
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 48-BC/HU, ngày 20 tháng 03 năm 2002
Sơ kết 3 năm thực hiện công tác 184

Kết quả triển khai thực hiện công tác đối với đạo "tin lành" theo thông báo số 184 TB/TW ngày 30/11/1998 và thông báo số 255 TB/TW ngày 07/10/1999 của Trung ương và các kế hoạch hướng dẫn của Tỉnh ủy. Huyện ủy Bảo Yên đã triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được những kết quả như sau:

A. Tình hình chung về đồng bào Mông và đạo tin lành trái phép

- Theo thống kê đồng bào dân tộc Mông ở huyện có hơn 1.400 hộ khẩu, (12,52%) dân số, ở 56 thôn bản của 11/18 xã, thị trấn, hầu hết đồng bào di cư từ huyện Bắc Hà, Bảo Thắng về sinh sống ở huyện Bảo Yên từ những năm 1979 nên đời sống của đồng bào những năm gần đây tuy có bước được cải thiện song vẫn còn nhiều khó khăn về mọi mặt.

- Trước những năm 2000 đồng bào Mông ở 11/11 xã đều có người theo đạo trái phép tỷ lệ chiếm trên 50% số hộ người Mông, có 03 nhà nguyện trái phép, nhiều tụ điểm thường xuyên tập chung dân vào thứ 5 và chủ nhật cầu nguyện, truyền đạo trái phép. Tình trạng di dịch cư ngoài tỉnh thường xuyên xảy ra và ngày một gia tăng.

- Nguyên nhân một bộ phận đồng bào Mông theo đạo trái phép và di dịch cư tự do là: Đồng bào bị kẻ xấu lợi dụng trình độ dân trí thấp, đời sống khó khăn và tập quán di cư nên đã tin và làm theo những luận điệu tuyên truyền của kẻ xấu.

Từ những tình hình trên. Thực hiện thông báo 184 và các kế hoạch chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện đã chỉ đạo thực hiện kết quả.

B. Triển khai thực hiện kế hoạch 184

- Thành lập Ban Chỉ đạo công tác 184 của huyện, hướng dẫn các xã thành lập Ban Chỉ đạo 184 cơ sở. Hàng năm có củng cố, kiện toàn, tập huấn cán bộ Ban Chỉ đạo để triển khai thực hiện có kết quả các chương trình công tác đề ra.

- Xây dựng chương trình công tác 184 để tổ chức thực hiện ở các xã trong huyện. Tổ chức chỉ đạo điểm ở xã Điện Quan để rút kinh nghiệm, sau đó triển khai đồng bộ thực hiện ở các xã có đồng bào Mông từ đầu năm 2000 đến nay.

- Tổ chức cho nhân dân các thôn bản học tập các chính sách của Đảng và Nhà nước như Nghị định số 26 của Chính Phủ về quy định các hoạt

động tín ngưỡng, tôn giáo trong nhân dân; xây dựng quy ước, hương ước thôn bản và đã có 2.683 hộ ký cam kết thực hiện quy ước.

- Năm 2000 đã tổ chức hai lớp bồi dưỡng được 127 trưởng bản, cử 09 cán bộ đi bồi dưỡng về công tác tôn giáo - dân tộc và cử 07 cán bộ đi học tiếng Mông tại tỉnh, mở hội nghị người tiêu biểu trong đồng bảo Mông toàn Huyện được 44 đại biểu đại diện cho 56 thông bản của 11 xã về dự.

C. Kết quả thực hiện

1. Tuyên truyền vận động nhân dân không theo đạo trái phép

- Công tác tuyên truyền vận động phối hợp với giáo dục thuyết phục nhân dân đã nhận thức rõ đúng, sai trong việc chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đã tự nguyện cam kết bỏ không theo đạo trái phép, lập lại thờ cúng tổ tiên tại gia đình được 259 hộ = 1.514 khẩu gồm:

+ Năm 2000 vận động được 51 hộ = 301 khẩu ở 6/11 xã.

+ Năm 2001 vận động được 178 hộ = 1.035 khẩu ở 9/11 xã.

+ Năm 2002 vận động được 30 hộ = 178 khẩu ở 4/11 xã.

- Những năm qua huyện đã tổ chức chỉ đạo đạt được mục tiêu: Khoanh vùng không để đạo trái phép phát triển ra diện rộng, sang dân tộc khác giảm được đáng kể số hộ, khẩu tự nguyện bỏ đạo và xóa được 03 xã (Tân Tiến, Minh Tân, Tân Dương) không có người theo đạo trái phép, giải tán cơ bản các tụ điểm không còn tụ tập nhân dân công khai cầu nguyện. Đồng thời đã thực hiện được một bước đấu tranh có kết quả: Khống chế, ngăn chặn đối tượng cầm đầu tích cực truyền đạo trái phép.

Từ những kết quả đạt được nêu trên, trong quá trình tổ chức lãnh đạo thực hiện rút ra những kinh nghiệm như sau:

(1).Chủ động đề ra các chương trình công tác, biện pháp thực hiện sát với thực tế cơ sở, phối hợp đồng bộ, thường xuyên cùng các ngành của tỉnh, huyện và cơ sở như: Công an - Quân sự, Mặt trận và Đoàn thể nhân dân.

(2). Xây dựng đội ngũ già làng, trưởng bản, người có uy tín để phối hợp làm tuyên truyền vận động nhân dân thực sự có chuyển biến rõ về nhận thức chủ trương đường lối, chính sách pháp luật mà từ đó tự nguyện cam kết bỏ không theo "đạo" cam kết thực hiện quy ước thôn bản và lập lại thờ cúng tổ tiên trong gia đình.

(3). Thường xuyên sát cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền vận động đến từng hộ, cảm hoá đến từng người, động viên giúp đỡ nhân dân tháo gỡ khó khăn, giảm đói nghèo, từ đó đã tăng cường được niềm tin của quần chúng đối với đường lối chính sách (tin Đảng và làm theo cán bộ).

(4). Kết quả thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo đã tác dụng thiết thực đến phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân,

phát triển văn hoá, giáo dục, y tế tạo lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

(5). Đấu tranh có kết quả ngăn chặn, không chế đối tượng cầm đầu tích cực truyền "đạo" trái phép, kiên quyết giải tán các tụ điểm và nhà nguyện trái phép.

(6). Công tác 184 ở cơ sở phải do cấp ủy chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở chủ động, thường xuyên liên tục, gần gũi, sâu sát với từng bản, từng hộ. Đồng thời tăng cường sự chỉ đạo, phối hợp trách nhiệm tốt của các Ban, ngành cấp trên.

2. Tình hình và những tồn tại giải quyết đạo trái phép

a. Tình hình

- Tuy số hộ, khẩu và đơn vị còn có người theo đạo trái phép đã giảm, cơ bản không còn các tụ điểm tập chung cầu nguyện. Song người cầm đầu tích cực truyền đạo vẫn lén lút hoạt động; đức tin theo "đạo" của một bộ phận đồng bào H'Mông nhất là phụ nữ còn sâu sắc, cá biệt còn 1 - 2 tụ điểm vẫn công khai cầu nguyện và có biểu hiện không chấp hành theo các quy định của Nhà nước về hoạt động tín ngưỡng.

- Tình trạng di cư diễn biến phức tạp và ngày một gia tăng về số lượng hộ, khẩu. Nguyên nhân cơ bản người di cư là hy vọng đến nơi ở mới để được theo "đạo". Bọn người xấu xúi dục, tiếp tay cho di cư chưa được nghiêm trị.

b. Tồn tại

- Cá biệt còn có cơ sở chưa chủ động tích cực công tác 184 còn thể hiện lúng túng về phương pháp cách làm, kết quả đạt được còn ít, chưa làm chuyển biến được tình hình, nhận thức của bộ phận nhân dân còn tin và làm theo luận điệu tuyên truyền của kẻ xấu. Sự phối hợp của các ngành từ huyện xuống xã đôi khi chưa đồng bộ và thường xuyên, sát cơ sở thôn bản.

- Phương pháp đấu tranh, giáo dục đối tượng cầm đầu tích cực truyền đạo còn ít, chưa đủ mạnh để ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động của số người này.

- Chưa có nhiều nội dung, hình thức, phương pháp để làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành đường lối chính sách, pháp luật; không theo đạo trái phép, định canh, định cư ổn định cuộc sống.

3. Kết luận

Thực hiện Thông báo 184 và Kế hoạch 255 của Trung ương và các kế hoạch chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Bảo Yên đã triển khai chỉ đạo thực hiện kết quả:

- Tiếp tục ổn định được tình hình nhân dân tạo được phong trào quần chúng, tích cực tuyên truyền để nhân dân nhận thức rõ về chủ trương

đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; làm giảm đáng kể số đơn vị xã, số hộ và người theo đạo trái phép quay lại với phong tục truyền thống của dân tộc mình, ngăn chặn không để truyền đạo trái phép sang dân tộc khác và ra diện rộng.

- Giải tán cơ bản các tụ điểm không còn tập chung cầu nguyện trái phép; đã thực hiện được một bước đấu tranh ngăn chặn đối tượng cầm đầu và tay chân tích cực truyền đạo.

- Tích cực vận động đồng bào không di cư tự do, bước đầu có kết quả.

*** Ý kiến kiến nghị với tỉnh**

- Có biện pháp mạnh, cứng rắn hơn nữa để đấu tranh có hiệu quả với đối tượng cầm đầu, tích cực ngăn chặn không để họ tiếp tục hoạt động truyền đạo trái phép và di cư tự do.

- Tập chung sức chỉ đạo chặn đứng được làn sóng di cư, người du cư tự do kiên quyết trả về nơi ở cũ.

- Đề nghị tỉnh có những văn bản quy định cụ thể về thẩm quyền, xử lý đối với người vận động, môi giới, phương tiện vận chuyển người di cư tự do.

- Những thôn bản đã bỏ không còn người theo đạo trái phép, nay tiếp tục ổn định tốt, cần tiếp tục đầu tư giúp đỡ để xây dựng mô hình điểm để giúp cho công tác tuyên truyền học tập.

Trên đây là báo cáo sơ kết ba năm thực hiện công tác đối với đạo tin lành trái phép ở huyện Bảo Yên. Đề nghị Tỉnh ủy tiếp tục quan tâm tạo điều kiện để huyện làm tốt hơn nữa./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA THƯỜNG TRỰC HUYỆN ỦY
Số 55-BC/HU, ngày 12 tháng 06 năm 2002
Nghiên cứu, khảo sát thực trạng về Tôn giáo trong vùng đồng bào thiểu số
---

1. Tình hình tín ngưỡng truyền thống và vai trò của nó trong đời sống văn hoá - xã hội

- Trong đời sống văn hoá - xã hội của cộng đồng các dân tộc trong huyện, tín ngưỡng truyền thống đã và đang được tôn trọng duy trì và phát huy tính tích cực trong đại đa số quần chúng nhân dân, đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng về tư tưởng, tâm lý, tình cảm của một bộ phận nhân dân. Phản ánh nét riêng về bản sắc văn hoá, phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc không trái với chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước luôn được giữ gìn và phát huy.

- Tuy nhiên những vấn đề đặt ra cần được quan tâm đó là: Tình trạng lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng, mê tín, dị đoan và hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của Nhà nước còn xảy ra; phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của một số ít dân tộc thiểu số bị phá vỡ.

- Vai trò của già làng, trưởng dòng họ, trưởng thôn bản được duy trì, phát huy tác dụng tích cực và giữ vai trò nòng cốt trong đời sống nhân dân ở cụm dân cư, song những vấn đề cần quan tâm đó là: Cần khắc phục tính cục bộ địa phương, dòng họ ích kỷ, hẹp hòi ở nơi này, nơi khác còn xảy ra.

2. Thực trạng vấn đề tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc

Số lượng theo đạo (kể cả theo đạo trái phép) trong các dân tộc như sau:

- Họ đạo Công giáo xã Việt Tiến (hoạt động hợp pháp) có một ban hành giáo 07 người, giáo dân gồm 144 hộ = 670 khẩu ở 03 thôn, có một nhà nguyện (hợp pháp) và một nhà nguyện trái phép ở thôn Việt Hải, giáo dân đến nhà nguyện cầu nguyện vào chủ nhật hàng tuần. Vai trò của ban hành giáo và người đứng đầu chủ trì mọi hoạt động và có tổ chức chặt chẽ.

- Ngoài họ đạo thiên chúa ở xã Việt Tiến, thì ở thị trấn Phố Ràng, Bảo Hà, Thượng Hà còn có 72 hộ = 261 khẩu là người có đạo thiên chúa cầu nguyện tại gia, một số người đã trở thành " khô đạo ", tuy nhiên còn một nhóm người ở Phố Ràng có nguyện vọng thành lập ban hành giáo.

- Đạo tin lành trái phép trong đồng bào Mông hiện nay: 314 hộ = 1.930 khẩu ở 07 xã, 26 thôn bản chiếm tỷ lệ 21,67% hộ người Mông trong huyện. Mức độ tín ngưỡng tôn giáo sâu sắc khoảng 15 - 20% chủ yếu là phụ nữ, tỷ

lệ thông thạo kinh sách khoảng 2%, tỷ lệ người biết chữ Mông mới khoảng 70 - 80% chủ yếu là tầng lớp trẻ kể cả trẻ em. Mô hình, phạm vi tổ chức đạo trái phép theo thôn bản có ban lãnh đạo từ 03 - 05 người và phân công: Người đứng đầu gọi là Trưởng đạo, tiếp theo là quản ca, thư ký ...

- Thái độ của người theo đạo trái phép đối với tín ngưỡng truyền thống và phong tục tập quán của dân tộc Mông đã và đang bị xa lánh dần, bỏ thờ cúng tổ tiên đám ma không có người khóc. Đối với người không theo đạo cũng tỏ thái độ không đồng tình xa lánh, ít thiện cảm và phân biệt đối với người theo đạo vì lý do tư tưởng, vì số người theo đạo trái phép đã bỏ phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Mông.

- Ảnh hưởng của đạo tác động đến đời sống nhân dân trong đồng bào Mông trong đó có mặt tích cực như: Bỏ được một số hủ tục lạc hậu (lấy vợ, gả chống không thách cưới, đám ma không phải mổ trâu, không uống rượu, phụ nữ có điều kiện tham gia sinh hoạt tư tưởng, đồng thời cũng tác động tiêu cực đến đời sống xã hội như: Chia rẽ đoàn kết dân tộc, một số phong tục tập quán tốt bị phá vỡ một số có thái độ chống đối với chính quyền và gây nên tình trạng di cư tự do.

- Quá trình thực hiện công tác 184 ở huyện đã vận động số bà con nhận thức được đúng sai về chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước quy định và tự nguyện bỏ không theo đạo trái phép, quay về phong tục tập quán của mình là 259 hộ =1514 khẩu.

- Năm 2000 đã tự nguyện bỏ: 51 hộ = 301 khẩu ở 6/11 xã.

- Năm 2001 đã tự nguyện bỏ: 178 hộ =1035 khẩu ở 9/11 xã.

- Đầu năm 2002 đã tự nguyện bỏ: 89 hộ = 37 khẩu

- Tổng: 318 hộ = 1.873 khẩu

Trong đó đã giải quyết xong 04 xã không còn có đạo trái phép, giải tán cơ bản các tụ điểm, nhà nguyện trái phép.

3. Nguyên nhân một bộ phận đồng bào theo đạo trái phép

- Nguyên nhân số bà con đi theo đạo trái phép và di dịch cư tự do đó là: Bị kẻ xấu lợi dụng trình độ dân trí thấp, khó khăn về đời sống và tập quán di cư nên đồng bào đã tin và theo những luận điệu tuyên truyền của kẻ xấu truyền đạo. Số theo đạo đời sống kinh tế không khá hơn trước, về lĩnh vực tư tưởng nhất là giới nữ có những mặt được cải thiện hơn so với trước khi chưa theo như: Được đi sinh hoạt, có thời gian nghỉ ngơi và được học chữ Mông mới.

- Nguyên nhân khách quan: Thực tế ở những xã, thôn bản, vùng có đạo trái phép, cơ sở chính trị có những nơi còn yếu, vai trò đảng viên, đoàn viên, hội viên phát huy tác dụng chưa cao.

- Sự tác động của tổ chức tôn giáo trong nước và nước ngoài đã tác động mạnh đến tư tưởng, tâm lý và thu hút được một bộ phận nhân dân tin và theo đạo. Về chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác tôn giáo là rõ ràng và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân xong đã và đang bị kẻ xấu cố tình lợi dụng xuyên tạc.

4. Nhận thức và phương pháp xử lý của các cấp, các ngành về vấn đề tôn giáo và kết quả đạt được

- Nhận thức của Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và các ngành từ huyện đến cơ sở đồng tình với kế hoạch 184 chỉ đạo của Trung ương về giải quyết vấn đề đạo trái phép ở đồng bào vùng núi. Hoạt động đạo trái phép có những dấu hiệu vấn đề chính trị, nằm trong âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch. Do đồng bào còn nhẹ dạ cả tin, bị một số đối tượng "Cầm đầu", " Tích cực" truyền đạo đã thuyết phục được một bộ phận đồng bào Mông theo đạo trái phép.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch số 184 và Kết luận 255 của Bộ Chính trị trong hơn 03 năm qua huyện Bao Yên đã: Ngăn chặn không để truyền đạo trái phép phát triển ra diện rộng và sang dân tộc khác; giải tán được hầu hết không còn tụ điểm, nhà nguyện tụ tập dân cầu nguyện công khai; làm giảm đáng kể số hộ bỏ không theo đạo tỷ lệ từ trên 50% xuống còn 21,67% hộ còn theo đạo trong đồng bào Mông; giảm được 04/11 xã không còn người theo đạo trái phép.

- Từ kết quả trên rút ra những kinh nghiệm như sau:

+ Chủ động đề ra nội dung sát với tình hình cơ sở địa phương để chỉ đạo công tác 184 ở từng xã, thôn bản và sự phối hợp đồng bộ chỉ đạo của các cấp, các ngành.

+ Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, chủ chương đường lối chính sách kết hợp với giáo dục thuyết phục quần chúng giúp họ nhận thức rõ đúng sai mà tự nguyện bỏ đạo.

+ Giải quyết đạo tin lành trái phép bằng công tác vận động quần chúng thực sự đã làm chuyển biến được tình hình theo chiều hướng tốt đẹp với phương châm gần dân sát cơ sở, tác động tư tưởng đến từng hộ và từng người dân thực sự có kết quả.

- Kết quả thực hiện các chương trình kinh tế của Đảng, Nhà nước ta đã từng bước giúp dân xóa đói giảm nghèo, tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và đời sống, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân.

- Việc thành lập các đoàn công tác phối hợp ở cơ sở đã thực sự có kết quả, tác dụng tốt cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo sát cơ sở và nhân dân.

- Công tác 184 phải thực sự do cấp ủy, chính quyền, Mặt trận - đoàn thể ở cơ sở quyết định và làm tốt công tác phối hợp chỉ đạo khắc phục tình trạng khoán trắng cho cơ sở hoặc ỷ lại trông chờ cấp trên.

5. Đánh giá tình hình, nhiệm vụ và giải pháp về tiếp tục công tác 184 ở huyện

Tình hình hoạt động của đối tượng truyền đạo và người theo đạo trái phép về số lượng hộ, địa bàn đã và đang từng bước thu hẹp và bị khống chế hoạt động song tính chất, mức độ còn biểu hiện hết sức phức tạp, còn một vài tụ điểm còn công khai hoạt động truyền đạo, một bộ phận bà con theo đạo có niềm tin sâu sắc nhất là phụ nữ.

Một vài nơi có biểu hiện chống đối chính quyền và tổ chức tụ tập dân để hành đạo trái phép mặc dù đã được chính quyền tuyên truyền giáo dục vẫn không chấp hành.

Do vậy nhiệm vụ và giải pháp công tác 184 trong thời gian tiếp theo cần tập chung là:

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân.

- Củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị nhất là thôn bản và cơ sở, ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

- Phối hợp tốt sự chỉ đạo đồng bộ và sự quan tâm lãnh đạo của cấp trên giúp cơ sở khắc phục những mặt yếu kém.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển kinh tế- xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Đấu tranh, giáo dục, thuyết phục, cảm hoá đối tượng "Cầm đầu", "Tích cực" khống chế không để chúng công khai truyền đạo, giải tán các tụ điểm không để cầu nguyện công khai.

*** Dự báo về tình hình hoạt động đạo trái phép**

Số lượng người theo đạo sẽ tiếp tục giảm ở diện lừng chừng và qua giáo dục đã nhận thức được đúng sai mà tự nguyện bỏ đạo.

- Đấu tranh với những đối tượng Cầm đầu" còn diễn biến phức tạp, có thể có những phản ứng vu cáo đối với chính quyền, Công an mà người đứng sau là tổ chức tôn giáo ở trong người và nước ngoài nếu ta có những sơ hở trong quá trình đấu tranh.

*** Kiến nghị:**

- Để ngăn chặn di dịch cư tự do phải cho hồi cư những người đã di cư và xử lý kẻ tiếp tay cho người di cư.

- Tăng cường các chính sách hỗ trợ đồng bào về nhà ở, sản xuất, đời sống, đường giao thông, trường học, sách báo, truyền thành, truyền hình./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 65-BC/BCĐ, ngày 5 tháng 8 năm 2002
Kết quả thực hiện bước II Kế hoạch 01, 02 - KH/TW của Ban Bí thư Trung ương

---

- Thực hiện công văn số 83 - CV/KT ngày 11/7/2002 của UBKT Tỉnh ủy Lào Cai về báo cáo tiến độ tổ chức thực hiện Kế hoạch số 01, 02 - KH/TW và Kế hoạch số 15 - KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên báo cáo tình hình thực hiện bước II như sau:

Sau khi triển khai, quán triệt xong bước I Kế hoạch 01, 02 - KH/TW và Kế hoạch 15 - KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên tiếp tục chỉ đạo cho các chi, đảng bộ trực thuộc huyện Đảng bộ tiến hành tổ chức thực hiện bước II theo Kế hoạch của tỉnh, huyện. Cụ thể tiến độ triển khai bước II. Ngày 15/7/2002 Ban Thường vụ Huyện ủy đã có Thông báo số 70 - TB/HU về việc lịch duyệt báo cáo kiểm điểm của các chi, đảng bộ khối cơ quan từ ngày 18/7 đến ngày 24/7/2002. Đối với cơ sở xã Ban Thường vụ giao cho các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy phụ trách xã trực tiếp duyệt cùng cơ sở. Riêng 04 đơn vị làm điểm, gồm: Đảng bộ thị trấn Phố Ràng, Đảng bộ xã Thượng Hà, Đảng bộ Lâm trường, Chi bộ Chi cục Thuế huyện. Ban Chỉ đạo huyện trực tiếp duyệt tính đến 30/7/2002 đã có 44/44 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn huyện Đảng bộ đã tiến hành xây dựng báo cáo kiểm điểm của cấp ủy mình. Đồng thời các chi, đảng bộ hướng dẫn cho cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước viết kiểm điểm theo Kế hoạch của tỉnh, huyện. Hiện nay các chi, đảng bộ đang tiến hành chỉ đạo cho các chi bộ tổ chức hội nghị cán bộ, đảng viên công chức kiểm điểm cá nhân.

**** Nhận xét***:

- Về tiến độ thực hiện bước II có một số cơ sở còn chậm, do đó cần phải được chỉ đạo đảm bảo về thời gian qui định chung của tỉnh, huyện đi đôi với chất lượng đảm bảo yêu cầu chỉ đạo của kế hoạch, cần nâng cao trách nhiệm chỉ đạo một số báo cáo liên hệ kiểm điểm của tập thể còn chung chung chưa đánh giá đúng theo yêu cầu.

Trên đây là một số nội dung tổng hợp tiến độ thực hiện của bước II cuộc kiểm tra theo Kế hoạch số 01, 02 - KH/TW của Ban Bí thư Trung

ương, Kế hoạch số 15 - KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai và Kế hoạch số 30 - KH/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên. Ban Thường vụ Huyện ủy báo cáo để Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy nắm được và xin ý kiến chỉ đạo./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số: 67-BC/BCĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2002
Tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 83 - CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư (khoá IV) về phát thẻ đảng viên

---

Thực hiện Hướng dẫn số 347 - HD/TU ngày 07/6/2002 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 83 - CT/TW của Ban Bí thư khoá IV về công tác quản lý và phát thẻ đảng viên.

Đảng bộ Huyện Bảo Yên xác định rõ công tác quản lý và phát thẻ đảng viên là một công tác quan trọng, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc làm cho mỗi đảng viên luôn nêu cao tinh thần, ý thức trách nhiệm của người đảng viên mà trong Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã quy định, thúc đẩy tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt " Cuộc vận động xây dựng Đảng vững mạnh và trong sạch " đưa công tác quản lý đảng viên chặt chẽ nề nếp, đồng thời ngăn chặn phần tử xấu, cơ hội, kẻ địch chui vào hàng ngũ Đảng.

I. Quán triệt học tập Chỉ thị 83 - CT/TW

Đảng bộ huyện triển khai học tập thực hiện tại hội nghị Ban Chấp hành mở rộng quí I năm 1980, thành phần hội nghị gồm: Các đồng chí Ban Chấp hành và Bí thư các chi, đảng bộ cơ sở. Triển khai học tập, quán triệt sâu sắc đi sâu nguyên tắc phát thẻ đảng viên theo Điều lệ Đảng, trách nhiệm của các cấp ủy về phát thẻ đảng viên và quản lý thẻ đảng viên, các bước chuẩn bị cho phát thẻ đảng viên.

Ban Thường vụ Huyện ủy giao cho Ban Tổ chức, UBKT trực tiếp tham mưu giúp cấp ủy huyện trong công tác kiểm tra và tổ chức việc phát thẻ đảng viên.

Sau khi quán triệt ở huyện, các đồng chí huyện ủy viên phụ trách xã và Bí thư các chi, đảng bộ cơ sở về triển khai học tập thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình.

Học tập Chỉ thị 83 - CT/TW qua tổng hợp các chi, đảng bộ cơ sở thực hiện nghiêm túc, 100% cơ sở thực hiện tốt, thực hiện đúng quy định, tiến độ.

II. Kết quả thực hiện

1. Khái quát đặc điểm Đảng bộ huyện:

Đảng bộ Huyện Bảo Yên hiện nay có 44 chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc, trong đó có: 18 chi, đảng bộ xã, thị trấn và 26 chi, đảng bộ cơ quan.

- Khối xã: 16 đảng bộ, 01 chi bộ xã Tân Tiến, hiện nay số đảng viên có 31 đang làm thủ tục lên thành đảng bộ.

- 01 đảng bộ thị trấn.

- Cơ quan: 04 đảng bộ và 22 chi bộ.

- Tổng số đảng viên của huyện đến ngày 22/7/2002 có 1.940 đồng chí, trong đó đảng viên chính thức: 1.749, đảng viên dự bị: 191.

- Đảng viên khối cơ quan: 371 đồng chí.

- Đảng viên khối xã, thị trấn: 1.569 đồng chí.

2. **Kết quả thực hiện**:

2.1. Chỉ đạo thực hiện:

Ngay quý I năm 1980 Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo việc phát thẻ đúng tinh thần Chỉ thị 83 - CT/TW và Chỉ thị 72 - CT/TW việc kiểm tra, rà soát đánh giá từng đảng viên được phát thẻ, những đảng viên đủ điều kiện mới được phát thẻ, các bước làm rất chặt chẽ và nghiêm túc. Những năm 1980 đến 1985 việc phát thẻ thường phát vào những ngày lễ lớn như ngày: 3/2, 19/5, 2/9 ... việc phát thẻ đã tạo cho mỗi đảng viên khi nhận được tấm thẻ rất vinh dự, tự hào, càng nêu cao tinh thần ý thức cách mạng của người đảng viên Cộng sản.

2.2. Kết quả phát thẻ đảng viên từ năm 1980 đến tháng 6 năm 2002:

- Năm 1980 làm thủ tục phát được 530 thẻ.

- Năm 1981 đến năm 1990 làm thủ tục phát được 743 thẻ.

- Năm 1991 đến năm 1995 làm thủ tục phát được 202 thẻ.

- Năm 1996 đến tháng 6 năm 2002 làm thủ tục phát được 528 thẻ.

- Thẻ mất làm lại: 02 thẻ (mất do cháy nhà).

- Thẻ hỏng làm lại: 20.

- Thu thẻ hỏng: 20.

- Tổng số đảng viên chính thức được phát thẻ: 1.601

- Tổng số đảng viên chưa phát thẻ: 148

- Số đảng viên bị kỷ luật khai trừ và xóa tên hầu như chưa thu được thẻ.

- Số đảng viên già chết thu được một số, còn một số gia đình xin giữ lại làm kỷ niệm tại gia đình.

2.3. Quy trình các bước làm thẻ và thủ tục tổ chức lễ phát thẻ đúng quy định hướng dẫn trong Điều lệ, lễ phát thẻ được trang trí tổ chức như lễ kết nạp đảng viên mới, các tổ chức cơ sở Đảng đều chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng, quy định của Đảng.

2.4. Công tác quản lý thẻ đảng viên ở các tổ chức cơ sở Đảng nhìn chung tốt. Việc kiểm tra thẻ đảng viên 6 tháng và cuối năm của đảng viên

thực hiện đúng qui định. Việc thu thẻ đảng của đảng viên bị xử lý kỷ luật khai trừ và xóa tên chưa làm được.

2.5. Công tác phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên ở huyện được kiểm tra, rà soát thường xuyên, việc theo dõi sổ sách chi tiết chặt chẽ. Hàng năm thống kê đối chiếu việc phát thẻ đảng và quản lý thẻ Đảng và đảng viên với các tổ chức cơ sở.

2.6. Trước năm 1996 công tác phát thẻ còn chậm, do làm cả thẻ đảng viên dự bị và tờ khai làm thẻ, đảng viên viết sai nhiều.

3. Đánh giá kết quả

Ưu điểm: Cấp ủy huyện lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát việc thực hiện mọi Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng cấp trên đối với cơ sở. Qua quản lý và phát thẻ, đảng viên đã tự rèn luyện mình, nâng cao hơn nữa ý thức Đảng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết tốt nội bộ. Thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

Nhược điểm: Những năm từ 1980 đến 1995 các thủ tục làm thẻ nhất là viết tờ khai hướng dẫn đảng viên nông thôn còn viết sai nhiều nên chậm tiến độ phát thẻ. Thẻ đảng viên bị kỷ luật khai trừ, xóa tên, đảng viên già chết chưa thu được. Việc tổ chức phát thẻ đảng viên có lúc có cơ sở thực hiện chưa đảm bảo đúng các bước.

III. Phương hướng nhiệm vụ thực hiện công tác phát thẻ đảng viên và quản lý thẻ đảng viên

- Tiếp tục quán triệt thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW về công tác phát thẻ đảng viên.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện công tác phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên đối với các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc.

- Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tham mưu cho cấp ủy huyện thực hiện nghiêm túc có hiệu quả công tác phát thẻ đảng viên. Quyết tâm khắc phục những mặt chưa làm được còn tồn đọng.

III. Kiến nghị

- Thẻ đảng viên nên bố trí gọn như chứng minh thư nhân dân để đảng viên tiện sử dụng và nêu cao hơn nữa ý thức của mình.

- Việc tổng kết Chỉ thị 83 - CT/TW thời gian quá dài nên tổng kết theo nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 72-BC/BCĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2002
Đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2002
Huyện Bảo Yên

Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 01/10/2002 của Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện Quy chế dân chủ (QCDC) ở cơ sở. Ban Chỉ đạo QCDC ở cơ sở huyện Bảo Yên báo cáo đánh giá việc lãnh đạo thực hiện QCDC năm 2002 như sau:

I. Tình hình tổ chức thực hiện

1. Tình hình chung

- Việc triển khai thực hiện QCDC từ năm 1998 và qua các năm đều được quán triệt, chỉ đạo thực hiện và luôn có sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp tốt của Mặt trận, Đoàn thể các cấp, các cơ quan hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp Nhà nước; thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 30 - CT/TW và Chỉ thị số 10 - CT/TW ngày 28/3/2002 của Bộ Chính trị.

- Năm 2001 đã tiến hành kiểm tra đánh giá sau 03 năm thực hiện QCDC ở cơ sở trong toàn huyện, đến nay việc chỉ đạo thực hiện QCDC tiếp tục được duy trì và chú ý quan tâm tốt để phát huy ưu điểm, khắc phục những thiếu sót khuyết điểm, những việc chưa làm được thuộc trách nhiệm của các tổ chức, các cấp chính quyền.

- Qua việc kiểm tra thực hiện QCDC ở cả ba loại hình tổ chức (xã, thị trấn, cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước) cho thấy: Hầu hết các cơ sở tổ chức thực hiện QCDC đạt kết quả tốt, nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia tạo ra sự thống nhất trong quần chúng về chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, Đoàn thể từ huyện đến cơ sở luôn chú ý chỉ đạo thường xuyên thực hiện nội dung QCDC ở từng khu dân cư và thôn bản đến các cơ quan và doanh nghiệp Nhà nước tạo ra sự đoàn kết thống nhất nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Công tác củng cố xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị luôn được gắn với việc thực hiện QCDC, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân chủ thực sự được mở rộng trong đời sống chính trị xã hội.

2. Ở cơ sở xã, thị trấn

- 18/18 xã, thị trấn, 302/302 thôn bản trong toàn huyện đã được triển khai và thường xuyên hàng năm được quán triệt thực hiện nội dung

QCDC, 100% các thôn bản đã cụ thể hoá các nội dung QCDC thành quy ước, hương ước thôn bản như trong công tác văn hoá, xã hội ... đã quy định cụ thể việc cưới, việc tang, không nghe kẻ xấu theo đạo trái phép mà bỏ phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.

- 18/18 xã, thị trấn đã kiện toàn Ban Chỉ đạo ở cơ sở theo Chỉ thị số 10 ngày 28/3/2002 của Bộ Chính trị, do đồng chí phó bí thư cấp ủy làm trưởng ban và kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân ở 18 xã, thị trấn có 182 thành viên thường xuyên hoạt động đạt kết quả thiết thực nhất là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, giải quyết những thắc mắc, mâu thuẫn từ cơ sở khiếu kiện của nhân dân, đã mở 03 lớp = 208 trưởng bản được bồi dưỡng nội dung QCDC trong năm 2002.

- Qua kiểm tra tình hình ở 18 xã, thị trấn về thực hiện QCDC cho thấy: Hầu hết các cơ sở thường xuyên tổ chức thực hiện đạt kết quả khá tốt trong các nội dung QCDC. Lấy ý kiến nhân dân tham gia về dự thảo quy hoạch, kế hoạch hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội của xã, phường trước khi HĐND - UBND quyết định. Cá biệt một vài cơ sở kết quả đạt được chưa toàn diện hoặc có việc làm chưa mang lại kết quả cao.

3. Ở cơ quan hành chính sự nghiệp

- 33/33 cơ quan hành chính sự nghiệp đã triển khai thực hiện QCDC trong hoạt động cơ quan, đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo và xây dựng quy chế làm việc, nội quy cơ quan, lịch tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu kiện của công dân. Năm 2002 đã tiếp 46 lượt công dân, nhận 82 đơn thư khiếu nại và đã giải quyết 43 đơn, còn lại tiếp tục giải quyết, hạn chế được đơn thư vượt cấp. Nội dung đơn thư khiếu kiện của nhân dân tập chung chủ yếu tranh chấp đất đai, giải phóng mặt bằng xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Đa số các cơ quan thực hiện tốt dân chủ thể hiện trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng cơ quan đơn vị, chi tiêu tài chính, đánh giá bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng, đề bạt, nâng lương, đào tạo bồi dưỡng, thi hành kỷ luật cán bộ viên chức.

- Các thủ trưởng cơ quan đã đề cao ý thức trách nhiệm đổi mới tác phong lãnh đạo, chủ động chỉ đạo và thực hiện nội dung QCDC trong xây dựng củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể, thể hiện rõ ý thức trách nhiệm và phát huy sức mạnh tập thể để xây dựng đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

- Cán bộ viên chức các cơ quan đều thể hiện rõ trách nhiệm quyền và nghĩa vụ trong việc thực hiện QCDC, tích cực chấp hành tốt chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ được giao, không vi phạm 06 điều quy định cán bộ công chức

không được làm.

- Những việc cán bộ công chức phải được biết; những việc công chức tham gia ý kiến và những việc cán bộ công chức giám sát, kiểm tra, các thủ trưởng và lãnh đạo cơ quan chủ động tổ chức thực hiện có kết quả như việc quán triệt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước mà liên quan đến nhiệm vụ công tác chuyên môn, xây dựng nội quy, quy chế làm việc cơ quan, kế hoạch sử dụng kinh phí hoạt động, quản lý và sử dụng tài sản tập thể, được cụ thể hoá công khai gắn liền giữa quyền lợi và trách nhiệm cán bộ công chức.

4. Ở khu vực doanh nghiệp Nhà nước

- Huyện có 04 doanh nghiệp Nhà nước đều đã triển khai và thường xuyên chỉ đạo thực hiện QCDC, xây dựng được quy chế hoạt động, lịch công tác và nội quy cơ quan.

- Nội dung QCDC trong hoạt động doanh nghiệp những việc phải công khai, những nội dung người lao động tham gia ý kiến, những việc người lao động quyết định và giám sát kiểm tra của người lao động, các doanh nghiệp đều tổ chức thực hiện tốt như việc thoả ước giữa người lao động, giữa tập thể doanh nghiệp và công đoàn; hoặc chuyển đổi hình thức sản xuất kinh doanh; chuyển đổi cơ chế quản lý doanh nghiệp như: Công ty Thương nghiệp huyện vừa qua đã được cán bộ viên chức bàn bạc đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành 161% kế hoạch nộp ngân sách năm 2002.

5. Kết quả thực hiện QCDC ở cơ sở

- Thái độ của nhân dân, công nhân, cán bộ viên chức phấn khởi, tích cực hưởng ứng thực hiện QCDC trong hoạt động ở cơ sở, cơ quan và doanh nghiệp đã tạo nên sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, tư tưởng của quần chúng nhân dân, phát huy được sức mạnh tổng hợp, sức sáng tạo của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương thể hiện rõ nét trên các phương diện như sau:

+ Về phát triển kinh tế - xã hội: Nhân dân tích cực tham gia ý kiến về các dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chương trình sản xuất: Thâm canh lúa, ngô hàng hoá, trồng chè, dự án xóa đói giảm nghèo, các chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng thực sự dân biết, dân bàn, dân làm và dân giám sát, kiểm tra...

+ Đối với cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền nhân dân tích cực tham gia đóng góp ý kiến phê bình và tự phê cán bộ đảng viên và tổ chức Đảng. Lựa chọn và giới thiệu người đủ tiêu chuẩn bầu vào chính quyền các cấp, niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng được nhân dân tiếp tục khẳng định.

+ Đối với củng cố hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể: Dân chủ đã

thực sự mở ra phương pháp cách làm tốt và mang lại hiệu quả trong hoạt động của Mặt trận và đoàn thể, tập hợp được thêm nhiều hội viên, đoàn viên, đẩy mạnh các phong trào quần chúng.

+ Đối với việc giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội: 302/302 thôn bản nhân dân trực tiếp bầu Công an viên thôn bản, 10/302 bản, khu dân cư đạt tiêu chuẩn Làng Văn hoá, 05/11 xã có người Mông sinh sống không còn người lợi dụng hoạt động tôn giáo trái phép, các tai tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi.

+ Thực hiện QCDC ở cơ sở đã tăng cường được sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền và Mặt trận - Đoàn thể, đề cao vai trò phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong mọi mặt đời sống xã hội thực sự đã thu được hiệu quả thiết thực.

*** Đánh giá nhân xét ưu, khuyết điểm và nguyên nhân**

- Ưu điểm

+ Đã xuất hiện các mô hình thực hiện tốt nội dung QCDC như đa số các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước; các xã vùng thấp của huyện.

+ Các cấp ủy từ huyện đến cơ sở, các cơ quan, doanh nghiệp luôn coi trọng việc thực hiện Chỉ thị của Trung ương về thực hiện QCDC: Kiện toàn Ban Chỉ đạo, chủ động đề ra nội dung kiểm tra hàng kỳ, năm ít nhất 01 lần từ đó đã phát huy cách làm tốt, ưu điểm, khắc phục thiếu sót khuyết điểm và tập chung giải quyết kịp thời những bức xúc từ cơ sở.

+ Các cấp chính quyền đã cụ thể hoá các nội dung, biện pháp để thực hiện QCDC như đề ra quy chế làm việc, nội dung cách thức để thông báo tới nhân dân thuộc trách nhiệm của chính quyền để dân biết, dân làm và dân giám sát, kiểm tra. Đồng thời thường xuyên chú trọng việc giải quyết đơn thư khiếu kiện của công dân, không để tồn đọng từ đó đã hạn chế được đơn thư vượt cấp.

+ Mặt trận đoàn thể có sự phối hợp đồng bộ trong việc tuyên truyền cho các tầng lớp nhân dân hiểu và nắm được chủ trương đường lối chính sách, hiểu và thực hiện nội dung QCDC thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân.

- Khuyết điểm tồn tại

+ Cá biệt còn cơ sở trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền tổ chức chỉ đạo thực hiện QCDC chưa chú ý thường xuyên nên có những việc chưa xin ý kiến nhân dân tham gia trước khi chính quyền quyết định, như: Việc tách trường học giữa cấp I và cấp II của một số xã như: Bảo Hà, Yên Sơn, Long Khánh năm học 2002 - 2003.

+ Phương pháp cách làm hầu hết ở các xã, thị trấn do điều kiện, phương tiện còn nhiều khó khăn nên những nội dung cần thông báo xin ý

kiến nhân dân chất lượng đạt được còn hạn chế ít thiết thực.

+ Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến dư luận quần chúng chưa đồng tình, thậm chí có đơn thư khiếu kiện là do: Trách nhiệm của tổ chức Đảng, chính quyền chỉ đạo thực hiện QCDC ở nơi đó chưa tốt như xã: Tân Dương, Điện Quan, nhân dân chưa hiểu rõ, chưa được bàn nên có ý kiến thắc mắc.

+ Mặt khác: Về trách nhiệm công dân (quyền và nghĩa vụ) cũng còn một số ít chưa thực sự gương mẫu trong suy nghĩ và việc làm nên cũng thông qua diễn đàn dân chủ để thắc mắc, khiếu kiện hoặc bị kẻ xấu lợi dụng dẫn đến khiếu kiện tố cáo sai sự thật như: Một số công dân xã Điện Quan, viết đơn tập thể đề nghị cấp trên xin được theo đạo trái pháp luật.

*** Nguyên nhân**

- Về kết quả ưu điểm:

+ Các cấp ủy thường xuyên chú động trong công tác chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện QCDC kiện toàn Ban Chỉ đạo, đề ra nội dung tổ chức thực hiện và chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm.

+ Các cấp chính quyền, thủ trưởng cơ quan luôn luôn đề cao trách nhiệm việc thực hiện QCDC, cụ thể hoá các nội dung, hình thức và biện pháp thực hiện từng nội dung QCDC, biết tôn trọng, lắng nghe ý kiến và đáp ứng những nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân.

+ Mặt trận, Đoàn thể các cấp có sự phối hợp đồng bộ tích cực tuyên truyền chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong các tầng lớp quần chúng, thực hiện có hiệu quả quyền lợi gắn với nghĩa vụ trách nhiệm của công dân.

*** Kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn thực hiện QCDC ở cơ sở**

+ Phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền trong quần chúng nhân dân bằng nhiều hình thức để nhân dân hiểu rõ đường lối chính sách pháp luật và nội dung QCDC.

+ Tổ chức tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời các nhu cầu nguyện vọng chính đáng của công dân ngay từ cơ sở.

+ Lãnh đạo thực hiện QCDC là trách nhiệm của tổ chức Đảng và sự chủ động, cụ thể hoá của chính quyền và phối hợp thường xuyên của Mặt trận - Đoàn thể các cấp.

- Về khuyết điểm tồn tại

+ Trình độ, mặt bằng dân trí chưa đồng đều.

+ Điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất ở các xã còn gặp nhiều khó khăn.

+ Một số nơi chính quyền chưa cụ thể hoá nội dung QCDC để tổ chức thực hiện và sự phối hợp đôi khi thiếu đồng bộ.

+ Việc chủ động tự kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện QCDC của

cấp ủy Đảng cơ sở còn yếu, việc báo cáo chưa thường xuyên kịp thời.

+ Trình độ cán bộ cơ sở còn bất cập, hạn chế cả về học vấn, chuyên môn.

Biện pháp khắc phục yếu kém, tiếp tục chỉ đạo thực hiện quy **chế dân chủ ở cơ sở**

- Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc, của Đoàn thể nhân dân, đặc biệt là của HĐND về triển khai, tổ chức thực hiện QCDC ở tất cả các loại hình cơ sở.

- Tích cực làm tốt công tác thông tin tuyên truyền bằng mọi hình thức để các tầng lớp quần chúng nhân dân dễ tiếp thu và thực hiện đúng các chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo từ huyện đến cơ sở, chủ động đề ra nội dung hoạt động, tăng cường công tác kiểm tra thực hiện ở từng cơ quan, đơn vị, cơ sở. Xây dựng được mô hình điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo.

- Tiếp tục chỉ đạo để nhân dân, CBVC và người lao động thường xuyên học tập quán triệt nhận thức sâu sắc nội dung QCDC.

- Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng QCDC cho cán bộ chính quyền, Mặt trận và Đoàn thể, trưởng thôn bản về thực hiện QCDC.

- Thường xuyên thực hiện tốt thông tin báo cáo từ cơ sở, huyện, tỉnh.

- Chủ động tổ chức sơ kết đánh giá kết quả hàng năm và đề ra nhiệm vụ tiếp theo.

- Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ cơ sở cả về văn hoá, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

*** Kiến nghị**

- Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc cho cơ sở xã, thị trấn.

- Biên soạn, cụ thể hoá nội dung QCDC của các loại hình cơ sở để nhân dân dễ tiếp thu, dễ nhớ và thực hiện.

- Đưa nội dung QCDC trong chương trình học tập phổ thông và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng nói chung.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện QCDC năm 2002 và một số nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới của Ban Chỉ đạo QCDC của huyện./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 74-BC/HU, ngày 21 tháng 11 năm 2002
Kết quả thực hiện Nghị quyết 08 NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp năm 2002

I. Tình hình chung

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết 03/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp năm 2002 và những năm tiếp theo. Ngày 18/6/2002 Ban chấp hành Đảng bộ Huyện Bảo Yên mở hội nghị quán triệt triển khai học tập Nghị quyết TW5- Khoá IX và Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị. Đảng bộ huyện đã đề ra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW và phát động phong trào thi đua, chỉ đạo các cơ quan trong khối Tư pháp xây dựng chương trình cụ thể. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Nghị quyết và chương trình hành động của huyện.

Qua 01 năm thực hiện dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự điều hành của các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội. Nhất là sự hỗ trợ phấn đấu của các cơ quan trọng khối Tư pháp. Công tác Tư pháp trong năm 2002 đã đạt được thành tích, đóng góp vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giữ vững công tác an ninh - chính trị trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân trong huyện.

Thực hiện tinh thần Nghị quyết 08-NQ-TW công tác tư pháp huyện Bảo Yên có nhiều chuyển biến tốt. Các hoạt động của các cơ quan Tư pháp được đổi mới sâu sắc, từ cách nghĩ và cách làm. Tình hình hoạt động của Tư pháp địa phương luôn được các cơ quan quan tâm phối hợp, duy trì hoạt động có hiệu quả. Đảm bảo công tác phòng và chống tội phạm, chống vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện. Khối nội chính duy trì chế độ giao ban hàng tuần đúng quy định, kịp thời xử lý thông tin vi phạm, tội phạm, có hiệu quả.

Các ngành Toà án - Kiểm soát - Công an - Tư pháp đã đi sâu vào nghiệp vụ của mình nhằm hoàn thành tốt công tác chuyên môn, đồng thời đề xuất kịp thời các biện pháp để nâng cao hiệu quả công tác tư pháp ở địa phương.

Về tổ chức cán bộ : Các đơn vị đã sắp xếp phân công lại cán bộ trên cơ sở biên chế của từng đơn vị. Những cán bộ không có năng lực được sắp xếp làm các việc khác hoặc cho nghỉ chế độ. Đặc biệt các cán bộ trẻ có nhận thức, hăng hái trong công tác đã được các đơn vị sắp xếp cho đi đào tạo,

bồi dưỡng, để đáp ứng được nhiệm vụ của các ngành trong khối tư pháp.

Về cơ sở vật chất : Năm 2002 các cơ quan Tư pháp đã tích cực chủ động xây dựng và hoàn thiện trụ sở làm việc. Mỗi đơn vị đều có phòng tiếp dân, với đầy đủ các tiện nghi. Tiết kiệm chi tiêu mua sắm máy vi tính và các trang thiết bị khác phục vụ cho công tác chuyên môn. Điều đó khẳng định các bước tiến trong việc cải cách công tác tư pháp năm qua trên địa bàn huyện Bảo Yên đã mang lại hiệu quả thiết thực.

II. Kết quả đạt được của các ngành

1. Toà án nhân dân huyện

a. Công tác tổ chức cán bộ

Tổng biên chế có 08 đồng chí, 05 đồng chí đang theo học đại học luật. Các cán bộ khác thường xuyên được bồi dưỡng ngắn hạn để nâng cao về trình độ chuyên môn. Mua sắm máy vi tính để phục vụ tốt cho công tác chuyên môn.

b. Công tác chuyên môn :

Năm 2002 Toà án thụ lý tổng số 70 vụ án các loại và đã xử lý 66/70 vụ đạt 95,1%. Tất cả các vụ án đã được giải quyết và xét xử đều đảm bảo nhanh gọn, chính xác đúng pháp luật, tỷ lệ án có kháng cáo, kháng nghị ít. Không có vụ nào bị hủy, không có án để quá thời gian theo luật định.

Để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo, người bị hại, các đương sự thực hiện quyền bào chữa ngay tại phiên toà. Toà án đã phối hợp với đoàn luật sư tỉnh Lào Cai, Trung tâm trợ giúp pháp lý, cử luật sư, cộng tác viên tham gia bào chữa miễn phí cho các đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách tại các phiên toà hình sự và dân sự. Năm 2002 đã có 23 vụ được luật sư bào chữa. Trong đó có 12 vụ án hình sự và 11 vụ dân sự với sự đóng góp của luật sư, cộng tác viên đã giúp cho hội đồng xét xử phán quyết chính xác, khách quan tại các phiên toà.

c. Công tác giải quyết khiếu nại tố cáo

Do công tác xét xử tốt nên các vụ kiện trong hoạt động tư pháp tại Toà án ít. Chỉ có một vài trường hợp chưa rõ về nội dung trong quyết định bản án. Nhưng khi được phân tích kỹ họ đã chấp hành nghiêm các phản quyết của hội đồng xét xử.

2. Viện kiểm sát nhân dân

Các hoạt động tư pháp của địa phương luôn được cơ quan Viện kiểm sát phối hợp duy trì hoạt động có hiệu quả. Đảm bảo đấu tranh phòng chống vi phạm - tội phạm trên địa bàn có hiệu quả cao.

a. Công tác tổ chức cán bộ

Sắp xếp lại kiểm sát viên trên cơ sở biên chế hiện có. Trong đó, tập chung cho công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư

pháp trong lĩnh vực hình sự. Tổ chức động viên cán bộ học tập, rèn luyện nâng cao nghiệp vụ năng lực phẩm chất chính trị. Trong năm đã có 1 đạt cử nhân luật. Các cán bộ khác đã tích cực bồi dưỡng học tập để nâng cao trình độ nghiệp vụ và chuyên môn. ý thức trách nhiệm của từng cán bộ trong năm qua được nâng nên rõ rệt. Mỗi cán bộ đã thấy rõ được vai trò công tác, vươn lên hoàn thành nhiệm vụ trong năm.

b. Công tác chuyên môn

Quản lý, xử lý thông tin vi phạm, tội phạm đã được nâng lên một bước ở xã theo Công văn số 27/CV-UB ngày 17/01/2002 của UBND huyện Bảo Yên. ở huyện giao ban theo Nghị quyết liên ngành số 02 của khối nội chính. Tổng số vi phạm, tội phạm: 161 tin.

- Trong đó: Vi phạm 108 tin

Tội phạm 53 tin

Khởi tố hình sự 22 tin

- Trong công tác kiểm sát điều tra đã đầu tư thích đáng nhân lực, vật lực. Kiểm sát điều tra ngay từ đầu từ khi tội phạm xảy ra. Tăng cường việc khám nghiệm hiện trường, việc lập hồ sơ điều tra nâng cao trách nhiệm của kiểm sát viên, kiểm sát khởi tố, phê chuẩn, bắt tạm giam. Đã từ chối phê chuẩn tạm giam 1 trường hợp vi phạm do căn cứ khởi tố, bị can không đảm bảo.

- Công tác xét xử hình sự: Việc nộp cáo trạng, truy tố, chuẩn bị xét xử luôn được quan tâm, chất lượng đảm bảo. Số lượng vụ án, Toà án trả hồ sơ cho viện kiểm sát điều tra bổ sung là không có. Chỉ có 1 vụ trả để chuyển lên tỉnh xét xử theo thẩm quyền. Quan điểm xét xử giữa Viện kiểm sát và Toà án nhân dân huyện về cơ bản là phù hợp.

- Công tác xét xử dân sự

Số lượng án kiểm sát lập hồ sơ đã nâng cao 43/56 vụ. Số vụ án viện kiểm sát ngồi xét xử đạt 100%.

Các bản kháng cáo, kháng nghị ít, thường được cấp phúc thẩm y án.

Công tác kiểm sát nhà tạm giữ : Kiểm tra thường xuyên 1lần/ngày. Kiểm sát trực tiếp toàn diện 1 lần/ tháng.

Tình trạng đầu gấu, ăn chặn, mất vệ sinh, trốn trại, chết, dịch bệnh trong nhà tạm giam không xảy ra. Trong năm Viện kiểm sát phối hợp với MTTQ huyện, các ngành có liên quan tiến hành kiểm tra nhà tạm giữ xác định công tác tạm giữ, tạm giam, xử lý trong nhà tạm giữ đạt kết quả tốt. Quá hạn trong tạm giam, tạm giữ không có lệnh đã không xảy ra.

- Công tác kiểm sát thi hành án: Đơn vị đã chủ động phối hợp với các cơ quan thi hành án kịp thời các bản án, các quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật. Số bị án hình sự có hiệu lực pháp luật đã được đưa ra

thi hành đầy đủ. Bị án tù giam không có trường hợp nào ở ngoài xã hội. Việc ra quyết định và đôn đốc chuyển giao thi hành án dân sự cho cơ sở luôn được đảm bảo.

Tuy nhiên số việc không có điều kiện thi hành còn cao. Nguyên nhân là do người bị thi hành án đang phải tập chung cải tạo hoặc không có tài sản. Đơn vị đã tổ chức triển khai luật Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 đồng thời làm tốt công tác kiểm sát chung sang bên UBND huyện.

- Công tác tiếp dân: Tiếp nhận 26 đơn, giải quyết 06 đơn chuyển cơ quan khác 20 đơn đã tiếp 21 lượt người đến hỏi về các chính sách pháp luật. Cơ quan đã trang bị máy vi tính phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ

3. Phòng Tư pháp

a. Công tác tổ chức cán bộ

Ngay sau khi đăng ký chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08/TW Phòng Tư pháp đã tổ chức học tập quán triệt đồng thời đề ra các biện pháp thực hiện. Trong đó đi sâu vào kiện toàn bộ máy ở cấp phòng và cấp cơ sở. Trong đó ở phòng bố trí một cán bộ nghỉ chế độ, ở xã thay đổi 3 cán bộ yếu về trình độ nghiệp vụ.

Sắp xếp 01 cán bộ đi học đại học luật, 01 cán bộ đi học trung cấp luật; các cán bộ khác cho theo học các lớp tại chức và các lớp chính trị để nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ.

b. Công tác tuyên truyền luật

Đã củng cố và làm tốt vai trò thường trực của HĐPH công tác phổ biên giáo dục pháp luật Huyện Bảo Yên. Với đội ngũ 24 báo cáo viên cấp huyện, 84 tuyên truyền viên cấp xã. Đã mở một hội nghị tuyên truyền cấp huyện với 150 người tham gia để về cơ sở tổ chức tuyên truyền. ở cơ sở đã mở 72 hội nghị với 1850 người tham gia học luật.

Ngoài ra phòng phối kết hợp với MTTQ, Đài TT - TH, phòng Giáo dục, Trung tâm chính trị, Trường cấp III tổ chức tuyên truyền pháp luật cho thanh, thiếu niên và học sinh các trường học trong huyện.

Đã củng cố 24 tủ sách pháp pháp luật. Hiện nay mỗi tủ sách có 30 đến 150 đầu sách. Nhiều tủ sách đã phát huy được tác dụng phục vụ các cơ quan tra cứu và nhân dân đến đọc và tìm hiểu pháp luật.

c. Công tác hộ tịch:

- Hiện nay Huyện đã triển khai xong Nghị định số 77/2001-NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 về đăng ký kết hôn và Đề án 278/TP-HT ngày 23 tháng 4 năm 2001 của Bộ Tư pháp về đăng ký khai sinh cho trẻ em. Kết quả đạt được như sau :

+ Đăng ký khai sinh: 4.612 cháu; Nam: 2.296 cháu; Nữ: 2.316 cháu.

+ Đăng ký kết hôn: 1864 đôi .

- Đẩy mạnh và tăng cường phối hợp với các cơ quan Tư pháp trong hoạt động tố tụng. Nhất là đẩy mạnh công tác thi hành án dân sự. Đã làm tốt công tác hoà giải ở cơ sở, kết quả đã hoà giải trên 31 đơn của nhân dân ở hầu hết các xã trong huyện. Cụ thể là trong các lĩnh vực như : Tranh chấp đất đai, Chính sách xã hội, các xích mích nhỏ trong nhân dân.

d. Công tác thi hành án dân sự

- Dưới sự chỉ đạo và giám sát của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự, đội thi hành án đã xây dựng kế hoạch công tác trong năm xin ý kiến của Ban Chỉ đạo để phối kết hợp với các cơ quan, ban ngành trong việc tổ chức thi hành án và kết quả đạt được như sau:

- Tổng số việc phải thi hành: 240 việc

+ Số việc có điều kiện thi hành: 138 việc = 57% số việc thụ lý.

+ Số việc chưa có điều kiện thi hành: 102 việc = 43% số việc thụ lý.

- Kết quả thi hành.

+ Số việc thi hành xong hoàn toàn: 100 việc

+ Số việc giải quyết bằng biện pháp khác: 09 việc

+ Số việc thi hành đều: 15 việc

+ Số việc thi hành dở dang: 11 việc

- Tỉ lệ thi hành xong, thi hành đều, thi hành dở dang đạt 100% so với số việc có điều kiện thi hành. Trong đó thi hành xong hoàn toàn đạt 79% = 105,3% kế hoạch năm.

- Kết quả thi hành án về tiền: 06

+ Tổng số tiền phải thi hành: 996.519.000Đ.Trong đó: Số tiền có điều kiện thi hành: 304.744.000 đ = 30,5% số việc thụ lý

+ Số tiền chưa có điều kiện thi hành: 691.733.000đ = 69,5% số việc thụ lý,

+ Tổng số tiền đã giải quyết được: 244.285.000đ. Trong đó: Số tiền đã thu được: 181.080.000Đ

+ Số tiền giải quyết bằng biện pháp khác: 63.285.000 đ, đạt tỉ lệ giải quyết xong 80,2% = 106,9% kế hoạch của cả năm.

+ Số tiền còn phải thi hành: 785.232.000 đ. Trong đó: Số tiền có điều kiện thi hành: 60.459.000Đ

+ Số tiền chưa có điều kiện thi hành: 691.773.000đ.

4. Công an huyện Bảo Yên

a. Đánh giá chung hoạt động công tác tư pháp của đơn vị

- Tiến hành tổ chức học tập quán triệt thực hiện tốt Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ chính trị cho toàn thể cán bộ chiến sĩ đơn vị, số cán bộ chiến sỹ được phân công nhiệm vụ công tác điều tra hình sự và hoạt động

các mặt công tác liên quan đến công tác tư pháp, nghiên cứu sâu sắc và bám sát chương trình hành động tổ chức thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao..

- Đội cảnh sát điều tra và các đội chuyên môn nghiệp vụ hoạt động công tác liên quan, công tác tư pháp trong năm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đã có sự phối kết hợp với các ngành khối nội chính thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 02/NQ-LN. Nắm chắc tình hình hoạt động tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện, tiến hành điều tra xác minh xử lý kịp thời trước cơ quan pháp luật, các vụ án xảy ra đã tiến hành điều tra khởi tố truy tố xử lý đúng luật định.

- Trong năm 2002 đơn vị đã hoạt động tốt công tác tư pháp, không để cán bộ chiến sĩ vi phạm kỷ luật.

b. Rà soát đội ngũ cán bộ và xây dựng kiện toàn cán bộ làm công tác tư pháp

- Đội ngũ cảnh sát điều tra Công an huyện gồm: 7 đồng chí trong đó 1 đồng chí Thủ trưởng điều tra, 1 đồng chó phó thủ trưởng điều tra, có 5 điều tra viên hình sự. Trong đó 5 điều tra viên trung cấp, 2 viên điều tra viên sơ cấp. Về trình độ chuyên môn có 2 đồng chí đại học, 5 đồng chí trung học CAND. Nhìn chung mỗi đồng chí điều tra viên đều phát huy khả năng trình độ hoạt động tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

- Không có cán bộ điều tra thoái hoá biến chất và vi phạm khuyết điểm.

c. Kết quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm

Kết quả tình hình công tác bắt giam giữ điều tra xử lý tội phạm, thời gian tính (15/11/ 2001 đến 15/10/2002).

Kết quả điều tra án khởi tố

+ Tổng số thụ lý: 26 vụ = 32 bị can (trong đó có án 2001 chuyển sang 1 vụ = 1 bị can, khởi tố năm 2002: 25 vụ = 31 bị can)

+ Đã giải quyết: 26 vụ = 32 bị can. Trong đó chuyển hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát nhân dân các cấp. truy tố 14 vụ = 18 bị can.

Tạm đình chỉ điều tra 1 vụ = 1 bị can (bị can trốn đang truy nã). Đang điều tra 6 vụ = 7 bị can.

Chuyển lên phòng PC16 Công an tỉnh điều tra đúng thẩm quyền: 3 vụ = 5 bi can. Đình chỉ điều tra: 1 bị can (trong đó có 1 vụ tách nhập) lý do đình chỉ bị can không có tội (Nguyễn Thị Minh) vụ "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Công tác bắt xử lý: 05

+ Bắt quả tang 13 vụ = 15 đối tượng đã khởi tố, chuyển tạm giam 9 vụ = 10 bị can, xử lý hành chính 4 vụ = 5 bị can.

+ Bắt có phê chuẩn của Viện kiểm sát: 11 vụ = 17 bị can.

- Công tác quản lý, tạm hợp can phạm trốn, tự tử chết đúng pháp luật

quy định. Giam, tạm giữ đảm bảo tốt, không có trường trong nhà tạm giữ, đảm bảo chế độ quản lý.

- Công tác thu giữ, bảo quản tang tài vật đúng qui định để phục vụ tốt cho công tác điều tra xử lý.

d. Kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân

Đã giải quyết xác minh kết luận 14 đơn thư của công dân liên quan đề nghị giải quyết vụ việc về ANTT, đã xác minh giải quyết 13 đơn, đang giải quyết 1 đơn, trong đó có 1 đơn liên quan CA xã có giải quyết vụ việc chưa đúng, đã giải quyết xử lý lại. Những đơn thư không có đơn thư khiếu nại tố cáo liên quan cán bộ chiến sĩ công an huyện.

đ. Về cơ sở vật chất, điều kiện và phương tiện phục vụ công tác tư pháp ở đơn vị: Tình trạng nhà tạm giam, tạm giữ của Công an huyện đã tu sửa ổn định, đảm bảo phục vụ công tác giam giữ. Hiện nay CA huyện còn thiếu nhà tạm giam, tạm giữ hành chính, còn nhiều khó khăn trong công tác tạm giữ đối tượng và người vi phạm hành chính.

III. Phương hướng trong thời gian tới

- Để thực hiện thắng lợi nghị quyết 08/NQ/TW của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp. Huyện ủy Bảo yên xây dựng một số biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác tư pháp như sau:

- Tiếp tục tổ chức học tập và triển khai thực hiện các chương trình hành động của Tỉnh ủy Lào Cai, Huyện ủy Bảo Yên về thực hiện Nghị quyết 08-/NQ-TW.

- Các đơn vị tư pháp và cơ quan bổ trợ Tư pháp phối hợp chặt chẽ trong khối, kết hợp với các cấp chính quyền cơ sở, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tầng lớp nhân dân trong huyện để thực hiện tốt Nghị quyết số 01/LN và Nghị quyết số 02/LN (Thay thế Nghị quyết 01/LN) của liên ngành nội chính tỉnh về công tác nắm, quản lý, xử lý, thông tin vi phạm, tội phạm.

- Công tác tổ chức: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bố trí hợp lý các nhiệm vụ chuyên môn, các chức danh chuyên môn, củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp cơ sở.

- Xây dựng lực lượng cán bộ làm công tác trong các cơ quan tư pháp trong sạch, có phẩm chất đạo đức, tác phong lối sống, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng, thực hiện thắng lợi Nghị quyết 08/NQ-TW./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 80-BC/HU, ngày 14 tháng 01 năm 2003
Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2002
Phương hướng nhiệm vụ năm 2003

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2002

Năm 2002 là năm có vị trí rất quan trọng, là năm thứ 2 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII, năm kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai và chào mừng thành công cuộc bầu cử Quốc hội khoá XI.

Đảng bộ huyện Bảo Yên đã triển khai đồng bộ các nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, quy hoạch đánh giá bổ nhiệm sắp xếp luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở. Công tác lãnh đạo của Huyện ủy, sự chỉ đạo điều hành của UBND huyện, sự phối hợp hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đã từng bước tạo ra sự chuyển biến mới từ huyện đến cơ sở, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của từng địa phương nên kết quả năm 2002 đạt được khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra.

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội:

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Trong sản xuất nông - lâm nghiệp đã từng bước chuyển dịch mạnh hơn về cơ cấu cây trồng và vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, sử dụng giống lúa lai, ngô lai, đậu tương cao sản với diện tích ngày càng tăng với mục tiêu tăng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác. đầu tư củng cố hệ thống thủy lợi sẵn có kết hợp với chương trình kiên cố hoá kênh mương ở vùng trọng điểm lúa.

Thực hiện việc trợ giá cước về giống và vật tư nông nghiệp. Đẩy mạnh công tác dự báo, phòng trừ sâu bệnh hại, tăng cường đầu tư thâm canh nên kết quả sản xuất nông lâm nghiệp có bước phát triển so với năm 2001. Diện tích gieo trồng cây lúa nước cả năm 3.656 ha, tăng 3,8 % so với kế hoạch, tăng 173 ha so với năm 2001. Trong đó vụ đông xuân 1774 ha tăng 8,17 % so với kế hoạch, năng suất 45,32 tạ/ha. Vụ mùa 1.882 ha = 100% kế hoạch, năng suất 41,07 tạ/ha. Diện tích ngô cả năm 2.575 ha,

tăng 03% so với kế hoạch, tăng 40 ha so với năm 2001, năng suất 20,4 tạ/ha. Lúa nương 950 ha, giảm 250 ha so với năm 2001, năng suất 11 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt 22.048 tấn tăng 1,14% kế hoạch, tăng 849 tấn so với năm 2001.

Các loại cây công nghiệp hàng năm, cây rau đậu các loại, cây ăn quả được chú trọng phát triển theo hướng mở rộng sản xuất, thâm canh, sử dụng giống mới năng suất cao và có giá trị kinh tế. Diện tích cây đậu tương 109 ha, tăng 363 % kế hoạch, tăng 52 ha so với năm 2001, năng suất 7,8 tạ/ha. Cây lạc 64 ha tăng 07 ha so với năm 2001, năng suất 10 tạ/ha. Cây mía 275 ha (không tăng so với năm 2001), năng suất 200 tạ/ha. Cây ăn quả trồng mới 104 ha = 208% kế hoạch.

Cây chè tổng diện tích 295 ha, trong đó chè kinh doanh 18 ha, chè chăm sóc năm thứ nhất 86,85 ha, chè chăm sóc năm thứ hai 112,6 ha, chè chăm sóc năm thứ ba 5,8 ha. Chè trồng mới đạt 80 ha = 80% kế hoạch. Diện tích chè trồng mới năm 2002 không đạt kế hoạch giao nguyên nhân chủ yếu là do người nông dân chưa thấy hết lợi ích lâu dài của việc trồng chè, lo sau này không thanh toán được vốn vay, người nông dân chưa thực sự tin tưởng vào chính sách hỗ trợ vốn và bao tiêu sản phẩm của tỉnh.

Về chăn nuôi tăng trưởng khá, đàn trâu tăng 20,7%, đàn bò tăng 9,6%, đàn gia cầm tăng 3%, bước đầu có sự thay đổi cơ cấu đàn và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu thị trường, công tác phòng chống dịch bệnh được chủ động, không để xảy ra dịch hại lớn trên địa bàn huyện.

Công tác bảo vệ rừng phòng hộ, khoanh nuôi tái sinh thực hiện đạt kế hoạch. Rừng trồng mới đạt 180 ha = 100% kế hoạch; không để xảy ra các vụ cháy rừng nghiêm trọng, đã giao đất lâm nghiệp 3.720 ha 124% kế hoạch cho 897 hộ. Tổng diện tích đất có rừng là 32.168 ha, tỷ lệ tán che phủ rừng đạt 39% tăng 1.424,4 ha so với năm 2001. Duy trì vùng nguyên liệu giấy để cung cấp cho 02 nhà máy giấy ở Phố Ràng và Bảo Hà.

Công tác kiểm tra, kiểm soát và quản lý lâm sản trên địa bàn có nhiều tiến bộ, đã xử lý vi phạm và tịch thu hàng lâm sản trị giá 88,82 triệu đồng. Trong đó gỗ các loại 85m, động vật rừng 27 kg. Phân bón các loại đã cung ứng 1.610 tấn 101,6% kế hoạch, tăng 154 tấn so với năm 2001. Bà con nông dân đã bỏ dần thói quen cấy chay, trồng chay và cấy giống lúa địa phương năng suất thấp chuyển sang đầu tư thâm canh để tăng sản lượng cây trồng.

- Công tác khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật và kiên cố hoá kênh mương, định canh định cư đã bám sát nhiệm vụ, thực hiện khá tốt các chương trình dự án đầu tư. Chương trình định canh định cư đạt 1.053 triệu đồng = 100% kế hoạch, kiên cố hoá kênh mương đạt 3.300/4300 triệu đồng = 76,7 % kế hoạch với 19 công trình có chiều dài 27,7 km kênh mương.

2. Giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông, bưu điện và xây dưng cơ bản

Giá trị công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn đạt 6.374 triệu đồng đạt hơn 200% kế hoạch với các sản phẩm chủ yếu như khai thác vật liệu xây dựng, xay xát, chế biến sản phẩm từ gỗ, tre, nứa... Giá trị sản xuất nhà máy giấy Bảo Hà và Bảo Yên đạt 14,182 triệu đồng, với sản lượng 4.052 tấn giấy đế xuất khẩu. Trong đó nhà máy giấy Bảo Yên đạt giá trị 8.144 triệu đồng, sản lượng 2.327 tấn; đã góp phần tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư phát triển, có 18/18 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, làm mới được 72,3 km đường liên xã và thôn bản, nâng cấp 44,1 km. Tuyến đường quốc lộ 279 Nghĩa Đô - Bảo Hà tiếp tục được thi công, đường điện quốc gia của dự án lưới điện nông thôn đang thi công giai đoạn 2 để đóng điện vào 31/12/2002. Tuy nhiên công tác giải phóng mặt bằng và đền bù thiệt hại còn chậm so với dự kiến.

Phương tiện vận tải từng bước đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá và hành khách trên địa bàn. Ban an toàn giao thông huyện đã có nhiều cố gắng duy trì trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường thủy và hành lang các khu trung tâm chợ.

Tổ chức thi tuyển và cấp giấy phép lái xe gắn máy cho 500 người. Hiện nay toàn huyện có 66 xe ô tô, 11 xuồng gắn máy tư nhân thường xuyên hoạt động.

- Công tác bưu điện và viễn thông: Thường xuyên đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, công tác phát hành báo chí, thư tín an toàn và kịp thời. Hiện nay có 8/18 xã có báo đọc trong ngày, 100% các chi, đảng bộ có báo, tạp chí để đọc, 11/18 xã có máy điện thoại, toàn huyện có 850 máy điện thoại, trong đó khu vực xã 250 máy, số máy bình quân đạt 1,21/100 dân (năm 2001 là 0,93 máy/100 dân).

Hệ thống các điểm bưu điện văn hoá xã đã và đang phát huy hiệu quả góp phần nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân ở vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên ở một số xã các cuộc gọi còn kém chất lượng.

- Công tác xây dựng cơ bản và thực hiện dự án

Các công trình xây dựng cơ bản 2002 được quan tâm chỉ đạo từ khâu khảo sát, thiết kế, lập hồ sơ dự toán và hợp đồng thi công đảm bảo đúng trình tự qui định. Thường xuyên đôn đốc và kiểm tra tiến độ thi công cũng như chất lượng công trình.

- Chương trình 135: Công trình quyết toán 2001 (gồm 17 công trình) đã thanh toán được 4.673,76 triệu/4.992,12 triệu đồng so dự toán = 93,6%. Công trình chuyển tiếp 2001 - 2002 (gồm 02 công trình) đã thanh toán

1.250 triệu đồng/2.025,97 triệu đồng so dự toán = 61,6%. Công trình khởi công mới 2002 (gồm 15 công trình), giá trị khối lượng nghiệm thu đạt 5.187 triệu/5.550,3 triệu đồng so với dự toán; Đã thanh toán 2.012,5 triệu đồng = 36,2%, đã hoàn thành 14/15 công trình trong năm 2002.

- Dự án trung tâm cụm xã: Công trình quyết toán 2001 (gồm 03 công trình) đã thanh toán 1.265 triệu/1.334,59 triệu đồng so dự toán =94,7%. Công trình chuyển tiếp năm 2001 - 2002 01 công trình) đã thanh toán 664,36 triệu/665,062 triệu đồng so dự toán = 99,8%.

Vốn phòng chống lụt bão đầu tư cho các xã vùng 3: Công trình quyết toán 2001 (02 công trình) đã thanh toán 550 triệu/669,628 triệu đồng so với dự toán = 82,1% công trình khởi công mới (05 công trình) đã nghiệm thu khối lượng trị giá 918 triệu đồng các công trình đang tiếp tục thi công.

- Vốn ngân sách tập chung đầu tư cho các xã vùng 2. Công trình chuyển tiếp 2001 - 2002 (06 công trình) đã thanh toán 10.385,4 triệu/17.169,5 triệu đồng so với dự toán = 60,4%.

Công trình khởi công mới (04 công trình) đã nghiệm thu khối lượng trị giá 1600 triệu đồng, các công trình đang tiếp tục thi công.

Vốn ngân sách huyện đầu tư cho các xã vùng 3 (05 công trình) đã nghiệm thu khối lượng trị giá 607 triệu/885,23 triệu đồng so với dự toán, các công trình đang tiếp tục thi công.

- Chương trình kiên cố hoá kênh mương (19 công trình) với 27,7km chiều dài, diện tích tưới nước là 377ha, đã hoàn thành 13/19 công trình còn lại đang tiếp tục thi công.

- Dự án giảm nghèo mới bắt đầu thực hiện từ 2002, đầu tư xây dựng 02 trường học trị giá 324,3 triệu, đã mở đấu thầu và thi công vào quý I/2003.

3. Tài chính tín dụng, tiền tệ

Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 4.272,74/4.002 triệu đồng = 106,7% kế hoạch, tăng 28,9% so với năm 2001. Trong đó một số khoản thu khá như thuế VAT tăng 16%, lệ phí trước bạ tăng 55%, thuế nhà đất tăng 20%, phí và lệ phí tăng 32,4%, thu tiền sử dụng đất tăng 60%... Tổng chi ngân sách huyện: 36.359/37.838 triệu đồng = 96% kế hoạch, đảm bảo kịp thời được các mục chi thường xuyên theo định mức.

Công tác quản lý thu chi tiền mặt qua kho bạc đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ qui định, công tác huy động vốn thông qua việc phát hành trái phiếu đạt 8.750 triệu đồng tăng 25% kế hoạch, giải quyết cho vay vốn tạo việc làm 1.171 triệu đồng với 9 dự án giải quyết việc làm cho 682 lao động. Không còn tồn đọng nợ quá hạn trong việc thanh toán vốn vay.

Tuy nhiên việc thu hồi nợ đọng vốn 327, định canh định cư qua kho bạc còn chậm và dây dưa, mới thu hồi nợ đọng đạt 27,2/296 triệu đồng. Trong công tác thực hiện các sắc thuế, Chi cục Thuế huyện còn để xảy ra các sai phạm như kê khai, thu tiền thuế sử dụng đất trái qui định. - Công tác tín dụng - ngân hàng: Các hoạt động tín dụng ngày càng mở rộng đáp ứng được yêu cầu đề ra, nhất là đến các thôn bản vùng sâu, vùng xa. Ngân hàng nông nghiệp huyện tổng nguồn vốn huy động đạt 22 tỷ đồng, tổng dư nợ đạt 34,7 tỷ đồng với số lượt hộ được vay là 2.293 hộ trong đó riêng cho vay hộ sản xuất tăng 8.435 triệu đồng so với năm 2001, bình quân đạt 7,8 triệu đồng/hộ. Tỷ lệ nợ quá hạn 0,28%. Ngân hàng phục vụ người nghèo với tổng dư nợ 22,1 tỷ đồng cho 6.379 hộ vay tăng 259 hộ so với năm 2001, tỷ lệ nợ quá hạn 0,1%.

- Thương mại - dịch vụ: Từng bước làm tốt công tác theo dõi, hướng dẫn, quản lý và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn. Hàng hoá trên thị trường phong phú đa dạng về chủng loại đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, giá cả tương đối ổn định. Tổng số có 380 hộ đăng ký kinh doanh, trong đó cấp phát đăng ký kinh doanh năm 2002 là 36 hộ. Thực hiện tốt việc trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách đúng đối tượng, phục vụ đến các trung tâm cụm xã.

II. Về văn hoá xã hội

1. Giáo dục và đào tạo

- Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển, số học sinh các cấp học đều tăng; Chất lượng giảng dạy của giáo viên từng bước được nâng cao theo hướng chuẩn hoá; cơ sở vật chất các trường học được quan tâm đầu tư mạnh hơn, đặc biệt là đề án thanh toán phòng học, phòng ở giáo viên, phòng ở học sinh bán trú không đủ tiêu chuẩn trong hệ thống giáo dục huyện Bảo Yên giai đoạn 2002-2005 với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Năm học 2002 - 2003 các cấp học toàn huyện có 38 trường - 817 lớp - 23.563 học sinh. Trong đó trường mầm non 07 trường - 36 lớp học - 2519 học sinh. Tiểu học 14 trường - 525 lớp - 14.517 học sinh. Trung học cơ sở 14 trường - 220 lớp - 6.801 học sinh. Phổ thông trung học 02 trường - 28 lớp - 1248 học sinh. Bồi dưỡng giáo dục 01 trường - 08 lớp 230 học viên. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường 95%, duy trì phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của thị trấn Phố Ràng.

2. Y tế và dân số kế hoạch hoá gia đình

- Công tác y tế, dân số kế hoạch hoá gia đình được quan tâm thường xuyên, làm tốt việc khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu

cho người dân, không có dịch bệnh lây lan trên địa bàn, không có tử vong do dịch bệnh; Đảm bảo an toàn khi dùng thuốc tân dược, không có các vụ ngộ độc do vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng mới đảm bảo cho công tác chuyên môn và thu dung điều trị người bệnh, trung tâm y tế huyện và các trạm y tế cơ sở đã tiến hành khám và điều trị cho 93.174 lượt người. Tiêm chủng mở rộng trẻ em dưới 01 tuổi đạt 81% kế hoạch. thực hiện tốt công tác truyền thông dân số và kế hoạch hoá gia đình, tỷ lệ giảm sinh trong năm đạt 0,8%o.

Về y tế xã có 17/18 trạm có y sỹ, 12/18 xã được cấp thuốc chữa bệnh không thu tiền (trị giá 454,65 triệu đồng) các xã còn lại sử dụng nguồn vốn Banacô mua thuốc quay vòng không tính lãi, có 278/302 thôn bản có nhân viên y tế hoạt động (còn 24 thôn bản chưa có nhân viên y tế hoạt động).

3. Công tác văn hoá, thông tin thể thao, truyền thanh truyền hình

Đáp ứng nhu cầu về đời sống văn hoá, phục vụ tích cực cho nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đã tổ chức có kết quả Đại hội thể dục thể thao huyện lần thứ 4, duy trì và đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao thông qua giải Việt dã tiền phong, giải cầu lông cán bộ công nhân viên chức, bóng đá mi ni và tham gia giải bóng chuyền " Bông lúa vàng " tỉnh Lào Cai đạt kết quả cao. Tăng cường công tác đưa thông tin về cơ sở, phát huy chức năng đội thông tin lưu động, đã tổ chức 35 buổi thông tin lưu động, 43 buổi chiếu phim, 80 buổi biểu diễn văn nghệ quần chúng. Đẩy mạnh phong trào xây dựng nếp sống văn hoá, đã có 9.607 hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá (tăng 886 hộ so với năm 2001). Qua bình xét có 18/18 xã, thị trấn; 22 cơ quan; 8.537 hộ đạt chuẩn văn hoá.

Khẩn trương xúc tiến việc thực hiện tôn tạo thành Nghị Lang. Tổ chức tốt việc duy trì thu phát sóng đài truyền thanh truyền hình đài Trung ương và địa phương với 16.970 giờ (tăng 1.316 giờ so với năm 2001). Xây dựng 147 chương trình thời sự, sử dụng 520 tin, 240 phóng sự phục vụ cho nhiệm vụ chính trị của địa phương. Xây dựng phương án nâng cấp đài trung tâm huyện và xây dựng các đài trung tâm cụm xã. Với mục tiêu phủ sóng phát thanh truyền hình tới vùng sâu, vùng xa để có 70% số dân được xem ti vi, 90% số dân được nghe Đài tiếng nói Việt Nam, góp phần nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc trong huyện.

4. Công tác tổ chức lao động thương binh xã hội và bảo hiểm xã hội

Từng bước củng cố chính quyền cơ sở vững mạnh, quan tâm công tác

đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở nhằm đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới, đã cử 41 cán bộ cơ sở đi đào tạo, bổ nhiệm cán bộ giúp việc theo 4 chức danh, bầu bổ sung 04 chức danh chủ tịch HĐND, UBND, phó chủ tịch UBND xã.

Thực hiện có kết quả kế hoạch di dãn dân, đầu tư ưu tiên cho công tác xóa đói giảm nghèo, phấn đấu giảm được 450 hộ đói nghèo = 100% KH. Tỷ lệ hộ đói nghèo năm 2002 còn 12,79% với 1.707 hộ. Tiếp tục tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ cho đối tượng được hưởng chế độ kháng chiến, đề nghị Nhà nước xét tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 02 bà mẹ ở Xuân Hoà, Long Khánh.

Thực hiện có kết quả việc vận động ủng hộ quĩ đền ơn đáp nghĩa để giúp đỡ các gia đình chính sách và các hộ đói nghèo thuộc diện gia đình chính sách được 34,052 triệu đồng. Tổ chức thực hiện tốt chương trình xã hội hoá chăm sóc người có công với 466 đối tượng được chi trả trợ cấp hàng tháng. Thực hiện 03 dự án vay vốn tạo việc làm trị giá 283 triệu đồng cho 54 hộ vay. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội được quan tâm, trước mắt đưa 07 người nghiện ma tuý vào trung tâm cai nghiện của tỉnh, tuy nhiên kết quả cai nghiện và chống tái nghiện còn hạn chế.

- Công tác bảo hiểm xã hội: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa và lợi ích việc tham gia bảo hiểm xã hội, mở rộng hơn đến các thành phần kinh tế. Trong năm thu bảo hiểm xã hội 2.190/2.131 triệu đồng đạt 102% kế hoạch; đảm bảo công tác chi trả hàng tháng cho các đối tượng chính sách đầy đủ, kịp thời đến các trung tâm cụm xã trước ngày 15 hàng tháng.

*** Tình hình thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tại**

Năm 2002 thiên tại diễn biến phức tạp, đặc biệt thiên tai xảy ra sớm hơn, bất thường và nhiều đợt hơn. Tuy đã chủ động phòng chống với nhiều biện pháp tích cực nhưng hậu quả thiệt hại đã làm chết 02 người, làm đổ và tốc mái 505 nhà đổ và hư hỏng 19 phòng học, thiệt hại 254 ha lúa và hoa màu, sạt lở hư hại 2800m đường giao thông và hệ thống cấp nước ... Tổng giá trị thiệt hại gần 4 tỷ đồng.

Từ những thiệt hại trên bằng mọi phương châm và biện pháp cấp ủy, chính quyền các cấp đã tích cực khắc phục hậu quả, từng bước ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân, quĩ phòng chống lụt bão huyện đã hỗ trợ giống lúa, ngô trị giá 6,6 triệu đồng, nguồn vốn Sở Lao động TB& XH tỉnh hỗ trợ cho 99 hộ trị giá 59.6 triệu đồng, đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ 1.280 triệu đồng để khắc phục các công trình giao thông, thủy lợi.

III. Công tác nội chính

- Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của công

dân được duy trì. Đã tiếp 31 lượt công dân và tiếp nhận 78 đơn thư, đã giải quyết xong 76% số đơn thư. Nhìn chung tình hình khiếu nại tố cáo của công dân giảm so với năm trước và không diễn biến phức tạp góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội.

- Công tác tư pháp tuyên truyền phổ biến pháp luật từng bước nâng cao hiệu quả; Tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật cho hơn 4.000 lượt người, tiến hành phối hợp rà soát các loại văn bản, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ tư pháp cơ sở và làm tốt công tác đăng ký hộ tịch, đăng ký kết hôn.

- Phát huy hiệu quả của các tổ hoà giải cơ sở và công tác trợ giúp pháp lý góp phần kịp thời giải quyết những mâu thuẫn phát sinh ngay từ cơ sở. Tổ chức sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết 08 Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới. Công tác thi hành án có cố gắng, tổng số việc phải thi hành 240 việc, đã và đang thi hành được 138 việc với tổng số tiền 244,28 triệu đồng, các vụ việc còn lại đang từng bước được giải quyết.

- Công tác quân sự quốc phòng được quan tâm, tổ chức điều chỉnh bổ sung các phương án, kế hoạch luyện tập diễn tập đạt kết quả. Thường xuyên kiện toàn và làm tốt công tác huấn luyện dân quân tự vệ và dự bị động viên. Công tác giao tuyển quân đảm bảo số lượng và chất lượng với quân số 90 tân binh lên đường nhập ngũ.

- Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định và giữ vững, phát huy hiệu quả phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc. Giữ vững tình hình an ninh nông thôn không để xảy ra các sự việc gây phức tạp. Các vụ án liên quan đến an ninh trật tự xảy ra 30 vụ, giảm 01 vụ so với năm 2001, các vụ việc đều được phát hiện và phối hợp chỉ đạo giải quyết kịp thời.

- Về trật tự an toàn xã hội: Xảy ra 182 vụ, tăng 74 vụ so với năm 2001 đã xử lý giả quyết xong 174/182 vụ đạt 95,6%. Trong đó có 4/6 vụ trọng án, 75/81 vụ về kinh tế, hình sự và ma tuý.

- Tình hình đạo Thiên chúa trên địa bàn hoạt động bình thường và ổn định, sinh hoạt lễ nghi không có diễn biến phức tạp, hiện có 244 hộ 998 khẩu theo đạo Thiên chúa chiếm 1,4% dân số toàn huyện, cư trú chủ yếu Việt Tiến và Phố Ràng. Tình hình lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo Tin lành trái phép và di cư tự do diễn ra tương đối phức tạp trong những tháng đầu năm, cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở đã tập chung chỉ đạo, tuyên truyền động viên với các biện pháp phù hợp và tích cực đến nay tình hình đã cơ bản ổn định; đã vận động cảm hoá được 216 hộ - 1.338 khẩu không theo đạo trái phép, trở

lại phong tục tập quán của dân tộc mình, xóa được 02 xã không có hộ theo đạo trái phép là Xuân Hoà và Bảo Hà (năm 2001 xóa được 03 xã). Hiện nay số bà con vẫn bị kẻ xấu xúi giục lôi kéo tiếp tục theo đạo Tin lành là 195 hộ - 1.049 khẩu ở 06/18 xã.

- Số di cư tự do trong năm 146 hộ - 712 khẩu, tăng 29 hộ - 85 khẩu so với năm 2001. Trong đó đi ngoài tỉnh 141 hộ - 690 khẩu mà chủ yếu là đi Đắc Lắc. Số di cư quay trở lại 12 hộ - 60 khẩu, di cư đến Đắc Lắc trả về 08 hộ - 21 khẩu. Nơi khác đến Bảo Yên 12 hộ - 62 khẩu.

- Công tác điều tra xét xử thực hiện tốt, không để xảy ra khiếu nại hoặc tồn đọng, các vụ án xét xử đúng theo luật định. Việc tiếp nhận và góp phần giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được kịp thời có hiệu quả.

IV. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng:

1. Công tác chính trị tư tưởng

Công tác chính trị tư tưởng được cấp ủy các cấp tập chung làm tốt, hoạt động nhanh nhạy, kịp thời và đạt hiệu quả hơn.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng thông qua các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng đã được tổ chức quán triệt kịp thời với những hoạt động đa dạng, phong phú tạo nên không khí phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, quyết tâm thi đua lao động sản xuất và kinh doanh tham gia xây dựng cấp ủy, chính quyền vững mạnh. Việc triển khai các Nghị quyết đảm bảo tính nghiêm túc, phù hợp với thực tiễn cơ sở và đạt hiệu quả thiết thực, phát huy chức năng đội ngũ báo cáo viên cơ sở.

Việc đăng ký đặt mua báo chí cho cán bộ cơ sở theo Công văn 741 ngày18/06/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy được thực hiện nghiêm túc và phát huy tác dụng với 548 đối tượng được cấp phát báo Đảng.

Tổ chức triển khai quán triệt có kết quả Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 4, Trung ương 5 và kết luận Trung ương 6 (khoá IX); đồng thời xây dựng chương trình hành động cụ thể đối với các chi, đảng bộ trực thuộc nhằm tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nắm vững được chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đảm bảo cho các chủ trương đó đi vào cuộc sống.

Công tác giáo dục lý luận chính trị được chú trọng, đẩy mạnh công tác công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ cơ sở. Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện mở 43 lớp với 1.992 học viên. Trong đó khối Đảng, đoàn thể 12 lớp - 700 học viên; Khối Nhà nước 21 lớp - 1.210 học viên; Lớp trung cấp chính trị tại chức

với 82 học viên. Huyện đang tiến hành sưu tập tài liệu và soạn thảo cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện tập 3 giai đoạn 1975 - 2000.

2. Công tác kiểm tra đảng viên, tổ chức cơ sở đảng và kiểm tra theo Điều lệ Đảng

Được tiến hành và đôn đốc thường xuyên theo chương trình kế hoạch và kiểm tra của cấp ủy huyện hàng năm; Đã tiến hành kiểm tra 19 đảng viên có dấu hiệu vi phạm trong đó có 17 trường hợp xem xét xử lý kỷ luật với các hình thức: Khai trừ ra khỏi Đảng 02, cảnh cáo 09, khiển trách 05, cách chức 01. Nội dung vi phạm là: Nguyên tắc sinh hoạt Đảng, đạo đức lối sống, thiếu tinh thần trách nhiệm. Kỷ luật bằng hình thức " Cảnh cáo " đối với một tổ chức Đảng do buông lỏng sự lãnh đạo để một số người xây dựng ngôi miếu trái phép khi chưa có phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo đối với đảng viên được quan tâm giải quyết có kết quả, hạn chế đáng kể đơn thư vượt cấp và không để xảy ra điểm nóng. Năm 2002 Ủy ban kiểm tra nhận được 06 đơn đã giải quyết xong 05 đơn còn một đơn đang giải quyết.

3. Công tác dân vận - dân tộc và tôn giáo

- Công tác dân vận - dân tộc hoạt động có hiệu quả với nhiều hình thức đa dạng, hướng về cơ sở với phương châm gần dân, sát cơ sở, nghe được dân nói, nói cho dân hiểu và làm cho dân tin. Sơ kết một năm việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Thông qua các đợt sơ kết và tổng kết để có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và thiết thực, uốn nắn những sai sót, hạn chế đồng thời rút ra kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác vận động quần chúng.

- Trong công tác chống tuyên truyền đạo Tin lành trái phép và di dịch cư tự do có sự phối hợp đồng bộ hiệu quả giữa các lực lượng, tập chung chỉ đạo có trọng tâm trọng điểm đến nay cơ bản không còn tụ điểm tập chung đông người để cầu nguyện, không còn nhà nguyện trái phép hoặc nhà nguyện trá hình.

- Lựa chọn người có uy tín trong đồng bào Mông để huyện trưng tập làm công tác vận động quần chúng tại thôn bản mình cư trú đã đem lại hiệu quả tích cực góp phần hạn chế đáng kể việc tuyên truyền đạo trái phép và di cư tự do. Việc xây dựng các nhà văn hoá bản ở thôn bản có đông người Mông sinh sống đã và đang mang lại hiệu quả thiết thực, đã tiến hành xây dựng 3 làng văn hoá và 3 nhà văn hoá bản thuộc điểm chỉ đạo của huyện và tỉnh ở Xuân Hòa và Xuân Thượng.

4. Công tác tổ chức và cán bộ

Công tác tổ chức cán bộ được xác định là yếu tố quyết định của mọi công việc, để nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, Đảng

bộ huyện đã làm tốt công tác phát triển đảng viên đi đôi với đào tạo bồi dưỡng sử dụng, đánh giá cán bộ nhất là đối với cán bộ cơ sở. Năm 2002 kết nạp Đảng 150 quần chúng ưu tú, trong đó đảng viên khối nông thôn 73 đồng chí, xóa được 13/33 thôn, bản chưa có đảng viên, công nhận đảng viên chính thức 136 đảng viên, nhận xét đánh giá 116 cán bộ quản lý trường học và trưởng phó phòng, ban làm cơ sở để bổ nhiệm lại. Cử đi đào tạo chuyên môn 26 đồng chí, học quản lý Nhà nước 08 đồng chí, học văn hoá cho 18 đồng chí cán bộ xã, học lý luận chính trị 93 đồng chí. Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ là 1.969 đồng chí. Trong đó đảng viên nông thôn 1.592 đồng chí, đảng viên cơ quan 377 đồng chí.

Qua phân xếp loại đảng viên thuộc diện được đánh giá 1.793 đồng chí (trừ 176 đồng chí miễn hoãn và chưa đánh giá do mới kết nạp và đi họ). Có 1.004 đồng chí đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ = 56%. 764 đồng chí đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ bằng 42,6%. 25 đồng chí vi phạm tư cách chưa hoàn thành nhiệm vụ = 1,4%. Phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng có 22 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh = 50%, 19 cơ sở hoàn thành nhiệm vụ bằng 43,18%, 03 cơ sở xếp loại yếu kém 6,82%. Phân xếp loại cấp ủy viên cơ sở tổng số 229 đồng chí, trong đó dự phân loại 228 đồng chí (trừ 01 đồng chí đi học): Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 160 đồng chí = 70,77%; xếp loại hoàn thành nhiệm vụ 66 đồng chí = 28,94%; xếp loại chưa hoàn thành nhiệm vụ 02 đồng chí = 0,87%.

Đã tiến hành tổng kết Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII, Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII, tổng kết 22 năm thực hiện công tác quản lý và phát thẻ đảng viên theo đúng kế hoạch. Tổ chức tiếp nhận, phân công nhiệm vụ cho các đồng chí được tỉnh tăng cường cho cơ sở, từng bước hoà nhập với công việc, tham mưu tư vấn, hoạt động có hiệu quả trên mọi lĩnh vực công tác ở địa phương.

5. Công tác xây dựng củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể

Hoạt động HĐND huyện đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện đúng quy chế, hoàn thành các nội dung và chương trình giám sát đề ra. Định kỳ tiếp xúc giữa đại biểu HĐND các cấp với cử tri để thông tin nội dung các kỳ họp đồng thời nắm bắt và giải quyết những kiến nghị và thắc mắc của nhân dân, xứng đáng với vai trò là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Các kỳ họp tổ chức đúng theo luật định đảm bảo dân chủ, thiết thực

Hoạt động và sự điều hành của UBND thực hiện theo cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, các tổ chức đoàn thể phối hợp thực hiện, bám sát chỉ tiêu kế hoạch và nghị quyết HĐND cấp trên để xây dựng

chương trình công tác, tổ chức chỉ đạo, điều hành nhạy bén có hiệu quả.

Cụ thể hoá 6 chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện với các mục tiêu phấn đấu để thực hiện hàng năm. Sắp xếp bố trí lại 10 phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND huyện đúng qui trình theo hướng nâng cao khả năng tham mưu và chuẩn hoá cán bộ.

Thường xuyên giữ mối quan hệ và phối hợp hoạt động có hiệu quả giữa Thường trực Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, phối hợp có hiệu quả với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong công tác vận động quần chúng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có nhiều hình thức hoạt động hướng về cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các qui định của địa phương. Tăng cường sự phối hợp hoạt động với những nội dung và hình thức đa dạng, thu hút tập hợp hội viên, xây dựng phong trào cơ sở ngày càng vững mạnh, nhiều phát sinh từ cơ sở và các vấn đề xã hội được giải quyết, xử lý.

Đẩy mạnh các phong trào giúp đỡ hội viên vay vốn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, tạo việc làm nhằm tăng thu nhập cho từng gia đình hội viên. Qua phân xếp loại hoạt động Mặt trận và các đoàn thể cấp huyện đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phân xếp loại khối cơ sở tỷ lệ khá và xuất sắc đạt 89%. Tổ chức thành công Đại hội Hội Nông dân và Liên đoàn lao động, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên theo nhiệm kỳ.

Đánh giá chung

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã có nhiều cố gắng triển khai các nhiệm vụ chính trị được cụ thể hoá từ 7 chương trình, 27 đề án của tỉnh và 6 chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện. Triển khai kịp thời các chủ trương, nghị quyết Trung ương cũng như của Tỉnh ủy Lào Cai và các chủ trương đề án của Đảng bộ huyện và cấp ủy Đảng cơ sở. Đảng bộ phát huy truyền thống đoàn kết sự điều hành của các cấp chính quyền, đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của cấp ủy, đa dạng hoá các hoạt động của đoàn thể theo hướng gần dân, sát cơ sở...

Vì vậy, trong năm qua các chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức, an ninh chính trị được giữ vững, an ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự điều hành và quản lý của chính quyền và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại yếu kém:

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm và lúng túng, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư cây, con giống, đầu tư thâm canh còn

hạn chế, chưa tạo thành phong trào diện rộng. Năng lực lãnh đạo và điều hành một số cán bộ nhất là cơ sở chưa chuyển biến kịp, chưa đáp ứng được nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước và cấp trên của một số cán bộ và nhân dân còn nặng nề, một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn thiếu chủ động trong công việc dẫn đến hiệu quả công tác thấp. Vấn đề tuyên truyền đạo Tin lành trái phép và di dịch cư tự do vẫn còn xảy ra, còn có cấp ủy, chính quyền xã chưa thực sự phối hợp quan tâm giải quyết vấn đề này.

Nguyên nhân của những tồn tại trên biểu hiện tập chung là: Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và đào tạo cán bộ cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra; Một số cơ quan, ban, ngành chưa sâu sát cơ sở, chưa làm tốt công tác tham mưu, thiếu tính năng động, chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm; Mặt khác nguồn nhân lực và chất lượng nhân lực còn thấp so với yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH.

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2003

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội thực hiện có hiệu quả cao chương trình đề án của tỉnh được cụ thể bằng 6 chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện, năm 2003 đảng bộ huyện Bảo Yên sẽ phát huy các thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, sử dụng có kết quả mọi nguồn lực. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh có hiệu lực và hiệu quả. Vì vậy cần tập chung vào một số mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu sau đây.

I. Về kinh tế - xã hội

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội

Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương đạt và vượt KH tỉnh giao 3,6 tỷ

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 23.163,4 tấn.
- Tổng đàn gia súc gia cầm tăng trưởng từ 2 - 3%.
- Giảm tỷ lệ sinh 0,8%o Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ:
- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường 95%. Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi 3/18 xã, thị trấn. Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học18/18 xã, thị trấn.
- Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo 3,86%

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt và vượt KH tỉnh giao 3.980 triệu đồng. Trong đó thu cân đối ngân sách 2.000 triệu đồng. Khai thác triệt để các nguồn thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Tổng thu ngân sách huyện 32.340 triệu đồng. Tổng chi ngân sách huyện 32.340 triệu đồng.

- Chỉ đạo thực hiện có kết quả kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2003 theo chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao.

- Cơ bản ổn định dân cư, định canh định cư. Hạn chế tới mức thấp nhất việc tuyên truyền đạo trái phép, tiến tới chặn đứng di cư tự do.

- Tỷ lệ tán che phủ rừng đạt 41%.

- Tỷ lệ phủ sóng phát thanh 90% số dân được nghe Đài tiếng nói Việt Nam chất lượng tốt, 80% số dân được xem truyền hình.

2. Nhiệm vụ và biện pháp thực hiện

Tập chung chỉ đạo thâm canh tăng năng suất, tăng vụ trên diện tích hiện có, kết hợp khai hoang mở rộng diện tích, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Chuẩn bị đầy đủ các loại vật tư phân bón, đầu tư giống mới như 600 ha lúa cao sản, 200 ha ngô Biôxít, đậu tương cao sản. Trồng một số cây có gióng như tre bát độ, cây hốc, cây mai. Đẩy mạnh công tác chăn nuôi với giống có năng suất và nâng cao chất lượng đàn (giống lợn lai, phục tráng đàn trâu), duy trì sự tăng trưởng đàn gia súc gia cầm.

Triển khai có hiệu quả đề án phát triển nông nghiệp nông thôn. Tiến hành quy hoạch sử dụng đất cấp xã và cấp quyền sử dụng đất độ thị. Đẩy mạnh trồng rừng mới, chăm sóc khoanh nuôi rừng, chăm sóc chè năm thứ 2, năm thứ 3 và chỉ đạo trồng mới 60 ha chè cao sản. Chỉ đạo trồng chè thành vùng tập chung, đảm bảo theo đúng yêu cầu kỹ thuật trồng và chăm sóc cây chè. Yêu cầu cấp ủy các xã vùng dự án chè có nghị quyết chỉ đạo, chính quyền các xã phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo dự án của xã và huyện để tổ chức thực hiện thành công dự án trồng chè. Thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương có hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện, có biện pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gắn với chế biến. Chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp địa phương với những ngành nghề có tiềm năng.

- Về xây dựng cơ bản: Ưu tiên các công trình chuyển tiếp năm 2002, các công trình đã được phê duyệt dự án, khuyến khích các doanh nghiệp ứng vốn thi công. Đẩy mạnh khai thác, huy động các nguồn vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng, tìm biện pháp tháo gỡ để đạt tổng số vốn đầ tư theo kế hoạch tỉnh giao năm 2003. Đảm bảo chất lượng các hạng mục công trình và thanh quyết toán kịp thời.

- Phấn đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch thu ngân sách trên địa bàn huyện. Thực hành tiết kiệm chi ngân sách vừa đảm bảo cho hoạt động xã hội, vừa tăng đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Chấp hành nghiêm chỉnh luật ngân sách và các luật thuế nhằm thúc đẩy sản xuất.

- Tích cực huy động mọi nguồn vốn trong nhân dân, tạo điều kiện khuyến khích phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông lâm nghiệp, phát triển các ngành nghề. Tạo điều kiện thuận lợi và ưu tiên cho các đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn vay vốn.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo, phát triển các hình thức xã hội hoá giáo dục. Duy trì Phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ở các xã, phổ cập giáo dục tiểu học vững chắc 18/18 xã, thị trấn. Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi 03/18 xã, thị trấn. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường 95%. Thực hiện đề án xóa phòng học, phòng ở giáo viên, nhà tạm trú cho học sinh không đủ tiêu chuẩn có kết quả.

- Tăng cường hoạt động văn hoá - thông tin - thể thao cả về số lượng và chất lượng, hướng hoạt động về cơ sở, khắc phục tình trạng cơ sở vùng sâu, vùng xa thiếu vắng hoạt động văn hoá. Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội cũng như đón xuân mới, phù hợp với việc xây dựng đời sống văn hoá ở địa phương. Phát huy phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, chống các thủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan và lợi dụng tôn giáo trái phép. Đẩy mạnh việc xây dựng cơ quan, làng bản, hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá. Duy trì và mở rộng diện phủ sóng phát thanh - truyền hình.

- Tiếp tục thực hiện đề án giải quyết việc làm và đề án xóa đói, giảm nghèo, làm tốt công tác cho vay vốn quĩ quốc gia hỗ trợ việc làm. Giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động và người có công, thực hiện tốt công tác cứu trợ, vận động ủng hộ các quĩ nhân đạo.

- Tiếp tục thực hiện củng cố mạng lưới y tế cơ sở, thực hiện có kết quả các chương trình y tế quốc gia, tăng cường đưa bác sỹ về trung tâm cụm xã, xóa các thôn bản chưa có cán bộ y tế. Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh, đảm bảo tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em trong độ tuổi.

II. Công tác nội chính

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với các cơ quan khối nội chính, giữ vững an ninh chính trị, an ninh kinh tế và an ninh tư tưởng, đảm bảo trật tự toàn xã hội. Thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở. có giải pháp kiên quyết với những đối tượng lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép, xúi dục, tiếp tay cho đồng bào di cư tự do. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng để quản lý địa bàn, xử lý kịp thời những phát sinh gây mất ổn định.

- Tăng cường quản lý công tác quân sự quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Bổ sung hoàn chỉnh các phương án sẵn sàng chiến đấu, tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ, củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Phòng chống có hiệu quả âm mưu "Diễn biến hoà bình " của các thế lực thù địch.

- Phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan khối nội chính trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án giải quyết dứt điểm, kịp thời xử lý nghiêm minh các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không để dây dưa kéo dài và vượt cấp.

III. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng

- Tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai và Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ XII. Tổ chức quán triệt các nghị quyết chuyên đề và các đề án của tỉnh và của huyện đã phê duyệt nhằm tạo ra sự chuyển biến toàn diện.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác chính trị tư tưởng, đẩy mạnh việc đưa thông tin về cơ sở, củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, nhất là ở cơ sở. Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị làm cho cán bộ, đảng viên vừa nắm chắc lý luận vừa có phương pháp hoạt động áp dụng vào thực tế địa phương.

- Tiếp tục thực hiện đề án sắp xếp tổ chức và cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VIII); tiếp tục thực hiện luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở và đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ theo tinh thần Nghị quyết 10 ngày 04/12/2001 và Quyết định 169 ngày 04/12/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tăng cường xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng, củng cố xong các cơ sở yếu kém năm 2002, hàng năm tổ chức chấm điểm để xét công nhận cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, trong năm 2003, xóa xong 20 thôn bản chưa có đảng viên.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 khoá VIII. Nâng cao trách nhiệm các tổ chức cơ sở Đảng và cấp ủy viên các cấp; Tăng cường công tác kiểm tra, thực hiện tốt chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra Huyện ủy nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo, phát hiện và kịp thời xử lý những sai phạm.

- Thực hiện tốt công tác dân vận của Đảng, củng cố Ban Chỉ đạo 184 và khối dân vận ở các xã hoạt động có hiệu quả, với chủ trương khoanh

vùng không để việc tuyên truyền đạo trái phép phát triển thêm. Thực hiện các biện pháp tích cực để giảm số hộ, giảm số thôn bản, số xã không còn người theo đạo Tin lành trái phép, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng di cư tự do.

- Công tác chính quyền: Thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính, xây dựng chính quyền từ huyện đến cơ sở đạt trong sạch vững mạnh nâng cao hiệu lực hiệu quả chỉ đạo điều hành, tăng cường tiếp xúc cử tri, thực hiện tốt các chương trình giám sát, giải quyết kịp thời nguyện vọng chính đáng của nhân dân; Phát huy quy chế dân chủ, nâng cao khả năng quản lý kinh tế xã hội.

- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung và đa dạng hoá phương thức hoạt động theo hướng nâng cao chất lượng, số lượng hội viên, đoàn viên. Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, thống nhất ý chí và hành động vận động nhân dân thực hiện có kết quả các chương trình đề án của huyện, tích cực phát triển sản xuất, tham gia xóa đói giảm nghèo. Thực hiện tốt cuộc vận động " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá mới ở khu dân cư ".

- Tổ chức phát động và đẩy mạnh các phong trào thi đua nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, phấn đấu xây dựng Đảng bộ huyện đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

PHỤ LỤC
Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2002
Mục tiêu năm 2003

NỘI DUNG	ĐVT	2002	2002/2001	2003	2003/2002
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
Dân số trung bình	người	74.748	+1,3		
Tỷ lệ tăng dân số	%	1,846	-4,25	1,766	-4,3
Giảm hộ nghèo	hộ	450		523	+16,2
Nông lâm nghiệp					
Tổng sản lượng lương thực có hạt	tấn	22.048	+4.0	23.163,4	+5
Trong đó: - Thóc	tấn	16.932	+2.09	17.068,4	+0.8
- Ngô	tấn	5.166	+ 10,8	6095	+19,1
Năng suất cây trồng chính					
Lúa ruộng	tạ/ha	43,51	-0,29	43,4	-0,3
Vụ đông xuân	tạ/ha	45,32	_2,28	46,0	+1,5
Vụ mùa	tạ/ha	41,7	+1,95	41,0	-1,67
Ngô cả năm	tạ/ha	19,8	+10,6	23,0	+16,1
Trong đó: Ngô hàng hoá	tạ/ha	40,0	48,1	40,0	
Đậu tương	tạ/ha	8,0		9,0	+12,5
Trong đó đậu tương hàng hoá	tạ/ha	10,0		13	+30,0
Cây mía	tạ/ha	20,0			
Diện tích cây trồng chính					
Cây lúa	ha	4.606	-1,64	3.654	-20,66
- Vụ đông xuân	ha	1.774	+8,1	1.774	
- Vụ mùa	ha	1.882	+2,1	1.880	-0,21
- Lúa nương	ha	950	-20,8		
Cây ngô cả năm	ha	2.775	+1,57	2.650	+2,9
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
Ngô hàng hoá	ha	700	+40,8	600	-14,28
Cây đậu tương	ha	109	+91,2	100	-8,25
Trong đó đậu tương cao sản	ha	50,0	+42,85	20,0	-60,0
Cây chè trồng mới	ha	70	-16,96	93	+32,8
Trong đó chè trồng tập chung	ha	292.0	+42,2	455	+55,8
Cây ăn quả trồng mới	ha	104	+65.0	30	-71,15
Chăn nuôi	con	58.845	+2,5	61.300	+4,17
Đàn trâu	con	16.785	+1,9	17.200	+2,47
Đàn bò	con	1.206	+2,1	1300	+7,79

Đàn lợn	con	40.854	+2,75	42.800	+4,76
Lâm nghiệp					
Trồng mới	ha	180	+8,8	180	
Khoanh nuôi tái sinh	ha	700	-30,0		
Giao khoán bảo vệ	ha	15.288,76	+5,97	16.260	+6,35
Khoanh nuôi có trồng bổ sung	ha	50.0		50,0	
Tỷ lệ che phủ rừng	%	39	+8,3		
Giao đất tổng số	ha	3.925,3	-17,51		
Đất lâm nghiệp	ha	3.720,0	-18,16		
Đất nông nghiệp	ha	205,3	-3,8		
Đất đô thị	Giấy	280		100	-64,42
Giá trị sản xuất CN-TTCCN					
Tổng giá trị	triệu	14.320	+2,94	3.600	-74,96
Trong đó: - CN khai thác	triệu	46,0	+65,3		
- CN chế biến	triệu	14.280	+2,8		
Tài chính - tiền tệ					
Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ	4,2	+26,8	3,98	-5,23
Tổng chi ngân sach địa phương	Tỷ	36,879	+36,58	32,34	-12,3
Tiền tệ tín dụng					
Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ	22,0	+13,5		
Dư nợ tín dụng	Tỷ	34,7	-18,27		
Văn hoá - xã hội					
Giáo dục phổ thông					
Tỷ lệ trẻ em 6-14 tuổi đến trường	%	95,0	2,1	95,0	
Số xã đạt chuẩn PCG-DTH-CMC	Xã	18/18		18,0	
Số xã đạt chuẩn PCGDTH đúng tuổi	xã	01		03	
Số xã đạt chuẩn THCS	Xã	01			
Y tế					
Tổng số bác sĩ	Người	12	+9		
Tổng số y sĩ	Người	48	+2,1		
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
Số xã có bác sĩ	xã	01			
Tỷ lệ TE suy DD dươi 5 tuổi	%	33			
Tỷ lệ giảm sinh	%o	8,0	-4,7	8,0	
Phát thanh - truyền hình					

Tỷ lệ dân số được xem truyền hình	%	70	+33,3		
Tỷ lệ dân số được nghe đài TNVN	%	90			
Cơ sở hạ tầng và đời sống xã hội					
Số xã có lưới điện quốc gia	xã	9,0	+28,5		
Số xã có điện thoại	Xã	16	+14,2		
Lg/thực có hạt bình quân đầu người	Kg/ ng/n	303,0	+2,64		

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 81-BC/HU, ngày 14 tháng 01 năm 2003
Kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong hoạt động công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2002

Căn cứ Công văn số 95-CV/TW ngày 16/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương về việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình năm 2002.

Thực hiện tinh thần nội dung Công văn số 913-CV/TU ngày 04/12/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong năm 2002 nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng lãng phí "đưa tự phê bình và phê bình vào nề nếp thường xuyên trong sinh hoạt Đảng".

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII bầu ra 33 đồng chí, trong đó 05 đồng chí là nữ, khối xã có 07 đồng chí là Bí thư các Đảng bộ trực thuộc và Phó chủ tịch UBND xã.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên báo cáo việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện nhiệm vụ chính trị; tổ chức và sự điều hành và về đạo đức lối sống như sau:

1. Về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

Tập thể Ban Chấp hành luôn nhận thức đúng đắn và nhất trí cao với các quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Không có tư tưởng hoài nghi, lệch lạc sai trái; thực hiện đầy đủ và nghiêm túc Cương lĩnh và Điều lệ Đảng quy định tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết và các kế hoạch đề án của Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh Lào Cai, cụ thể hoá 07 chương trình trọng tâm và 27 đề án của Tỉnh ủy để xây dựng 06 chương trình trọng tâm của huyện, thành lập Ban Chỉ đạo, có kế hoạch triển khai và phân công trách nhiệm các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo từng chương trình cụ thể, gồm các chương trình sau:

1. Chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn.

2. Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

3. Chương trình phát triển văn hoá giáo dục, khoa học công nghệ môi trường và xã hội.

4. Chương trình an ninh quốc phòng.

5. Chương trình xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh,

hoạt động có hiệu lực.

6. Chương trình quy hoạch, đánh giá bổ nhiệm lại, sắp xếp luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở.

Đối với tất cả các chương trình quy định 06 tháng sơ kết một lần nhằm đánh giá kết quả đã làm được, những vấn đề chưa làm được, những kiến nghị bổ sung sửa đổi hoặc đề xuất biện pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

Trong công tác xây dựng Đảng, tập thể Ban Chấp hành và cá nhân mỗi đồng chí trong cương vị công tác của mình thể hiện tính chiến đấu trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm. Tích cực xây dựng củng cố sự đoàn kết trong Đảng; đấu tranh chống tư tưởng cơ hội, cục bộ, bản vị; kiên quyết bác bỏ những luận điệu phản động và những thông tin sai trái, bịa đặt.

Từng bước đổi mới và tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập chung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách. Các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng cấp trên được cụ thể hoá và triển khai sâu rộng từ trong Đảng đến quần chúng nhân dân, đặc biệt là thông qua đợt xây dựng chỉnh đối Đảng theo tinh thần NQTW6 lần 2 khoá VIII.

Công tác quản lý cán bộ đảng viên được cấp ủy quan tâm củng cố, đã tiến hành nhận xét đáng giá 82 cán bộ quản lý các trường học làm cơ sở bổ nhiệm lại trong năm 2002. Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm của Ban Chấp hành Huyện ủy, tập thể cán bộ công nhân viên cơ quan và chi bộ thuộc thôn bản nơi cư trú đối với 34 đồng chí là trưởng, phó các phòng ban huyện làm cơ sở bổ nhiệm lại theo quy định, qua đánh giá đủ điều kiện bổ nhiệm lại là 19 đồng chí; không đủ điều kiện bổ nhiệm lại 07 đồng chí, còn lại để tiếp tục giữ chức vụ công tác tiếp từ 1 đến 2 năm hoặc nghỉ chế độ theo Nghị quyết 16 của Chính phủ.

Công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thường xuyên quan tâm, hiện tại đã bố trí cho 145 đồng chí đi học văn hoá, đào tạo chuyên môn, bồi dưỡng lý luận chính trị và quản lý Nhà nước, (trong đó khối xã là 78 đồng chí). bố trí cán bộ tăng cường 135 cho các xã đặc biệt khó khăn 12 đồng chí. Luân chuyển tăng cường cán bộ theo Nghị quyết 10 ngày 04/12/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy 04 đồng chí. Tiếp tục thực hiện có kết quả nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy về xóa thôn bản chưa có đảng viên, hiện nay còn 20 thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên và phấn đấu xóa xong trong năm 2003.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 76 của Bộ Chính trị về việc đưa đảng viên tham gia sinh hoạt nơi cư trú 02 lần/năm. Qua đánh giá các

đồng chí đảng viên đều tham gia đều đặn, góp phần củng cố mối đoàn kết thôn bản và tích cực thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Tổng số đảng viên đến 31/12/2002 là 1.969 đồng chí. Kết quả phân xếp loại đảng viên năm 2002 tổng số 1.793 đồng chí (trừ số miễn hoãn và chưa đánh giá chất lượng: 176 đồng chí). Xếp loại đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 1.004 đồng chí = 56%. Hoàn thành nhiệm vụ 764 đồng chí = 42,6%. Xếp loại chưa hoàn thành nhiệm vụ 25 đồng chí = 1,4%. Kết quả phân loại tổ chức cơ sở đảng 44, trong đó đạt trong sạch vững mạnh 22 cơ sở = 50%. Hoàn thành nhiệm vụ 19 cơ sở = 43,18%. Loại yếu kém 03 đơn vị = 6,82%. Phân xếp loại cấp ủy viên cơ sở, tổng số 229 đồng chí trong đó dự phân loại 228 (01 đồng chí đi học); Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 160 đồng chí = 70,17%; Hoàn thành nhiệm vụ 66 đồng chí = 28,94%; Chưa hoàn thành nhiệm vụ 02 đồng chí = 0,87%.

Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ở các xã, thị trấn, cơ quan hành chính sự nghiệp; Doanh nghiệp Nhà nước cho thấy hầu hết các cơ sở tổ chức thực hiện quy chế dân chủ có kết quả đã có 18/18 xã, thị trấn có 302/302 thôn bản; 33/33 cơ quan hành chính sự nghiệp; 04/04 doanh nghiệp Nhà nước được quán triệt thực hiện nội dung quy chế dân chủ, cán bộ, nhân dân và người lao động tích cực hưởng ứng tham gia với phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, việc thực hiện quy chế dân chủ thực sự được mở rộng trong đời sống chính trị xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên việc thực hiện quy chế dân chủ còn một số tồn tại yếu kém như việc tổ chức chỉ đạo chưa chú ý thường xuyên, phương pháp và cách làm, những nội dung thông báo xin ý kiến nhân dân chất lượng đạt được còn hạn chế do đường xá phương tiện đi lại ở các xã còn khó khăn cách trở.

Sự phối hợp giữa các cấp ủy, chính quyền và đoàn thể quần chúng ở cơ sở chưa thực sự thống nhất và chủ động. Còn một số ít người nhận thức có hạn chưa gương mẫu trong suy nghĩ và việc làm nên mượn diễn đàn dân chủ để thắc mắc khiếu kiện hoặc bị kẻ xấu xúi giục lợi dụng để khiếu kiện sai sự thực (như tập thể viết đơn xin theo đạo trái phép).

Qua công tác kiểm tra thường xuyên và củng cố cấp ủy, chính quyền cơ sở, cấp ủy huyện đã thành lập các tổ công tác để xây dựng củng cố các xã như Nghĩa Đô, Tân Dương, Thượng Hà, Kim Sơn, qua kiểm tra đã chỉ rõ những tồn tại vướng mắc đồng thời có biện pháp khắc phục sửa chữa, đến nay các cơ sở đó đã có sự thống nhất và đoàn kết nội bộ để thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Về tổ chức và sự điều hành

Tập thể Ban Chấp hành và từng đồng chí đã đề cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương; Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập chung dân chủ,

thực hiện theo đúng quy chế đã ban hành, có nghị quyết phân công từng đồng chí phụ trách xã, thị trấn (làm tổ trưởng tổ công tác). Trong quá trình hoạt động luôn bám sát các qui định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước đã đạt được những kết quả nổi bật.

Về sản xuất nông lâm nghiệp: Diện tích gieo trồng cây lúa và hoa màu mỗi năm một tăng, đưa giống lúa mới vào canh tác hơn 90% diện tích, đẩy mạnh công tác thâm canh. Tổng sản lượng lương thực có hạt 22.048 tấn, tăng 849 tấn so với cùng kỳ năm trước, lương thực bình quân đầu người trên 300kg/năm.

Diện tích cây ăn quả trồng mới 104ha = 208% kế hoạch. Diện tích chè cao sản trồng mới 80 ha 80% kế hoạch, diện tích trồng chè tuy không đạt kế hoạch do có nhiều nguyên nhân nhưng đã từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, xóa dần phương thức canh tác thuần nông và xác định cây chè là cây góp phần xóa đói giảm nghèo của huyện.

Duy trì tổng đàn gia súc gia cầm tăng 3- 4%/năm và từng bước đưa con giống năng suất chất lượng cao vào chăn nuôi.

Diện tích đất có rừng 32.168ha, tăng 1.424,4ha so với cùng kỳ năm 2001. Hình thành vùng nguyên liệu giấy để cung cấp cho 02 nhà máy Phố Ràng và Bảo Hà.

Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp chế biến đạt 6.374 triệu đồng tăng 200% so với kế hoạch, sản lượng giấy để xuất khẩu của 02 nhà máy giấy đạt 4.052 tấn, tổng giá trị 14.182 triệu đồng, tạo việc làm ổn định cho hàng trăm lao động.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 4.272,74 triệu đồng, tăng 6,7% so với kế hoạch giao. Tổng nguồn vốn Ngân hàng nông nghiệp huy động đạt 22 tỷ đồng, dư nợ đạt 34,7 tỷ đồng. Ngân hàng phục vụ người nghèo tổng dư nợ 22,1 tỷ đồng cho 6.397 hộ được vay vốn.

Văn hoá xã hội: Duy trì vững chắc 18/18 xã, thị trấn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở của thị trấn Phố Ràng. Tỷ lệ huy động trẻ em đến trường đạt 95%.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc và khám chữa bệnh cho nhân dân, giảm tỷ lệ sinh trong năm 8%. Có 18/18 xã, thị trấn, 22 cơ quan, 8.537 hộ đạt tiêu chuẩn văn hoá, có 70% số dân được xem ti vi, 90% số dân được được nghe Đài tiếng nói Việt Nam chất lượng tốt.

Các đối tượng chính sách xã hội được thường xuyên quan tâm. Giảm được 450 hộ đói nghèo = 100% kế hoạch, tỷ lệ đói nghèo trong năm 2002 còn 12,79% = 1.707 hộ. Chương trình 135 đầu tư cho 12 xã đặc biệt khó

khăn từng bước đem lại hiệu quả. Tích cực thực hiện dự án giảm nghèo của huyện do Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ.

Công tác quốc phòng, an ninh: Tăng cường công tác lãnh đạo của cấp ủy trong công tác xây dựng và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện và tác chiến trị an cấp xã. Nâng cao chất lượng công tác tuyển quân, củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

Đối phó có hiệu quả âm mưu "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ động phối hợp với các lực lượng nắm chắc địa bàn. Có các biện pháp tích cực quản lý, răn đe các đối tượng cầm đầu trong tuyên truyền đạo trái phép, xúi giục, tiếp tay cho dân di cư tự do.

Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng được quan tâm và có sự phối hợp thực hiện đồng bộ, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, cấp ủy Đảng lãnh đạo về chủ trương, chính quyền chỉ đạo điều hành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể làm tham mưu và phối hợp hoạt động.

Ban Chấp hành thường xuyên củng cố, kiện toàn HĐND, UBND cấp cơ sở để có đủ năng lực nắm bắt, quản lý điều hành ở cơ sở, làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết công tác khiếu nại tố cáo của công dân, hạn chế được tình trạng đơn thư kéo dài và vượt cấp.

Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thường xuyên được củng cố, có nội dung và phương thức hoạt động phong phú để tập hợp quần chúng tham gia các phong trào có kết quả, chú trọng việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo.

3. Về đạo đức, lối sống

Các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành luôn rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người cán bộ đảng viên, có lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực; có tinh thần đoàn kết gắn bó với tập thể. Mỗi đồng chí đều nêu cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, gương mẫu đi đầu thực hiện Cương lĩnh và Điều lệ Đảng; không vi phạm các điều đảng viên không được làm; thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các qui định của khu dân cư, nơi sinh sống và công tác, liên hệ gần gũi với nhân dân, được quần chúng tin tưởng. Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Tuy nhiên qua công tác kiểm tra đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng và kiểm tra theo Điều lệ Đảng có 17 trường hợp phải xem xét xử lý kỷ luật với các hình thức khai trừ ra khỏi Đảng 02 đồng chí, cảnh cáo 09 đồng chí, khiển trách 05 đồng chí, cách chức 01 đồng chí do vi phạm nguyên tắc sinh hoạt Đảng, vi phạm đạo đức lối sống, thiếu tinh thần trách nhiệm,

không ai vi phạm do tham nhũng, bè phái cơ hội hoặc có tư tưởng hoài nghi lệch lạc sai trái.

Đã tiến hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo đối với Chi bộ Kim Quang thuộc Đảng bộ xã Kim Sơn do buông lỏng sự lãnh đạo để một số người tự ý dựng ngôi miếu trái phép khi chưa có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

Quá trình xem xét và xử lý kỷ luật đảm bảo công khai, dân chủ, rõ ràng, minh bạch đúng các bước theo qui định và mang tính chất giáo dục; Góp phần nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên.

*** Một số tồn tại**

Sự phối hợp nắm bắt tình hình cơ sở và giải quyết công việc giữa các ngành, giữa mỗi đồng chí được phân công trách nhiệm trong các lĩnh vực đôi khi chưa thống nhất và thiếu chặt chẽ.

Việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy chế do Ban Chấp hành đề ra và quá trình kiểm tra đôn đốc chưa được thường xuyên.

*** Những bài học kinh nghiệm**

- Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ; Ban Chấp hành là hạt nhân lãnh đạo các cấp, các ngành, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở; động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Nghiêm túc xem xét và sửa chữa những tồn tại, khuyết điểm, yếu kém của mình; từng đồng chí tích cực học tập nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện phương châm "Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra".

- Phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách cơ sở và những lĩnh vực được phân công; thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong đời sống xã hội.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong hoạt động công tác của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên năm 2002. Trong thời gian tới phát huy kết quả, kinh nghiệm đã đạt được, khắc phục tồn tại khuyết điểm để tập chung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch đề ra./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO TỔNG KẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 93-BC/HU, ngày 15 tháng 05 năm 2003
Thực hiện Hướng dẫn số: 09, 10 - HD/TCTW ngày 30/10/2002 về đánh giá tổ chức cơ sở đảng và đảng viên

---

I. Tình hình và kết quả thực hiện

1. Tình hình chung

Đảng bộ huyện Bảo Yên tỉnh Lào Cai có 44 tổ chức cơ sở đảng gồm 22 đảng bộ và 22 chi bộ. Tổng số đảng viên tính đến ngày 30/12/2002 là: 1.969 đồng chí.

Việc đánh giá phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên là việc làm thường xuyên hàng năm. Phải đảm bảo đúng nguyên tắc, năng lực lãnh đạo và thực chất đội ngũ đảng viên. Qua đó làm căn cứ để đề ra chủ trương và biện pháp thiết thực giáo dục, rèn luyện nâng cao chất lượng vào năm tiếp theo.

Hướng dẫn số 09, 10 - HD/TCTW ngày 30/10/2002 ban hành nó là cơ sở sát thực để đánh giá phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

2. Kết quả thực hiện

Ngay sau khi có hướng dẫn của Trung ương và tỉnh, huyện Bảo Yên đã tổ chức triển khai quán triệt học tập Hướng dẫn số: 09, 10 - HD/TCTW thời gian là 01 ngày.

Thành phần được quán triệt học tập là các đồng chí huyện ủy viên, Bí thư, Phó bí thư các chi, đảng bộ, thủ trưởng cơ quan, ban, ngành, đoàn thể. Sau đó huyện phân công từng đồng chí huyện ủy viên phụ trách cơ sở đôn đốc triển khai quán triệt tại các chi, đảng bộ.

Ngày 29/11/2002 Ban Thường vụ Huyện ủy đã có Công văn số 236 - CV/HU về việc chỉ đạo các cơ sở triển khai học tập và đánh giá phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Đến ngày 25/12/2002 44/44 chi, đảng bộ đã có báo cáo kết quả học tập và kết quả đánh giá phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên năm 2002 đạt như sau:

- Phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng:

+ Trong sạch vững mạnh: 22/44 đạt 50%

+ Hoàn thành nhiệm vụ: 19/44 đạt 43,18%

+ Yếu kém: 03/44 đạt 6,82%.

- Phân tích chất lượng đảng viên:

+ Tổng số đảng viên của đảng bộ là: 1.969 đồng chí

- Số đã dự phân tích chất lượng: 1.793 đồng chí

Trong đó:

Loại 1: 1.004 đồng chí tỷ lệ: 56%

Loại 2: 764 đồng chí tỷ lệ: 42,6%

Loại 3: 25 đồng chí tỷ lệ : 1,4%.

- Số đảng viên không phân tích chất lượng: 176 đồng chí

Trong đó:

- Miễn hoãn: 131 đồng chí

- Đi học: 04 đồng chí

- Mới kết nạp: 41 đồng chí

II. Đánh giá những tồn tại:

1. Ưu điểm:

- Hướng dẫn số 09, 10 - HD/TCTW được ban hành là cơ sở chặt chẽ trong việc đánh giá phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên vì nó đã đặt ra được những tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể gắn với thực tế.

- Trong khi thực hiện Hướng dẫn số 09, 10 - HD/TCTW đã được sự qan tâm chỉ đạo của tỉnh.

- Các chi, đảng bộ đã xác định rõ được tầm quan trọng và trách nhiệm của việc đánh giá phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

- Huyện đã thực hiện nghiêm túc việc chỉ đạo của cấp trên xuống các chi, đảng bộ cơ sở

- Tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, đặc biệt là từng đồng chí đảng viên được nâng lên. Việc làm, việc thực hiện nhiệm vụ đều được thay đổi chấn chỉnh.

- Công tác phê bình, tự phê bình được nâng cao. Công tác tập chung dân chủ được chú trọng.

- Kết quả đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được sát với hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên.

2. Nhược điểm:

Việc tổ chức quán triệt học tập Hướng dẫn số 09, 10 - HD/TCTW từ cấp ủy huyện xuống cơ sở đã đạt được kết quả. Song việc kiểm tra chưa được đôn đốc thực hiện.

Về nhận thức của một số cấp ủy đảng ở cơ sở về nội dung mục đích, yêu cầu của Hướng dẫn số 09, 10 là chưa cao nên việc tổ chức thực hiện còn lúng túng.

Việc lượng hoá, lập lên các thang điểm cụ thể cho sát hợp cho việc đánh giá chấm điểm của các tiêu chuẩn trong hướng dẫn là chưa làm

được: Vì thời gian triển khai quán triệt Hướng dẫn sát với thời điểm tổng kết năm.

III. Ý kiến kiến nghị

- Đề nghị tỉnh và Trung ương lượng hoá các tiêu chuẩn thành thang điểm chi tiết, cụ thể và được áp dụng chung. Theo quy định của tỉnh hoặc Trung ương trong toàn Đảng vì việc đánh giá tổ chức cơ sở đảng và đánh giá chất lượng đảng viên là tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII "Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng"./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 96-BC/HU, ngày 16 tháng 06 năm 2003
Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 35-CT/TWcủa Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn mới

PHẦN THỨ NHẤT
KIỂM ĐIỂM 5 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 35-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (1998 - 2003)

1. Đánh giá sự chuyển biến nhận thức về công tác thi đua khen thưởng

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự phối hợp giám sát của HĐND và sự chỉ đạo điều hành của UBND huyện đã triển khai quán triệt Chỉ thị số 35 - CT/TW của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu đổi mới về công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn cách mạng mới đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể từ huyện đến cơ sở và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện để nhận thức sâu sắc vị trí, tác dụng của công tác thi đua khen thưởng, trên cơ sở đó phải đẩy mạnh phong trào thi đua trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Qua thực tế cho thấy muốn thực hiện nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển cần phải có một động lực to lớn đó chính là phong trào thi đua yêu nước. Thi đua là một phương pháp, hình thức để phát huy mạnh mẽ nội lực nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn.

Chính vì vậy từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị 35 - CT/TW của Bộ Chính trị đến nay phong trào thi đua trên địa bàn huyện đã có bước chuyển biến tích cực , huy động tiềm năng nội lực từ huyện đến các thôn bản và các thành phần kinh tế hăng say lao động sản xuất và kinh doanh góp phần quan trọng vào mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về công tác thi đua từ huyện đến cơ sở từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị 35 - CT/TW đến nay:

Sau khi có Chỉ thị của Bộ Chính trị, Hội đồng TĐKT từ huyện đến cơ sở đã được thành lập và củng cố lại; chủ động tích cực trong mọi hoạt động và phát huy được hiệu quả. Hàng năm đã chủ động xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu, nội dung thi đua; hướng dẫn triển khai các phong trào thi đua do Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các ban ngành của tỉnh phát động; tổ chức các phong trào thi đua phù hợp với tình hình đặc điểm cụ thể của địa phương trên cơ sở vận dụng đúng đắn chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Quá trình thực hiện có sự phân công theo

dõi, kiểm tra đôn đốc và chú trọng xây dựng điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua trong từng lĩnh vực cụ thể. Tiến hành sơ kết đánh giá và khen thưởng kịp thời các đợt thi đua ngắn ngày, khen thưởng những thành tích đột xuất của cá nhân, tập thể và tổng kết phong trào thi đua hàng năm. Tập chung chỉ đạo giải quyết dứt điểm công tác thi đua khen thưởng kháng chiến 3 thời kỳ. Giải quyết kịp thời đúng pháp luật các kiến nghị thắc mắc của nhân dân về công tác TĐKT.

3. Đánh giá ưu, khuyết điểm về đổi mới công tác TĐKT 5 năm qua

a, Về ưu điểm:

- Hội đồng TĐKT của huyện, của ban ngành đoàn thể và của các xã, thị trấn đã tích cực chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, xác định rõ ràng mục tiêu, nội dung thi đua, phát động đăng ký, hướng dẫn thực hiện các phong trào thi đua gắn với tình hình cụ thể của địa phương, của ngành trong phong trào thi đua hàng năm do UBND tỉnh phát động.

- Công tác TĐKT đã đổi mới trong việc mở rộng đối tượng tham gia phong trào. Đặc biệt chú trọng phong trào thi đua và bình xét khen thưởng động viên các tập thể, cá nhân trong các thành phần kinh tế, các địa bàn dân cư, các dia đình văn hóa tiêu biểu, các hộ nông dân sản xuất giỏi, các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở các xã, thị trấn và thôn bản; các em học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi hàng năm; các giải thưởng về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; những thành tích đột xuất, những gương dũng cảm trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội; các cá nhân và hộ gia đình không nghe kẻ xấu tuyên truyền di cư tự do và truyền đạo trái phép ... Thông qua đó đã khơi dậy được sức mạnh tổng hợp, thúc đẩy phong trào thi đua rộng khắp với phương châm " Người người thi đua, ngành ngành thi đua, nhà nhà thi đua ".

- Đổi mới công tác TĐKT được thể hiện thông qua việc phối hợp hoạt động của MTTQ và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã. Gắn phong trào thi đua với vận động quần chúng rộng rãi nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

- Hàng năm ngoài việc phát động phong trào thi đua toàn diện, hội đồng TĐKT huyện và cơ sở phát động thêm nhiều phong trào thi đua trên các lĩnh vực như: Phong trào thi đua xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư, phong trào thi đua xóa đói giảm nghèo, phong trào thi đua thu nộp ngân sách, phong trào thi đua làm đường giao thông nông thôn ... và nhiều đợt thi đua ngắn ngày khác.

- Mỗi phong trào thi đua khi phát động đều có tổng kết đánh giá rút kinh nghiệp và khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân xuất sắc điển hình.

b, Về tồn tại:

- Bên cạnh sự nhận thức chuyển biến về đổi mới công tác TĐKT, xác định rõ mục đích, vị trí, vai trò tác dụng của công tác TĐKT trong tình hình mới hiện nay. Với những ưu điểm về mặt lãnh đạo, chỉ đạo khơi dậy phong trào và thực hiện có kết quả phong trào thi đua trong những năm qua, để nghiêm túc kiểm điểm đánh giá cũng còn một số tồn tại từ huyện đến các xã, thị trấn cần sự tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tốt hơn, thường xuyên hơn để khắc phục trong thời gian tới như sau:

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác TĐKT của các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ nơi, có lúc chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Có một số ban, ngành và cơ sở chưa duy trì thường xuyên liên tục, thậm chí không tổng kết đánh giá và xét khen thưởng thi đua hàng năm; có ngành, cơ sở các phong trào thi đua còn nặng về hình thức, kém hiệu quả.

- Phong trào thi đua chưa thực sự đồng đều, còn đang tập chung chủ yếu ở cơ quan hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang, các phòng ban khối Đảng, Đoàn thể huyện. Ở các xã, thị trấn chủ yếu mới dừng lại ở cấp xã, còn lĩnh vực ngoài quốc doanh và nông thôn vùng sâu vùng xa có nơi chưa được quan tâm triển khai phát động rộng rãi.

- Việc khen thưởng trong các phong trào thi đua có lúc chưa kịp thời; khen thưởng hàng năm còn đang tập chung vào các cơ quan nhà nước hoặc tập chung vào khen cán bộ nhiều hơn, chưa chú trọng đến các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh; tỷ lệ khen đến các hộ nông dân tiêu biểu, những người trực tiếp lao động sản xuất còn ít. Việc khen thưởng còn phụ thuộc vào số lượng đề nghị nhiều hoặc đề nghị ít, nơi nào không đề nghị thì chưa đôn đốc xem xét do vậy chất lượng khen thưởng chưa thực sự phát huy tác dụng là đòn bẩy thúc đẩy các phong trào thi đua ở cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn phấn đấu vươn lên. Có nhưnxg cá nhân, tập thể đạt thành tích nhưng không được động viên khen thưởng một cách kịp thời.

- Tổ chức bộ máy làm tốt công tác thi đua không ổn định, cán bộ làm công tác TĐKT của huyện đến các ngành, các xã, thị trấn chủ yếu là kiêm nghiệm, nhiều việc; ít được bồi dưỡng nghiệp vụ nên công tác tham mưu còn nhiều hạn chế.

4. Kết quả các phong trào thi đua từ từ 1998 - 2002:

Sau 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị 35 - CT/TW và Nghị định 56/CP của Chính phủ về đổi mới công tác TĐKT trong tình hình mới. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và Nghị quyết của Đảng bộ các cấp, sự giám sát của HĐND và chỉ đạo điều hành của UBND từ huyện đến cơ sở về phát

động các phong trào thi đua, tổng kết các phong trào thi đua hàng năm. Kịp thời khắc phục những tồn tại trong công tác thi đua khen thưởng. Vì vậy phong trào TĐKT trong những năm qua thực sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy nền kinh tế - xã hội của huyện phát triển; nhiều phong trào thi đua được nhân dân các dân tộc trong huyện hưởng ứng cao và đem lại kết quả thiết thực như:

a, Trong sản xuất Nông - Lâm nghiệp

- Tích cực mở rộng diện tích lúa nước đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ KHKT đưa các giống lúa mới năng suất cao vào sản xuất. Tổng sản lượng lương thực có hạt từ 16.086 tấn năm 1998 lên 22.048 tấn năm 2002 (tăng 5.962 tấn), bình quân lương thực 300kg/người/năm. Diện tích, năng suất sản lượng các cây trồng khác đều tăng. Đàn gia súc, gia cầm phát triển đều và ổn định. Sản xuất lâm nghiệp phát triển mạnh, cơ bản hoàn thành việc giao đất giao rừng,khoanh nuôi bảo vệ rừng, độ tán che phủ rừng từ 30% năm 1998 lên 39% năm 2002.

- Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo từ 3.762 hộ năm 1998 xuống còn 1.707 hộ năm 2002 (chiếm 12,79% dân số toàn huyện). Số hộ giàu, hộ khá ngày một tăng, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới và khởi sắc, được tỉnh tặng 2 cờ thi đua và nhiều bằng khen trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo.

b, Phong trào làm đường giao thông nông thôn

Giao thông là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong sản xuất hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế thị trường. Những năm trước đây hệ thống giao thông đi lại của huyện rất khó khăn nhất là các xã vùng sâu vùng xa vùng đặc biệt khó khăn. Từ thực tế đó phong trào làm đường giao thông nông thôn được huyện phát động thi đua hàng năm được nhân dân các dân tộc trong huyện hưởng ứng mạnh mẽ với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", với tuyến đường liên thôn bản nhân dân tự làm là chính, nhà nước chỉ hỗ trợ phần dân không tự làm được.

Hiện nay toàn huyện có 94.8 km đường quốc lộ đi qua, 7,7 km đường liên huyện, 90,9 km đường liên xã, 517 km đường liên thôn bản. Giao thông đi lại và giao lưu vận chuyển hàng hóa có nhiều thuận lợi. Trong 5 năm qua toàn huyện được tặng 8 cờ làm đường giao thông nông thôn của UBND tỉnh, 2 bằng khen của Bộ Giao thông Vận tải và nhiều bằng khen của UBND tỉnh về phong trào làm đường giao thông nông thôn.

c, Các phong trào thi đua trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác:

- Hàng năm ngoài phong trào thi đua sản xuất Nông - Lâm nghiệp, làm đường giao thông thôn còn phát động các phong trào thi đua tiêu biểu khác như:

- Phong trào thi đua thu nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước. Năm 1998 thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.483,39 triệu đồng đến năm 2002 đạt 4.272,744 triệu đồng (tăng 1.789,354 triệu đồng so 1998).

- Phong trào xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, năm 1998 có 8.323 hộ gia đình được công nhân gia đình văn hóa; năm 2002 có 9.607 hộ/13.523 hộ gia đình đạt gia đình văn hóa. Có 18/18 xã, thị trấn, 22 cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa. Trong 5 năm 1998 - 2002 được tỉnh tặng 1 cờ và nhiều bằng khen về phong trào xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư.

- Phong trào tiêm chủng mở rộng, phong trào dân số KHHGĐ hàng năm đều triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân không có dịch bệnh lớn xảy ra, hạ tỷ lệ tăng dân số hàng năm trên cơ sở tỷ lệ giảm sinh ở mức ổn định 0,8%o/năm.

- Phong trào thi đua dạy tốt học tốt, phong trào phổ cấp giáo dục tiểu học và trung học sơ sở đều được triển khai. Năm 1999 có 18/18 xã, thị trấn hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học vững chắc, 01/18 xã đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở, 01/18 xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 01 trường chuẩn quốc gia. Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi (6 - 14) đến trường hàng năm đạt từ 93% trở lên.

- Phong trào thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc có các đơn vị, cá nhân tiêu biểu như xã Việt Tiến nhận cờ thi đua quyết thắng do Bộ Công an trao tặng và một số tập thể, cá nhân được nhận bằng khen của Bộ và UBND tỉnh trao tặng.

5. Kết quả công tác thi đua khen thưởng:

Từ năm 1999 đến nay UBND huyện khen thưởng 583 tập thể và 2.598 cá nhân có thành tích trên các lĩnh vực thi đua lao động sản xuất, học tập, công tác, hoạt động văn hóa, TDTT, công tác an ninh, quốc phòng ở địa phương (trong đó năm 1999: 184 tập thể, 942 cá nhân; Năm 2000: 164 tập thể, 706 cá nhân; Năm 2001: 137 tập thể, 591 cá nhân; Năm 2002: 98 tập thể, 384 cá nhân).

Về công tác khen thưởng kháng chiến đã kê khai duyệt và trình tỉnh, Trung ương khen thưởng 123 đối tượng có công trong cuộc kháng chiến chống Pháp; Khen thưởng chống Mỹ 1.458 đối tượng và đang chờ xét duyệt 153 hồ sơ. Khen thưởng thành tích giúp đỡ cách mạng Lào 175 đối tượng và 04 hồ sơ đang xét duyệt.

6. Một số kinh nghiệm và kiến nghị qua các phong trào thi đua:

a, Một số kinh nghiệm:

Phong trào thi đua trong những năm qua tuy đã đạt được những

thành tích xuất sắc, tạo ra nhiều điển hình và nhân tố mới trong việc phát triển kinh tế - xã hội cũng như việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó còn những tồn tại do đó cần rút ra những bài học kinh nghiệm cho các phong trào thi đua trong thời gian tới:

Các phong trào thi đua cần phải có sự chỉ đạo, lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, sự điều hành năng động, cụ thể của các cấp chính quyền và sự tham gia tích cực của các đoàn thể quần chúng nhằm tuyên truyền, tác động một cách thiết thực tạo ra sự hưởng ứng tự nguyện nhiệt tình của cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang, quần chúng nhân dân.

Phong trào thi đua có mục đích rõ ràng, nội dung và mục tiêu cụ thể, thiết thực và phù hợp với từng lĩnh vực, từng cơ sở không hô hào thi đua một cách chung chung hình thức kiểu chiến dịch. Mỗi phong trào thi đua cần chọn điểm chỉ đạo để sơ kết rút kinh nghiệm rồi nhân ra diện rộng.

- Phong trào thi đua phải được phát động thường xuyên với nhiều hình thức phong phú đa dạng nhằm khuyến khích thu hút mọi ngành, mọi thành phần tham gia, có sơ kết, tổng kết và động viênkhen thưởng kịp thời.

b, Một số kiến nghị về công tác TĐKT:

- Đề nghị Hội đồng TĐKT cấp tỉnh và Trung ương tổng hợp xét duyệt hồ sơ khen thưởng kháng chiến của cơ sở nhanh hơn nữa. Một số đối tượng đã được Nhà nước khen thưởng nhưng lại sai họ tên, quê quán của người được khen thưởng hoặc một số đối tượng thiếu bằng và giấy chứng nhận huân, huy chương huyện đã bổ sung và đề nghị đến nay vẫn chưa được xem xét.

- Công tác bình xét và đề nghị các hình thức khen thưởng hàng năm nên thực hiện vào tháng 01 của năm sau để cơ sở có đủ căn cứ đánh giá các chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch trong năm. Ở tỉnh nên tổng kết công tác thi đua năm trước và phát động phong trào thi đua vào tháng 01 năm sau để huyện có căn cứ và nội dung phát động phong trào thi đua ở địa phương, cơ sở mình sát với mục tiêu, các phong trào do tỉnh phát động.

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, NỘI DUNG ĐỔI MỚI CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG TRONG THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác TĐKT, tạo sự chuyển biến về nhận thức với việc đổi mới công tác TĐKT theo tinh thần Chỉ thị số 35 - CT/TW ngày 03/6/1998 của Bộ Chính trị.

- Chỉ đạo các cơ quan ban ngành, doanh nghiệp và các xã, thị trấn

tiếp tục tiến hành kiểm điểm, đánh giá nghiêm túc để rút ra bài học kinh nghiệm nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả tốt nhất đối với các phong trào thi đua những năm tới.

- Kiện toàn hội đồng TĐKT từ huyện đến các cơ quan ban ngành và cơ sở nhằm tham mưu tốt hơn nữa trong việc phát động, tổng kết và các giải pháp thực hiện tốt các phong trào thi đua, tạo ra nhiều nhân tố mới, gương điển hình mới, gương người tốt việc tốt để khuyến khích, thu hút, động viên phong trào thi đua.

- Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua mà trọng tâm là 7 chương trình, 27 đề án của Đảng bộ tỉnh, 6 chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện; Đặc biệt là phát động các phong trào thi đua ở các xã, thị trấn trong việc thực hiện 6 chương trình phát triển kinh tế - xã hội hướng về cơ sở năm 2003.

- Gắn công tác TĐKT với công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, thực hiện phương châm: Toàn Đảng làm công tác TĐKT, chính quyền các cấp làm công tác TĐKT; Tổ chức Mặt trận, đoàn thể các cấp vận động mọi tầng lớp tham gia nhiệt tình phong trào thi đua yêu nước, phát huy sức mạnh tổng hợp để làm chuyển biến mạnh mẽ phong trào TĐKT trong thời kỳ mới.

- Chú trọng quan tâm hơn nữa tới phong trào thi đua ở các xã, thôn bản vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn. Việc bình xét khen thưởng tập chung vào các đối tượng trực tiếp lao động sản xuất, những điển hình cá nhân, tập thể ở vùng sâu, vùng xa.

- Giải quyết cơ bản những tồn tại về công tác khen thưởng thời kỳ kháng chiến.

Trên đây là báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 35 - CT/TW ngày 03/6/1998 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác TĐKT của huyện Bảo Yên. Rất mong được sự quan tâm giúp đỡ của Tỉnh ủy và Hội đồng TĐKT tỉnh Lào Cai./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 98-BC/HU, ngày 31 tháng 07 năm 2003
Đề án Đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở
(Giai đoạn 2001 - 2005)

Căn cứ Kế hoạch số 23 - KH/TU ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Tỉnh ủy Lào Cai về kiểm tra việc triển khai thực hiện đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở.

Căn cứ Đề cương hướng dẫn mục đích, yêu cầu, đối tượng, nội dung và thời gian kiểm tra của Tỉnh ủy.

Huyện ủy Bảo Yên xây dựng báo cáo cụ thể về kết quả triển khai thực hiện đề án như sau:

I. Đặc điểm chung

Bảo Yên là một huyện cửa ngõ của tỉnh Lào Cai, có 16 thành phần dân tộc. Dân số (đến 30/6/2003) là 72.461 người. Trong đó:

Dân tộc Kinh: 20.739 người (28,62%).

Dân tộc Tày: 23.703 người (32,71%).

Dân tộc Dao: 15.666 người (21,61%).

Dân tộc Mông: 9.180 người (12,66%).

- Dân tộc khác: 3.173 người = 4,4%
- Đảng viên dân tộc Kinh là 811 đồng chí = 39,67%.
- Đảng viên dân tộc Tày là 854 đồng chí =41,78%.
- Đảng viên dân tộc Mông là 44 đồng chí = 2,15%.
- Đảng viên dân tộc Dao là 273 đồng chí= 13,35%.
- Đảng viên dân tộc khác là 62 đồng chí 3,03%.

* Tổng số cán bộ xã, thị trấn hưởng sinh hoạt phí: 347 đồng chí.

- Số cán bộ là dân tộc thiểu số 255, trong đó:
- Dân tộc Tày: 159
- Dân tộc Dao: 74
- Dân tộc Mông: 04
- Dân tộc khác: 18.

* Tổng số cán bộ chủ chốt cơ sở: 191 đồng chí. Trong đó thành phần dân tộc: 143 đồng chí, Tày: 89 đồng chí, Dao 41 đồng chí, Mông 05 đồng chí, Xa Phó 02 đồng chí, Dáy 03 đồng chí, Nùng 03 đồng chí.

* Tổng số cán bộ công chức: 1.295 đồng chí

- Cán bộ khối Đảng, Đoàn thể: 67 đồng chí

- Cán bộ khối quản lý Nhà nước: 60 đồng chí

- Cán bộ hoạt động sự nghiệp: 1.168 đồng chí.

- Cán bộ là dân tộc thiểu số: 354 đồng chí. Trong đó: Tày: 327, Dao: 08, Mông: 07, Nùng: 10, Mường: 2

II. Kết quả triển khai đề án đào **tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ** sở:

- Trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII. Nghị quyết số 08 - NQ/TU ngày 03/12/2001 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII về việc phát triển nguồn nhân lực. Ngày 18/02/2002 UBND tỉnh Lào Cai đã có Quyết định số 60/QĐ -UB về việc phê duyệt đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở (2001 - 2005).

- Huyện Bảo Yên đã xác định rõ hơn vị trí và tầm quan trọng của công tác cán bộ. Xác định cán bộ chủ chốt cơ sở là nhân tố quyết định trực tiếp đến vị trí vai trò của hệ thống chính trị ở địa phương. Là những người trực tiếp lãnh đạo, quản lý điều hành và tổ chức thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở cơ sở. Trong những năm qua cán bộ chủ chốt cơ sở của huyện còn bất cập về trình độ, hạn chế về năng lực ...

- Để nâng cao trình độ mọi mặt, tăng cường hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở, huyện Bảo Yên đã từng bước củng cố và có phương án quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, chú trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở.

- Ngày 18/6/2002 huyện đã triển khai nội dung công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ chủ chốt cơ sở tại hội nghị Ban Chấp hành mở rộng, thành phần gồm các đồng chí huyện ủy viên, Bí thư, Phó Bí thư 44 cơ sở Đảng, chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND các xã, thị trấn, Trưởng, phó các phòng ban, đoàn thể huyện. Yêu cầu các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và 18 xã, thị trấn hàng năm phải có quy hoạch cụ thể để cử cán bộ đi đào tạo văn hóa, chuyên môn và lý luận chính trị, cử đi đào tạo diện cán bộ con em các dân tộc đã học xong văn hóa để dự nguồn cho cơ sở.

- Từ năm 2001 đến nay, thực hiện đề án, huyện đã quy hoạch, cử cán bộ đi đào tạo tổng số là 567 đồng chí. Trong đó:

+ Đào tạo chuyên môn: 133 đồng chí

Đại học: 33 đồng chí

Cao đẳng: 08 đồng chí

Trung cấp: 92 đồng chí

Đào tạo lý luận: 178 đồng chí

Cử nhân, Cao cấp: 13 đồng chí

Trung cấp: 91 đồng chí

Sơ cấp: 74 đồng chí

Đào tạo văn hóa: 256 đồng chí

* Về thành phần dân tộc: 227 đồng chí

* Về cán bộ nữ: 115 đồng chí

* Cán bộ nữ là dân tộc: 36 đồng chí

* Cán bộ chủ chốt cấp huyện: 21 đồng chí

* Cán bộ chủ chốt cấp xã: 109 đồng chí

- Bồi dưỡng lớp Quản lý Nhà nước cho: 09 đồng chí cán bộ huyện.

Trong đó:

+ Cán bộ chủ chốt huyện: 06 đồng chí

+ Thành phần dân tộc: 01 đồng chí

+ Cán bộ nữ nữ dân tộc: 01 đồng chí

- Bồi dưỡng lớp Tư pháp cho 06 đồng chí cán bộ Tư pháp xã, thị trấn.

- Từ năm 2001 đến hết tháng 6 năm 2003 Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đã mở 23 lớp cho 3.103 lượt cán bộ huyện và cơ sở học tập về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, an ninh quốc phòng ...

III. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ QUY HOẠCH, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TUYỂN DỤNG CÁN BỘ VÀ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CƠ SỞ LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ CỦA HUYỆN:

1. Thực trạng

- Ưu điểm:

+ Đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở hiện nay của huyện đã được sắp xếp tương đối ổn định và có sự bổ sung hợp lý, cơ bản đáp ứng được số lượng và năng lực hoạt động thực tiễn.

+ Cán bộ cơ sở có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

+ Cán bộ cơ sở bước đầu nâng cao về khả năng vận dụng, đưa chủ trương, chính sách pháp luật vào cuộc sống, nắm được nguyện vọng của nhân dân và có uy tín đối với nhân dân.

+ Đại bộ phận cán bộ chủ chốt cơ sở đã tiếp thu, nắm bắt được mục đích, yêu cầu và tiến hành triển khai thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực cán bộ, tạo nguồn cho giai đoạn tiếp theo.

- Hạn chế:

+ Một số cơ sở trình độ cán bộ còn thấp nên trong việc tiếp thu, học tập, truyền đạt các Chỉ thị, Nghị quyết, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới nhân dân và triển khai thực hiện còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở trình độ văn hóa thấp so với mặt bằng chung, đại đa số chưa qua đào tạo chuyên môn.

+ Năng lực tư duy lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ cơ sở còn hạn chế, thiếu phương pháp khoa học trong nghiên cứu, tiếp cận, giải quyết, xử lý công việc và dự báo, dự đoán tình hình.

+ Công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở nhiều cơ sở những năm qua còn chậm chuyển biến. Đội ngũ cán bộ cơ sở chưa nhận rõ yêu cầu nhiệm vụ đào tạo lại cán bộ, nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên.

+ Một bộ phận cán bộ chủ chốt do tuổi đời cao, trình độ văn hóa thấp còn ngại đi đào tạo, chưa quan tâm đào tạo cán bộ kế cận.

+ Nhiều chức danh chủ chốt không đi đào tạo được do không có người làm thay.

+ Đào tạo chuyên môn chậm do các trường của tỉnh chưa báo nhập học.

2. Kết quả công tác đào tạo cán bộ và cán bộ dân tộc ở huyện và chủ chốt xã:

a, Đào tạo văn hoá: 256 đồng chí.

Năm 2001- 2003 đã mở lớp bổ túc văn hoá cho cán bộ cơ sở đi học ở 3 xã Thượng Hà, Tân Tiến và Tân Dương, tổng số 77 đồng chí đều là dân tộc thiểu số, trong đó có 15 cán bộ chủ chốt cơ sở. Các xã đã cử 179 cán bộ đương chức và dự nguồn đi học văn hóa ở Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ huyện.

b, Đào tạo về chuyên môn: 133 đồng chí.

Cán bộ cấp huyện: 129 đ/c (trong đó có 33 đồng chí là dân tộc), học đại học là 31 đ/c, cao đẳng là 08 đ/c; trung cấp là 90 đ/c.

Cán bộ cấp xã: 04 đ/c (trong đó dân tộc: 04 đ/c), đại học: 02 đ/c, trung cấp: 02 đ/c.

c, Đào tạo về lý luận chính trị: 178 đ/c

+ Cán bộ cấp huyện: 34 đ/c; Cao cấp cử nhân: 13 đ/c; Trung cấp : 21 đ/c

+ Thành phần dân tộc: 16 đ/c; Cán bộ cấp xã: 144 đ/c, Trung cấp: 70 đ/c; Sơ cấp: 74 đ/c.

+ Thành phần dân tộc là 96 đồng chí

d, Đào tạo quản lý Nhà nước: 09 đ/c; Cán bộ cấp huyện: 09 đồng chí; thành phần dân tộc là 01 đồng chí

3. Kết quả bồi dưỡng cán bộ dân tộc ở huyện và cán bộ dân tộc chủ chốt xã:

Từ năm 2001 đến hết tháng 6 năm 2003 huyện đã cử đi bồi dưỡng các lớp chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị đã đạt được những kết quả.

Trước hết là do có sự quan tâm từ tỉnh đến huyện trong công tác chỉ đạo và đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo, để tạo nguồn cho cấp huyện và cơ sở tốt hơn vào những năm tiếp theo.

Công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở của huyện đã đóng vai trò hết sức quan trọng đem lại hiệu quả trong việc nâng cao trình độ mọi mặt và năng lực cho cán bộ chủ chốt cơ sở từng bước đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới. Sau khi được đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã chuyển biến về nhận thức và hành động cụ thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hệ thống các cơ sở đào tạo cán bộ từng bước được kiện toàn, ổn định về tổ chức, cơ sở vật chất, nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng đã hoàn thành được chỉ tiêu, kế hoạch.

Số cán bộ chủ chốt đi đào tạo, bồi dưỡng đã nhận rõ ý nghĩa tầm quan trọng của công tác nên đã chủ động tích cực, tự giác tự học tập và tham gia khóa bồi dưỡng, đào tạo.

Số học sinh là người dân tộc đang đào tạo từ các trường Nội trú tỉnh, huyện và các trường Công an, Quân đội là:

+ Nội trú tỉnh: 25 em, ngoài tỉnh là 02 em.

+ Nội trú huyện: 210 em

+ Công an: 03 em

+ Quân đội: 02 em

Số học sinh đã học xong các trường chuyên nghiệp là: 43 em, trong đó đã bố trí công việc là: 20 em, công tác tại huyện: 11 em, công tác tại xã: 09 em.

Số chưa bố trí được công việc là: 23 em (đã đề nghị bố trí công việc).

Số học sinh đỗ vào các trường từ 2001 - 2003 là 117 em. Trong đó:

+ Đại học: 28 em

+ Cao đẳng: 89 em

Số học sinh cử tuyển vào các trường: 07 em

Số học sinh là dân tộc thiểu số: 33 em

4. Đánh giá chung về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:

Công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, cán bộ chủ chốt cơ sở của huyện Bảo Yên từ năm 2001 đến hết tháng 6 năm 2003 đã có những kết quả, thể hiện tinh thần quyết tâm thực hiện nâng cao trình độ cán

bộ. Tuy nhiên từ nay đến hết năm 2005 và các năm sau cần tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp, mở rộng dân chủ trong tuyển lựa và đào tạo cán bộ. Nhanh chóng xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở có phẩm chất đạo đức tốt và đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ hiện nay.

Từ năm 2001 đến nay việc thực hiện đề án đào tạo cán bộ chủ chốt cơ sở đã góp phần nâng cao trình độ về mọi mặt và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức trong tổ chức cơ sở Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở.

Công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã được tăng cường và đạt được hiệu quả tốt hơn, đã xây dựng mối quan hệ thống nhất, chỉ đạo từ huyện xuống cơ sở trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của huyện được nâng lên như: Xây dựng trường lớp, mua sắm trang thiết bị, sách vở. Bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, điều chỉnh, cải tiến phương pháp quản lý và giảng day.

5. Giải pháp về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở

Huyện thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan và cơ sở xã nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch cán bộ hàng năm. Ban Thường vụ Huyện ủy đã thực hiện duyệt quy hoạch cán bộ cơ sở.

Căn cứ vào quy hoạch cụ thể do các cơ sở xây dựng huyện đã cử cán bộ đi đào tạo theo đúng danh sách, mặt khác yêu cầu cán bộ chủ chốt phải tham gia đào tạo, đây là một nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn từ nay đến năm 2005.

Hàng năm huyện cử đi đào tạo những cán bộ là con em dân tộc thiểu số theo học chuyên môn, lý luận chính trị, tạo nguồn kế cận bổ sung cho cơ sở.

Thường xuyên rà soát những cán bộ, con em là dân tộc đã được đào tạo chuyên môn vào công tác theo đúng chức danh.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt phải thường xuyên gắn với việc sử dụng cán bộ và phân công công việc sau khi đã được đào tạo về.

Mở các lớp bổ túc văn hoá, phổ cập trung học cơ sở cho cán bộ xã.

Từ nay đến hết 2005 thông qua đào tạo và bố trí thay thế, luân chuyển để trình độ văn hoá của cán bộ chủ chốt cơ sở ở vùng 3 và vùng 2 phải tốt nghiệp trung học cơ sở, ở thị trấn tốt nghiệp trung học phổ thông.

Trên cơ sở một mặt lựa chọn những cán bộ chủ chốt có khả năng đào tạo chuyên môn ngay trong năm 2003, mặt khác lựa chọn người kế cận, sớm bố trí giao việc để thử thách, trưởng thành.

Đến năm 2005 xin tỉnh cho mở tiếp 01 lớp trung học lý luận chính trị tại chức ở huyện. Hàng năm mở lớp sơ cấp lý luận chính trị phổ cập cho cán bộ đương chức.

Phấn đấu đến hết năm 2005 đạt mục tiêu đề án đưa ra, tăng cường kết hợp giữa đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chủ chốt, để trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt:

Vùng III: 60% có trình độ tương đương sơ cấp, 20% có trình độ trung cấp.

Vùng II: 50% có trình độ trung cấp.

Thị trấn: 70 - 80% có trình độ trung cấp.

Trình độ lý luận chính trị của cán bộ chủ chốt:

Vùng III: 30% có trình độ trung cấp

Vùng II và thị trấn: 60% có trình độ trung cấp. Còn lại có trình độ sơ cấp.

- Phấn đấu đến hết năm 2005 toàn bộ 4 chức danh chuyên môn của 18 xã, thị trấn đều có trình độ trung cấp trở lên, trong đó 15% có trình độ đại học.

IV. Kiến nghị

Để công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cán bộ là dân tộc tiếp tục được quan tâm và mang tính lâu dài, thiết thực, hiệu quả phục vụ cho cơ sở. Huyện Bảo Yên xin có một số ý kiến như sau:

- Đề nghị tỉnh và các ngành cần quan tâm triển khai nhanh công tác đào tạo chuyên môn cho cán bộ cơ sở.

- Cần sớm mở các lớp như: Trung cấp Luật, Trung cấp Địa chính, Trung cấp Tài chính kế toán, quản lý Nhà nước và Đại học Nông - Lâm nghiệp để số cán bộ, con em là người dân tộc mà huyện đã cử được đi đào tạo ngay.

- Đề nghị tỉnh cần quan tâm trong công tác đào tạo chuyên môn cho những cán bộ là công tác giảng dạy ở các trường như: Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, Trường Bồi dưỡng giáo dục huyện.

- Đề nghị tỉnh cần có nguồn kinh phí phục vụ cho đào tạo và hỗ trợ cho cán bộ, cán bộ chủ chốt, cán bộ là người dân tộc đi học. Nghiên cứu cơ chế bố trí người làm việc thay thế để cho một số cán bộ chủ chốt tuổi trẻ, có năng lực, trong quy hoạch được giữ nguyên chức vụ, các chế độ đi đào tạo.

- Nghiên cứu mở thêm điểm trường (hoặc phân hiệu) phổ thông trung học (huyện Bảo Yên đề nghị mở thêm Trường PTTH số 3 cụm xã Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Xuân Hòa, Tân Tiến).

- Các trường, các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề của tỉnh tăng cường liên kết, mở các lớp đào tạo cán bộ tại chức ở các huyện.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề án, đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 99-BC/HU, ngày 4 tháng 8 năm 2003
Kiểm điểm giữa nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên từ 2000 - 6/2003 nhiệm kỳ 2000 - 2005

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII nhiệm kỳ 2000 - 2005 được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện ngày 22/11/2000 bầu ra gồm 33 đồng chí đại diện cho các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện và các đảng bộ xã, thị trấn. Về cơ cấu dân tộc thiểu số 19 đồng chí = 57,6%. Nữ 5 đồng chí = 15,15%. Trình độ cử nhân, cao cấp chính trị và đại học chuyên môn có 22 đồng chí = 66,6%. Trong đó có 11 đồng chí tốt nghiệp 2 bằng đại học = 33,3%. Trong 2 năm rưỡi của nhiệm kỳ có 11 đồng chí trong BCH được đào tạo đại học, cao cấp chính trị và đại học chuyên ngành góp phần chuẩn hoá đội ngũ cán bộ của huyện. Ngay sau Đại hội Đảng bộ, tập thể BCH, tập thể Ban Thường vụ đã xây dựng quy chế làm việc, xây dựng chương trình công tác toàn khoá, xây dựng chương trình kiểm tra toàn khoá và kế hoạch cụ thể cho từng năm. Căn cứ vào nội dung 7 chương trình 27 đề án, 11 nhóm cơ chế chính sách của tỉnh Lào Cai, Đảng bộ huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện 6 chương trình công tác trọng tâm của huyện 5 năm (2000 - 2005) với kế hoạch và đề án cụ thể chi tiết. Đến đầu năm 2003 toàn Đảng bộ tập chung xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện 6 chương trình kinh tế - xã hội hướng về cơ sở năm 2003 đồng thời phát động các phong trào thi đua giữa các đơn vị phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra. Tại kỳ họp thứ nhất của Ban chấp hành đã phân công từng đồng chí trong Ban Chấp hành trực tiếp phụ trách các xã, thị trấn, làm tổ trưởng tổ công tác tăng cường củng cố cơ sở; phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ phụ trách các cụm xã, thủ trưởng các cơ quan, ban ngành đoàn thể đỡ đầu, kết nghĩa với thôn bản; nhất là các thôn bản đặc biệt khó khăn. Các tổ công tác xây dựng quy chế hoạt động, qui định thời gian giao ban và nộp báo cáo thường xuyên về Ban Thường vụ Huyện ủy vào ngày 25 hàng tháng.

I. Về sự lãnh đạo của bch thực hiện nhiệm vụ chính trị

1. Quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; các nghị quyết, cơ chế chính sách của tỉnh trong việc xây dựng các chương

trình, đề án, kế hoạch, giải pháp và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh và xây dựng củng cố hệ thống chính trị:

Sau Đại hội, BCH Đảng bộ huyện đã tổ chức quán triệt, triển khai các nội dung nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, nghị quyết Đảng bộ tỉnh và nghị quyết Đảng bộ huyện khoá XII. Xây dựng 6 chương trình công tác trọng tâm, xây dựng nghị quyết chuyên đề và các đề án với mục tiêu và giải pháp cụ thể đồng thời phân công cho tập thể và các cá nhân trực tiếp phụ trách từng chương trình, đề án. Nội dung chủ yếu là các chương trình như sau:

a. Chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2000 - 2005.

b. Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2000 - 2005.

c. Chương trình phát triển văn hoá giáo dục, khoa học công nghệ môi trường và xã hội giai đoạn 2000 - 2005.

d. Chương trình an ninh - quốc phòng giai đoạn 2000 - 2005.

e. Chương trình xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh hoạt động có hiệu quả.

f. Chương trình quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm lại, sắp xếp, luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở.

Mỗi chương trình đều thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí ủy viên Ban Thường vụ hoặc ủy viên BCH được phân công chỉ đạo trực tiếp và thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc tham gia; qui định 6 tháng sơ kết 1 lần nhằm đánh giá kết quả đã làm được, những vấn đề chưa làm được, những kiến nghị, đề xuất giải pháp cụ thể thực hiện trong thời gian tiếp theo.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện căn cứ vào nội dung 6 chương trình trọng tâm đã ban hành hai nghị quyết gồm Nghị quyết về công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở từ năm 2001 đến năm 2005 (số 02 - NQ/HU ngày 07/5/2001) với mục tiêu phổ cập trung học cơ sở ở 08 xã, thị trấn. Giải pháp cụ thể về xã hội hoá giáo dục, đẩy mạnh hoạt động các Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở huyện và xã. Nghị quyết về phát triển nông nghiệp - nông thôn giai đoạn 2001 - 2005 (số 03 - NQ/HU ngày 08/5/2001) với mục tiêu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp nông thôn theo hướng tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác với những giải pháp chủ yếu như rà soát, quy hoạch đất đai, phân vùng kinh tế toàn huyện, bố trí sử dụng đất đai hợp lý có hiệu quả. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho nhân dân các yếu tố đầu vào trong sản xuất, tổ chức hướng dẫn hỗ trợ cho nhân dân đầu ra cho sản

phẩm nông lâm nghiệp; kiên cố hoá kênh mương nội đồng. Tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn đồng thời hướng dẫn sử dụng vốn đúng mục đích có hiệu quả. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức quản lý điều hành đội ngũ cán bộ cơ sở.

Tiến hành xây dựng "Đề án xóa đói giảm nghèo huyện Bảo Yên giai đoạn 2001 - 2005". "Đề án thanh toán phòng học, phòng ở giáo viên nhà ở bán trú học sinh tạm bợ không đạt tiêu chuẩn trong hệ thống giáo dục của huyện giai đoạn 2002 - 2005. "Đề án phổ cập trung học cơ sở trên địa bàn huyện giai đoạn 2001 - 2005 và đến 2010". Các đề án đều được xây dựng trên cơ sở căn cứ thực trạng và khả năng phấn đấu thực hiện trong thời gian tới; phân công các đồng chí trong BCH trực tiếp theo dõi và chỉ đạo các nghị quyết và đề án chuyên đề; vận động nhân dân tham gia một cách có hiệu quả với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm được nhân dân đồng tình ủng hộ.

2. Về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế xã hội

a. Về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội,

- Trong sản xuất nông lâm nghiệp: Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách vững chắc, xây dựng cơ cấu mùa vụ một cách hợp lý; đưa các giống lúa lai, lúa kỹ thuật, ngô lai, con giống có năng suất chất lượng cao vào sản xuất kinh doanh nhằm tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Diện tích cây lúa gieo cấy tăng 13,9%, năng suất tăng 4,82% so với đầu nhiệm kỳ. Riêng vụ chiêm xuân 2003 năng suất tăng 10,35% so với cùng kỳ năm 2002. Diện tích cây ngô tăng bình quân 1,93%, năng suất tăng bình quân 7,8% so với đầu nhiệm kỳ. Cây chè - diện tích tăng 1,8 lần. Các loại cây trồng khác như đậu tương, lạc, mía, rau các loại đều tăng khá về diện tích, năng suất và sản lượng.

Tổng sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân 3%/năm (đạt 22.048 tán/24.000 tán = 91,86% mục tiêu Đại hội). Bình quân lương thực đầu người tăng 4,3%. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc tăng bình quân 3 - 5%/năm, đàn gia cầm tăng bình quân 5,3%/năm.

Trong lâm nghiệp cơ bản hoàn thành công tác giao đất, giao rừng khoanh nuôi bảo vệ rừng, khắc phục tình trạng chặt phá rừng tự nhiên, nâng độ tán che phủ rừng từ 35,32% lên 39,1% (đạt 86,8% mục tiêu Đại hội).

Mức tăng thu ngân sách trên địa bàn từ 3,2 tỷ năm 2001 lên 4,002 tỷ đồng năm 2002 (tăng 25%). Các hoạt động tín dụng ngân hàng huy động nguồn vốn và cho vay có hiệu quả đáp ứng yêu cầu sản xuất và kinh doanh, doanh số cho vay đạt 46,902 tỷ đồng; trong đó có 4.293 hộ được vay vốn ngân hàng nông nghiệp và ngân hàng chính sách xã hội; tỷ lệ nợ quá hạn 0,15%.

- Về văn hoá - xã hội: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Toàn huyện có 52 trường với 917 lớp, 22.315 học sinh các cấp học. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt hàng năm từ 93% - 94%. Giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ 18/18 xã, thị trấn từ năm 1999 đến nay. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp hàng năm đạt cao: Khối học sinh tiểu học trên 90%. Khối học sinh trung học cơ sở đạt 85%. Khối phổ thông trung học 75%. Năm học 2002 - 2003 có 12 em đạt giải thi học sinh giỏi cấp tỉnh, 3 em đạt giải nhì và giải ba cấp quốc gia, có 16 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

- Công tác y tế: 18/18 xã, thị trấn có trạm y tế và cán bộ y tế thường xuyên hoạt động, đội ngũ cán bộ y, bác sỹ được tăng cường cả số lượng và chất lượng. Tỷ lệ khám bệnh bình quân đạt 108% kế hoạch, điều trị nội trú đạt 84,1% kế hoạch; thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia.

Phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các xã, thị trấn phát động thường xuyên được nhân dân đồng tình hưởng ứng từng bước đẩy lùi hủ tục lạc hậu và các tai tệ nạn xã hội, phát huy vốn văn hoá, thể thao truyền thống của các dân tộc. Duy trì thời lượng khai thác sóng phát thanh, truyền hình đi đối với việc mở rộng diện phủ sóng đến vùng sâu vùng xa, đến nay đạt tỷ lệ 90% dân số nghe đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. 70% tỷ lệ dân số xem truyền hình.

Đã có 11/18 xã, thị trấn được sử dụng điện lưới quốc gia, các xã còn lại được đa số nhân dân sử dụng thủy điện nhỏ. Hệ thống thông tin liên lạc: Đến nay đã có 4 bưu cục, 7 điểm bưu điện văn hoá xã (tăng 2 điểm so đầu nhiệm kỳ). 8 xã có báo đọc trong ngày (Tăng 3 xã so đầu nhiệm kỳ). Xây dựng xong 8 trạm viễn thông nông thôn, lắp đặt song tổng đài di động trong tháng 7/2003. Tổng số máy điện thoại lắp đặt 957 máy đạt 1,37 máy/100 dân (vượt 0,37 máy so với mục tiêu Đại hội).

Đảm bảo các chế độ chính sách cho các đối tượng được hưởng chính sách xã hội, tham gia tích cực các phong trào tương thân tương ái; đầu tư ưu tiên cho công tác xóa đói, giảm nghèo; tỷ lệ giảm nghèo đạt 3,39% năm (Mục tiêu Đại hội 2 - 3%). Tỷ lệ đói nghèo còn 12,79% với 1.707 hộ. Tổ chức thực hiện tốt chương trình xã hội hoá chăm sóc người có công. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền mục đích ý nghĩa và lợi ích việc tham gia bảo hiểm xã hội.

b. Việc triển khai và đánh giá kết quả thực hiện 6 chương trình phát triển kinh tế - xã hội hướng về cơ sở năm 2003:

Đầu năm 2003 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cụ thể hoá 6 chương trình phát triển kinh tế xã hội hướng về cơ sở của tỉnh Lào Cai năm 2003. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện 6 chương trình ở huyện và các xã, thị trấn do đồng chí Chủ tịch UBND làm trưởng ban, nội dung các chương

trình đều được triển khai học tập đến người dân, được nhân dân đồng lòng ủng hộ và tham gia một cách tích cực.

Đến nay kết quả đã đạt được: Trong sản xuất nông lâm nghiệp, diện tích giống lúa lai gieo cấy tăng 4,15% so cùng kỳ 2002. Diện tích thâm canh lúa cao sản, ngô hàng hoá tăng dần hàng năm. Đảm bảo cung ứng đầy đủ vật tư, phân bón theo yêu cầu của nông dân. Đã hoàn chỉnh dự án cải tạo và trồng mới vùng cam ở Việt Tiến. Lập xong dự án cải tạo nâng cao tầm vóc đàn trâu nội ở xã Thượng Hà và các xã trình tỉnh phê duyệt. Hoàn thành chương trình hỗ trợ 16 con bò giống Zê bu giao cho các hộ gia đình chăm sóc, quản lý. Lập xong kế hoạch xây dựng 10 hạng mục công trình kiên cố hoá kênh mương với số vốn trên 4 tỷ đồng. Tre măng Bát độ triển khai trồng ở 7 xã đạt 38,4 ha/110 ha đạt 40% kế hoạch, tuy nhiên tỷ lệ sống thấp (50%). Cây tốc sinh dương trồng 10 ha tại xã Minh Tân theo mô hình khuyến nông. Xây dựng dự án định canh định cư bền vững tại 5 xã với 9 thôn bản. Lập xong dự án khai hoang với diện tích 702,714 ha tại 13 xã ở 107 thôn bản. Xây dựng xong dự án sắp xếp dân cư tại 16 xã với 200 hộ. Chương trình di dãn dân triển khai xong ở 14 xã 82 thôn bản cho 244 hộ.

Về làm đường giao thông liên thôn đã đăng ký 35 tuyến/22 tuyến đường (vượt 13 tuyến), đăng ký tổ chức thi công 114,6 km/73,5 km kế hoạch(vượt 46,1km), số công đăng ký tham gia 69.994 công. Đến nay đã thi công 10,6 km. Về kiên cố hoá trường lớp học từ 2003 - 2005 dự kiến xây dựng 1.318 phòng học ở tất cả các cấp học và ngành học, riêng năm 2003 giao 115 phòng học, đến nay các trường học đã khảo sát, giải phóng xong mặt bằng, đang chờ mẫu thiết kế định hình để thi công. Về xóa đói giảm nghèo tính đến cuối năm 2002 còn 1.707 hộ, năm 2003 các hộ đăng ký giảm nghèo 600 hộ/523 hộ kế hoạch (vượt 14,7%). Về xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư đã có 211 thôn bản, 10.875 hộ gia đình, 25 cơ quan, 15 trường học đăng ký xây dựng đời sống văn hoá. Đăng ký phấn đấu 176 làng văn hoá, 28 khu dân cư xuất sắc, 31 khu dân cư tiên tiến.

3. Về lãnh đạo quốc phòng và an ninh

Thường xuyên chủ động xây dựng phương án diễn tập phòng thủ huyện và tác chiến trị an các xã, thị trấn; củng cố lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên mạnh cả về số lượng và chất lượng; giữ vững an ninh chính trị, duy trì trật tự an toàn xã hội, từng bước ngăn chặn và đẩy lùi các tai tệ nạn xã hội. Những vụ việc vi phạm được xử lý kịp thời, công minh, đúng qui định của pháp luật, duy trì tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc. Chủ động nắm chắc tình hình và có kế hoạch đối phó kịp thời với âm mưu "Diễn biến hoà bình" và "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch. Tăng cường giám sát pháp luật, làm rõ và kịp thời xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật trên địa bàn; từng bước thực hiện tốt công

tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân; giải quyết kịp thời, đúng luật định các đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân, không để xảy ra khiếu kiện vượt cấp kép dài.

Công tác 184 được tập chung quan tâm chỉ đạo, có giải pháp đồng bộ, tích cực và kiên quyết. Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng để giải quyết các điểm phức tạp; mở các lớp tập huấn tại huyện về công tác vận động quần chúng; sâu sát cơ sở với các hoạt động như: Đội thanh niên tình nguyện, đội tuyên truyền pháp luật về thôn bản, đội công tác 3 cùng với dân. Đã tiến hành giáo dục thuyết phục hơn 40 đối tượng tích cực cầm đầu, giải tán các tụ điểm tập chung cầu nguyện, xóa được 5 xã không còn đạo trái phép, vận động được 276 hộ = 2.522 khẩu bỏ đạo Tin lành trái phép

4. Về lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị:

Tập thể BCH luôn thể hiện sự đoàn kết thống nhất, trên mỗi lĩnh vực công tác được giao luôn kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện quan liêu xa rời quần chúng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng có hiệu quả. Chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, chủ trương nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không ngừng rèn luyện và nâng cao trình độ, phẩm chất chính trị, năng lực công tác không có các biểu hiện tư tưởng cục bộ, cơ hội, không có tư tưởng thoái hoá hoặc làm trái với chủ trương quan điểm của Đảng.

Các đồng chí BCH Huyện ủy qua đánh giá phân xếp loại hàng năm đại đa số đều hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ; trong nửa nhiệm kỳ qua còn 03 đồng chí xếp loại hoàn thành nhiệm vụ do năng lực công tác hạn chế và nội bộ còn mất đoàn kết. Qua phân xếp loại, đảng viên xếp loại đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002 đạt 56%. Tổ chức Đảng đạt trong sạch vững mạnh năm 2002 đạt 50%.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đánh giá và sử dụng cán bộ được triển khai theo đúng quy trình, có hiệu quả. Trong thời gian qua đã cử đi đào tạo 667 cán bộ, công chức và dự nguồn. Thực hiện Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy, cấp ủy huyện đã tiến hành nghiên cứu, sắp xếp luân chuyển 4 cán bộ cùng 4 cán bộ của tỉnh tăng cường cho 8 xã, tăng cường cán bộ 135 là 12 đồng chí. Đến nay các cơ sở đó đã có bước chuyển biến tích cực, năng động hơn.

Công tác kiểm tra Đảng được thường xuyên quan tâm, qua kiểm tra đã xử lý kỷ luật Đảng 39 đảng viên và kỷ luật 3 tổ chức, trong đó 2 chi, đảng bộ trực thuộc huyện, 1 chi bộ trực thuộc đảng ủy xã. Về đơn thư tố cáo đối với đảng viên nhận được 11 đơn đã giải quyết xong 10 đơn còn 1 đơn đang xử lý giải quyết. Về khiếu nại đảng viên bị thi hành kỷ luật 2 đơn, qua phúc tra và đối chiếu với qui trình và mức độ sai phạm đều giữ

nguyên hình thức kỷ luật đã thi hành. Đến nay, không có các vụ việc bức xúc, nổi cộm và khiếu kiện tồn đọng vượt cấp kéo dài.

Công tác dân vận dân tộc hoạt động có hiệu quả, nắm chắc tư tưởng, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, củng cố kiện toàn khối dân vận các cấp ủy cơ sở, xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động phối hợp với chính quyền mặt trận và các đoàn thể; tham mưu giúp cấp ủy huyện và các xã, thị trấn ngăn chặn có hiệu quả với tuyên truyền đạo trái phép, di cư tự do.

Qua phân xếp loại chính quyền cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh xuất sắc 22,23% không có loại yếu kém. Phân xếp loại khối đoàn thể huyện đạt vững mạnh 83,3%; khối đoàn thể các xã, thị trấn đạt vững mạnh xuất sắc từ 38,8% - 55,6%.

II. **Về tổ chức và sự chỉ đạo điều hành**

BCH Huyện ủy xây dựng quy chế hoạt động, trong quá trình chỉ đạo và điều hành luôn bám sát quy chế và các quy định của Điều lệ Đảng; có ý thức chấp hành kỷ luật kỷ cương, thực hiện nguyên tắc tập chung dân chủ; phát huy sức mạnh tập thể và vai trò của cá nhân từng đồng chí do vậy đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Trong nửa nhiệm kỳ qua đã tiến hành 10 phiên họp định kỳ và 9 phiên họp thường xuyên của BCH để triển khai nghị quyết, chỉ thị của Đảng cấp trên và các nội dung quan trọng đột xuất khác của Đảng bộ. Ban Thường vụ Huyện ủy đã họp19 kỳ. Các kỳ họp BCH hoặc BTV đều do đồng chí Bí thư hoặc Phó bí thư thường trực Huyện ủy chủ trì; sau mỗi phiên họp đều trích thông báo nghị quyết gửi đến các cơ quan, ban ngành và chi, đảng bộ trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc. Chế độ thông tin báo cáo định kỳ như báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo quý và tổng kết hàng năm của cấp ủy lên cấp trên đúng thời gian quy định.

III. Về đạo đức lối sống

Tập thể BCH Đảng bộ luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vì mục tiêu lý tưởng của Đảng, thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường giai cấp, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện và toàn Đảng bộ thực hiện thắng lợi nghị quyết đã đề ra.

Các đồng chí ủy viên BCH luôn rèn luyện, giữ gìn bản chất của người cán bộ đảng viên, có lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực; có tinh thần thẳng thắn nghiêm túc tự phê bình và phê bình, đoàn kết gắn bó với tập thể, nêu cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, gương mẫu đi đầu thực hiện Điều lệ Đảng, các điều qui định đảng viên, công chức không được làm; thể hiện tính năng động sáng tạo, chống lãng phí tiêu cực, thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của

khu dân cư nơi sinh sống và công tác, gia đình phấn đấu đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, được quần chúng tin tưởng và tín nhiệm.

IV. Một số mặt tồn tại

- Tình hình di dịch cư tự do, lợi dụng hoạt động tôn giáo trái phép đã được khắc phục, song vẫn còn tiềm ẩn nhân tố bất ổn định.

- Vai trò lãnh đạo, điều hành, phong cách lãnh đạo, phương thức và lề lối làm việc một số tổ chức và cá nhân ở cơ sở hạn chế, tính chủ động trong công việc chưa cao, chưa khoa học, ảnh hưởng đến sự chỉ đạo chung.

- Trong BCH còn có đồng chí chưa tích cực trong học tập rèn luyện nâng cao kiến thức, trình độ dẫn đến năng lực công tác hạn chế, chưa thực sự phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của người lãnh đạo quản lý.

V. Những bài học kinh nghiệm

- Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất cao về ý chí và hành động trong Đảng bộ; BCH thực sự là hạt nhân lãnh đạo quy tụ quần chúng, tạo sự đoàn kết nhất trí trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đề ra.

- Căn cứ vào mục tiêu Đại hội và các chỉ thị, nghị quyết, cơ chế, chính sách của cấp trên, Đảng bộ xây dựng các nghị quyết, đề án chuyên đề, có chương trình, kế hoạch cụ thể hoá phù hợp điều kiện thực tế địa phương, cơ sở đồng thời chọn những lĩnh vực, những khâu đột phá để tập chung mọi nguồn lực, có giải pháp phù hợp quyết tâm thực hiện các mục tiêu đó sẽ là động lực tạo ra chuyển biến một cách toàn diện.

- Nghiêm túc xem xét và sửa chữa tồn tại yếu kém, năng động, vận dụng sáng tạo các cơ chế chính sách trong khuân khổ cho phép để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chung; tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh và các bộ ngành Trung ương trong quá trình phát triển.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các đồng chí ủy viên BCH phụ trách cơ sở và nâng cao vai trò lãnh đạo, điều hành, tự chủ công tác trên những lĩnh vực được phân công; thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong công tác, sinh hoạt và mọi mặt đời sống xã hội.

Trên đây là những nội dung cơ bản Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ của BCH Đảng bộ huyện khoá XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 100-BC/HU, ngày 04 tháng 08 năm 2003
Kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CỦA HUYỆN

Đại hội đại biểu lần thứ XII Đảng bộ huyện Bảo Yên được tiến hành vào thời điểm mang nhiều ý nghĩa quan trọng: Sơ kết 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 2000). Chuẩn bị kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh Lào Cai và 35 năm thành lập huyện Bảo Yên (1965 - 2000). Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII, có những thuận lợi cơ bản là: Công cuộc đổi mới ngày càng được đẩy mạnh và thu nhiều kết quả. Đảng, Nhà nước đã có những Chính sách và chủ trương toàn diện về đầu tư phát triển, tỉnh có các chương trình kế hoạch đề án phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, 10 năm. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã vận dụng sáng tạo các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh vào tình hình thực tế của huyện, xác định đúng tiềm năng, thế mạnh chọn đúng những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những khâu đột phá, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, từ đó tập chung sự chỉ đạo thực hiện tạo ra bước chuyển biến mới.

Tuy nhiên trong nửa nhiệm kỳ (2000 - 2003) triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII còn gặp nhiều khó khăn thách thức đó là: Nền kinh tế của huyện vẫn ở trong tình trạng thấp kém chưa chuyển kịp với nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, thu hút nguồn vốn đầu tư còn thấp, chưa phát huy hết khả năng nội lực trong nhân dân, đội ngũ cán bộ từ các phòng ban chuyên môn của huyện đến các cơ sở xã, thị trấn còn nhiều bất cập so với yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặt bằng dân trí chưa cao. Tình hình hoạt động đạo Tin lành trái phép có giảm so với những năm trước song vẫn chứa tiềm ẩn gây phức tạp, di dịch cư tự do vẫn còn xảy ra. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch còn chậm, chưa bền vững và chưa xác định rõ nét về thế mạnh của địa phương. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp nông thôn được quan tâm đầu tư song chưa đáp ứng được yêu cầu nhất là vùng sâu, vùng xa của huyện. Công tác quy hoạch để phát triển kinh tế - xã hội ở các xã, trung tâm cụm xã, thị trấn trong huyện tiến hành còn chậm ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn của huyện.

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ XII

I. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong tâm

1. Trong Nông - Lâm nghiệp:

Tiếp tục hình thành nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả, số hộ sản xuất, kinh doanh giỏi tăng nhanh, nền sản xuất đã từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Giá trị sản xuất trên địa bàn huyện tăng lên theo các năm. Năm 2000 đạt 154.209 triệu đồng, năm 2002 đạt 187.877 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 10,03%. Theo tốc độ phát triển như hiện nay thì giá trị sản xuất trên địa bàn huyện năm 2003 ước đạt 211,2 tỷ đồng. So với nhiệm kỳ trước tăng 69,9% thu nhập bình quân đầu người năm 2000 đạt 2,16 triệu đồng, năm 2002 đạt 2,64 triệu đồng. Tốc độ tăng bình quân mỗi năm đạt 7,4%.

Nông nghiệp và nông thôn được tập chung đầu tư cả về chiều rộng và chiều sâu. Sản lượng lương thực có hạt tăng bình quân qua các năm là 7,82%, năm 2000 đạt 19.043 tấn, năm 2002 đạt 22.048 tấn, riêng 6 tháng đầu năm 2003 đạt 11.979 tấn. Lương thực bình quân đầu người tăng 6,22%; năm 2000 đạt 271 kg, năm 2002 đạt 306 kg, dự kiến năm 2003 ước đạt 329 kg/người/năm.

- Diện tích lúa nước cấy giống mới năm 2000 là 3.209 hạ đến 2002 là 3.656 ha (tăng 447ha) năng suất từ 41,45 tạ/ha/ vụ năm 2000 đến vụ chiêm Xuân 2003 đạt 47,95 tạ/vụ/ha.

- Cây ngô diện tích tăng từ 2.433 ha năm 2000 lên 2.575 hạ năm 2002 (tăng 324 ha) năng suất đến 16,46 tạ/ha/vụ/năm 2000 đến vụ Xuân Hè năm 2003 đạt 24,5 tạ/ha.

- Cây đậu tương tăng từ 53 ha năm 2000 lên 109 ha năm 2002 (tăng 56 ha) năng suất từ 7,73 tạ/ha năm 2000 đến vụ Xuân Hè năm 2003 đạt 12,46 ta/ha.

- Cây lạc, cây mía, cây thực phẩm, rau đậu đều tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng.

- Cây chè diện tích tăng từ 119,2 ha năm 2000 lên 336,35 ha (tính đến tháng 6 năm 2003). Phần lớn là giống chè cành, giâm bầu năng suất cao và được xác định là một trong những cây trồng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xóa đói giảm nghèo của huyện.

- Cây ăn quả diện tích tăng từ 303 ha năm 2000 lên 450 hạ tính đến tháng 6 năm 2003 như soài, cam, quýt, hồng không hạt, nhãn.

*** Về chăn nuôi:** Đã từng bước đầu tư giống mới thay thế dần giống địa phương năng suất thấp (như đưa lợn đực ngoại, lợn nái móng cái, bò giống Zê bu, giống gia cầm) để lai tạo và nhân rộng mô hình phát triển trong nhân dân. Xây dựng dự án cải tạo nâng cao tầm vóc giống trâu nội địa ở địa phương. Từ năm 2000 đến nay tổng đàn gia súc, gia cầm tăng trưởng bình quân 4 - 5%/năm. Diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 75 ha lên 125 ha. Về dịch bệnh trong đàn gia súc, gia cầm cơ bản kiểm soát được và tiêm phòng không để phát sinh và lan ra diện rộng.

*** Về Lâm nghiệp:**

Đã cơ bản hoàn thành việc giao đất, giao rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, quy hoạch sử dụng đất cho các xã, thị trấn và toàn huyện. Thực hiện tốt dự án 5 triệu ha rừng và phong trào vận động nhân dân trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, phòng chống cháy rừng, nâng độ che phủ rừng từ 35,32% của năm 2000 lên 39,1% năm 2002. Khắc phục tình trạng chặt phá rừng, khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép, xử lý nghiêm những vụ vi phạm lâm luật.

2. Về Tài chính - Thương mại

Thu ngân sách hàng năm đều đảm bảo chỉ tiêu trên giao. Năm 2000 đạt 3,2 tỷ/3,2 tỷ đồng = 100% KH, đến năm 2002 đạt 4,272 tỷ/4,002 tỷ đồng = 106,7% KH.

- Các hoạt động tín dụng đã góp phần thúc đẩy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Năm 2000 Ngân hàng Nông nghiệp huyện cho 2.240 hộ vay vốn với số dư nợ là 13,8 tỷ đồng, năm 2002 có 2.293 hộ vay với số dư nợ là 34,7 tỷ đồng. Ngân hàng phục vụ người nghèo (nay là Ngân hàng chính sách xã hội) cho vay năm 2000 là 2.100 hộ với số dư nợ là 10,3 tỷ đồng, năm 2002 doanh số cho vay đạt 12,202 tỷ đồng. Tổng dư nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện đến 6/2003 là 22.288 tỷ và 6.041 hộ đang được vay vốn. Tỷ lệ nợ quá hạn là 0,15%.

- Hệ thống thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển, các chợ nông thôn mở rộng và hoạt động thường xuyên. Các dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như giống, phân bón, thuốc trừ sâu và các mặt hàng dịch khác phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống đáp ứng kịp thời.

3. Về lĩnh vực du lịch - dịch vụ:

Là huyện cửa ngõ của tỉnh Lào Cai điểm dừng chân của khách trong và ngoài nước đến với Lào Cai. Hiện tại đã có ba di tích được nhà nước xếp hạng đó là Đồn Phố Ràng, Thành Nghị Lang, Đền Bảo Hà. Năm 2000 tăng thu cho ngân sách hơn 120 triệu đồng, năm 2002 đã tăng thu cho ngân sách gần 300 triệu đồng. Tiềm năng tới khi hình thành tua du lịch kéo dài từ Nghĩa Đô - Bảo Hà - Phố Ràng và Lào Cai. Trên cơ sở đó tạo

điều kiện giao lưu mở cửa giữa huyện nhà với các tỉnh bạn, làm động lực thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa và dịch vụ phát triển.

4. Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, XDCB:

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng dần qua các năm. Năm 2000 đạt 5 tỷ đồng, đến năm 2002 đạt 6,374 tỷ đồng, các mặt hàng sản xuất ngày một đa dạng và phong phú hơn, trọng tâm là công nghiệp chế biến, các ngành nghề truyền thống như may dệt, sản xuất công cụ cầm tay, chế biến sản phẩm từ gỗ, tre, nứa được quan tâm khuyến khích phát triển nhanh.

Giá trị xây dựng cơ bản cũng được đầu tư tăng qua các năm: Năm 2000 tổng giá trị đầu tư các nguồn vốn là 18,440 tỷ đồng. Năm 2002 tổng giá trị đầu tư tăng lên 19,872 tỷ đồng. 6 tháng đầu năm 2003 giá trị đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt gần 15 tỷ đồng. Các công trình cơ sở hạ tầng đầu tư trên địa bàn các xã thuộc chương trình 135 từ 2001 đến nay với tổng vốn đầu tư 28,117 tỷ đồng với 86 hạng mục công trình được đầu tư, hỗ trợ. Tiến độ thi công, chất lượng, hiệu quả sử dụng các công trình ngày một nâng lên góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đến nay 18/18 xã ô tô đến trung tâm xã và 11/18 xã đã có điện lưới quốc gia, hoàn thành mục tiêu của Đại hội đề ra.

II. Kết quả thực hiện mục tiêu về văn hóa - xã hội

1. Về lĩnh vực giáo dục:

Đến nay đã hoàn thành Phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ vững chắc ở 18/18 xã, thị trấn. Có 01/18 xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 01 xã đạt Phổ cập giáo dục trung học cơ sở, 01 trường đạt chuẩn quốc gia. Trong nửa nhiệm kỳ qua đã xây dựng được 86/313 phòng học kiên cố, 16 phòng ở bán trú cho học sinh. Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi 6 - 14 tuổi đến lớp hàng năm đạt 93 - 94%. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp các cấp học từ 85% trở lên, chất lượng giảng dạy và học tập được nâng lên, học sinh giỏi các cấp ngày càng tăng, hàng năm đều có học sinh đoạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. Cơ sở vật chất nhà trường được quan tâm đầu tư xây dựng kiên cố và vững chắc.

2. Về y tế, dân số, KHHGĐ

Được quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm việc khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, hoàn thành việc xây dựng nâng cấp bệnh viện đa khoa trung tâm huyện, xúc tiến xây dựng phòng khám đa khoa khu vực, 17/18 trạm y tế xã xây dựng nhà xây kiên cố, đội ngũ cán bộ y tế được quan tâm đào tạo bồi dưỡng và có mạng lưới hoạt động đến tận các thôn bản. Các chương trình y tế quốc gia thực hiện có hiệu quả, kịp thời không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Thực hiện tốt các biện pháp dân số, KHHGĐ, hạn chế tỷ lệ tăng dân số tự nhiên qua các

năm: Năm 2000 là 2,001%, năm 2001 là 1,928%, năm 2002 là 1,844%, dự kiến 2003 là 1,804%.

3. Về văn hóa - Phát thanh truyền hình:

Thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư, phát động phong trào văn hóa, văn nghệ và hoạt động thể thao rèn luyện sức khoẻ cộng đồng. Mở rộng diện phủ sóng phát thanh truyền hình đảm bảo 90% nhân dân được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam, đài tỉnh, 70% được xem truyền hình tỉnh và trung ương. Lắp đặt song tổng đài di động trong tháng 7 năm 2003.

Chỉ đạo thực hiện tốt chế độ chính sách xã hội, chăm sóc, thăm hỏi động viên bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng và các đối tượng chính sách, xã hội khác.

III. Về hoạt động của các thành phần kinh tế

Thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, nền kinh tế nhiều thành phần được phát triển đúng hướng, kinh tế quốc doanh được cổ phần hóa và sắp xếp lại sản xuất kinh doanh. Kinh tế hợp tác xã thực hiện chuyển đổi theo luật hợp tác xã bước đầu một số hợp tác xã hoạt động đã có hiệu quả, kinh tế tư nhân phát triển ngày một mạnh và đa dạng hóa, nhất là kinh tế hộ, kinh tế trang trại đã có nhiều khởi sắc, đặc biệt sau khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện phát triển mạnh mẽ và hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn. Hiện có một số hợp tác xã đang hoạt động như: HTX nông nghiệp Lương Sơn (xã Lương Sơn), HTX tiểu thủ công nghiệp Cường Thịnh, HTX sản xuất vật liệu xây dựng, HTX vận tải Phố Ràng... tương lai sẽ thành lập HTX chế biến chè, chế biến nông sản thực phẩm, có hai công ty trách nhiệm hữu hạn và bốn doanh nghiệp tư nhân, hàng năm thu hút và tạo điều kiện cho hơn 500 lao động có công ăn việc làm, hiện có gần 400 hộ kinh doanh cá thể với tổng số vốn kinh doanh gần 3 tỷ đồng, các lĩnh vực kinh doanh ngày càng đa dạng và phong phú hơn. Hàng năm các doanh nghiệp và hộ kinh doanh nộp ngân sách nhà nước gần 1 tỷ đồng.

IV. Về thực hiện nhiệm vụ an ninh quốc phòng

- Cùng với việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, công tác an ninh quốc phòng tiếp tục được củng cố, hàng năm thực hiện tốt việc huấn luyện quân sự, diễn tập luyện tập lực lượng dự bị động viên, xây dựng khu vực phòng thủ của huyện, diễn tập kế hoạch chiến đấu trị an, diễn tập phòng chống lụt bão và khám tuyển lựa chọn thanh niên nhập ngũ đảm bảo đủ chỉ tiêu trên giao cả về số lượng và chất lượng qua các năm đều đạt 100% KH giao.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc được triển khai sâu rộng đến từng hộ gia đình, cụm dân cư. Kịp thời đấu tranh phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm, các tai tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt Thông tư liên tịch về đấu tranh phòng chống, tố giác tội phạm và giữ gìn an ninh Tổ quốc, kết hợp vận động đồng bào theo đạo trái phép lập lại bàn thờ tổ tiên, không nghe bọn người xấu; vận động đồng bào định canh định cư ổn định phát triển sản xuất, đồng thời kiên quyết đấu tranh với phần tử xấu vận động lôi kéo đồng bào theo đạo Tin lành trái phép, di cư tự do.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Làm tốt công tác thường trực tiếp dân giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, không để cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật hoặc tham ô, tham nhũng.

V. Hệ thống chính trị được xây dựng và củng cố vững mạnh. Nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể được đổi mới hướng về cơ sở từng bước đem lại hiệu quả hơn

1. Về công tác tư tưởng của Đảng bộ

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng có nhiều cố gắng góp phần nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân về Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ chương đường lối của Đảng, Chính sách pháp luật của Nhà nước tạo nên sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

Trong công tác tuyên truyền học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, triển khai học tập các Nghị quyết Trung ương, triển khai quán triệt 7 chương trình, 27 đề án, kế hoạch của tỉnh Đảng bộ, 6 chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện khóa XII, 6 chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội hướng về cơ sở năm 2003 được tổ chức tuyên truyền quán triệt sâu rộng trong cán bộ đảng viên với tỷ lệ tham gia từ 85% - 90,3%. Quần chúng nhân dân lao động tham gia học tập đạt 65% đến 72,5%. Tổ chức cấp báo theo đúng định kỳ cho 543 cán bộ cơ sở xã, thị trấn một cách thường xuyên. Trung tâm chính trị huyện đã tổ chức mở 32 lớp với 5.045 lượt học viên nhằm bồi dưỡng nâng cao lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

2. Công tác tổ chức cán bộ

Các tổ chức Đảng đã xây dựng và thực hiện quy chế hoạt động, các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng thường xuyên thực hiện nghiêm túc, sinh hoạt Đảng ở nơi cư trú được duy trì và phát huy tác dụng. Thực hiện tập chung thống nhất trong Đảng, thường xuyên thực hiện nghiêm túc

công tác tự phê bình và phê bình, quan tâm xây dựng nội bộ Đảng trong sạch vững mạnh. Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh, đã kết nạp được 333 đảng viên mới, khắc phục được 17/38 thôn bản, trạm xá, trường học chưa có đảng viên. Số lượng đảng viên đến 30/6/2003 có 2.044 đồng chí. Số chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở tăng từ 126 lên 155 đơn vị. Đề nghị xét công nhận 51 đảng viên danh hiệu 40 năm và 16 đảng viên đạt danh hiệu 50 năm tuổi Đảng. Tổ chức phát thẻ Đảng cho 546 đồng chí. Về phân loại đảng viên, tỷ lệ đảng viên xếp loại I năm 2001 đạt 82,96%; năm 2002 đạt 56,0%. Phân xếp loại BCH Đảng bộ huyện năm 2001 có 32 đồng chí hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ, 1 đồng chí hoàn thành nhiệm vụ. Năm 2002 có 30 đồng chí hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ, 03 đồng chí xếp loại hoàn thành nhiệm vụ do năng lực công tác còn hạn chế. Về phân loại tổ chức cơ sở Đảng năm 2001 tỷ lệ đạt trong sạch vững mạnh 72,3%, năm 2002 tỷ lệ đạt trong sạch vững mạnh là 50%. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII về xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ triển khai có hiệu quả, từng bước theo đúng quy trình, đến giữa nhiệm kỳ đã cử đi đào tạo 567 cán bộ đương chức, dự nguồn cơ sở và công chức. Trong đó đào tạo văn hoá 256 đồng chí, đào tạo chuyên môn 133 đồng chí, lý luận chính trị 178 đồng chí góp phần tích cực chuẩn hoá cán bộ. Thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 10-NQ/TU của Tỉnh ủy về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đã tạo ra sự chuyển biến từ huyện đến cơ sở. Huyện và tỉnh đã tăng cường 08 đồng chí vào các chức danh chủ chốt ở các xã và tăng cường 12 cán bộ 135 cho cơ sở, tạo cho các xã có sự chủ động trên lĩnh vực đào tạo cán bộ cơ sở. Việc đánh giá, nhận xét bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý ở huyện và sắp xếp kiện toàn đội ngũ cán bộ cơ sở tiến hành đúng quy trình, đảm bảo yêu cầu khách quan, dân chủ tạo không khí phấn khởi đoàn kết trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ đủ tiêu chuẩn đáp ứng được yêu cầu thời kỳ mới.

3. Về công tác kiểm tra Đảng

Thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra theo chương VII, chương VII Điều lệ Đảng cấp ủy huyện chỉ đạo cấp ủy các cấp và hệ thống kiểm tra từ huyện đến cơ sở học tập chuyên sâu chương VII chương VIII Điều lệ Đảng, quán triệt sâu sắc 19 điều đảng viên không được làm, triển khai nghiêm túc Kế hoạch 01, 02 của Trung ương và Kế hoạch 15 của Tỉnh ủy có kết quả. Kiểm tra chuyên đề 3 đảng bộ (Lương Sơn, Tân Dương, Thượng Hà) về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chương trình 135 và dự án trồng chè.

Kiểm tra toàn diện Đảng bộ xã Nghĩa Đô về mất đoàn kết nội bộ kéo dài, vi phạm nguyên tắc tập chung dân chủ, đối với Bí thư Đảng ủy kỷ luật khiển trách Đảng và thôi chức Bí thư Đảng ủy; với Chủ tịch UBND kỷ luật cảnh cáo cách chức Đảng ủy viên và cho thôi chức Chủ tịch UBND xã. Thực hiện điều 32 Điều lệ Đảng về kiểm tra đảng viên và tổ chức Đảng có dấu hiệu vi phạm; qua kiểm tra đã xử lý kỷ luật 39 đảng viên (trong đó khiển trách 11, cảnh cáo 19, cách chức 2, khai trừ 7). Nội dung vi phạm chủ yếu về tư cách đạo đức, quản lý kinh tế, hôn nhân gia đình. Xử lý kỷ luật 3 tổ chức Đảng; (trong đó khiển trách 1, cảnh cáo 2) do mất đoàn kết, buông lỏng công tác quản lý. Về đơn thư tố cáo đối với đảng viên nhận 11 đơn, đã giải quyết xong 10 đơn, 1 đơn đang giải quyết. Nội dung đơn thư chủ yếu về phẩm chất đạo đức, tư cách cán bộ đảng viên hôn nhân gia đình.

4. Công tác dân tộc và tôn giáo

Về tín ngưỡng truyền thống, đạo thiên chúa và người Hoa trên địa bàn cơ bản ổn định, các dân tộc luôn đoàn kết gắn bó với thôn bản nơi cư trú, chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Công tác 184 hoạt động hiệu quả, chủ động phối hợp giữa các lực lượng, trưng tập công tác viên ở cơ sở, đấu tranh trực diện các đối tượng cầm đầu, tích cực, giải tán các tụ điểm tập chung cầu nguyện trái phép. Từ năm 2001 đến nay đã vận động được 276 hộ = 2.522 khẩu bỏ đạo trái phép, đến nay còn 188 hộ = 1.009 khẩu ở 6 xã 10 thôn bản hoạt động = 6 đạo Tin lành. Tuy nhiên bên cạnh kết quả đạt được thì công tác tuyên truyền vận động, ngăn chặn đạo trái phép vẫn còn khó khăn, tiềm ẩn những phức tạp có thể xảy ra, tình trạng di cư tự do từ năm 2001 đến nay là 333 hộ = 1.754 khẩu chủ yếu đi tỉnh Lai Châu và Đắc Lắc, hồi cư trở lại 16 hộ = 63 khẩu.

5. Củng cố chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể

Hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở thường xuyên được củng cố kiện toàn, công tác giám sát của HĐND các cấp thiết thực cụ thể có kết quả, duy trì mối quan hệ công tác trên các lĩnh vực, từng bước nâng cao năng lực điều hành và quản lý mọi mặt đời sống xã hội; bộ máy các cơ quan trực thuộc UBND huyện được sắp xếp củng cố theo hướng tinh giảm, đổi mới cơ chế tuyển dụng công chức sắp xếp vào các cơ quan theo hướng chuẩn hoá hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác.

Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đã chủ động phối hợp hoạt động với UBND các cấp, bám sát Nghị quyết xây dựng chương trình hành động với các nội dung thiết thực tập chung hướng về cơ sở với phương châm gần dân, sát cơ sở, nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin, thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, duy trì và thực hiện tốt phong trào đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, động viên nhân dân thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy

định của địa phương, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh (số liệu so sánh được minh họa bằng biểu phụ lục số 1, số 2).

*** Kết quả thực hiện 6 chương trình trong tâm hướng về cơ sở năm 2003**:

- Sau khi có Chỉ thị của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai thực hiện 6 chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003. Ở huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo, phân công thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách từng lĩnh vực và chỉ đạo từng cơ sở, thành lập Ban Chỉ đạo xã, tổ chức quán triệt và lấy ý kiến của nhân dân trong việc triển khai thực hiện từng chương trình. Đến nay đã triển khai thực hiện toàn diện 18/18 xã, thị trấn như sau:

- Về chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế phù hợp với yêu cầu phát triển nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương. Cơ cấu kinh tế chủ yếu giữa các ngành đã có sự điều chỉnh: Ngành nông lâm nghiệp thủy sản năm 2000 chiếm 65,5% đến 6 tháng đầu năm 2003 giảm xuống 61,5%, Công nghiệp xây dựng cơ bản năm 2000 chiếm 15,2% đến tháng 6 năm 2003 là 14,8%. Dịch vụ năm 2000 chiếm 19,3% đến tháng 6 năm 2003 chiếm 23,7%. Trong nông nghiệp chú trọng việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa giống mới vào sản xuất, đầu tư thâm canh tăng năng suất, đẩy nhanh tiến độ kiên cố hóa kênh mương, quy hoạch vùng chè, vùng cây ăn quả, vùng trồng măng tre bát độ, cải tạo vườn cam, đàn trâu nội địa) Thực hiện có hiệu quả dự án ĐCĐC bền vững ở 5 xã - 9 thôn bản, thực hiện dự án khai hoang ở 13 xã, 107 thôn bản với tổng diện tích 702,714 ha đất ruộng nước, ruộng cạn và đất trồng mầu, dự án sắp xếp dân cư ở 16/18 xã, thị trấn.

- Chương trình củng cố cơ sở chính trị: Đã tiến hành rà soát và từng bước sắp xếp đội ngũ cán bộ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, qua tiến hành sắp xếp đến nay cần phải sắp xếp thay đổi 92 cán bộ cơ sở gồm: Cán bộ chủ chốt 14, cán bộ chuyên môn 33, cán bộ đoàn thể 22, cán bộ khác 23. Dự kiến cho đi đào tạo văn hóa 30, đào tạo chính trị 36, đào tạo chuyên môn 43. Riêng xã Nghĩa Đô củng cố kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt Đảng, chính quyền và một số chức danh khác.

- Chương trình làm đường giao thông nông thôn: Được xác định đây là một chương trình trọng tâm và được đa số nhân dân đồng tình thực hiện. Kết quả đến nay đã đăng ký 35 tuyến đường với tổng chiều dài là 114,6 km vượt 46 km so chỉ tiêu đề ra. Kinh phí đề nghị trên hỗ trợ là 3.831 triệu đồng. Huy động sức dân là 69.994 ngày công. Hiện đã khảo sát song 19 tuyến và các tuyến đang đồng loạt thi công, khối lượng đã hoàn thành được 11 km, dự kiến hoàn thành vượt chỉ tiêu đăng ký của năm 2003 và đề nghị trên hỗ trợ kinh phí vào năm 2004.

- Chương trình kiên cố hoá trường, lớp học: Dự kiến đến 2005 là 1.318 phòng. Năm 2003 chỉ tiêu giao là 115 phòng. Đến nay các trường, các xã, thị trấn đã quy hoạch và tiến hành san gạt mặt bằng chờ mẫu thiết kế địa hình để tiến hành thi công. Số ngày công đã huy động là 14.073 công. Hiện đã có 10 doanh nghiệp đăng ký thi công và đã ủng hộ được 80 triệu đồng và 1 phòng học.

- Chương trình xóa đói giảm nghèo: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ tấm lợp, nước sinh hoạt, hỗ trợ giống, phân bón, vật nuôi, cây trồng, hỗ trợ giáo dục, y tế, phát sổ bảo hiểm y tế cho người nghèo, sắp xếp ổn định dân cư, đầu tư khai hoang, thâm canh tăng vụ, từng bước giải quyết việc làm nhằm nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho nhân dân, đặc biệt là đồng bào vùng sâu, vùng xa, các hộ gia đình nghèo đói thuộc diện chính sách và các hộ có hoàn cảnh khó khăn neo đơn khác. Từng bước tạo sự khởi sắc mới trong đời sống nông thôn và đại bộ phận dân cư trong huyện. Kết quả từ năm 2000 đến hết năm 2002 đã giảm hộ đói nghèo toàn huyện từ 3.039 hộ còn 1.707 hộ, giảm tỷ lệ từ 22,96% năm 2000 còn 12,79% của năm 2002. Trong năm 2003 các xã, thị trấn đã triển khai có hiệu quả, các hộ đói nghèo trong toàn huyện đã được ủng hộ giúp đỡ và đăng ký giảm 600 hộ = 4,5% tổng số hộ trong toàn huyện.

- Chương trình xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư: Trên cơ sở kết quả đạt được trong những năm qua, năm 2003 toàn huyện có 217/302 thôn bản, 25 cơ quan, 15 trường học, 10.875 hộ gia đình đăng ký phấn đấu. Trong đó có 176 thôn bản phấn đấu xây dựng làng văn hóa, 28 khu dân cư xuất sắc, 31 khu dân cư tiên tiến. Phương châm, mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa được triển khai sâu rộng và được nhân dân đồng tình thực hiện một cách triệt để sâu sắc và góp phần đẩy lùi được nhiều phong tục tập quán, lạc hậu, như mê tín, dị đoan.

**** Một số những tồn tại yếu kém:***

- Mặc dù kinh tế có mức tăng trưởng khá song việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm chưa rõ nét. Cơ sở hạ tầng vùng sâu, vùng xa tuy đã quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển đời sống kinh tế - xã hội, tinh thần của nhân dân. Việc tiêu thụ một số sản phẩm cho nhân dân gặp nhiều khó khăn, sản phẩm sản xuất ra chưa mang tính cạnh tranh và trở thành sản phẩm hàng hóa.

- Vai trò lãnh đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền đoàn thể cơ sở chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Phương thức và lề lối làm việc của một số cơ sở chưa đổi mới, thiếu khoa học, còn ỷ lại vào sự giúp đỡ của cấp trên. Công tác phát triển đảng viên, xóa thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên tiến độ còn chậm, vẫn còn 15 thôn bản, 4 trạm xá, 2 trường

học chưa có đảng viên. Trình độ năng lực một bộ phận cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn hạn chế ; công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ ở các xã vùng cao, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn.

**** Nguyên nhân của những thành tựu đã đạt được:***

- Để đạt được những thành tựu trên Đảng bộ huyện, đặc biệt là Ban Chấp hành Đảng bộ đã bám sát các chủ trương, Nghị quyết của Đảng cấp trên, tổ chức xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể đúng trọng tâm, trọng điểm với những tiềm năng thế mạnh sát với thực tế, đồng thời phân công chỉ đạo trực tiếp đến từng cá nhân phụ trách trên các lĩnh vực, đôn đốc thực hiện có hiệu quả tạo đà cho sự phát triển.

- Phát huy được truyền thống đoàn kết nhất trí cao trong tổ chức Đảng và nhân dân các dân tộc trong huyện, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, phát huy dân chủ trên cơ sở chấp hành nghiêm kỷ cương pháp luật. Tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân và các cấp, các ngành, khắc phục kịp thời những yếu điểm tạo nên sức mạnh đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, ban ngành trong tỉnh ủng hộ, giúp đỡ một cách thiết thực có hiệu quả.

**** Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém:***

- Về nguyên nhân khách quan: Là một huyện tiềm năng thế mạnh để xây dựng mũi nhọn nền kinh tế chưa nổi trội (lợi thế so sánh không có); điểm xuất phát của nền kinh tế thấp so với mặt bằng chung, sản xuất còn manh mún, tự cấp tự túc, địa bàn rộng, cơ sở hạ tầng rất khó khăn, thấp kém, việc huy động vốn đầu tư còn hạn chế. Thiên tai bão lũ thường xuyên xảy ra gây thiệt hại về người và tài sản làm ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ phát triển trên các lĩnh vực.

- Về nguyên nhân chủ quan: Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở và ngành chức năng chưa nhận thức đầy đủ về chủ trương, chính sách, phát triển kinh tế xã hội. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch và đề án chưa sáng tạo sát với thực tế nên không phát huy được thế mạnh của địa phương, ngành mình. Do trình độ dân trí chưa cao nên việc tiếp thu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm.

Năng lực lãnh đạo quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở một số nơi, nhất là cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu, việc cụ thể hóa Nghị quyết ở cơ sở nhiều nơi còn lúng túng chưa chủ động, còn tư tưởng trông chờ bao cấp, ỷ lại cấp trên.

Phương thức sản xuất nhỏ manh mún, một số tập quán lạc hậu còn ăn sâu trong tiềm thức một bộ phận không nhỏ nhân dân gây cản trở sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

VI. Một số kinh nghiệm trong quá trình thực hiện

- *Một là:* Trong lãnh đạo, quản lý, điều hành phải quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể phù hợp với cơ chế, chính sách của tỉnh, thực tế của huyện và các cơ sở; hợp với nguyện vọng chính đáng tạo sự tin tưởng, phấn khởi hưởng ứng tham gia nhiệt tình trong nhân dân các dân tộc. Phải biết chọn những lĩnh vực, những khâu đột phá để tập chung mọi nguồn lực thực hiện thắng lợi sẽ tạo ra chuyển biến một cách toàn diện. Phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tận dụng khai thác các thế mạnh của huyện, tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh và từ bên ngoài chủ động vươn lên; tranh thủ huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển.

- *Hai là:* Phải thường xuyên sát cơ sở, gần dân, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân; nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dẫn tin; giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh ngay từ cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi.

- *Ba là:* Phải chú trọng đến những nhân tố tích cực, các tập thể, cá nhân điển hình trong các phong trào thi đua đã biết chủ động nắm bắt thời cơ, vận hội tự mình vươn lên trong các lĩnh vực, để từ đó nhân ra diện rộng.

- *Bốn là:* Phải thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong sạch vững mạnh, đáp ứng đòi hỏi nhiệm vụ hiện nay. Luôn luôn coi trọng xây dựng sự đoàn kết nhất trí cao trong Đảng bộ, trong nhân dân các dân tộc. Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phát triển đảng viên, trong đó chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên là người dân tộc thiểu số, là nữ và nông thôn ở vùng cao, vùng xa.

- *Năm là*: Chú trọng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để có đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH - HĐH. Thực hiện tốt chính sách cán bộ.

**** Đánh giá tổng quát:***

Căn cứ vào mục tiêu của Đại hội Đảng bộ huyện đã được cụ thể hoá bằng các Nghị quyết chuyên đề, với các nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế điều hành, các chương trình đề án cụ thể xây dựng cho từng năm. Từ đó đã góp phần tăng trưởng GDP và thay đổi tỷ trọng các ngành theo hướng giảm dần tỷ trọng nông lâm nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, thủ công nghiệp chế biến và dịch vụ thương mại. Tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân hàng năm tăng khá, tự túc được lương thực và chuyển dần

thành hàng hoá, công tác xóa đói giảm nghèo đạt kết quả cao. Văn hoá, giáo dục và chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân đạt các mục tiêu đề ra, chất lượng dạy và học được nâng cao một bước đáng kể. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, an ninh nông thôn được giữ vững; đối phó có hiệu quả với những âm mưu "Diễn biến hòa bình" và "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch. Tình hình tôn giáo trên địa bàn từng bước đi vào thế ổn định, quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị và cơ sở được phát huy và có chuyển biến tích cực, không còn điểm nóng về khiếu kiện cũng như đơn thư tố cáo. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tập chung hướng về cơ sở với phương châm gần dân, sát cơ sở, nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của nhân dân phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc. Công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ, hoạt động các tổ công tác làm tham mưu, tư vấn đối với các xã, thị trấn phát huy được hiệu quả, tạo điều kiện cho cán bộ cơ sở được luân phiên đi đào tạo, bồi dưỡng lý luận và chuyên môn nghiệp vụ. từ những kết quả trên đã góp phần quyết định vào những thành tích đạt được của toàn Đảng bộ huyện trong nửa nhiệm kỳ qua.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU NHIỆM VỤ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2005

I. Đặc điểm tình hình

1. Khả năng và những nhân tố thuận lợi

Đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân có truyền thống đoàn kết, luôn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình đổi mới kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng Chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mặt khác tổng kết rút ra những bài học kinh nghiệm trong nửa nhiệm kỳ qua làm cơ sở cho việc phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Đại hội Đảng bộ huyện.

Những tiềm năng, nguồn lực của huyện đã và đang được khai thác thế mạnh, phát huy hiệu quả như: Lao động, tài nguyên rừng, đất đai, cơ sở hạ tầng được đầu tư trong những năm qua đang phát huy tác dụng, thị trường cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, liên doanh liên kết tạo cho nền kinh tế phát triển bền vững.

2. Những yếu tố khó khăn

Các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá, cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra những yếu tố gây mất ổn định như tuyên truyền đạo trái phép, kích động xúi dục đồng bào di cư tự do ảnh hưởng đến an ninh chính trị trên địa bàn.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa toàn diện, thiếu công nghệ, thiếu vốn đầu tư, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội còn thấp kém; bên cạnh đó trình độ dân trí thấp, một số tập quán lạc hậu làm ảnh hưởng tới quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ.

II. Một số nhiệm vụ còn lại từ nay đến năm 2005 theo Nghị quyết Đại hội khóa XII của Đảng bộ Huyện

Phát huy những kết quả đã đạt được của nửa nhiệm kỳ qua, toàn Đảng bộ đoàn kết thống nhất ý chí và hành động, phát huy tinh thần tự lực tự cường quyết tâm đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đã đề ra; thực hiện có hiệu quả 6 chương trình công tác trọng tâm, 2 Nghị quyết chuyên đề và 3 đề án, 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của tỉnh và huyện.

*** Mục tiêu cụ thể đến 2005**:

- Giá trị sản xuất trong huyện đạt 250 tỷ đồng (tăng 4,16% so với mục tiêu đề ra đầu nhiệm kỳ). Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm 8,5 - 9%. Thu nhập bình quân đầu người: 3 đến 3,2 triệu/người/năm.

Cơ cấu kinh tế chủ yếu : Nông lâm nghiệp 61%. Công nghiệp, TTCN, chế biến: 17%. Thương mại dịch vụ: 22%.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 24.000 tấn. Độ tán che phủ rừng: 45%. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: 8 xã, thị trấn. Tỷ lệ dân nghe đài: 90% (trong đó 70% chất lượng tốt). Tỷ lệ dân số xem truyền hình: 80% (trong đó 50% chất lượng tốt). Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,6% - 1,7%. Tỷ lệ giảm nghèo hàng năm: 2% - 3%, đến năm 2005 còn dưới 7% hộ nghèo Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng: 25% - 30%. Tỷ lệ lao động được đào tạo: 25% - 30%. Chi, đảng bộ đạt TSVM: 65% (theo tiêu chí mới).

- Xóa thôn bản chưa có đảng viên: Đến 2005 xóa xong (Mục tiêu Đại hội là cơ bản xóa xong trong năm 2003). Đảng viên xếp loại I: 40% (theo tiêu chí mới). Mặt trận, Đoàn thể vững mạnh: 80%

- Xây dựng chính quyền: Vững mạnh xuất sắc: 25%; Vững mạnh: 65%; Khá: 10%

- Khu vực nông nông vùng cao chỉ tiêu đạt chuẩn văn hóa: 50% gia đình; 35% thôn bản; 50% trường học.

Khu vực thị trấn chỉ tiêu đạt chuẩn văn hóa: 85% gia đình; 60% thôn bản; 90% cơ quan, đơn vị, trường học.

III. Những định hướng lớn

1. Về sản xuất Nông - Lâm nghiệp: Chỉ đạo thâm canh tăng năng suất, tăng vụ trên diện tích lúa nước hiện có kết hợp khai hoang mở rộng diện tích, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là giống lúa mới có năng suất và hiệu quả kinh tế cao.

Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, mở rộng mạng lưới cung ứng dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm, duy trì chính sách trợ giá, trợ cước phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp. Thực hiện có hiệu quả chương trình kiên cố hóa kênh mương. Hình thành vùng lúa cao sản ở các xã Lương Sơn, Long Khánh, Xuân Hòa, Việt Tiến, Xuân Thượng. Phấn đấu năng suất lúa bình quân từ 11 - 13 tấn/ha. Xây dựng vùng chuyên canh ngô ở Thượng Hà, Vĩnh Yên, Xuân Hòa với diện tích 600 - 700 ha trong đó có trên 50% diện tích trồng bằng giống ngô kỹ thuật, đưa năng suất ngô đạt trên 25 tạ/ha. Đẩy mạnh chương trình nạc hóa đàn lợn, phục tráng đàn trâu tổ chức hội thi trâu khoẻ trâu đẹp.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia trồng chè chất lượng cao và được hưởng mọi chính sách ưu đãi của tỉnh. Đến 2005 có 500 - 600 ha chè trong đó có 300 ha chè kinh doanh, từng bước đầu tư các dây chuyền sơ chế nhỏ vào các điểm trồng chè.

Tiếp tục phát triển đa dạng các loại cây ăn quả để tăng thu nhập cho nhân dân, trồng thành vùng tập chung theo hướng sản xuất hàng hóa như cây nhãn, cây vải ở Bảo Hà, Kim Sơn, Phố Ràng. Vùng cam, quýt, bưởi, hồng không hạt ở Việt Tiến, Lương Sơn, Long Khánh cây ăn quả chủ lực là nhóm cây có múi. Trồng xoài, dễ chịu nhiệt ở Thượng Hà, Tân Dương, Phố Ràng; diện tích cây ăn quả đạt 1.500 ha.

Duy trì và phát triển cây quế, vì cây quế phù hợp với mô hình sản xuất nông lâm kết hợp tập chung ở Tân Tiến, Nghĩa Đô, Xuân Hòa, Vĩnh Yên với tổng diện tích 1000-1500 ha.

Làm tốt công tác bảo vệ, chăm sóc rừng diện tích rừng hiện có, hoàn thành công tác giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức và hộ gia đình sử dụng lâu dài để ở đâu có đất có rừng thì ở đó có chủ thực sự để bảo vệ chăm sóc và phát triển rừng.

2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mai dịch vụ, thông tin liên lạc:

Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, gắn công nghiệp với phục vụ sản xuất nông nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông lâm sản và sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng. Thực hiện có hiệu quả đề án phát triển tiểu thủ công nghiệp huyện Bảo Yên giai đoạn 2002 - 2005 đã được UBND tỉnh phê duyệt tháng 6 năm 2003 với các đề án như chế biến thức ăn gia súc; xay sát lương thực; tăm hương; cót đan và gỗ bao bì, khai thác đá xây dựng; sản xuất gạch và dự án chế biến chè.

Đẩy mạnh các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch; phấn đấu các trung tâm cụm xã đều có cửa hàng bách hoá, xăng dầu, vật tư nông

nghiệp. Tổ chức mạng lưới thu mua tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Hoàn chỉnh dự án tôn tạo thành cổ Nghị Lang ở thị trấn Phố Ràng, tôn tạo Đền Bảo Hà, từng bước hình thành tua du lịch Bảo Hà - Phố Ràng - Nghĩa Đô vào tuyến du lịch của tỉnh Lào Cai. Tích cực khai thác có hiệu quả công nghệ thông tin liên lạc, đảm bảo mạng lưới thông tin thông suốt trên địa bàn trong và ngoài huyện, phấn đấu tăng thêm 5 điểm bưu điện văn hóa xã để góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

3. Về tài chính tiền tệ, tín dụng ngân hàng:

Công tác tài chính phải phục vụ tích cực cho việc khai thác sử dụng có hiệu quả các thế mạnh của địa phương về đất đai, tài nguyên, lao động góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách mạnh mẽ, phấn đấu hàng năm huy động từ 1,7% - 2% giá trị sản xuất vào ngân sách nhà nước (từ 4,25 đến 5 tỷ đồng); sử dụng đồng bộ các biện pháp tài chính để bố trí vốn và sử dụng vốn có hiệu quả với phương châm tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí vốn. Duy trì việc cấp sổ theo dõi thu cho nhân dân, thực hiện thu đúng thu đủ và công khai hóa mức thu đến các đối tượng. Tăng cường quản lý tiền mặt, đảm bảo yêu cầu chi thường xuyên tại địa phương. Đẩy mạnh công tác tín dụng ngân hàng, đảm bảo huy động vốn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

4. Về văn hóa xã hội

Duy trì vững chắc phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 7 xã. Phấn đấu 10% số trường đạt chuẩn quốc gia, 100% giáo viên đạt chuẩn theo Luật Giáo dục.

Phát huy vốn văn hóa, thể thao truyền thống các dân tộc, xây dựng các khu vui chơi tại các cụm xã. Tiếp tục đầu tư và mở rộng diện phủ sóng phát thanh truyền hình, báo chí đến vùng sâu vùng xa.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình y tế quốc gia, củng cố mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở, phát triển y tế cộng đồng, đưa bác sỹ về các trung tâm cụm xã; mở rộng phạm vi tham gia bảo hiểm y tế, làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân.

Thực hiện có hiệu quả dự án xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, phổ biến các biện pháp kỹ thuật và kinh nghiệm để giúp đỡ người nghèo. Đẩy mạnh chương trình 135 và các dự án giảm nghèo, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn.

5. Củng cố quốc phòng, an ninh

Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng củng cố khu vực

phòng thủ, nâng cao chất lượng xây dựng, huấn luyện và hoạt động của lực lượng vũ trang. Thường xuyên luyện tập các phương án phòng thủ và tác chiến trị an từ huyện đến cơ sở, đấu tranh làm thất bại âm mưu "Diễn biến hòa bình" và "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch. Giải quyết căn bản tình trạng di cư tự do, tuyên truyền đạo trái phép với các giải pháp tích cực, kiên quyết và đồng bộ, không để xảy ra các yếu tố tiềm ẩn gây mất ổn định chính trị trên địa bàn huyện; tích cực chủ động giải quyết các tai tệ nạn xã hội và lợi dụng tự do tín ngưỡng, giữ vững an ninh nông thôn.

6. Xây dựng hệ thống chính trị

Chăm lo công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên mới trên cơ sở nâng cao chất lượng, quan tâm hơn nữa đến nhân tố làm kinh tế giỏi, dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Cơ bản không còn đầu mối không có đảng viên; các xã cơ bản có đội ngũ cán bộ được chuẩn hóa với cơ cấu phù hợp; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công chức.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng từng bước tinh giảm bộ máy nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả; đổi mới lề lối làm việc, tăng cường công tác tiếp dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ.

Đổi mới, đa dạng hóa nội dung và hình thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tập chung hướng về cơ sở, thu hút tập hợp phát triển hội viên giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, góp phần tham gia xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

IV. Những giải pháp chủ yếu

1. Về kinh tế - xã hội

Giải pháp về cơ chế, chính sách: Trên cơ sở chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh cấp ủy và chính quyền các cấp sẽ tổ chức nghiên cứu phổ biến và tuyên truyền rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân, đảm bảo mọi cán bộ đảng viên từ cơ sở đến huyện phải nắm vững và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của cấp trên vào địa phương mình; tiến hành xây dựng các đề án, các dự án phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các xã, thị trấn trong từng giai đoạn cụ thể. Phát triển các thành phần kinh tế; có chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh bằng giải pháp tạo điều kiền về đất đai, vốn, kỹ thuật, lao động để phát triển sản xuất. Đẩy mạnh công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng, phát triển mạnh các mô hình kinh tế trang trại.

- Giải pháp về vốn: Mở rộng các hình thức huy đọng vốn nhàn rỗi trong nhân dân; thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu sản xuất và

đời sống. Mở rộng đối tượng cho vay vốn, tích cực cho vay tín dụng, vay vốn xóa đói giảm nghèo, vốn tạo việc làm... đầu tư cho vùng sản xuất lớn có hiệu quả. Triệt để khai thác mở rộng các nguồn thu, huy động tăng nguồn thu ngân sách hàng năm từ 10% - 15% để đầu tư lại xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển kinh tế; thực hiện chi ngân sách tiết kiệm.

Giải pháp về khoa học kỹ thuật: Làm tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; đầu tư giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp điều kiện của huyện. Đầu tư các cơ sở chế biến nông lâm sản tại huyện và tới các trung tâm cụm xã.

Hỗ trợ một phần cây giống, con giống, thiết bị máy móc chế biến nông lâm sản phù hợp với qui mô gia đình, bản làng như chế biến chè, thức ăn gia súc, hoa quả tươi, các sản phẩm từ lúa, ngô... để giải quyết việc làm, tạo sản phẩm hàng hóa cho nhân dân.

Giải pháp lao động và việc làm: Ở vùng nông thôn sử dụng một phần lao động sản xuất nông nghiệp sang sản xuất lâm nghiệp như: Trồng rừng mới, khoanh nuôi bảo vệ, khai thác và sử dụng một phần lao động sang sản xuất cây công nghiệp dài ngày như cây chè, cây quế nhằm giải quyết một phần lao động thiếu việc làm ở nông thôn. Ở vùng thị trấn, thị tứ có kế hoạch hướng nghiệp đưa lao động đi đào tạo tại các trường công nhân kỹ thuật để phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các cơ sở chế biến tại địa phương.

Khuyến khích người lao động tham gia các quỹ bảo hiểm do Nhà nước quy định để người lao động giảm thiệt thòi khi có tai nạn rủi ro (Cả bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm con người), thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động. Tăng cường các cơ sở dịch vụ y tế, thương mại... gần các điểm dân cư để trực tiếp phục vụ cho người lao động.

2. Về an ninh quốc phòng

Cấp ủy Đảng các cấp trực tiếp chỉ đạo công tác an ninh quốc phòng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tăng cường công tác giáo dục quốc phòng để mọi người nhận rõ âm mưu phá hoại của kẻ thù; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, phát huy vai trò của quần chúng trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Đổi mới hoạt động đi đôi **với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh**

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đoàn kết các dân tộc. Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, củng cố tổ chức Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong sạch vững mạnh gần dân, sát cơ sở, thực hiện tốt quy chế dân chủ.

Mọi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, thực hiện đúng nguyên tắc tập chung dân chủ; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, thường xuyên đấu tranh phê bình, tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII.

Các tổ chức cơ sở Đảng phải xây dựng nội dung sinh hoạt thiết thực, có Nghị quyết và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết đi đối với việc sơ kết, tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo.

- Tăng cường công tác tư tưởng, tổ chức và kiểm tra Đảng, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác Đảng các cấp, thực hiện nghiêm các qui định của Điều lệ Đảng; coi trọng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa XII nhiệm kỳ 2000 - 2005. Phương hướng, nhiệm vụ, các mục tiêu chủ yếu và các giải pháp cơ bản từ nay đến 2005. Trong những năm tới chúng ta có nhiều thuận lợi đồng thời cũng không ít khó khăn thử thách; mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện hãy nêu cao quyết tâm và hành động, phát huy thuận lợi, tranh thủ thời cơ khắc phục khó khăn vượt qua thử thách nỗ lực phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đã đề ra./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 101-BC/HU, ngày 06 tháng 08 năm 2003

Tổng kết 9 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và 4 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác cán bộ nữ huyện Bảo Yên.

Bảo Yên là huyện vùng thấp của tỉnh Lào Cai, huyện có 18 xã, thị trấn, gồm 16 dân tộc, 13.345 hộ, trên 70 ngàn dân. Lao động nữ chiếm trên 50%. Đường giao thông đi lại còn nhiều khó khăn, tỷ lệ đói nghèo 12,79%. Trình độ văn hoá và nhận thức về xã hội của nhân dân nói chung và phụ nữ nói riêng còn nhiều hạn chế, phụ nữ vùng dân tộc, vùng cao còn mù chữ và tái mù chữ chiếm tỷ lệ cao. Đội ngũ cán bộ nữ thuộc các cơ quan trọng huyện hầu hết mới qua đào tạo về trung cấp chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ xã chưa được qua đào tạo. Từ tình hình thực tế ở địa phương qua 9 năm (1994 - 2002) thực hiện Chỉ thị 37/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và 4 năm (1999-2003) thực hiện Chỉ thị 17/CT-TU của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác cán bộ nữ. BCH Đảng bộ huyện Bảo Yên đã lãnh đạo việc thực hiện chỉ thị đạt được những kết quả cụ thể như sau :

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHỈ THỊ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 9 NĂM THỰC HIỆN.

I- Tình hình triển khai chỉ thị

1/ Đánh giá tình hình thực trạng đội ngũ cán bộ nữ trước khi Chỉ thị 37/CT-TW ban hành

Năm 1994 thực trạng đội ngũ cán bộ nữ trong toàn huyện về trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, chính trị thấp, hầu hết cán bộ nữ ở các cơ quan ban ngành trong huyện mới chỉ có trình độ trung cấp và sơ cấp. Năng lực và chuyên môn hạn chế. Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo cơ quan Đảng, chính quyền và các ban, ngành đoàn thể trong toàn huyện đạt tỷ lệ rất thấp. Một số cán bộ nữ khi tuyển dụng vào các cơ quan và làm việc ở cơ sở xã, thị trấn còn chưa qua đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu là làm việc theo năng lực và nhận thức của bản thân, nên hiệu quả công tác đạt chưa cao. Một số cán bộ nữ do kinh tế khó khăn, phải đảm đương công việc gia đình nên không có điều kiện đi học. Từ những tình hình thực trạng về đội ngũ cán bộ nữ ở địa phương, khi Chỉ thị 37/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương

Đảng ban hành, nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức, quan điểm của Đảng về vấn đề cán bộ nữ. Có quy hoạch, tạo nguồn đào tạo bồi dưỡng nâng cao tỷ lệ nữ trong các cấp, các ngành, xây dựng chính sách tạo điều kiện cho cán bộ nữ làm việc và khuyến khích tài năng nữ phát triển, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên nữ**,** do đó sự cần thiết phải có Chỉ thị 37/CT-TW của Ban Bí thư ban hành là cơ sở cho lãnh đạo Đảng, chính quyền và các cấp các ngành quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ nữ đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ để đội ngũ cán bộ nữ có đủ khả năng, điều kiện tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội, thực hiện quyền bình đẳng trong lao động việc làm.

Từ khi chỉ thị được ban hành, BCH Huyện ủy đã xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị Ban Chấp hành mở rộng triển khai chỉ thị và chỉ đạo 100% các Chi Đảng bộ trong huyện triển khai trong cấp ủy đảng **và** toàn thể đảng viên. Để từng đảng viên nắm được quan điểm của Đảng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ. Nhằm từng bước nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ nữ từ huyện đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

II- Đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị 37/CT-TW của Ban Bí thư và Chỉ thị 17/CT-TU của tỉnh ủy Lào Cai về công tác cán bộ nữ

1. Những chuyển biến về nhận thức và quan điểm của các cấp ủy đảng đối với công tác cán bộ nữ.

Từ khi chỉ thị được triển khai và đi vào tổ chức thực hiện Đảng bộ các cấp đã đánh giá cao vai trò, vị trí của lực lượng lao động nữ và cán bộ nữ trong toàn huyện chiếm trên 50% là lực lượng quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hoá xã hội ở địa phương, tích cực tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước đề ra; nhiệt tình, tích cực tham gia mọi hoạt động ở cơ sở, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc được giao. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, có nhiều đóng góp trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước trên địa bàn toàn huyện, góp phần thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Tồn tại, hạn chế trong nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo ở cơ sở còn đánh giá thấp vai trò, khả năng của đội ngũ cán bộ nữ, có tư tưởng hẹp hòi, khắt khe trong việc đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt bổ nhiệm và giao nhiệm vụ cho cán bộ nữ. Một số chị em còn tự ty, an phận, thiếu ý chí vươn lên; chồng con và gia đình không tạo điều kiện để chị em tham gia công tác, cho phụ nữ phải là người quán xuyến công việc gia đình. Từ đó một phần nào làm hạn chế trong việc phát triển đội ngũ cán bộ nữ từ huyện đến cơ sở.

2. Đánh giá việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo bồi dưỡng cán bộ nữ trong toàn huyện

Trong 9 năm thực hiện chỉ thị, cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành trong huyện đã chú trọng trong việc xây dựng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ từ 2000 - 2005 toàn huyện có 1895 đồng chí là nữ được đi vào quy hoạch, bó trí cán bộ nữ phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo, để đội ngũ cán bộ nữ phát huy được trình độ, năng lực của bản thân trong công việc. Đặc biệt quan tâm đến cán bộ nữ là người dân tộc.

- Tồn tại, hạn chế trong quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ còn nhiều khó khăn chưa thực sự được quan tâm các lớp đào tạo hàng năm của các ngành khi tuyển sinh chưa có tỷ lệ nữ đưa đi đào tạo. Các lớp đào tạo mới tập chung ở tỉnh nên còn nhiều khó khăn cho cán bộ nữ theo học.

3. Thực hiện rà soát nâng cao tỷ lệ nữ trong các cấp các ngành:

Đội ngũ cán bộ nữ từ năm 1994 đến tháng 3/2003 được cấp ủy, chính quyền, các ban ngành từ huyện đến cơ sở thực sự quan tâm, cán bộ nữ tham gia vào các lĩnh vực công tác trong huyện ngày càng tăng.

*** Nữ tham gia cấp ủy huyện:**

- Năm 1994: 1/24 đ/c = 4,16%

- Năm 2003: 5/33 đ/c = 15,15%. Trong đó: có 01 nữ tham gia Ban Thường vụ Huyện ủy.

Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy huyện tăng 11% so với năm 1994, đạt tỷ lệ trong Chỉ thị 17/CT-TU của Tỉnh ủy đề ra.

*** Cấp ủy cơ sở:**

- Năm 1994: 8/138 đ/c = 5,79%

- Năm 2003: 14/151 đ/c = 9,27%. Có 01 nữ giữ chức Phó bí thư Đảng ủy, tăng 3,48% so với năm 1994 chưa đạt được trong chỉ thị của Tỉnh ủy qui định,

*** Nữ tham gia trong quản lý nhà nước**

- Năm 1994: 02 đồng chí

- Năm 2003: 5 đồng chí, tăng 03 đồng chí so với năm 1994.

*** Nữ tham gia lãnh đạo mặt trận và các đoàn thể chính trị:**

+ Cấp huyện :

Năm 1994 : 1/12 đ/c = 8,33%

Năm 2003: 5/13 đ/c = 38,46%, tăng so với năm 1994 là 30,13% (không tính lãnh đạo Hội phụ nữ)

+ Cấp cơ sở :

- Năm 1994 : 4/180 đ/c = 2,2%

- Năm 2003 : 14/180 đ/c = 7,7% , tăng 5,5% so với năm 1994 (không tính lãnh đạo Hội phụ nữ cơ sở) Tỷ lệ nữ tham gia các ngành đoàn thể cơ sở tăng 2% so với năm 1994.

*** Nữ tham gia đại biểu HĐND các cấp:**

+ Đại biểu HĐND tỉnh:

- Nhiệm kỳ 1999 - 2004 : có 1 đ/c nữ tham gia

+ Đại biểu HĐND huyện :

Năm 1994 : 4/31 đ/c = 12,9%

Năm 2003 : 8/31 đ/c = 25,86%. Trong đó 1 nữ giữ chức Phó chủ tịch HĐND huyện. Tăng 12,9% so với năm 1994, đảm bảo tỷ lệ qui định trong Chỉ thị 17/CT-TU của Tỉnh ủy để ra.

+ Đại biểu HĐND xã, thị trấn :

- Năm 1994 : 34/381 đ/c = 8,92%

- Năm 2003 : 67/393 đ/c = 17,04% .Trong đó 01 nữ giữ chức Phó chủ tịch HĐND xã. Tăng 8,12% so với năm 1994.

*** Nữ tham gia lãnh đạo trong sản xuất kinh doanh.**

- Năm 1994 : 1/4 đ/c = 25%

- Năm 2003 : 2/4 đ/c = 50%, tăng so với năm 1994 là 25%.

*** Chất lượng đội ngũ cán bộ nữ:** Có trình độ năng lực đã qua các trường lớp đào tạo chính trị, chuyên môn, có kinh nghiệm và nhiệt tình tích cực nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong những năm qua cán bộ nữ đi học các trường chính trị trung cấp 33/156 đ/c, cao cấp 3/15 đ/c, chuyên môn đi đào tạo trung cấp 4/10 đ/c, đại học 5/14 đ/c.

Về phẩm chất, đạo đức, lối sống cán bộ nữ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất tốt, tinh thần trách nhiệm cao trong mọi nhiệm vụ được giao, có lối sống lành mạnh giản dị trung thực, có uy tín với quần chúng nhân dân, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đề ra.

*** Tồn tại hạn chế**: Trong việc tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong các cấp các ngành.

- Việc triển khai thực hiện chỉ thị của các cấp ủy đảng còn nhiều hạn chế nên tỷ lệ cán bộ nữ đạt thấp.

- Nhận thức của một số cấp ủy đảng cơ sở còn có sự đánh giá chưa đầy đủ về vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ nữ.

- Trình độ văn hoá của cán bộ nữ thấp nên khó khăn trong công tác đào tạo, quy hoạch.

*** Nguyên nhân tồn tại hạn chế:**

- Do trình độ năng lực và chuyên môn của cán bộ nữ ở cơ sở còn nhiều

hạn chế chưa được qua đào tạo, nên có nhiều khó khăn trong công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ.

- Một số chị em có trình độ năng lực, nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, an phận với cuộc sống, chưa có ý chí vươn lên, dẫn đến khó khăn cho công tác đào tạo đội ngũ cán bộ nữ nhất là ở cơ sở.

- Cấp ủy đảng chính quyền một số nơi chưa có sự đánh giá cao về vai trò của phụ nữ đối với xã hội, nên việc đào tạo cán bộ nữ còn gặp nhiều khó khăn.

4, Những chính sách, chế độ ưu tiên cho cán bộ nữ được cử đi đào tạo bồi dưỡng tại các trường

Trong những năm qua cán bộ nữ được cử đi học chính trị ở tỉnh, trung ương đã có chính sách ưu tiên được hưởng trợ cấp theo qui định của tỉnh, các đơn vị có cán bộ đi học đã thực hiện đúng chế độ cho cán bộ nữ trong quá trình được cử đi học.

5, Công tác phát triển đảng viên nữ

Trong những năm qua công tác phát triển đảng viên nữ đã được chú trọng, tỷ lệ đảng viên nữ năm sau cao hơn năm trước.

+ Phát triển nữ ở nông thôn :

Năm 1994: 4/41 đ/c = 9,75%

Năm 2003: 7/52 đ/c = 13,46%

+ Phát triển đảng viên nữ ở công nhân lao động:

- Năm 1994: 1/5 đ/c đến tháng 3/2003 chưa có nữ đảng viên nào được kết

+ Phát triển đảng trong cán bộ công chức

Năm 1994: 4/27 đ/c = 14,81%

- Năm 2003: 25/32 đ/c = 78,12% Tăng so với năm 1994 là 63,31%.

+ Phát triển đảng viên nữ dân tộc :

- Năm 1994 không có nữ dân tộc được kết nạp đảng.

- Năm 2003 kết nạp 12/50 nữ = 24%.

+ Phát triển đảng viên nữ là tôn giáo từ năm 1994 - 2003 : không có.

*** Những tồn tại hạn chế, nguyên nhân trong công tác phát triển đảng viên nữ**

- Do trình độ văn hoá và nhận thức của phụ nữ ở vùng nông thôn hạn chế, cuộc sống gia đình khó khăn nên chị em không có điều kiện phấn đấu vào đảng.

- Một số cơ sở đảng chưa thực sự quan tâm đến công tác phát triển đảng viên nữ ở các thôn bản.

- Một số tổ chức - đoàn thể và thôn bản chưa tích cực giới thiệu cho Đảng những quần chúng ưu tú để Đảng xem xét cho đi học đối tượng và kết nạp đảng, nên tỷ lệ đảng viên nữ ở nông thôn đạt tỷ lệ rất thấp.

III- đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

1. Đánh giá chung:

*** Ưu điểm :**

Từ khi triển khai và thực hiện Chỉ thị 37/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 17/CT-TU của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác cán bộ nữ. Đội ngũ cán bộ nữ từ huyện đến cơ sở được cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành quan tâm, có quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ về chính trị, chuyên môn, đề bạt cán bộ nữ giữ các chức vụ phù hợp với trình độ năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng cao, nữ tham gia cấp ủy, Hội đồng nhân dân cấp huyện đạt tỷ lệ qui định trong chỉ thị đề ra. đội **ngũ** cán bộ nữ tham gia quản lý nhà nước, các đoàn thể chính trị và phát triển đảng viên nữ đều tăng so với năm 1994.

*** Tồn tại:**

Một số cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở luôn có sự thay đổi về công tác tổ chức cán bộ nên trong quá trình triển khai và thực hiên chỉ thị có nhiều khó khăn, chưa thường xuyên liên tục, công tác quy hoạch đào tạo và phát triển đảng viên nữ còn hạn chế, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy, HĐND và các ban ngành ở cơ sở còn chiếm tỷ lệ thấp.

*** Nguyên nhân dẫn đến tồn tại:**

Do trình độ văn hoá của phụ nữ thấp nên có nhiều hạn chế trong việc quy hoạch đào tạo cán bộ nữ và bố trí tham gia vào một số ngành ở cơ sở.

Số phụ nữ có trình độ năng lực ngại không muốn tham gia công tác ở cơ sở, một bộ phận phụ nữ còn an phận, thiếu ý chí vươn lên.

2. Một số bài học kinh nghiệm:

Trong quá trình triển khai và thực hiện chỉ thị, lãnh đạo đảng, chính quyền, các ngành quan tâm có hướng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nữ thì nơi đó có đội ngũ cán bộ nữ được đi đào tạo, bồi dưỡng và bố trí công việc phù hợp với trình độ năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Còn những cơ sở và cơ quan cấp ủy đảng chính quyền chưa thực sự quan tâm thì đội ngũ cán bộ nữ ít được đi đào tạo và tỷ lệ nữ tham gia các ngành ở cơ sở hạn chế .

3. Kiến nghị đề xuất :

- Đề nghị các trường**,** lớp đào tạo bồi dưỡng của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể khi chiêu sinh cần có quy định tỷ lệ nữ trong các khoá đào tạo. Để cán bộ nữ có cơ hội được tham gia học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn từng bước đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới hiện nay.

- Đề nghị tỉnh có chính sách hỗ trợ về kinh phí cho cán bộ nữ được cử

đi đào tạo về chuyên môn ở tỉnh và trung ương để giám bớt một phần khó khăn trong quá trình theo học.

- Đề nghị cấp ủy đảng quan tâm đến việc phát triển đảng viên là nữ ở cơ sở, nhất là các thôn bản vùng cao, vùng dân tộc trong huyện.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC.

Căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương công tác đào tạo đội ngũ cán bộ nữ trong những năm qua còn nhiều hạn chế, để thực hiện tốt Chỉ thị 37/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 17/CT-TU của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác cán bộ nữ, đáp ứng với yêu cầu thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. công tác đào tạo cán bộ nói chung và cán bộ nữ nói riêng cần được các cấp ủy đảng, chính quyền và các ban, ngành trong toàn huyện thực sự quan tâm đi vào thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau :

1, Tiếp tục triển khai Chỉ thị 37/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 17/*CT*-TU của Tỉnh ủy Lào Cai trong các cấp ủy đảng, tạo sự chuyển biến về nhận thức và bình đẳng giới trong các cấp các ngành và toàn xã hội.

2, Xác định công tác cán bộ nữ là chiến lược chung về công tác cán bộ nữ của Đảng, từ đó xây dựng kế hoạch tổng thể về phát triển đội ngũ cán bộ nữ. Bằng những chỉ tiêu cụ thể đã được thể hiện trong kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện đến năm 2010.

- Hàng năm trong tổng số có việc làm mới, tỷ lệ lao động nữ tăng dần để đạt 40% vào năm 2005 và 50% vào năm 2010.

- Phấn đấu tăng tỷ lệ nữ lên trên 30% tổng số người được đào tạo đại học, trên đại học vào năm 2005 và trên 35% vào năm 2010.

- Tăng tỷ lệ lao động nữ được đào tạo lên trên 30% vào năm 2005 (trong đó đào tạo nghề là 20%) và trên 40% vào năm 2010 (trong đó đào tạo nghề là 26%).

+ Đạt tỷ lệ cán bộ nữ, công chức được bồi dưỡng chính trị, hành chính, tin học và ngoại ngữ từ 35% trở lên vào năm 2005, đạt tỷ lệ nữ tham gia các khoá bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn từ 40% trở lên vào năm 2010.

+ Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng tại huyện và cơ sở, để tạo điều kiện cho cán bộ nữ ở cơ sở được tham gia học tập nâng cao trình độ.

+ Phấn đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp nhiệm kỳ (2005 - 2010) từ 15% trở lên.

+ Phấn đấu tỷ lệ nữ tham gia HĐND nhiệm kỳ 2004 - 2009 :

- Cấp huyện : 26%

- Cấp xã thị trấn : 20%.

+ Phấn đấu đạt tỷ lệ 50% các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương đều có nữ tham gia ban lãnh đạo vào năm 2010.

+ Tất cả các tổ chức giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội và doanh nghiệp có 30% lực lượng lao động nữ trở lên, phấn đấu có nữ tham gia ban lãnh đạo vào năm 2005.

+ Phấn đấu 100% lãnh đạo các ban ngành đoàn thể trong huyện được nâng cao nhận thức bình đẳng giới và đều có cán bộ lãnh đạo quản lý là nữ vào năm 2005.

3, Đưa các vấn đề giới vào các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

4, Phát triển nguồn cán bộ nữ bằng:

- Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên nữ, chú trọng phát triển đảng viên nữ trong các lĩnh vực, đặc biệt quan tâm chú trọng phát triển đảng viên nữ ở nông thôn, vùng dân tộc, vùng tôn giao, vùng sâu, vùng xa. Phấn đấu từ nay đến 2005 mỗi thôn bản có ít nhất từ 2 đảng viên nữ trở lên.

- Tăng tỷ lệ cán bộ nữ đi học ở các cấp, các ngành, trên các lĩnh vực, đặc biệt chú trọng việc phát hiện những tài năng nữ tự bậc học phổ thông, để đào tạo bồi dưỡng quan tâm đến nữ dân tộc, cán bộ nữ trẻ.

- Tích cực thực hiện luân chuyển cán bộ nữ để rèn luyện thực tiễn.

Trên đây là báo cáo tổng kết Chỉ thị 37/CT-TW và Chỉ thị 17/CT- TU về công tác cán bộ nữ huyện Bảo Yên từ năm 1994 đến 2003 và phương hướng nhiệm vụ về công tác cán bộ nữ từ 2003 - 2010./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA THƯỜNG TRỰC HUYỆN ỦY
Số 108-BC/HU, ngày 22 tháng 9 năm 2003
Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

---

Thực hiện Hướng dẫn số 3052-HD/TTVH ngày 09/5/2003 của Ban Tư tưởng -Văn hoá Trung ương và Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 03/7/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm thực hiện Nghị quyết TW5 (khoá VIII) và "Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Huyện Bảo Yên đánh giá kết quả đã đạt được, những khó khăn tồn tại, các giải pháp thực hiện sau 5 năm thực hiện Nghị quyết TW5 (khoá VIII) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Đặc điểm và tình hình chung

Từ khi có Nghị quyết TW5 (khoá VIII) tháng 10/1998 Đảng bộ huyện đã tiến hành triển khai xây dựng kế hoạch, xây dựng chương trình hành động tổ chức học tập nghiêm túc đến cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong toàn huyện ở 44 chi, đảng bộ trong toàn huyện. Các chi, đảng bộ đã xây dựng kế hoạch và chương trình hành động cụ thể với Thường trực và các ban xây dựng Đảng. Từ chương trình hành động cụ thể, các chi, đảng bộ triển khai thực hiện giao cho các cấp ủy đảng, chính quyền ở các xã, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể gắn với các công tác chỉ đạo với công tác quản lý và các hoạt động trong lĩnh vực văn hoá - giáo dục - thông tin truyền hình trên địa bàn toàn huyện, nhất là việc thực hiện Nghị quyết TW5 (khoá VIII) và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Tạo bước chuyển biến lớn về nhận thức và tư tưởng của nhân dân. Phong trào đang được quần chúng nhân dân trong huyện nhiệt tình tham gia và ủng hộ.

2. Những kết quả đã đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết TW5 khoá III và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc "xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc". Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên coi sự nghiệp văn hoá là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc. Tăng cường xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà

bản sắc dân tộc. Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại làm cho văn hoá thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội vào từng người, từng gia đình, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người. Tạo ra đời sống văn hoá tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp CNH - HĐH đất nước vì mục tiêu dân giầu nước mạnh, xã hội công bằng,văn minh.

a. Công tác văn hoá văn nghệ:

Đảng bộ, chính quyền huyện coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoạt động văn hoá thông tin được triển khai rộng khắp trên địa bàn huyện không ngừng được nâng cao về chất lượng, phong phú về nội dung và hình thức, nhiều loại hình văn hoá như: Hội diễn, hội thi, liên hoan, giao lưu sinh hoạt câu lạc bộ, tìm hiểu lịch sử... đã được thường xuyên tổ chức tại cơ sở và huyện đã một phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân và góp phần giữ vững và ổn định an ninh trật tự, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện.Trong những năm qua ngành văn hoá thông tin huyện đã tổ chức được trên 600 buổi thông tin lưu động, chiếu bóng lưu động, giao lưu liên hoan văn nghệ ở hầu hết các xã, thị trấn, luân chuyển được 350 lượt băng phim phục vụ đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng 135. Các hình thức giao lưu văn hoá văn nghệ, chiếu bóng thường được cấp ủy chính quyền và cơ sở ủng hộ, gắn kết hợp với Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, các ban ngành cơ sở, tạo được sự gần gũi thân mật giữa cán bộ văn hoá với nhân dân cơ sở ở các thôn bản, thu hút hàng chục nghìn lượt người đến xem. Trong những năm qua đã kiểm tra 215 lượt điểm dịch vụ văn hoá trên địa bàn huyện thu và xử lý 230 băng không nhãn mác, ngoài luồng, 115 băng cát xét, đình chỉ hoạt động 03 điểm Karaôkê, 02 điểm chò chơi điện tử có bạo lực. Ngành văn hoá phối hợp với Công an các xã, thị trấn nhắc nhở, chấn chỉnh những hoạt động văn hoá khác như: Bán tranh ảnh, quản lý lịch, quản lý đăng ký các dịch vụ văn hoá khác.

Trong những năm vừa qua Đảng bộ, chính quyền huyện đã chỉ đạo ngành văn hoá mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ văn hoá, bồi dưỡng các nghệ nhân văn hoá ở cơ sở như: Việt Tiến, Vĩnh Yên, Bảo Hà... (01 nghệ nhân là bà Hoàng Thị Cứ ở xã Vĩnh Yên được Bộ Văn hoá công nhận là nghệ nhân dân gian). Những hạt nhân văn hoá dân gian ở cơ sở xã, thị trấn là nguồn lực lâu dài để xây dựng và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc ở cơ sở mình.

b. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá":

Được triển khai sâu rộng trên địa bàn toàn huyện. Những mâu thuẫn

trong làng, xóm, thôn, bản được phát hiện và giải quyết kịp thời. Trong toàn huyện không có khiếu kiện đông người, cơ bản đã tạo ra môi trường văn hoá lành mạnh. Việc xây dựng hương ước làng, bản, khu dân cư được quan tâm chú trọng. Năm 1997 chưa có bản, làng nào xây dựng được hương ước, quy ước đến nay đã có 285/302 thôn bản xây dựng được hương ước, quy ước đưa xuống từng gia đình, đăng ký phấn đấu thực hiện việc tang, lễ được tăng cường chỉ đạo, đến nay tệ ăn uống linh đình và kèn trống không quá 23h đêm được nhân dân đồng tình ủng hộ. Nhiều đám tang được giải quyết nhanh gọn theo đúng thủ tục, tiết kiệm. Hủ tục mê tín dị đoan đã giảm đảng kể. Việc cưới xin đã ngày càng được đổi mới không lãng phí, phô trương hình thức, nhiều đám cưới không còn tệ thách cưới, ăn uống linh đình như trước. Các lễ hội truyền thống hàng năm như lễ hội Thành cổ Nghị Lang, lễ hội đền ông Hoàng Bảy ở Đền Bảo Hà... được quản lý và hoạt động theo đúng quy chế, lễ hội do Bộ Văn hoá ban hành.

Việc xây dựng và bình xét làng, bản, gia đình văn hoá, cơ quan, đơn vị văn hoá hàng năm được quan tâm thực hiện sâu sát. Năm 1998 số hộ đạt chuẩn gia đình văn hoá là 5.058 hộ đến 2002 số hộ đạt chuẩn gia đình văn hoá là 8.537 hộ. Số làng năm 1998 đạt làng văn hoá có: 01 làng đến năm 2002 có 123 làng văn hoá. Số cơ quan năm 1998 không đăng ký đến năm 2002 có 25 cơ quan đạt chuẩn văn hóa.

Các phong trào tình nghĩa như: "Đền ơn đáp nghĩa", "lá lành đùm lá rách" vì người nghèo, "quỹ vì trẻ thơ"... được nhân dân nhiệt tình tham gia.

c. Về lĩnh vực thông tin đại chúng:

Trong những năm gần đây đời sống kinh tế - xã hội đã được nâng lên rõ rệt. Trên lĩnh vực thông tin đại chúng cũng được nâng lên năm 1998 huyện Bảo Yên mới có 3 trạm thu phát truyền hình đến nay đã có 5 trạm.

- Trong 5 năm qua Nhà nước ta đã cấp cho cơ sở được:

+ Radio: 700 chiếc

+ Vô tuyến: 212 chiếc.

- Năm 1998 số điện thoại trên 0,4/100 dân đến nay có 1,4/100 dân. Đến năm 2003 huyện Bảo Yên đã được phủ sóng di động ở trung tâm huyện.

d. Về giáo dục - đào tạo:

Nghị quyết Hội nghị TW5 (khoá VIII) khẳng định sự nghiệp giáo dục đào tạo đã thu được những thành tựu quan trọng khích lệ như Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) coi sự nghiệp giáo dục là đạo lý làm người, là trách nhiệm của toàn Đảng, nghĩa vụ của công dân. Dưới ánh sáng của nghị quyết với sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ. Chính quyền, các ngành, đoàn thể và nhân dân các dân tộc trong huyện hiểu rõ việc đưa con em

đi học vừa là trách nhiệm vừa là thực hiện quyền của trẻ em, do vậy số trẻ em đến tuổi đều được đưa đến trường. Để đảm bảo cơ sở vật chất cho học sinh ngoài việc Nhà nước đầu tư nhân dân còn tích cực tham gia đóng góp xây dựng trường lớp (năm 1998 là: 547 triệu đến năm 2002 là 673 triệu đồng), từng bước thực hiện đề án kiên cố hoá trường lớp học. Phát động nhân dân trong toàn huyện mua công trái giáo dục. Huyện ủy Bảo Yên thường xuyên chỉ đạo các đảng bộ, chính quyền xã, các ngành chức năng tuyên truyền sâu rộng trong toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân để toàn Đảng bộ và nhân dân nhận thức đúng đắn quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục đào tạo. BTV huyện đã có Nghị quyết 05 - NQ/HU ngày 01/4/1999 nội dung Nghị quyết 05 đã đưa nhiệm vụ phát triển giáo dục đào tạo cùng với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các đảng bộ xã. UBND huyện cũng đã có chương trình hành động thực hiện nghị quyết đã đạt được kết quả như:

- 18/18 xã đến năm 2000 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học chống mù chữ.

- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi đến lớp năm 1998 là 82,7%, đến năm 2003 là 94%.

- Số trường năm 1998 có 32 trường đến 2003 có 56 trường.

- Số lớp năm 1998 có 650 lớp đến 2003 có 903 lớp.

- Số học sinh năm 1998 có 18.575 học sinh đến 2003 có 21.089 học sinh

Chăm lo xây dựng cơ sở vật chất trường học nên số trường lớp, học sinh tăng nhanh, tỷ lệ huy động trẻ đi mẫu giáo (đặc biệt là trẻ 5 tuổi) đến trường tăng nhanh năm 1998 có 61 lớp chủ yếu ở khu vực thị trấn Phố Ràng, Bảo Hà, Nghĩa Đô, Lương Sơn, Việt Tiến, Kim Sơn, thì nay đã có 93 lớp (số liệu năm 2002) tất cả các xã đều có lớp mẫu giáo 5 tuổi. Tỷ lệ học sinh phổ thông, nhất là ở vùng cao, số học sinh con em đồng bào dân tộc chiếm tỷ lệ cao. Số thanh niên từ 15 đến 25 tuổi đi học bổ túc văn hoá - xóa mù chữ có năm trên 2.400 người. Như xã Xuân Hoà (riêng năm 1998 mở 28 lớp xóa mù chữ cho gần 1.000 người đi học chủ yếu là đồng bào dân tộc).

Nhiều xã từ chỗ chỉ có 1 trường tiểu học + trung học cơ sở đến nay đã có 4 trường tiểu học trung học cơ sở như: thị trấn Phố Ràng, Bảo Hà... số còn lại hầu hết 3 trường.

Đội ngũ giáo viên tăng cả về số lượng và chất lượng chuyên môn. Năm 1998 có 733 giáo viên đến nay có 1129 giáo viên. Trong 5 năm qua đã tập chung đào tạo, đào tạo được 164 giáo viên.

Công tác phát triển Đảng, xây dựng Đảng trong các trường học chuyển biến mạnh mẽ đến nay toàn ngành giáo dục có 182 đảng viên tăng 1,09 lần so năm 1988 đến nay chỉ còn 2 trường chưa có đảng viên.

g. Xây dựng thiết chế văn hoá:

Trong những năm vừa qua Đảng bộ và chính quyền trong toàn huyện quan tâm xây dựng cơ sở vật chất về văn hoá - thông tin tuyên truyền thường xuyên được quan tâm và phát triển. Hiện nay toàn huyện đã quy hoạch xây dựng xong 5 cụm văn hoá, 7 nhà văn hoá thôn bản đã xây dựng xong bằng gỗ ở các xã thị trấn. Cải tạo và sửa chữa nâng cấp nhà văn hoá trung tâm huyện. 100% xã vùng 3 được cấp trang thiết bị như âm thanh, máy phát điện, nhiều xã được cấp ăng ten parapôn thu truyền hình, 05 xã và các cơ quan trong huyện có báo đọc trong ngày, 7 xã đã có điểm bưu điện văn hoá xã, 60% người dân được xem truyền hình và 90% nghe Đài tiếng nói Việt Nam.

Công tác sưu tầm bảo tồn vốn văn hoá truyền thống dân tộc trong toàn huyện được nâng lên một bước. Ngành văn hoá thông tin của huyện phối hợp với Bảo tàng Lào Cai, Sở Văn hoá - thông tin nghiên cứu sưu tầm vốn văn hoá dân tộc như: Lễ cấp sắc của dân tộc Dao tuyển, tết nhẩy của dân tộc Dao đỏ, khắp cọi của dân tộc Tày. Dịch sách cổ, thông qua các nghệ nhân đã nghiên cứu và khai thác điệu hát then vùng dân tộc Tày Vĩnh Yên, Nghĩa Đô.

Bộ Văn hoá thông tin công nhận 3 di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia đó là: Di tích lịch sử - văn hoá Đồi Phố Ràng, di tích lịch sử văn hoá Đền Bảo Hà, di tích lịch sử Thành cổ Nghị Lang và đang tiến hành lập hồ sơ trình Bộ Văn hoá công nhận di tích lịch sử văn hoá Đồn Nghĩa Đô.

Tổ chức kiểm tra khảo sát việc thực hiện Nghị quyết TW 5 (khoá VIII) ở 6 đơn vị: Đảng bộ xã Việt Tiến, Bảo Hà, thị trấn Phố Ràng, Điện Quan, Lương Sơn và Vĩnh Yên. Qua kiểm tra, khảo sát, đánh giá 100% các đảng bộ đều thực hiện nghiêm túc Nghị quyết TW5 (khoá VIII) và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Phong trào ở các cơ sở hiện nay đang thực hiện có hiệu quả.

Tóm lại:

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết TW5 (khoá VIII) và phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đảng viên, cán bộ và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng. Các ngành như tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc, văn hoá thông tin, thông tin đại chúng, giáo dục đào tạo và các ban ngành trong huyện làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong huyện thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt công tác " xây dựng phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà

bản sắc dân tộc", phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư".

3. Những bài học kinh nghiệm

a. Những mặt đã đạt được

- Nét nổi bật là ở đâu cấp ủy, chính quyền quan tâm đến việc lãnh đạo, chỉ đạo thì ở đó phong trào phát triển rộng khắp. Bởi vậy 5 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 (khoá VIII) Đảng bộ huyện Bảo Yên đã chỉ đạo, lãnh đạo, quán triệt tổ chức thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở thực hiện tốt Nghị quyết; Bồi dưỡng báo cáo viên, chú trọng làm điểm có kiểm tra, lấy tuyên truyền viên làm nòng cốt cho việc tuyên truyền và xây dựng phong trào ở cơ sở.

- Thành lập Ban Chỉ đạo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" ra các văn bản hướng dẫn đăng ký xây dựng làng, bản, gia đình, cơ quan, đơn vị văn hoá.

- Thực hiện tốt Chỉ thị 27 của Bộ Chính trị về việc cưới, việc tang và lễ hội. Thường xuyên kiểm tra duy trì nghiêm túc Nghị định 87, 88/CP của Chính phủ trong việc quản lý các hoạt động văn hoá trên địa bàn huyện.

- Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên có truyền thống yêu nước, cần cù lao động, có tình thương nhân ái, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau, yêu văn hoá văn nghệ, luôn gìn giữ vốn văn hoá cổ, truyền thống, những trò chơi thể thao dân gian. Các cơ sở xã, cơ quan, đơn vị đều có những hạt nhân văn nghệ tiêu biểu, vận động viên giỏi.

- Cán bộ làm công tác ở huyện, xã có năng lực, nhiệt tình công tác, yêu nghề, có phẩm chất chính trị đáp ứng được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

- Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các thiết chế văn hoá ở huyện và cơ sở.

b. Những khó khăn và tồn tại:

- Đặc điểm địa hình miền núi, sống phân tán, giao thông đi lại còn khó khăn do vậy ảnh hưởng đến việc chuyển tải những thông tin, xây dựng cơ sở vật chất, thiết chế văn hoá cho cơ sở.

- Trình độ dân trí trong huyện nhìn chung còn thấp, không đồng đều nhất là đồng bào dân tộc ở vùng sâu, vùng xa.

- Nhận thức của một số cán bộ xã chưa quan tâm đến công tác văn hoá văn nghệ, giáo dục đào tạo còn cho những việc đó là của cán bộ làm công tác chuyên môn.

- Phong trào "xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" có nơi còn mang tính hình thức, chất lượng chưa cao.

4. Những giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục phát động phang trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" trên địa bàn huyện. Xã hội hoá các hoạt động văn hoá thông tin tuyên truyền tạo nên sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hoá trên địa bàn toàn huyện.

- Tăng cường quản lý các hoạt động văn hoá, thể thao theo Nghị định 87, 88/CP của Chính phủ. Duy trì các đội kiểm tra văn hoá liên ngành đặc biệt chú trọng các khu trung tâm và khu đông dân cư.

- Nâng cao chất lượng, hoạt động của các thiết chế văn hoá, giáo dục - đào tạo, thông tin tuyên truyền hiện có, xây dựng đồng bộ bảo đảm các thiết chế văn hoá đặc biệt là xây dựng cơ sở vật chất của các trường học ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" nhân điển hình tiên tiến đối với làng văn hoá, gia đình văn hoá. Đến năm 2005 phấn đấu đạt 70% hộ gia đình văn hoá, 75% cơ quan, đơn vị, trường học đạt chuẩn văn hoá, 50% thôn bản trở lên đạt chuẩn văn hoá.

- Thực hiện tốt phương châm xã hội hoá các hoạt động văn hoá, giáo dục đào tạo, thông tin tuyên truyền. Tạo sự chuyển biến về nhận thức, về vị trí vai trò quan trọng của văn hoá, giáo dục đào tạo, thông tin tuyên truyền trong tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước làm cho văn hoá, giáo dục đào tạo, thông tin tuyên truyền vào mỗi con người từng gia đình, từng cụm dân cư, từng đơn vị, từng trường học hiểu thấu suốt. Để cán bộ, đảng viên và nhân dân thống nhất nhận thức: Xây dựng và phát triển văn hoá là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, phê phán sự buông thả. Xây dựng tư tưởng đạo đức lối sống có văn hoá trong cơ quan, đơn vị trường học, bệnh viện... từ huyện xuống xã, thị trấn, thôn bản, hộ gia đình và từng người. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Nâng cao năng lực quản lý các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở thôn, xóm bản trong việc xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 117-BC/HU, ngày 30 tháng 11 năm 2003
Sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết 08 - NQ/TU

Căn cứ Công văn số: 1134 - CV/TU ngày 31/10/2003 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc đánh giá sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết số: 08 - NQ/TU ngày 03/10/2001 về việc phát triển nguồn nhân lực.

Huyện ủy Bảo Yên xây dựng báo cáo cụ thể về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 08 - NQ/TU như sau:

I. Đặc điểm chung của huyện

Huyện Bảo Yên là một huyện cửa ngõ của tỉnh Lào Cai. Có 16 dân tộc anh em cùng chung sống đan xen nhau, dân số là: 72.461 người. Trong đó:

- Dân tộc Kinh: 23.703 người chiếm 32,71%
- Dân tộc Tày: 20.739 người chiếm 28,62%
- Dân tộc Dao: 15.666 người chiếm 21,61%
- Dân tộc Mông: 9.180 người chiếm 12,66%
- Dân tộc khác: 3.173 người chiếm 4,4%

Tổng số đảng viên là: 2.044 đảng viên.

- Đảng viên dân tộc Kinh: 811 đồng chí = 39,67%
- Đảng viên dân tộc Tày: 854 đồng chí = 41,78%
- Đảng viên dân tộc Mông: 44 đồng chí = 2,15%
- Đảng viên dân tộc Dao: 273 đồng chí = 13,35%
- Đảng viên dân tộc khác: 62 đồng chí = 3,03%

Tổng số cán bộ xã, thị trấn hưởng sinh hoạt phí là 347 đồng chí.

Tổng số cán bộ, công chức 1.295 đồng chí. Trong đó dân tộc là:

- Dân tộc Tày: 486 đồng chí
- Dân tộc Dao: 82 đồng chí
- Dân tộc Mông: 11 đồng chí
- Dân tộc Nùng: 10 đồng chí
- Dân tộc Mường: 02 đồng chí

II. Tình hình triển khai nghị quyết

Trước yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII. Nghị quyết số 08 - NQ/TU ngày 03/12/2001 của BCH Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ 12

về việc phát triển nguồn nhân lực; ngày 18/02/2002 UBND tỉnh Lào Cai đã có Quyết định số 60/QĐ UB về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (2001 - 2005).

Huyện Bảo Yên đã xác định rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cơ sở bởi nó là nhân tố quyết định trực tiếp đến vị trí vai trò của hệ thống chính trị ở địa phương. Là những người trực tiếp lãnh đạo, quản lý điều hành và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, trong những năm qua.

- Để nâng cao mọi mặt, đảm bảo tăng cường hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ. huyện Bảo Yên đã từng bước củng cố và có phương án quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ chú trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở.

- Ngày 18/6/2002 huyện đã triển khai nội dung của Nghị quyết số 08, Đề án số 60 về phát triển nguồn nhân lực, đào tạo bồi dưỡng cán bộ tại Hội nghị BCH mở rộng, thành phần gồm các đồng chí huyện ủy viên, bí thư, phó bí thư 44 chi, đảng bộ, chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, UBND các xã, thị trấn, trưởng phó các phòng ban, đoàn thể của huyện. Yêu cầu các chi, đảng bộ, cơ quan, ban ngành, đoàn thể triển khai nghị quyết. Hàng năm phải có quy hoạch cụ thể để cử cán bộ đi đào tạo văn hoá, chuyên môn, lý luận chính trị, cử đi đào tạo diện cán bộ con em các dân tộc đã học xong văn hoá để dự nguồn.

III. Kết quả thực hiện

1. Từ năm 2001 đến nay thực hiện Nghị quyết 08, Đề án số 60 huyện đã quy hoạch cử cán bộ đi đào tạo tổng số là:

- Đào tạo chuyên môn: 163 đồng chí. Trong đó: Đại học: 41 đồng chí, cao đẳng: 14 đồng chí, trung cấp 108 đồng chí

- Đào tạo lý luận: 207 đồng chí. Trong đó: Cử nhân, cao cấp: 19 đồng chí, trung cấp: 114 đồng chí, sơ cấp: 74 đồng chí

- Đào tạo văn hoá 265 đồng chí cho cán bộ cơ sở.

- Bồi dưỡng quản lý nhà nước: 16 đồng chí.

- Bồi dưỡng lớp tư pháp cho 6 đồng chí cán bộ tư pháp xã, thị trấn

- Số học sinh là người dân tộc đang đào tạo từ các trường nội trú của tỉnh, huyện và các trường của công an, quân đội: Nội trú tỉnh = 37 em; Nội trú huyện: 273 em; Công an = 3 em; Quân đội = 2 em

- Số học sinh được cử tuyển vào các trường = 19 em

- Từ năm 2001 đến nay Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đã mở được 45 lớp cho 4.313 lượt cán bộ cơ sở học tập bồi dưỡng chuyên môn, lý luận chính trị, an ninh quốc phòng...

2. Đánh giá chung về kết quả:

*** Ưu điểm:**

- Từ năm 2001 đến nay huyện đã quy hoạch cử cán bộ đi đào tạo văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị đã đạt được những kết quả. Trước hết là do có sự quan tâm từ tỉnh đến huyện trong công tác chỉ đạo và đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo, để tạo nguồn cho huyện và cơ sở tốt hơn vào những năm tiếp theo.

- Công tác đào tạo của huyện đã đáp ứng vai trò hết sức quan trọng đem lại hiệu quả trong việc nâng cao trình độ mọi mặt và năng lực cho cán bộ. Từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Sau khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng về cán bộ đã chuyển biến về nhận thức và hành động cụ thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

*** Hạn chế:**

- Một số cán bộ đặc biệt cán bộ cơ sở trình độ còn thấp nên trong việc tiếp thu, học tập, truyền đạt các chỉ thị, nghị quyết, chính sách pháp luật của Nhà nước tới nhân dân còn hạn chế.

- Trình độ năng lực đội ngũ cán bộ hiện nay vẫn còn thấp so với mặt bằng chung

- Năng lực tư duy về lý luận chính trị còn hạn chế, thiếu phương pháp khoa học trong nghiên cứu, tiếp cận, giải quyết, xử lý công việc và dự báo, dự đoán tình hình.

- Công tác quy hoạch của một số cơ sở còn chậm chuyển biến, chưa nhận rõ yêu cầu đào tạo, tạo nguồn thường vẫn trông chờ, ỷ lại cấp trên.

- Một số cán bộ do tuổi cao, trình độ văn hoá thấp còn ngại đi đào tạo, đào tạo lại.

3. Giải pháp về công tác đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn:

- Huyện thường xuyên chỉ đạo hướng dẫn các cơ quan và cơ sở nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch cán bộ hàng năm. Ban Thường vụ Huyện ủy đã thực hiện công tác duyệt quy hoặch hàng năm.

- Căn cứ vào quy hoạch cụ thể của cơ quan, cơ sở xây dựng, huyện cử đi đào tạo đúng danh sách, chức danh.

- Hàng năm rà soát cử con em là dân tộc thiểu số theo học chuyên môn, lý luận chính trị để tạo nguồn kế cận bổ sung vào những năm tiếp theo.

- Sau khi cử đi đào tạo về sắp xếp hợp lý theo đúng chuyên môn, chức danh.

- Hệ thống cơ sở đào tạo của huyện đã từng bước được ổn định về tổ

chức, cơ sở vật chất, nội dung chương trình đào tạo đã hoàn thành được chỉ tiêu, kế hoạch.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng là rất quan trọng do vậy từ nay đến 2005 và các năm sau cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, mở rộng dân chủ trong tuyển lựa, đào tạo cán bộ. Phải xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay và những năm tiếp theo.

- Công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã được tăng cường và chặt chẽ hơn. Đã xây dựng mối quan hệ thống nhất từ huyện đến cơ so.

- Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của huyện được nâng lên như: Xây dựng trường lớp, mua sắm thiết bị, bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giảng day.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực phải thường xuyên gắn với việc sử dụng cán bộ và phân công việc sau khi đã được đào tạo về

- Phấn đấu đến hết năm 2005 đạt mục tiêu nghị quyết và đề án đặt ra.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Để thực hiện tốt nghị quyết và đề án đặt ra. Trong công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhất là cán bộ là người dân tộc thiểu số phải được quan tâm và mang tính lâu dài, thiết thực, hiệu quả, phục vụ cho huyện.

Huyện Bảo Yên xin có một số kiến nghị sau:

- Đề nghị tỉnh và các ngành cần quan tâm triển khai nhanh công tác đào tạo chuyên môn cho cán bộ nhất là cán bộ cơ sở, có chính sách cụ thể nhằm khuyến khích cán bộ vùng cao, dân tộc ít người phấn khởi đi học.

- Đề nghị tỉnh cần quan tâm trong công tác quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn, cho cán bộ làm công tác quản lý, giảng dạy ở các trường như: Trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường Bồi dưỡng giáo dục...

- Đề nghị tỉnh đầu tư kinh phí cho huyện và cho phép huyện mở tiếp lớp tại chức chính trị, tại chức hành chính và quản lý nhà nước tại huyện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 08 và Đề án số 60 của huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 118-BC/HU, ngày 01 tháng 12 năm 2003
Sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách Tư pháp
---

I. Tình hình chung

Triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02.01.2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp trong thời gian tới. Ngày 18.6.2002 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên mở hội nghị quán triệt, triển khai học tập Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị. Đảng bộ huyện đã xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 08 - NQ/TW và phát động phong trào thi đua, chỉ đạo các cơ quan trong khối Tư pháp xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Nghị quyết và chương trình hành động của huyện.

Qua 2 năm thực hiện Nghị quyết 08- NQ/TW của Bộ Chính trị, dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, sự điều hành hoạt động của các cấp chính quyền, các ban hành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội và sự phấn đấu của các cơ quan trong khối Tư pháp, đã đạt được nhiều thành tích trong công tác Tư pháp, đóng góp vào các lĩnh vực kinh tế- xã hội, giữ vững công tác an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, công dân trong huyện.

Trong thời gian qua công tác Tư pháp huyện Bảo Yên có nhiều chuyển biến tốt, các hoạt động của các cơ quan Tư pháp được đổi mới sâu sắc, xác định được những nhiệm vụ trọng tâm của từng cơ quan Tư pháp, thấy được yêu cầu, nhiệm vụ, vai trò trách nhiệm của từng cá nhân trong công tác Tư pháp hiện nay. Trên cơ sở đó củng cố, kiện toàn tổ chức, đội ngũ cán bộ Tư pháp, nâng cao trình độ và có sự đổi mới về nhận thức để đáp ứng với tình hình nhiệm vụ hiện nay trong ngành Tư pháp.

Các ngành Toà án, Viện kiểm sát, Công an, Tư pháp đã đi sâu vào nghiệp vụ của mình nhằm hoàn thành tốt công tác chuyên môn, đồng thời đã đề xuất kịp thời các biện pháp để nâng cao hiệu quả công tác Tư pháp ở địa phương.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW trong 2 năm 2002 - 2003 của các ngành

1. Toà án Nhân dân huyện

Thực hiện công văn hướng dẫn liên ngành số 71/CV-LN ngày

10.3.2003 và số 153/CV-LN ngày 25.5.2003 hướng dẫn các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp huyện, thị tổ chức phiên toà hình sự theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành đã được Bộ luật tố tụng hình sự quy định với mục đích đảm bảo sự tôn nghiêm, dân chủ và văn minh của pháp luật, đảm bảo phán quyết của Toà án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyền công tố tại phiên toà, người bào chữa, bị cáo, người làm chứng, người bị hại, người giám định, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và những người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan. Góp phần nâng cao chất lượng xét xử của Toà án. Quyết định của Toà án phải đúng pháp luật không để xảy ra oan, sai.

Kết quả của việc xét xử các phiên toà theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị tại huyện Bảo Yên được triển khai từ tháng 5.2003 đến nay Toà án Nhân dân huyện Bảo Yên đã xét xử được 13 phiên toà hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW. Đạt 100% các vụ án hình sự đã thụ lý. Qua các phiên toà xét xử theo Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã thể hiện được tính uy nghiêm của phiên toà. Người tham gia tố tụng được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp theo luật định. Kiểm sát viên đã chủ động xét hỏi thẩm vấn, đưa ra những chứng cứ xác đáng làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ được bản cáo trạng của viện kiểm sát đã truy tố.

Về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, Toà án Nhân dân huyện Bảo Yên có 8 biên chế, trong đó 2 đồng chí có trình độ Cử nhân Luật, 2 đồng chí trung cấp, còn 4 đồng chí đang theo học lớp Đại học Luật tại chức tại tỉnh Lào Cai, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ để làm nguồn bổ nhiệm thẩm phán.

Hiện nay Toà án Nhân dân huyện Bảo Yên đã được Bộ Tư pháp và Toà án Nhân dân Tối cao đầu tư trang thiết bị: Máy tăng âm, máy phô tô, máy vi tính và một số phương tiện làm việc, hội trường xét xử đang được đầu tư sửa chữa xây mới đã đáp ứng được yêu cầu công tác trong tình hình hiện nay.

2. Viện Kiểm sát nhân dân

Chi bộ Viện kiểm sát Nhân dân huyện Bảo Yên đã xây dựng Kế hoạch 158/KH ngày 10.7.2002 để tổ chức thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Về công tác tổ chức cán bộ đã được củng cố kiện toàn về cán bộ lãnh đạo, quản lý đội ngũ Kiểm sát viên, biên chế đã được tăng thêm 1 biên chế, việc phân công nhiệm vụ công tác phù hợp yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tạo điều kiện cho cán bộ được trau dồi kiến thức, phát huy năng lực của từng cán bộ trong đơn vị. Đến nay đơn vị đã có 5 đồng chí theo học lớp Đại học cử nhân Luật (1 đồng chí đã tốt nghiệp)

Công tác đầu tư cơ sở vật chất: Đã được Viện kiểm sát Nhân dân tối cao đầu tư 1 máy vi tính, UBND huyện Bảo Yên hỗ trợ mua sắm bàn ghế làm việc. Song vẫn chưa đáp ứng đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác hiện nay.

Trong công tác kiểm sát, đã quan tâm chú trọng đối với công tác kiểm sát án hình sự, thực hiện kiểm sát chặt chẽ đối với hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Không để xảy ra hình sự hoá vụ án, bắt giam, tuy tố, xét xử oan sai. Công tác kiểm sát thi hành án, đã tiến hành kiểm sát một số xã. Trong công tác quản lý giáo dục các bị án được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ, quản chế của các cơ sở xã, thị trấn.

Trong công tác giải quyết và kiểm sát giải quyết khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền đã được thực hiện tốt từ tổ chức tiếp dân, tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư. Đã phát huy vai trò của mình trong chủ trì cùng các cơ quan Tư pháp rà soát phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp. Trong công tác phối hợp với các cơ quan Tư pháp, đơn vị đã phát huy được vai trò chủ trì phối hợp tiếp nhận, quản lý, giải quyết tin báo, tố giác vi phạm, tội phạm và các đơn thư khiếu nại tố cáo trên địa bàn huyện.

3. Công an huyện

Đã tiến hành tổ chức học tập, quán triệt tinh thần nghị quyết cho toàn thể cán bộ chiến sĩ trong đơn vị. Đối với các chiến sĩ được phân công nhiệm vụ công tác điều tra hình sự và hoạt động các mặt công tác liên quan đến công tác tư pháp được nghiên cứu sâu sắc và bám sát chương trình hành động của BCH Đảng bộ huyện đã đề ra để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

Qua 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị các cán bộ và chiến sĩ đã có chuyển biến tốt về nhận thức, tư tưởng, nâng cao chất lượng công tác, xác định được chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình, luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao đáp ứng yêu cầu trong tình hình hiện nay.

Công an huyện Bảo Yên thường xuyên duy trì hoạt động của Đội cảnh sát điều tra hình sự (gồm có 7 đồng chí). Trong đó 4 đồng chí Đại học tại chức, 2 đồng chí trung cấp lý luận chính trị.

Công tác phối hợp giữa lực lượng công an với các cơ quan tư pháp được duy trì thường xuyên và chặt chẽ. Trong 2 năm qua đã phối hợp với các cơ quan tư pháp thực hiện tốt công tác điều tra, giam giữ, thi hành án phạt tù và giải quyết xử lý vi phạm pháp luật, đúng người đúng tội, đúng pháp luật không có cán bộ, chiến sỹ vi phạm kỷ luật về công tác tư pháp.

Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong 2 năm qua đã đạt được kết quả như sau:

- Tình hình và công tác bảo vệ an ninh chính trị đã xảy ra 49 vụ việc, không bắt giam, giữ các đối tượng liên quan đến an ninh chính trị.

- Tình hình và công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trong 2 năm qua, trên địa bàn huyện đã xảy ra 359 vụ việc liên quan đến trật tự an toàn xã hội.

Trong đó:

+ Vụ việc về kinh tế: 43 vụ việc.

+ Tội phạm ma tuý: 13 vụ việc.

+ Tội phạm hình sự: 122 vụ việc.

+ Tai tệ nạn xã hội: 182 vụ việc.

Các vụ việc trên đã gây thiệt hại về người: Chết 33 người; bị thương 101 người, thiệt hại về tài sản khoảng 868 triệu đồng. Đã tiến hành điều tra xử lý giải quyết là: 339/359 vụ việc đạt tỷ lệ: 94,4%.

* Kết quả bắt giam giữ, xử lý khởi tố.

- Bắt tổng số là: 49 vụ và 57 đối tượng. Trong đó:

+ Bắt quả tang: 19 vụ và 21 đối tượng.

+ Bắt phê chuẩn của Viện kiểm sát: 25 vụ và 30 đối tượng.

+ Bắt truy nã: 4 vụ và 5 đối tượng.

+ Bắt khẩn cấp: 1 vụ và 1 đối tượng.

* Kết quả xử lý án khởi tố:

+ Kết luận điều tra truy tố: 30 vụ và 43 đối tượng.

+ Chuyển Công an tỉnh điều tra: 5 vụ và 9 đối tượng.

+ Tạm đình chỉ điều tra: 8 vụ và 10 đối tượng

+ Đình chỉ điều tra : 3 vụ và 3 đối tượng.

+ Xử lý hành chính: 98 đối tượng

- Phạt cảnh cáo: 53 đối tượng

- Phạt tiền: 45 đối tượng.

*** Kiểm tra an toàn giao thông:** Đã xử lý 7 xe ô tô, 275 xe mô tô vi phạm an toàn giao thông, xử lý hành chính, phạt tiền 22.550.000đ nộp Kho bạc Nhà nước.

Công tác giải quyết các đơn thư khiếu nại trong lĩnh vực Tư pháp. Trong 2 năm qua Công an Huyện Bảo Yên đã tiếp nhận và xử lý 16 đơn thư khiếu nại trong lĩnh vực Tư pháp, không có đơn thư khiếu nại tố cáo liên quan đến cán bộ chiến sĩ Công an huyện.

Qua 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị và chương trình hành động của BCH Đảng bộ huyện Bảo Yên về thực

hiện Nghị quyết 08 - NQ-TW, công tác Tư pháp luôn luôn được chú trọng và nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân. Triển khai tốt công tác phối hợp với các cơ quan tư pháp để đấu tranh ngăn ngừa các tội phạm. Thực hiện tốt công tác điều tra, xử lý giải quyết các vụ án hình sực đúng thời hiệu, đúng luật định không có án oan sai.

4. Phòng Tư pháp

Phòng Tư pháp huyện đã xây dựng kế hoạch chương trình hành động của đơn vị. Kiện toàn bộ máy tư pháp cấp cơ sở đến nay đã có 18/18 xã và thị trấn có cán bộ Tư pháp chuyên trách. Xây dựng hệ thống báo cáo viên và tuyên truyền viên cơ sở, tổ trợ giúp pháp lý. Sắp xếp bố trí cho 1 cán bộ đi học lớp Đại học Luật, 6 cán bộ đi học lớp trung cấp Luật tại chức tại Lào Cai. Các cán bộ khác cho theo học các lớp tại chức và lớp chính trị để nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ lý luận chính trị đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ hiện nay.

Trong công tác phổ biến tuyên truyền pháp luật, Với vai trò là cơ quan tham mưu cho Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trong 2 năm qua đã tổ chức được 4 hội nghị tuyên truyền với tổng số 572 lượt người tham gia ở cấp huyện. ở cơ sở xã, thị trấn đã mở được 245 buổi tuyên truyền pháp luật với sự tham gia của 82.500 lượt người, với đội ngũ báo cáo viên cấp huyện 24 người và 84 tuyên truyền viên cơ sở đã đưa pháp luật tới tận vùng hẻo lánh, các bản dân tộc ít người.

Thường xuyên phối hợp với Mặt trận Tổ quốc huyện, Phòng Văn hoá thông tin, Đài truyền thanh truyền hình, phòng Giáo dục, Trường phổ thông trung học tổ chức tuyên truyền pháp luật cho thanh, thiếu niên và học sinh.

Công tác tiếp nhận đơn thư khiếu nại đã giải quyết bằng phương pháp hoà giải, trợ giúp pháp lý đạt kết quả tốt, đã tiếp nhận 27 đơn và xử lý giải quyết 27/27 đơn thư đạt 100%.

Đến nay đã xây dựng được 24 tủ sách pháp luật ở cơ quan, xã, thị trấn, mỗi tủ có từ 50-150 đầu sách pháp luật. Các tủ sách đã phát huy được tác dụng phục vụ cán bộ, nhân dẫn đến tìm hiểu pháp luật.

***Công tác thi hành án dân sự:**

Dưới sự chỉ đạo và giám sát của Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự, Đội thi hành án dân sự đã xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị và đạt được kết quả sau:

- Tổng số việc phải thi hành là: 343 việc.

+ Số vụ việc có điều kiện thi hành: 255 việc

+ Số vụ việc chưa có điều kiện thi hành: 88 việc.

- Kết quả thi hành:

+ Số vụ việc thi hành xong hoàn toàn: 198 việc

+ Số việc giải quyết bằng viện pháp khác: 27 việc.

+ Số việc thi hành đều: 16 việc.

+ Số việc thi hành dở dang: 14 việc.

Đạt tỷ lệ thi hành xong, thi hành đều, giải quyết bằngbiện pháp khác: 94,5%.

Tổng số tiền phải thi hành là: 1.165.304.000Đ.

+ Số tiền có điều kiện thi hành: 508.456.171đ.

+ Số tiền chưa có điều kiện thi hành: 656.848.000Đ.

Kết quả thi hành về tiền:

Số tiền đã thu được : 476.134.000đ. Trong đó:

+ Thu cho ngân sách: 112.074.000Đ

+ Thu cho cơ quan: 3.840.000Đ.

+ Thu cho công dân: 189.258.000Đ.

+ Giải quyết viện pháp khác: 170.962.000đ.

Số việc còn phải thi hành là: 118 việc.

Số tiền còn phải thi hành là: 689.170.000đ.

Về án tồn đọng: Tính đến nay Đội thi ành án huyện Bảo Yên còn tồn đọng chưa có điều kiện thi hành là: 88 vụ việc, 656.848.000 đồng. Đây là loại án rất khó thi hành vì người thi hành đều là con nghiện, đang ở tù, không có tài sản mà mức án phạt tiền lại cao.

III. Đánh giá kết quả - kiến nghị giải pháp khắc phục

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 08- NQ/TW của Bộ Chính trị, các cơ quan Tư pháp đã có chuyển biến rõ nét về tư tưởng, xác định lập trường vững vàng trong công tác đã đạt được những thành quả đáng khích lệ.

Phát huy được vai trò của cán bộ làm công tác tư pháp từ cơ sở đến các cơ quan Tư pháp. Luôn luôn gắng sức học tập, trau đồi đạo đức cách mạng, không ngừng nâng cao trình độ đáp ứng với nhiệm vụ mới trong tình hình hiện nay

Bộ máy tổ chức cán bộ ngày càng được củng số từ cơ sở xã, thị trấn, hoàn thiện về công tác đội ngũ cán bộ ở các cơ quan Tư pháp, có chất lượng, đủ đức, đủ tài để phục vụ nhân dân, đóng góp một phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân vảo vệ vững chắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW còn có nhiều phát sinh mới trong việc chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế trong thời kỳ hiện nay. Ở đôi chỗ những vụ việc còn tồn đọng chưa được giải quyết kịp thời, gây dị nghị không tốt trong quần chúng nhân dân. Việc truyền đạo trái phép và di dịch dân cư tự do còn thường xuyên xảy ra. Hoạt động tội phạm và tệ xã hội còn có diễn biến phức tạp. Công tác giáo dục tuyên truyền pháp luật, vận động nhân dân sống và làm việc theo pháp luật đối với đồng bào vùng sâu chưa được quan tâm đúng mực, chưa có vận dụng cụ thể phù hợp với tập tục thực tế với đời sống của cộng đồng dân cư các dân tộc.

Nguyên nhân của tồn tại trên là:

- Đội ngũ cán bộ Tư pháp chưa đồng đều, còn yếu về năng lực chuyên môn. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, phương tiện kỹ thuật, kinh phí hàng năm chưa đáp ứng cho nhu cầu nhiệm vụ hiện nay.

- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật ở cơ sở chưa được quan tâm đúng mức và thường xuyên hoạt động.

- Sự quan tâm lãnh đạo của một số cấp Đảng ủy, chỉ đạo của UBND các xã, thị trấn đối với công tác tư pháp còn chưa sát sao, nhiều hạn chế.

IV. Một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp thực hiện nghi quyết 08-NQ/TW năm 2004

Để thực hiện thắng lợi nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp. Cần phát huy kết quả đã đạt được trong 2 năm qua và đẩy mạnh hoạt động công tác tư pháp trong thời gian tới.

Tiếp tục tổ chức học tập và triển khaithực hiện các chương trình hành động của Tỉnh ủy Lào Cai và BCH Đảng bộ huyện Bảo Yên về hoạt động thực hiện nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ bố trí phân công hợp lý các nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng củng cố đội ngũ cán bộ công tác tư pháp cơ sở xã, thị trấn.

Tăng cường hoạt động phối hợp giữa các cơ quan Tư pháp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể quần chúng các tổ chức chính trị, các tầng lớp nhân dân trong huyện để thực hiện tốt nghị quyết liên ngành số 01/LN, nghị quyết số 02/LN của liên ngành Nội chính tỉnh về công tác nắm bắt thông tin, quản lý, xử lý thông tin vi phạm tội phạm.

Tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của ngành tư pháp cấp trên, sự ủng hộ của các cấp, các ngành ở địa phương.

Nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm của cán bộ, chiến sỹ trong ngành tư pháp, phát huy sáng kiến cải tiến để nâng cao chất lượng công tác, đáp ứng với nhiệm vụ được giao.

Xây dựng lực lượng cán bộ làm công tác trong các cơ quan tư pháp trong sạch, có phẩm chất đạo đức, tác phong, lối sống lành mạnh, năng lực chuyên môn cao, đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 120-BC/BCĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2003
Đánh giá Công tác 184 năm 2003, nhiệm vụ công tác năm 2004

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ Huyện ủy và sự chủ động tổ chức chỉ đạo công tác 184 năm 2003 của huyện đạt những kết quả sau:

I. Tình hình chung về hoạt động đạo trái phép

Đầu năm 2003 toàn huyện còn đạo trái phép ở 6 xã 11 bản, 195 hộ 1.049 khẩu, hai nhà nguyện trái phép; ba tụ điểm (xã Điện Quan 2, Thượng Hà 1) thường xuyên tập chung dân cầu nguyện vào thứ 5 - chủ nhật hàng tuần.

- Đối tượng cầm đầu, tay chân "tích cực" truyền đạo trái phép tiếp tục hoạt động ngấm ngầm, tổ chức cầu nguyện và có biểu hiện cấu kết giữa các bản còn có đạo trái phép với nhau để duy trì hành đạo như ở Khao A - Khe bốc (Điện Quan), bản 9 Mai Đào (Thượng Hà) nên việc phân hoá đối tượng và công tác tuyên truyền giáo dục, thuyết phục gặp nhiều khó khăn.

- Tình hình di cư tự do ra ngoài tỉnh tổng số 45 hộ = 240 khẩu tuy có giảm về số lượng so với năm 2002. Song vẫn còn ở 7 xã trong 11 xã có người Mông và có cả những xã không còn đạo trái phép, nhưng vẫn có dân di cư.

II. Kết quả tuyên truyền vận đông và ngăn chặn hoạt đông đạo trái phép

- Tiếp tục quán triệt Kế hoạch 184 và Thông báo số 255 của Trung ương và nhiệm vụ năm 2003 của Ban Chỉ đạo 184 tỉnh đề ra. Ban Chỉ đạo 184 huyện đã đề ra 10 nhiệm vụ cụ thể để chỉ đạo nhằm đạt được mục tiêu: Ngăn chặn không để đạo trái phép phát triển; giải tán các tụ điểm tập chung cầu nguyện, từng bước giảm dần hộ theo đạo và tiến tới không còn hoạt động đạo trái phép trên địa bàn huyện.

Tổ chức tập huấn cán bộ cơ sở về công tác dân vận nói chung - công tác 184 nói riêng; đã mở 3 lớp = 257 học viên tại các cụm xã: Vĩnh Yên, Bảo Hà, Điện Quan và 01 lớp tại huyện, tổng cả 4 lớp tập huấn có 313 cán bộ cơ sở.

- Tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo 184 huyện và phân công phụ trách chỉ đạo ở các xã còn có đạo trái phép và thường xuyên phối hợp cùng với cán bộ Ban Chỉ đạo 184 cơ sở, đồng thời hướng dẫn, bồi dưỡng và sử dụng 11 cộng tác viên dân vận (là người Mông) ở 7 xã trong huyện, thường

xuyên nắm tình hình, vận động nhân dân định canh định cư đẩy mạnh sản xuất xóa đói giảm nghèo.

- Thường xuyên phối hợp với các ngành: Công an, Quân sự, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chỉ đạo phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, lấy xã Điện Quan làm điểm chỉ đạo đồng thời phối hợp chỉ đạo có kết quả các hoạt động tình nguyện của thanh niên, sinh viên trường Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội và thanh niên các cơ quan tỉnh về cơ sở thực hiện 3 cùng với nhân dân ở xã Yên Sơn, Xuân Thượng.

- Tổ chức xây dựng ba nhà văn hoá thôn bản ở Tham động (Xuân Hòa), bản Nà Phung, Tân Tiến), bản khao B (Điện Quan) tổng giá trị xây lắp trên 122 triệu đồng, nguồn vốn 184 tỉnh cấp hỗ trợ 60 triệu đồng, còn lại nhân dân đóng góp để xây dựng đến nay đã hoàn thành song một nhà ở Xuân Hòa, hai nhà còn lại tiếp tục hoàn thành trước 31/12/2003.

- Đã phân công phụ trách địa bàn, đồng thời phân công 11 cơ quan các ngành của huyện phụ trách đỡ đầu, kết nghĩa với 11 bản của 6 xã còn người theo đạo trái phép và đã có các việc làm thiết thực để vận động giúp đỡ nhân dân trong bản như:

+ Tổ chức cam kết và ký giao ước thi đua giữa cơ quan với nhân dân bản về thực hiện các nội dung phấn đấu xây dựng gia đình, làng bản đạt tiêu chuẩn văn hóa lồng gắn thực hiện quy ước, hương ước thôn bản, đã có 7 bản ký cam kết là: Khao B, bản 4 xã Điện Quan, bản 9 Mai Đào xã Thượng Hà, bản Mông xã Lên Sơn, bản Lò vôi, bản Khuổi Phéc, Co Mận xã Vĩnh Yên, bản 9 xã Xuân Thượng. Tổng số 261/375 hộ đã ký cam kết xây dựng gia đình làng bản văn hóa.

+ Mở được 2 lớp bổ túc văn hóa ở bản Khao B (Điện Quan) và bản Mông (xã Kim Sơn).

+ Đã thành lập được 3 chi hội thanh niên ở bản Khao B xã Điện Quan. + Hướng dẫn để bà con vay vốn sản xuất được 19 hộ = 100 triệu đồng ở bản Khuổi Phéc xã Vĩnh Yên và Hội Phụ nữ huyện đứng ra tín chấp ứng phân bón cho nhân dân bản Khe Bốc xã Điện Quan được hơn 3 tấn phân bón trị giá tiền gần một chục triệu đồng.

+ Đã vận động nhân dân tham gia đóng góp xây dựng một nhà văn hóa bản Khao B xã Điện Quan và một lớp học bổ túc của bản Mông xã Kim Sơn.

+ Nhiều bản đã tổ chức cùng nhân dân làm đường giao thông, làm trường học, vệ sinh thôn bản, phối hợp hoạt động với thanh niên tình nguyện của các trường Đại học Hà Nội và của tỉnh về thôn bản có những hoạt động thiết thực và có tác dụng tốt đến tư tưởng tình cảm của bà con nhân dân các dân tộc vùng cao ở những nơi đoàn tình nguyện đến.

Ngoài ra các cơ quan được phân công còn thường xuyên chủ động có những hoạt động thiết thực khác như: Xây dựng đội văn nghệ, thể thao,

thăm hỏi động viên các hộ gia đình trong thôn bản gặp khó khăn. Đặc biệt một số cơ quan đã làm tốt công tác vận động lôi kéo, thuyết phục chiếm lĩnh được tín nhiệm tình cảm của số đông bà con nhân dân trong thôn bản được phân công, trong đó có trưởng bản như: Bản Khao B xã Điện Quan, bản Lò với xã Vĩnh Yên, bản Mông xã Kim Sơn, bản 4 Phàng xã Điện Quan.

2. Kết quả ngăn chặn hoạt động và giảm hộ theo đạo trái phép:

- Ban Chỉ đạo 184 huyện trong năm qua đã thường xuyên chủ động chỉ đạo phối hợp hoạt động giữa các ngành trong huyện cùng với cơ sở hướng về thôn bản thông qua các hình thức hoạt động đỡ đầu tình nghĩa, tình nguyện và từ đó công tác tuyên truyền vận động, giáo dục thuyết phục đã đạt những kết quả là:

+ Đã có 26 hộ = 146 khẩu ở xã Vĩnh Yên ký cam cam kết bỏ không theo đạo trái phép gồm: Bản Khuổi Phéc 1 hộ = 4 khẩu, bản Co Mặn 6 hộ = 40 khẩu, bản Lò Vôi 16 hộ = 72 khẩu, bản Múi 3 xã Yên Sơn 3 hộ = 30 khẩu, giảm được 2 bản (Khuổi Phúc, Co Mặn) không còn người theo đạo trái phép.

+ Giảm đối tượng cầm đầu từ 10 đối tượng xuống còn 3 đối tượng, giảm đối tượng là tay chân "tích cực" từ 20 xuống còn 9 đối tượng. Công tác quản lý, giáo dục đối tượng được thường xuyên chú ý khống chế dần các hoạt động truyền đạo trái phép, từ đó đã góp phần làm ổn định tình hình, giảm dần tính phức tạp không còn tình trạng viết đơn tập thể xin đi theo đạo hay lợi dụng để vu cáo cán bộ ...

+ Cơ bản đã giải tán các tụ điểm tập chung cầu nguyện tuy nhiên hiện nay vẫn còn 3 tụ điểm (Khao A, Khe Bốc xã Điện Quan và bản 9 Mai Đào xã Thượng Hà) trong 9 thôn còn có đạo trái phép; còn hai nhà nguyện trái phép ở hai thôn (Khao A, Khe Bốc xã Điện Quan).

+ Đã thực hiện khoanh không để phát triển thêm đạo trái phép, từng bước giảm dần số hộ theo đạo thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục thuyết phục để nhân dân tự nguyện ký cam kết bỏ không theo đạo. Số hộ đã bỏ đạo những năm trước như ở Xuân Hòa, Tân Dương, Tân Tiến ... đến nay vẫn ổn định tốt không có hiện tượng tái lại theo đạo trái pháp luật.

+ Vận động bà con định canh định cư gắn với thực hiện đạt kết quả các chương trình trong năm 2003 về xây dựng thôn bản bền vững; kế hoạch di dãn dân, đầu tư, khai hoang, thủy lợi, tấm lợp, nước ăn, làm đường giao thông, xây dựng trường học từng bước đã giúp bà con tháo gỡ khó khăn đẩy mạnh sản xuất xóa đói giảm nghèo và cũng từ đó hạn chế dần di dịch cư tự do năm 2003 giảm đáng kể số hộ di cư đi nơi khác chỉ có 45 hộ = 240 khẩu ở 7 xã có người di cư.

**** Nhận xét chung:***

- Ban Chỉ đạo 184 huyện và các cơ sở luôn nhận thức đầy đủ nhiệm vụ và trách nhiệm theo kế hoạch chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh ủy về giải quyết hoạt động đạo trái phép trên địa bàn không để phát triển thêm số lượng từng bước thu hẹp địa bàn, giảm dần số hộ theo đạo và trở lại với phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.

- Ban Chỉ đạo luôn chủ động đề ra nhiệm vụ và giải pháp để tổ chức thực hiện, hướng dẫn và bồi dưỡng cán bộ cơ sở, phối hợp tốt sự hoạt động của các ngành cùng hướng về thôn bản có nhiều việc làm thiết thực tác động tốt đến nhận thức tư tưởng của nhân dân nên đạt được những kết quả nêu trên.

- Quá trình tổ chức thực hiện đã phối hợp tốt các hoạt động của các cấp chính quyền, ban ngành, Mặt trận, đoàn thể của tỉnh, huyện và cơ sở, cán bộ tăng cường, tổ công tác các xã, già làng, trưởng bản, người có uy tín và phối hợp tốt các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, lôi kéo những người lừng chừng đồng thời ấu tranh kiên quyết, khôn khéo với đối tượng cầm đầu, tay chân tích cực" làm ổn định tình hình ở cơ sở.

- Kết quả công tác 184 năm 2003 số hộ tự nguyện ký cam kết không theo đạo trái phép tuy ít hơn so với năm 2002, song chúng ta đã khoanh và từng bước khống chế hoạt động truyền đạo, học đạo, đồng thời thường xuyên tuyên truyền giáo dục tác động tư tưởng và quan tâm để đẩy mạnh, phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống của đồng bào; đó là cơ sở để chúng ta tiếp tục làm tốt công tác 184 trong những năm tới.

**** Những mặt công tác còn yếu:***

- Công tác tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế so với yêu cầu.

- Công tác quản lý nhà nước về nhân, hộ khẩu tạm trú, tạm vắng, người di cư đến, vụ việc vi phạm như tụ tập đông người trái quy định chưa được chính quyền cơ sở thường xuyên kiểm tra xử lý nghiêm minh.

Sự phối hợp chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể còn có cơ sở chưa được quan tâm tốt, thiếu sự chủ động đồng bộ.

III. Nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2004

1. Mục tiêu và phương châm

- Tiếp tục khoanh vùng và từng bước giảm số hộ theo đạo trái phép, khống chế ngăn chặn hoạt động không để phát triển thêm đạo trái phép dưới bất kỳ hình thức nào.

- Những nơi đã có dân tự nguyện bỏ không theo đạo trái phép tiếp tục

củng cố để không tái trở lại theo đạo. Những hộ đã ký cam kết bỏ không theo đạo trái phép cần được thường xuyên gần gũi vận động, giáo dục và giám sát việc thực hiện cam kết đạt kết quả.

- Nơi còn ít hộ và người theo đạo thì dồn sức tập chung giải quyết dứt điểm như: Múi 3 xã Yên Sơn, bản Mông xã Kim Sơn, bản Lò với xã Vĩnh Yên.

- Nơi còn nhiều khó khăn như: Khao A, Khe bốc xã Điện Quan, bản 9 Mai Đào xã Thượng Hà, bản 9 Vành xã Xuân Thượng thì tiếp tục tăng cường cán bộ, sức chỉ đạo để giảm cả về cường độ tính phức tạp, giữ vững ổn định tình hình về mọi mặt và tiếp tục khống chế hoạt động truyền đạo.

- Phối hợp sự chỉ đạo, hoạt động của các ngành từ huyện đến cơ sở và thôn bản thường xuyên nắm sát tình hình, chủ động xử lý giải quyết các vụ việc, không để bất ngờ xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất di dịch cư tự do.

- Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động của cơ quan kết nghĩa với thôn bản đạt hiệu quả thiết thực hơn nữa trong đó chú ý củng cố xây dựng phong trào quần chúng; tăng cường đội ngũ người có uy tín ở ngay thôn bản để phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền vận động.

2. Nhiệm vụ - Giải pháp

a, Nhiệm vụ:

Vận động nhân dân thực hiện tốt 5 điều cam kết do Hội nghị Ban Dân vận Trung ương phát động là:

- Cam kết không nghe kẻ xấu xúi dục, gây mất đoàn kết.
- Cam kết không di cư tự do.
- Cam kết không nghe người lợi dụng tôn giáo truyền đạo trái phép.
- Cam kết không bị kích động mà tham gia gây mất trật tự trị an.
- Cam kết không trồng, không sử dụng, không vận chuyển, buôn bán các chất ma tuý.

b, Giải pháp:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ các văn bản pháp quy về công tác dân tộc - tôn giáo, về chương trình hành động của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Huyện ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa IX gắn với việc xây dựng mô hình tốt về kinh tế, xã hội, xây dựng làng bản văn hóa, biểu dương người tốt việc tốt, phê phán tiêu cực sai trái của kẻ xấu.

c, Tăng cường quản lý Nhà nước

Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện có kết quả hương ước quy ước, cam kết của thôn bản, nơi nào chưa có tiếp tục xây dựng, nơi đã có cần

phải xem xét bổ sung cho phù hợp với yêu cầu hiện nay; Quy ước, hương ước thôn bản là căn cứ để đánh giá ý thức chấp hành của mỗi hộ dân trong thôn bản gắn liền giữa quyền lợi và nghĩa vụ công dân.

Quản lý tốt hộ tịch hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng, người đi và đến các thôn bản còn có đạo trái phép, đồng thời quản lý sát các đối tượng cầm đầu "tích cực" trong đó chú ý theo dõi những diễn biến thái độ, hành vi và hoạt động của đối tượng truyền đạo để có đối sách chính trị và biện pháp đấu tranh ngăn chặn. Phân loại đối tượng cần đầu, tay chân "tích cực", người lừng chừng để có biện pháp cảm hoá, đấu tranh, giáo dục, răn đe và mở đường cho họ, hết sức tránh thô bạo dồn đối tượng vào bế tắc và có thể gây thêm phức tạp.

d, Phát triển kinh tế - xã hội

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình kế hoạch của nhà nước về xây dựng cơ sở hạ tầng gắn bó với thực hiện 6 chương trình trọng tâm của Tỉnh ủy và thực hiện tốt chính sách trợ cước, trợ giá của nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc.

- Tiếp tục thực hiện quy hoạch dân cư theo kế hoạch hàng năm, gắn với vùng sản xuất, xây dựng thôn bản bền vững theo chương trình định canh định cư, xóa đói giảm nghèo, khắc phục tình trạng di cư tự do.

đ, Củng cố về tổ chức - cán bộ ở cơ sở và thôn bản

- Tiếp tục chỉ đạo phấn đấu xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh, Mặt trận đoàn thể tiên tiến xuất sắc; các thôn bản đều tập hợp được quần chúng, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng ba phong trào là: Thi đua giúp nhau chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, xóa đói giảm nghèo làm giàu hợp pháp; Thi đua thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; Thi đua học tập nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác 184 năm 2003 và nhiệm vụ chủ yếu năm 2004 của huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA THƯỜNG TRỰC HUYỆN ỦY
Số 122-BC/HU, ngày 30 tháng 12 năm 2003
Đánh giá thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2003

Thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Huyện Bảo Yên báo cáo kết quả chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2003 như sau:

I. Kết quả chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ (QCDC) ở huyện Bảo Yên năm 2003

1. Sự lãnh đạo của cấp ủy

Năm 2003 là năm huyện Bảo Yên đã có nhiều cố gắng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở.

Các cấp, các ngành trong huyện bám sát sự chỉ đạo của cấp trên, phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, quyền làm chủ của nhân dân, tạo chuyển biến trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, giữ vững an ninh chính trị và ổn định trật tự xã hội.

Tập chung chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch trong năm; gắn việc thực hiện QCDC với nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Việc quán triệt, triển khai thực hiện QCDC ở cả ba loại hình, sau tổng kết 5 năm tiếp tục được duy trì đi vào nề nếp; luôn có sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp của MTTQ, các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở. Thực hiện nghiêm túc tinh thần Chỉ thị số 30-CT/TW và Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị.

- Đã tổ chức triển khai học tập Nghị quyết Trung ương 7 và bồi dưỡng nâng cao nhận thức QCDC cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân đạt kết quả. Trong đó đảng viên tham gia học tập 1.615 người = 79,01%; quần chúng nhân dân tham gia học tập: 21.763 người = 75%.

Chủ động xây dựng kế hoạch, thường xuyên củng cố và kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra và sơ tổng kết rút kinh nghiệm và bổ sung kịp thời những chủ trương chỉ đạo thực hiện QCDC đối với cơ sở.

2. Kết quả xây dựng củng cố chính quyền

- Chính quyền các cấp từ huyện đến cơ sở duy trì tốt quy chế hoạt động, nâng cao chất lượng công tác giám sát kiểm tra và quản lý, điều hành của các cơ quan thực thi pháp luật, thực hiện tốt công tác tiếp dân.

- Năm qua huyện Bảo Yên đã tiếp nhận và giải quyết kịp thời 403/421 đơn thư đạt 95.66%. Tuy số đơn thư có tăng so với năm trước nhưng đã

hạn chế đến mức thấp nhất đơn thư vượt cấp.

- Chỉ đạo 18/18 cơ sở xã, thị trấn bầu cử trực tiếp 302 trưởng thôn bản đúng quy định. Chính quyền duy trì tốt chế độ giao ban, gắn công tác quản lý điều hành với thực hiện QCDC ở cơ sở.

*** Năm 2003 kết quả phân xếp loại chính quyền cơ sở cụ thể như sau:**

- Chính quyền vững mạnh xuất sắc: 01/18 cơ sở.
- Chính quyền vững mạnh: 07/18 cơ sở.
- Chính quyền khá: 10/18 cơ sở.
- Năm qua không còn cơ sở yếu kém.

3. Những kết quả đạt được qua thực hiện QCDC ở cơ sở

*** Nhận thức và kết quả:**

Qua thực hiện QCDC ở cơ sở, cán bộ chính quyền, lãnh đạo các đơn vị HCSN và DNNN và cơ sở xã đã nhận thức rõ hơn về trách nhiệm, quyền hạn. Tạo sự chuyển biến trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, CNVC và quần chúng nhân dân. Phát huy được sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế, xã hội thể hiện ở một số kết quả như sau:

- Những việc chính quyền cơ sở đã thông báo để nhân dân biết:

+ Thường xuyên thông báo các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, các nghị quyết, kế hoạch của HĐND và UBND tỉnh. Tập chung vào triển khai thu và mức thu các loại quỹ theo qui định của Nhà nước.

+ Thông báo các loại phí và lệ phí các quy hoạch của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương về quy hoạch đô thị và cụm dân cư.

+ Thông báo những vấn đề liên quan đến dẫn như lịch tiếp dân, kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân để dân biết.

+ Thông báo và giải quyết hợp lý các nguồn vốn vay để nhân dân vay phát triển sản xuất, giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo.

+ Đa số cơ sở chủ động thông báo kết quả giám sát kiểm tra thực hiện các dự án, mức đóng góp của nhân dân vào các công trình phúc lợi phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân địa phương.

- Những việc nhân dân bàn, chính quyền quyết định đạt được kết quả thiết thực:

+ Nhân dân tích cực tham gia bàn về chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, đưa giống mới có năng suất cao vào thâm canh tăng vụ đạt hiệu quả, góp phần nâng cao sản lượng lương thực quy hạt lên 24.000 tấn, tăng 1.952 tấn sơ với cùng kỳ. Đặc biệt chương trình dự án ĐCĐC đối với vùng cao được

quan tâm đúng mức như hỗ trợ cho 350 hộ ở 12 xã tấm lợp trị giá 140 triệu đồng, hỗ trợ 1.738 kg giống lúa, ngô và 43.456 kg phân NPK trị giá 89.072.500 đ, hỗ trợ 350 cái chăn, 169 cái màn, 6.287 kg gạo cho các hộ đồng bào đặc biệt khó khăn.

Đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp ĐCĐC cho 9 thôn bản bằng giống ngô, giống lúa và phân bón trị giá 75 triệu đồng; thực hiện dự án sắp xếp dân cư bằng tiền cho 200 hộ ở 13 xã với số vốn 100 triệu đồng. Đầu tư 2 công trình cấp nước sinh hoạt ở 2 bản Khe Thín xã Long Phúc và bản Qua 2 xã Xuân Hòa trị giá 243 triệu đồng; mở lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật và đầu tư 13 máy sao chè cho nhân dân vùng dự án, tổ chức tập huấn và cấp phát 16 máy cày bừa BS8; 9 máy gặt cho 25 hộ ở 7 xã có điều kiện canh tác bằng máy.

+ Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển. Năm 2003 toàn huyện có 62 hạng mục công trình với tổng số vốn 11,4 tỷ đồng, trong đó có hơn 60% số vốn đầu tư theo chương trình 135 cho các xã đặc biệt khó khăn. Đến nay chương trình 135 đã hoàn công 15 công trình ước đạt 90,4% kế hoạch.

- Chương trình giao thông nông thôn đã trở thành phong trào được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ. Toàn huyện có 18/18 xã, thị trấn đăng ký 35 tuyến = 114,6 km có 19 tuyến đã tổ chức thi công. Đến nay có 10 xã thông tuyến và nghiệm thu được 81,1 km với tổng khối lượng đào đắp 506,6 m3 và nhân dân đóng góp 316.562 ngày công san gạt và làm rãnh thoát nước.

+ Chương trình cấp tấm lợp và nước ăn tiếp tục được đầu tư, tập chung chủ yếu vào các xã: Xuân Hòa, Kim Sơn, Nghĩa Đô, Tân Tiến, Điện Quan, Xuân Thượng, Yên Sơn.

+ Về chính sách xã hội như trợ cước, trợ giá 5 mặt hàng thiết yếu cho vùng 3. Chính sách xét tuyển sinh vào các trường của huyện, của tỉnh, chính sách hỗ trợ con em hộ nghèo về sách, bút đến trường học chữ, chính sách khám chữabệnh và cấp thẻ khám bệnh cho người nghèo được các ngành chức năng chủ động lập kế hoạch, triển khai thực hiện đạt hiệu quả, phục vụ đáp ứng nhu cầu đời sống cho nhân dân góp phần xóa đói giảm nghèo ở những vùng đặc biệt khó khăn của huyện.

- Do cụ thể hóa QCDC đến từng thôn bản. Nhân dân đã bàn và xây dựng được quy ước, hương ước, nhận thức về nếp sống văn hóa mới khu dân cư và thôn bản ngày một nâng cao. Toàn huyện có 9.058 hộđạt gia đình văn hóa, 105 làng văn hóa, 21 cơ quan và 13 cơ sở trường học đạt đơn vị văn hóa. 117 khu dân cư xuất sắc, 112 khu dân cư tiên tiến, giảm 9 khu dân cư trung bình và 3 khu dân cư yếu so với cùng kỳ năm trước. Năm

qua huyện được nhà nước công nhận và phong tặng hai Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng ở xã Việt Tiến và xã Long Khánh.

Trong xây dựng và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương. Ngoài sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên, chính quyền cơ sở và các đơn vị đặc biệt chú ý phát huy sức mạnh và trí tuệ của nhân dân trong xây dựng và củng cố chính quyền, gắn việc thực hiện QCDC với công tác xây dựng Đảng sát hợp với tình hình cụ thể của địa phương và đơn vị. Năm 2003 số hội nghèo của huyện còn là 1.108 hộ/14.317 hộ = 7,73%.

4. Những kết quả kiểm tra thực hiện QCDC

- Huyện chủ động xây dựng kế hoạch, thành lập tổ kiểm tra theo định kỳ và đúng nội dung chỉ đạo đảm bảo thời gian và trình tự theo quy định của pháp luật.

- Mở hai cuộc kiểm tra đột xuất kịp thời uốn nắn những sai sót trong quản lý các khoản thu của nhân dân, trấn chỉnh việc quản lý và quy hoạch đất phúc lợi xã hội và việc quản lý các nguồn thu ngân sách địa phương.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp cùng với Mặt trận, đoàn thể và Thanh tra Nhân dân, phối hợp tổ chức tự kiểm tra các hoạt động kinh tế xã hội tại cơ sở, thực hiện tốt quy chế và điều lệ, tuyên truyền giải thích để nhân dân nhận thức được chủ trương đường lối, chính sách, pháp luật. Thực hiện QCDC gắn với kỷ cương pháp luật đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của công dân.

5. Những khó khăn và hạn chế

- Trình độ dân trí của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện và địa bàn hoạt động ở cơ sở xã, thị trấn đặc biệt là vùng cao còn nhiều khó khăn cho nên việc tiếp thu nội dung quy chế còn ở mức độ nhất định.

- Việc tổ chức thực hiện của chính quyền ở một số nơi còn lúng túng, thiếu cụ thể hóa. Phương pháp làm việc chưa rõ ràng, chậm đổi mới, chưa quy rõ trách nhiệm dẫn đến tình trạng chiếu lệ, hình thức.

- Việc chủ động tự kiểm tra thực hiện QCDC của một số cấp ủy còn yếu, chế độ báo cáo thông tin chưa thành nề nếp thường xuyên.

-Trình độ cán bộ còn nhiều bất cập kể cả về học vấn và chuyên môn. Hoạt động của MTTQ, các đoàn thể chưa đều tay. Sự quan tâm của chính quyền trong phối hợp hoạt động chưa thường xuyên nhất là ở vùng cao còn yếu nên hội viên, đoàn thể nhận thức chưa đầy đủ QCDC.

- Từ những khó khăn hạn chế trên trong quá trình tổ chức thực hiện QCDC ở cơ sở còn bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm. Huyện đã kịp thời rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo những năm tiếp theo.

II. Biện pháp khắc phục và tiến tục chỉ đạo thực hiện QCDC năm 2004

1. Tăng cường chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và sự giám sát của các tổ chức Mặt trận, Đoàn thể quần chúng. Đặc biệt là vai trò giám sát, kiểm tra của HĐND và UBND, vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, triển khai và tổ chức thực hiện QCDC ở cơ sở.

2. Nâng cao chất lượng và mở rộng các hình thức thông tin. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao dân chí và sự hiểu biết về chủ trương, đường lối, chính sách và pháp luật của Nhà nước đối với các tầng lớp nhân dân. Khắc phục tình trạng thụ động, chông chờ, ỷ lại vào sự lãnh đạo cấp trên nhất là đối với vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo.

3. Thường xuyên củng cố hệ thống chính quyền và kiện toàn Ban Chỉ đạo từ huyện đến cơ sở. Chủ động về nội dung hoạt động, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xây dựng các mô hình tốt để chỉ đạo rút kinh nghiệm và nhân rộng điển hình.

4. Tiếp tục chỉ đạo để nhân dân, công nhân viên chức và người lao động học tập nâng cao nhận thức, trách nhiệm công dân trong thực hiện QCDC.

5. Chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, chuyên môn, tay nghề cho cán bộ đảng viên trong hệ thống chính trị các cấp nhất là đối với cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ ở vùng sâu, vùng cao, gắn thực hiện QCDC với công bằng xã hội.

*** Một số kiến nghị:**

- Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc cho cơ sở xã, thị trấn.

- Biên soạn, cụ thể hóa nội dung QCDC thành các hoại hình tờ rơi, thơ và để nhân dân dễ nhớ thực hiện.

- Đa dạng hóa nội dung QCDC trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đảng, chính quyền.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện QCDC năm 2003 và một số biện pháp chủ yếu trong năm tới của Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC của huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 123-BC/HU, ngày 31 tháng 12 năm 2003
Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy về xóa thôn bản, các đầu mối chưa có đảng viên
-----

Thực hiện Nghị quyết 08 - NQ/TU của Tỉnh ủy Lào Cai củng cố xây dựng tổ chức chính trị cơ sở vững mạnh. Huyện Bảo Yên rất chú trọng tăng cường quan tâm các cơ sở xã, thị trấn về công tác củng cố cơ sở đảng, chính trị và các đoàn thể quần chúng hàng năm tiêu chuẩn đạt vững mạnh, công tác phát triển đảng viên mới, xóa thôn, bản và các đầu mối chưa có đảng viên thường xuyên được quan tâm. Ngay từ đầu nhiệm kỳ (2000 - 2005) huyện đã có chỉ đạo tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 04-NQ/HU ngày 01/4/1999 về việc xóa thôn, bản và các đầu mối chưa có đảng viên.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện khoá XII, Huyện ủy có Kế hoạch số 09 - KH/HU ngày 11/9/2001 về việc khắc phục các thôn, bản và các đầu mối chưa có đảng viên. Huyện ủy chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể quần chúng rà soát những thôn bản chưa có đảng viên, từ đó lựa chọn những quần chúng tích cực (nhân tố tích cực) để bồi dưỡng tìm hiểu về Đảng: năm 2001 Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện mở được 1 lớp với tổng số 54 quần chúng tích cực của các thôn bản chưa có đảng viên để tạo nguồn cho lớp cảm tình Đảng.

Đầu nhiệm kỳ 2000 - 2005 Đảng bộ huyện Bảo Yên có 44 tổ chức cơ sở đảng (18 tổ chức cơ sở xã, thị trấn và 26 tổ chức cơ sở cơ quan với 128 chi bộ nhỏ dưới cơ sở và 302 thôn bản). Trong đó có 12 tổ chức cơ sở xã còn thôn bản chưa có đảng viên, chủ yếu thuộc các xã vùng III, vùng có đồng bào theo đạo trái phép với tổng số thôn bản chưa có đảng viên là 40 bản và các đầu mối (38 bản và 2 trường học).

Kết quả thực hiện.

Trong 3 năm (2001 - 2003) kết nạp được 377 đảng viên mới.

- Trong đó: + Dân tộc: 210

+ Tôn giáo: 01

- Độ tuổi: + Từ 18 - 30 = 120

+ Từ 31 - 40 = 137

+ Từ 41 - 50 = 96

+ Từ 51 - 60 = 5

- Trình độ văn hoá:

+ Tiểu học = 84

+ Trung học cơ sở = 124

+ Trung học phổ thông = 150

+ Nông dân = 182

+ Giáo viên = 94

+ Y tế = 10

- Năm 2001 kết nạp được 99 đảng viên xóa 31 thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên.

- Năm 2002 kết nạp được 150 đảng viên xóa được 14 thôn bản đầu mối chưa có đảng viên.

- Năm 2003 kết nạp 128 đảng viên xóa được 08 thôn bản đầu mối chưa có đảng viên.

Hiện nay còn 14 thôn bản và 4 trường trạm chưa có đảng viên. Số đầu mối này nằm ở 7 đảng bộ xã: Đảng bộ xã Vĩnh Yên, Xuân Thượng, Tân Dương, Minh Tân, Điện Quan, Xuân Hoà và Lương Sơn.

Tóm lại: Trong 3 năm thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy, các ban xây dựng đảng cùng các đảng ủy xã có thôn bản và đầu mối chưa có đảng viên đã tập chung chỉ đạo, rà soát, lựa chọn quần chúng ưu tú đủ điều kiện về phẩm chất đạo đức, lịch sử chính trị bồi dưỡng để kết nạp vào hàng ngũ của Đảng. Các xã thực hiện tốt như Đảng bộ xã Tân Tiến, Thượng Hà, Yên Sơn và xã Kim Sơn. Đến nay đã xóa xong thôn bản và đầu mối chưa có đảng viên.

Những thôn bản sau khi chưa có đảng viên sau khi kết nạp được đảng viên mới qua kiểm tra có phần nhiều chuyển biến tích cực. Việc thực hiện chấp hành quy định của thôn bản, động viên con em đúng độ tuổi đến trường học. Hầu hết các đồng chí đảng viên mới đều nêu cao ý thức trách nhiệm tư cách của người đảng viên. Họ đã vận động nhân dân trong bản yên tâm sản xuất thực hiện định canh định cư, không nghe kẻ xấu xuyên tạc và bỏ đạo trái phép, tin tưởng vào đường lối và pháp luật của Nhà nước.

Nguyên nhân thực hiện Nghị quyết chưa đạt được mục tiêu đề ra:

- Các cấp ủy cơ sở xã triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy chưa đồng bộ, triệt để.

- Hàng năm có sự phát sinh thêm thôn bản và các đầu mối chưa có đảng viên vì có sự thành lập và chia tách một số trường học và trạm y tế; do đảng viên từ trần, chuyển đi cư trú nơi khác.

- Việc thực hiện làm thủ tục kết nạp đảng viên mới gặp khó khăn trong khâu xác minh lý lịch, đa số bản trắng thường là những bản đồng

bào người Mông du cư từ nơi khác đến, giáo viên có gia đình và quê quán ở xa. Nguồn kinh phí cho việc đi xác minh lý lịch của cơ sở còn hạn hẹp.

*** Mục tiêu và giải pháp:**

Mục tiêu: Đảng bộ huyện Bảo Yên phấn đấu tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy đến 2004 cơ bản xóa thôn bản và đầu mối chưa có đảng viên.

Giải pháp trong năm tới:

+ Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vận động nhân dân định canh định cư hăng hái lao động sản xuất ổn định kinh tế thực hiện xóa đói giảm nghèo, xây dựng làng bản văn hoá, gia đình văn hoá, con em các dân tộc đến trường học đúng độ tuổi.

+ Chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng xã, thị trấn thực hiện công tác phát triển đảng viên mới ở những thôn bản đầu mối chưa có đảng viên theo nghị quyết Đảng bộ huyện.

+ Phát động phong trào lập thành tích cao chào mừng những ngày lễ, kỷ niệm năm 2004, ngày bầu cử HĐND các cấp ngày 25/4/2004.

+ Đưa đi bộ đội đào tạo văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển đảng đưa trở lại công tác tại địa phương.

+ Mở lớp tập huấn cho các cấp ủy chi bộ dưới cơ ở về công tác các bước làm thủ tục kết nạp đảng viên mới.

+ Đối với những thôn bản đặc biệt khó khăn nguồn quần chúng ưu tú, thực hiện chính sách di dãn dân.

+ Đối với những trường, trạm xá khó khăn nguồn quần chúng ưu tú, thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ.

Trên đây là Báo cáo 3 năm thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên về việc xóa thôn bản và đầu mối chưa có đảng viên. Trong quá trình đánh giá sơ kết còn nhiều điểm chưa được đầy đủ, kính mong được sự giúp đỡ chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy để cho Đảng bộ huyện Bảo Yên hoàn thành đúng mục tiêu đề ra./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 124-BC/HU, ngày 08 tháng 01 năm 2004
Công tác Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên năm 2003

- Thực hiện Điều 30 chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XII (2000 - 2005).

- Căn cứ vào chương trình số 364 ngày 15/01/2003 của Ban Chấp hành Huyện ủy về công tác kiểm tra của cấp ủy năm 2003. Qua một năm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện Điều lệ Đảng kết quả như sau:

I. Tình hình đặc điểm chung của đảng bộ

- Năm 2003 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội IX toàn quốc, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện lần thứ XII. Các yếu tố thuận lợi đan xen với những thách thức khó khăn nhưng Đảng bộ với vai trò chức năng nhiệm vụ đã tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện.

- Hiện Đảng bộ có 45 chi, đảng bộ với 2.026 đảng viên (có 22 đảng bộ và 23 chi bộ). Ban Chấp hành khóa XII do thuyên chuyển công tác nay còn 32/33 đồng chí. Hệ thống làm công tác kiểm tra: UBKT Huyện có 7 thành viên, 45 ban, UBKT với 108 cán bộ, đảng viên làm công tác kiểm tra Đảng huyện.

- Về kinh tế - xã hội: Huyện có diện tích đất tự nhiên là 82.090 ha chiếm 10,21% diện tích tỉnh Lào Cai). Dân số có trên 73 ngàn người với 16 dân tộc anh em sống đan xen với nhau ở 17 xã và 1 thị trấn. Xã được hưởng chế độ đặc biệt khó khăn của Chính phủ là 12/18 xã. Tỷ lệ đói nghèo đã giảm qua các năm, năm 2003 còn 7,73% = 1.108 hộ (năm 2002: 1.707 hộ =12,79%); đời sống nhân dân ổn định và không ngừng được cải thiện và nâng cao.

- Công tác an ninh - trật tự xã hội, quốc phòng: Luôn ổn định và giữ vững, không có điểm nóng và khiếu kiện phức tạp. Về chống tuyên truyền đạo trái phép, xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên lâu dài và phức tạp, qua đấu tranh, tuyên truyền, giáo dục cảm hóa, đã xin thôi không theo đạo trái phép là 26 hộ/195 hộ = 146 khẩu/1.049 khẩu, nay chỉ còn ở 6/18 xã.

II. Kết quả công tác kiểm tra của đảng bộ huyện

1. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra Đảng đối với cơ sở:

- Công tác kiểm tra của Đảng thường xuyên với cơ sở:

+ Cấp ủy huyện thành lập 18/18 xã, thị trấn có tổ công tác của huyện để lãnh đạo và kiểm tra thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Hàng tháng tổ công tác phối hợp với cấp ủy, chính quyền cơ sở làm tốt công tác kiểm tra, giải quyết kịp thời

những phát sinh từ cơ sở không để kéo dài, phức tạp.

+ Xử lý và củng cố kịp thời đơn vị yếu kém của Đảng ủy xã Nghĩa Đô thay đổi hai cán bộ chủ chốt xã và củng cố lại Ban Chấp hành và UBKT Đảng ủy xã kịp thời nay đã ổn định và đi vào thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ xã Nghĩa Đô.

+ Thi hành kỷ luật Đảng: Thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ ký quyết định là 4/19 đảng viên, quá trình tiến hành thi hành kỷ luật làm tốt phương châm là giáo dục, thuyết phục, đấu tranh nên 19 đảng viên bị thi hành kỷ luật đều đúng trình tự, khách quan và chính xác. Tuy nhiên có một đảng viên khiếu nại đó là đồng chí Trần Huy Động xử lý hình thức khai trừ ở Đảng bộ xã Tân Dương nay đã được UBKT Tỉnh ủy kết luận là Y án như cấp ủy huyện đã quyết định.

- Về Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy bị thi hành kỷ luật Đảng là một đồng chí với hình thức "Khiển trách".

2. Lãnh đạo công tác kiểm tra **của Đảng bộ huyện:**

- Cấp ủy huyện xác định công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Hệ thống kiểm tra của Đảng bộ huyện: Từ đầu nhiệm kỳ đã được tập huấn nghiệp vụ về công tác kiểm tra. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống kiểm tra từ huyện đến cơ sở, vì vậy các vụ việc phát sinh được giải quyết, xử lý kịp thời đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

- Thực hiện theo chương trình công tác kiểm tra năm 2003:

+ Kiểm tra 3 Đảng ủy là: Long Khánh, Xuân Thượng, Bảo Hà. Nội dung kiểm tra là " Cấp ủy làm công tác kiểm tra và lãnh đạo công tác kiểm tra " nói chung thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, song còn có đơn vị chưa chủ động thực hiện theo chương trình công tác kiểm tra đề ra, có vụ việc phát sinh còn ngại đấu tranh và trông chờ trên hỗ trợ thì mới ra quyết định được.

+ Đã tiến hành kiểm tra toàn diện Đảng bộ xã Kim Sơn (có báo cáo kết luận riêng). Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định và thực hiện Kế hoạch số 46-KH/HU ngày 24/11/2003, kết quả kiểm tra: Đảng ủy, chính quyền xã có biện pháp chấn chỉnh ngay việc thu chi ngân sách xã (cho đúng Luật ngân sách) nhất là các khoản thu dân đóng góp; Điều hành bộ máy Đảng, chính quyền xã làm việc thiếu đồng bộ, hiệu suất thấp, ảnh hưởng chung cho công tác lãnh đạo của xã Kim Sơn; Các cơ quan chuyên môn của huyện cần kiểm tra giám sát như công tác tài chính xã, các nguồn vốn cấp cho dân, công tác an ninh địa bàn xã. Đoàn kiểm tra kiến nghị tới củng cố lãnh đạo Đảng, chính quyền xã, hiện đang nghiên cứu xử lý dần.

Đơn thư khiếu tố gửi trực tiếp Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Văn phòng Huyện ủy) được phân loại như sau:

+ Tổng đơn trong năm 2003 có 29 đơn gửi đến (3 đơn trùng nội dung) còn 26 đơn.

Trong đó: Khiếu nại: 2 đơn; Tố cáo: 8 đơn; Đề nghị: 11 đơn; Kiến nghị: 5 đơn.

+ Nội dung đơn: Khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị chủ yếu là về tư cách, phẩm chất đạo đức của cán bộ đảng viên.

+ Đối tượng bị khiếu nại chủ yếu là cán bộ đảng viên như cán bộ huyện 6 đơn, còn xã và thôn bản 20 đơn.

+ Tổng 26 đơn đã chuyển cho các cơ quan chức năng xử lý, giải quyết nghiêm túc theo quy định của Đảng và Nhà nước.

+ Song cần lưu ý là: Số 26 đơn khiếu tố, có đảng viêncó 9 đơn phản ánh như đấu thầu đền Bảo Hà, có 20/26 đơn là cán bộ đảng viên ở xã, thôn bản đề nghị các cấp ủy Đảng cơ sở phải quản lý, giáo dục thường xuyên đối với cán bộ đảng viên và thành viên các tổ chức đoàn thể theo đúng quy định ở từng cấp, từng ngành đồng thời nếu có vi phạm phải được xem xét xử lý nghiêm minh đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

III. Phương hướng công tác kiểm tra của Ban Chấp hành năm 2004

1. 18/18 tổ công tác của huyện ở các xã, thị trấn phải tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa bàn được quản lý, các vụ việc phát sinh phải được giải quyết từ cơ sở một cách dân chủ công khai.

2. Tăng cường kiểm tra lãnh đạo, ch đạo tốt công tác bầu cử HĐND các cấp năm 2004 để thực hiện tốt Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 26/11/2003 của Bộ Chính trị.

3. Cấp ủy huyện sẽ kiểm tra việc tổ chức chấp hành, thực hiện 7 chương trình hướng về cơ sở.

4. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy phải tăng cường công tác kiểm tra Đảng đối với cơ sở, ngành được phân công, giao nhiệm vụ hàng quý có báo cáo về Ban Thường vụ công tác kiểm tra về sự lãnh đạo, chỉ đạo, quy định của quy chế Ban Chấp hành từ đầu nhiệm kỳ đề ra.

Trên đây là báo cáo của Ban Chấp hành Huyện ủy về công tác kiểm tra của cấp ủy năm 2003 và đề ra phương hướng năm 2004, đã thông qua hội nghị Ban Chấp hành ngày 06/01/2004 (sẽ có chương trình cụ thể về công tác kiểm tra năm 2004)./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 126-BC/HU, ngày 14 tháng 01 năm 2004
Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2003 phương hướng nhiệm vụ năm 2004

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2003

Năm 2003 là năm có vị trí rất quan trọng, là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII và được xác định là năm hướng về cơ sở với những nhiệm vụ được Ban Chấp hành cụ thể hóa bằng 6 chương trình trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội.

Đảng bộ huyện Bảo Yên đã triển khai đồng bộ các Nghị quyết chuyên đề trên mọi lĩnh vực phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, quy hoạch đào tạo cán bộ, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Sự lãnh đạo của Huyện ủy, sự chỉ đạo điều hành của UBND huyện, sự phối hợp hoạt động của mặt trận và các đoàn thể quần chúng đã từng bước tạo ra sự chuyển biến mới từ huyện đến cơ sở, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của từng địa phương nên kết quả năm 2003 đã đạt được khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra.

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp:

Trong sản xuất nông - lâm nghiệp đã tập chung chỉ đạo thâm canh năng suất ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư xây dựng nâng cấp cơ sở hạ tầng, tập chung nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ về vốn, giống cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ nông, lâm nghiệp, làm tốt công tác dự báo, phòng trừ sâu bệnh hại phòng chống bão lũ, thiên tai, kết quả sản xuất có bước phát triển so với năm 2002. Diện tích gieo trồng cây lúa nước 3.693 ha, đạt 101,07% KH, tăng 37 ha so với cùng kỳ. Năng suất lúa trung bình đạt 45,79 tạ/ha 105,3% KH, tăng 2,3 tạ so với cùng kỳ. Trong đó thâm canh lúa cao sản 1.216 ha = 100% KH, tăng hơn so với cùng kỳ 576 ha. Năng suất đạt 60 tạ/ha. Diện tích trồng ngô cả năm 2.654 ha đạt 100,15% KH, năng suất đạt 23,4 tạ/ha 102,17%

KH. Trong đó ngô hàng hóa 950 ha = 158,33% KH năng suất đạt 40 tạ/ha. Một số cây trồng khác như lạc, đậu tương, cây có củ, rau màu các loại đều tăng về diện tích, sản lượng. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 24.000 tấn = 103,61% KH.

Huyện đã xây dựng xong dự án quy hoạch phát triển vùng cây ăn quả có múi được tỉnh phê duyệt, đã trồng mới 20 ha đạt 66,6% KH.

Tiếp tục thực hiện dự án xây dựng vùng nguyên liệu chè, chăm sóc thâm canh diện tích chè hiện có 341,45 ha, trồng mới 50 ha 83,3% KH. Xúc tiến việc xây dựng xưởng chế biến chè để tiêu thụ chè búp tươi cho nhân dân, trước mắt khuyến khích các tổ chức và cá nhân lắp đặt các máy sơ chế chè mi ni tại các cụm xã vùng chè. Tuy nhiên công tác tuyên truyền vận động nhân dân hiệu quả chưa cao, tư tưởng một số người dân còn dao động chưa mạnh dạn đầu tư.

Đàn gia súc gia cầm tăng trưởng khá: Đàn trâu 17.173 con tăng 2,2% so với cùng kỳ; đàn bò 1.285 con tăng 6,1% so với cùng kỳ; đàn lợn 42.108 con tăng 2,9% so với cùng kỳ ... tiếp nhận 16 con bò giống Zê bu để lai tạo hóa đàn bò địa phương tại 4 xã Xuân Hòa, Minh Tân, Kim Sơn, Bảo Hà và xây dựng dự án nâng cao tầm vóc đàn trâu nội. Công tác tiêm phòng dịch bệnh được chủ động không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn huyện. Việc cung ứng các loại vật tư phục vụ sản xuất như giống, phân bón luôn kịp thời, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất cho nhân dân. Giống lúa, ngô cung ứng 106,69 tấn đạt 117,6% KH. Phân bón các loại 2.248,5 tấn đạt 118,9% KH.

* Về lâm nghiệp:

Công tác quản lý bảo vệ, xây dựng và phát triển vốn rừng được chú trọng, diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất được bảo vệ tốt. Diện tích rừng phòng hộ trồng mới đạt 180 ha = 100% KH; khoanh nuôi có trồng bổ sung 50 ha = 100% KH; bảo vệ 16.248 ha 99,9% KH. Việc kiểm tra, kiểm soát và quản lý lâm sản trên địa bàn có chuyển biến tích cực, các vụ việc vi phạm từng bước được ngăn chặn kịp thời. Diện tích khai thác tỉa thưa vầu, nứa cung cấp nguyên liệu cho hai nhà máy giấy được kiểm tra chặt chẽ đúng quy trình. Qua công tác kiểm tra đã xử lý vi phạm 69 vụ (giảm 18 vụ so năm 2002), gồm 74,39 m gỗ cácloại, xử phạt hành chính và thu nộp ngân sách 88,94 triệu đồng.

- Về khai thác chế biến lâm sản: Đã khai thác 1.399,6 m3 gỗ nguyên liệu; 5.519,8 tấn vầu, nứa nguyên liệu giấy, sản xuất 2.061,2 tấn giấy đế xuất khẩu. Tổng giá trị khai thác, chế biến đạt 7.582 triệu đồng.

- Các dự án, chương trình khảo nghiệm trồng mới một số loài cây được tích cực thực hiện. Cây tre măng Bát độ đã trồng được 25,44 ha (qui

đông đặc) đạt 23,1% KH. Tuy kết quả chưa cao song nhân dân rất phấn khởi đón nhận. Trồng mới 10 ha cây tốc sinh dương tại xã Minh Tân.

* Công tác Định canh định cư: Thực hiện đạt và vượt kế hoạch đầu tư hỗ trợ từ các chương trình dự án của Nhà nước. Hỗ trợ đồng bào đặc biệt khó khăn (chăn, màn, gạo, giống cây) 215 triệu đồng 100% KH. Tổ chức sắp xếp và di dãn 200 hộ dân = 100% KH, kinh phí 1.010,5 triệu đồng. Hỗ trợ 26 máy sao chè mi ni, 16 máy kéo nhỏ, 9 máy gặt cầm tay; đầu tư xây dựng cơ bản theo dự án định canh định cư bền vững 2 công trình thủy lợi (Khen thít - xã Long Phúc 125 triệu đồng, cấp nước bản Qua 2 xã Xuân Hòa: 118 triệu đồng).

* Công tác Địa chính: Toàn huyện đã giao và cấp quyền sử dụng đất độ thị cho 1.203 hộ, có sự phối hợp kiểm tra, chuyển nhượng, giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các hộ gia đình và giải phóng mặt bằng xây dựng công trình công cộng theo quy định.

* Tăng cường công tác phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiên tai. Củng cố kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống lụt bão từ huyện đến cơ sở; tổ chức tốt các đợt luyện tập và chủ động kiểm tra, khắc phục hậu quả kịp thời những nơi xảy ra thiên tai, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân. Nâng cao các hoạt động công tác khuyến nông, tổ chức phổ biến các mô hình canh tác thực nghiệm, giới thiệu các giống cây trồng mới đến bà con nông dân trong huyện như mô hình lúa Bắc ưu 20 ha, chè Shan 5 ha, mô hình canh tác trên đất dốc 15 ha.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông bưu điện, xây dựng cơ bản

+ Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương đạt 6/3,6 tỷ đồng = 166% KH với các sản phẩm chủ yếu như vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, tre, nứa ...

+ Cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư phát triển. Đến nay 18/18 xã, thị trấn đã có đường ô tô đến trung tâm, huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng đồng bộ tổng số 62 công trình xây dựng cơ bản gồm các công trình thủy lợi, cấp nước, trường học, điện lưới hạ thế tuyến đường 279 cơ bản đã được nâng cấp làm mới tạo điều kiện vận chuyển khách và hàng hóa lưu thông. Hiện nay toàn huyện có 22 xe ô tô khách, 11 xuồng gắn máy tư nhân thường xuyên hoạt động.

+ Công tác bưu điện và viễn thông: Hoạt động bưu chính viễn thông tiếp tục được nâng cấp phát triển đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, hành trình thư báo kịp thời đúng quy định. Tổng đài điện thoại di động được lắp xong và hoạt động từ tháng 7 năm 2003. Mạng lưới các điểm bưu điện văn hóa xã tiếp tục phát huy hiệu quả góp phần nâng cao đời

sống tinh thần của nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa. 8 xã có báo đọc trong ngày. Toàn huyện có 1.157 máy điện thoại, bình quân đạt 1,6 máy/100 dân.

+ Công tác xây dựng cơ bản: Các công trình xây dựng cơ bản năm 2003 được quan tâm chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Tuy nhiên tiến độ khảo sát thiết kế còn chậm, chất lượng khảo sát thiết kế chưa cao, quá trình thẩm định còn phải chỉnh sửa nhiều.

- Chương trình 135: Công trình được đầu tư năm 2002 gồm 17 danh mục công trình, đến nay đã hoàn thành đưa vào sử dụng. Các công trình chuyển tiếp 2002 - 2003 và khởi công mới gồm: 21 danh mục công trình, trong đó xã làm chủ đầu tư 5 công trình, số công trình hoàn thành 15, thi công dở dang 3. Khối lượng hoàn thành ước đạt 7 tỷ đồng đạt 90,4% so với tổng dự toán được duyệt.

- Vốn ngân sách tập chung: 15 công trình, 7 công trình hoàn thành chờ quyết toán, đã thanh toán 4.058 triệu đồng đạt 91% KH vốn. Công trình chuyển tiếp và khởi công mới 8 công trình, hoàn thành 5 công trình. Tổng khối lượng thanh toán 11.500 triệu đồng đạt 66% so với dự toán.

- Vốn ngân sách huyện đầu tư gồm 8 công trình, hoàn thành 5 công trình, còn lại đang thi công. Đã thanh toán 396 triệu đồng đạt 72,5% KH vốn.

- Vốn chương trình giáo dục gồm 2 công trình đã hoàn thành năm 2003. Thanh toán 277 triệu đồng đạt 58% vốn kế hoạch giao.

- Dự án hỗ trợ tấm lợp trị giá 790 triệu đồng đầu tư cho 6 xã vùng 3 với 31.600 tấmlớp Fibro xi măng, số hộ được hưởng 395 hộ. Đầu tư hỗ trợ xây dựng 300 lu nước cho 200 hộ (trị giá 170 triệu đồng).

- Vốn dự án giảm nghèo: Năm 2003 được đầu tư 17 công trình gồm 4 công trình thủy lợi, 3 công trình cấp nước sinh hoạt, 10 điểm trường. Hiện đã phê duyệt dự án thiết kế 7 công trình trị giá 3,1 tỷ đồng, tiến hành thi công 6 công trình, 10 điểm trường học đã lập xong hồ sơ mời thầu.

- Chương trình làm đường giao thông nông thôn: Đã khảo sát thiết kế thi công 85,7 km (đường 4,8 m = 81,2 km; đường 2,5 m = 4,5 km) vượt 7,4 km so với kế hoạch. Kinh phí tạm ứng 1.200 triệu đồng.

- Chương trình kiên cố hoá trường lớp: Kế hoạch giao 127 phòng họcđang được tiếp tục thi công với tổng kinh phí 18.163 triệu đồng. Các công trình thuộc dự án trung tâm cụm xã và phòng chống lụt bão tiếp tục thực hiện các công trình chuyển tiếp năm 2002.

3. Tài chính tín dụng tiền tệ

Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 5.679,6 triệu đồng đạt 131,1% KH; trong đó các khoản thu đạt và vượt như tiền sử dụng đất, phí, lệ phí, lao động công ích, thu khác ngân sách. Tổng chi ngân sách địa phương đạt

42.014,5 triệu đạt 100% KH, đảm bảo các mục chi thường xuyên theo định mức. Công tác thu chi tiền mặt qua Kho bạc đảm bảo đúng nguyên tắc chế độ quy định, công tác huy động vốn thông qua việc phát hành trái phiếu đạt 5.721 triệu đồng. Phát hành trái phiếu Chính phủ 470,2 triệu đồng đạt 109,2% KH. Mua công trái giáo dục 269,8 triệu đồng đạt 158% KH giao. Tuy nhiên trong công tác thực hiện thu nộp một số sắc thuế còn chậm.

- Công tác tín dụng - ngân hàng: Các hoạt động tín dụng ngày càng mở rộng, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong huyện, đặc biệt giải quyết khó khăn về vốn sản xuất cho bà con nông dân vùng sâu, vùng xa đầu tư phát triển kinh tế chủ yếu là chăn nuôi, trồng trọt. Ngân hàng Chính sách đã thành lập đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2003, góp phần quan trọng vào công cuộc xóa đói giảm nghèo ở địa phương, Ngân hàng Nông nghiệp huy động vốn năm 2003 đạt 26 tỷ đồng, tăng 2 tỷ so với năm 2002, tổng dư nợ đạt 72 tỷ đồng. Ngân hàng Chính sách huy động tiền gửi tiết kiệm năm 2003 đạt 1.604 triệu đồng, doanh số cho vay giải quyết việc làm 977 triệu đồng, cho vay ủy thác qua các tổ chức đoàn thể đạt 4.860 triệu đồng với 849 hộ được vay.

- Thương mại - dịch vụ: Hoạt động dịch vụ thương mại phát triển, hàng hóa lưu thông có mặt đa dạng trên thị trường đáp ứng tốt mọi nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Công tác quản lý thị trường và chống buôn lậu được quan tâm, phát hiện và xử lý 25 vụ buôn lậu, trốn thuế thu nộp ngân sách 160 triệu đồng. Cấp phát đăng ký kinh doanh mới 142 hộ (toàn huyện có 521 hộ kinh doanh cá thể) tuy nhiên việc thực hiện pháp luật trong kinh doanh qua kiểm tra còn 33 hộ vi phạm, truy thu 17,1 triệu đồng nộp ngân sách.

II. Văn hóa - xã hội

1. Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được phát triển theo hướng xã hội hóa, số học sinh các cấp học đều tăng, chất lượng dạy và học ngày một tốt hơn với phương pháp đổi mới, phù hợp từng đối tượng. Thực hiện chương trình chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; cơ sở vật chất trường, lớp học ngày càng được quan tâm đầu tư xây dựng theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm gắn với triển khai chương trình kiên cố hóa trường lớp học. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác khuyến học, đẩy mạnh giáo dục, đào tạo ở huyện giai đoạn 2003 - 2010.

Tiếp tục duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở ở thị trấn Phố Ràng, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ở các xã, thị trấn. Tỷ lệ huy động trẻ từ 6 14 tuổi ra lớp là 94%, đạt

98,9% KH. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đạt cao. Cấp tiểu học đạt 99,7%, trung học cơ sở đạt 98,1%, trung học phổ thông đạt 80,6%. Năm học 2003 - 2004 toàn huyện có 58 trường với 937 lớp các cấp gồm 19.104 em học sinh tăng 18 trường với 86 lớp so với năm học trước.

2. Y tế và dân số kế hoạch hoá gia đình

Ngành y tế từ huyện đến cơ sở đã làm tốt công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh cho nhân dân, công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm thường xuyên, các chương trình y tế quốc gia được thực hiện theo đúng kế hoạch, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Trung tâm y huyện và các trạm y tế cơ sở xã đã khám và điều trị cho 95.639 lượt người. Tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới một tuổi đạt 98% KH. Thực hiện tốt công tác truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình.

3. Công tác văn hóa thông tin thể thao, truyền thanh truyền hình

Hoạt động văn hóa thể thao được duy trì và đẩy mạnh, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, đẩy lùi dần hủ tục lạc hậu, phát huy bảo tồn nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc. Phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa năm 2003 được đẩy mạnh ở các xã, thị trấn. Đã xây dựng được 38 nhà văn hoá bản, công nhận 105 làng bản, 9.058 hộ gia đình, 21 cơ quan, 13 trường học đạt chuẩn văn hóa. Các phong trào văn nghệ quần chúng thường xuyên được tổ chức với 117 buổi giao lưu văn hóa văn nghệ. Tổ chức thành công giải việt dã tiền phong, giải cầu lông mở rộng, giải bóng chuyền bông múa vàng ..., thường xuyên phối hợp kiểm tra ngăn chặn, xử lý và đình chỉ các hoạt động văn hóa không lành mạnh.

Duy trì việc thu phát sóng truyền thanh - truyền hình trung ương, địa phương. Thực hiện chương trình mục tiêu của Chính phủ cấp phát cho các cơ sở xã vùng dự án 25 ti vi màu, 55 ra đi ô. Lắp đặt 15 bộ thu truyền hình, tín hiệu vệ tinh cho các xã, thôn bản vùng sâu, vùng xa.

4. Công tác tổ chức lao động, thương binh xã hội và bảo hiểm xã hội:

Tiếp tục kiện toàn và củng cố chính quyền cơ sở. Tập chung xây dựng hoàn thành kế hoạch củng cố chính quyền cơ sở năm 2003 và rà soát phân loại đội ngũ cán bộ cơ sở 18/18 xã, thị trấn từ đó có phương án sắp xếp bố trí cán bộ cơ sở, đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Tổ chức đăng ký 178 cán bộ cơ sở vàcon em các dân tộc đi học các lớp hệ trung học và đại học tại tỉnh. Thường xuyên quan tâm công tác đền ơn đáp nghĩa, tổ chức đến thăm, tặng quà các gia đình chính sách, người có công, bà mẹ Việt Nam anh hùng và lão thành cách mạng. Tổ chức khám và đề nghị cho 64 đối tượng nhiễm chất độc hoá học được hưởng chế độ hàng tháng và 306 người

hưởng chế độ kháng chiến một lần. Số lao động được giải quyết việc làm 1.332/1.391 đạt 95,7% KH.

- Thực hiện công tác vào sổ theo dõi hộ nghèo từ thôn bản đến huyện. Năm 2003 số hộ nghèo giảm 784 hộ đạt 149% KH. Số hộ nghèo hiện còn 1.108 hộ = 7,73% số hộ toàn huyện; tuy vậy tỷ lệ giảm nghèo ở các hộ gia đình chưa thực sự vững chắc.

- Công tác bảo hiểm xã hội: Tiếp tục tuyên truyền, mở rộng đối tượng tham gia BHXH. Thực hiện chi trả chế độ BHXH đúng kỳ, đầy đủ kịp thời. Tổng thu bảo hiểm 4.046/4.032 triệu đạt 100,5% KH, tổng chi bảo hiểm 7.648,2 triệu đồng.

III. Công tác nội chính

Công tác quốc phòng được quan tâm, tổ chức điều chỉnh bổ sung các phương án, kế hoạch luyện tập diễn tập ở cơ quan và khối xã đạt kết quả tốt. Tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ cho 18/18 xã, thị trấn và 15/15 cơ quan, kết quả đạt từ khá trở lệ; công tác giao tuyển quân đảm bảo số lượng và chất lượng với quân số 85 tân binh lênđường nhập ngũ đạt 100% KH.

Về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định và giữ vững, phát huy hiệu quả phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Giữ vững tình hình an ninh nông thôn không để xảy ra các vụ việc phức tạp, các vụ việc đều được phát hiện và phối hợp chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Về trật tự an toàn xã hội: Xảy ra 196 vụ, giảm 18 vụ so với cùng kỳ, trong đó về an ninh chính trị 19 vụ việc (giảm 11 vụ). Trật tự xã hội: 177 vụ (giảm 5 vụ so cùng kỳ). Tại tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng so với năm 2002 (xảy ra 87 vụ, tăng 8 vụ) chủ yếu là tai nạn giao thông. Tình hình đạo thiên chúa giáo trên địa bàn hoạt động bình thường và ổn định. Hiện có 223 hộ 999 khẩu theo đạo thiên chúa cư trú chủ yếu ở xã Việt Tiến và thị trấn Phố Ràng. Hoạt động đạo tin lành trái phép còn diễn ra. Cấp ủy, chính quyền các cấp phối hợp với Ban Chỉ đạo 184 và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã tập chung chỉ đạo, nắm và quản lý chặt các đối tượng tích cực với những biện pháp thích hợp nên địa bàn và số lượng người theo đạo trái phép đã được khoanh vùng, thu hẹp còn 6 xã với 9 bản gồm 179 hộ = 936 khẩu, giảm 16 hộ khẩu so với đầu năm 2003. Tình hình di cư tự do giảm đáng kể so với năm 2002. Số di cư đi trong năm 45 hộ = 240 khẩu, giảm 104 hộ = 508 khẩu so với năm 2002.

- Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân được duy trì. Trong năm có 144 lượt người đến phản ảnh trực tiếp với các cơ quan, ban ngành, chính quyền các cấp trong huyện, nội dung chủ yếu khiếu nại về đền bù giải phóng mặt bằng, tranh chấp đất đai, về chính sách đối với người lao động, chế độ tài chính, tín dụng Các nội dung phản ánh đều được xử lý giải quyết thoả đáng, kịp thời. Có 421 đơn thư

các loại gửi đến cấp huyện và các xã, gồm 339 đơn khiếu nại, 31 đơn tố cáo, 51 đơn đề nghị, kiến nghị, đến nay đã giải quyết xong 397 đơn đạt 94,3%, số đơn thư còn lại đang trong quá trình giải quyết.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW về đổi mới công tác tư pháp, có sự phối kết hợp tốt trong xử lý giải quyết các vụ việc, từng bước nâng cao năng lực chuyên môn nhằm đáp ứnh yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tiến hành sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết 08 NQ/TW, kiện toàn bộ máy quản lý, xây dựng vàđào tạo đội ngũ cán bộ. Sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết 02/NQ-LN ngày 03/5/2002 của liên ngành nội chính tỉnh Lào Cai, liên ngành nội chính huyện Bảo Yên đã triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của huyện. Việc tổ chức giao ban được thực hiện đầy đủ. Xử lý thông tin vi phạm tội phạm chính xác kịp thời đảm bảo cho việc xử lý giải quyết các vụ việc đúng quy định của pháp luật, không để lọt người lọt tội, không để xảy ra oan sai. Tăng cường niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Trong năm đã tổ chức 340 buổi = 44.800 lượt người tham gia nghe tuyên truyền chính sách pháp luật. Thực hiện thi hành án 116/234 vụ việc, tổng số tiền thi hành được 231,8 triệu đồng. Tuy nhiên công tác tuyên truyền pháp luật để thực sự đi vào người dân để người dân tự giác tham gia vẫn còn những mặt hạn chế.

IV. 6 Chương trình trọng tâm hướng về cơ sở

Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/3/2003 của Tỉnh ủy Lào Cai, Kế hoạch số 15/KH-UB ngày 10/3/2003 của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai thực hiện 6 chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003.

Huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo từ huyện đến xã mở các hội nghị triển khai sâu rộng đến từng thôn bản, nhân dân rất phấn khởi tin tưởng và nhiệt tình ủng hộ. Kết quả thực hiện trong năm 2003 đạt khá cao, hầu hết các chương trình đều đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao cũng như mục tiêu phấn đấu của huyện.

- Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn: Tiếp tục đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế phù hợp với yêu cầu phát triển nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương. Chú trọng việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa giống mới vào sản xuất, đầu tư thâm canh tăng năng suất; đẩy nhanh tiến độ kiên cố hóa kênh mương, quy hoạch vùng chè, vùng cây ăn quả, vùng tre măng bát độ, xây dựng dự án phát triển cây có múi, nâng cao tầm vóc đàn trâu địa phương, lai tạo hóa đàn lợn hướng nạc ... Từng bước thực hiện có hiệu quả dự án định canh định cư bền vững ở 5 xã - 9 thôn bản; thực hiện dự án khai hoang ở 13 xã - 17 thôn bản với tổng diện tích 702,77 ha, dự án sắp xếp dân cư ở 16 xã, thị trấn.

- Chương trình củng cố cơ sở chính trị: Tiến hành rà soát, quy hoạch sắp xếp đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Qua khảo sát cần phải sắp xếp thay đổi 92 cán bộ cơ sở, dự kiến đi đào tạo văn hóa hết cấp II là 22 người, lý luận chính trị 70, đào tạo chuyên môn là 120 người.

- Chương trình xóa đói giảm nghèo: Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ tấm lợp, nước sinh hoạt, hỗ trợ giống, phân bón, vật nuôi, cây trồng ... cho bà con nhân dân. Sắp xếp ổn định dân cư, đầu tư khai hoang, thâm canh tăng vụ, từng bước giải quyết việc làm tạo sự khởi sắc mới trong đời sống nông thôn và đại bộ phận dân cư trong huyện; hướng tới tỷ lệ giảm nghèo ngày càng mang tính bền vững.

- Các chương trình làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hoá trường lớp học, xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư được nhân dân hưởng ứng đồng tình ủng hộ thực hiện; nhiều mục tiêu đề ra đều hoàn thành đạt và vượt kế hoạch trên giao.

V. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng

1. Công tác tư tưởng chính trị

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng được cấp ủy tập chung làm tốt. Tổ chức triển khai học tập và quán triệt nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cấp trên như Nghị quyết Trung ương 7, Trung ương 8 (khóa IX), triển khai học tập tư tưởng Hồ Chí Minh ... Tiến hành tổng kết 5 năm Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua khen thưởng (1999- 2003). Tổng kết 9 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư và tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác cán bộ nữ ... tiến hành sưu tầm và biên soạn viết cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện tập 3 giai đoạn 1975 đến nay, đồng thời tái bản bổ sung lại tập I "Lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn 1945 -1954"

Trung tâm chính trị huyện đã mở 30 lớp với 1.838 học viên; trong đó khối Đảng 11 lớp 683 học viên, Đoàn thể 6 lớp với 360 học viên, khối Nhà nước 13 lớp 795 học viên.

2. Công tác kiểm tra Đảng

Được tiến hành và đôn đốc thường xuyên theo chương trình kế hoạch và kiểm tra của cấp ủy huyện. Trong năm 2003 đã thực hiện chương trình kiểm tra toàn diện theo Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị ở Đảng bộ xã Kim Sơn, Chi ủy chi cục Thuế huyện. Qua công tác kiểm tra ở huyện và cơ sở đã xử lý kỷ luật 19 cán bộ, đảng viên (khai trừ 5, cảnh cáo 7, khiển trách 6, cách chức 1). Nội dung vi phạm chủ yếu là phẩm chất đạo đức lối sống, về hôn nhân gia đình, về mất đoàn kết nội bộ và thiếu tinh thần trách

nhiệm. Số đơn thư tố cáo cán bộ đảng viên 8, qua xem xét giải quyết 7 đơn, 1 đơn chuyển cơ quan chức năng giải quyết. Tổ chức kiểm tra lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định 19-QĐ/TW về việc giải quyết khiếu nại tố cáo, việc thực hiện Pháp lệnh công chức ở các tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên, công chức cán bộ nhà nước đã có sự tự giác cao, các nội dung được quán triệt đưa vào nề nếp sinh hoạt thường xuyên. Các vụ vi phạm được phát hiện sớm và xử lý kịp thời, tinh thần phê và tự phê bình nâng lên, hạn chế đơn thư khiếu kiện vượt cấp, việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công chức, đảng viên có hiệu quả hơn, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Công tác tổ chức, cán bộ

Công tác tổ chức cán bộ được cấp ủy quan tâm chú trọng. Năm 2003 các cơ sở Đảng trực thuộc khối cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang đã tổ chức thành công Đại hội nhiệm kỳ khóa mới. Tiếp tục thực hiện Quy định 76 của Bộ Chính trị về việc đảng viên sinh hoạt nơi cư trú. Kiện toàn cơ sở Đảng yếu kém và quan tâm làm tốt công tác phát triển Đảng đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng sử dụng, đánh giá cán bộ nhất là cán bộ cơ sở. Hoàn thiện công tác quản lý hồ sơ đảng viên. Tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 2.072 đồng chí (khối cơ quan 401, khối xã 1.671). Năm 2003 bồi dưỡng kết nạp 128 quần chúng vào Đảng, trong đó nữ 48 đồng chí, nông dân 52 đồng chí. Xóa được 8 thôn bản và đầu mối chưa có đảng viên. Lựa chọn nhận xét đánh giá 25 đồng chí làm cơ sở cho việc kiện toàn, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý. Cử 13 đồng chí cán bộ cơ sở đi học trung cấp chính trị, 4 cán bộ quản lý đi học lớp Cử nhân Hành chính.

Qua đối chiếu các tiêu chuẩn đánh giá trong năm 2003 phân xếp loại đảng viên: Miễn phân tích chất lượng 140 đồng chí; chưa phân tích chất lượng 18 đồng chí. Đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ là 1.409, trong đó đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 512, xếp loại đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ 492, xếp loại vi phạm tư cách 08.

Phân xếp loại cấp ủy viên cơ sở: Xếp loại đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ 242, trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 190, xếp loại đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ 52, vi phạm tư cách không hoàn thành nhiệm vụ 01.

Phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng: Đạt TSVM 71%, xếp loại khá 24,6%, xếp loại yếu kém 4,4%.

4. Công tác Dân vân - Dân tộc

Công tác Dân vận - Dân tộc thực hiện có hiệu quả, chỉ đạo các cấp các ngành, mặt trận, đoàn thể từ huyện đến cơ sở gắn nhiệm vụ dân vận tộcvới công tác xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương,

củng cố hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện; sơ kết 3 năm thực hiện Hướng dẫn số 01 của Trung ương về củng cố kiện toàn Ban Dân vận ở cơ sở; sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết số 09 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng. Tổ chức tốt cuộc thi " Cán bộ làm công tác dân vận khéo ". Công tác tuyên truyền vận động không theo đạo trái phép, ngăn chặn di cư tự do có hiệu quả, vận động nhân dân ổn định cuộc sống yên tâm định cư sản xuất. Xây dựng và đưa vào sử dụng 3 nhà văn hóa bản. Duy trì hoạt động có hiệu quả của tổ công tác tăng cường cho các thôn bản có hoạt động tôn giáo.

5. Công tác xây dựng củng cố chính quyền, mặt trận, đoàn thể

Hoạt động của HĐND đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện đúng quy chế, hoàn thành các nội dung và chương trình giám sát đề ra. Định kỳ tiếp xúc giữa đại biểu HĐND các cấp với cử tri để thông tin nội dung các kỳ họp, đồng thời nắm bắt giải quyết những kiến nghị và thắc mắc của nhân dân xứng đáng vai trò là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Các kỳ họp tổ chức đúng theo luật định, đảm bảo dân chủ, thiết thực.

Hoạt động và sự điều hành UBND huyện thực hiện tốt quy chế làm việc vàcơ chế điều hành đề ra, có sự phối hợp chặt chẽ các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể quần chúng, bám sát chỉ tiêu kế hoạch và Nghị quyết của HĐND để xây dựng chương trình công tác để tổ chức chỉ đạo, điều hành nhạy bén, có hiệu quả.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có nhiều hình thức hoạt động hướng về cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định của địa phương. Tập hợp hội viên, đoàn viên phát huy dân chủ thực hiện có hiệu quả 6 nội dung cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư ". Củng cố tổ chức cơ sở,

Củng cố tổ chức cơ sở, đẩy mạnh thi đuatrong các phong trào xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, nâng cao trình độ, phát huy sáng tạo trong quản lý, tổ chức sản xuất, kế hoạch hóa gia đình ... phát động ủng hộ các loại quỹ, vay vốn xóa đói giảm nghèo phát triển sản xuất Qua phân xếp loại mặt trận, các đoàn thể cấp huyện đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2003 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã có sự cố gắng lớn triển khai các nhiệm vụ chính trị, tập chung mọi nguồn lực hướng về cơ sở. Triển khai kịp thời các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy Lào Cai và các chương trình của Đảng bộ huyện, của

cấp ủy Đảng cơ sở. Phát huy tinh thần đoàn kết trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc, khẳng định vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự điều hành của các cấp chính quyền, phát huy vai trò hoạt động của các mặt trận, đoàn thể tập chung hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước đề ra. Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, an ninh nông thôn và trật tự xã hội được bảo đảm, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Tình hình tôn giáo từng bước đi vào ổn định các hộ theo đạo tin lành trái phép thu hẹp dần. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm hoạt động có hiệu quả. Cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự điều hành và quản lý của chính quyền và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn có một số tồn tại: Cơ sở còn có tư tưởng ỷ lại trông chờ cấp trên, ỷ lại sự đầu tư của Nhà nước. Một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn thiếu chủ động trong công việc dẫn đến hiệu quả công tác thấp, việc thu nộp một số sắc thuế còn chậm. Cần đẩy mạnh hơn nữa việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản. Thực hiện tốt hơn quy chế dân chủ, tạo sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở. Cần thực hiện tốt côngtác quy hoạch, đào tạo cán bộ nguồn theo hướng đảm bảo trình độ năng lực phẩm chất cân đối giữa thành phần dân tộc, tăng tỷ lệ cán bộ nữ. Đẩy mạnh phát triển đảng viên mới, xóa thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên. Tập chung chuyển dịch mạnh hơn nữa cơ cấu cây trồng, vật nuôi để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh với các chương trình khuyến nông, khuyến lâm một cách hiệu quả hơn.

Nguyên nhân của những tồn tại biểu hiện tập chung là: Do còn có hạn chế nhất định về trình độ, năng lực cán bộ chưa đáp ứng so với yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn đổi mới. Một số cơ quan, ban ngành còn chưa sâu sát cơ sở, chưa làm tốt công tác tham mưu, thiếu tính năng động, chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm. Chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ở một số cơ sở còn chưa tốt, còn có cấp ủy, chính quyền mất đoàn kết nội bộ làm giảm sút niềm tin của nhân dân.

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2004

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình đề án của tỉnh được cụ thể hóa bằng 6

chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện. Năm 2004 Đảng bộ huyện Bảo Yên sẽ phát huy các thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, tập chung nguồn lực hướng về cơ sở; củng cố hệ thống chính trị, đổi mới trong lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở tăng hiệu lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh toàn diện. Vì vậy cần tập chung vào một số mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

I. Một số chỉ tiêu nhiệm vụ chủ yếu năm 2004

1. Về kinh tế - xã hội

- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 5 tỷ đồng.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 24.500 tấn.
- Tổng đàn gia súc, gia cầm tăng 3 - 5%/năm.

Giảm tỷ lệ sinh 0,7%o. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường 97%.
- Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo 2,59%.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 5.345 triệu đồng.
- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2004 theo chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Tiếp tục ngăn chặn và thu hẹp diện truyền đạo trái phép, di cư tự do. Thực hiện quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư, chương trình định canh định cư.
- Tỷ lệ tán che phủ rừng đạt 43% (tăng thêm 2%).
- Xây dựng Đảng: Phấn đấu 75% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh. Giảm tối đa thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên. Phấn đấu 75% trở lên tổ chức đoàn thể, chính quyền cơ sở vững mạnh.

2. Nhiệm vụ và biện pháp thực hiện

Tập chung chỉ đạo gieo cấy hết diện tích các cây lương thực, thâm canh lúa cao sản, ngô hàng hóa, thực hiện đầu tư chăm sóc và thu hái kết hợp với tiêu thụ sản phẩm trên diện tích chè hiện có, đẩy mạnh tiến độ các dự án sản xuất nông lâm nghiệp. Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời về vốn, giống, vật tư cho sản xuất, làm tốt công tác dự báo, dự tính thời vụ, thời tiết, sâu bệnh hại để bảo về mùa màng. Duy trì và đẩy mạnh chăn nuôi, thực hiện có hiệu quả các dự án cải tạo giống vật nuôi để nâng cao chất lượng, năng suất và khả năng thích ứng điều kiện tự nhiên chống chịu dịch bệnh. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, ban ngành chức năng bám sát cơ sở giúp nhân dân phát triển nghề rừng, trồng cây lâm nghiệp

thành vùng nguyên liệu tập chung, giữ gìn phát triển tốt vốn rừng hiện có, đặc biệt là vùng phòng hộ đầu nguồn.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai có hiệu quả các đề án phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, coi trọng công nghiệp chế biến, khai thác có hiệu quả ngành nghề có tiềm năng ở địa phương.

Gắn đẩy mạnh khai thác sử dụng tài nguyên với bảo vệ môi trường sinh thái bằng việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch cụ thể góp phần tăng thu ngân sách, tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương.

- Khuyến khích và thu hút đầu tư chế biến hàng hóa từ sản phẩm địa phương nhằm tăng khả năng tiếp cận các loại sản phẩm với thị trường. Trước mắt cần kịp thời chủ động tháo gỡ khó khăn trong việc chế biến tại chỗ tiến tới xây dựng cơ sở chế biến tập chung cho vùng nguyên liệu chè, vùng nguyên liệu giấy...

- Tăng cường đôn đốc, giám sát kiểm tra chất lượng, tiến độ thicông xây dựng cơ bản đảm bảo kế hoạch đề ra, khuyến khích đầu tư theo hình thức đổi đất lấy hạ tầng, đô thị, huy động tốt các nguồn lực trong xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là công trình làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hoá trường lớp học ...

- Tăng cường chỉ đạo công tác thu ngân sách, tiết kiệm chi để đầu tư phát triển. Huy động vốn đầu tư trọng điểm cho các vùng và các hộ nghèo đói.

- Đẩy mạnh giáo dục đào tạo, từng bước xã hội hóa giáo dục, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học, huy động tỷ lệ trẻ em ra lớp đúng độ tuổi đạt kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục tập chung nguồn lực thực hiện 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở gồm: Chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn; Phát triển giao thông nông thôn; Xóa đói giảm nghèo; Quy hoạch sắp xếp lại dân cư; Kiên cố hóa trường lớp học; Xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư và chương trình củng cố hệ thống chính trị cơ sở.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Đẩy mạnh phong trào xây dựng cơ quan, làng bản, hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa. Tổ chức tốt các hoạt động lễ hội phù hợp với đời sống văn hóa địa phương gắn với truyền thống dân tộc. Bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan và theo đạo trái phép, lợi dụng tín ngưỡng. Duy trì mở rộng diện phủ sóng phát thanh - truyền hình.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế cơ sở, làm tốt các chương trình y tế quốc gia. Đảm bảo tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em đúng độ tuổi, quản lý tốt các nguồn thuốc chữa bệnh cho nhân dân.

II. Công tác nội chính

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về công tác Tư pháp trong tình hình mới.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với các cơ quan khối Nội chính, giữ vững an ninh chính trị, an ninh kinh tế, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác quân sự quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu và xây dựng củng cố các lực lượng, tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

Phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan khối Nội chính để nắm bắt, xử lý kịp thời có hiệu quả các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Giải quyết tốt khiếu nại, tố cáo của công dân, không để dây dưa, kéo dài, vượt cấp.

III. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đảng cấp trên, các nghị quyết chuyển đề của tỉnh và huyện về phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác chính trị tư tưởng, đẩy mạnh đưa thông tin về cơ sở, củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng. Đẩy mạnh học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, tổ chức cuộc thi báo cáo viên giỏi về tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới. Thi Bí thư chi bộ giỏi.

- Tiếp tục thực hiện rà soát, quy hoạch cán bộ gắn với đào tạo bồi dưỡng, đánh gia và sử dụng cán bộ ngày càng có hiệu quả hơn. Tăng cường xây dựng, củng cố các cơ sở Đảng, đẩy mạnh phát triển đảng và xóa thôn bản, đầu mối trắng đảng viên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thực hiện tốt chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo và xử lý nghiêm minh, kịp thời các sai phạm.

- Đẩy mạnh công tác dân vận, củng cố và duy trì tốt hoạt động của Ban Chỉ đạo 184 và đội ngũ cộng tác viên; phối hợp đồng bộ các lực lượng với các biện pháp tích cực để giảm số hộ theo đạo tin lành trái phép, hạn chế mức thấp nhất tình trạng di cư tự do.

- Thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính, xây dựng chính quyền các cấp đạt trong sạch vững mạnh. Nâng cao hiệu quả công tác điều hành. Tăng cường tiếp xúc cử tri, thực hiện tốt các chương trình giám sát, giải quyết kịp thời nguyện vọng chính đáng của nhân dân; phát huy quy chế dân chủ nâng cao khả năng quản lý kinh tế - xã hội. Chuẩn bị tốt các điều

kiện để tổ chức cuộc bầu cử đại biểu HĐND các cấp khóa mới vào tháng 4 năm 2004.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung và đa dạng hóa phương thức hoạt động. Tập hợp thu hút hội viên, đoàn viên, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động với phương thức gần dân, hướng về cơ sở. Thực hiện tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư. Tích cực vận động phát triển sản xuất, tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo.

Tổ chức phát động và đẩy mạnh các phong trào thi đua nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, phấn đấu xây dựng Đảng bộ huyện đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 127-BC/HU, ngày 15 tháng 01 năm 2004
Kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2003

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII bầu ra 33 đồng chí trong đó có 5 đồng chí nữ và khối xã gồm 7 đồng chí. Trong quá trình công tác đã chuyển lên tỉnh Lào Cai 2 đồng chí, trong đó có 1 nữ. Tháng 10 năm 2003 được Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung đồng chí và hiện nay đang tham gia công tác tại các cơ quan, ban ngành ở huyện và cơ sở có 32 đồng chí Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên báo cáo kiểm điểm tự phê bình và phê bình; kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; tổ chức chỉ đạo điều hành và về phẩm chất đạo đức lối sống của tập thể Ban Chấp hành như sau:

1. Kiểm điểm về tư tưởng chính trị:

Tập thể Ban Chấp hành luôn nhận thức đúng đắn và nhất trí cao với những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Không có đồng chí nào có tư tưởng hoài nghi hoặc suy nghĩ lệch lạc sai trái với quan điểm của Đảng. Tập thể Ban Chấp hành đều thực hiện đầy đủ và nghiêm túc Cương lĩnh và các qui định của Điều lệ Đảng. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, đề án của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lào Cai đặc biệt là triển khai thực hiện 6 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 gồm: Chương trình củng cố hệ thống chính trị cơ sở; xóa đói giảm nghèo; xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư; kiên cố hoá trường lớp học; phát triển giao thông nông thôn và chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn. Với sự nỗ lực cố gắng, sự chỉ đạo lãnh đạo của tập thể Ban Chấp hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và công tác xây dựng Đảng đạt kết quả rất quan trọng tạo đà cho sự phát triển của huyện trong thời gian tiếp theo.

Tập thể Ban Chấp hành và cá nhân mỗi đồng chí trong cương vị công tác của mình thể hiện tính chiến đấu trong đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm, luôn coi trong công tác xây dựng, củng cố sự đoàn kết trong Đảng; đấu tranh chống tư tưởng cơ hội, cục bộ, khép kín; kiên quyết bác bỏ trong những luận điểm phản động và những thông tin sai trái, bịa đặt, từng bước đổi mới tăng cường công tác lãnh đạo của cấp ủy Đảng; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập chung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng

cấp trên được cụ thể hoá và triển khai sâu rộng từ trong Đảng đến quần chúng nhân dân.

2. Về tổ chức chỉ đạo và sự điều hành:

- Các Chỉ thị, nghị quyết, đề án, kế hoạch và công văn hướng dẫn của cấp trên đều được BCH triển khai thực hiện nghiêm túc. Đề ra chương trình, kế hoạch từ Đảng bộ huyện đến các chi đảng bộ trực thuộc; đồng thời có kiểm tra đôn đốc đánh giá kết quả những lĩnh vực quan trọng cấp bách vào hàng quí, 6 tháng và một năm. Qua đó kịp thời uốn nắn những sai sót, giải quyết, phát sinh ngay từ cơ sở, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng.

- Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy huyện đã kịp thời ban hành các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch và công văn đôn đốc chỉ đạo từng ngành từng lĩnh vực nhằm đảm bảo sự tập chung thống nhất trong toàn Đảng bộ. Trong năm qua BCH Đảng bộ huyện đã tổ chức 6 hội nghị BCH mở rộng, trong đó có 4 hội nghị định kỳ. Ban Thường vụ tổ chức 10 cuộc họp để thực hiện các nội dung chương trình theo quy chế đã đề ra. Sau các kỳ họp để có thông báo nội dung gửi đến các đồng chí ủy viên BCH Ủy viên Ban Thường vụ các cơ quan liên quan và các chi đảng bộ trực thuộc triển khai thực hiện.

- Tập thể BCH luôn xác định dùng chức năng nhiệm vụ của mình, từng bước đổi mới phương thức và phong cách lãnh đạo với phương châm đoàn kết thống nhất, gần dân sát cơ sở; thể hiện tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

Tập thể Ban Chấp hành và từng đồng chí đã đề cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương; thực hiện đúng quy chế đã được ban hành. Trong quá trình hoạt động luôn bán sát các qui định của Điều lệ Đảng, chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước giao và đã đạt được những thắng lợi trên tất cả các lĩnh vực.

- Trong sản xuất nông lâm nghiệp đã tập chung chỉ đạo dự án khai hoang để tăng diện tích, đầu tư thâm canh tăng năng suất, đưa các giống lúa lai, lúa kỹ thuật có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất. Chú trọng đầu tư hỗ trợ giống, phân bón, kỹ thuật gieo trồng. Chỉ đạo thực hiện tốt chương trình kiên cố hoá kênh mương; phát triển vùng sản xuất ngô hàng hoá, thực hiện dự án trồng cây ăn quả có múi. Xây dựng dự án nâng cao tầm vóc đàn trâu, lai tạo hoá đàn lợn hướng nạc có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục duy trì và trồng mới diện tích chè cao sản vùng dự án, hỗ trợ máy sơ chế chè công suất nhỏ theo nhóm hộ, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm chè đã sơ chế cho nông dân. Làm tốt công tác dự báo và phòng trừ

dịch bệnh cho lúa, hoa màu và đàn gia súc gia cầm, tăng cường công tác phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai. Đẩy mạnh công tác khuyến nông với các dự án, chương trình khảo nghiệm cây con giống mới. Thực hiện có hiệu quả đầu tư thuộc chương trình định canh định cư. Về lâm nghiệp đã chú trọng đến công tác quản lý, bảo vệ xây dựng và phát triển vốn rừng; ngăn chặn các vụ việc khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép, tận dụng nguyên vật liệu để phục vụ chế biến lâm sản; tỷ lệ tán che phủ rừng tăng hàng năm.

- Xây dựng và đề nghị Tỉnh phê duyệt đề án phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2003-2005; từng bước quy hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng chế biến gỗ; quản lý việc thai thác vật liệu xây dựng đi vào nề nếp nhằm khai thức hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Công tác xây dựng cơ bản với nhiều hạng mục công trình, nguồn vốn đầu tư lớn nhiều dự án tham gia. Cấp ủy huyện đã tập chung chỉ đạo khá tốt từ khâu khảo sát, thiết kế, đấu thầu, chọn thầu, thi công, giám sát kỹ thuật, nghiệm thu hoàn công thẩm định thanh quyết toán nhằm đảm bảo thi công đúng thiết kế, thời gian và đảm bảo chất lượng công trình; đồng thời chỉ đạo sửa chữa khắc phục kịp thời các sự cố xảy ra.

- Về giáo dục đào tạo: Tiếp tục duy trì phổ cấp giáo dục Tiểu học chống mù chữ ở các xã, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở ở thị trấn Phố Ràng; từng bước thực hiện dự án kiên cố hoá trường lớp, tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường hàng năm, tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục theo hướng xã hội hoá.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sử khoẻ ban đầu cho nhân dân. Các chương trình y tế quốc gia thực hiện đạt kế hoạch. Duy trì tốt phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ quan, trường học và khu dân cư. Các đối tượng chính sách xã hội được thường xuyên quan tâm, tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh, các chương trình đầu tư của Nhà nước đối với các xã đặc biệt khó khăn từng bước đem lại hiệu quả.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn phấn đấu tăng thu hàng năm; tiến hành rà soát huy động tối đa các nguồn thu vào ngân sách. Mở rộng các hoạt động tín dụng, huy động vốn vay, đảm bảo đủ ngồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như hỗ trợ các hộ nghèo vay vốn.

- Công tác quốc phòng an ninh: Thường xuyên đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong xây dựng và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện và tác chiến trị an cấp xã. Có kế hoạch đối phó âm mưu diễn biến hoà bình và bạo loạn lật đổ các thế lực thù địch. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, có sự phối hợp giữa các lực lượng để nắm chắc và quản lý tốt địa bàn. Hạn chế có hiệu quả trong việc tuyên truyền đạo trái phép và di cư tự do.

- Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng luôn được cấp ủy quan tâm và có sự phối hợp hoạt động một cách đồng bộ, có hiệu quả hơn. Tổng số đảng viên toàn đảng bộ 2.072 đồng chí, tăng 5,2% so với năm 2002, sinh hoạt tại 45 chi, đảng bộ (tăng 1 chi bộ so năm 2002); các đồng chí đảng viên được giao nhiệm vụ đều tiến hành đánh giá phân xếp loại hàng năm. Thường xuyên quan tâm đến công tác xóa thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 76 của Bộ Chính trị về việc đưa đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt nơi cư trú và hàng năm đều có đánh giá nhận xét của chi bộ nơi đảng viên cư trú. Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra Đảng theo kế hoạch, các cá nhân và tổ chức vi phạm đều có hình thức xử lý nghiêm minh thể hiện tính công khai, khách quan, kịp thời đúng trình tự góp phần nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên.

- HĐND, UBND từ huyện đến cơ sở thường xuyên được củng cố kiện toàn để có đủ năng lực nắm bắt, quản lý điều hành từng bước chủ động được công việc nhất là ở cơ sở. Làm tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân, không để xảy ra tình trạng đơn thư kéo dài vượt cấp. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thường xuyên được quan tâm, có nội dung và phương thức hoạt động phong phú để tập hợp hội viên tham gia các phong trào có kết quả, phát huy quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Phân công từng đồng chí BCH phụ trách các cơ sở (là tổ trưởng tổ công tác tăng cường củng cố các xã, thị trấn). Các đồng chí Thường trực và BTV phân công phụ trách các cụm xã. Định kỳ thường xuyên các đồng chí Ban Chấp hành nắm tình hình cơ sở và báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy vào ngày 25 hàng tháng.

3. Về đạo đức lối sống

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành luôn có ý thức rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên, có lối sống lành mạnh giản dị trung thực; thể hiện tinh thần đoàn kết gắn bó với tập thể. Mỗi đồng chí đều nêu cao tinh thần đoàn kết gắn bó với tập thể, nêu cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, gương mẫu đi đầu thực hiện Cương lĩnh và Điều lệ Đảng; Thực hành tiết kiệm chống lãng phí; không vi phạm những điều cấm đảng viên không được làm theo Qui định số 19-QĐ-TW ngày 03/01/2002 của Bộ Chính trị. Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình trung thực với Đảng. Từng đồng chí đều thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các qui định của tập thể cơ quan, các quy ước khu dân cư nơi sinh sống; thúc đẩy việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân, được quần chúng nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

** Một số tồn tại*:

Sự phối hợp hoạt động, nắm bắt tình hình cơ sở và giải quyết công việc có liên quan giữa các ngành, giữa mỗi đồng chí được phân công trách nhiệm trong các lĩnh vực đôi khi chưa thống nhất, hiệu quả còn hạn chế.

Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy chế do Ban Chấp hành đề ra và quá trình kiểm tra, đôn đốc thực hiện chưa được thường xuyên. Cá biệt còn có đồng chí trong quá trình chỉ đạo điều hành chưa thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập chung dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng đến uy tín và công tác phải xử lý kỷ luật.

** Bài học kinh nghiệm:*

- Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất cao trong tập thể Ban Chấp hành cũng như toàn Đảng bộ. Từng đồng chí Ban Chấp hành thực sự là hạt nhân lãnh đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở. Tích cực động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện nỗ lực thi đua phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Nghiêm túc xem xét và sửa chữa những tồn tại, khuyết điểm, yếu kém. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát và đôn đốc trong quá trình thực hiện đi đối với tổng kết rút kinh nghiệm để nhân rộng các điển hình tiên tiến.

- Đẩy mạnh việc tự giác tích cực học tập để không ngừng nâng cao kiến thức, lý luận chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc sống đổi mới; phát huy quyền làm chủ của nhân dân thực hiện phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

- Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách cơ sở và những lĩnh vực được phân công; thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong đời sống xã hội.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm tự phê bình và phê bình hoạt động công tác của Ban chấp hành Huyện ủy Bảo Yên năm 2003. Trong thời gian tới phát huy kết quả, kinh nghiệm đã đạt được, khắc phục tồn tại khuyết điểm để tập chung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện vượt mức các mục tiêu kế hoạch đã đề ra./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 131-BC/HU, ngày 09 tháng 03 năm 2004
Việc kiểm điểm tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết TW5 (Khoá IX) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn

---

Thực hiện nội dung Công văn số 115-CV/TC ngày 02/3/2004 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai về việc sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết TW5 (khoá IX). Huyện ủy Bảo Yên báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết TW5 (khoá IX) ở Đảng bộ như sau:

I- Việc triển khai học tập, quán triệt và cụ thể hoá Nghị quyết TW5 (khoá IX) về việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, thị trấn

Sau khi tiếp thu tại tỉnh, trong 2 ngày 17 và ngày 18/6/2002, Đảng bộ huyện đã tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng để truyền đạt các Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành TW lần thứ 5; quán triệt chương trình hoạt động của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Lào Cai và xây dựng kế hoạch học tập, xây dựng chương trình hành động của Ban Chấp hành đảng bộ huyện Bảo Yên. Thành phần gồm có các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư, Phó bí thư các chi đảng bộ trực thuộc; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng, thủ phó các cơ quan ban ngành của huyện, ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và các đồng chí cán bộ trung cao cấp nghỉ hưu trên địa bàn thị trấn Phố Ràng (tổng số 147 đại biểu).

Trong kế hoạch triển khai học tập và tổ chức thực hiện Nghị quyết TW5 của đảng bộ huyện (số 29-KH/HU ngày 12/6/2002) đã nhấn mạnh cần đi sâu quán triệt sâu sắc các vấn đề như: Vị trí, vai trò, những ưu điểm và yếu kém, bất cập của hệ thống chính trị ở cơ sở. Những vấn đề cơ bản, bức xúc cần tập chung giải quyết nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở. Việc đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền cơ sở. Đổi mới công tác mặt trận và các đoàn thể nhân dân; vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ ở cơ sở. Trong khi truyền đạt các nội dung của Nghị quyết TW5 (khoá IX) hết sức quan tâm liên hệ thực tế ở địa phương cơ sở, gắn với việc truyền đạt những chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đã được Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành đảng bộ huyện đề ra trong các đề án, các nghị quyết chuyên đề và các chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005.

Việc triển khai ở các chi đảng bộ cơ sở thời gian là 1,5 ngày (hoàn thành trước ngày 10/7/2002) với thành phần là Ban Chấp hành đảng ủy; trưởng, phó các ngành ban đoàn thể xã, trưởng thôn bản, cán bộ tăng cường, cán bộ hưu trí, các đồng chí báo cáo viên (các chi, đảng bộ có 60 đảng viên trở xuống thì triệu tập toàn thể đảng viên học tập, trên 60 đảng viên thì tổ chức học tập theo chi bộ dưới cơ sở)... qua triển khai đã có 44/44 chi đảng bộ trực thuộc triển khai nghiêm túc với số đảng viên được học tập là 1.790 đồng chí = 93,2%, số còn lại thuộc diện miễn hoãn sinh hoạt.

Việc triển khai học tập trong nhân dân thời gian từ 1/2 ngày đến 1 ngày (hoàn thành trong tháng 8/2002). Chỉ đạo các đoàn thể quần chúng, các thôn bản, tổ dân phố và phân công cấp ủy viên, báo cáo viên để truyền đạt các nội dung cơ bản của Nghị quyết TW5 tóm tắt các chương trình hành động của tỉnh, huyện và xã đến quần chúng nhân dân. Kết quả đã có trên 85% các hộ gia đình được tham gia học tập quán triệt nghị quyết (11.220 hộ).

Về chương trình hành động của Đảng bộ huyện (số 248-CTr/HU ngày 24/6/2004) đề ra mục tiêu, giải pháp nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, thị trấn. Giao cho Ban Tổ chức Huyện ủy chủ trì cung phòng Tổ chức lao động thương binh xã hội hướng dẫn chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc xây dựng chương trình hành động và kế hoạch triển khai ở cơ sở. Ban Chấp hành đảng bộ phân công đồng chí Bí thư Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo chương trình hành động của Đảng bộ.

Thông qua việc quán triệt, triển khai học tập và thực hiện việc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở (tổ chức cơ sở đảng, chính quyền cơ sở, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị, các thôn bản, khu phố) đã có những chuyển biến đáng kể, tích cực hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở cùng với nhân dân các dân tộc tạo nên những thành tựu đổi mới về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội tưng bước làm thay đổi rõ rệt bộ mặt nông thôn. Tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nhận thức và hành động giữa các cơ quan ban ngành từ huyện đến xã trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được nhân dân đồng tình, tin tưởng và ủng hộ.

II- Những chủ trương, giải pháp và sự chỉ đạo của cấp ủy để thực hiện nghị quyết TW5 (khoá IX)

Căn cứ vào 7 chương trình, 27 đề án của đảng bộ tỉnh Lào Cai và 6 chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện khoá 12; xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương Đảng bộ huyện Bảo Yên đề ra một số mục tiêu, giải pháp chủ yếu nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, thị trấn đến năm 2005.

1. Mục tiêu đến năm 2005

85% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh không có cơ sở yếu kém. Đến năm 2004 cơ bản không còn thôn bản đầu mối không có đảng viên. 90% chính quyền cơ sở xã đạt khá trở lên. 85% tổ chức mặt trận và các đoàn thể cơ sở đạt khá trở lên.

- *Trình độ văn hoá đến năm 2005*: 100% cán bộ chủ chốt chính quyền xã vùng III hoàn chỉnh tiểu học trở lên. 100% cán bộ chủ chốt xã vùng I, vùng II đạt trung học cơ sở trở lên (trong đó 100% cán bộ thị trấn Phố Ràng đạt trung học phổ thông).

- *Trình độ lý luận chính trị đến năm 2005:* Từ 30% đến 50% cán bộ cơ sở thuộc khu vực III đạt trình độ trung cấp trở lên. 70% đội ngũ cán bộ cơ sở thuộc khu vực I và II đạt trình độ trung cấp trở lên (trong đó 100% đội ngũ cán bộ thị trấn Phố Ràng đạt trung cấp trở lên).

- *Trình độ chuyên môn* đến *năm* 2005: Mỗi xã, thị trấn ít nhất có 1 cán bộ trình độ đại học Nông - Lâm nghiệp và từ 2 đến 3 cán bộ có trình độ trung cấp Nông - Lâm nghiệp. 50% cán bộ chủ chốt các xã đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trung cấp.

Đội ngũ cán bộ chuyên môn các xã, thị trấn 100% có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên. Khu vực I và II có 50% đến 70%, khu vực III có 30% đến 40% cán bộ chuyên môn có bằng trung cấp chuyên ngành.

2. Giải pháp thực hiện

- Yêu cầu các chi, đảng bộ trực thuộc tiến hành khảo sát, đánh giá đúng thực trạng các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở mình để có kế hoạch và giải pháp củng cố cho phù hợp. Rà soát làm rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ trong công tác của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị. Duy trì thực hiện tốt quy chế đề ra, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập chung dân chủ gắn với cá nhân phụ trách. Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ ở cơ sở đi đôi với nâng cao kỷ luật kỷ cương.

- Tiếp tục quy hoạch đào tạo nguồn cán bộ theo hướng chiến lược lâu dài, trước mắt khắc phục sửa chữa tồn tại trong việc thực hiện đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở phải đánh giá lại đội ngũ cán bộ hiện có đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và bố trí công việc phù hợp. Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ. Bố trí hài hoà giữa các thành phần, dân tộc, giới, tuổi trong từng cấp, từng ngành và cơ sở một cách phù hợp. Bố trí nhân sự HĐND các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 đảm bảo đúng yêu cầu của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đề ra. Thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý và tăng cường cán bộ trẻ đi huyện, xã theo Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 04/12/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Kiện toàn nâng cao nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, giảng viên trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường bồi dưỡng cán bộ huyện, trường dân tộc nội trú để có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho cơ sở. Tiếp tục mở các lớp bổ túc văn hoá tại các cụm xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đề cao trách nhiệm các đồng chí Huyện ủy viên, thủ trưởng các cơ quan, ban ngành đoàn thể theo dõi giúp đỡ cơ sở, gắn trách nhiệm với cơ sở với phương châm gần dân sát cơ sở, sát thực tế.

3. Những chuyển biến và kết quả đạt được.

a- ***Về đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng***:

Các chi, đảng bộ đã từng bước nâng cao được nhận thức và làm đúng vai trò hạt nhân chính trị lãnh đạo toàn diện mọi mặt công tác ở cơ sở, xác định nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt, quan tâm hơn việc xây dựng chính quyền mặt trận và các đoàn thể, có sự phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm phản ánh và giải đáp tâm tư nguyện vọng của nhân dân, khơi dậy trí tuệ, nguồn lực trong dân và phát huy dân chủ ở cơ sở.

Các đồng chí đảng viên đại đa số đã nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu, vững vàng về chính trị, đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh gắn bó với nhân dân. Nhiều đồng chí đảng viên đi đầu trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi vươn lên làm giàu, không cam chịu đói nghèo. Qua phân tích chất lượng đảng viên của 18 đảng bộ xã năm 2001 số đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 77,4% (toàn đảng bộ 82,96%), không hoàn thành nhiệm vụ là 0,6% (toàn đảng bộ 0,36%). Năm 2002 phân xếp loại theo hướng dẫn số 10-HD/TCTW ngày30/10/2002 (chỉ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ) có 24,4% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (toàn đảng bộ 56%), hoàn thành nhiệm vụ 74,2% (toàn đảng bộ 42,6%), chưa hoàn thành nhiệm vụ 1,2% (toàn đảng bộ 1,4%). Năm 2003 xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ 59,5% (toàn đảng bộ 73,8%), chưa hoàn thành nhiệm vụ 0,5% (toàn đảng bộ 0,4%) *(chi tiết trong biểu số* 2 *kèm theo)*.

Công tác phát triển đảng được quan tâm đảm bảo tiêu chuẩn, nguyên tắc theo đúng qui định của Điều lệ Đảng, nguồn phát triển đảng là những quần chúng ưu tú, là những lao động giỏi, có đạo đức lối sống lành mạnh có uy tín trong quần chúng; có lý tưởng cách mạng và tự nguyện đứng trong hàng ngũ của Đảng. Xóa dần thôn bản và đầu mối chưa có đảng viên. Năm 2001 kếp nạp 99 đảng viên mới (tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 1832 đồng chí), xóa được 7 thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên.

Năm 2002 kết nạp 150 đảng viên mới (tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 1920 đồng chí) xóa được 14 thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên. Năm 2003 kết nạp được 128 đảng viên mới (tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 2072 đồng chí) xóa được 8 thôn bản và đầu mối chưa có đảo viên. Hiện nay còn17 thôn bản và đầu mối chưa có đảng viên *(riêng 18 xã thị trấn có biểu số 5 kèm theo).*

- Đổi mới phương thức lãnh đạo: Việc ra nghị quyết của cấp ủy đối với những vấn đề lớn, quan hệ tới cuộc sống và quyền lợi đông đảo nhân dân địa phương. Cấp ủy đảng đề ra chủ trương và các giải pháp có tính định hướng và phân công giao trách nhiệm các ban ngành để của xã ra biện pháp và tổ chức thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Có sự phối kết hợp làm việc giữa Bí thư cấp ủy với Chủ tịch UBND, Chủ tịch Mặt trận tổ quốc và trưởng các đoàn thể. Xây dựng quy hoạch cán bộ, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận. Thực hiện sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng đối với các cuộc bầu cử (đặc biệt là cuộc bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009) trước hết là đảm bảo phát huy dân chủ, đảm bảo nguyên tắc, tiêu chuẩn, đúng qui trình.

Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng; chú trọng tìm hiểu, lắng nghe ý kiến nhận xét đánh giá của quần chúng đối với đảng viên và tổ chức đảng thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Qua công tác kiểm tra đảng năm 2001 xử lý kỷ luật 17 đồng chí trong đó có 6 cấp ủy viên (khiển trách 3, cảnh cáo 7, cách chức 1, khai trừ 1, xóa tên 5). Năm 2002 xử lý kỷ luật 18 đồng chí, trong đó có 5 cấp ủy viên (khiển trách 6, cảnh cáo 9, cách chức 1, khai trừ 1, xóa tên 1). Năm 2003 xử lý kỷ luật 21 đồng chí; trong đó có 4 cấp ủy viên (khiển trách 6, cảnh cáo 7, cách chức 1, khai trừ 5, xóa tên 2).

Qua kết quả phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng của 18 đảng bộ xã: Năm 2001 xếp loại trong sạch vững mạnh 72,2% (toàn đảng bộ 77,3%). Loại khá 27,8% (toàn đảng bộ 22,7%) không có loại yếu kém. Năm 2002 xếp loại trong sạch vững mạnh 33,3% (toàn đảng bộ 50%). Loại hoàn thành nhiệm vụ 55.5% (toàn đảng bộ 43,2%). Loại yếu kém 11,2% (toàn đảng bộ 6,28%). Năm 2003 xếp loại trong sạch vững mạnh 55,5% (toàn đảng bộ là 72%). Loại khá 44,5% (toàn đảng bộ là 28%). Không có loại yếu kém *(chi tiết trong biểu số 01 kèm theo).*

b- Đổi mới về nâng cao hiệu lực của chính quyền cơ sở.

- Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cơ sở là tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, các mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng ở cơ sở, thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn theo thẩm quyền được giao; hướng

dẫn và giám sát các hoạt động tự quản của nhân dân. Làm chủ đầu tư các dự án thuộc chương trình 135, quản lý cơ sở vật chất về trường học, trạm xá, nhà văn hoá bản và đường giao thông thôn bản.

- Hoạt động của HĐND: HĐND quyết định các mục tiêu kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng tại cơ sở thông qua các kỳ họp. Các đại biểu HĐND ngoài việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn còn tham gia các hoạt động như Ban Thanh tra nhân dân, tổ hoà giải, các tổ chức tự quản của dân.

Phối hợp và đề cao trách nhiệm giải quyết các đơn thư khiếu nại tố cáo của nhân dân ngay từ cơ sở không để dây dưa, kéo dài vượt cấp.

- Từng bước đầu tư xây mới, nâng cấp và trang bị cơ sở vật chất cho trụ sở các xã, thị trấn. Thực hiện tốt quy hoạch trung tâm các cụm xã đủ điều kiện để hoạt động có hiệu quả.

- Kết quả phân xếp loại chính quyền cơ sở 18 xã, thị trấn qua các năm:

Năm 2001 xếp loại trong sạch vững mạnh 44,5%; loại khá 55,5%; không có loại yếu

Năm 2002 xếp loại trong sạch vững mạnh 38,8%; loại khá 61,2%; không có loại yếu

Năm 2003 xếp loại trong sạch vững mạnh xuất sắc 5,7%; loại khá 55,5%; không có loại yếu (số liệu chi tiết biểu 3 kèm theo).

c- Đổi mới công tác mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở được thường xuyên củng cố kiện toàn, từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình hướng về cơ sở. Tập hợp hội viên, đoàn viên, xây dựng tổ chức hội ngày càng vững mạnh, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước; vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh trật tự ở cơ sở; thúc đẩy việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia hoà giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Từng bước đa dạng hoá các hình thức tập hợp quần chúng với các hình thức phong phú tạo điều kiện cho các hội viên, đoàn viên tham gia hoạt động trong các tổ chức của mình.

- Kết quả phân xếp loại Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể 18 xã, thị trấn:

Năm 2001 tỷ lệ phân xếp loại Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đạt loại khá trở lên đạt từ 77,7% đến 94,4%.

Năm 2002 và năm 2003 phân xếp loại khá trở lên đạt từ 88,8% đến 100%, trong 3 năm qua không còn cơ sở đạt yếu kém (*số liệu chi tiết trong biểu 4 kèm theo).*

d- Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở:

- Các cấp ủy đảng đã quan tâm đến đội ngũ cán bộ ở cơ sở; cán bộ cơ sở

có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở xã, thị trấn bởi vậy phải đẩy mạnh việc bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ này. Từng bước đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng đào tạo cơ bản, bồi dưỡng theo chức danh, đảm bảo tính thiết thực quan tâm việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở trung tâm chính trị huyện, giảng viên kiêm chức. Tích cực khai thác các nguồn vốn đầu tư; thực hiện tiết kiệm chi ngân sách địa phương ở mức cao nhất để dành kinh phí đầu tư nâng cấp trang bị cơ sở vật chất cho các trường như trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường bồi dưỡng cán bộ, trường dân tộc nội trú của huyện, đẩy mạnh việc mở các lớp bổ túc văn hoá ở các xã và các cụm xã. Thực hiện tốt chính sách thu hút những người được đào tạo chuyên môn, nhất là sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng tăng cường cho các xã. Kết hợp đào tạo cán bộ các xã, thị trấn thông qua việc thực hiện nghĩa vụ quân sự (bắt đầu từ năm 2004).

- Đảng bộ huyện đã xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2001 -2005 đối với cán bộ chủ chốt cơ sở; xây dựng mực tiêu đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn theo từng vùng cao hơn so với mục tiêu của tỉnh 10%. Trình độ văn hoá cán bộ chủ chốt các xã vùng III đạt mục tiêu 100%, vùng I và vùng II đã đạt được 90% (riêng thị trấn Phố Ràng đạt 80%). Trình độ lý luận chính trị vùng III đạt 30% (mục tiêu 30% đến 50%); vùng I và vùng II (mục tiêu 70%); thị trấn Phố Ràng đạt 70% (mục tiêu 100%). Trình độ chuyên môn có 100% các xã có cán bộ đang học đại học; cán bộ chủ chốt có bằng trung cấp 40% (mục tiêu 50%). Các chức danh chuyên môn đạt 80% đạt trình độ trung cấp; riêng cán bộ văn hoá xã có 4/18 xã có bằng trung cấp.

III- Những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân tồn tại

1. Tồn tại, yếu kém:

- Chức năng, nhiệm vụ của một số cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng chưa được xác định rành mạch, trách nhiệm chưa rõ ràng dẫn đến vai trò lãnh đạo của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; chưa chủ động trong công tác, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Công tác phát triển đảng viên mới chưa đồng đều giữa các thôn bản, các trường học, hiện nay vẫn còn 17 thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên.

- Hoạt động của HĐND và UBND ở nhiều cơ sở về năng lực giám sát, điều hành còn hạn chế, bất cập. Một số cơ sở xã chưa phân định rõ chức năng giữa Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý và điều hành dẫn tới buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay, thiếu nhiệt tình trong công tác, còn có biểu hiện ỷ lại vào sự giúp đỡ của cấp trên.

- Nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ

chức đoàn thể một số nơi còn chưa sâu sát và gần gũi với nhân dân; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở còn có hạn chế. Các hình thức tập hợp quần chúng, công tác vận động quần chúng một số xã chưa tốt, nhất là các xã đặc biệt khó khăn nên đã bị một số phần tử xấu lợi dụng tuyên truyền đạo trái phép và lôi kép kích động nhân dân di cư tự do.

2. Nguyên nhân tồn tại chủ yếu

- Trong thời gian qua một số ban ngành chưa thực sự nhận thức đúng vai trò, vị trí của cơ sở; chưa thực sự gần dân sát cơ sở. Các dự án đầu tư, chính sách hỗ trợ vốn vay đối với đồng bào vùng sâu vùng xa đã có tác động tích cực góp phần nâng cao đời sống mọi mặt của người dân nhưng chưa rộng khắp và bền vững.

- Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị ở cơ sở còn nhiều hạn chế và bất cập về trình độ văn hoá, lý luận chính trị, chuyên môn, kiến thức về quản lý nhà nước và thông hiểu pháp luật dẫn đến việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành và giải quyết công việc hàng ngày hiệu quả chưa cao. Mặt trận tổ quốc và đoàn thể quần chúng, trương thôn, trưởng bàn ở cơ sở thiếu kinh phí hoạt động phần nào ảnh hưởng đến sự nhiệt tình và tính hiệu quả của công việc.

IV- Một số kiến nghị

- Giải quyết kịp thời phụ cấp cho các bí thư chi bộ ở cơ sở khi tách chi bộ; tránh tình trạng đã tách chi bộ nhưng không có phụ cấp kèm theo.

- Cho phép huyện mở lớp đào tạo chuyên môn tại chức, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ xã, thị trấn đi học.

- Tăng thêm mức sinh hoạt phí cho Bí thư chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở ở nông thôn bằng mức sinh hoạt phí của trưởng bản vì chức năng nhiệm vụ của Bí thư chi bộ nặng nề hơn so với trưởng bản (nhiều chi bộ phụ trách từ 3 đến 4 thôn bản).

Trên đây báo cáo kiểm điểm tình hình 2 năm thực hiện nghị quyết TW5 (khoá IX) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, thị trấn của Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 142-BC/HU, ngày 23 tháng 05 năm 2004
Sơ kết 3 năm thực hiện Kết luận Hội nghị TW4 (khóa IX)

Thực hiện chủ trương của Ban Chỉ đạo TW6 (2) của Tỉnh ủy Lào Cai về việc sơ kết 3 năm thực hiện Kết luận Hội nghị TW4 (khóa IX), huyện ủy Bảo Yên xin báo cáo kết quả thực hiện sau 3 năm như sau:

I. Kết quả triển khai và tổ chức thực hiện kết luận Hội nghị TW4 (khóa IX)

1. Đặc điểm chung của huyện Bảo Yên

Bảo Yên là huyện cửa ngõ của tỉnh Lào Cai, cách trung tâm tỉnh lỵ 75 km về phía Đông Nam. Tổng diện tích tự nhiên là 82.090 ha, với hơn 7 vạn dân và 16 dân tộc anh em cùng sinh sống. Toàn huyện có 17 xã và 1 thị trấn, trong đó có 12 xã thuộc vùng 3 đặc biệt khó khăn. Đảng bộ huyện có 45 chi, đảng bộ trực thuộc với 2.128 đảng viên, hệ thống chính trị luôn luôn được củng cố, kiện toàn từ huyện xuống cơ sở và đã phát huy hiệu quả rõ rệt: An ninh chính trị cơ bản được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân ngày được nâng cao.

2. Kết quả quán triệt học tập Nghị quyết

*** Ở huyện:**

Sau khi tiếp thu tinh thần Nghị quyết ở tỉnh, huyện đã tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng đến các bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch UBND các xã, thị trấn và thủ trưởng, thủ phó các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể để quán triệt học tập Nghị quyết TW4 (khóa IX) và quán triệt Quy định số 19-QĐ/TW ngày 03/01/2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm.

Thực hiện Kế hoạch số 15-KH/TU của tỉnh ủy Lào Cai về việc kiểm tra thực hiện Kế hoạch số 01, 02 của trung ương, huyện ủy Bảo Yên đã có Quyết định số 555-QĐ/HU ngày 14/6/2004 thành lập Ban kiểm tra để kiểm tra việc thực hiện Quy định 55-QĐ/TW (khóa VIII) và việc triển khai học tập, thực hiện Quy định số 19-QĐ/TW (khóa IX) về những điều đảng viên không được làm. Đồng thời huyện cũng xây dựng chương trình hành động số 320 - Ctr/HU ngày 16/10/2002 để thực hiện nghiêm túc Quy định 19 QĐ/TW về những điều đảng viên không được làm nhằm thực hiện tốt Kết luận TW4 (khóa IX) về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW6 (2) khóa VIII.

***Ở 45 chi, đảng bộ trực thuộc:**

Sau khi tiếp thu tinh thần Nghị quyết ở huyện, các chi, đảng bộ trực

thuộc đã mở hội nghị triển khai tới 155 chi bộ cơ sở và 302 thôn bản. Các chi, đảng bộ đều xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện tốt Nghị quyết TW6 (2) khóa VIII. Đồng thời triển khai học tập Quy chế dân chủ sâu rộng đến mọi tàng lớp nhân dân, các chương trình, dự án, các công trình đầu tư đều công khai cho dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, cho nên chất lượng các công trình đã được nâng nên, đã góp phần làm giảm thiểu đơn thư khiếu kiện trong nhân dân.

3. Kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết:

Huyện đã xây dựng Chương trình hành động số 186 - Ctr/HU ngày 20/02/2000 nhằm thực hiện có hiệu quả kết quả Hội nghị TW4 (khóa IX):

a, Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên từ huyện xuống cơ sở:

Giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối đổi mới của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt là giáo dục về đạo đức cách mạng, phê phán những quan điểm sai trái, cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, lối sống buông thả, ích kỷ. Tổ chức triển khai học tập sâu rộng các Nghị quyết của Trung ương tới 155/155 chi bộ cơ sở với 1.710/1.916 đảng viên bằng 81,2%, tổ chức học tập nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cho hơn 80% đảng viên và hơn 70% quần chúng.

b, Khẩn trương giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm bức xúc ở một số cơ sở như:

Vụ khiếu kiện tập thể, kéo dài ở bản Mỏ Đá xã Tân Dương về làm đường 135 đã có kết luận của các cơ quan chức năng, nhưng một số đảng viên, quần chúng vẫn kiện tụng kéo dài. Huyện đã tiến hành kỷ luật "khai trừ " một đảng viên, nay đã đi vào ổn định. Việc mất đoàn kết giữa Bí thư đảng ủy với Chủ tịch UBND xã Nghĩa Đô kéo dài từ năm 2001 đến năm 2003. Huyện đã tiến hành xử lý kỷ luật "cách chức" hai đồng chí, đến nay Đảng bộ xã Nghĩa Đô đã đi vào ổn định và hoạt động tốt. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát của HĐND đối với các chương trình dự án, công trình xây dựng cơ bản, đồng thời thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trong 3 năm từ 2001 đến 2004, thực hiện Kết luận Hội nghị Ban Chấp hành TW4 (khóa IX) về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW6 (2) khóa VIII, Đảng bộ huyện Bảo Yên đã xử lý, giải quyết về đơn thư khiếu tố như sau:

Về khối Đảng, Đoàn thể: Tổng số kỷ luật về Đảng là 57 đảng viên, gồm có: Khiển trách 19; cảnh cáo 23; cách chức 3; khai trừ 12; trong đó có: 19 cấp ủy viên (1 huyện ủy viên; 10 đảng ủy viên; 8 chi ủy viên). Ban

Thường vụ Huyện ủy quyết định kỷ luật 16 đồng chí; UBKT Huyện ủy quyết định kỷ luật 18 đồng chí; đảng ủy cơ sở quyết định kỷ luật 18 đồng chí; chi bộ quyết định kỷ luật 5 đồng chí. Nội dung vi phạm như sau: Mất đoàn kết 6; mất dân chủ 1; thiếu trách nhiệm 6; vi phạm chế độ chính sách, chỉ thị, nghị quyết 12; bỏ sinh hoạt Đảng 1; vi phạm đạo đức lối sống 22; vi phạm chế độ chính sách nhà nước 6; cờ bạc 3. Có 8 đơn tố cáo cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý, trong đó tố đúng 6; tố sai 2. Nội dung là lợi dụng chức vụ quyền hạn, vi phạm đạo đức lối sống ... đã tiến hành xử lý cách chức 1; cảnh cáo 3; kiểm điểm sâu sắc 3 đồng chí.

- Về khối Nhà nước: Tổng số đơn thư tiếp nhận là 563 đơn, đã giải quyết 546/563 đơn, đạt 97%. Nội dung đơn thư chủ yếu là khiếu nại vấn đề đền bù giải phóng mặt bằng; tranh chấp đất đai giữa các hộ ...

c, Việc kê khai nhà đất, cơ sở sản xuất kinh doanh, trang trai, tài sản của cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước

Được tiến hành nghiêm túc, đúng trình tự, đã tiến hành kê khai nhà đất, tài sản cho 65 cán bộ, đảng viên huyện quản và 100% ứng cử viên HĐND các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009. Các cấp ủy từ huyện đến cơ sở luôn luôn quan tâm đến công tác tuyên truyền giáo dục, kiểm tra giám sát, quản lý tốt cán bộ, đảng viên được nhân dân tin tưởng và tín nhiệm, nhờ đó mà các cuộc bầu cử HĐND 3 cấp, bầu trưởng bản đã thành công tốt đẹp.

d, Nghiêm cấm lấy tiền của nhà nước, của tập thể để biếu, tặng cá nhân, tổ chức

Ban Chấp hành huyện ủy nhận thấy việc " tham nhũng, hối lộ " là mầm mống phát sinh mất ổn định chính trị mọi cấp, mọi ngành và làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng, do vậy phải tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng tới cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Tiến hành xử lý nghiêm minh các vụ việc hối lộ, tham ô ... huyện đã tiến hành đánh giá, xem xét, kiểm điểm sâu sắc từ huyện xuống cơ sở.

e, Về thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Đảng bộ huyện tiến hành quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Chính phủ về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, trước hết là trong các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, mua sắm trang thiết bị cơ quan

Các chương trình, dự án, công trình triển khai ở cơ sở đều được công bố công khai, lấy ý kiến của nhân dân và có sự kiểm tra, giám sát của nhân dân nên được nhân dân rất đồng tình ủng hộ như chương trình kiên cố hóa kênh mương, đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa trường lớp ... chất lượng các công trình đều được đảm bảo đúng như thiết kế.. Kỳ họp

thứ 9 HĐND huyện khóa 14 đã có Nghị quyết cụ thể về thu, chi ngân sách năm 2004, trong đó đề ra chi tiêu tiết kiệm của huyện, xã là 1,246 tỷ đồng.

g, Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc Quy định 14-QĐ/TW của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm:

Triển khai học tập 19 điều đảng viên không được làm tới 155 chi bộ cơ sở và 302 thôn bản để quần chúng nhân dân biết và giám sát sự hoạt động của cán bộ, đảng viên. Trong 3 năm qua huyện ủy đã xử lý 10 đảng viên vi phạm 19 điều đảng viên không được làm, trong đó khiển trách 2, cảnh cáo 7; khai trừ 1. Nội dung vi phạm chủ yếu là viết đơn mượn danh tập thể, vi phạm đạo đức lối sống, vi phạm pháp luật...

h, Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý

Trong 3 năm qua, Đảng bộ huyện đã tiến hành xử lý kỷ luật 2 tổ chức Đảng: "cảnh cáo" chi bộ Kim Quang thuộc Đảng bộ xã Kim Sơn và "khiển trách" Ban chi ủy chi cục Thuế huyện. Xử lý kỷ luật 57 đảng viên, trong đó có 5 cán bộ lãnh đạo: 1 huyện ủy viên - Bí thư đảng ủy xã, 1 Phó chi cục thuế, 2 Phó chủ tịch UBND xã, 1 đảng ủy viên. Nội dung xử lý vi phạm là: " khiển trách " đồng chí huyện ủy viên vì gây mất đoàn kết trong Ban thường vụ đảng ủy xã; " khiển trách "đồng chí chi cục phó chi cục thuế huyện về chỉ đạo thu tiền lệ phí đất sai quy định; khiển trách" một đồng chí Phó chủ tịch UBND xã vì vi phạm đạo đức lối sống; "khai trừ" một đồng chí Phó chủ tịch UBND xã vì tổ chức đánh bạc; "khai trừ" một đồng chí đảng ủy viên vì vi phạm Luật hôn nhân và gia đình.

i. Về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Đảng bộ huyện xác định QCDC là điều kiện quan trọng dẫn đến thành công trong nhiều lĩnh vực. Huyện chỉ đạo gắn việc thực hiện QCDC với cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng lãng phí. Phát huy tốt vai trò kiểm tra, giám sát của HĐND, vai trò tuyên truyền vận động của các tổ chức đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị xã hội. Thường xuyên tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để nhân dân thực hiện tốt quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Nhờ thực hiện tốt QCDC ở cơ sở nên nhân dân rất tin tưởng vào con đường đổi mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm chỉnh quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Trong các cuộc bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2002, cuộc bầu trưởng bản năm 2003 tỷ lệ cử tri đi tham gia gia bỏ phiếu đều đạt hơn 99%.

k, Về tổ chức chỉ đạo của Ban Thường vụ huyện ủy

Trong thời gian qua, để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nắm chắc

tình hình ở cơ sở xã, thị trấn, huyện ủy đã thành lập 18 tổ công tác tăng cường, củng cố cơ sở, do đồng chí huyện ủy viên làm tổ trưởng, Bí thư đảng ủy xã, thị trấn làm tổ phó, cho nên 18 xã, thị trấn đã có nhiều đổi mới trong phương pháp làm việc, cơ bản đã hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao, huyện đã kịp thời nắm bắt và xử lý khi có các vụ việc xảy ra.

Đã làm tốt công tác cán bộ theo tinh thần Nghị quyết TW3: Bổ nhiệm lại 25 đồng chí có đủ điều kiện và không bổ nhiệm lại 5 đồng chí không đủ điều kiện. Giới thiệu 52 đồng chí đảng viên thuộc huyện quản lý để bầu vào cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân, thực hiện luân chuyển 4 đồng chí theo tinh thần Nghị quyết 10 của tỉnh ủy.

**** Tổ chức thực hiện trong thời gian tới***:

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết TW6 (2) khóa VIII theo Kết luận TW4 (khóa IX). Ban Thường vụ huyện ủy đã ra Quyết định số 1095A - QĐ/HU về việc thành lập Ban Chỉ đạo TW6 (2) gồm có 11 thành viên. Ban Chỉ đạo đã xây dựng chương trình công tác năm 2004, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và đang xây dựng quy chế hoạt động của Ban.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm:

Qua 3 năm thực hiện Kết luận Hội nghị TW4 (khóa IX) Đảng bộ huyện bảo Yên đã triển khai kịp thời và xây dựng được chương trình hành động thực hiện kết luận Hội nghị. Qua đó nhận thức của cán bộ, đảng viên được nâng lên, tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình trong Đảng đã có sự chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở trong sạch vững mạnh. Kết quả phân xếp loại của các chi, đảng bộ cơ sở như sau: Năm 2001 có 44 chi, đảng bộ trực thuộc, trong đó TSVM 34, khá 10; năm 2002 có 44 chi, đảng bộ trực thuộc, trong đó TSVM 22, hoàn thành nhiệm vụ 19, yếu kém 3; năm 2003 có 45 chi, đảng bộ trực thuộc, trong đó TSVM 32, hoàn thành nhiệm vụ 13.

2. Về tồn tại

Một số cấp ủy cơ sở chưa quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân (giáo dục không thường xuyên).

Việc kê khai tài sản, nhà đất, cơ sở kinh doanh của cán bộ công chức làm chưa triệt để, đôi khi còn mang tính hình thức, không phản ánh đúng, đủ thông tin. Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa được tuyên truyền sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Các hủ tục trong việc cưới, việc tang lễ ở đôi chỗ, đôi nơi còn nặng nề dẫn đến lãng phí của cải của nhân dân, việc chi tiêu ngân sách ở nhiều cơ quan, đơn vị đôi khi

còn chưa đúng mục đích. Ban Chỉ đạo và bộ phận thường trực TW6 (2) chưa ổn định tổ chức, hoạt động chưa thường xuyên, hiệu quả công tác chưa cao.

III. Những giải pháp tiếp tục thực hiện Kết luận TW4 khóa IX) trong thời gian tới

Triển khai sơ kết chương trình hành động số 186-CTr/HU ngày 20/01/2002 của Ban Thường vụ huyện ủy để rút kinh nghiệm, nhằm thực hiện tốt Kết luận Hội nghị TW4 khóa IX).

**** Những giải pháp tiếp theo chủ yếu như sau***:

1. Tiếp tục học tập, tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên 6 vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng. Tiếp tục nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đồng thời vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Tuyên truyền sâu rộng và giáo dục thường xuyên về 19 điều đảng viên không được làm. Tăng cường mối quan hệ của Ban Chỉ đạo TW6 (2) với các ngành, nhất là các ngành trong khối Nội chính.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính giảm phiền hà cho nhân dân. Công khai tài chính, ngân sách hàng năm cho công chức, nhân dân biết để giám sát ở xã và cơ quan, đồng thời giúp cơ sở quản lý tốt.

3. Quy định chặt chẽ, phân cấp rõ ràng trong đầu tư xây dựng cơ bản. Công khai các dự án, các công trình cho nhân dân biết để giám sát, nhằm mang lại hiệu quả tốt hơn. Việc quản lý và sử dụng đất đai phải chặt chẽ, được tiến hành theo Luật và theo quy hoạch, khắc phục những tồn tại vừa qua trong việc quản lý đất đai.

4. Tập chung giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc theo thẩm quyền. Tránh đưa đẩy gây khó khăn phiền hà cho nhân dân.

5. Nghiêm chỉnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí, khi mua sắm tài sản phải đúng qui định của nhà nước về tiêu chuẩn, định mức.

6. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh công chức và Quy định 19 điều đảng viên không được làm, nếu có vi phạm phải tiến hành xử lý nghiêm minh.

7. Thực hiện tốt việc kê khai tài sản, nhà đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ công chức nhà nước. Kiểm tra việc sử dụng các loại văn bằng chứng chỉ của cán bộ, công chức để thực hiện tốt việc tiêu chuẩn hóa cán bộ trong quy hoạch cán bộ, củng cố, xây dựng bộ máy Đảng và chính quyền những năm tiếp theo.

8. Tăng cường chỉ đạo và thực hiện nghiêm minh, giải quyết kịp thời các đơn thư tố cáo, khiếu nại, kiến nghị theo đúng quy định của nhà nước về phân cấp xử lý, giải quyết đơn. Nơi nào để xảy ra tố cáo, khiếu kiện trở thành điểm nóng thì người lãnh đạo nơi đó phải chịu trách nhiệm.

9. Xây dựng quy chế phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhằm tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân, của các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác xây dựng Đảng, trong việc chống tham nhũng lãng phí. Đồng thời triển khai có hiệu quả việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở từng cơ sở.

10. Ban Chỉ đạo TW6 (2) của huyện tham mưu cho Ban Thường vụ huyện ủy xây dựng chương trình công tác năm 2004 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng tới các cơ sở theo Kết luận Hội nghị TW4 (khóa IX), để chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc cấp ủy, các ngành tiến hành kiểm tra, giám sát, đề xuất xử lý các vi phạm khi có phát sinh, chủ yếu trong các lĩnh vực: Đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, chi tiêu ngân sách .

Ban Thường vụ huyện ủy yêu cầu các chi, đảng bộ cơ sở phân công một đồng chí cấp ủy theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết TW6 (2) khóa XIII (theo Kết luận Hội nghị TW4 khóa IX). Giám sát và phản ánh kịp thời việc tổ chức thực hiện 7 chương trình hướng về cơ sở về Ban Thường vụ huyện ủy (qua UBKT huyện ủy tổng hợp).

11. Tiếp tục bổ sung hoàn thiện Ban Chỉ đạo và xây dựng quy chế hoạt động của ban. Ban Chỉ đạo huyện xây dựng chương trình và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thàng viên. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy cơ sở thực hiện tốt Kết luận Hội nghị TW4 khóa IX. Các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng báo cáo 3 năm thực hiện Nghị quyết TW6 (2) khóa XIII (theo tinh thần Kết luận Hội nghị TW4 khóa IX) và triển khai học tập thường xuyên cho các chi bộ. Báo cáo gửi về huyện ủy (qua UBKT huyện ủy tổng hợp) trước ngày 20/6/2004./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 144-BC/HU, ngày 12 tháng 07 năm 2004
Sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 61-CT/TW ngày 28/12/2000 của Bộ Chính trị (Khoá VIII) về việc thực hiện phổ cập THCS trên địa bàn huyện Bảo Yên

---

I. Đặc điểm tình hình

1. Điều kiện tự nhiên và xã hội

Bảo Yên là huyện cửa ngõ của tỉnh Lào Cai với diện tích 82.090 ha trong đó đất canh tác chiếm 24.208 ha (29,48%) còn lại là đất lâm nghiệp và đất khác chiếm 57.844 ha (70,52%) .

Bảo Yên có 18 đơn vị xã (17 xã và 1 thị trấn): Trong đó 12 xã vùng đặc biệt khó khăn, địa hình phức tạp, nhiều núi cao, suối sâu nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn nhất là mùa mưa lũ.

Dân số của huyện là 73.317 người gồm 16 dân tộc anh em. Dân cư thường ở phân tán, vì vậy nhiều học sinh phải đến trường học còn xa, đi lại không thuận tiện.

2. Về công tác Giáo dục và đào tạo

Năm 1999, Bảo Yên đã được công nhận là huyện đạt tiêu chuẩn PCGDTH- CMC và đến nay vẫn được duy trì 18/18 đơn vị đạt chuẩn PCTH-CMC, đây là cơ sở vững chắc và là nguồn động viên, khích lệ cán bộ, nhân dân các dân tộc tiếp tục phấn đấu đạt chuẩn PCGDTH đúng độ tuổi và PCTHCS.

Thực hiện Nghị quyết TW2 khoá VIII và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, của tỉnh ủy Lào Cai về công tác PCGD. Huyện ủy Bảo Yên đã chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục TH và PC THCS, kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn huyện giai đoạn 2000-2010; Chỉ đạo các cấp, các ngành quan tâm đến sự nghiệp GD&ĐT nhất là trong công tác PCGD. Do vậy tất cả các ngành học, bậc học phát triển từng bước vững chắc. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đúng độ tuổi hàng năm đạt cao, hạn chế thấp nhất tỷ lệ trẻ em bỏ học,

Năm học 2003-2004 tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp đạt 98,7%, trong đó:

Mẫu giáo 5 tuổi đạt 97,5%,

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 96,22%.

Tỷ lệ huy động trẻ tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6 đạt 99,2%

Tỷ trẻ 11-14 tuổi tốt nghiệp tiểu học đạt 77,1%.

II. Việc quán triệt các chỉ thị, nghi quyết của quốc hội, các Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác PCGD

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên đã tổ chức quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 61-CT/TW, Nghị quyết 41 của Quốc Hội, Nghị quyết số 88 của Chính phủ về PCGDTHCS. Huyện đã thành lập các Ban Chỉ đạo Phổ cập các cấp huyện, xã, thị trấn. Ban hành chỉ thị, nghị quyết về phổ cập giáo dục, giải quyết đầy đủ chính sách giáo dục đào tạo cho các địa phương. Huy động mọi nguồn lực, tranh thủ các nguồn tài chính từ các dự án, chương trình 135 vào việc xây dựng phát triển cơ sở, qui mô các trường lớp, phấn đấu đạt chuẩn công tác PCGD theo đúng kế hoạch (PCGDTH Đ ĐT vào năm 2005, PCTHCS vào năm 2007).

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PCGDTH ĐÚNG ĐỘ TUỔI VÀ PCGD THCS TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2004.

Công tác PCGD đúng độ tuổi và phổ cập THCS từ năm 2001 - 2004 được quan tâm đúng mức, số đơn vị đạt chuẩn PCGD các đối tượng qua mỗi năm đều tăng và ngày càng bền vững.

1.Việc duy trì và phát triển kết quả PCGDTH-CMC

Năm 1999 toàn huyện Bảo Yên đã hoàn thành PCGDTH-CMC. Từ năm 1999 đến nay huyện Bảo Yên vẫn tiếp tục duy trì PCGDTH 18/18 xã.

2. PCGDTH đúng độ tuổi

Năm 2001 có: 01 đơn vị đạt chuẩn PCGDTH ĐĐT.

Năm 2003 có: 03 Đơn vị đạt chuẩn PCGDTH ĐĐT.

Năm 2004 có: 05 Đơn vị đạt chuẩn PCGDTH ĐĐT.(Biểu 01-KQTH)

3. Phổ cập THCS

Năm 2001có : 1 đơn vị đạt chuẩn PCGD THCS

Năm 2003 có: 01 Đơn vị đạt chuẩn PCGDTHCS.

Năm 2004 có: 03 Đơn vị đạt chuẩn PCGDTHCS (Biểu 02-KQTHCS)

IV- Đánh giá chung về việc củng cố nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nhằm hoàn thành và nâng cao chất lượng PCGD THCS

Việc củng cố đội ngũ cán bộ quản lý, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên được quan tâm thường xuyên, do vậy chất lượng dạy và học hàng năm đã được nâng cao. Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm; tỷ lệ học sinh chuyển cấp, chuyển lớp tăng, cụ thể là:

Năm 2004:

Số học sinh lưu ban toàn cấp ở tiểu học: 0% ; THCS : 2.48%.

Số học sinh bỏ học toàn cấp ở tiểu học: 71/10.418 em = 0,06%; THCS: 386/11312=3.4%

Đồ dùng giảng dạy được tăng cường đổi mới nhất là thiết bị đồ dùng phục vụ các lớp (lớp 1, 2 và lớp 6, 7), đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu dạy và học cho giáo viên và học sinh.

Việc nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo được chú trọng, tạo điều kiện hàng năm cử các giáo viên đi học các lớp Đại học, Cao đẳng nhằm chuẩn hoá đội ngũ giáo viên. Huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục đào tạo đến năm 2010. Tăng cường kiểm tra đánh giá xếp loại giáo viên theo yêu cầu của từng ngành học, bậc học. Cung cấp đầy đủ sách giáo khoa, vở học sinh theo đúng chế độ cho học viên các lớp bổ túc và các xã vùng 135.

Quan tâm bồi dưỡng giáo viên tiếp thu các chương trình đổi mới sách giáo khoa trong các dịp hè.

V. Tình hình xây dựng trường chuẩn quốc gia, phát triển mang lưới trường lớp

Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đã được triển khai từ năm 1999 đến nay toàn huyện đã có 1 trường TH chuẩn Quốc gia (trường Tiểu học Phố Ràng 1), năm 2004 tiếp tục xây dựng và đề nghị công nhận thêm 1 trường TH chuẩn Quốc gia (trường Tiểu học Phố Ràng 2). Tập chung đầu tư xây dựng cơ sở trường lớp bằng các nguồn vốn WB, chương trình 135 với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, phấn đấu các năm tiếp theo dự kiến xây dựng trường Tiểu học Bảo Hà 1, trường DTNT đạt chuẩn Quốc gia.

Đã tiến hành tách hầu hết các trường PTCS thành các trường THCS và tiểu học (hiện tại chỉ còn 5 trường PTCS, sẽ tách vào năm 2004 và 2005); quan tâm phát triển ngành học Mầm non ở tất cả các xã trong huyện.

VI. Về xây dựng cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất cho các trường học trong huyện ngày càng được nâng lên việc sử dụng các nguồn vốn ở các cơ sở được đảm bảo như xã Kim Sơn, Vĩnh Yên, Cam Cọn, Xuân Hoà, Tân Dương, Yên Sơn. Huy động, tranh thủ sự ủng hộ của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân các dân tộc giúp đỡ về sức người, sức của xây dựng trường học, cung cấp đủ đồ dùng giảng dạy, sách giáo khoa, sách giáo viên, thiết bị đồ dùng phục vụ các lớp đổi mới (lớp 1,2 và lớp 6, 7) cho các trường trong huyện.

VII. Công tác xã hội hoá giáo dục

Công tác tuyên truyền vận động được quan tâm đúng mức, nhân dân nhận thức đầy đủ về vai trò GD&ĐT trong sự nghiệp công nghiệp hoá và

hiện đại hoá đất nước. Do vậy công tác xã hội hoá giáo dục đã được nâng lên 1 tầm cao mới. Mọi lực lượng xã hội đều tích cực tham gia vào công tác PC GDTH, PC THCS.

Ban Chỉ đạo PCGD của huyện, xã đã thường xuyên hoạt động với những nội dung công việc cụ thể: tham gia chỉ đạo, kiểm tra tiến độ phổ cập, đề ra các giải pháp thực hiện. Huy động và duy trì tối đa số người trong độ tuổi ra lớp; Phân công các thành viên phụ trách đến từng cơ sở, đưa chỉ tiêu PCGD THCS vào chỉ tiêu phấn đấu phát triển KT-XH của địa phương. Huyện ủy chỉ đạo giao nhiệm vụ cho các đơn vị phụ trách tay ngành tay xã, các cán bộ tăng cường phối hợp với phòng GD - ĐT và các cơ sở sớm triển khai tổ chức thực hiện Đề án PCGDTH đúng độ tuổi và PC THCS theo đúng kế hoạch. Tổ chức thành công Đại hội Hội Khuyến học của huyện Bảo Yên khóa I.

VIII. Kế hoạch phổ cập THCS từ nay đến năm 2010

- Năm 2004: Có 03 đơn vị đạt chuẩn PCTHCS (Phố Ràng, Lương Sơn, Việt Tiến)

- Năm 2005: Có 11 đơn vị (Phố Ràng, Lương Sơn, Việt Tiến, Tân Dương, Nghĩa Đô, Bảo Hà, Long Phúc, Long Khánh, Kim Sơn, Minh Tân, Yên Sơn (Vượt 2 đơn vị).

Năm 2006: Có 11 đơn vị (Phố Ràng, Lương Sơn, Việt Tiến, Tân Dương, Nghĩa Đô, Bảo Hà, Long Phúc, Long Khánh, Kim Sơn, Minh Tân, Yên Sơn (Vượt 2 đơn vị).

Năm 2007: Có 17 đơn vị (Phố Ràng, Lương Sơn, Việt Tiến, Tân Dương, Nghĩa Đô, Bảo Hà, Long Phúc, Long Khánh, Kim Sơn, Minh Tân, Yên Sơn, Xuân Thượng, Điện Quan, Xuân Hoà, Cam Cọn, Vĩnh Yên, Thượng Hà).

Năm 2010: 18/18 xã đạt chuẩn PCGD THCS (xã Tân Tiến).

Như vậy đến năm 2007 huyện Bảo Yên có 17/18 xã đạt chuẩn PCGD THCS, đạt 92%.

IX. Những giải pháp và kiến nghị

1. Giải pháp

Làm tốt công tác tuyên truyền vận động thực hiện PCGD đến nhân dân các dân tộc của huyện Bảo Yên, tiếp tục phát triển xã hội hóa giáo dục, tập chung các nguồn lực để phát triển cơ sở vật chất trường lớp học.

Thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc rà soát nắm chắc tiến độ thực hiện từ đó đề ra biện pháp phù hợp cho từng đơn vị tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Duy trì tốt số lượng học sinh hiện có (nhất là các học sinh học bổ túc PCTHCS). Giao trách nhiệm cho từng thành viên trong BCĐ huyện phụ trách từng xã, từng thành viên BCĐ xã phụ trách đến từng thôn bản và

chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra thường xuyên về tiến độ của đơn vị mình phụ trách. Nhà trường ký cam kết số lượng học sinh với giáo viên chủ nhiệm ngay từ đầu năm, gắn trách nhiệm trực tiếp của giáo viên chủ nhiệm với quản lý số lượng học sinh hàng năm.

Nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo tỷ lệ TNTHCS đạt 98,5%.

Tăng cường cơ sở vật chất các trang thiết bị trong trường học. Chuẩn bị tốt mặt bằng để thực hiện chương trình kiên cố hoá trường học có hiệu quả, mở rộng mạng lưới trường lớp phục vụ PCTHCS ổn định, lâu dài.

Chỉ đạo các cơ sở xã cam kết thực hiện chuẩn PCTHCS từ nay đến năm 2005 và những năm tiếp theo, coi đây là chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội quan trọng của từng đơn vị. Hàng năm tổ chức sơ kết để đánh giá kết quả và nhận định tình hình từ đó có biện pháp thực hiện kịp thời, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng về công tác PCTHCS để đạt kết quả theo đúng kế hoạch. Các thành viên Ban Chỉ đạo PCGD được phân công nhiệm vụ cụ thể (có phụ biểu chi tiết kèm theo).

2. Kiến nghị

Với UBND tỉnh: Cấp học bổng cho học viên tham gia các lớp bổ túc, nhất là các thời kỳ giáp hạt.

Với Bộ GD & ĐT: cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ giảng dạy các lớp PCGD THCS, các văn bản hướng dẫn việc dạy và học chương trình bổ túc PCTHCS.

Với Sở GD & ĐT: Tăng cường công tác chỉ đạo nhất là các đơn vị phấn đấu đạt chuẩn PCTHCS vào giai đoạn 2003-2004. Hàng năm có văn bản hướng dẫn sơ kết, khen thưởng các đơn vị có thành tích, có giải pháp cụ thể như tăng cường cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất giúp đỡ các đơn vị yếu kém vươn lên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 150-BC/HU, ngày 14 tháng 09 năm 2004
Kết quả tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện chương trình kiểm tra số 131-CT/TW ngày 11/5/2004 của Ban bí thư, kế hoạch số 240 - KH/BCĐ ngày 03/6/2004 của BCĐ kiểm tra Trung ương, kế hoạch số 4 -KH/TU ngày 26/7/2004 của Tỉnh ủy Lào Cai. Huyện ủy Bảo Yên đã tổ chức triển khai tiếp tục thực hiện kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí, kết quả như sau:

I. **Tình hình chung**

Bảo Yên là huyện vùng thấp của tỉnh Lào Cai. Diện tích tự nhiên: 82.090 ha, dân số trên 73.000 người với 71% là dân tộc thiểu số gồm 16 dân tộc anh em.

Toàn huyện có 17 xã, 1 thị trấn, trong đó 12 xã đặc biệt khó khăn. Toàn đảng bộ huyện Bảo Yên có 45 chi đảng bộ trực thuộc với 2.152 đảng viên.

Về tình hình kinh tế xã hội: Trong sản xuất Nông - Lâm nghiệp đã từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, áp dụng giống mới có năng suất cao vào gieo trồng đại trà trên diện tích, tổng sản lượng lương thực năm 2003 là 24.000 tấn, đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện đề ra đến 2005. Đầu tư khảo nghiệm giống vật nuôi phù hợp điều kiện sinh thái của huyện như lợn nái nền, bò đực giống zê bu, gà tam hoàng, vịt siêu trứng, cá rô phi đơn tính, tôm càng xanh Cơ cấu kinh tế.đã có bước chuyển biến tích cực so với đầu nhiệm kỳ: Tỷ trọng ngành NLN thủy sản chiếm 60,79%, giảm 4,7%*;* Ngành dịch vụ - thương mại chiếm 25,19%, tăng 5,89%... Hiện 100% các xã có đường ô tô đến trung tâm, các đường giao thông liên thôn bản được nâng cấp, làm mới. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm, hiện còn chiếm tỷ lệ 7,73%. Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn ở các xã đặc biệt khó khăn, chương trình kiên cố hoá trường lớp học, các công trình giao thông nông thôn, nước sinh hoạt, thủy điện nhỏ, nhà văn hoá thôn bản đều được tích cực triển khai thực hiện. Thu ngân sách trên địa bàn được tăng cường, rà soát các nguồn thu vào ngân sách có hiệu quả. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển với sản phẩm từ nông lâm nghiệp và vật liệu xây dựng... Đẩy mạnh xã hội hoá công tác giáo dục. Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học - CMC ở 18/18 xã thị trấn, 5 xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 3 xã đạt phổ cập trung học cơ sở..., an

ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, các tai tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi. Tình trạng di cư tự do và tuyên truyền đạo trái phép hạn chế dần và từng bước đi vào ổn định. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm, hoạt động của các cấp chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể được nâng cao một bước, ngày càng phát huy vai trò, chất lượng ở từng cơ sở. Các tổ chức cơ sở đảng yếu kém được kiện toàn, năng lực lãnh đạo được nâng cao, giảm số đầu mối, thôn bản chưa có đảng viên. Chương trình xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư được triển khai sâu rộng đến thôn bản, được nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đạt kết quả tốt. Các hoạt động mê tín dị đoan và tập tục lạc hậu được hạn chế. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao một bước.

II. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra

Chương trình kiểm tra 131-CT/TW ngày 11/5/2004 của Ban bí thư, kế hoạch số 24-KH/BCĐ ngày 3/6/2004 của Tỉnh ủy Lào Cai về tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí đã được Huyện ủy Bảo Yên triển khai kịp thời có hiệu quả đến các chi đảng bộ trực thuộc. Chỉ đạo các cơ sở đảng tổ chức quán triệt sâu sắc đến cán bộ đảng viên và nhân dân về vai trò, mục đích ý nghĩa, nội dung yêu cầu của cuộc kiểm tra để cùng tham gia thực hiện có hiệu quả.

- Huyện ủy Bảo Yên đã xây dựng kế hoạch số 55 -KH/HU ngày 29/7/2004 v/v tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí, kiện toàn Ban Chỉ đạo kiểm tra của huyện (Quyết định số 139 -QĐ/HU ngày 29/7/2004) gồm 10 đồng chí, trong đó đồng chí Phó bí thư TT Huyện ủy làm trưởng ban, đồng chí chủ nhiệm UBKT Huyện ủy làm phó ban thường trực, 1 đồng chí PCT UBND huyện làm phó ban cùng các đồng chí trưởng các ban XDĐ, Chánh văn phòng Huyện ủy, Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, các ngành Tài chính, Thanh tra huyện làm thành viên Ban Chỉ đạo.

Căn cứ vào tình hình đặc điểm thực tế từng cơ sở, Ban Chỉ đạo kiểm tra của huyện đã có hướng dẫn cụ thể các chi đảng bộ đi sâu kiểm tra các nội dung phù hợp.

Việc tổ chức quán triệt các Chủ trương, Chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí được thực hiện ở các hình thức như tổ chức hội nghị triển khai, thông qua các văn bản hướng dẫn cụ thể hoá văn bản chỉ đạo của cấp trên, sự kiểm tra giám sát, đôn đốc của Huyện ủy thường xuyên thông qua việc phân công cán bộ lãnh đạo theo dõi kiểm tra việc thực hiện ở các cơ sở.

- Về tiến độ kiểm tra: Các cơ sở đảng đều đã tổ chức triển khai công tác kiểm tra theo kế hoạch và sự chỉ đạo kiểm tra của Huyện ủy. Hiện

nhiều cơ sở đã tổ chức tự kiểm tra xong và nộp báo cáo về BCĐ kiểm tra của Huyện ủy.

Các chi đảng bộ cơ sở được chọn làm điểm kiểm tra theo kế hoạch số 04-KH/TW ngày 06/6/2004 của Ban Bí thư kiểm điểm khắc phục khuyết điểm theo kết luận của BCĐ kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Huyện ủy năm 2003. Hiện tại để thực hiện Kế hoạch số 240-KH/TU ngày 03 tháng 6 năm 2004 của Tỉnh ủy Lào Cai, các cơ sở đang tích cực phấn đấu hoàn thành để kết luận cuộc kiểm tra toàn huyện vào 10/8/2004 (Sớm 5 ngày so với kế hoạch của huyện) để kịp thời báo cáo tỉnh.

**** Đánh giá tình hình triển khai kế hoạch*:**

Công tác triển khai, quán triệt chương trình, kế hoạch tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Ban bí thư TW đảng năm 2004 và Kế hoạch kiểm tra của Tỉnh ủy đã được thực hiện tốt, đáp ứng yêu cầu đề ra về nội dung, đối tượng và phù hợp với địa điểm tình hình của huyện. Các văn bản cụ thể hoá các nội dung chỉ đạo cấp trên được ban hành đầy đủ kịp thời. Việc theo dõi chỉ đạo đôn đốc triển khai đối với cơ sở được tăng cường thông qua các thành viên Ban Chỉ đạo kiểm tra và các tổ công tác xã nên tiến độ kiểm tra được đẩy nhanh so với kế hoạch đề ra.Các cấp ủy đảng đến đảng viên đều nắm bắt các nội dung kiểm tra và tích cực tham gia có hiệu quả.

Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện kế hoạch còn một số những hạn chế nhất định: Một số cơ sở báo cáo kiểm tra còn sơ sài, không đầy đủ, chưa tổ chức nghiên cứu quán triệt sâu sắc, còn trông chờ vào sự hỗ trợ của huyện.

III. Nội dung thực hiện chủ trương kiểm **tra việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí**

1. Kết quả phúc kiểm tra Kế hoạch số 04 ngày 6/6/2004 của Ban Bí thư.

Căn cứ kết quả kiểm tra của Ban Chỉ đạo kiểm tra Huyện ủy Bảo Yên đối với 4 điểm kiểm tra theo Kế hoạch số 04 - KH/TW ngày 6/6/2003 của Ban Bí thư.

Qua kết quả phúc tra của các đơn vị cho thấy các tồn tại cơ bản đã được khắc phục. Trung tâm Y tế huyện đã đảm bảo duy trì chế độ thường trực 24/24h trong ngày, kịp thời xử lý mọi ca cấp cứu nhanh chóng. Đội ngũ cán bộ y tế cơ sở được tăng cường, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành giờ giấc làm việc và xử lý nghiêm những vi phạm. Tổ chức chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ y tế với bệnh nhân. Duy trì hòm thư góp ý, thiết lập đường dây nóng để trực

tiếp nghe bệnh nhân và nhân dân phản ảnh các vi phạm tiêu cực, phiền hà sách nhiễu của cán bộ công chức y tế khi thực hiện nhiệm vụ. Phòng KH - TC - TM đã điều chỉnh việc cấp phát ngân sách đảm bảo không vượt quá quy định của Nhà nước, bố trí đội ngũ cán bộ hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động, hạn chế làm thêm giờ, tăng cường quản lý đảm bảo chi đúng chế độ theo qui định. Đảng bộ TT Phố Ràng và Đảng bộ xã Xuân Hoà đã tăng cường công tác tuyên truyền quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí sâu sát đến thôn bản. Qua đó nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về thực hành tiết kiệm chống lãng phí ngày càng được nâng cao, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội được nâng lên một bước, hạn chế đáng kể các tập quán, hủ tục lạc hậu trong cộng đồng dân cư.

* Đánh giá chung kết quả phúc tra theo Kế hoạch số 04 ngày 06/6/2003 của Ban bí thư Trung ương:

Để khắc phục kịp thời các tồn tại trong việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo kết quả tự kiểm tra của Huyện ủy Bảo Yên năm 2003. Ban thường vụ Huyện ủy đã tích cực chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng quan tâm uốn nắn kịp thời và đã tạo ra được những bước chuyển biến tích cực. Đến nay các nội dung vi phạm đã cơ bản được xử lý đúng mức, không còn tái phạm. Nhận thức tư tưởng của mọi tầng lớp nhân dân về chủ trương thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Đảng và hiểu biết các quy định của Nhà nước trong thực hành tiết kiệm chống lãng phí ngày càng nâng cao. Việc cấp phát sử dụng Ngân sách được thực hiện đúng quy định, không vượt định mức. Các điểm phúc tra theo kết luận kiểm tra của Ban thường vụ Huyện ủy qua báo cáo cho thấy đã xử lý sửa chữa khuyết điểm tồn tại kịp thời, không còn tình trạng tái vi phạm.

Tồn tại: Do còn hạn chế về trình độ năng lực cán bộ ở một số cơ sở, do điều kiện địa bàn rộng với thành phần dân tộc đa dạng, trình độ dân trí còn thấp dẫn đến còn nhiều hạn chế trong công tác triển khai cũng như giám sát kiểm tra ở một số cơ sở. Việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm chưa đúng đắn ở một số cơ sở còn chưa triệt để, việc tổ chức ma chay, hủ tục, lãng phí trong nông thôn còn xảy ra .

2. Kiểm tra theo chương trình kiểm tra số 131 - CT/TW ngày 11/5/2004 của Ban Bí thư thời điểm từ 01/01/2001 đến tháng 6 năm 2004

2.1. Việc cấp phát sử dụng Ngân sách

a, Thực hiện pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Chỉ thị số 32 - CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về cải tiến nội dung phương thức, nâng cao hiệu quả, triệt để thực hành tiết kiệm trong việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị. Thông tư 98/ TT- BTC ngày 14/7/1998 của Bộ tài

chính quy định trang bị, quản lý và sử dụng phương tiện, thông tin, điện thoại, Fax trong các cơ quan, đơn vị Nhà nước. Quyết định số 208 - QĐ/ TTg ngày 26/ 10/1999 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp Nhà nước. Quyết định số 148 - QĐ/ TTg ngày 5/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tại sở làm việc tại cơ quan Nhà nước. Chỉ thị số 29 - CT/TTg ngày 30/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tất cả các chủ trương, chính sách, chế độ quy định của Đảng và Nhà nước trên đây đều được quán triệt trong các hội nghị BCH đảng bộ huyện mở rộng đồng thời giao cho UBND huyện triển khai và thực hiện đến cơ sở, đặc biệt là khối cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp Nhà nước theo kế hoạch và được cụ thể hoá phù hợp với đặc điểm điều kiện địa phương. Đối với Đảng bộ huyện Bảo Yên đã ban hành Nghị quyết số 02 ngày 06 tháng 4 năm 2001 về " Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư ". Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy số 54 ngày 22 tháng 4 năm 2002 về bố trí sắp xếp 10 phòng ban chuyên môn huyện. Chỉ thị số 02 ngày 06 tháng 8 năm 2002 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường chỉ đạo thu thuế cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn. Nghị quyết của Ban Thường vụ ngày 23 tháng 5 năm 2002 về thành lập tổ giám sát các khoản thu ở xã Nghĩa Đô, Vĩnh Yên và Thông báo số 92 ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Ban Thường vụ về kiểm tra củng cố cơ sở xã Nghĩa Đô. Công văn số 416 ngày 18 tháng 8 năm 2003 về đôn đốc thực hiện Kế hoạch số 42 ngày 06 tháng 8 năm 2003) về tổ chức thực hiện việc kiểm tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Đồng thời xây dựng một số kế hoạch như Kế hoạch số 01 ngày 06 tháng 4 năm 2001 về kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Kế hoạch số 10 ngày 26 tháng 9 năm 2001 về kiểm tra thực hiện Chương trình 135 ở Đảng bộ xã Tân Dương. Kế hoạch số 11 ngày 26 tháng 9 năm 2001 về kiểm tra thực hiện Nghị quyết trồng chè ở Đảng bộ xã Thượng Hà. Kế hoạch số 17 ngày 11 tháng 01 năm 2002 về thực hiện Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy luân chuyển tăng cường cán bộ về cơ sở. Kế hoạch số 41 ngày 06 tháng 8 năm 2003 về kiểm tra thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Kế hoạch số 55 ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Huyện ủy về tiếp tục kiểm tra việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Cụ thể hoá chỉ thị, nghị quyết của đảng bộ huyện, HĐND và UBND huyện đã xây dựng kế hoạch tổ chức sát sao, kiểm tra đôn đốc trong quá trình chỉ đạo thực hiện: Như giám sát việc thanh toán nhân công của các chương trình 135 năm 2000 số 14 ngày 22 tháng 4 năm 2001. Kết quả giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB năm 2001 trên địa bàn huyện (số 50 ngày

06 tháng 10 năm 2001). Kết quả giám sát việc thực hiện công tác thi hành án dân sự, công tác giải quyết khiếu nại tố cáo và tiếp công dân trên địa bàn huyện (số 58 ngày 19 tháng 12 năm 2001). Kế hoạch giám sát việc quản lý thu chi ngân sách, vốn đầu tư XDCB cho sự nghiệp y tế và giáo dục - đào tạo năm 2001 (số 39 ngày 14 tháng 8 năm 2002). Kế hoạch giám sát việc thực hiện các sắc thuế năm 2001 và 8 tháng đầu năm 2002 trên địa bàn huyện (số 40 ngày 09 tháng 9 năm 2002): Kế hoạch giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và các hoạt động tín ngưỡng nơi thờ tự trên địa bàn (số 16 ngày 17 tháng 4 năm 2003): Kế hoạch giám sát triển khai thực hiện công tác XDCB năm 2003 trên địa bàn (số 38 ngày 29 tháng 8 năm 2003); kế hoạch giám sát thực hiện công tác quản lý, thu chi ngân sách xã năm 2003 (số 47 ngày 03 tháng 11 năm 2003...)

UBND huyện Bảo Yên trong quá trình tổ chức thực hiện đã ban hành một số văn bản như Quyết định thành lập tổ công tác kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2001 (số 462 ngày 15 tháng 8 năm 2001). Thành lập đoàn thanh tra việc quản lý thu chi ngân sách và các khoản đóng góp của xã Bảo Hà, Lương Sơn, Xuân Thượng, Phố Ràng qua các năm từ 2001 đến 2003. Thành lập tổ kiểm tra quản lý sử dụng đất trên địa bàn (số 568 ngày 19 tháng 7 năm 2002). Kiểm tra công tác kinh doanh vận tải và XDCB tư nhân (số 832 ngày 21 tháng 11 năm 2002). Thành lập tổ kiểm tra việc quản lý sử dụng đất các tổ chức kinh tế và công tác giao đất, cấp quyền sử dụng đất theo Quyết định 75/2002/QĐ-UB của UBND tỉnh (số 504 ngày 31 tháng 7 năm 2003) ban hành sổ theo dõi phổ cập đến từng hộ gia đình.... Tổ thẩm tra phê duyệt quyết toán thu chi ngân sách năm 2002 huyện (số 86 ngày 17 tháng 02 năm 2003). Và các công văn đôn đốc chỉ đạo như việc báo cáo sử dụng xe ô tô con số 50 ngày 01 tháng 3 năm 2001). Chỉ đạo việc kiểm điểm những vi phạm trong quản lý chương trình 135 (số 134 ngày 30 tháng 5 năm 2001). Đôn đốc việc chống thất thu cho ngân sách (số 221 ngày 07 tháng 8 năm 2001). Chỉ đạo thực hiện chế độ trang bị và sử dụng điện thoại tại nhà riêng (số 20 ngày 09 tháng 01 năm 2002). Đôn đốc việc chuẩn bị các nội dung cho công tác kiểm tra thực hành tiết kiệm (số 67 ngày 01 tháng 3 năm 2002). Tăng cường công tác quản lý và sử dụng đất khu trung tâm cụm xã, thị trấn, trục đường giao thông (số 90 ngày 08 tháng 01 năm 2003). Kiểm tra và xử lý vi phạm đất đai tại xã Nghĩa Đô (số 116 ngày 09 tháng 4 năm 2003). Việc thu hồi thanh toán vượt khối lượng quyết toán công trình thủy lợi Mạ 2 xã Yên Sơn (số 517 ngày 11 tháng 12 năm 2003). Đôn đốc việc quản lý chất lượng các công trình XDCB trên địa bàn (số 162 ngày 14 tháng 01 năm 2004) ...

b, Tình hình thu chi ngân sách huyện từ 2001 - 2004

Tình hình thu Ngân sách huyện đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra chủ yếu là thu các sắc thuế. Riêng quỹ an ninh Quốc phòng còn chưa thực hiện tốt, chưa hoàn thành kế hoạch, nguyên nhân do các cơ sở đôn đốc thu kém hiệu quả. Việc chi Ngân sách được thực hiện đảm bảo chế độ qui định, việc sử dụng được kiểm tra thường xuyên đảm bảo chi phí tiết kiệm, hiệu quả. Cụ thể việc cấp phát và tín dụng Ngân sách huyện từ 1/2001 đến 6/2004 như sau:

*** Năm 2001:**

+ Tổng thu ngân sách huyện: 14.267,7 triệu đồng, trong đó thu từ kinh tế huyện : 1.961,8 triệu, thu từ các khoản đóng góp : 1.194,11 triệu, thu từ trợ cấp Ngân sách tỉnh: 10.254,3 triệu đồng.

+ Tổng chi ngân sách huyện: 13.886,9 triệu đồng, trong đó có các khoản chi như tiếp khách: 164,9 triệu đồng; hội nghị: 360,7 triệu đồng; thanh toán đàm thoại: 64,4 triệu; còn lại là các khoản khác.

+ Nguồn thu ngân sách trên địa bàn cân đối được: 14,1% tổng chi ngân sách toàn huyện. Định mức chi bình quân đầu người: 18.000.000đ/ năm . Tại xã Cam Cọn qua kiểm tra thu chi đã thu lao động công ích: 19.750.000đ không nộp

Ngân sách, đã xử lý nộp Ngân sách quản lý theo quy định. Qua kiểm tra tại trị trấn Phố Ràng thu hồi 6 triệu đồng (lệ phí cầu treo không nộp vào ngân sách). Phạt hành chính 2,5 triệu đồng đối với cá nhân do vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính).

*** Năm 2002:**

+ Tổng thu ngân sách huyện: 37.995,8 triệu đồng. Trong đó thu từ kinh tế huyện: 2.656,9 triệu, thu từ các khoản đóng góp: 1.894,3 triệu đồng, thu từ trợ cấp ngân sách tỉnh: 33.444,5 triệu đồng.

+ Tổng chi ngân sách huyện: 37.481,8 triệu đồng, trong đó chi tiếp khách: 208,1 triệu đồng, chi hội nghị: 363,1 triệu đồng, mua ô tô 4 chỗ ngồi Huyện ủy): 436,54 triệu đồng, thanh toán đàm thoại: 118,0 triệu đồng còn lại là các khoản khác.

+ Nguồn thu Ngân sách trên địa bàn cân đối được 7,1% tổng chi ngân sách toàn huyện.

+ Qua kiểm tra, quyết toán ngân sách đã được thu hồi một số đơn vị chi sai và thu hồi vào ngân sách. Công tác phí Trạm khuyến nông: 360.000đ. Phòng Giáo dục - Đào tạo : 340.000đ.

+ Chi bình quân đầu người: 19.000.000đ/ năm. Nhìn chung các đơn vị quản lý sử dụng ngân sách đạt yêu cầu, có hiệu quả.

*** Năm 2003:**

+ Tổng thu ngân sách huyện: 44.551,4 triệu đồng, trong đó thu từ

kinh tế huyện: 5.110,4 triệu, thu từ các khoản đóng góp: 2.753,7 triệu đồng, thu trợ cấp ngân sách tỉnh: 36.687,3 triệu đồng.

+ Tổng chi ngân sách huyện: 44.059,0 triệu đồng, trong đó chỉ tiếp khách 151,2 triệu đồng, chi hội nghị: 427,5 triệu đồng, thanh toán đàm thoại: 91,26 triệu đồng, còn lại là các khoản khác.

+ Nguồn thu ngân sách trên địa bàn huyện cân đối được 11,6% tổng chi ngân sách huyện.

*** Năm 2004:** (tính đến 30/6).

+ Tổng thu ngân sách huyện: 18.873,0 triệu đồng, trong đó thu từ kinh tế huyện: 1.571,0 triệu đồng, thu trợ cấp ngân sách tỉnh: 17.302,0 triệu đồng (Tỷ lệ thu đạt thấp do thuế cấp QSDĐ chậm, các khoản thu đóng góp chủ yếu thực hiện vào cuối năm).

+ Tổng chi ngân sách huyện: 18.457, 98 triệu đồng.

b. Về thu, nộp các sắc thuế:

BCH Đảng bộ huyện luôn quan tâm đúng mức trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thu nộp các sắc thuế trên địa bàn huyện, chỉ đạo các cơ quan chức năng và các cơ sở tích cực rà soát các nguồn thu nộp ngân sách đảm bảo thu đúng thu đủ nộp ngân sách theo kế hoạch. Cụ thể:

Năm 2001: Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt: 1.944,2 triệu đồng, đạt 112,4% kế hoạch.

- Năm 2002: Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt: 2.474,1 triệu đồng, đạt 124,01% KH.

- Năm 2003: Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt: 4.347,6 triệu đồng, đạt 175,73% KH.

- 6 tháng đầu năm 2004 tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt: 1.497,7 triệu đồng, đạt 44,8% KH. UBND huyện đã ra quyết định thành lập 2 tổ công tác nhằm kiểm tra, rà soát các nguồn thu trên địa bàn và đôn đốc việc thu nộp các sắc thuế (Quyết định số 530 ngày 16 tháng 8 năm 2004).

* ***Tồn tại****:* Các khoản thất thu chủ yếu trong lĩnh vực vận tải tư nhân, xây dựng cơ bản tư nhân, cho thuê nhà và do tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại.

- Còn có 2 đồng chí cán bộ cơ quan chi cục thuế huyện đã vi phạm thu tiền cấp giấy công nhận quyền sử dụng đất sai quy định năm 2002, đã xử lý kỷ luật.

c. Về xây dựng cơ bản:

* Tổng số công trình được đầu tư từ năm 2001 - 6/ 2004 là: 109 công trình.

+ Bao gồm: - Giao thông : 26 công trình.

- Thủy lợi: 29 công trình.

- Trường học: 36 công trình.

- Cấp nước: 5 công trình.

- Phân viện y tế : 3 công trình.

- Trụ sở, nhà làm việc: 7 công trình.

+ Số hoàn thành đưa vào sử dụng: 71 công trình.

+ Tổng dự toán, quyết toán được phê duyệt là: 91,35 tỷ đồng.

+Tổng khối lượng đã hoàn thành đến 30/6/2004 là: 72,8 tỷ đồng.

+ Tổng kế hoạch vốn đã giao : 57,563 tỷ đồng.

+ Tổng kinh phí đã thanh toán đến 30 tháng 6/2004 là: 47,286 tỷ đồng.

* Việc quản lý đầu tư, giám sát thi công, nghiệm thu, quyết toán được thực hiện chặt chẽ đúng trình tự, đảm bảo chất lượng tiến độ thi công và tiết kiệm tối thiểu 3% giá trị xây lắp được duyệt chỉ định thầu). Thông qua việc thẩm tra phê duyệt quyết toán đã thu hồi tiền thanh toán vượt phần giá trị xây lắp công trình thủy lợi Mạ 2 (Yên Sơn) là 50,55 triệu đồng.

- Trong những năm qua trên địa bàn huyện không xảy ra các việc nổi cộm, không có các vụ án kinh tế gây dư luận xấu trong nhân dân. Trong quá trình cấp phát ngân sách, kiểm tra việc thu - chi tài chính, công tác thu nộp các sắc thuế, công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản chỉ xảy ra những vụ việc vi phạm nhỏ đã được huyện chỉ đạo sửa chữa, khắc phục dứt điểm.

2.2. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm chống lãng phí:

*** Ưu điểm:**

- Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Quyết định, Chỉ thị của cấp trên về thực hành tiết kiệm chống lãng phí đều được Huyện ủy quan tâm quán triệt, chỉ đạo thực hiện một cách nghiêm túc, cụ thể hoá phù hợp với đặc điểm tình hình của huyện. Thông qua các đồng chí Huyện ủy viên phụ trách xã, việc chỉ đạo theo dõi đôn đốc triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung về thực hành tiết kiệm chống lãng phí ở cơ sở thường xuyên được quan tâm chặt chẽ và phát huy được hiệu quả tốt.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân được tham gia và đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát các hoạt động của bộ máy Nhà nước, giám sát việc đầu tư XDCB và các hoạt động tài chính kinh tế khác... qua đó kịp thời phát hiện các hiện tượng, hành vi vi phạm, tiêu cực, lãng phí thất thoát có biện pháp xử lý ngăn chặn. Việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí còn được tăng cường thông qua việc huy động sức dân tham gia thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn, chương trình kiên cố hoá trường lớp học... qua đó tận dụng được nhân lực, tiết kiệm chi phí cho các công trình. Thực hiện việc cấp sổ theo dõi các khoản thu đối với từng hộ gia

đình (từ 2000 đến nay) đã phát huy tác dụng tốt góp phần thực hiện quy chế dân chủ ở xã, thị trấn.

- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí được xác định là công việc thường xuyên của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ Quốc và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở nhằm xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch vững mạnh.

**** Khuyết điểm*:**

- Còn có cấp ủy cơ sở quan tâm chưa đúng mức công tác quán triệt, tổ chức thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Việc tổ chức tự kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở một số cơ sở chưa đầy đủ thể hiện ở báo cáo tự kiểm tra còn sơ sài, chung chung mang tính hình thức.

- Việc công khai tài chính ở một số đơn vị còn chưa thường xuyên. Việc xây dựng mô hình điển hình chưa được quan tâm đúng mức. Công tác khen thưởng, động viên chưa kịp thời; các phong trào thi đua vẫn còn mang tính thời điểm, chưa thực sự rộng khắp.

III. Kiến nghị

- Đề nghị Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh một số chế độ định mức hiện nay là không hợp lý (chế độ hội nghị là 15.000đ/người/ngày, chế độ công tác phí đi ngoại tỉnh miền xuôi là 20.000 người/ngày) là quá thấp.

- Tăng định mức cấp phát cho các đơn vị sự nghiệp cấp huyện như hiện nay quá thấp, nhiều đơn vị rất khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao do nguồn kinh phí phân bổ theo định mức quá thấp.

- Để thực hiện có hiệu quả chủ trương thực hành tiết kiệm chống lãng phí một cách thường xuyên sâu rộng và đồng bộ hơn, ngoài việc nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành của mọi cán bộ đảng viên và nhân dân còn cần có sự quan tâm chỉ đạo sát sao hơn nữa của tỉnh và Trung ương về tăng cường đầu tư XDCS hạ tầng cũng như các Chính sách phát triển kinh tế xã hội một cách toàn diện, xây dựng củng cố an ninh Quốc phòng, xây dựng Đảng, củng cố chính quyền đoàn thể ngày càng vững mạnh.

Trên đây là báo cáo tự kiểm điểm kết quả tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí của Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 154-BC/HU, ngày 20 tháng 10 năm 2004
Sơ kết việc thực hiện qui định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm
---

Thực hiện Kế hoạch số 45 - KH/TU ngày 18 tháng 8 năm 2004 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc sơ kết việc thực hiện qui định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên xin báo cáo kết quả thực hiện Qui định 55 - QĐ/TW (nay là Qui định số 19 - QĐ/TW) như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA ĐẢNG BỘ:

1. Tình hình đặc điểm tổ chức đảng và đảng viên:

- Đảng bộ huyện Bảo Yên có 45 chi, đảng bộ trực thuộc với tổng số đảng viên 2151 đảng viên (số liệu thống kê đến tháng 9 năm 2004) hiện nay trong toàn huyện đảng bộ còn 11 thôn bản chưa có đảng viên. Hệ thống kiểm tra Đảng có 45 ban và UBKT cơ sở với 108 thành viên làm công tác kiểm tra Đảng.

- Ban Chấp hành đảng bộ huyện đầu nhiệm kỳ khóa XII có 33 đồng chí, do yêu cầu nhiệm vụ công tác của tổ chức đến nay đã thuyên chuyển 3 đồng chí, nghỉ chế độ 3 đồng chí, đến nay đã được chỉ định bổ sung thêm 2 đồng chí, hiện có 29 đồng chí Ủy viên BCH. Đầu nhiệm kỳ có 11 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, thuyên chuyển công tác và nghỉ chế độ nay còn 9 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ.

- Trong những năm qua, tập thể BCH Huyện ủy Bảo Yên luôn thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc và chương trình công tác của cấp ủy đề ra. Tập chung sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể cấp ủy đối với tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đảng bộ và các chỉ tiêu kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ XII đề ra.

II. Tình hình thực hiện Qui định số 55 của Bộ Chính trị

1. Về tổ chức quán triệt học tập

Sau khi có Qui định số 55 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Huyện ủy, UBKT Huyện ủy đã chú trọng quan tâm đến việc triển khai quán triệt học tập cho các đồng chí trong cấp ủy, UBKT và cán bộ, đảng viên, cấp ủy cơ sở mở hội nghị Ban chấp hành mở rộng để quán triệt học tập; UBKT

Huyện ủy phối hợp với Trung tâm chính trị mở 1 lớp bằng 50 đồng chí, đối tượng là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm UBKT cơ sở để quán triệt, trong 6 tháng cuối năm 1999. Thường trực Huyện ủy giao cho UBKT Huyện ủy kiểm tra, đôn đốc các đơn vị tổ chức học tập cho cán bộ, đảng viên của đơn vị mình và đã có báo cáo kết quả việc tổ chức triển khai quán triệt học tập Qui định số 55 của Bộ Chính trị. Tính đến tháng 6 năm 2001 Đảng bộ huyện Bảo Yên đã có 44/44 chi, đảng bộ với 1.829 đảng viên được học tập về qui định những điều đảng viên không được làm. Cho tới nay toàn huyện đảng bộ 100% chi, đảng bộ trực thuộc và đảng viên đã được quán triệt học tập Qui định số 55. Qua gần 5 năm thực hiện qui định, cấp ủy và tổ chức đảng ở các cơ sở đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và trực tiếp kiểm tra các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp ủy cấp trên và của cấp mình, gắn việc thực hiện quy định bằng nhiều hình thức thiết thực, phù hợp đem lại hiệu quả đã triển khai, quán triệt tổ chức thực hiện qui định nghiêm túc với nhiều hình thức thích hợp như in ấn Qui định số 55 phát cho đảng viên, phát trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa vào sinh hoạt chi bộ định kỳ; phân tích chất lượng đảng viên hàng năm; tổ chức cho đảng viên ký cam kết thực hiện qui định gắn với việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và tự phê bình, phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2) một số tổ chức đảng ra chỉ thị về thực hiện quy định; chỉ đạo UBKT thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra chấp hành qui định theo điều 30 Điều lệ Đảng; chủ động kiểm tra cán bộ, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm qui định; cấp ủy chỉ đạo các tổ chức đảng dưới cơ sở gắn sơ kết, tổng kết thực hiện công tác xây dựng đảng, bình xét đảng viên hàng năm với việc thực hiện qui định; phát huy vai trò kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với đảng viên và tổ chức đảng trong việc thực hiện qui định. Chỉ đạo các tổ chức đảng phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội giải quyết việc tố cáo cán bộ, đảng viên và kiểm tra xử lý vi phạm qui định một cách đồng bộ, kịp thời đúng Điều lệ Đảng.

Việc Bộ Chính trị ban hành qui định là rất đúng đắn và cần thiết; nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ vận dụng được nhân dân đồng tình ủng hộ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên tự giác chấp hành, góp phần thực hiện tốt nguyên tắc tập chung dân chủ, hạn chế tác động của mặt trái cơ chế thị trường và sự thâm nhập tiêu cực xã hội đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên giúp cho tổ chức đảng tháo gỡ được nhiều vướng mắc trong xử lý tình huống tại cơ sở; hạn chế được việc tố cáo tập thể; nặc danh, mạo danh, gây mất đoàn kết nội bộ; tùy tiện trong ứng cử, đề cử, nhất là ở những điểm nổi cộm.

2. Tình hình chấp hành

Do làm tốt bước tổ chức quán triệt học tập Qui định số 55 của Bộ Chính trị cho cán bộ, đảng viên trong đảng bộ, nên việc nhận thức và chấp hành qui định của Bộ Chính trị trong cán bộ, đảng viên tương đối tốt, có tác dụng tích cực nhất là trong đợt bầu cử HĐND các cấp ngày 25/4/2004. Hiện nay Qui định số 55 của Bộ Chính trị vẫn được cấp ủy và UBKT Huyện ủy chỉ đạo theo dõi và thực hiện nghiêm túc.

3. Kiểm tra, xử lý vi phạm qui định

Từ tháng 6 năm 1999 đến hết tháng 6 năm 2004 cấp ủy và UBKT Huyện ủy Bảo Yên đã kiểm tra và phát hiện 12 trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm Qui định số 55 của Bộ Chính trị, cụ thể như sau:

+ Năm 1999 và năm 2000: Không có trường hợp nào vi phạm Qui định số 55 của Bộ Chính trị.

+ Năm 2001: Có 3 đồng chí vi phạm, trong đó có 2 trường hợp đảng ủy viên cơ sở. Số cán bộ, đảng viên vi phạm qui định có 1 trường hợp vi phạm vào điều 3 của qui định, phải xử lý kỷ luật bằng hình thức " Cảnh cáo " do UBKT Huyện ủy quyết định và hai trường hợp vi phạm về Nghị định 26/CP, phải xử lý kỷ luật bằng hình thức " Cảnh cáo " do đảng ủy dưới cơ sở quyết định.

+ Năm 2003: Có 7 trường hợp vi phạm, trong đó có 1 đồng chí đảng ủy viên cơ sở và 1 đồng chí chi ủy viên dưới cơ sở. Số cán bộ, đảng viên vi phạm Qui định: Điều 17 có 1 đồng chí phải xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách do đảng ủy cơ sở quyết định; điều 5 có 1 đồng chí phải xử lý bằng hình thức khiển trách do Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định; điều 12 có 1 đồng chí phải xử lý bằng hình thức cảnh cáo; điều 13 có 3 đồng chí phải xử lý kỷ luật bằng hình thức 1 cảnh cáo, 1 khai trừ; điều 17 có 1 đồng chí phải xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trong đó UBKT Huyện ủy quyết định khai trừ 1 , số còn lại do đảng ủy cơ sở ra nghị quyết.

+ Sáu tháng đầu năm 2004: Có 2 trường hợp vi phạm qui định, 1 trường hợp vi phạm điều 17 của qui định phải xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách vào trường hợp vi phạm vào điều 3 của qui định phải xử lý bằng hình thức khiển trách cả 2 trường hợp do đảng ủy cơ sở ra nghị quyết. Đạt được kết quả trên là do cáp ủy các cấp đã có nhận thức đúng và quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện qui định; UBKT của cấp ủy các cấp đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy và chủ động thực hiện kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, nhiều cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu tổ chức, cấp ủy gương mẫu thực hiện tuyên truyền vận động gia đình, nhân dân góp ý cho tổ chức đảng và đảng viên. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện một số cấp ủy cơ sở do chưa nhận thức đầy đủ vị trí,

ý nghĩa, tác dụng của qui định, nên chưa triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, chưa có chương trình kế hoạch, biện pháp tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện qui định phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị.

4. Đánh giá kết quả thực hiện:

a, Ưu điểm:

Sau khi được học tập, quán triệt Qui định số 55 của Bộ Chính trị cán bộ, đảng viên của huyện đảng bộ đã có sự chuyển biến tích cực về mặt nhận thức cũng như trong việc chấp hành của cán bộ, đảng viên (cụ thể đơn thư tố cáo giảm; vi phạm của cán bộ, đảng viên giảm so với khi chưa có Qui định số 55).

b, Khuyết điểm:

Việc triển khai quán triệt học tập một số ít đơn vị còn chậm, quán triệt chưa sâu sắc cho cán bộ, đảng viên của đơn vị mình.

Nhìn chung khi tổ chức học tập, thực hiện theo các nội dung trong Qui định số 55 trên địa bàn Đảng bộ huyện Bảo Yên diễn ra thuận lợi không gặp khó khăn.

III. Một số giải pháp

Một là: Tiếp tục quán triệt ý nghĩa, mục đích, tác dụng, nội dung của qui định một cách thường xuyên cho cán bộ, đảng viên trong toàn đảng bộ huyện để cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn, thống nhất tự giác, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh qui định của TW. Cấp ủy chỉ đạo cấp ủy dưới cơ sở, tổ chức tuyên truyền phổ biến rộng rãi qui định trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức thích hợp khác để các tổ chức chính trị xã hội, nhân dân biết, tham gia kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng thực hiện tốt Qui định số 55 của Bộ Chính trị.

Hai là: Cấp ủy các cấp phải chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, qui định của Đảng, của cấp ủy cấp trên và của cấp mình. Chính sách pháp luật của Nhà nước gắn với việc kiểm tra việc thực hiện qui định. Đưa việc thực hiện Qui định số 55 vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của tổ chức đảng nhất là chi bộ dưới cơ sở; gắn thực hiện qui định với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2).

Ba là: Tăng cường chỉ đạo các tổ chức đảng và các cơ quan chức năng của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội phối hợp giải quyết tố cáo và xử lý đảng viên vi phạm qui định đảm bảo phải đồng bộ cả về kỷ luật Đảng, chính quyền, đoàn thể. Chỉ đạo UBKT huyện và cơ sở chủ động tăng cường kiểm tra cán bộ, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm qui định. Chủ

động phong ngừa, ngăn chặn vi phạm và kịp thời xem xét, kết luận, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm Qui định số 55 của Bộ Chính trị.

Bốn là: Kiên quyết xử lý những tổ chức đảng và đảng viên có vi phạm qui định. Hàng năm cấp ủy các cấp gắn với việc tổng kết, đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên với sơ kết, tổng kết rút ra kinh nghiệm việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Qui định 55 của Bộ Chính trị.

Năm là: Đề nghị Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục thể hóa một số nội dung của qui định liên quan đến chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo cho cấp bộ đảng cơ sở khi xử lý vi phạm được toàn diện khách quan.

PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

Để tiếp tục thực hiện tốt Qui định số 55 của Bộ Chính trị đối với cán bộ, đảng viên trong toàn đảng bộ huyện cần tiếp tục thường xuyên quán triệt đối với cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành hạn chế thấp nhất các vi phạm của cán bộ, đảng viên, tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy và UBKT Huyện ủy đối với tổ chức đảng trực thuộc và cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Qui định số 55 của Bộ Chính trị.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Qui định số 55 của Bộ Chính trị ở Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 159-BC/HU, ngày 29 tháng 11 năm 2004
Tổng kết công tác bảo vệ chính trị nội bộ năm 2004

Thực hiện Hướng dẫn số 15-HD/BVTW ngày 29/10/2004 của Ban BVCTNB TW về tổng kết công tác BVCTNB năm 2004. Huyện ủy Bảo Yên báo cáo kết quả công tác Bảo vệ chính trị nội bộ năm 2004 như sau:

1. Tình hình chung

Năm 2004 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên thi đua quyết tâm thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng mà đại hội đã đề ra, đẩy mạnh việc thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm hướng về cơ sở để phát huy toàn diện các mặt kinh tế xã hội của huyện đời sống nhân dân được nâng lên. Tỷ lệ đói nghèo giảm cơ bản không có hộ đói thường xuyên, hệ thống chính trị (nhất là hệ thống chính trị ở cấp xã - thị trấn) từng bước được củng cố và năng cao chất lượng hoạt động) đó là những điều kiện động lực tích cực để thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển của huyện, đồng thời tạo tiền đề vững chắc để bảo vệ an ninh chính trị và chính trị nội bộ, dần loại trừ các yếu tố có thể gây bất ổn định về chính trị.

Củng cố và nâng cao niềm tin của cán bộ nhân dân đối với Đảng, với chính quyền trong công cuộc xây dựng bảo vệ và phát triển đất nước.

2. Tình hình chính trị nội bộ

Năm 2004 các thế lực thù địch âm mưu tiếp tục sử dụng mọi thủ đoạn can thiệp vào nội bộ của các nước đe doạ chủ quyền của các quốc gia độc lập bằng việc lợi dụng vấn đề dân tộc - tôn giáo để chúng xuyên tạc lôi kéo một số ít đối tượng; đặc biệt là số đồng bào dân trí thấp gây lên tình hình phức tạp.

Huyện Bảo Yên đã tích cực chủ động phòng ngừa tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân. Do đó tình hình an ninh chính trị và chính trị nội bộ luôn ổn định. Cán bộ đảng viên và nhân dân không hoang mang dao động trước các âm mưu hoạt động phá hoạt của các thế lực thù địch.

Một số tình hình liên quan đến hoạt động công tác BVCTNB:

Tình hình cán bộ đảng viên vi phạm kỷ luật trong năm 2004 số đảng

viên vi phạm kỷ luật là 9 đồng chí:

Trong đó: Khiển trách 05 đồng chí với lý do vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng, thiếu tinh thần trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Khai trừ 04 đồng chí vi phạm pháp luật (3 đồng chí cờ bạc và 01 đồng chí quan hệ bất chính).

*** Tình hình tôn giáo dân tộc:**

Trong năm qua dưới sự chỉ đạo của huyện ủy, Ban Chỉ đạo 184 các cấp các ngành đã tập chung thực hiện đề án phòng chống các hoạt động lợi dụng tôn giáo, tuyên truyền đạo trái phép trên địa bàn huyện. Hiện nay toàn huyện còn 175 hộ = 942 khẩu theo đạo trái phép, tập chung ở 6 xã và 9 bản. Xã còn hộ theo đạo nhiều nhất là xã Điện Quan còn hơn 100 hộ.

Công tác tuyên truyền vận động, giải quyết đấu tranh với các hoạt động tuyên truyền đạo trái phép ở huyện đã đạt được kết quả, các hoạt động tuyên truyền đạo đã không còn công khai, không tụ tập đông người để học đạo, tuy nhiên các hoạt động trái phép vẫn còn hoạt động tinh vi hơn. Chống đối sự quản lý giáo dục của chính quyền, chúng kích động, xúi dục đồng bào di cư. Năm 2004 toàn huyện Bảo Yên có 31 hộ di cư tự do.

Tình hình khiếu kiện trong nhân dân trong năm 2004 đơn thư khiếu kiện chủ yếu tập chung vào việc thắc mắc về chính sách chế độ, đền bù, giải phóng mặt bằng quốc lộ 279, các cơ quan chức năng đã kịp thời giải quyết xử lý cơ bản đã không để tồn đọng hoặc kéo dài. Không để xảy ra vụ việc nào khiếu kiện đông người, công tác giải quyết khiếu kiện - tố cáo đã có nhiều biện pháp chủ động tích cực hiệu quả, góp phần tích cực vào việc làm giảm, hạn chế và ngăn chặn diễn biến phức tạp trong khiếu kiện.

Kết quả công tác BVCTNB phục vụ bầu cử HĐND 3 cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009, đại biểu HĐND huyện là 37 đại biểu, đại biểu HĐND xã, thị trấn là 459 đại biểu. Quá trình thực hiện công tác ĐBHĐND 3 cấp bảo đảm đúng nguyên tắc, không có trường hợp nào trong việc xây dựng nhân sự vi phạm Quy định 75 - QĐ/TW về công tác BVCTNB.

Tình hình thực hiện Quy định 75 - QĐ/TW ngày 24/4/2000 của Bộ Chính trị (khoá VIII) "quy định về một số vấn đề bảo vệ nội bộ Đảng".

Trong công tác cán bộ, công tác phát triển đảng viên, công tác tuyển dụng cán bộ, chấp hành nghiêm chỉnh Quy định 75 trong năm qua theo sự chỉ đạo của Ban Tổ chức tỉnh ủy (BVCTNB), Ban Tổ chức đề nghị bổ sung vào các mối quan hệ bên vợ, bên chồng của đối tượng kết nạp Đảng.

3. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác BVCTNB năm 2004:

Ưu điểm: Năm 2004 Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên quan tâm chỉ đạo chặt chẽ công tác BVCTNB các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ

quan chuyên môn đã thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra, công tác BVCTNB ở huyện đã góp phần củng cố và xây dựng hệ thống chính trị trong toàn huyện ngày càng vững mạnh.

Thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc, cán bộ làm công tác BVCT nội bộ tham mưu giúp cho cấp ủy hoàn thành nhiệm vụ đặt ra, bám sát cơ sở, nắm bắt tình hình và đề xuất kịp thời những biện pháp có hiệu quả. Giải quyết những công việc có liên quan đến công tác BVCTNB. Trong công tác cán bộ, công tác phát triển đảng viên tham mưu cho cấp ủy giúp cho việc đánh giá, thẩm định, tuyển chọn cán bộ được chính xác và đảm bảo đúng với quy định và Điều lệ Đảng.

Khuyết điểm: Công tác BVCTNB ở một số cấp ủy cơ sở và đảng viên còn biểu hiện xem nhẹ chưa thật sự quan tâm đến việc bám nắm cơ sở, biện pháp công tác nghiệp vụ chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế đề ra. Có lúc còn mang hình thức sự vụ.

4. Phương hướng nhiệm vụ BVCTNB năm 2005.

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân về công tác BVCTNB trong tình hình hiện nay. Tăng cường công tác nắm tình hình CTNB, kịp thời tham mưu đề xuất cho cấp ủy xử lý tốt những vấn đề liên quan đến công tác BVCTNB.

Tổ chức thực hiện tốt công tác BVCTNB phục vụ công tác nhân sự Đại hội đảng bộ cấp huyện và xã, thị trấn nhiệm kỳ 2005 - 2010, tiến hành rà soát kỹ nhân sự cả về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay. Không để lọt trường hợp nào không đủ tiêu chuẩn chính trị vào bộ máy đảng và chính quyền các cấp.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá IX) về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) gắn với công tác BVCTNB, đấu tranh làm thất bại thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch đối với nội bộ ta.

Nắm chắc tình hình chính trị nội bộ, chủ động kịp thời tham mưu cho cấp ủy xử lý những vấn đề nảy sinh liên quan đến công tác BVCTNB, việc xử lý phải vận dụng phù hợp với đặc điểm từng cơ sở. Nhưng phải chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng./.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 161-BC/HU, ngày 29 tháng 11 năm 2004
Đánh giá kết quả kiểm tra thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2004

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 13/4/2004 của Ban Chỉ đạo tỉnh về việc thực hiện QCDC ở cơ sở. Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC của huyện Bảo Yên, báo cáo đánh giá kết quả kiểm tra thực hiện QCDC năm 2004 như sau:

I. Tình hình chung và tổ chức thực hiện

1- Tình hình chung:

Bảo Yên là huyện nằm ở phía Đông nam của tỉnh Lào Cai. Tổng diện tích đất tự nhiên 820,95 km. Dân số 73.645 người gồm 16 dân tộc, trong đó dân tộc tầy, kinh, dao, mông chiếm tỷ lệ cao hơn dân tộc khác. Huyện có 18 xã thị trấn, 302 thôn bản, 12/18 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn. Kinh tế những năm gần đây có bước phát triển khá, mức tăng trưởng hàng năm bình quân đạt từ 8 - 9%, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện và ổn định. Hệ thống chính trị các cấp thường xuyên được củng cố kiện toàn, chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ cơ sở từng bước được nâng lên. Bên cạnh thuận lợi cũng còn không ít những khó khăn như: Trình độ dân trí, mật độ phân bố dân cư giữa vùng thấp với vùng cao không đồng đều, cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn, năng lực chuyên môn của cán bộ, mô hình tổ chức và cải cách hành chính còn nhiều vấn đề bất cập đáng quan tâm. Từ thực tiễn đó phần nào đã tác động tới hiệu quả việc thực hiện QDCD ở cơ sở.

Tuy vậy quá trình tổ chức thực hiện QCDC, các cấp ủy và lãnh đạo các đơn vị cơ sở đã có nhiều cố gắng, nêu cao vai trò trách nhiệm, phát huy tốt quyền làm chủ của nhân dân, cán bộ công chức và người lao động trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, gắn với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, góp phần ổn định chính trị và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

2- Tổ chức thực hiện QCDC ở ba loại hình cơ sở

- Việc chỉ đạo triển khai QCDC ở cơ sở được thực hiện từ năm 1998. Trong quá trình tổ chức quán triệt và thực hiện luôn có sự quan tâm lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở.

- Năm 2001 huyện đã tiến hành đánh giá sau 3 năm thực hiện QCDC ở cơ sở và qua các năm tiếp theo, việc chỉ đạo tiếp tục được duy trì đi vào nề nếp, đặc biệt việc kiểm tra đánh giá 5 năm thực hiện Chỉ thị số 30 và Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28/3/2003 của Bộ Chính trị đã tạo được bước chuyển biến mới về nhận thức và đúc kết những bài học kinh nghiệm bổ ích trong chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra thực hiện QCDC ở cơ sở ngày càng sát thực và hiệu quả hơn.

- Năm 2003 - 2004 huyện luôn bán sát sự chỉ đạo của cấp trên, thường xuyên đôn đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt nội dung QCDC ở cơ sở, Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC của huyện đã phối hợp với Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức 2 đợt kiểm tra và khảo sát điều tra thực tế ở 3 cơ sở xã, thị trấn và 2 cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp theo nội dung Nghị định (79, 71) của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời huyện chủ động xây dựng Kế hoạch số 59-KH/BCĐ hướng dẫn và chỉ đạo các cấp ủy đảng cơ sở, tổ chức kiểm tra và đánh giá nghiêm túc kết quả thực hiện QCDC ở từng đơn vị. Ban Chỉ đạo QCDC của huyện cũng đã thành lập tổ kiểm tra, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra làm điểm 3 đơn vị là xã Nghĩa Đô, Phòng GD - ĐT, Lâm trường Bảo Yên; số đơn vị còn lại tự tổ chức kiểm tra việc thực hiện QCDC (theo Nghị định 79, 71, 07) và đánh giá kết quả triển khai theo kế hoạch chỉ đạo của huyện.

- Qua theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện các Chương trình, Nghị quyết, đề án gắn với thực hiện QCDC ở cả 3 loại hình cơ sở cho thấy:

a. Ở khu vực xã, thị trấn (theo Nghị định 79)

Hầu hết các xã, thị trấn đều thực hiện nghiêm túc việc nghiên cứu, quán triệt các Nghị quyết của cấp trên và được cụ thể hóa thành chương trình hành động sát với thực tế nhiệm vụ chính trị của từng cấp ủy cơ sở; đã tổ chức triển khai đến cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập các nghị quyết, chính sách, pháp luật và bồi dưỡng nâng cao nhận thức QCDC đến từng chi bộ và khu dân cư thôn bản, trong đó có 1.515 lượt đảng viên, 10.875 lượt quần chúng tham gia học tập đạt 91,42%, đã củng cố kiện toàn 10 thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC ở 10 xã. Đảng ủy cùng với Ủy ban Mặt trận tổ quốc các cấp thường xuyên củng cố và duy trì hoạt động của 18 ban thanh tra nhân dân, phát huy tốt chức năng giám sát, kiểm tra của các thành viên ở từng cơ sở, việc tổ chức triển khai thực hiện 4 nội dung QCDC ở xã phường theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" được các xã, thị trấn thực hiện ở cơ sở khác cơ bản thể hiện trên các việc cụ thể như sau:

** Những việc chính quyền thống báo đến nhân dân biết:*

- Những nội dung cần thông báo cho dân biết được triển khai dưới

nhiều hình thức phù hợp với điều kiện của từng cơ sở, song chủ yếu thông qua các kỳ họp HĐND, UBND, Hội nghị giao ban tuần, tháng theo định kỳ giữa các ngành, đoàn thể, trưởng thôn bản, thông qua sinh hoạt chi bộ và tiếp xúc cử tri hoặc niêm iết bằng văn bản, gửi văn bản thông báo cho dân thôn bản biết.

- Trong số 14 việc cần thông báo cho dân biết đa số các cơ sở thực hiện tốt từ 10 - 12 việc. Điển hình như thị trấn Phố Ràng, Bảo Hà, Cam Cọn, Việt Tiến, Yên Sơn. Các khoản thu do dân đóng góp, các loại quỹ, lệ phí và mức hoàn thành các chỉ tiêu khối lượng công trình, dự án phát triển sản xuất liên quan đến quyền lợi của nhân dân đều được công khai qua các buổi họp tổ dân phố, khu dân cư thôn bản biết.

- Tuy nhiên cũng có nơi nhất là đối với xã vùng cáo như xã Tân Tiến, Điện Quan, các thôn bản hẻo lánh đặc biệt khó khăn còn một số việc dân chưa biết, hoặc biết nhưng không rõ ràng về nội dung như: Kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn và hàng năm của xã; dự toán và quyết toán thu chi ngân sách xã hàng năm; các Nghị quyết của HĐND xã, các chương trình đề án do các tổ chức và cá nhân đầu tư; việc sơ kết, tổng kết nghị quyết của chính quyền, các ngành đoàn thể, tổng kết nhiệm vụ thôn bản và những kết quả các công trình đầu tư cho bản, nhân dân biết nhưng còn ở mức hạn chế.

**Những việc nhân dân bàn và quyết* định trực *tiếp:*

Nhiều cơ sở xã, thị trấn thực sự phát huy được quyền dân chủ trực tiếp để dân biết, dân bàn và quyết định. Đã tổ chức cho nhân dân bàn và tự quyết định mức tham gia đóng góp hợp lý cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng như dự án điện, đường, trường, trạm, các công trình văn hóa thể thao, việc lập thu chi các loại quỹ trong khuôn khổ pháp luật cho phép, việc xây dựng bổ sung hương ước, quy ước khu dân cư, làng bản văn hóa, giữ vững ổn định an ninh chính trị, bài trừ các hủ tục lạc hậu. Biết khai thác triệt để nguồn nội lực vốn có trong cộng đồng dân cư, điển hình như xã Long Phúc, thị trấn Phố Ràng, xã Vĩnh Yên, đã huy động tối đa sức đóng góp của nhân dân. Xây dựng 21 nhà gỗ làm nơi hội họp của thôn bản và các đoàn thể; một số xã như Kim Sơn, Việt Tiến, Long Phúc, Tân Tiến, Cam Cọn. Nhân dân đã đóng góp hàng vạn ngày công tham gia mở đường liên thôn bản.

Tuy vậy một vài cơ sở xã thường quan tâm phần kinh phí đầu tư hỗ trợ của nhà nước, những việc dân bàn, dân làm còn mang nặng hình thức khoán trắng cho dân, dẫn tới việc thực hiện tiến độ chậm, chất lượng hiệu quả huy động sức dân không cao, chưa đạt so với yêu cầu.

** Những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, HĐND, UBND* xã, thị *trấn quyết* định:

- Đa số cơ sở xã, thị trấn trước khi quyết định những chủ trương lớn như xây dựng mục tiêu phương án phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các dự án chương trình quốc gia cũng như giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND, bầu trưởng thôn bản, tổ trưởng dân phố đều tổ chức cho nhân dân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng. Chính vì thế khi chính quyền quyết định, triển khai thực hiện được đông đảo nhân dân đồng tình hưởng ứng tham gia.

- Qua cuộc bầu cử HĐND 3 cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004; nhiệm kỳ 2004 - 2009 đã đạt kết quả trên 98% số cử tri đi bầu cử, số đại biểu chúng cử đạt tỷ lệ phiếu bầu khá cao, không phải bầu thêm, bầu lại. Việc bầu cử các chức danh chủ chốt chính quyền cấp xã cũng được tổ chức thăm dò tín nhiệm, giúp cho lãnh đạo cấp trên định hướng công tác cán bộ một cách khách quan.

- Bên cạnh đó vẫn còn một số vấn đền nổi cộm như chủ trương đền bù giải phóng mặt bằng, kế hoạch sử dụng và việc quản lý sử dụng hiệu quả quỹ đất công ích ở các xã, thị trấn dọc đường quốc lộ 70, 279.

- Công tác quản lý và khai thác vườn rừng, những quy đinh trong tang lễ, cưới xin ở vùng cao, vệ sinh, môi trường ở thị trấn vẫn còn nhiều ý kiến đòi hỏi các cấp chính quyền tiếp tục có những giải pháp đồng bộ.

** Những việc nhân dân giám sát kiểm tra:*

- Nhân dân phát huy tốt quyền làm chủ, thực hiện quyền và nghĩa vụ của nhân dân trong bầu cử, lựa chọn những đại biểu có đủ phẩm chất, năng lực đại diện thay mặt cho nhân dân thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành xã hội và thực hiện chức năng giám sát kiểm tra.

- Tổ chức Mặt trận tổ quốc các xã, thị trấn là lực lượng nòng cốt, phối hợp với các thành viên đoàn thể vận động nhân dân thực hiện tốt chức năng giám sát, tham gia cùng với chính quyền giám sát kiểm tra, phối hợp với thanh tra nhân dân của cơ sở và trực tiếp thực hiện các đợt giám sát kiểm tra kết quả việc triển khai các nghị quyết của HĐND, các chỉ thị, quyết định của cấp trên, kết quả thực hiện các công trình xây dựng, việc thu chi các loại quỹ, lệ phí, việc thực hiện các chính sách xã hội, pháp luật của nhà nước ở từng cơ sở.

- Tuy nhiên vẫn còn từ 3 - 4 việc liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành nên ở cấp xã đã thực hiện nhưng chất lượng giám sát kiểm tra còn ở mức hạn chế.

b. Ở khu vực cơ quan hành chính sự nghiệp (theo Nghị định 71)

Huyện Bảo Yên có 33 đơn vị hành chính sự nghiệp, hầu hết các cơ quan đơn vị đều thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC và Ban Thanh tra nhân dân trong từng cơ quan đơn vị. Việc triển khai quán triệt và học

tập pháp lệnh công chức và QCDC trong hoạt động của cơ quan, với số người tham gia đạt tỷ lệ trên 90%; qua triển khai học tập và thực hiện đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động, góp phần hạn chế được các biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham ô, lãnh phí, gây phiền hà sách nhiễu của cán bộ nhà nước đối với người dân trong khi thực thi công vụ. Qua các đợt kiểm tra thực tế và đánh giá của các đơn vị hành chính sự nghiệp trong toàn huyện cho thấy:

* *Những việc cán bộ công chức phải được biết*:

- Đây là công việc quan trọng đối với người lãnh đạo, quản lý. Do đó hầu hết thủ trưởng các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp của huyện luôn đề cao trách nhiệm, chủ động cải cách lề lối làm việc, tác phong lãnh đạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi, công khai thông báo cho cán bộ công chức nắm bắt được chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ chính trị trọng tâm, các nội quy, quy chế của đơn vị để cán bộ công chức chủ động tham gia thực hiện.

- Các nội dung cần thông báo được chuẩn bị và công khai tại các hội nghị, bằng thể thức văn bản nêu rõ từng nội dung đối với từng cấp, từng ngành đến các bộ phận và trực tiếp tới cán bộ công chức. Những nội dung quan trọng mang tính định hướng, chỉ đạo của cấp trên được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

* *Những* việc *cán* bộ *công chức tham gia ý kiến, thủ* trưởng cơ *quan quyết* định.

- Hầu hết các cơ quan hành chính sự nghiệp trong huyện thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản lý đơn vị hành chính tại địa phương. Những chủ trương, giải pháp chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, dự án xóa đói giảm nghèo, ổn định dân cư, những hoạch định kinh tế xã hội và ổn định an ninh quốc phòng, đặc biệt đối với các chương trình kế hoạch bồi dưỡng đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ; việc thực hiện chế độ chính sách liên quan đến công việc của tập thể, quyền và lợi ích của cán bộ công chức đều được bàn bạc thống nhất trong cấp ủy, tổ chức công khai lấy ý kiến đóng góp của các đoàn thể và cán bộ công chức trước khi thủ trưởng cơ quan quyết định.

- Bên cạnh những việc làm được, vẫn còn một số đơn vị, đội ngũ cán bộ công chức còn hạn chế ý kiến đóng góp xây dựng, các biệt có đơn vị, công chức còn mắc tệ nạn xã hội, vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan buộc đơn vị phải quyết định xử lý nghiêm khắc.

* *Những việc cán bộ, công chức giám sát kiểm tra*

- Đại bộ phận các cơ quan đơn vị đã phát huy tốt vai trò, tác dụng hoạt động của ban thanh tra công nhân viên chức trong việc giám sát,

kiểm tra thực hiện các chế độ chính sách và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động.

- Một số ngành ban của huyện như giáo dục, văn hóa, y tế, mặt trận tổ quốc còn phối hợp chặt chẽ giữa thanh tra công đoàn, tổ chuyên môn, thanh tra ngành, định kỳ tổ chức giám sát kiểm tra chuyên môn gắn với thực hiện QCDC ở cơ sở theo đúng chức năng nhiệm vụ và quy định của ngành.

- Hầu hết các đơn vị hành chính sự nghiệp trên địa bàn huyện đều bố trí được phòng và quy định lịch tiếp dân, mở hòm thư góp ý, cử cán bộ theo rõi, tiếp nhận đơn thư và giải quyết tốt mọi yêu cầu, kiến nghị của công dân theo thẩm quyền từng cấp, không để đơn thư tồn đọng kéo dài.

c. Thực hiện QCDC trong các doanh nghiệp nhà nước (theo Nghị định 07)

Việc tổ chức triển khai QCDC trong doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn huyện Bảo Yên được thực hiện nghiêm túc ở 4/4 đơn vị. Số cán bộ, công nhân lao động tham gia học tập đạt 98%. Sau khi triển khai học tập các đơn vị đã xây dựng nội quy, quy chế sát thực với quy mô sản xuất kinh doanh.

* *Những việc doanh nghiệp thông báo cho cán bộ và người lao* động *biết*:

- Mở hội nghị thông báo phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch hàng năm, công khai cho người lao động biết các chế độ, chính sách theo quy định của nhà nước như thể thức tuyển dụng cán bộ công nhân, nội dung ký kết hợp đồng, cho thôi việc, các chế độ lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hộ lao động... đều thực hiện đúng theo luật và quy định hiện hành.

- Thông qua hội nghị công nhân viên chức và các cuộc họp ở từng đội, phân xưởng, tổ nhóm dịch vụ tự quản, từng cơ sở thông báo cho người lao động biết các quy định cụ thể về chỉ tiêu kỹ thuật, định mức lao động, kỷ luật lao động, bảo vệ sản xuất, kết quả kinh doanh, công khai tài chính, doanh thu của từng đơn vị; việc trích nộp nghĩa vụ ngân sách, các khoản người lao động phải trích nộp, các quyền lợi và mức tham gia cổ phần, lợi nhuận kinh doanh và mức lương người lao động thực lĩnh.

* *Những việc người lao* động được tham gia ý *kiến*

- Việc triển khai kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư trang thiết bị, mở rộng sản xuất, khai thác những sản phẩm, mặt hàng có địa chỉ tiêu bao sản phẩm lâu dài, ổn định... đều được người lao động trực tiếp tham gia thảo luận, bàn biện pháp sản xuất qua đó cấp ủy và ban giám đốc lấy biểu quyết của người lao động để quyết định phương án hiệu quả nhất.

- Ngoài ra tất cả nội quy, quy chế, thỏa ước lao động của doanh nghiệp cũng đều có sự tham gia ý kiến, bàn bạc thống nhất của người lao động trước khi ban giám đốc quyết định ban hành thực hiện.

* *Những việc người lao động được tham gia quyết* định trực *tiếp:*

- Việc tham gia ký kết thỏa ước, tự chủ, tự giác lao động những vấn đề liên quan đến quyền hạn và lợi ích sau khi thống nhất người lao động có quyền dân chủ biểu quyết và thừa nhận hợp tác tham gia thực hiện nghĩa vụ lao động.

- Trên cơ sở quy định của luật lao động và thỏa ước lao động được ban hành một số bộ phận trong các doanh nghiệp nhà nước như phân xưởng 1 và phân xưởng 2 thuộc Lâm trường Bảo Yên đã mở rộng quyền tự chủ cho quản đốc việc ký kết hợp đồng ngắn hạn theo mùa vụ, tạo công ăn việc làm hàng năm từ 300 - 400 lao động phổ thông tại địa phương.

- Doanh nghiệp thương mại Bảo Yên do thực hiện chủ trương cổ phần hóa, khoán rõ doanh thu và định mức chế độ tiền thưởng hợp lý nên đã khích lệ người lao động đa dạng mặt hàng kinh doanh, tăng mức doanh thu và mức lương thu nhập cho người lao động.

** Quyền hạn kiểm tra của người lao động:*

Qua chỉ đạo và tổ chức kiểm tra thực tế của Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC của huyện ở các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn huyện cho thấy.

- Vai trò của ban thanh tra công nhân ở các doanh nghiệp, thực hiện khá tốt chức năng giám sát kiểm tra các hoạt động của tổ chức công đoàn trong việc thực hiện thỏa ước và ký kết hợp đồng với người lao động, quan tâm đời sống và quyền lợi của người lao động.

- Các doanh nghiệp nhà nước thực hiện khá tốt 7 việc hội đồng quản trị và ban giám đốc công khai thông báo cho người lao động biết; 7 việc người lao động dân chủ tham gia ý kiến; 4 việc người lao động bàn quyết định. Song vẫn còn một số tồn tại liên quan giữa doanh nghiệp với lợi ích của người lao động như: Việc trích nộp bảo hiểm còn chậm so với quy định, việc tổ chức thi tay nghề nâng bậc thợ hàng năm, cho người lao động chưa được doanh nghiệp quan tâm, việc cấp phát bảo hộ cho người lao động theo định kỳ chưa kịp thời, điều kiện cơ sở vật chất và sinh hoạt của một bộ phận công nhân nghề rừng còn hết sức khó khăn.

II. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện qcdc ở cơ sở

1- Kết quả lãnh đạo và chỉ đạo.

- Tác động rõ nhất của việc xây dựng và thực hiện QCDC là đã tạo được sự chuyển biến nhận thức về quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và quần chúng nhân dân đối với lãnh đạo chính

quyền và thủ trưởng các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đơn vị xã, thị trấn đã xác định rõ hơn trách nhiệm, chức năng, quyền hạn, đến lề lối làm việc, phong cách lãnh đạo, phát huy được sức mạnh tổng hợp của quần chúng nhân dân trong phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Những việc dân biết, dân bàn, chính quyền quyết định đạt kết quả như sau:

- Trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương đang từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa.

+ Tổng giá trị sản phẩm toàn huyện đạt 22,2 tỷ đồng, so với năm 1999 tăng 69,7%; mức tăng thu nhập bình quân đầu người đạt 7,4%.

+ Sản lượng lương thực qui hạt đạt 24.000 tấn, so với năm 1999 tăng 2.335 tấn; bình quân lương thực đầu người tăng 62,2%.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng được đầu từ và phát triển. Toàn huyện có 78 hạng mục công trình 135 được nhà nước đầu tư theo mục tiêu 7 chương trình và 27 đề ăn của tỉnh. Việc đầu tư có trọng tâm, với tổng số vốn gần 30 tỷ đồng, chủ yếu là lĩnh vực giao thông, thủy lợi, trạm xá, trường học và điện lưới quốc gia.

+ Phong trào xóa đói giảm nghèo được cụ thể hóa đến từng xã thị trấn, từng thôn bản và hộ gia đình. Trách nhiệm của chính quyền trong việc giải quyết các chính sách, giải quyết vốn cho từng vùng, từng đối tượng dần dần đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo hợp lý, công bằng và dân chủ, góp phần tích cực vào việc giả tỷ lệ đói nghèo từ 37,03% năm 1998 xuống còn 12,79% năm 2002, đến năm 2003 còn 1.108 hộ = 7,73%.

+ Phong trào xã hội hóa giáo dục ngày càng phát triển, nhân dân tích cực vận động con em đến trường đạt tỷ lệ từ 97 - 98%. Hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học. Số học sinh ở các cấp học hàng năm tăng từ 3 - 4%; cơ sở vật chất ngày càng được củng cố xóa dần nhà tạm, thay thế dần trường lớp bán kiên cố và kiên cố theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, đảm bảo có đủ trường lớp cho học sinh đến trường không còn tình trạng học 3 ca như trước.

+ Hệ thống truyền thanh, truyền hình ngày càng mở rộng, phương tiện nghe nhìn của người dân từng bước được cải thiện kể cả vùng sâu. Toàn huyện có 5 trạm thu phát sóng truyền hình và FM, 15 điểm truyền hình thu tín hiệu vệ tinh ở thôn bản, bảo đảm 70 % số dân được xem truyền hình và 90% số dân được nghe đài, đã cấp phát 1.093 chiếc đài, 273 chiếc ti vi và cấp trợ giá 5.053 chiếc đài Radiô, cho các xã, thôn bản vùng sâu.

+ Quy chế dân chủ đến với từng thôn bản và được cụ thể hóa thành quy ước, hương ước bản làng, đời sống văn hóa tinh thần ngày một nâng

cao. Đến nay hiện có 52 nhà văn hóa cộng đồng của thôn bản (nhà họp bản) trong đó nhân dân tự động góp 39 nhà và 11 nhà được tỉnh hỗ trợ bằng nguồn vốn 184 cho các bản đặc biệt khó khăn. Hiện có: 105/302 thôn bản, 21 cơ quan, 13 cơ sở trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa mới, có 9.058 hộ dân đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa (năm 2003).

- Đối với cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng và xây dựng củng cố chính quyền cơ sở gắn với thực hiện QCDC có sự chuyển biến rõ rệt. Xây dựng đề án quy hoạch cán bộ cơ sở 2005 - 2010, đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực ngày càng đượcc bổ sung tăng cường, lực lượng đảng viên ngày càng phát triển, giảm dần số thôn bản không có đảng viên, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng ngày càng nâng lên, không còn cơ sở Đảng yếu kém. Chính quyền các cấp luôn được củng cố. Số chính quyền cơ sở vững mạnh và khá ngày càng tăng, không còn cơ sở chính quyền yếu kém.

- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở thường xuyên được củng cố và đổi mới phương thức hoạt động. Phong trào cơ sở ngày càng thiết thực hiệu quả hơn. Năm 2003 có 117/302 thôn bản đạt khu dân cư xuất sắc, số khu dân cư yếu kém giảm dần qua các năm. Có 110 tổ chức mặt trận, hội các đoàn thể xã, thị trấn và cơ quan đạt vững mạnh.

2- Những kết quả kiểm tra thực hiện QCDC ở cơ sở.

- Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC của huyện tham mưu cho cấp ủy xây dựng kế hoạch chỉ đạo kiểm tra. Thành lập các tổ, đoàn kiểm tra làm điểm, chỉ đạo các chi đảng bộ tự kiểm tra theo hướng dẫn của cấp trên với kết quả: Đã kiểm tra 41 lượt loại hình xã, thị trấn, kiểm tra 5 lượt loại hình cơ quan hành chính sự nghiệp, kiểm tra 3 lượt loại hình doanh nghiệp. Qua kiểm tra của huyện đã giúp cho các đơn vị cơ sở nhận thức rõ vai trò trách nhiệm của lãnh đạo và các tổ chức chính trị tham gia thực hiện QCDC, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại yếu kém và tìm ra giải pháp khắc phục.

- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng thực hiện điều lệ và quy chế hoạt động của khối. Tham mưu cho Đảng ủy, phối hợp với chính quyền thực hiện tốt chức năng giám sát kiểm tra của Đại biểu HĐND các cấp; tổ chức lấy ý kiến của cử tri, tổng hợp khách quan nguyện vọng của dân tại các kỳ họp.

- Chính quyền các cấp đã bước đầu phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, biết tôn trọng, lắng nghe dân nói, nói cho dân hiểu lợi ích phải đi đôi với quyền và nghĩa vụ công dân; việc tiếp nhận đơn thư, kiến nghị của nhân dân được giải quyết theo thẩm quyền từng cấp, làm rõ đúng sai, giải quyết dứt điểm không để tồn đọng kéo dài nên đã hạn chế được đơn thư vượt cấp.

3- Những khó khăn, hạn chế và bài học kinh nghiệm

** Những khó khăn, hạn chế:*

Trình độ dân trí của một bộ phận nhân dân còn hạn chế, điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện, địa bàn hoạt động đặc biệt đối với vùng cao còn nhiều khó khăn cho nên việc tiếp thu nội dung QCDC còn ở mức độ nhất định.

- Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị gắn với nội dung QCDC của chính quyền một số nơi còn lúng túng, thiếu cụ thể hóa. Phương pháp làm việc chưa rõ ràng, chậm đổi mới, chưa quy rõ trách nhiệm dẫn đến tình trạng chiếu lệ, hình thức, thậm trí có nơi trông chờ ỷ lại vào cấp trên.

- Việc chủ động tự kiểm tra của một số cấp ủy còn yếu, chế độ thông tin, báo cáo chưa thành nề nếp thường xuyên.

- Trình độ cán bộ còn nhiều bất cập về học vấn và chuyên môn, mặt trận và các đoàn thể ở một số cơ sở hoạt động chưa đều, các tổ chức chính trị kể cả chi bộ nhỏ còn lồng ghép nhiều thôn bản, chất lượng sinh hoạt các chi bộ và đoàn thể ở các khu dân cư vùng cao chưa thành nề nếp. Sự quan tâm của chính quyền về kinh phí hoạt động và phối hợp thực hiện QCDC cơ sở còn hạn chế, chưa kịp thời nên hội viên các đoàn thể nhận thức chưa đầy đủ, để kẻ xấu lợi dụng, lén lút hoạt động tuyên truyền đạo trái phép trong đồng bào dân tộc H'mông.

- Từ những khó khăn hạn chế trên, trong quá trình tổ chức thực hiện QCDC ở cơ sở còn bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm nhất định, hàng năm huyện đã kịp thời rút kinh nghiệm trong lãnh đạo và chỉ đạo những năm tiếp theo.

** Bài học kinh nghiệm:*

Một là: Trong lãnh đạo chỉ đạo thực hiện QCDC, các cấp ủy đảng phải thường xuyên nghiên cứu nhận thức đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và nội dung QCDC cơ sở, đồng thời quan tâm tạo điều kiện cho Ban Chỉ đạo hoạt động có hiệu quả. Quá trình triển khai nhiệm vụ chính trị của địa phương phải chọn những lĩnh vực, công việc trọng điểm, phải gắn nội dung QCDC cơ sở với các chương trình đề án được nghị quyết của Đảng, chính quyền xây dựng từ cơ sở, nắm chắc nguồn lực huy động, được quần chúng nhân dân hưởng ứng tham gia tích cực sẽ đem lại hiệu quả và tạo ra được sự chuyển biến một cách toàn diện.

Hai là: Chính quyền các cấp phải nhận thức và xác định rõ trách nhiệm, chức năng nhiệm vụ trong thực hiện QCDC ở cơ sở. Phải cụ thể hóa được nội dung QCDC thành nội quy, quy chế làm việc, quy ước, hương ước thôn bản. Các tổ chức mặt trận và các đoàn thể phải phối hợp với chi bộ Đảng củng cố các tổ chức chính trị theo địa bàn thôn, bản, thu hút đông

đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và các tổ chức đoàn thể gắn việc triển khai thực hiện QCDC với phong trào toàn dân đoàn kết ở khu dân cư.

- **Ba là**: Chính quyền, mặt trận và các đoàn thể phải gần dân, nghe dân nói, nói cho dân hiểu, dân tin, giải quyết kịp thời các vấn đề nẩy sinh ở cơ sở. Thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi" thì việc khó mấy dân liệu sẽ thành công.

- **Bốn là**: Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC ở các cấp phải được củng cố kiện toàn, chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra theo định kỳ, chỉ đạo việc đánh giá sơ, tổng kết rút kinh nghiệm và phát hiện những sai lệch của cán bộ, đảng viên để kịp thời chấn chỉnh và rút kinh nghiệm. Phát huy tốt vai trò của tổ chức mặt trận và các đoàn thể trong việc tuyên truyền vận động nhân dân tham gia giám sát thực hiện QCDC ở cơ sở.

- Năm là: Thường xuyên quán triệt bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc, cán bộ nữ ở các xã vùng cao và các thôn bản đặc biệt khó khăn. Đặc biệt chú ý tới nhân tố tích cực, các tập thể cá nhân điển hình tiên tiến để biểu dương, động viên khen thưởng và nhân điển hình ra diện rộng.

III. Một số giải pháp và kiến nghị tiếp tục thực hiện qcdc trong thời gian tới

1- Một số giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong việc nghiên cứu, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, nghị định của Đảng và Chính phủ về việc triển khai thực hiện hiệu quả QCDC cơ sở gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh toàn diện.

- Tập chung sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của mặt trận và các đoàn thể, nhất là vai trò giám sát của đại biểu HĐND đối với việc thực hiện QCDC cơ sở gắn với cải cách hành chính theo cơ chế một cửa, xử lý nghiêm túc với những hành vi, vi phạm QCDC. Khắc phục dần biểu hiện dân chủ hình thức, nâng cao chất lượng dân chủ đại diện, mở rộng dân chủ trực tiếp, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân trong xóa đói giảm nghèo và xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư.

- Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao dân trí và nhận thức của cán bộ đảng viên, công nhân viên chức, người lao động và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với miền núi và các đối tượng được hưởng chính sách đãi ngộ. Khai thác tốt nguồn lực và sáng tạo của nhân dân, khắc phục dần tư tưởng chông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

- Thực hiện nghiêm túc, toàn diện các nội dung quy chế dân chủ ở cả 3 loại hình cơ sở. Thực hiện QCDC ở cơ sở phải trở thành nề nếp thường xuyên và trở thành một trong những tiêu chuẩn xét duyệt đơn vị cấp ủy trong sạch vững mạnh, chính quyền vững mạnh hàng năm.

2- Một số kiến nghị.

* Đối *với Trung ương*

Đề nghị Trung ương nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện và trình Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh công chức xã, bổ sung và hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của tổ chức công đoàn công chức xã, thị trấn.

- Đề nghị Trung ương nghiên cứu, quy định cụ thể về tiêu chí, chế độ chính sách đặc thù đối với Hội Người cao tuổi, Hội Khuyến học, Hội Cựu chiến binh và nên sử dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên chức có đủ tiêu chuẩn tham gia vào các chức vụ chủ chốt thường trực ở hội cấp huyện, cơ sở, hạn chế đến mức thấp nhất sử dụng cán bộ đã nghỉ chế độ vi phạm luật lao động.

- Đề nghị Nhà nước tiếp tục quan tâm tăng cường trang thiết bị, cơ sở kỹ thuật, phương tiện làm việc cho cơ sở, đặc biệt tăng cường đầu tư chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất và chế biến đến với vùng núi. -

** Đối với tỉnh:*

Đề nghị tỉnh chỉ đạo các ngành, tạo nguồn tài chính in ấn bổ sung tài liệu QCDC cơ sở đến từng chi bộ nhỏ, tạo điều kiện để chi bộ nghiên cứu, tổ chức cho đảng viên và nhân dân học tập đến từng thôn bản, khu dân cư.

Đề nghị tỉnh có chủ trương, xây dựng chuyên đề củng cố tổ chức chi bộ theo mô hình thôn bản, xóa chi bộ ghép (trừ đặc thù riêng không có đảng viên) nhằm phù hợp với điều kiện địa hình, chất lượng sinh hoạt và trách nhiệm của cán bộ đảng viên được phân công giao nhiệm vụ lãnh đạo cụm dân cư.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả kiểm tra và thực hiện QCDC ở cơ sở huyện Bảo Yên năm 2004. Rất mong được sự quan tâm của Ban Chỉ đạo tỉnh đối với huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 189-BC/HU, ngày 15 tháng 12 năm 2004
Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 09 của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005

Thực hiện Kế hoạch số 46-KH/TU ngày 18/8/2004 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết đánh giá 3 năm thực hiện Nghị quyết số 09 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005. Huyện ủy Bảo Yên báo cáo sơ kết ba năm thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy cụ thể như sau:

I- Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch số 46-KH/TU ngày 18/8/2004 của Tỉnh ủy về sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết

Ban Thường vụ Huyện ủy đã nghiên cứu kế hoạch của Tỉnh ủy và xây dựng Kế hoạch số 57 KH/HU ngày 31.8.2004 để tổ chức chỉ đạo các cơ sở đảng sơ kết ba năm thực hiện Nghị quyết số 09 của Tỉnh ủy. Thành lập Ban Chỉ đạo gồm 15 đồng chí đã tiến hành họp quán triệt, bàn biện pháp và phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách chỉ đạo giúp các cơ sở, hướng dẫn đề cương viết báo cáo sơ kết và chọn hai xã Vĩnh Yên, Bảo Hà làm điểm chỉ đạo rút kinh nghiệm.

Các cơ sở đảng đều thực hiện nghiêm túc kế hoạch của Tỉnh ủy và Huyện ủy đã có 16/18 xã, thị trấn có báo cáo sơ kết 20/27 cơ sở đảng cơ quan trường học sơ kết và đã có báo cáo trong đó đa số đơn vị, cơ sở mở hội nghị sơ kết và mời Ban Chỉ đạo huyện dự. Hai xã chỉ đạo điểm về sơ kết thực hiện Nghị quyết số 09 có xã Vĩnh Yên chuẩn bị chu đáo báo cáo đánh giá và tổ chức hội nghị sơ kết tại cơ sở đúng thời gian đạt yêu cầu tốt. xã Bảo Hà tiến hành chậm so với thời gian quy định do nguyên nhân khách quan. Nhìn chung các cấp ủy chủ động thực hiện nghiêm túc đạt yêu cầu theo kế hoạch chỉ đạo của tỉnh ủy và Huyện ủy về đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết trong ba năm qua.

Tuy nhiên còn có cấp ủy cơ sở chưa thực hiện nghiêm túc kế hoạch chỉ đạo của Huyện ủy, nên việc sơ kết Nghị quyết tiến hành chậm thời gian quy định; nội dung còn chung chung chưa sát với tình hình thực tế ở cơ sở.

II- Kết quả thực hiện Nghị quyết

1- Đánh giá công tác tuyên truyền quán triệt thực hiện Nghị quyết

Sau khi tiếp thu Nghị quyết ở Tỉnh ủy. ngày 19/4/2002 Huyện ủy mở hội nghị Ban Chấp hành mở rộng để quán triệt thực hiện Nghị quyết gồm

các thành phần: Ban Chấp hành Huyện ủy, Bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc, chủ tịch HĐND - UBND, trưởng các tổ chức Mặt trận - đoàn thể huyện và cơ sở, trên cơ sở quán triệt học tập nhận thức rõ 4 mục tiêu, 5 nhiệm vụ và 9 giải pháp của Nghị quyết. Ban Chấp hành Huyện ủy đã thông qua kế hoạch số 23 - KH/HU ngày 17/4/2002 và chương trình hành động để tổ chức thực hiện nghị quyết với những mục tiêu. Tăng cường đoàn kết các dân tộc, phát huy tiềm năng sức sáng tạo và huy động mọi nguồn lực của nhân dân, tạo ra phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, Nghị quyết XII Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết XII của Đảng bộ huyện Bảo Yên.

Huyện ủy đã phân công huyện ủy viên phụ trách các xã cùng cấp ủy cơ cở triển khai quán triệt thực hiện Nghị quyết. Các cơ sở đảng đều xây dựng được chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết và đến ngày 15/5/2002 đều tiến hành triển khai học tập xong trong tổ chức Đảng, mặt trận đoàn thể từ huyện đến cơ sở. Qua việc tổ chức triển khai học tập và thực hiện Nghị quyết cho thấy.

*** Về ưu điểm**:

- Các cấp ủy cơ sở đều nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy theo hướng dẫn kế hoạch của Tỉnh ủy và Huyện ủy đề ra.

- Đã chủ động đề ra kế hoạch chỉ đạo, và chương trình hành động của các cấp ủy từ huyện đến cơ sở để thực hiện Nghị quyết sát với tình hình thực tiễn ở địa phương.

Nhận thức về vai trò vị trí của tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận - đoàn thể, của hội viên, đoàn viên trong công tác vận động quần chúng được thể hiện rõ nét hơn, quan tâm tốt hơn đến phong trào quần chúng góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, ổn định tình hình đời sống nhân dân.

*** Về nhược điểm**:

- Việc triển khai quán triệt thực hiện Nghị quyết số 09 của Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng ở một vài cơ sở chương trình hành động thực hiện nghị quyết còn chung chung nên chưa tạo được phong trào quần chúng sâu rộng để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ chính trị đòi hỏi.

- Nội dung phương thức lãnh đạo, tập hợp quần chúng vào hoạt động trong tổ chức mặt trận - đoàn thể chậm được đổi mới, nên tỷ lệ tập hợp hội viên đạt được ở các cơ sở, thôn bản vùng sâu, vùng xa thường thấp, chất lượng hoạt động của chi đoàn, chi hội, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo, vai trò của chi bộ dưới cơ sở và đảng viên nhận thức về công tác vận động quần chúng ở một số nơi chưa rõ nét, chưa thể hiện sự quan tâm thường xuyên đến hoạt động công tác quần chúng.

2. Đánh giá kết quả công tác vận động quần chúng trong phát triển kinh tế- xã hội, củng cố quốc phòng an ninh và củng cố cơ sở chính trị

a. Tình hình chung, những thuận lợi khó khăn của huyện những năm qua.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy và huyện ủy từ năm 2001 đến nay huyện có những thuận lợi cơ bản là: Công cuộc đổi mới thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngày càng được đẩy mạnh và thu được nhiều thành tựu, Đảng, nhà nước đã có những chính sách và chủ trương toàn diện về đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Ban Chấp hành đảng bộ huyện đã vận dụng sáng tạo các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy vào tình hình thực tế của huyện, xác định tiềm năng thế mạnh, chọn đúng những vấn đề trọng tâm trọng điểm, khâu đột phá mở ra hướng phát triển trên các lĩnh vực phù hợp với tâm tư nguyện vọng của nhân dân.

- Tuy nhiên trong những năm qua huyện còn những khó khăn là nền kinh tế còn thấp kém, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, thu hút nguồn vốn đầu tư thấp, chưa phát huy hết mọi khả năng nội lực trong nhân dân, đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập, mặt bằng dân trí thấp, hoạt động đạo trái phép và di dịch cư tự do còn xảy ra và tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

- Tỷ lệ giảm đói nghèo hàng năm trên 7% nhưng chưa bền vững, tái nghèo và phát sinh nghèo hàng năm vẫn còn nhất là ở vùng sâu, vùng xa, cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư xây dựng kiên cố song còn thiếu, chưa đáp ứng với yêu cầu nên hạn chế đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

b. Kết quả thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh, củng cố hệ thống chính trị

** Phát triển kinh tế - xã hội.*

Tiếp tục phát triển ngày càng nhiều các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ làm ăn có hiệu quả. Hộ sản xuất giỏi tăng, thu hút được nhiều lao động và giải quyết tốt việc làm ổn định, có thu nhập khá và đời sống người lao động từng bước được cải thiện rõ rệt.

Nền kinh tế phát triển từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, tổng giá trị GDP tăng, năm 2001 đạt 171.438 triệu đồng, năm 2002 đạt 187.877 triệu đồng; năm 2003 đạt 207.441 triệu đồng. Tốc độ

tăng bình quân trong 3 năm qua là 10,39%; thu nhập bình quân đầu người năm 2001 đạt 2,400 triệu, năm 2003 đạt 2,820 triệu đồng.

+ Về sản xuất nông nghiệp: Đã tập chung đầu tư cả về bề rộng và chiều sâu đã và đang dần hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, thậm canh các loại cây trồng có năng suất chất lượng cao được đưa vào sản xuất. Diện tích lúa nước cấy giống mới đạt trên 90%, diện tích ngô giống mới, ngô, đậu tương hàng hóa cây lạc, mía và các loại cây thực phẩm khác liên tục tăng diện tích năng suất và sản lượng, diện tích cây ăn quả, tre măng bát độ và cây chè đều tăng. Hàng năm diện tích cây chè tăng từ 119,2ha năm 2000 lên 358,4 ha năm 2004 (tính đến tháng 10/2004) diện tích chè trồng mới chủ yếu là chè cành dâm bầu, năng suất cao và được xác định trong những cây góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và xóa đói giảm nghèo.

Tổng sản lượng lương thực tăng bình quân trong năm là 7,82%; năm 2002 đạt 22.048 tấn, năm 2003 đạt 24.000 tấn, năm 2004 đạt 25.150 tấn. Lương thực bình quân đầu người tăng 6,22%/năm (năm 2002 đạt 306 kg, năm 2003 đạt 327kg).

+ Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc - gia cầm tăng trưởng bình quân 4-5%/năm, diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 75ha năm 2000 lên 125ha so với năm 2004. Các chương trình chuyển giao công nghệ áp dụng khoa học kỹ thuật, đầu tư vốn, giống mới đưa vào sản xuất được quan tâm chỉ đạo, các hộ nông dân tích cực hưởng ứng và thực hiện đạt hiệu quả tốt như đưa lợn đực ngoại, lợn nái móng cái, bò giống Zê - bu, cá chim trắng, chép lai và các giống gia cầm khác vào sản xuất, công tác quản lý và chăm sóc thú y thường xuyên được chú quan tâm chủ động phòng chống dịch bệnh đàn gia súc, gia cầm và khi dịch bệnh xảy ra đã kịp thời ngăn chặn dập dịch không để lây lan, hạn chế thiệt hại (như dịch gia cầm ở khu 5 TT Phố Ràng, khe Pẹ, Lương Sơn và dịch dê ở làng Bông Bảo Hà).

+ Về lâm nghiệp: Đã cơ bản hoàn thành việc giao đất giao rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, quy hoạch sử dụng đất ở các xã, thị trấn trong huyện, hoàn thành tốt kế hoạch giao trong năm và trong dự án 5 triệu ha rừng, nhân dân tích cực tham gia phong trào trồng rừng bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; nghề rừng đã và đang hình thành có thu nhập đáng kể của hộ nông dân, nâng độ che phủ rừng từ 35,32%/năm 2000 lên 39,1% năm 2002 và đạt trên 40% năm 2004, hạn chế phá rừng làm nương rẫy, khai thác và vận chuyển lâm sản trái phép, những vi phạm được xử lý nghiêm theo quy định lâm luật.

+ Về tài chính - thương mại, du lịch và dịch vụ:

Tổng thu ngân sách hàng năm đều đạt kế hoạch giao. Năm 2000 đạt 3,2 tỷ/3,2 tỷ đồng = 100% KH. Năm 2002 đạt 4,277 tỷ/4,002 tỷ đồng =

106,7%KH, năm 2003 đạt 7,335 tỷ 6,087 tỷ 117,5% KH, đảm bảo tốt các nhu cầu chi ngân sách theo chế độ quy định hiện hành.

Các hoạt động tín dụng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, ngân hàng nông nghiệp và ngân hàng chính sách xã hội huyện đã đáp ứng tốt các nhu cầu vay vốn, đầu tư cho sản xuất của các hộ dân tính đến hết tháng 11/2004 có trên 9.000 hộ vay vốn các loại và số dư nợ lên đến trên 90 tỷ đồng.

Thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển và mở rộng tới các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các chợ nông thôn tiếp tục được củng cố nâng cấp và mở rộng, các dịch vụ cung ứng giống, phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ sản xuất; các mặt hàng phục vụ đời sống được đáp ứng kịp thời thỏa mãn các nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Là huyện của ngõ của tỉnh Lào Cai và có ba di tích được nhà nước xếp hạng (đồn Phố Ràng, Thành Nghị Lang, Đền Bảo Hà) là điểm dừng chân của các du khách trong và ngoài nước. Dịch vụ du lịch cũng từng bước phát triển và góp phần tăng thu cho ngân sách hàng trăm triệu đồng/năm.

Giá trị sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp tăng dần qua các năm, năm 2002 đạt 6,374 tỷ, năm 2003 đạt 7,888 tỷ đồng, trọng tâm sản xuất các mặt hàng chế biến, các ngành nghề truyền thống như may mặc, sản xuất dụng cụ cầm tay, chế biến gỗ, tre, nứa ... được khuyến khích phát triển tốt.

Giá trị xây dựng cơ bản được đầu tư tăng hàng năm các công trình điện, đường, trường, trạm, thủy lợi kênh mương hóa nội đồng, nước sinh hoạt, cơ bản được xây dựng kiên cố, 18/18 xã có đường ô tô đến trung tâm xã 11/18 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia.

** Về văn hóa xã hội:*

Về giáo dục - đào tạo huyện tiếp tục giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, 12/18 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, 03 xã đạt phổ cập giáo dục trung học cở và 03 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ huy động trẻ từ 6-14 tuổi đến trường đạt trên 98,04%, cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học từng bước được xây dựng kiên cố, chất lượng dạy và học được nâng lên, học sinh giỏi tăng, hàng năm đều có học sinh đạt giải thi quốc gia.

Công tác y tế - dân số, KHHGĐ được thường xuyên chú ý quan tân phục vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, củng cố phòng khám đa khoa khu vực và các trạm y tế xã cùng với y tế thôn bản. Các chương trình y tế quốc gia, thực hiện khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo đạt kết quả tốt, hạn chế tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1, 804% năm 2003. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư năm 2003 đã có 105 làng bản, 9.058 hộ, 21 cơ quan, 13 trường

học đạt tiêu chuẩn văn hóa và đến nay đã có 52 nhà văn hóa cộng đồng trong đó có 11 nhà thuộc chương trình 184 đã có 13/52 nhà văn hóa thôn bản được nhà nước đầu tư trang thiết bị nội thất (loa đài, tăng âm) giá trị có nhà gần trục triệu đồng. Xã Vĩnh Yên, Long phúc, là xã dẫn đầu về làm nhà văn hóa thôn bản do dân tự đóng góp công sức để xây dựng. Các phong trào văn hóa văn nghệ - thể thao được thường xuyên tổ chức thực hiện đưa thông tin về cơ sở đạt kết quả tốt, duy trì tốt các chương trình thu phát sóng truyền thanh - truyền hình của Trung ương và địa phương tại trung tâm huyện và các đài thu phát khu vực, lắp đặt thêm các cụm loa truyền thanh, đầu tư 273 ti vi mầu, cấp phát 1093 chiếc đài, cấp trợ giá 5.053 chiếc Rađiô lắp đặt 15 bộ thu truyền hình, tín hiệu vệ tinh cho các xã.

Thường xuyên thực hiện tốt các chính sách xã hội, thăm hỏi động viên trong các dịp lễ tết đối với gia đình chính sách, người có công, bà mẹ Việt Nam anh hùng, tổ chức khám bệnh và đề nghị hưởng chế độ cho 64 đối tượng nhiễm chất độc gia cam; các đối tượng chính sách người tàn tật, cô đơn thường xuyên được quan tâm chăm lo ổn định cuộc sống, 306 người hưởng chế độ 1 lần về khen thưởng kháng chiến. Số lao động được giải quyết việc làm 1.332/1391 người = 95,7% KH giảm hộ đói nghèo từ 22,96% năm 2000, xuống còn 7,73% năm 2003, còn 5,22% năm 2004.

** Công tác nội chính:*

Công tác QS địa phương được thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện các phương án, kế hoạch luyện tập, diễn tập củng cố và xây dựng lực lượng đạt kết quả tốt, hoàn thành các chương trình huấn luyện dân quân tự vệ hàng năm ở 18/18 xã thị trấn và 15/15 cơ quan, doanh nghiệp và trường học, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hàng năm và đảm bảo chất lượng. Cơ quan quân sự huyện đã chủ động cùng với các ngành trong khối mặt trận đoàn thể, đài truyền thanh truyền hình huyện ký kết các Nghị quyết liên tịch để tăng cường sự phối hợp vận động các lực lượng đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nếu cao cảnh giác sẵn sàng làm thất bại mọi âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

Công tác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững phong trào "quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc" được phát động rộng khắp, an ninh nông thôn được ổn định, phát hiện và giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Năm qua đã xảy ra 196 vụ việc giảm 18 vụ việc, trật tự xã hội 177 vụ việc giảm 5 vụ so với cùng kỳ. Trật tự an toàn xã hội các vụ việc xảy ra có chiều hướng giảm, tai tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng năm 2002 xảy ra 87 vụ việc tăng 8 vụ việc

(chủ yếu là tai nạn giao thông). Tình hình hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ổn định và diễn ra bình thường đúng quy định pháp luật như ở họ đạo xã Việt Tiến, tín ngưỡng truyền thống và các hoạt động lễ hội ở di tích đền Bảo Hà - Đền Nghị Lang. Giải quyết tốt đơn thư khiếu nại của công dân không để tồn đọng kéo dài và hạn chế đơn thư vượt cấp. Năm 2003 tiếp 144 lượt người và tiếp nhận 421 đơn trong đó khiếu nại 339 đơn và tố cáo 31 đơn, đề nghị kiến nghị 51 đơn và đã giải quyết 397/421 = 94,29% chủ yếu liên quan đến đền bù, giải phóng mặt bằng. Đầu năm 2004 đến nay tiếp 15 lượt người, tiếp nhận 92 đơn và đã giải quyết xong 42 đơn = 45,65% còn lại tiếp tục đang trong qua trình giải quyết . Đảng bộ đã sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết số 08 NG/TW về đổi mới công tác tư pháp, đồng thời đề ra chương trình chỉ đạo tiếp theo, nhằm tuyên truyền và thực hiện tốt công tác tư pháp, nâng cao nhận thức của nhân dân thực hiện sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

Công tác 184 về chống hoạt động truyền đạo trái phép trên địa bàn luôn được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thường xuyên: Đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác 184 ở huyện và cơ sở thường xuyên phối hợp với các ngành Mặt trận, đoàn thể, các cơ quan chức năng, tổ công tác các xã và phân công mỗi cơ quan huyện phụ trách kết nghĩa với bản còn nhiều khó khăn, đã tranh thủ được đội ngũ già làng, người có uy tín trong dòng họ để phối hợp làm công tác tuyên truyền vận động và đã thu được những kết quả từ năm 2001 đến năm 2004 toàn huyện đã giảm được 424 hộ = 2.693 khẩu bỏ không theo đạo trái phép, giảm 34 bản và 5 xã, dỡ bỏ một nhà nguyện trái phép, đóng cửa một nhà nguyện trá hình. Thực hiện được mục tiêu khoanh vùng không để đạo trái phép phát triển và giảm dần số hộ, thôn bản, xã có người theo đạo trái phép. Hiện chỉ còn người theo đạo trái phép ở 9 bản, 6 xã bằng 175 hộ - 941 khẩu. Tình hình di cư tự do có chiều hướng giảm dần. Năm 2002 di cư 154 hộ = 752 khẩu thì năm 2003 di cư 46 hộ 242 khẩu và năm 2004 di cư 48 hộ =267 khẩu (tính đến 15/11/2004).

3. Củng cố hệ thống chính trị.

* *Tổ chức cơ sở đảng:* Tiếp tục được củng cố và từng bước nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, năm 2001 xếp loại trong sạch vững mạnh có 22/44 cơ sở đạt 50%, năm 2003 có 32/45 cơ sở đạt 71,11% (tăng 21,11%) 13 cơ sở đạt loại khá không còn cơ sở yếu, kém. Chất lượng đội ngũ đảng viên đã từng bước được nâng cao, qua phân tích đánh giá chất lượng (theo hướng dẫn số 10, ngày 30/11/2002 của Trung ương), đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2002 đạt 56%, năm 2003 đạt 73,8% (tăng 17,8%) đảng viên chưa hoàn thành nhiệm vụ

còn từ 0,3 đến 0,4%; công tác phát triển đảng viên thường xuyên được chú ý quan tâm ở tất cả các loại hình cơ sở đều bồi dưỡng kết nạp được đảng viên, tích cực xóa các điểm thôn bản, trường học, trạm xá chưa có đảng viên; từ năm 2001 đến nay đã bồi dưỡng kết nạp 509 đảng viên, xóa được 33 thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp hơn 127 đảng viên, xóa 8 thôn bản trắng đồng thời công tác kiểm tra của Đảng cũng thường xuyên được quan tâm đã xử lý thi hành kỷ luật đảng trong 3 năm (2002 - 2004) là 45 đồng chí trong đó: Khiển trách 16, cảnh cáo 16, Cách chức 2, khai trừ 11.

* *Chính quyền cơ sở* : Tiếp tục được củng cố nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước ở địa phương. Hoạt động của đại biểu HĐND - UBND từng bước nâng cao, vị trí vai trò đại diện cho ý chí nguyện vọng của nhân dân, do dân và vì dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển về kinh tế - xã hội củng cố quốc phòng - an ninh, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm sau cao hơn năm trước, đời sống nhân dân được cải thiện . Tỷ lệ đói nghèo giảm đáng kể, cơ sở hạ tầng được từng bước đầu tư xây dựng, diện mạo nông thôn nhất là ở nông thôn vùng sâu, vùng xa có nhiều khởi sắc. Tình hình nhân dân tiếp tục ổn định, dân chủ được mở rộng, đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân giảm đáng kể và được giải quyết tốt không có vụ việc dây dưa kéo dài. Hoạt động của tổ hòa giải, ban giám sát, thanh tra nhân dân được thường xuyên củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động.

Kết quả xếp loại chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở những năm qua của 18 xã, thị trấn trong huyện.

Năm 2001: Vững mạnh đạt 44,5%, khá 55,5% (yếu không).

Năm 2002: Vững mạnh đạt 33,8%, khá 61,2% (yếu không)

Năm 2003: Vững mạnh xuất sắc 05,6%, vững mạnh 38,89%. Khá 55,51% (yếu không).

+ *Mặt trận đoàn thể*:

Hoạt động của Mặt trận - đoàn thể tiếp tục được củng cố và phát triển trong tất cả các loại hình cơ sở và đã vươn tới hầu hết các thôn bản, khu dân cư và đã tập hợp thu hút ngày càng đông đảo đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia hoạt động trong tổ chức đoàn, tổ chức hội ở cơ sở, tạo ra phong trào quần chúng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh từng bước đáp ứng được lợi ích thiết thực của quần chúng nhân dân.

+ *Phong trào của Mặt trận tổ quốc:* Tiếp tục được duy trì và phát triển cả bề rộng và chiều sâu như phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư", phong trào xây dựng quỹ vì người

nghèo, hỗ trợ xây dựng nhà đoàn kết nhà tình thương và các cuộc vận động ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhân dân trong đợt bầu cử HĐND 3 cấp (khóa 2004 - 2009) đã có 99,63% cử tri đi bầu cử. Tính đến 15/11/2004 quỹ vì người nghèo đã vận động được trên 16 triệu đồng, ủng hộ đồng bào Phìn Ngan (Bát Xát) được hơn 15 triệu đồng, trong hai năm 2003 - 2004 đã trao tặng 22 nhà đoàn kết cho 22 hộ. Đánh giá xếp loại tổ chức Mặt trận cơ sở năm 2001 đạt xuất sắc 8/18 = 44,44%, năm 2003 đạt 11/18=61,11% tăng 16,67%, không còn cơ sở yếu kém.

+ *Phong trào hội phụ nữ.* Thực hiện 6 chương trình công tác trọng tâm của hội, nổi bật là chương trình hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế đã thu hút được đông đảo chị em tham gia hoạt động trong câu lạc bộ, tổ, nhóm vay vốn và hoạt động tình nghĩa đã xây dựng được 73 mô hình có 1.721 hội viên tham gia ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, số dư nợ vốn vay đầu tư cho sản xuất đến hàng chục tỷ đồng và không có nợ quá hạn. Qua các hoạt động phong trào đã thu hút tập hợp chị em tham gia hoạt động công tác Hội năm 2001, tỷ lệ tập hợp hội viên đạt 34% nay tăng lên 56% và chất lượng tổ chức hội xếp loại xuất sắc từ năm 2001 đến nay luôn đạt trên 60%. Không còn cơ sở yếu kém.

+ Phong trào đoàn thanh niên: Đẩy mạnh phong trào thi đua học tập tiến quân vào khoa học kỹ thuật, xung kích bảo vệ tổ quốc - giữ gìn an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, thanh niên tình nguyện vì cuộc sống, phong trào văn nghệ thể thao và hoạt động "tháng thanh niên" đã thu hút được đông đảo thanh thiếu niên trong các trường học, thanh niên nông thôn cùng với thanh niên trong các cơ quan, xí nghiệp tham gia tuyên truyền thực hiện chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phòng chống tai tệ nạn xã hội, đi đầu trong phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo, thực hiện 7 chương trình 27 đề án và 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở của Tỉnh ủy thu được kết quả tốt. Kết quả xếp loại cơ sở xuất sắc năm 2001 đạt 4/18 = 22,22%, năm 2002 đạt 9/18= 50%. Năm 2003 đạt 5/18=27,77%.

+ *Phong trào Hội Nông dân:* Đã tích cực tuyên truyền vận động hội viên nông dân đoàn kết tương thân, tương ái giúp nhau phát triển sản xuất xóa đói giảm nghèo. Nông dân tích cực hưởng ứng mạnh giạn đầu tư vốn, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật đưa giống cây, con năng suất cao vào sản xuất tạo nên các vùng, mô hình thâm canh, chuyên canh cây lương thực, cây công nghiệp và thực phẩm, từng bước gắn sản xuất với thị trường. Tổ chức hội đã đứng ra tín chấp thực hiện các chương trình, dự án và đã có gần 4 ngàn hộ nông dân vay vốn số dư nợ đến 3 3 tỷ đồng (tính đến tháng 10/2004) từ đó đã xuất hiện ngày càng nhiều mô hình, hộ nông

dân sản xuất giỏi góp phần giảm hộ nghèo, tăng hộ khá và giàu. Năm 2000 còn tới 2.663 hộ = 23,36% đói nghèo, giảm còn 985 hộ = 7,94%(năm 2003) giảm 1.678 hộ = 15,42% (theo tiêu chí của hội nông dân) từ những hoạt động thiết thực nông dân càng gắn bó và tích cực xây dựng tổ chức hội vững mạnh năm 2001 có 3/18 cơ sở = 16,66% đạt xuất sắc đến 2003 có 10/18 cơ sở = 55,55% đạt xuất sắc, không còn cơ sở yếu kém. Tỷ lệ tập hợp hội viên đạt 60,49%.

+ Phong trào hội cựu chiến binh: Phát huy truyền thống bộ đội cụ Hồ trong phong trào của hội ở các cở sở tích cực tuyên truyền vận động nhân dân và hội viên đẩy mạnh sản xuất xóa đói giảm nghèo; năm 2001 còn 111 hộ hội viên nghèo nay chỉ còn 18 hộ, (giảm 93 hộ), xóa nhà tạm cho hội viên được 98 nhà nay chỉ còn 6 nhà, tổ chức hội tiếp tục được thành lập và củng cố đến các thôn bản và cơ quan xí nghiệp có hội viên được tập hợp trong tổ chức tham gia hoạt động, chất lượng từng bước được nâng cao tỷ lệ cở sở đạt suất sắc năm 2001 có 50% đến 2003 lên tới 69,56% không còn cơ sở yếu kém.

+ Phong trào công nhân viên chức công đoàn: Đã thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền trong CBCNVC về chủ trương đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh phong trào thi đua phát triển sản xuất kinh doanh giỏi, tạo việc làm, tăng thu nhập của người lao động, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao hàng năm. Các phong trào "xanh, sạch, đẹp, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn", tiếp tục được duy trì và thực hiện đạt kết quả. Đời sống cán bộ CNVC được cải thiện nâng lên rõ rệt bình quân thu nhập đạt 850 ngàn đồng/người/ tháng.. Tổ chức công đoàn cơ sở tiếp tục được củng cố và hoạt động hiệu quả trong 174 tổ công đoàn 1.750 CNVC - lao động/1.570 đoàn viên. Năm 2001 đến nay đều đạt trên 70% cơ sở công đoàn vững mạnh xuất sắc không còn cơ sở yếu, Liên Đoàn Lao Động huyện được tặng bằng khen của Liên Đoàn Lao động Việt Nam và bằng khen của Liên Đoàn Lao động Tỉnh.

+ Hoạt động của tổ chức xã hội: Hội người cao tuổi và Hội Chữ thập đỏ Hội khuyến học từ huyện xuống các xã, thị trấn, các trường học tiếp tục được củng cố kiện toàn và phát triển đi vào hoạt động góp phần tạo ra phong trào rộng khắp động viên được các tầng lớp nhân dân và tổ chức xã hội thực hiện xã hội hóa công tác từ thiện, nhân đạo, tương thân tương ái công tác động viên chăm sóc người cao tuổi và phát triển sự nghiệp giáo dục.

4- Đánh giá trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và vai trò của Mặt trận đoàn thể với công tác vận động quần chúng

Công tác vận động quần chúng của Đảng bộ trong những năm qua đã thực sự thể hiện rõ trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong đảng bộ.

Cấp ủy đảng các cấp và đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nâng cao về nhận thức tư tưởng; thể hiện sự quan tâm thường xuyên lãnh đạo công tác vận động quần chúng là nhiệm vụ của cán bộ đảng viên của chi bộ. Các Chi, Đảng bộ cơ sở đã tăng cường cán bộ có năng lực phụ trách công tác Mặt trận đoàn thể, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ra nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo công tác vận động nhằm thực hiện có kết quả các mục tiêu kinh tế xã hội mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ đã đề ra.

Chính quyền cơ sở các xã, thị trấn đã tổ chức thực hiện có kết quả theo tinh thần Chỉ thị 18 của chính phủ về đổi mới công tác vận động quần chúng của các cấp chính quyền, tổ chức và vận động nhân dân đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, củng cố an ninh quốc phòng thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và mối quan hệ máu thịt giữa đảng, chính quyền với nhân dân .

Vai trò của Mặt trận đoàn thể thực sự là cầu nối liền giữa đảng với nhân dân, thông qua kết quả công tác tập hợp đoàn kết lực lượng quần chúng trong các tầng lớp nhân dân tham gia hoạt động Mặt trận đoàn thể ở 302/302 thôn bản và nâng tỷ lệ hội viên, đoàn viên tham gia các tổ chức ngày càng cao, từng bước đáp ứng được lợi ích thiết thực và gắn quyền lợi với nghĩa vụ công dân.

5. Đánh giá việc kiện toàn bộ máy Ban Dân vận và khối Dân vận cơ sở

Thực hiện theo hướng dẫn số 01 của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Dân vận TW. Ban DV - DT Huyện ủy được tăng cường cán bộ đã có 06 cán bộ gồm 1 Trưởng ban, 2 Phó ban đã xây dựng được quy chế hoạt động của ban và các cơ quan thành viên trong khối Dân vận của cấp ủy. Hướng dẫn các đảng ủy xã, thị trấn thành lập khối dân vận cở ở 18/18 xã và có 126 thành viên, do đồng chí Phó Bí thư Thường trực đảng ủy làm Trưởng khối đồng thời đề ra quy chế hoạt động của khối Dân vận.

Hàng năm và nhất là sau bầu cử HĐND 3 cấp (tháng 4/2004) thường trực Huyện ủy có công văn chỉ đạo kịp thời kiện toàn công tác cán bộ Ban Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Ban Chỉ đạo công tác 184, khối Dân vận ở cơ sở và đến nay có 18/18 xã, thị trấn đã kiện toàn các Ban Chỉ đạo của cấp ủy về công tác vận động quần chúng đi vào hoạt động tốt.

6. Đánh giá chung về công tác vận động quần chúng thời gian qua

*** Ưu điểm.**

+ Đã tạo ra sự chuyển biến về nhận thức tư tưởng đối với các tổ chức đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ đảng viên về tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng. Từ đó có sự quan tâm lãnh đạo thường

xuyên và phối hợp có kết quả của chính quyền, các ngành các cấp của cả hệ thống chính trị đối với công tác vận động quần chúng.

+ Phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được phát động đã động viên được các tầng lớp nhân dân đoàn kết phát huy sức sáng tạo, huy động mọi nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội củng cố quốc phòng an ninh.

+ Kết quả công tác vận động quần chúng đã đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, xây dựng cở sở hạ tầng, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

+ Công tác vận động quầnchúng đã góp phần xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cở sở; tỷ lệ đạt trong sạch vững mạnh ngày càng cao, giảm được thôn, bản chưa có đảng viên, đoàn viên, hội viên, tổ chức yếu, kém từng bước được thu hẹp.

+ Đã từng bước đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân phát triển các hiệp hội, đổi mới nội dung phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả đáp ứng với yêu cầu và lợi ích thiết thực của nhân dân theo hướng ích nước lợi nhà. Tâm trạng của các tầng lớp nhân dân yên tâm phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

*** Những tồn tại.**

+ Kết quả công tác vận động quần chúng ở một số nơi còn hạn chế nhất là vùng 3 và thôn bản vùng cao.

+ Kinh tế - xã hội phát triển chậm và không đồng đều giữa các vùng tỷ lệ giảm hộ đói nghèo khá nhanh những chưa vững chắc. Tái nghèo và phát sinh nghèo còn xảy ra.

+ Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một vài nơi còn tiềm ẩn phức tạp, tai tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng, di dịch cư tự do, hoạt động đạo trái phép tuy có giảm song vẫn còn nhiều khó khăn, phức tạp.

+ Củng cố xây dựng lực lượng và phát triển hội viên, đoàn viên trong tổ chức mặt trận đoàn thể ở cơ sở xã, thị trấn và thôn bản có nơi còn yếu, tỷ lệ tập hợp quần chúng vào hoạt động còn thấp.

+ Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra ở cả 3 loại hình cơ sở xã, thị trấn, cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, còn một vài nơi thực hiện chưa toàn diện, tác dụng ít.

Nguyên nhân tồn tại.

+ Nhận thức của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận đoàn thể về các quan điêm của Đảng về công tác vận động quần chúng trong tình hình hiện nay còn có nơi thể hiện chưa đầy đủ nên kết quả đạt được chưa toàn diện.

+ Cán bộ làm công tác vận động quần chúng còn nhiều bất cập nhất là ở cơ sở. Sự phối hợp sức mạnh của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh công tác vận động quần chúng chưa thường xuyên có lúc chưa đồng bộ.

+ Tư tưởng của một bộ phận nhân dân còn nặng nề, trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

+ Mặt bằng dân trí thấp nên nhận thức về các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong một bộ phận nhân dân chưa được đầy đủ.

+ Kết quả hoạt động của khối Dân vận cơ sở ở một số nơi do mới thành lập còn nhiều lúng túng chưa đi vào nề nếp, chưa thể hiện rõ vai trò tham mưu cho cấp ủy phối hợp và chỉ đạo hoạt động đẩy mạnh phong trào.

*** Đề xuất kiến nghị:**

+ Đầu tư thêm phương tiện, điều kiện và biên soạn tài liệu ngắn gọn phù hợp với trình độ dân trí để đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động.

+ Tiếp tục đầu tư kinh phí và sự chỉ đạo xây dựng mô hình điểm cụm dân cư đạt tiêu chuẩn làng văn hóa. Củng cố xây dựng các tổ chức chính trị trong thôn bản cụm dân cư đủ mạnh để làm tốt công tác vận động quần chúng.

+ Nhà nước cần hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà văn hóa thôn bản, địa điểm sinh hoạt cộng đồng ở khu dân cư.

+ Có phụ cấp sinh hoạt phí cho Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao Tuổi, nâng phụ cấp cho cấp phó Mặt trận đoàn thể ở cơ sở.

+ Phụ cấp như hiện nay của bí thư chi bộ, trưởng bản và công an viên chưa hợp lý vì chi bộ thường ghép ít nhất đảng viên từ 2 - 3 bản là một chi bộ. địa bàn rộng nên Bí thư Chi bộ cần có trợ cấp bằng hoặc cao hơn trưởng bản.

+ Tăng cường đầu tư kinh phí tập huấn hàng năm cho cán bộ cở sở và thôn bản.

Trên đây là báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 09 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy Lào Cai về công tác vận động quần chúng ở Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 190-BC/HU, ngày 29 tháng 12 năm 2004
Tổng kết công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng qua 20 năm đổi mới
---

Thực hiện Công văn số: 2.464-CV/KHTW ngày 27/10/2004 của UBKT TW và Thông báo số: 1367-TB/TU ngày 01/11/2004 của Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai về tổng kết công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng qua 20 năm đổi mới.

Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên báo cáo kết qua thực hiện công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng qua 20 năm đổi mới của đảng bộ huyện như sau:

Huyện Bảo Yên là huyện miền núi của tỉnh Lào Cai vùng cao biên giới, có diện tích tự nhiên 80.090 ha, có 2 con sông lớn chảy qua là sông Hồng và sông Chảy, giao thông có đường sắt, quốc lộ 279, quốc lộ 70 đi qua huyện; dân số có hơn 7,3 vạn người gồm 16 dân tộc. Huyện có 17 xã và 1 thị trấn (có 12 xã đặc biệt khó khăn) với 302 thôn bản. Đảng bộ huyện có 45 chi, đảng bộ với 2.152 đảng viên (từ năm 2000 có 18/18 cơ sở Đảng các xã, thị trấn đều được nâng lên thành Đảng bộ).

I. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra (Điều 30 - Điều lệ Đảng)

A. Nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra ở đảng bộ huyện

- Đối với cấp ủy huyện công tác kiểm tra được xác định là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng; làm tốt công tác kiểm tra là tăng cường sức chiến đấu của các tổ chức đảng ở các cấp.

- Qua 20 năm đổi mới, Đảng bộ huyện Bảo Yên đã qua 5 kỳ Đại hội (từ Đại hội VIII - XII). Đầu nhiệm kỳ các khóa Đại hội đều tổ chức học tập, quán triệt Điều lệ Đảng nói chung và chuyên sâu về công tác kiểm tra và kỷ luật đảng ở các cấp ủy, qua các năm đã mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho các đồng chí chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, các ủy viên làm công tác kiểm tra đến 45 chi, đảng bộ trực thuộc.

Công tác kiểm tra và kỷ luật đảng, đã xử lý giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh theo quy định của Điều lệ Đảng, góp phần cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đảng bộ huyện hàng năm và các nhiệm kỳ Đại hội.

B. Lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra theo điều 30, Điều lệ Đảng của cấp ủy và tổ chức Đảng từ huyện đến cơ sở.

1. Đối với các cấp ủy thuộc Đảng bộ huyện.

- Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo học tập Điều lệ Đảng từ đầu các nhiệm kỳ, cho các cấp ủy các cấp và triển khai tới từng chi bộ, đảng viên.

- Huyện ủy đã ra các Nghị quyết, Chỉ thị, Quy định, phương hướng nhiệm vụ, hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng như Quy chế của Ban Chấp hành về công tác kiểm tra và chương trình công tác kiểm tra toàn khóa và chương trình công tác năm. Khóa VIII xử lý kỷ luật cách chức 1 huyện ủy viên trưởng phòng Nông nghiệp do không hoàn thành nhiệm vụ; Khóa XI xử lý kỷ luật cảnh cáo 1 huyện ủy viên - chủ tịch UBND xã do giải quyết đơn thư khiếu tố của nhân dân không kịp thời, để đơn gửi nhiều cấp gây phức tạp; Khóa XII xử lý kỷ luật khiển trách 1 huyện ủy viên - Bí thư Đảng ủy xã do lãnh đạo, quản lý cán bộ chủ chốt xã yếu dẫn tới mất đoàn kết nội bộ.

- Hàng năm Ban Chấp hành đã xây dựng chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy, gắn liền với các mục tiêu nhiệm vụ chung của Đảng bộ huyện như 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở. Chỉ đạo UBKT từ huyện đến cơ sở xây dựng chương trình công tác hàng năm phù hợp với nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ ở mỗi cơ sở.

- Huyện ủy chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra tổ chức Đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm.

- Cấp ủy huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo hàng năm có tổng kết và 6 tháng có sơ kết công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng ở cấp ủy Huyện và cơ sở.

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng bộ máy kiểm tra ở 45 chi, Đảng bộ, chuẩn bị tốt công tác nhân sự ở mỗi kỳ đại hội. Chuẩn hóa dần đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, vì vậy qua 20 năm đổi mới đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật nhà nước hầu như không có. Toàn huyện có 22 UBKT và 23 Ban KT với 108 thành viên. UBKT Huyện ủy có 07 thành viên (03 kiêm chức) và 04 cán bộ chuyên trách.

*Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra trong từng thời gian của cấp ủy:

a. Cấp ủy huyện

Công tác xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra được thực hiện nghiêm túc, hàng năm có ít nhất 2 cuộc kiểm tra toàn diện các cơ sở Đảng chương trình kế hoạch như kiểm tra toàn diện đột xuất Đảng bộ xã Vĩnh Yên, Kim Sơn, Nghĩa Đô. Kiểm tra 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở như kiểm tra dự án trồng chè ở xã Thượng Hà, kiên cố hóa trường lớp học ở xã Điện Quan và xã Tân Dương, kiểm tra đường giao thông nông thôn ở các xã Việt Tiến, Xuân Thượng, Kim Sơn.

b. Đối với cấp ủy cơ sở.

Công tác kiểm tra thực hiện với phương châm hướng về cơ sở, đặc biệt tăng cường đối với các xã được đầu tư nhiều công trình. Kiểm tra việc thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, việc thực hiện xây dựng các công trình thủy lợi, trường học, đường giao thông nông thôn, kiểm tra công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng ...

* Đánh giá chung

Ưu điểm*:* Cấp huyện đã nghiên cứu quán triệt Điều lệ Đảng được 16 cuộc, đã tiến hành sơ tổng kết, nghiên cứu công tác kiểm tra được 16 lần, đã ban hành các nghị quyết, chỉ thị về nhiệm vụ công tác kiểm tra Đảng được 19 lần, xây dựng quy chế của cấp ủy về công tác kiểm tra được 2 lần (phụ lục 1).

Cấp cơ sở: Nghiên cứu quán triệt Điều lệ Đảng được 276 cuộc, đã tiến hành sơ kết, tổng kết 143 cuộc; đã ban hành 156 Nghị quyết, chỉ thị về công tác kiểm tra của Đảng. Đã xây dựng 127 quy chế của UBKT cấp ủy các cấp .

Do đã làm tốt việc triển khai học tập thực hiện đầy đủ việc, sơ tổng kết, xử lý giải quyết dứt điểm các vi phạm, xây dựng được quy chế. Vì vậy các phát sinh ở cơ sở hầu như được giải quyết kịp thời.

- *Khuyết điểm:* Do trình độ cán bộ, đảng viên ở cơ sở còn hạn chế, tình hình truyền đạo tin lành trái phép và di cư tự do còn phức tạp đã ảnh hưởng đến công tác lãnh chỉ đạo chung và công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp. Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra trực tiếp tham mưu cho cấp ủy Đảng nhất là ở cơ sở không có chuyên trách mà chỉ là kiêm nhiệm do vậy việc thực hiện công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng còn có những hạn chế nhất định, phần nào chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

2. Đối với các tổ chức Đảng.

- Cấp ủy các cấp từ huyện đến cơ sở đã tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra. Ngay từ đầu khóa đã xây dựng kịp thời Quy chế hoạt động và xây dựng được Chương trình hành động toàn khóa và chương trình kế hoạch hàng năm về công tác kiểm tra. Hoạt động nghiêm túc theo Quy chế và Chương trình đề ra. Bên cạnh đó công tác kiểm tra còn giải quyết các sự việc phát sinh, song còn thiếu tính chủ động trong công tác ngăn chặn phòng ngừa để hạn chế các vi phạm theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Làm tốt công tác phối kết hợp giữa UBKT Đảng và các ban, ngành để tổ chức thực hiện công tác kiểm tra Đảng (xử lý kỷ luật cán bộ chủ chốt xã Nghĩa Đô, xử lý vi phạm lâm luật ở xã Minh Tân, xử lý vi phạm luật hôn nhân gia đình, tổ chức đánh bạc - vi phạm quy định những điều đảng viên không được làm ở xã Yên Sơn và thị trấn Phố Ràng ...). Bên cạnh đó việc xử lý vi phạm còn có nhiều hạn chế như chưa kịp thời gian quy định

và có vụ việc xử lý chưa đồng bộ, Đảng đã xử lý kỷ luật, nhưng chính quyền giải quyết chậm dây dưa kéo dài như trường hợp xử lý kỷ luật Phó Chủ tịch HĐND xã Kim Sơn, Phó Chủ tịch UBND xã Xuân Hòa ...

- Việc sơ kết, tổng kết và bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra cho cấp ủy các cấp đã thực hiện thường xuyên hàng năm, đối tượng là cấp ủy cơ sở và các Bí thư chi bộ dưới cơ sở nội dung truyền đạt bao gồm các chuyên đề về công tác kiểm tra của Đảng .

Tuy nhiên, do trình độ năng lực cán bộ, đảng viên chưa đồng đều; nên việc thực hiện công tác kiểm tra Đảng còn có chỗ chưa sâu, việc sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp còn có chỗ chưa đánh giá đầy đủ những tồn tại, khuyết điểm, để có hướng khắc phục.

+ Kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của tổ chức Đảng từ huyện đến cơ sở (phụ lục 2).

*** Ưu điểm**:

- Đã xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra từng thời gian một năm và sáu tháng: Cấp huyện 16 lần, cơ sở 382 lần. Nội dung các cuộc kiểm tra hướng vào 7 chương trình hướng về cơ sở của tỉnh và huyện để thúc đẩy hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị ở từng cấp.

- Theo điều 30 (Điều lệ Đảng). Cấp ủy các cấp đã làm công tác kiểm tra và lãnh đạo công tác kiểm tra: Cấp huyện kiểm tra 78 cuộc; cơ sở kiểm tra 505 cuộc. Cấp huyện do các đ/c Huyện ủy viên, ủy viên Ban Thường vụ, UBKT tiến hành, cơ sở do Thường trực Đảng ủy, UBKT tiến hành kiểm tra theo phân cấp quản lý tổ chức Đảng.

*** Những khuyết điểm**, **tồn tại, nguyên nhân**

- Một số cơ sở do xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra còn chưa sát nên quá trình tổ chức thực hiện, còn thay đổi nội dung kế hoạch kiểm tra ban đầu.

- Đối với công tác kiểm tra theo điều 30 (Điều lệ Đảng) còn có cấp ủy chưa chủ động giải quyết, chưa thường xuyên làm tốt công tác ngăn ngừa, còn có sự việc xảy ra thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ sở song cấp ủy cấp trên có ý kiến chỉ đạo mới thực hiện.

C. Một số kinh nghiệm rút ra trong thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra theo Điều 30 (Điều lệ Đảng) đó là

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ về công tác kiểm tra có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả công tác kiểm tra của Đảng, cơ sở đảng nào có nhận thức đúng, sâu sắc để từ đó làm căn cứ trong việc lãnh đạo chỉ đạo chung và trong thực hiện công tác kiểm tra Đảng thì mọi biểu hiện vi phạm của tổ chức đảng, của cán bộ đảng viên sớm được phát hiện, được ngăn chặn, hạn chế các vụ việc phát

sinh, đạt được danh hiệu cơ sở đảng trong sạch vững mạnh.

2. Đối với cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống làm công tác kiểm tra cần bố trí cán bộ có trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức tốt thì mới tham mưu giúp cấp ủy thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra đảm bảo sự công minh, chính xác.

3. Cấp ủy thường xuyên đôn đốc công tác kiểm tra, đồng thời 6 tháng và một năm có sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra mới phát huy được hiệu quả cao.

D. Những biện pháp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra (Điều 30 Điều lệ Đảng).

1.Cấp ủy cấp trên tăng cường kiểm tra cấp ủy cấp dưới; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra về lãnh đạo và chỉ đạo.

2. Công tác lãnh đạo và chỉ đạo kiểm tra Đảng cần thống nhất, thường xuyên, liên tục. Việc bố trí đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra phải có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức cách mạng, có tính kế thừa, được nhân dân và đảng viên tín nhiệm;

E. Đề xuất, kiến nghị

- Hệ thống làm công tác kiểm tra đảng ở cấp cơ sở cần được hưởng chế độ phụ cấp đảm bảo điều kiện cho cán bộ yên tâm công tác kiểm tra lâu dài.

Cần tăng thêm biên chế chuyên trách, đặc biệt là dần chuyên trách hóa đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra đảng ở cơ sở .

II. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo Điều lệ 32 (Điều lệ Đảng)

1. Những thuận lợi khó khăn thực hiện 5 nhiệm vụ kiểm tra (Điều 32 Điều lệ Đảng) (phụ lục 3).

a. Thuận lợi: Việc giải quyết khiếu nại tố cáo đối với tổ chức Đảng và đảng viên được cấp ủy các cấp quan tâm lãnh đạo chỉ đạo thống nhất, thường xuyên. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy là cơ quan tham mưu trực tiếp giúp cấp ủy thực hiện tốt các nhiệm vụ, tiến hành xử lý kịp thời dứt điểm các vụ việc, đảm bảo tính dân chủ công khai, công minh chính xác trong điều tra lập hồ sơ xử lý vi phạm. Do vậy trong suốt 20 năm qua, không có trường hợp kỷ luật nào oan sai phải hủy bỏ hình thức kỷ luật ban đầu. Tổng số thi hành kỷ luật qua các nhiệm kỳ là 202 đảng viên trong đó: Khai trừ 33, cách chức 10, cảnh cáo 79, khiến trách 80.

b. Khó khăn: Biên chế chuyên trách cho công tác kiểm tra cấp huyện ít (5 người), cấp cơ sở không có cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra và không được hưởng phụ cấp do vậy công tác kiểm tra còn gặp nhiều khó khăn bất cập, chưa đủ khả năng sâu sát và theo dõi toàn diện mọi lĩnh vực .

2. Kiến nghị thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của của UBKT các cấp

- Trung ương và tỉnh cần có thêm Chính sách, chế độ qui định cho cán bộ làm công tác kiểm tra đảng ở xã, phường, thị trấn được hưởng kinh phí, phụ cấp hoạt động.

-Hệ thống cán bộ làm công tác kiểm tra, đề nghị TW cần thường xuyên tập huấn và đào tạo nghiệp vụ về công tác kiểm tra.

Trên đây báo cáo tổng kết công tác kiểm tra và kỷ luật đảng qua 20 năm đổi mới của Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 191-BC/HU, ngày 06 tháng 01 năm 2005
Về việc thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW năm 2004

Thực hiện Công văn số 1095 - CV/TC ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai "Về việc đánh giá thực hiện Quy định 76 - QĐ/TW năm 2004". Huyện ủy Bảo Yên báo cáo kết quả thực hiện được trong năm 2004 của đảng bộ huyện như sau:

1. Tình hình chung

Huyện Bảo Yên là huyện vùng thấp của tỉnh Lào Cai, có tổng số 45 chi, đảng bộ trực thuộc gồm 18 đảng bộ xã, thị trấn và 27 chi, đảng bộ thuộc khối cơ quan với tổng số đảng viên (có đến ngày 31 tháng 12 năm 2004) là 2.234 đồng chí; trong đó đảng viên khối cơ quan là 423 đồng chí, đảng viên khối xã là 1.811 đồng chí (đảng viên là giáo viên thuộc diện giới thiệu sinh hoạt ở nơi cư trú là 205 đồng chí).

2. Việc thực hiện và kết quả

Ngay từ đầu năm, Huyện ủy Bảo Yên đã có công văn hướng dẫn, đôn đốc các chi, đảng bộ trực thuộc tiếp tục giới thiệu và tiếp nhận những đảng viên chưa được giới thiệu sinh hoạt đảng về nơi cư trú. Thống nhất và ra thông báo lịch sinh hoạt đảng ở chi bộ nơi cư trú 2 kỳ trong năm cụ thể: Kỳ I sinh hoạt vào ngày 30 tháng 5 năm 2004, kỳ II vào ngày 05 tháng 12 năm 2004.

Cùng với việc tập huấn công tác thống kê năm 2004 cho cấp ủy cơ sở vào đầu tháng 10 năm 2004, Ban Tổ chức Huyện ủy đã hướng dẫn cụ thể các tổ chức cơ sở đảng nơi có đảng viên đến sinh hoạt nơi cư trú tổng hợp, thống kê báo cáo kết quả thực hiện Quy định 76 - QĐ/TW và nhận xét đảng viên tham gia sinh hoạt chi bộ nơi cư trú hàng năm.

Năm 2004 toàn đảng bộ huyện có 628 đảng viên thuộc diện giới thiệu sinh hoạt đảng nơi cư trú, đã được giới thiệu là 504 đảng viên, còn 124 đảng viên chưa được giới thiệu vì một số mới kết nạp vào đảng và một số là giáo viên ở các xã.

**** Kết quả tham gia sinh hoạt*:**

- Kỳ I: Tổng số tham gia sinh hoạt 482 đồng chí, vắng 08 đồng chí có lý do.

- Kỳ II: Tổng số tham gia sinh hoạt 497 đồng chí, vắng 11, có lý do.

Trong hai kỳ sinh hoạt đảng ở chi bộ nơi cư trú các đồng chí đảng viên

được giới thiệu tham gia sinh hoạt chi bộ nơi cư trú đa số có ý thức, trách nhiệm tham gia sinh hoạt đầy đủ, đúng lịch chỉ có một số ít đồng chí do đi công tác xa hoặc đi học tại chức tại các trường nghỉ có lý do.

Đảng viên được tham gia sinh hoạt ở chi bộ nơi cư trú trong 2 kỳ vào các dịp sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết năm của chi bộ, đã nắm được tình hình phát triển kinh tế - xã hội, trật tự an ninh cũng như các hoạt động khác của địa bàn nơi gia đình sinh sống, tham gia góp ý cho cấp ủy chi bộ, thôn bản về một số ý kiến xây dựng hương ước, quy ước, xây dựng gia đình văn hóa, thôn bản, tổ khu phố văn hóa ... phát huy và thực hiện tốt nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân ở nơi cư trú như gương mẫu thực hiện các nghĩa vụ công dân, tuyên truyền vận động gia đình, bà con làng xóm thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và mọi quy định khác của địa phương, thôn bản. Khắc phục được tình trạng cán bộ, đảng viên xa dân, đồng thời cán bộ, đảng viên ở cơ quan trả lời giải thích những thắc mắc mà dân chưa rõ...

Tổ chức đảng, cơ quan nơi đảng viên công tác và cấp ủy chi bộ nơi đảng viên cư trú thường xuyên có mối quan hệ mật thiết trong việc quản lý đảng viên, việc lấy ý kiến trước khi đề bạt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo quản lý.

Tuy nhiên việc thực hiện Quy định 76 QĐ/TW của đảng bộ huyện vẫn còn một số tồn tại như: Một số đảng viên nhận thức chưa đúng về mục đích, ý nghĩa của việc giới thiệu đảng viên công tác ở cơ quan, doanh nghiệp...về sinh hoạt ở cơ cư trú, chưa phát huy được tinh thần trách nhiệm của người đảng viên ở nơi cư trú, tham gia sinh hoạt mang tính hình thức. Một số đảng viên là giáo viên dạy ở các xã chưa được giới thiệu đến sinh hoạt ở nơi cư trú do cấp ủy chưa quan tâm, theo dõi làm thủ tục giới thiệu.

3. Những thuận lợi, khó khăn

* ***Thuận lợi***:

Quy định 76 - QĐ/TW ngày 15 tháng 6 năm 2000 của Bộ Chính trị về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ nơi cư trú đã được quán triệt và triển khai từ năm 2000 và thực hiện từ năm 2001, đến nay đại đa số các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong toàn đảng bộ huyện đã nắm được ý nghĩa, mục đích và hiệu quả của việc thực hiện Quy định 76 - QĐ/TW, việc tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú đối với đảng viên thuộc khối cơ quan đã đi vào nề nếp.

* ***Khó khăn***.

- Một số cán bộ, đảng viên do công tác mang tính đặc thù nên tham

gia sinh hoạt chưa được thường xuyên.

- Số lượng đảng viên tham gia sinh hoạt nơi cư trú có nơi quá đông, chi bộ sở tại khó bố trí nơi họp.

4. Phương hướng năm 2005:

Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên thực hiện tốt Quy định 76 - QĐ/TW, kiểm tra đôn đốc những cơ sở nào còn đảng viên chưa được giới thiệu tham gia sinh hoạt nơi cư trú tiếp tục làm thủ tục giới thiệu.

Thống nhất vào thông báo lịch sinh hoạt đảng viên nơi cư trú năm 2005 cho toàn thể các chi, đảng bộ trực thuộc.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quy định 76-QĐ/TW của Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 192-BC/HU, ngày 02 tháng 02 năm 2005
đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2004 phương hướng nhiệm vụ năm 2005

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2004

Năm 2004 là năm có vị trí hết sức quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII và được xác định là năm hướng về cơ sở với 7 chương trình trọng tâm. Tình hình nền kinh tế trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, giá cả của một số mặt hàng tiêu dùng tăng cao, dịch cúm gia cầm xuất hiện... đã gây khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Phấn đấu thực hiện đạt và vượt những mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra có ý nghĩa hết sức quan trọng tạo đà phát triển cho năm 2005, Huyện ủy đã đề ra nhiều chủ trương và giải pháp, tập chung sức lực, trí tuệ lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện. Công tác lãnh đạo của Huyện ủy, sự chỉ đạo điều hành của UBND huyện có nhiều đổi mới, có kế hoạch, khoa học, hướng về cơ sở, cụ thể hóa các nhiệm vụ trọng tâm, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật, khai thác được tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương. Kết quả năm 2004 đạt khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều chỉ tiêu thực hiện vượt kế hoạch đề ra.

I. Về phát triển kinh tế - xã hội

1. Sản xuất Nông - Lâm nghiệp

Sản xuất nông - lâm nghiệp đã có chuyển dịch mạnh hơn về cơ cấu mùa vụ, cây trồng và vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, sử dụng giống lúa lai, ngô lai và đậu tương cao sản. Nhờ đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi; thực hiện kiên cố hóa kênh mương nội đồng ở các vùng lúa trọng điểm, trợ giá, trợ cước về giống, phân bón nên sản xuất nông - lâm nghiệp có bước phát triển rất đáng phấn khởi. Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt là 4.405 ha, trong 100,32% KH, tăng 0,32% so với cùng kỳ; cơ cấu giống lúa lai đạt trên 90% diện tích gieo trồng. Năng suất lúa trung bình đạt 47,2 tạ/ha = 105,5% KH, tăng 1,4 tạ so với năm 2003, riêng thâm canh cao, lúa nước đạt 3.705 ha sản đạt 55 tạ/ha = 102,2% KH. Diện tích ngô trồng cả năm 2.745 ha= 101,66% KH, tăng 91 ha so với năm 2003, năng suất đạt 25,36 tạ/ha = 103,5% KH, tăng 1,96 tạ so với năm 2003,

riêng ngô hàng hóa đạt 40 tạ/ha. Một số cây trồng khác như lạc, đậu tương, cây có củ, rau đậu các loại đều tăng về diện tích và sản lượng. Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 25.150 tấn = 104,3% KH, tăng 4,79% so với cùng kỳ (tăng 1.150 tấn).

Tiếp tục thực hiện dự án xây dựng vùng nguyên liệu chè, chăm sóc diện tích chè hiện có, trồng mới 20 hạ chè = 100% KH, khuyến khích các tổ chức và cá nhân lắp đặt các máy sơ chế chè mi ni tại các cụm xã vùng chè, tuy nhiên công tác tuyên truyền, vận động đạt hiệu quả chưa cao, một số người dân chưa nhiệt tình tâm huyết với cây chè, chưa tin tưởng vào đầu ra cho sản phẩm của cây chè sau này.

Do ảnh hưởng của thời tiết, của dịch cúm gia cầm xảy ra ở thị trấn Phố Ràng, bản Khe Pẹ xã Lương Sơn, bệnh trên đàn dê ở làng Bông xã Bảo Hà đã làm thiệt hại đáng kể đến sự phát triển của đàn gia súc, gia cầm: Trâu chết rét 27 con; tiêu hủy 165 con dê, 10.514 con gia cầm và 44.576 quả trứng các loại, tổng thiệt hại ước tính trên 200 triệu đồng. Được sự quan tâm của tỉnh, sự nỗ lực tập chung của huyện, công tác dập dịch, tổ chức xử lý, khử trùng tiêu độc kịp thời, nên đã ngăn chặn được dịch bệnh, hiện tại đàn gia súc, gia cầm đã phát triển ổn định trở lại, tăng so với cùng kỳ năm 2003: Đàn trâu tăng 3%, đàn bò tăng 3,7%, đàn lợn tăng 3,1%, đàn ngựa tăng 2,2% so. Trong năm huyện đã tiếp nhận 16 con bò giống Zê Bu để lai tạo và xây dựng dự án cải tạo, nâng cấp tầm vóc đàn trâu nội trình tỉnh phê duyệt. Trung tâm Khuyến nông huyện đã triển khai thực hiện dự án nuôi tôm càng xanh, nuôi cá rô phi đơn tính bước đầu mang lại hiệu quả. Công tác phòng trừ dịch bệnh, kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ được thực hiện tốt, đạt hiệu quả.

Công tác khoanh nuôi, tái sinh, chăm sóc và bảo vệ rừng đều thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Diện tích rừng trồng mới 130 ha = 100% KH, công tác chế biến lâm sản từ rừng trồng được quan tâm phát triển. Việc kiểm tra, kiểm soát và quản lý lâm sản trên địa bàn đã có chuyển biến tích cực, các vụ việc vi phạm từng bước được ngăn chặn. Qua kiểm tra đã xử lý vi phạm 20 vụ (giảm 49 vụ so với năm 2003), tịch thu 182 m gỗ các loại, xử phạt hành chính nộp vào ngân sách 138 triệu đồng.

Chương trình sắp xếp dân cư gắn với quy hoạch sản xuất được tổ chức triển khai tương đối đồng bộ, tổng số hộ được sắp xếp là 290 hộ= 100% KH, trong đó 146 hộ thuộc diện nguy hiểm ngập lụt, 144 hộ thuộc diện quy hoạch sản xuất với tổng vốn đầu tư là 1,45 tỷ đồng.

Công tác phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai được quan tâm từ huyện đến cơ sở, đã chủ động xây dựng phương án, tổ chức diễn tập. Trong năm xảy ra một số đợt mưa lớn, lũ quét gây úng ngập quốc lộ 70, hư hại về tài sản, hoa màu và một số công trình thủy lợi. Tổng giá trị thiệt hại

ước khoảng một tỷ đồng. Huyện đã tập chung chỉ đạo, hỗ trợ khắc phục nhanh hậu quả thiên tai, lũ lụt, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân.

2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, giao thông, bưu điện, xây dựng cơ bản:

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cả năm đạt 8,154 tỷ đồng = 232,97% KH, tăng 35,9% so với cùng kỳ, với các sản phẩm truyền thống như gạch, cát, đá sỏi, sơ chế gỗ, đồ mộc dân dụng và sản xuất giấy đế xuất khẩu.

Cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư phát triển theo 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở, tiến hành mở mới và nâng cấp các tuyến đường liên xã, liên thôn bản, tạo điều kiện vận chuyển và lưu thông hàng hóa cho nhân dân. Năm 2004 tổng giá trị khối lượng hoàn thành mở mới, nâng cấp đường giao thông nông thôn là 24 tuyến (rộng 4,8m)=2,273 tỷ đồng = 198% KH, tổng số ngày công nhân dân tham gia đóng góp là 153.700 công.

Hoạt động bưu chính - viễn thông tiếp tục được nâng cấp và phát triển, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, hành trình thư báo kịp thời đúng quy định. Mạng lưới điểm Bưu điện văn hóa xã tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa.

Các công trình xây dựng cơ bản năm 2004 được quan tâm chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện năm 2004 là 34,77 tỷ đồng, đã nghiệm thu thanh toán 32,89 tỷ đồng = 94,6% KH. Trong đó: Vốn 135 là 4,78 tỷ đồng/4,79 tỷ = 99,9% KH; vốn phòng chống lụt bão 953,3 triệu /953,8 triệu = 99,99% KH; vốn ngân sách tập chung là 5,41 tỷ/5,85 tỷ = 92,3% KH; vốn ngân sách huyện 773,9 triệu/773,9 triệu = 100% KH; vốn chương trình mục tiêu: 400 triệu/400 triệu 100% KH; vốn kiên cố hóa trường lớp: 11,61 tỷ/11,64 tỷ = 99,8% KH; vốn chương trình tấm lợp: 569,8 triệu/580 triệu = 98,24% KH; vốn giảm nghèo: 8,95 tỷ/9,78 tỷ = 91,5% KH.

3. Tài chính - Tín dụng, thương mại

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 5,943 tỷ = 111% KH, trong đó các khoản thu đạt và vượt như thu phí, lệ phí, lao động công ích, thu khác ngân sách ... Tổng thu ngân sách huyện đạt 48,832 tỷ = 100,7% KH. Tổng chi ngân sách huyện ước đạt 47,965 tỷ = 98% KH, đảm bảo các mục chi thường xuyên theo định mức. Công tác thu, chi tiền mặt qua Kho bạc đảm bảo đúng nguyên tắc. Các hoạt động tín dụng ngày càng mở rộng, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong huyện, đặc biệt giải quyết khó khăn về vốn sản xuất cho bà con nông dân vùng sâu, vùng xa đầu tư

phát triển kinh tế, đảm bảo an toàn đúng pháp luật. Tính đến hết tháng 12 năm 2004 Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đã cho được 7.485 hộ thuộc diện chính sách vay vốn, với tổng số dư nợ đạt 35,495 tỷ đồng; tổng dư nợ của Ngân hàng Nông nghiệp huyện là 62,5 tỷ đồng.

Hoạt động dịch vụ thương mại ngày càng phát triển với đa dạng chủng loại hàng hóa, mạng lưới phân phối hàng hóa được mở rộng khắp, vươn tới tận trung tâm cụm xã và các thôn bản vùng xa, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

II. Văn hóa - xã hội

1. Giáo dục - Đào tạo

Công tác giáo dục, đào tạo tiếp tục được phát triển theo hướng xã hội hóa, số học sinh các cấp học đều tăng, chất lượng dạy và học ngày một tốt hơn với phương pháp đổi mới phù hợp từng đối tượng, tiếp tục thực hiện chương trình chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Cơ sở vật chất trường, lớp học ngày càng được quan tâm đầu tư xây dựng theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm gắn với triển khai chương trình kiên cố hóa trường, lớp học (đã nghiệm thu, đưa vào sử dụng 127 phòng học trong năm 2004). Tiếp tục thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác khuyến học, đẩy mạnh công tác giáo dục - đào tạo giai đoạn 2003 - 2010. Tiếp tục duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và trung học sơ sở ở thị trấn Phố Ràng, duy trì phổ cập giáo dục tiểu học chống mù chữ ở các xã, thị trấn. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 97% = 100% KH. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt cao: Cấp I đạt 100%; cấp II đạt 98,6%; cấp III đạt 89%.

2. Y tế - Dân số - KHHGĐ:

Thực hiện tốt chương trình quốc gia về y tế, xây dựng kế hoạch củng cố mạng lưới y tế cơ sở, làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh cho nhân dân. Thực hiện tốt công tác truyền thông dân số kế hoạch hóa gia đình, tổng hợp các biện pháp đạt 3999/3235 người 123,6% KH. Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế tế cơ sở đã khám và điều trị cho hơn 90.000 lượt người. Các chương trình mổ thay thủy tinh thể, tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng, chống lao, sốt rét đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đã chuyển 10 cháu có hoàn cảnh khó khăn đi mổ dị tật miễn phí.

3. Văn hóa - Thông tin - Thể thao; Truyền thanh - Truyền hình

Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao - truyền thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu về đời sống văn hóa, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn trong năm, tuyên truyền sâu rộng nội dung 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở ... phát huy nền văn hóa đậm đà bản sắc dân

tộc, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa được đẩy mạnh ở các xã, thị trấn. Đã có 9.572 gia đình được công nhận là gia đình văn hóa đạt 102,3% KH; 75 làng bản được công nhận làng văn hóa; 41 cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hóa.

Các hoạt động văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao được triển khai khá đồng bộ, đã trở thành phong trào rộng khắp trong nhân dân. Tổ chức liên hoan văn nghệ cụm Đông Bắc gồm 5 xã: Vĩnh Yên, Nghĩa Đô, Xuân Hòa, Tân Dương, Tân Tiến; đăng cai tổ chức thành công đêm liên hoan văn nghệ đưa thông tin về cơ sở lần thứ 9 với sự tham gia của 9 huyện, thị trong tỉnh.

Duy trì tốt việc thu, phát sóng truyền thanh - truyền hình Trung ương và địa phương, Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện đã tập chung xây dựng 145 chương trình, sử dụng 716 tin, 246 bài, 40 chuyên mục; cộng tác với Đài Truyền hình tỉnh, Báo Lào Cai đưa được 153 tin, 45 bài, 02 chương tình "Tiếng nói từ địa phương" được tỉnh đánh giá cao về chất lượng và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

4. Công tác tổ chức lao động - Thương binh và xã hội

Tiếp tục kiện toàn củng cố chính quyền cơ sở sau bầu cử, rà soát phân loại đội ngũ cán bộ cơ sở từ đó có phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Tổ chức sắp xếp lại cán bộ chuyên trách xã 185 người; công chức xã 132 người. Thường xuyên quan tâm đến công tác đền ơn đáp nghĩa, tổ chức thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, người có công, bà mẹ Việt Nam anh hùng và các đồng chí lão thành cách mạng. Công tác xóa đói giảm nghèo tiếp tục được đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả. Trong năm 2004 có 307 hộ thoát nghèo 80,58% KH. Đến nay số hộ nghèo trong huyện còn 773 hộ chiếm 5,22%, giảm 2,51% so với cuối năm 2003.

III. **Công tác nội chính**

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, quản lý nắm chắc địa bàn, hoàn thành tốt các cuộc diễn tập, luyện tập và kế hoạch chiến đấu trị an, xây dựng kế hoạch phòng chống các hoạt động khủng bố, bạo loạn, phát động phong trào thi đua nhân kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam và 15 năm ngày hội Quốc phòng toàn dân. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân năm 2004 và triển khai kế hoạch tuyển quân năm 2005. Xây dựng trận địa phòng không trong khu vực phòng thủ then chốt, huấn luyện dân quân tự vệ hoàn thành trước thời gian quy định, lực lượng dân quân tự vệ - dự bị động viên ở cơ sở hoạt động có hiệu quả, quan tâm, chăm lo, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, củng cố, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có số lượng hợp lý; chất lượng đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động, huấn luyện, sẵn sàng chiến

đấu trong tình hình mới tại địa phương. Tỷ lệ lãnh đạo trong dân quân tự vệ đạt 19,02%.

Tình hình an ninh chính trị cơ bản ổn định và giữ vững, đã duy trì và phát động được phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống ngăn ngừa tội phạm. Tuy nhiên hoạt động đạo tin lành trái phép, di cư tự do ở một bộ phận đồng bào Mông vẫn diễn ra theo chiều hướng phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định ở một số địa bàn. Trong năm 2004 toàn huyện có 53 hộ = 300 khẩu di cư đi các tỉnh Lai Châu, Đắc Lắc và Thanh Hóa. Hiện toàn huyện còn 175 hộ = 1014 khẩu theo đạo trái phép ở 6 xã và 9 bản (tăng 78 khẩu so với năm 2003).

Trật tự an toàn xã hội cơ bản được kiểm soát, các vụ việc xảy ra đều được các cơ quan chức năng phối hợp giải quyết nhanh chóng, được nhân dân phấn khởi tin tưởng. Trong năm 2004 toàn huyện xảy ra 118 vụ việc các loại. Trong đó nghiêm trọng nhất là vụ đắm đò ở bến đò Thâu làm chết 6 em học sinh. Các vụ việc xảy ra làm chết 12 người, bị thương 70 người, thiệt hại về tài sản ước khoảng 620 triệu đồng.

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được duy trì tốt. Trong năm phòng tiếp dân của UBND huyện đã tiếp 21 lượt người, nhận 121 đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nội dung phản ánh chủ yếu tập chung vào vấn đề đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng ... Các nội dung phản ánh đều được xử lý giải quyết thỏa đáng, kịp thời. Hiện còn 09 đơn đang trong quá trình giải quyết. Về đơn thư khiếu nại, tố cáo cán bộ, đảng viên, Thường trực Huyện ủy tiếp nhận 11 đơn thư, đã xử lý 09 đơn, còn 01 đơn đang giải quyết và 01 đơn nặc danh không đủ điều kiện xử lý giải quyết.

Tổ chức triển khai tốt kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật, tập chung chủ yếu vào các Bộ Luật mới như: Luật Đất đai, Luật Tố tụng hình sự ... tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu pháp luật, xây dựng mạng lưới báo cáo viên và tuyên truyền viên ở các cơ sở, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật đạt hiệu quả.

Công tác thi hành án được tổ chức triển khai đồng bộ, số án đã thi hành 119/256 = 46,5%, số còn lại là án không có khả năng thi hành, chủ yếu là án về ma túy.

IV. 7 Chương trình trọng tâm hướng về cơ sở

Việc triển khai thực hiện 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở năm 2004 được tiến hành theo đúng kế hoạch và tiếp tục nhận được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân:

- Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn: Tiếp tục đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với yêu cầu phát triển, nhằm phát huy tiềm năng thế mạnh của từng địa phương, áp dụng các tiến

bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh tăng vụ ... Đẩy nhanh tiến độ kiên cố hóa kênh mương, mở rộng diện tích trồng chè, diện tích cây ăn quả, nâng cao tầm vóc đàn trâu địa phương, nạc hóa đàn lợn ... với phương châm là tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác.

- Chương trình xóa đói giảm nghèo: Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, hỗ trợ tấm lợp, nước sinh hoạt, hỗ trợ giống, phân bón, vật nuôi, cây trồng cho nhân dân. Sắp xếp ổn định dân cư, thâm canh tăng vụ, từng bước giải quyết việc làm, tạo sự khởi sắc mới trong đời sống nhân dân và đại bộ phận dân cư trong huyện, hướng tới tỷ lệ giảm nghèo ngày càng mang tính bền vững.

- Chương trình củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở: Tiến hành rà soát, quy hoạch, sắp xếp đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở trước, sau bầu cử HĐND các cấp. Qua khảo sát đã tổ chức sắp xếp lại 185 cán bộ chuyên trách xã, 132 công chức xã.

- Các chương trình: Làm đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa trường lớp, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, quy hoạch sắp xếp dân cư đều được nhân dân hưởng ứng, nhiệt tình ủng hộ, nhiều mục tiêu đề ra đều hoàn thành và vượt kế hoạch.

V. **Hoạt động của tổ công tác tăng cường cơ sở**

Trong năm qua dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Huyện ủy các tổ công tác tăng cường cơ sở của 18/18 xã, thị trấn đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ hoạt động của tổ. Đặc biệt là sau khi bầu cử HĐND ba cấp một số vị trí, thành viên của tổ công tác tăng cường cơ sở thay đổi. Ngày 07 tháng 5 năm 2004 Ban Thường vụ Huyện ủy đã có Quyết định số 1267 - QĐ/HU bổ sung thành viên của các tổ công tác tăng cường cơ sở của các xã, thị trấn kịp thời kiện toàn và tổ chức hoạt động đúng quy chế đề ra giúp cho Ban Thường vụ Huyện ủy nắm bắt tình hình cơ sở và xử lý các tình huống tại cơ sở đảm bảo kịp thời chính xác, đồng thời tham mưu đề xuất các phương án giúp cấp ủy, chính quyền cơ sở thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ mang lại hiệu quả thiết thực trên mọi lĩnh vực: Phát triển kinh tế - xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh (các đơn vị thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo như: Tân Tiến, Thượng Hà, Kim Sơn, Minh Tân ...).

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả hoạt động của các tổ công tác tăng cường cơ sở còn những mặt tồn tại khuyết điểm, đó là: Một số tổ công tác chưa thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo, số liệu báo cáo chưa sát thực, chưa kịp thời, còn có thành viên tổ công tác do hoạt động kiêm nhiệm, thiếu nhiệt tình, năng lực còn hạn chế dẫn tới hiệu quả công việc chưa cao. (Kết quả phân xếp loại thành viên tổ công tác tăng cường cơ sở năm 2004 có biểu số 2 kèm theo).

VI. Công tác xây dựng Đảng, củng có chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng

1. Công tác tư tưởng chính trị

Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng được cấp ủy tập chung làm tốt. Tổ chức triển khai học tập và quán triệt nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết như: Nghị quyết Trung ương IX; Kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ...

Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong huyện ổn định. Các hoạt động tuyên truyền được đẩy mạnh, trọng tâm là tuyên truyền cuộc bầu cử HĐND các cấp, 74 năm ngày thành lập Đảng, 60 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, 55 năm chiến thắng Phố Ràng ... Trung tâm chính trị huyện đã mở được 26 lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ với 1.666 học viên.

2. Công tác kiểm tra:

Được tiến hành thường xuyên theo chương trình, kế hoạch kiểm tra của cấp ủy và của UBKT Huyện ủy. Thực hiện Kế hoạch số 40 - KH/BCĐ ngày 03 tháng 6 năm 2004 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Huyện ủy đã xây dựng Kế hoạch số 55 - KH/HU ngày 29 tháng 7 năm 2004, kiện toàn Ban Chỉ đạo kiểm tra của huyện gồm 10 đồng chí, trong đó đồng chí Phó Bí thư thường trực làm Trưởng ban. Kết quả qua kiểm tra cho thấy việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí được quan tâm làm tốt, tồn tại khuyết điểm sau các cuộc kiểm tra được khắc phục. Tuy nhiên vẫn còn có một số tồn tại cần tiếp tục khắc phục kịp thời, còn có cơ sở quan tâm chưa đúng mức đến triển khai thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, việc công khai tại chỗ còn có cơ quan đơn vị thực hiện chưa nghiêm. Thực hiện kiểm tra toàn diện Đảng ủy xã Kim Sơn; kiểm tra 03 đảng bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra: Đảng bộ xã Bảo Hà, Điện Quan và Vĩnh Yên. Qua kiểm tra thấy còn có cấp ủy đảng chưa thực sự quan tâm đến công tác kiểm tra; trình độ cán bộ kiểm tra dưới cơ sở còn hạn chế, một số cấp ủy và UBKT xây dựng chương trình kiểm tra còn chậm. Thông qua công tác kiểm tra đã giúp cho cấp ủy cơ sở kịp thời khắc phục những tồn tại, phát huy những mặt tích cực đã làm được góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo của tổ chức đảng. Tiến hành kiểm tra 04 đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Qua kiểm tra đã tiến hành xem xét, kỷ luật cả 4 trường hợp. Năm 2004 thông qua công tác kiểm tra đã tiến hành kỷ luật 09 cán bộ đảng viên, trong đó khai trừ 04, khiển trách 05. Nội dung vi phạm của cán bộ đảng viên chủ yếu là vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức lối sống.

3. Công tác tổ chức cán bộ

Công tác tổ chức cán bộ được cấp ủy quan tâm chú trọng, tiến hành chuẩn bị tốt nhân sự cho cuộc bầu cử HĐND các cấp. Tiếp tục thực hiện Quy định 76 - QĐ/TW của Bộ Chính trị về việc đảng viên sinh hoạt nơi cư trú. Kiện toàn cơ sở đảng yếu kém, quan tâm làm tốt công tác phát triển Đảng đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đánh giá cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở. Tiến hành đổi, phát thẻ đảng viên (3 đợt) cho 1.958 đồng chí = 98% so với tổng số đảng viên chính thức của đảng bộ huyện. Hoàn thiện công tác quản lý hồ sơ đảng viên, tổng số đảng viên trong toàn đảng bộ là 2.234 đồng chí, trong đó khối cơ quan là 423 đồng chí, khối xã là 1.811 đồng chí. Năm 2004 bồi dưỡng kết nạp 188 quần chúng ưu tú vào Đảng, trong đó nữ là 60 đồng chí, nông dân là 102 đồng chí. Xóa được 5 đầu mối chưa có đảng viên (4 bản và 1 trường học), hiện toàn huyện còn 12 đầu mối chưa có đảng viên (9 bản và 3 trạm xá). Cử cán bộ đi đào tạo và đào tạo lại 49 đồng chí, trong đó Đại học chuyên ngành Kế toàn - Tài chính 04 đồng chí, Cao cấp lý luận chính trị 09 đồng chí; trung cấp lý luận chính trị 36 đồng chí (cán bộ xã, thị trấn); tại huyện mở một lớp Sơ cấp chính trị cho 77 đồng chí ... Đề nghị tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng cho 14 đồng chí và 50 năm tuổi Đảng cho 01 đồng chí.

Qua đối chiếu với các tiêu chuẩn đánh giá trong năm 2004, kết quả phân xếp loại đảng viên như sau: Miễn phân tích chất lượng 150 đồng chí; chưa phân tích chất lượng 53 đồng chí; đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ 1.636 đồng chí; trong đó đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 519 đồng chí; đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ 387 đồng chí; vi phạm tư cách 08 đồng chí.

Phân xếp loại cấp ủy viên cơ sở: Hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ 172 đồng chí; Hoàn thành chức trách nhiệm vụ 60 đồng chí; Không hoàn thành chức trách nhiệm vụ 02 đồng chí. Phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng: Đạt trong sạch vững mạnh 36/45 = 80%, loại khá 09/45 = 20 %, không có yếu kém.

4. Công tác vận động quần chúng:

Với phương châm hướng về cơ sở, công tác vận động quần chúng đã được đổi mới nội dung và hình thức hoạt động góp phần quan trọng thực hiện 7 chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm năm 2004. Các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được triển khai, học tập và tổ chức thực hiện sâu rộng đến đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Các chính sách như trợ giá, trợ cước, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, ổn định sắp xếp dân cư, phát triển kinh tế ... được bà con rất ủng hộ, phấn khởi, tin tưởng vào Đảng và Nhà nước.

Công tác 184 và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở không ngừng được đẩy mạnh, tạo ra sự đồng thuận trong nhân dân. Căn cứ vào mục tiêu,

nhiệm vụ của huyện, đặc biệt là 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở và những nội dung chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, MTTQ và các đoàn thể đã cụ thể hóa thành kế hoạch, chương trình công tác phù hợp với điều kiện của cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời triển khai sâu rộng đến từng hội viên và quần chúng nhân dân. Nhiều hoạt động hướng về cơ sở của MTTQ và các đoàn thể đã khơi dậy được ý thức làm chủ và sức mạnh nội lực trong nhân dân, phát huy được tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa. Vận động Nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tích cực tham gia sản xuất, xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, góp phần ổn định dân cư, đảm bảo ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

5. Hoạt động của HĐND - UBND

Hoạt động của HĐND đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện đúng quy chế, hoàn thành các nội dung và chương trình giám sát đề ra. Định kỳ tiếp xúc giữa đại biểu HĐND các cấp với cử tri để thông tin nội dung các kỳ họp, đồng thời nắm bắt, giải quyết các kiến nghị và thắc mắc của nhân dân, xứng đáng với vai trò là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Các kỳ họp HĐND được chuẩn bị tốt về nội dung, theo đúng luật định, đảm bảo dân chủ, thiết thực.

UBND các cấp tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tích cực chủ động và sáng tạo trong việc triển khai các chương trình, nghị quyết của cấp ủy, đổi mới công tác triển khai điều hành theo hướng nhanh, gọn, hiệu quả và phát huy mọi nguồn lực, coi trọng nội lực. UBND huyện đã xây dựng cải cách hành chính theo cơ chế một cửa đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2004, bước đầu đã phát huy được hiệu quả, bổ sung cơ chế, chính sách nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, huy động sức mạnh trong các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế cùng góp sức tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2004 Ban Chấp hành đảng bộ huyện đã có nhiều cố gắng triển khai các nhiệm vụ chính trị, tập chung mọi nguồn lực hướng về cơ sở. Triển khai kịp thời các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và các chương trình của Đảng bộ huyện, của cấp ủy cơ sở. Phát huy tinh thần đoàn kết trong Đảng và trong quần chúng nhân dân, khẳng định vai trò lãnh đạo của cấp ủy, sự điều hành của chính quyền các cấp. Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, an ninh nông thôn được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được kiểm soát, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều hoàn thành

và hoàn thành vượt mức. Tình hình tôn giáo từng bước đi vào ổn định, đạo tin lành trái phép đã được khoanh vùng, không lan ra diện rộng. Công tác xây dựng Đảng được quan tâm hoạt động có hiệu quả. Cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của đảng bộ, sự điều hành quản lý của chính quyền và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn có một số tồn tại: Nhiều cơ sở còn thiếu năng động tự chủ, trông chờ, ỷ lại vào cấp trên, ỷ nại vào sự đầu tư của Nhà nước dẫn đến hiệu quả công tác thấp, việc thu nộp một số sắc thuế còn chậm. Công tác thông tin phục vụ điều hành có lúc có nơi còn chậm, thiếu chính xác, việc xử lý thông tin chưa kịp thời, một số cơ quan, ban ngành và các xã, thị trấn chưa thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định, chất lượng báo cáo chưa tốt, có những thông tin, số liệu thiếu chính xác làm hạn chế sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

Sau bầu cử HĐND các cấp, cấp ủy chính quyền một số xã còn lúng túng, giải quyết công việc thiếu chủ động khi có vụ việc xảy ra không phối hợp ngay với các cơ quan, ban ngành tổ chức giải quyết, nên thường để dây dưa kéo dài.

Công tác cải cách hành chính theo cơ chế "1 cửa "đã được tiến hành, song hiệu qua hoạt động chưa cao, điều kiện, phương tiện làm việc còn thiếu tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình còn chậm; cơ sở hạ tầng còn thấp kém; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ lẻ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; chất lượng hàng hóa, dịch vụ thấp, giá thành cao; tiến độ thực hiện một số công trình, dự án trọng điểm còn chậm; công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiệu quả chưa cao, nhất là tệ nạn ma túy; hoạt động đạo tin lành trái phép và di cư tự do trong đồng bào Mông vẫn còn diễn biến phức tạp; chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân còn chưa cao...

Nguyên nhân của những tồn tại biểu hiện tập trung là: Do còn hạn chế nhất định về trình độ, năng lực cán bộ chưa đáp ứng so với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; một số cơ quan, ban ngành còn chưa sâu, sát cơ sở, chưa làm tốt công tác tham mưu, thiếu tính năng động, chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ở một số cơ sở còn chưa nghiêm.

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2005

Năm 2005 là năm có nhiều ngày lễ lớn của đất nước và của địa phương, 75 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 115 năm ngày sinh của Bác, 30 năm giải phóng miền Nam, 60 năm Quốc khánh 02/9, 40 năm

thành lập huyện Bảo Yên (1965-2005) và đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Pháp; tiến hành tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005). Năm 2005 Đảng bộ huyện Bảo Yên quyết tâm phát huy các thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, tập chung nguồn lực hướng về cơ sở củng cố hệ thống chính trị, đổi mới trong lãnh đạo, quản lý điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở, tăng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh toàn diện. Vì vậy cần tập chung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu năm 2005

1. Về kinh tế - xã hội

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt: 9 tỷ đồng.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 25.366 tấn.
- Tổng đàn gia súc - gia cầm tăng: 3-5%. Giảm tỷ lệ sinh: 0,7%o.
- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường: 97,8%.
- Giảm tỷ lệ đói nghèo: 240 hộ = 1,59% (hiện còn 5,22%).
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt: 9,992 tỷ đồng.
- Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2005 theo chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Ngăn chặn và thu hẹp diện truyền đạo tin lành trái pháp luật, di cư tự do. Thực hiện tốt dự án quy hoạch sản xuất và sắp xếp ổn định dân cư.
- Xây dựng Đảng: Phấn đấu 80% trở lên tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, 80 đến 85% tổ chức đoàn thể, chính quyền cơ sở vững mạnh; phấn đấu cơ bản xóa xong các đầu mối chưa có đảng viên.

2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

- Tập chung lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ công tác năm 2005, các cấp ủy tiến hành rà soát các mục tiêu Đại hội Đảng bộ của địa phương, đơn vị, đặc biệt chú ý các chỉ tiêu chưa đạt và còn đạt thấp để dồn sức tổ chức thực hiện. Đồng thời xác định được rõ nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ trong giai đoạn 2006 - 2010. Đặc biệt chú trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp.
- Tập chung chỉ đạo gieo cấy hết diện tích cây lương thực, thâm canh lúa, ngô cao sản, nghiên cứu xây dựng đề án chuyển một số diện tích lúa nước sang nuôi trồng thủy sản và trồng đầu tương, thực hiện đầu tư chăm sóc và thu hoạch kết hợp với chế biến tiêu thụ sản phẩm trên diện tích chè hiện có. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất nông - lâm nghiệp, đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời về vốn, giống, vật tư cho sản

xuất, làm tốt công tác dự báo, phòng trừ sâu bệnh hại để đảm bảo mùa màng. Duy trì và đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm, thủy cầm, thực hiện có hiệu quả các dự án cải tạo giống vật nuôi để nâng cao chất lượng, năng suất và khả năng thích ứng điều kiện tự nhiên, chống chịu sâu bệnh. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, ban ngành chức năng bám sát cơ sở, giúp nhân dân phát triển nghề rừng, trồng cây lâm nghiệp thành vùng tập chung, bảo vệ tốt vốn rừng hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn. Quy hoạch trồng rừng thành vùng gắn với phát triển, trồng rừng nguyên liệu giấy trong nhân dẫn, đáp ứng nhu cầu sản xuất chế biến nông, lâm sản trên địa bàn.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai có hiệu quả các đề án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, coi trọng công nghiệp chế biến nông, lâm sản, khai thác có hiệu quả ngành nghề có tiềm năng ở địa phương.

- Gắn khai thác, sử dụng tài nguyên với bảo vệ môi trường sinh thái bằng việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch cụ thể góp phần tăng thu ngân sách, tạo việc làm cho nhân dân địa phương.

- Khuyến khích thu hút đầu tư chế biến hàng hóa từ sản phẩm địa phương, nhằm tăng khả năng tiếp cận sản phẩm với thị trường. Trước mắt cần chủ động tháo gỡ khó khăn, chế biến chè tại chỗ, tiến tới xây dựng cơ sở chế biến tập chung cho vùng nguyên liệu chè, nâng công suất dây chuyền chế biến giấy đế xuất khẩu. Sớm hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất bột giấy cung cấp cho thị trường.

- Tăng cường đôn đốc giám sát kiểm tra chất lượng, tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản, đảm bảo kế hoạch đề ra, khuyến khích đầu tư theo

hình thức đổi đất lấy hạ tầng, đô thị, huy động tốt các nguồn lực trong xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt là chương trình giao thông nông thôn và kiên cố hóa trường lớp.

- Tăng cường chỉ đạo công tác thu ngân sách và tiết kiệm chi để đầu tư phát triển, rà soát các nguồn thu trên địa bàn, nhất là nguồn thu từ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đặc biệt là quỹ đất dọc quốc lộ 70, 279 và trung tâm các cụm xã, phấn đấu thu vượt chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Ưu tiên huy động vốn đầu tư trọng điểm cho các vùng đặc biệt khó khăn. Trong xây dựng cơ bản ưu tiên đầu tư nâng cấp đường giao thông nông thôn, trạm xá, trụ sở làm việc của các xã.

- Đẩy mạnh giáo dục đào tạo, phấn đấu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi 17/18 xã, thị trấn và phổ cập trung học cơ sở 11/18 xã, thị trấn, huy động trẻ em trong độ tuổi ra lớp đạt kế hoạch đề ra. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các trung tâm cụm xã. Các cấp ủy, chính

quyền cơ sở và các ban ngành, đoàn thể cần có các giải pháp cụ thể để tiếp tục thực hiện thắng lợi 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", đẩy mạnh phong trào xây dựng cơ quan, làng bản, hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa. Tổ chức các hoạt động lễ hội phù hợp với đời sống văn hóa địa phương, gắn với truyền thống dân tộc. Bài trừ các hủ tục mê tín, dị đoan, theo đạo trái pháp luật và lợi dụng tín ngưỡng với mục đích khác. Duy trì và mở rộng diện phủ sóng phát thanh - truyền hình.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế cơ sở, làm tốt các chương trình y tế quốc gia, đảm bảo tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em đúng độ tuổi, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình, hạn chế sinh con thứ ba trở lên; quản lý tốt các nguồn thuốc chữa bệnh cho nhân dân.

II. Công tác nội chính

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nghị quyết 08 - NQ/BCT về cải cách tư pháp trong tình hình mới.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng với cơ quan khối Nội chính, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác quân sự quốc phòng, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân. Duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu, xây dựng củng cố lực lượng dân quân tự vệ - dự bị động viên, tăng cường xây dựng khu vực phòng thủ.

Phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan trong khối nội chính để kịp thời nắm bắt, xử lý có hiệu quả các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, không để dây dưa kéo dài vượt cấp.

III. Công tác xây dựng đảng, chính quyền, mttq và các đoàn thể quần chúng

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Trung ương Đảng, các nghị quyết chuyên đề của tỉnh và huyện về phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác chính trị tư tưởng, đẩy mạnh việc đưa thông tin về cơ sở, củng cố nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng.

- Chuẩn bị mọi điều kiện cho Đại hội Đảng các cấp, tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn gắn với phong trào thi đua để hoàn thành các mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện khóa XII và các chỉ tiêu 5 năm (2001-2005).

- Tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập huyện và đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Chuẩn bị đón xuân

mới nhân dịp tết Nguyên đán Ất Dậu cho nhân dân đảm bảo an toàn, tiết kiệm. Quan tâm hỗ trợ không để người nghèo không có tết.

- Tiếp tục thực hiện rà soát quy hoạch cán bộ gắn với đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và sử dụng cán bộ ngày càng có hiệu quả hơn, chuẩn bị tốt nhân sự cho Đại hội Đảng các cấp. Tăng cường xây dựng củng cố cơ sở Đảng, đẩy mạnh phát triển đảng viên và xóa đầu mối chưa có đảng viên, trong đó đẩy mạnh phát triển đảng viên ở thôn bản, trường học, trạm y tế cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thực hiện tốt chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo và xử lý nghiêm minh, kịp thời các sai phạm.

- Củng cố chính quyền, tổ chức mặt trận và các đoàn thể ; duy trì tốt hoạt động của Ban Chỉ đạo 184 và đội ngũ cộng tác viên. Nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, đổi mới nội dung và đa dạng hóa phương thức hoạt động. Tập hợp thu hút hội viên, đoàn viên nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động với phương thức sát dân, **gần** cơ sở. Thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ", tích cực phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Tăng cường đoàn kết nội bộ, tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên đối với huyện, phát huy tinh thần năng động sáng tạo, tìm ra cách làm mới hiệu quả hơn.

- Chỉ đạo tốt công tác năm 2005, tổng kết việc thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm hướng về cơ sở, xây dựng mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2006 - 2010.

- Tập chung đẩy mạnh, tạo bước chuyển biến toàn diện và sâu sắc trong cải cách hành chính, thực hiện tốt cơ chế "Một cửa". Nâng cao năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và công chức các cấp trong việc thực hiện công vụ.

Tổ chức đẩy mạnh các phong trào thi đua, nhằm thực hiện thắng lợi toàn diện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, phấn đấu xây dựng đảng bộ huyện.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 194-BC/HU, ngày 16 tháng 02 năm 2005
về công tác kiểm tra năm 2004
phương hướng nhiệm vụ năm 2005

Thực hiện Chương trình công tác số 682 - CTr/HU ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Ban Chấp hành Đảng bộ về công tác kiểm tra năm 2004.

Qua một năm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật Đảng. Đảng bộ huyện Bảo Yên đã có nhiều cố gắng góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội năm 2004.

I. Tình hình đặc điểm chung

- Năm 2004 là năm có nhiều diễn biến phức tạp trên thế giới tác động tới tình hình trong nước nói chung và huyện Bảo Yên nói riêng. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dãn đã thực hiện tốt các mục tiêu Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ tỉnh và Đảng bộ huyện đề ra.

- Bảo Yên có diện tích tự nhiên có 82.090 ha. Gồm 18 xã, thị trấn với 302 thôn bản, trong đó có 12/18 xã, thị trấn thuộc diện đặc biệt khó khăn, có trên 7,3 vạn người gồm 16 dân tộc anh em chung sống. Đảng bộ huyện Bảo Yên có 45 chi, đảng bộ cơ sở, 162 chi bộ dưới cơ sở với tổng số 2.234 đảng viên trong đó có 237 đồng chí là cấp ủy cơ sở.

- Công tác an ninh - trật tự xã hội, quốc phòng luôn ổn định và giữ vững, không có điểm nóng và khiếu kiện phức tạp. Về chống tuyên truyền đạo trái phép được xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên lâu dài và phức tạp, qua đấu tranh, tuyên truyền, giáo dục cảm hóa; nay vẫn còn 175 hộ = 1.014 khẩu ở 9 bản thuộc 6 xã.

- Đời sống kinh tế - xã hội phát triển, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển đổi đa dạng từng bước phá thế độc canh. 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở được triển khai đồng bộ đạt kết quả, chính vì vậy tỷ lệ giảm nghèo đến nay chỉ còn 5,22% (năm 2003 là 7,73%).

II. Kết quả công tác kiểm tra của bch đảng bộ huyện

1. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra Đảng đối với cơ sở

* Ngay từ đầu năm Ban Chấp hành Huyện ủy đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách cụm xã, phân công các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách xã, đồng thời thường xuyên chỉ đạo và duy trì hoạt động của tổ công tác tăng cường ở cơ

sở ở 18/18xã, thị trấn, tăng cường kiểm tra xử lý giải quyết kịp thời mọi phát sinh từ cơ sở.

* Nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, năm 2004 tiến hành các cuộc kiểm tra theo kế hoạch, tập chung kiểm tra 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở, cụ thể là:

Phúc tra việc thực hiện Kế hoạch số 01 + 02 của Trung ương về giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân ở các cấp cơ sở.

- Kiểm tra việc thực hiện dân chủ trong công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng.

- Kiểm tra lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

- Chỉ đạo thường xuyên về cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VII.

- Kiểm tra cán bộ thuộc diện tỉnh, huyện quản lý về kê khai nhà đất theo quy định của Luật Đất đai.

Tổng kết Quy định 55 - QĐ/TW (nay là Quy định 19 về những điều đảng viên không được làm) qua 20 năm đổi mới.

+ Theo quy chế và chương trình công tác kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng bộ, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành được phân công phụ trách xã, ngành đã tăng cường thường xuyên kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ. Vì vậy năm 2004 không có vụ việc khiếu tố nào phức tạp phát sinh, vì cấp ủy trực thuộc đã giải quyết ngay từ cơ sở. Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy và ngành kiểm tra Đảng, đã góp phần thực hiện tốt nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và Ban Chấp hành đề ra.

**** Về tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu tố đối với cán bộ, đảng viên, của nhân dân***

- Trong năm 2004 Huyện ủy Bảo Yên tiếp nhận 11 đơn, trong đó Thường trực Huyện ủy nhận 6 đơn, UBKT tiếp nhận 5 đơn (giảm 26 đơn so năm 2003) đã giải quyết xong 9 đơn. Chuyển cơ sở giải quyết 1 đơn, còn 1 đơn mượn danh tố cáo cán bộ lãnh đạo nhưng không đủ căn cứ chứng lý để giải quyết.

Thường trực HĐND và UBND huyện đã tiếp nhận 121 đơn (thuộc quyền huyện thụ lý 87 đơn; cấp xã, ngành 34 đơn) đã giải quyết xong 112 đơn = 92,56% còn 9 đơn đang xử lý giải quyết. Tiếp 21 lượt người đến phản ánh đề nghị, nội dung chủ yếu về đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng ...

**** Về thi hành kỷ luật cán bộ, đảng viên thuộc đảng bộ***

+ Năm 2004 đã thi hành kỷ luật 13 cán bộ, đảng viên:

Trong đó: - Khai trừ ra khỏi Đảng: 4 đồng chí

- Cảnh cáo: 3 đồng chí
- Khiển trách: 6 đồng chí

Cấp quyết định kỷ luật:

- Ban Thường vụ Huyện ủy ra quyết định là 5 đồng chí (khai trừ 2, cảnh cáo 1, khiển trách 2).

- UBKT Huyện ủy ra quyết định: 3 (cảnh cáo 1, khiển trách 2).

- Cấp ủy cơ sở ra quyết định: 5 (cảnh cáo 1, khiển trách 4).

* Xóa tên: 3 đảng viên (2 dự bị).

Việc thi hành kỷ luật cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước, Quy định 19 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm đảm bảo công minh, chính xác, kịp thời, do đó hầu như không có khiếu nại về kỷ luật Đảng.

Về tồn tại: Còn có cấp ủy, chi bộ có đảng viên vi phạm nhưng còn nể nang, ngại đấu tranh, thụ động, trông chờ cấp trên, chưa phát huy đầy đủ vai trò công tác kiểm tra của cấp ủy Đảng làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp trên đề ra.

2. Lãnh đạo công tác kiểm tra của BCH Đảng bộ huyện

- Cấp ủy các cấp từ huyện đến cơ sở xác định công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Vì vậy hệ thống kiểm tra của đảng bộ huyện từ đầu nhiệm kỳ đã tập huấn nghiệp vụ. Tuy nhiên do có sự thay đổi trong công tác cán bộ sau bầu cử HĐND các cấp, Huyện ủy đã kịp thời củng cố hệ thống kiểm tra cấp ủy cơ sở, tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm tra cho cấp ủy và các chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, các thành viên làm công tác kiểm tra Đảng. Do đó các vụ việc phát sinh được xử lý giải quyết kịp thời từ cơ sở đúng quy định của Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy năm 2004:

+ Thực hiện 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở, huyện đã chọn kiểm tra điểm về chương trình làm đường giao thông nông thôn ở 3 xã: Xuân Thượng, Việt Tiến, Kim Sơn và chỉ đạo các đồng chí huyện ủy viên phụ trách xã làm tổ trưởng, huyện ủy viên Phó chủ nhiệm kiểm tra làm tổ phó, các ngành chức năng, nghiệp vụ của huyện tham gia tổ công tác.

**** Kết quả qua kiểm* tra*:***

- Khẳng định chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển đường giao thông nông thôn là chủ trương đúng đắn được nhân dân phấn khởi đón nhận, tạo ra động lực mới phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

- Tuy nhiên qua kiểm tra cho thấy còn bộc lộ một số nhược điểm đó là đầu tư và thiết kế, thi công công trình chưa đồng bộ, có đường nhưng chưa

có cầu cống. Công tác nghiệm thu công trình thiếu chặt chẽ, chưa làm tốt công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng và quản lý công trình theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, dẫn đến chất lượng một số công trình giao thông vừa nghiệm thu xong đã hỏng.

**** Kiến nghị và giải pháp*:**

- Đề nghị Nhà nước có cơ chế chặt chẽ hơn trong khâu lập dự án, đấu thầu và giám sát thi công công trình.

- Đề nghị UBKT cơ sở chủ động kiểm tra giám sát thi công các công trình thuộc địa bàn mình, ngăn chặn, xử lý những phát sinh, tiêu cực xảy ra.

***Tóm lại*:** Thực hiện chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy đề ra năm 2004, toàn đảng bộ đã có nhiều đổi mới và cố gắng hoàn thành tốt chương trình và nhiệm vụ của cấp ủy. Song bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại như việc thực hiện Quy chế dân chủ như công khai nguồn vốn Nhà nước đầu tư, dân đóng góp chưa rõ ràng, còn để nhân dân, cử tri dị nghị. Việc huy động sức dân sở tại chưa sâu rộng, cho nên biểu hiện ỷ lại trông chờ Nhà nước đầu tư, công tác tuyên truyền chính sách của Nhà nước về đền bù giải phóng mặt bằng có nơi dân chưa hiểu, do đó khi giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình phúc lợi xã hội còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tới tiến độ thi công.

III. Phương hướng công tác kiểm tra năm 2005

1. Tiếp tục củng cố các tổ công tác tăng cường cơ sở. Thường xuyên kiểm tra, giải quyết mọi phát sinh từ cơ sở, nhất là thực hiện Quy chế dân chủ ở cƠ SỞ, mọi dự án nguồn vốn được đầu tư trên địa bàn phải được công khai minh bạch.

2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tốt Đại hội Đảng các cấp từ cơ sở đến huyện; mọi dấu hiệu vi phạm phải được kiểm tra, xử lý kịp thời theo Chỉ thị số 46 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

3. Thực hiện 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện sẽ tiến hành kiểm tra theo chuyên đề đối với một số đảng bộ và chi bộ theo nội dung sau:

a, Kiểm tra toàn diện đối với Đảng bộ thị trấn Phố Ràng về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với đảng bộ.

b, Kiểm tra chuyên đề đối với Chi bộ Thanh tra. Nội dung kiểm tra là công tác giao thông, xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện.

c, Kiểm tra chuyên đề đối với Đảng bộ xã Điện Quan. Nội dung kiểm tra là hiệu quả sử dụng các nguồn vốn kiên cố hóa trường, lớp học, chương trình 135 trên địa bàn xã.

- Để thực hiện 3 cuộc kiểm tra nêu trên, Ban Thường vụ sẽ có quyết

định thành lập đoàn kiểm tra và có kế hoạch chi tiết; thời gian thực hiện quý II, III, IV của năm 2005.

4. Đối với UBKT Huyện ủy, tổ chức thực hiện tốt Điều 32 Điều lệ Đảng về 5 nhiệm vụ UBKT các cấp; song cần tăng cường kiểm tra cán bộ, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước (theo phân cấp quản lý cán bộ, đảng viên).

5. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ, cấp ủy các cấp căn cứ theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành và nhiệm vụ được phân công trách nhiệm ở từng cấp phụ trách ngành, xã, thị trấn cần tăng cường đi sâu, đi sát cơ sở để kiểm tra. Các vụ việc phát sinh phải được xử lý kiên quyết, công minh, chính xác, kịp thời đúng thẩm quyền, không đùn đẩy trách nhiệm.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác kiểm tra năm 2004 và phương hướng nhiệm vụ năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 204-BC/HU, ngày 31 tháng 03 năm 2005
Tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư và pháp luật về khiếu nại, tố cáo

---

Căn cứ Kế hoạch số: 03 - KH/BCĐ, ngày 24/ 12/ 2004 của Ban Chỉ đạo liên ngành Tỉnh ủy Lào Cai, v/v tổng kết Chỉ thị 09/CT/TW của Ban Bí thư và pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Ban Chỉ đạo tổng kết Chỉ thị 09/CT/TW về khiếu nại, tố cáo huyện Bảo Yên báo cáo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

I. Sơ lược về tình hình đặc điểm

Bảo Yên là huyện miền núi vùng thấp của tỉnh Lào Cai, cách trung tâm tỉnh lỵ 75 km về phía đông nam. Huyện có 2 con sông: Sông Hồng, Sông Chảy; Có 2 trục đường chính: Quốc lộ 70 và quốc lộ 279 đi qua; Địa hình tương đối phức tạp.

Phía Tây Bắc giáp huyện Bắc Hà

Phía Đông Nam giáp tỉnh Yên Bái

Phía Tây Nam giáp Văn Bàn - tỉnh Lào Cai

Phía Tây giáp huyện Bảo Thắng

Phía Đông Bắc giáp huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang

- Đảng bộ huyện Bảo Yên có 45 chi Đảng bộ trực thuộc gồm: 2.253 Đảng viên sinh hoạt ở 18 Đảng bộ xã, thị trấn và 27 chi, đảng bộ cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang và trường học.

- Cấp huyện đến nay gồm có: 18 đơn vị hành chính, 13 phòng ban trực thuộc và trên 35 các cơ quan ban ngành thuộc huyện, tỉnh, trung ương đóng tại trên địa bàn huyện, toàn huyện có 12 xã thuộc vùng III đặc biệt khó khăn, dân số toàn huyện có trên 73. 000 người với 16 dân tộc anh em cùng chung sống, tỷ lệ dân tộc và dân tộc ít người chiếm trên 70% dân số trong toàn huyện, các cụm dân cư vùng sâu, vùng xa sống quần cư các dòng họ lớn, ở ổn định, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Từ năm 1999 trở về trước tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo có nội dung ít phức tạp, chủ yếu là giải quyết các vướng mắc trong sinh hoạt đời sống, không có điểm nóng, nổi cộm bức xúc.

II. Về tình hình khiếu nại, tố cáo

Trong những năm gần đây việc Nhà nước đầu tư mở mang xây dựng các công trình kinh tế hạ tầng như điện, đường, trường, trạm, với các công trình 135, WB... trong đó công tác giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng

các công trình XDCB có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của nhân dân về đất đai, tài sản hoa màu trên đất thổ cư, canh tác.

Quá trình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng về cơ bản thuận lợi. Song xuất phát từ nhận thức, hiểu biết của một số hộ dân về Chính sách, Pháp luật của Nhà nước còn hạn chế, bên cạnh đó còn có một số vấn đề trong cơ chế, Chính sách chưa hoàn toàn phù hợp với thực tế một số nơi nên từ năm 1999 đến năm 2004, nhất là từ năm 2001 - 2003 khi Nhà nước có kế hoạch triển khai nâng cấp quốc lộ 279 đi qua 7 xã và trung tâm huyện, thì số đơn khiếu nại và kiến nghị về huyện để giải quyết tăng cao so với năm 1999 trở về trước.

Tổng số đơn tiếp nhận qua 6 năm - từ năm 1999 đến năm 2004 là 699 đơn (Khiếu nại = 504 đơn; tố cáo = 98 đơn; kiến nghị, đề nghị = 97 đơn). Tuy số lượng đơn có tăng cao so với năm 1999 trở về trước, nhưng không có điểm nóng về tình trạng khiếu kiện đông người hoặc tụ tập nhiều người đi khiếu kiện về tỉnh và trung ương.

*** Nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo chủ yếu**:

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 1999 đến năm 2004 nổi lên là việc đền bù giải phóng mặt bằng đường 279, tuyến đường từ xã Tân Dương đi Vĩnh Yên, Nghĩa Đô và xã Yên Sơn đi Bảo Hà, thì có tới 361/699 đơn, chiếm tỷ lệ 51,93%.

Nguyên nhân khiếu nại: Một số văn bản áp giá đền bù chưa cụ thể, đơn giá đền bù còn thấp so với thực tế, qua trình thi công phát sinh mới, cán bộ chức năng tính toán đền bù cho nhân dân chưa kịp thời

Nguyên nhân tố cáo: Do giải quyết phát sinh mâu thuẫn ban đầu tại cơ sở không dứt điểm, chưa công bằng, việc đầu tư cho công trình không được công khai, chỉ trả tiền đền bù cho nhân dân còn chậm.

PHẦN THỨ HAI
TÌNH HÌNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ 09 - CT/TW VÀ PHÁP LUẬT VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

I - Những kết quả tiến bộ chủ yếu

1. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác tiếp dân, tiếp nhận đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Huyện ủy Bảo Yên đã xác định, nhiệm vụ công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trước hết là khâu tuyên truyền pháp luật. Từ năm 1999 đến 2004, nhất là từ khi có chỉ thị 09 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, Huyện ủy đã chỉ đạo Hội đồng phổ biến tuyên truyền pháp luật của huyện tổ chức nhiều đợt triển khai kịp thời các văn bản luật, trong đó có Luật khiếu nại, tố cáo; Nghị định 62/2002/NĐ - CP, ngày 14/6/2002 của Chính phủ, về việc sửa đổi bổ sung một số

điều của Nghị định 67/1999/NĐ và triển khai thực hiện quyết định 251/QĐ-UB, ngày 26/6/2003, kèm theo quy chế quản lý và giải quyết KNTC của UBND tỉnh Lào Cai, đến trưởng, phó ban ngành, đoàn thể, chủ tịch UBND, cán bộ tư pháp, thanh tra nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn toàn huyện, với tổng số đại biểu tham dự là 575 lượt người. Hội nghị của các cấp, các ngành và cơ sở được 148 lượt và có hơn 76.200 người dự.

- Năm 2002 Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số: 30-KH/HU ngày 30/07/2002 về việc kiểm tra sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo chỉ đạo của BTV Tỉnh ủy về Kế hoạch số: 01, 02 của Trung ương Đảng, ngày 30/07/2003. BTV Huyện ủy Bảo Yên tiếp tục ban hành kế hoạch số 40-KH/HU về việc kiểm tra việc thực hiện sau kết luận cuộc kiểm tra theo Kế hoạch số 30-KH/HU ngày 30/07/2002 nêu trên.

- Tháng 8/2003, huyện phối kết hợp với Thanh tra tỉnh tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy chê quản lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-UB của UBND tỉnh Lào Cai, đến 17 xã 01 thị trấn, 10 Phòng ban thuộc huyện và 35 cơ quan ban ngành thuộc huyện, tỉnh, trung ương đóng trên địa bàn huyện.

- Thành lập tổ tiếp công dân của HĐND & UBND huyện gồm có 5 người (Quyết định số: 545/QĐ-UB, ngày 8/8/2003 của UBND huyện) do đồng chí Phó chánh Thanh tra huyện làm tổ trưởng và 1 đồng chí Phó chánh văn Phòng HĐND -UBND làm tổ phó, có 03 cán bộ: (01 cán bộ Văn phòng HĐND & UBND, 01 cán bộ KH-TC-TM và 1 cán bộ Thanh tra huyện tham gia trực thường xuyên).

- Tập huấn nghiệp vụ làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đến các cơ sở xã, các cơ quan ban ngành đoàn thể, lực lượng vũ trang trong toàn huyện. Phổ biến thống nhất được các qui định, yêu cầu chung về thời gian thực hiện báo cáo (tuần, tháng, quí, năm...), trình tự thủ tục và các bước giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Ban Chấp hành Đảng bộ khoá 12 (nhiệm kỳ 2000 - 2005) có 33 đồng chí được bố trí ở một số đơn vị, ban Thường vụ gồm 11 đồng chí được phân công phụ trách các cụm xã, đơn vị và khối đoàn thể, các đồng chí huyện ủy viên được phân công phụ trách từng cơ sở và trực tiếp làm tổ trưởng tổ công tác tăng cường củng cố ở cơ sở thị trấn. Hàng tháng tổ công tác họp với Đảng bộ cơ sở, chính quyền địa phương để nắm bắt tình hình và chỉ đạo, đôn đốc việc chấp hành chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong đó có giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân.

- Ban Thường vụ Huyện ủy, thường trực HĐND huyện thường xuyên chỉ đạo bằng nhiều văn bản giao cho cơ quan chức năng kiểm tra đôn đốc

công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kế hoạch thanh tra kinh tế - xã hội được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt hàng năm đều có 1 đến 2 cuộc về thanh tra khiếu nại, tố cáo đối với cấp xã, ngoài ra huyện còn thành lập các đoàn kiểm tra theo đơn KNTC của nhân dân phản ảnh, cụ thể: Năm 1999 kiểm tra được 2 xã, năm 2000 kiểm tra 12 xã, năm 2001 được 7 xã và 2 đơn vị, năm 2002 được 9 xã, năm 2003 được 1 xã và 1 đơn vị, năm 2004 được 1 xã, trong 6 năm kiểm tra được 32 lượt, đủ 17/17 xã 1 thị trấn và 4 cơ quan, qua kiểm tra thấy 35 đơn còn tồn đọng và đã giúp cho cơ sở tháo gỡ tìm giải pháp để giải quyết, đến nay đã xong và dứt điểm.

- Về tổ tiếp dân của HĐND & UBND huyện: Là những cán bộ có năng lực, có trách nhiệm trong công tác, tận tuỵ với công việc, phòng tiếp dân của huyện được bố trí thuận tiện để nhân dân tiện liên hệ và đón tiếp nhân dân.

- Đối với cấp xã: Không có cán bộ thanh tra chuyên trách, nên việc tiếp dân thường là Chủ tịch UBND xã và cán bộ tư pháp, phòng tiếp dân là phòng thường trực của xã và có lịch tiếp dân cụ thể được thông báo công khai để nhân dân biết.

- Với các phòng, ban, ngành: Việc tiếp dân thường là thủ trưởng cơ quan, cán bộ văn phòng, nơi tiếp dân là văn phòng làm việc của cơ quan.

Nhìn chung công tác tiếp dân của huyện, xã và các phòng, ban, ngành đều có chuyển biến tốt về đội ngũ cán bộ, nơi tiếp dân so với những năm 1999 về trước. Công tác tiếp dân, nhận giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đi vào nề nếp và đạt được kết quả thiết thực, góp phần ổn định tình hình nhân dân.

*** Công tác tiếp dân:**

Cấp huyện: Thực hiện quyết định số 89/CP, ngày 7/8/1998 của Chính phủ về việc ban hành quy chế tiếp công dân; Thông tư số 1178/TT-NN của Tổng Thanh tra Nhà nước; Quy chế quản lý giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND tỉnh Lào Cai. Huyện Bảo Yên đã thành lập tổ tiếp dân của HĐND&UBND huyện gồm 5 cán bộ từ các phòng ban chuyên môn của huyện, có đầy đủ các tiện nghi như: Bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu, quạt, ấm chén uống nước, có lịch và nội qui tiếp công dân đầy đủ và giao cho Thanh tra huyện quản lý trực tiếp, bố trí cán bộ thường trực tiếp dân vào các ngày làm việc trong tuần, chủ tịch UBND huyện bảo đảm thời gian bố trí tiếp dân mỗi tuần 1 ngày vào thứ 5 hàng tuần, khi bận công tác thì ủy quyền cho cấp phó để duy trì việc tiếp dân theo qui định.

- Cấp xã và các ngành: Do vị trí địa lý, đặc thù công việc, điều kiện về cơ sở vật chất và nơi làm việc, song nhìn chung công tác tiếp dân đối với các ngành, xã và thị trấn là thực hiện tốt và đúng luật, đảm bảo duy trì tiếp dân vào các ngày trực trong tuần.

- Các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị lực lượng vũ trang, các ban ngành đã có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác tiếp dân và giải quyết kiếu nại, tố cáo. Vì vậy công tác giải quyết KNTC của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện đã được chú trọng và làm tốt, cụ thể:

- Tổng số đơn tiếp nhận trên địa bàn huyện từ 1999 đến 2004 là 699 đơn các loại, đã xem xét và giải quyết xong 689/699 đơn, đạt tỷ lệ 98,57% không có đơn tái khiếu, tái tố gửi lên cấp tỉnh, trung ương.

2. Tình hình, kết quả công tác giám sát của Hội đồng nhân dân, sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ Quốc và các tổ chức thành viên, sự tham gia của nhân dân trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Trường trực HĐND huyện đã phối kết hợp với UBND, UBMTTQ Việt Nam, Hội đồng phổ biến tuyên truyền pháp luật, Trung tâm Chính trị của huyện để phổ biến tuyên truyền các chỉ thị, Nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bồi dưỡng kiến thức cho các đại biểu HĐND huyện, xã, từ đó nhận thức của đại biểu HĐND các cấp được nâng cao là hạt nhân tuyên truyền vận động chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm tốt công tác được giao, phối hợp với cấp ủy, chính quyền nơi công tác để giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân ngay từ cơ sở, hạn chế được nhiều đơn thư KNTC gửi vượt cấp.

- Công tác giám sát của HĐND trong lĩnh vực giải quyết KNTC tập chung vào lĩnh vực công dân có nhiều đơn kiến nghị như việc giải phóng mặt bằng quốc lộ 279, tổ chức được 3 cuộc giám sát chuyên đề về các công trình làm đường giao thông nông thôn của các xã như: Thượng Hà, Điện Quan và Minh Tân. Qua kiểm tra đã chấn chỉnh kịp thời những việc làm chưa đúng của đơn vị thi công như về kỹ thuật, về việc chi trả tiền nhân công cho nhân dân, ngoài ra các ban của HĐND cũng lồng ghép giám sát việc giải quyết đơn thư KNTC của nhân dân với các cấp, các ngành để giải quyết ngay từ lúc phát sinh và dứt điểm ngay từ cơ sở. Do làm tốt công tác tuyên truyền học tập các bộ luật mới đến tận người dân và nhận thức của nhân dân được nâng cao rõ rệt trong công tác KNTC, những mâu thuẫn nhỏ thường được nhân dân giải hoà ngay từ cơ sở, những việc mâu thuẫn về quyền, lợi ích trong giải phóng mặt bằng các công trình thì nhân dân mới làm đơn khiếu nại.

- Mặt trận Tổ quốc huyện thường xuyên phối kết hợp với các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với luật KNTC, thường xuyên củng cố kiện toàn hệ thống chính trị. MTTQ cơ sở xã đủ khả năng để chủ động thực hiện nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn hiện nay, vận động nhân dân thực hiện tốt

"Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư" xây dựng và củng cố 18/18 xã và thị trấn có đội ngũ cán bộ thanh tra nhân dân và 307 tổ hoà giải có 935 người tham gia.

- Năm 2004 huyện đã tổng kết việc thực hiện chỉ thị số 26/2002/TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc tham gia của hội nông dân về công tác giải quyết KNTC. Nhìn chung qua 3 năm thực hiện, Hội Nông dân đã phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân hiểu biết về pháp luật và giải quyết KNTC của nhân dân ngay từ cấp xã, nên không có những vụ việc bức xúc, khiếu kiện đông người...

II. Tình hình công tác tiếp dân, xử lý đơn thư

- Cán bộ tiếp dân của huyện là những cán bộ có năng lực, kinh nghiệm, hiểu biết sâu về pháp luật, có uy tín và tận tuỵ với công việc, khi tiếp dân có thái độ chân thành cởi mở, hướng dẫn và giải thích rõ các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Những vụ việc giải quyết theo thẩm quyền đều thỏa đáng tạo lòng tin trong nhân dân, không để xảy ra việc gửi đơn vượt cấp hoặc có kiến nghị khác với cán bộ tiếp dân. Nhiều vụ việc do chưa hiểu biết nên khiếu kiện không đúng đã được giải thích rõ ngay tại phòng tiếp dân nên người khiếu kiện đã tự giác rút xin rút lại đơn. Đối với những vụ việc phức tạp, chủ tịch UBND huyện đã trực tiếp giải quyết.

- Qua 6 năm từ 1999 đến 2004, phòng tiếp dân của HĐND và UBND huyện đã tiếp được 151 lượt người, tiếp nhận 140 đơn bằng 140 vụ việc, đã giải quyết ngay tại phòng tiếp dân được 20 đơn, 10 đơn sau khi giải thích nhân dân đã xin rút lại đơn, còn 121 đơn nội dung chủ yếu về giải phóng mặt bằng tuyến đường 279, đã xem xét và ra quyết định giải quyết đúng thời hạn theo qui định pháp luật.

- Thông qua việc tiếp dân thấy nội dung phản ảnh của nhân dân đạt trên 90% là đúng, một số đơn được giải quyết ngay đã làm cho nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước.

- Xây dựng dựng quy chế tiếp dân theo các Điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 của Luật KNTC, niêm iết công khai lịch tiếp dân tại phòng làm việc. Cơ sở vật chất trang thiết bị cho phòng tiếp dân đã được đầu tư củng cố khang trang, bộ máy làm việc của tổ tiếp dân luân thường trực tại phòng vào các ngày làm việc trong tuần, khi tiếp dân đều ghi chép đầy đủ những ý kiến phản ảnh của nhân dân vào sổ, huyện phân công đồng chí chủ tịch UBND huyện duy trì tiếp dân mỗi tuần 1 buổi vào thứ 5, trường hợp dẫn đến khiếu nại cần được giải quyết ngay thì đồng chí chủ tịch hẹn thời gian để giải quyết.

- Luôn đổi mới công tác tiếp dân, những việc thuộc phạm vi của các ban, ngành khác thì đồng chí tổ trưởng đề nghị với Chủ tịch UBND các

xã, thủ trưởng các cơ quan xem xét giải quyết, cố định thời gian, địa điểm rõ ràng và có báo cáo lên huyện.

- Cán bộ tiếp dân luôn có thái độ hoà nhã, chia sẻ với những kiến nghị của nhân dân và báo cáo kịp thời với lãnh đạo để xin ý kiến chỉ đạo nhằm đảo bảo đúng thời gian qui định của luật, trường hợp những đơn thư có nhiều nội dung phức tạp tổ tiếp dân thường xin ý kiến của phòng xét khiếu tố của Thanh tra tỉnh để trao đổi hướng xử lý và giải quyết.

- Đối với những vụ việc phức tạp ở cơ sở, cán bộ tiếp dân của huyện đi xuống cơ sở xã cùng với chính quyền để trực tiếp giải quyết.

1. Công tác giải quyết khiếu nại hành chính

- Tổng số đơn tiếp nhận từ năm 1999 đến 2004 là 699 đơn gồm 690 vụ việc, UBND huyện (Thanh tra) tiếp nhận 347 đơn; Các cơ quan, xã và thị trấn nhận 352 đơn. Trong đó: Khiếu nại 504 đơn bằng 500 vụ việc, tố cáo 98 đơn bằng 97 vụ việc, kiến nghị đề nghị 97 đơn bằng 93 vụ việc, số lượng đơn thư qua 6 năm chủ yếu gửi đến cấp huyện là chính (qua Văn phòng HĐND và UBND, Thanh tra huyện) tiếp nhận 347 đơn gồm 343 vụ việc, sau khi xem xét xử lý, UBND huyện đã trực tiếp giải quyết 46 đơn bằng 46 vụ việc, còn lại 301 đơn bằn 297 vụ việc đã làm thủ tục chuyển đến các ngành chức năng, các xã và thị trấn để giải quyết theo thẩm quyền. Qua công tác quản lý, theo dõi chỉ đạo của UBND huyện cho đến nay các ngành, các cấp đã giải quyết xong 281 đơn bằng 277 vụ việc, còn tồn lại 20 đơn UBND huyện đã yêu cầu các ngành, các cấp giải quyết dứt điểm, đến nay đã giải quyết xong 10 đơn bằng 10 vụ việc, còn tồn 10 đơn đang xem xét giải quyết.

- Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện là 46 vụ việc. Trong đó: 14 vụ việc khiếu nại, 28 vụ việc tố cáo, 4 vụ việc kiến nghị và đã tổ chức xác minh, kết luận, ra quyết định giải quyết 46 vụ việc, đạt tỷ lệ 100%. Nội dung phản ảnh chủ yếu là: Khiếu nại về chế độ chính sách 20 vụ việc, 4 vụ việc khiếu nại về hành vi hành chính của cán bộ cấp dưới trực tiếp, 24 vụ việc tố cáo hành vi vi phạm tư cách đạo đức, quyết định xử phạt hành chính, mất đoàn kết nội bộ, việc làm chưa đúng của ban giải phóng mặt bằng tuyến đường quốc lộ 279, 4 vụ việc tố cáo lãnh đạo cấp xã.

- Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các phòng, ban, ngành, các xã và thị trấn là 655 đơn bằng 646 vụ việc. Trong đó: Khiếu nại 490 đơn bằng 483 vụ việc, tố cáo 70 đơn bằng 68 vụ việc, kiến nghị đề nghị 93 đơn bằng 93 vụ việc. Đã giải quyết song 643 đơn bằng 643 vụ việc, đạt tỷ lệ 98,57%, còn 10 vụ việc đang được xem xét giải quyết.

2. Nội dung khiếu nại gồm

- Tổng số 504 đơn khiếu nại bằng 500 vụ việc. Trong đó có 378 vụ việc thuộc về đền bù, đất đai, tài sản hoa màu trên đất chủ yếu là phản ảnh

việc đền bù không thoả đáng, không công bằng giữa các hộ, việc thống kê để áp giá thanh toán lại nhiều hơn so với số tiền khi được thanh toán thực tế, 10 vụ việc khiếu nại về tranh chấp đất đai giữa cá nhân với cá nhân, 15 vụ việc khiếu nại về hành vi hành chính, 28 vụ việc khiếu nại về quyết định xử phạt hành chính về đất đai, 7 vụ việc khiếu nại về chế độ chính sách với người lao động, 5 vụ việc khiếu nại về chế độ tài chính tín dụng ngân hàng, 8 vụ việc khiếu nại về quyết định hành chính, 53 vụ việc khiếu nại về các vấn đề khác. Kết quả đã giải quyết xong 498 đơn bằng 494 vụ việc, đạt tỷ lệ 98,81%.

3. Nội dung tố cáo gồm:

- Tổng 98 đơn bằng 97 vụ việc. Trong đó: 50 vụ việc tố cáo về hành vi hành chính, 47 vụ việc tố giác về hành vi vi phạm pháp luật, phản ảnh tập chung vào đánh người gây thương tích, trộm cắp tài sản và buôn gian bán lậu. Kết quả đã giải quyết xong 95 đơn, 50 vụ việc về hành vi hành chính, 44 vụ việc tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật, đạt tỷ lệ 96,91%, còn l vụ việc đang được xem xét giải quyết.

4. Nội dung kiến nghị, đề nghị

Tổng 97 đơn bằng 92 vụ việc. Trong đó: 12 vụ việc về tranh chấp đất đai, 64 vụ việc kê khai bổ sung đất đai, cây cối hoa màu để được thanh toán đền bù, 3 vụ việc đề nghị giải quyết chế độ chính sách, 4 vụ việc đề nghị xin cấp đất sử dụng, 5 vụ việc xin hỗ trợ tiền để di chuyển nhà nằn trong vùng di dãn dân, 9 vụ việc thuộc vấn đề khác. Kết quả giải quyết xong 96 đơn bằng 91 vụ việc, đạt tỷ lệ 98,97%, còn lại 1 vụ việc đang xem xét giải quyết.

Qua công tác tiếp dân, giải quyết KNTC từ năm 1999 đến 2004 trên địa bàn huyện Bảo Yên nổi lên là công tác giải phóng mặt bằng, trong 6 năm đã nhận 699 đơn, thì có 378 đơn, chiếm 54, 08%, còn lại là các lĩnh vực khác. Nội dung đơn khiếu nại đúng 490/504 đơn; vừa đúng, vừa sai 14 đơn, đạt 97,22%. Đơn tố cáo đúng 90/98 đơn; vừa đúng, vừa sai 6 đơn; Tố cáo sai 2 đơn. Đơn kiến nghị đúng 88/97 đơn, còn lại 9 đơn vừa đúng, vừa sai, đạt tỷ lệ 90,72%.

*** Về kinh Tế**:

Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân đã xử lý kinh tế, cán bộ vi phạm. Đề nghị thu hồi cho Nhà nước: 58.208.000đ

- Đã thu hồi trả cho tập thể: 1.800.000đ

- Đã thu hồi thanh toán tiền công cho nhân dân tham gia xây dựng các công trình là 71.442.000đ

- Đề nghị Ban giải phóng mặt bằng các công trình thanh toán số tiền chưa đúng trong giải phóng mặt bằng là 123.000.000đ

*** Về cá nhân:** Đã xử lý kỷ luật 3 cán bộ xã vi phạm trong quản lý kinh tế và 1 hiệu trưởng - trường phổ thông trung học cơ sở.

Đạt được những kết quả trên trong cộng tác giải quyết KNTC của huyện, 6 năm huyện đã tập chung chỉ đạo Hội đồng tuyên truyền pháp luật những bộ luật mới, những văn bản sau luật, của Đảng, Nhà nước, đồng thời tập huấn nghiệp vụ cho các ngành về nghiệp vụ công tác tiếp dân và giải quyết KNTC của tỉnh Lào Cai, kết quả được 112 người tham gia học tập, trong đó có thủ trưởng các phòng, ban, chủ tịch UBND xã, thị trấn, cán bộ tư pháp, cán bộ văn phòng và thanh tra nhân dân.

Phân công, phân cấp trách nhiệm giải quyết KNTC đến từng cấp cơ sở, từng phòng, ban, ngành trong huyện, khi có KNTC xảy ra tại cơ sở đơn vị mình, thì chủ tịch UBND xã, thủ trưởng các phòng, ban có trách nhiệm xem xét giải quyết kịp thời, nếu cơ sở nào, phòng ban nào để đơn thư kiếu kiện đông người, điểm nóng thì Chủ tịch UBND xã, thủ trưởng các phòng, ban, ngành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Qui định chế độ thông tin báo cáo từng tháng, quý, 6 tháng đầu năm và 1 năm về UBND huyện (qua Thanh tra) tổng hợp, xã nào, cơ quan nào không chấp hành tốt thì bị trừ vào điểm thi đua hàng năm.

5. Một số khuyết điểm, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong công tác giải quyết KNTC:

a/ Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của huyện trong công tác giải quyết KNTC.

*** Cấp huyện**: Trong những năm qua huyện Bảo Yên được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tương đối lớn. Vì vậy vướng mắc trong đền bù giải phóng mặt bằng thường xuyên xảy ra, việc giải quyết KNTC của nhân dân còn chưa đáp ứng được kịp thời, vì lý do: Chủ các dự án đầu tư cho các công trình thường là Ban Quản lý xây dựng các công trình của tỉnh, việc nhân dân đến khiếu nại việc đền bù, chi trả đến bù, thường huyện phải hẹn ngày để trao đổi với các chủ đầu tư, nên công việc giải phóng mặt bằng huyện không chủ động giải quyết kịp thời.

Các văn bản áp giá đền bù giải phóng mặt bằng của tỉnh chưa đồng bộ, đơn giá còn thấp nhiều so với giá thị trường, nhân dân thường so bì.

Trình độ dân trí thấp, hiểu biết về pháp luật chưa sâu, địa bàn rộng, phức tạp, đi lại khó khăn.

*** Các cấp và các ngành**: Hầu như chưa có phòng tiếp dân riêng, cán bộ cấp xã thường mỗi khoá lại thay đổi, cán bộ tiếp dân cấp xã còn hạn chế về hiểu biết chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nên khi giải thích cho nhân dân chưa thấu tình đạt lý.

b/ Những hạn chế, khuyết điểm chủ yếu trong công tác giải quyết KNTC ở huyện:

- Cán bộ Thanh tra cấp huyện biên chế chưa đủ, tổ tiếp dân của

huyện là những cán bộ kiêm nhiệm, việc kiểm tra đôn đốc cấp dưới thực hiện các quyết định của cấp trên còn chậm.

- Với cấp xã và các ngành, việc thực hiện các quyết định về giải quyết KNTC của cấp trên chưa đúng thời gian qui định, còn để phát sinh những vụ việc đơn giản, chưa làm tốt công tác hoà giải ngay từ khi có phát sinh.

- Trình độ chuyên môn cấp xã chưa cập nhật so với yêu cầu hiện tại.

6. Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, khuyết điểm trong công tác giải quyết KNTC:

a/ Nguyên nhân chủ quan:

- Trong quá trình giải quyết các vụ việc về KNTC của công dân đôi khi chưa thực sự thấu tình đạt lý, thiếu tính khách quan, còn nặng về chủ quan, xác định chưa đúng vấn đề cần giải quyết, chưa theo trình tự các bước giải quyết theo qui định của luật, cán bộ làm công tác tiếp dân dưới cơ sở còn thiếu tính nhậy cảm với công việc.

- Công tác tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức của nhân dân chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

- Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, ở một số nơi chưa đạt kết quả tốt.

b/ Nguyên nhân khách quan:

- Đối với cơ sở: Cán bộ giúp việc làm công tác giải quyết KNTC chủ yếu là kiêm nhiệm và luôn có sự thay đổi theo mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân.

- Chủ tịch UBND xã, thủ trưởng các ngành chưa nhận thức sâu sắc tầm quan trọng về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo qui định của pháp luật.

- Trình độ dân trí chưa đồng đều, nhận thức về chính sách pháp luật chưa toàn diện, một số người còn lợi dụng diễn đàn dân chủ để kiếu kiện sai sự thật, chưa thấy hết trách nhiệm và nghĩa vụ công dân.

- Người đi khiếu kiện không hiểu biết các qui định của luật hoặc cũng có người lợi dụng quyền được khiếu kiện để viết đơn gửi đi các cấp, các ngành.

c/ Một số bài học kinh nghiệm:

- Sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của chính quyền là yếu tố quyết định đi đôi với sự bố trí cán bộ có năng lực, nhiều kinh nghiệm thực tế, giỏi về chuyên môn, tận tuỵ với công việc.

- Ở cấp huyện: Cơ quan Thanh tra là cơ quan chuyên môn để giúp việc cho Chủ tịch UBND huyện giải quyết KNTC, năng nổ nhiệt tình, có kinh nghiệm thực tế và có uy tín trong công tác.

- Nơi nào có sự quan tâm đầy đủ của cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể đề cao vai trò trách nhiệm trong việc giải quyết KNTC của công

dân chỉ hạn chế được đơn thư khiếu nại, ít xảy ra tình hình khiếu kiện của nhân dân.

- Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức của nhân dân, gắn quyền lợi và nghĩa vụ công dân.

- Thường xuyên thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, chủ động giải quyết tốt những phát sinh ngay từ cơ sở không để dây dưa kéo dài.

- Ở cấp xã: Cán bộ tư pháp là người giúp việc cho chủ tịch UBND xã tiếp dân và đề xuất các biện pháp giải quyết KNTC kịp thời.

- Xây dựng và củng cố, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các tổ hoà giải tại thôn bản để giải quyết kịp thời những vướng mắc mâu thuẫn trong nhân dân ngay từ lúc đầu.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền sâu rộng các bộ luật mới, các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để nhân dân hiểu rõ được quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân trong lĩnh vực giải quyết KNTC.

- Củng cố đầu tư trang thiết bị làm việc cho tổ tiếp dân, cán bộ tiếp dân thường xuyên phải học hỏi nghiên cứu các văn bản chỉ thị mới ban hành của Đảng, Nhà nước để đáp ứng được công tác tiếp dân và giải quyết KNTC.

- Nơi nào làm tốt những nội dung trên thì quyền dân chủ của nhân dân ở cấp đó, ngành đó được phát huy tốt.

PHẦN III
PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

I - Phương hướng giải pháp

- Để phục vụ tốt công cuộc đổi mới của đất nước, nhất là trong tình hình hiện nay, đặc biệt là nhằm thực hiện thắng lợi 07 chương trình trọng tâm của tỉnh,7 chương trình phát triển kinh tế của huyện Bảo Yên và làm tốt công tác giải quyết KNTC, cần phải thực hiện những công việc sau:

+ Đối với các cấp đảng ủy, chính quyền địa phương, ban ngành đoàn thể trong huyện. Phải nhận thức rõ về công tác tiếp dân và giải quyết KNTC là công việc gắn liền với sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng là một trong những mục tiêu chính trị của địa phương, làm ổn định tình hình và phát triển kinh tế xã hội trong toàn huyện để khắc phục những tồn tại trong công tác giải quyết KNTC những năm qua, đề nghị UBND các xã, các phòng, ban chuyên môn của huyện phải thường xuyên, kịp thời khi có phát sinh, kết hợp với các cấp, các ngành để xem xét giải quyết, đơn có nội dung phức tạp không để tình trạng đùn đẩy, dây dưa kéo dài, tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác tiếp dân.

- Khi có đơn khiếu nại phát sinh từ địa phương, thì cơ sở có các biện pháp giải quyết dứt điểm ngay tại cơ sở và báo cáo lên trên, đối với đơn tố cáo cán bộ xã, cán bộ công chức, thì huyện tổ chức đoàn kiểm tra giải quyết KNTC để xác minh làm rõ và có kết luận cụ thể.

- Về công tác lãnh đạo, giải quyết của UBND các xã, thủ trưởng các phòng, ban, thường xuyên phải tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ quyền và lợi ích trong công tác KNTC, nơi nào để đơn phát sinh không giải quyết kịp thời, tạo điểm nóng thì nơi đó thủ trưởng phải chịu trách nhiệm với lãnh đạo cấp trên, luân phải thông tin báo cáo kịp thời về tình hình giải quyết KNTC tại cơ sở.

- Củng cố hoàn thiện có đầu tư cho các ban nhân dân ở xã, ngành và các tổ hoà giải.

- Củng cố vật chất trang thiết bị cho các phòng tiếp dân của cơ sở xã, các ban, ngành đoàn thể, niêm iết công khai lịch tiếp công dân tại phòng tiếp dân, cán bộ tiếp dân.

II. Một số kiến nghị đề xuất với tỉnh và Trung ương

- Có chính sách cụ thể về đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân và giải quyết KNTC đối với cơ sở.

- Xem xét nâng cấp tổ tiếp dân thành phòng ban chuyên môn của huyện trong hệ thống quản lý Nhà nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu để hoạt động.

- Hoàn thiện chính sách về áp giá đền bù giải phóng mặt bằng hợp lý, tương xứng với giá cả thị trường từng thời điểm để nhân dân đỡ thiệt thòi, việc đền bù giải phóng mặt bằng các công trình cần được chi trả ngay, không kéo dài để phục vụ ổn định đời sống cho nhân dân.

- Tạo điều kiện làm việc cho tổ tiếp dân của huyện ban hành các văn bản về chế độ đãi ngộ cho tổ tiếp dân của huyện, tăng phụ cấp, đãi ngộ tiền dưỡng liêm hàng tháng.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư và pháp luật về khiếu nại, tố cáo của Ban Chỉ đạo tổng kết 09-CT/TW của Huyện ủy Bảo Yên. Kính mong Ban Chỉ đạo tổng kết 09-CT/TW của tỉnh Lào Cai quan tâm giúp đỡ./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 205-BC/HU, ngày 25 tháng 03 năm 2005
Tổng kết Nghị quyết 10-NQ/TU về việc luân chuyển, tăng cường cán bộ

Thực hiện Kế hoạch số 55 - KH/TU ngày 09/3/2005 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc đánh giá tổng kết Nghị quyết 10 - NQ/TU ngày 04/12/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về công tác luân chuyển tăng cường cán bộ đi cơ sở và đánh giá cán bộ thực hiện chương trình 135/CP. Huyện ủy Bảo Yên xin đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 10 như sau:

I/ Đặc điểm chung của huyện

Huyện Bảo Yên là huyện cửa ngõ của tỉnh Lào Cai có tổng diện tích tự nhiên là 82.090 ha với 16 dân tộc anh em sinh sống. Huyện có 17 xã và 1 thị trấn. Trong đó có 12 xã thuộc diện vùng 3 đặc biệt khó khăn. Đảng bộ huyện có 45 Chi, Đảng bộ trực thuộc với 2.251 đảng viên... Hệ thống chính trị luôn được quan tâm và kiện toàn từ huyện xuống cơ sở và đã phát huy có hiệu quả. An ninh chính trị được giữ vững. Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, kinh tế ngày càng được phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao.

II/ Thực hiện Nghị quyết 10

*** Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:**

1- Đối **với Ban Chỉ đạo luân chuyển**, **tăng cường cán bộ huyện**:

Sau khi có Nghị quyết 10 - NQ/TU ngày 04/12/2001 của Tỉnh ủy Lào Cai. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên đã xây dựng Kế hoạch số 17 - KH/HU ngày 11/01/2002 về việc thực hiện Nghị quyết.

- Huyện đã mở Hội nghị Ban Chỉ đạo mở rộng vào ngày 15/01/2002 để triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết.

- Huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo, thành phần gồm:

+ Đ/c Bí thư Huyện ủy làm Trưởng Ban.

+ Đ/c Phó Bí thư Thường trực làm Phó Ban thường trực.

+ Đ/c Phó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện làm Phó Ban.

+ Đ/c Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng Ban Tổ chức làm Ủy viên.

+ Đ/c Ủy viên Ban Thường vụ - Chủ nhiệm UBKT làm Ủy viên.

+ Đ/c Trưởng phòng TC LĐTBXH làm Ủy viên.

- Ban Chỉ đạo đã xây dựng quy chế hoạt động cho tổ công tác và phân công cho các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo thường xuyên đôn đốc tổ công tác và cán bộ tăng cường thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của tỉnh, của huyện.

- Trong 3 năm qua Ban Chỉ đạo thường xuyên giao ban với tổ công tác và cán bộ tăng cường của tỉnh.

- Tổ công tác mỗi tháng họp 1 kỳ và tổng hợp báo cáo về Ban Chỉ đạo huyện (qua Văn phòng Huyện ủy tổng hợp).

- Đối với 08 đồng chí cán bộ luân chuyển tăng cường của Tỉnh mỗi tháng về báo cáo 1 lần vào ngày 26 hàng tháng.

- Hàng quý Ban Chỉ đạo họp đánh giá các tổ công tác và kiểm tra việc thực hiện quy chế hoạt động của tổ công tác và cán bộ tăng cường.

- Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo cho các tổ công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cơ sở và được thông qua Thường trực Huyện ủy, HĐND - UBND phê duyệt.

- Chỉ đạo cho 08 đồng chí cán bộ tăng cường lập kế hoạch hoạt động.

- Về công tác quản lý cán bộ tăng cường theo Nghị quyết 10 Ban Chỉ đạo giao cho Ban Tổ chức Huyện ủy quản lý 08 đồng chí cán bộ tăng cường của tỉnh. Chế độ báo cáo tháng, quý, năm, 08 đồng chí cán bộ tăng cường trực tiếp về báo cáo Thường trực Huyện ủy và Ban Chỉ đạo. Nhìn chug trong 3 năm thực hiện Nghị quyết, tổ công tác và cán bộ tăng cường của tỉnh duy trì thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy chế đã đề ra.

2- Đối **với tổ công tác và cấp ủy chính quyền cơ sở**:

Huyện đã thành lập 18/18 tổ công tác trong 17 xã và 01 thị trấn.

- Số lượng thành viên tổ công tác gồm có:

Đồng chí Bí thư Đảng ủy xã, thị trấn làm tổ trưởng, riêng 08 tổ công tác của 08 xã có cán bộ tăng cường của Tỉnh thị có 04 đồng chí làm tổ trưởng, 03 đồng chí làm tổ phó, 01 đồng chí tham gia giữ chức vụ chủ chốt của xã làm Phó Chủ tịch UBND (xã Xuân Hòa) còn lại các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy, thủ trưởng, thủ phó các cơ quan, ban, ngành, cán bộ phụ trách địa bàn như thuế, công an, quân sự, cán bộ 135 đều được biên chế vào tổ công tác làm tổ viên.

Ở xã thành viên tổ công tác gồm cán bộ chủ chốt, các ngành, đoàn thể, hiệu trưởng các trường, trạm trưởng y tế xã, 18/18 tổ công tác đã xây dựng được quy chế hoạt động và đã thực hiện tốt chế độ giao ban, họp tổ.

Hàng năm tổ công tác họp đánh giá, phân xếp loại từng đồng chí tổ viên và bỏ phiếu kín phân xếp loại.

Về phân xếp loại cán bộ tăng cường của tỉnh được Ban Chỉ đạo đánh giá hàng năm qua việc phân xếp loại của tổ công tác ở cơ sở

Trong 3 năm qua mối quan hệ giữa tổ công tác, cán bộ tăng cường đối với cấp ủy chính quyền cơ sở là rất tốt được các ngành đánh giá cao và nhân dân ủng hộ.

III/ Kết quả thực hiện 7 nhiệm vụ chủ yếu của cán bộ luân chuyển, tăng cường ở cơ sở

1- Thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo:

a- Thực hiện chương trình phát triển kinh tế

Trong 3 năm qua cán bộ tăng cường theo Nghị quyết 10 của Tỉnh đã làm tốt công tác tham mưu cho chính quyền địa phương phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn 08 xã:

- Thực hiện các chương trình dự án đầu tư xây dựng trong 3 năm qua trên địa bàn 08 xã = 123 công trình 51.220.000.000 đồng. Việc giám sát thi công được các ban dự án với cơ quan chức năng thực hiện tốt, không để xảy ra vi phạm, chất lượng công trình mang lại hiệu quả cao thiết thực cho nhân dân.

b- Về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi:

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất:

+ Thâm canh tăng vụ: 40% diện tích.

+ Đưa giống mới: 60% diện tích.

+ Năng suất sản lượng bình quân đạt: 47 tạ/ha.

+ Bình quân lương thực đạt 350 kg/người/năm.

Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả cao. Hiện nay tỷ lệ hộ đói nghèo còn 360 hộ = 8,5%.

2- Ổn định dân cư, chống di dịch cư tự do, không để xảy ra tuyên truyền đạo trái phép, ổn định an ninh chính trị

- Công tác tuyên truyền vận động: Trong 3 năm qua huyện luôn chỉ đạo cho các tổ chức đoàn thể, cơ quan, ban, ngành xuống tuyên truyền tận thôn bản và giao cho các ngành đỡ đầu các thôn, bản khó khăn số liệu di dịch cư qua các năm.

+ Năm 2001: 57 hộ =270 khẩu.

+ Năm 2002: 135 hộ = 612 khẩu.

+ Năm 2003: 32 hộ = 272 khẩu.

+ Năm 2004: 54 hộ = 264 khẩu.

- Tình hình an ninh chính trị luôn được dữ vững và ổn định.

Tổng số vụ vi phạm: 230 vụ.

Tổng số đơn thư khiếu nại: 175 đơn (đã giải quyết).

3- Xây dựng phong trào, chương trình công tác của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh:

- Cán bộ tăng cường xuống cơ sở đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy chính quyền địa phương như: Hàng năm có đăng ký xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh từ đầu năm, tham mưu cho các tổ chức đoàn thể điều chỉnh, chỉnh sửa quy chế hoạt động cho từng năm phù hợp với sự chỉ đạo của cấp trên.

Kết quả cho thấy việc phân xếp loại của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã tăng lên so với các năm và lề lối làm việc đã được nâng lên rõ rệt (có biểu mẫu số 02 kèm theo).

4- Công tác phát triển đảng viên, gắn với xóa thôn, bản, trạm y tế, trường học chưa có đảng viên:

Công tác phát triển đảng được các tổ chức đảng và cán bộ tăng cường chú trọng. Đã xây dựng được kế hoạch phát triển đảng viên gắn với xóa thôn, bản trắng cho từng năm và làm tốt công tác bồi dưỡng quần chúng ưu tú.

Trong 3 năm đã kết nạp được: 205 đồng chí đảng viên.

Xóa được: 15 thôn, bản, 01 trạm y tế, 03 trường học chưa có đảng viên.

Trong công tác phát triển đảng đặc biệt là Chi bộ xã Tân Tiến đã xóa xong đầu mối trắng chưa có đảng viên và đã đưa được Chi bộ xã Tân Tiến lên thành Đảng bộ năm 2002. Hiện nay toàn huyện có 18/18 xã, thị trấn đều là Đảng bộ.

5- Xây dựng đội ngũ cán bộ đảm đương được các chức vụ ở xã:

- Hàng năm huyện chỉ đạo các chi, đảng bộ xây dựng công tác quy hoạch và được Ban Thường vụ Huyện ủy duyệt.

- Công tác quy hoạch nhân sự phục vụ cho bầu cử HĐND 3 cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 vừa qua đã đạt kết quả cao theo đúng với dự kiến.

- Trong những năm qua huyện đã kiện toàn cán bộ đảm đương các chức vụ như:

+ Bí thư: 05 đồng chí.

+ Phó Bí thư: 06 đồng chí.

+ Thường trực Đảng: 04 đồng chí.

+ Chủ tịch UBND: 04 đồng chí.

+ Trưởng, phó các ngành: 24 đồng chí.

6- Công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ:

- Việc quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ huyện thường xuyên rà soát khảo sát chất lượng đội ngũ cán bộ để chỉ đạo cho các cơ quan có kế hoạch cụ thể về công tác đào tạo cho phù hợp với nhiệm vụ và công việc chuyên môn theo từng ngành.

- Công tác quy hoạch nhân sự phục vụ cho Đại hội Đảng các cấp vào quý II năm 2005. Huyện đã chỉ đạo cho cơ sở thực hiện bước một đến nay đã cơ bản hoàn thành. Ban Thường vụ Huyện ủy chuẩn bị duyệt bước I.

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong 3 năm của 08 xã có cán bộ tăng cường của tỉnh, đã cử cán bộ đi đào tạo.

+ Văn hóa: 66 đồng chí.

+ Chuyên môn: 43 đồng chí.

+ Lý luận chính trị: 212 đồng chí.

+ Quản lý nhà nước: 08 đồng chí.

- Bốn chức danh chuyên môn của xã huyện đã bố trí sắp xếp con em các dân tộc đã được đào tạo các trường chuyên nghiệp từ trung cấp đến đại học về đảm nhiệm chức danh chuyên môn đến nay đã đảm bảo ổn định hoạt động tốt có hiệu quả cao.

7- Công tác giáo dục đào tạo, thực hiện cuộc vận động **toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư**

- Công tác giáo dục đào tạo được phát triển theo hướng xã hội hóa, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao cả về chất lượng và số lượng, phương pháp giảng dạy có nhiều đổi mới, đội ngũ giáo viên đã được từng bước chuẩn hóa. Cơ sở vật chất đã được đầu tư xây dựng đặc biệt chú trọng đến chương trình kiên cố hóa trường lớp học:

+ Tỷ lệ học sinh chuyển lớp là: 97,4%.

+ Tỷ lệ học sinh chuyên cần là: 75,2 %.

+ Tỷ lệ trẻ 6 đến 14 tuổi ra lớp là: 97,3 %.

- Công tác thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở: Tổ công tác và cán bộ tăng cường thường xuyên tham mưu chỉ đạo cho cấp ủy cơ sở thực hiện tốt quy chê dân chủ ở cơ sở, trong những năm qua toàn bộ các công trình đầu tư xây dựng đều được đưa xuống thôn, bản bàn bạc thảo luận thống nhất để thực hiện. Đến nay đã có:

+ 144 thôn bản xây dựng được hương ước, quy ước.

+ 12 thôn bản đạt tiêu chuẩn văn hóa.

+ 6.925 gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa.

IV/ Đánh giá chung kết quả hoạt động của cán bộ luận chuyển, tăng cường

1- Ưu điểm:

- Cán bộ của tỉnh, của huyện luân chuyển, tăng cường xuống công tác tại các xã của huyện Bảo Yên đều có lập trường vững vàng, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước. Xác định rõ việc luân chuyển, tăng cường xuống cơ sở là một nhiệm vụ lớn mà Đảng và Nhà nước giao cho. Ngay từ ngày đầu nhận nhiệm vụ các đồng chí tự khắc phục những khó khăn về nơi ăn, chỗ ở ổn định và yên tâm công tác.

- Trong 3 năm qua các đồng chí đã chủ động khảo sát tình hình ở cơ sở và bám sát vào 7 nhiệm vụ chủ yếu của cán bộ tăng cường cơ sở, Nghị quyết của Đảng bộ, chính quyền huyện, xã và quy chế làm việc của tổ công tác để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xã như: Xây dựng các chương trình, kế hoạch làm việc hàng tháng, quý, năm; việc triển khai,

thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh, của Huyện; việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, việc xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở...

- Các đồng chí luôn bán sát cơ sở nắm tình hình mọi mặt từ thôn, bản. Tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân, để từ đó bàn bạc với cấp ủy, chính quyền xã đưa ra biện pháp giải quyết, tháo gỡ.

- Các đồng chí còn tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xã làm tốt công tác nhân sự cho bầu cử HĐND xã năm 2004, công tác nhân sự cấp ủy khóa tới và xây dựng quy hoạch cán bộ để có hướng bố trí các chức vụ chủ chốt và có hướng đào tạo trong thời gian tới.

- Trực tiếp hướng dẫn đội ngũ cán bộ chủ chốt, trưởng các ban, ngành, đoàn thể xã về phương pháp, lề lối làm việc, cách bố trí, giải quyết công việc một cách khoa học, đúng với quy định, hướng dẫn của cấp trên.

2- Tồn tại:

- Tuy nhiên bên cạnh đó cán bộ luân chuyển, tăng cường vẫn còn một số tồn tại như:

+ Một số đồng chí đôi khi còn làm thay các công việc cho cán bộ xã, dẫn đến cán bộ xã hay trông trờ, ỷ lại không chủ động trong công việc.

+ Việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xã chưa được toàn diện, có việc quá đi sâu, có việc còn mang tính phiến diện.

+ Một số đồng chí chưa tích cực xuống thôn bản để nắm bắt tình hình.
+ Thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, 1 số đồng chí chưa thực hiện tốt.

3- **Nguyên nhân đạt được**:

- Do có sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và các ngành, các cấp.

- Do các đồng chí cán bộ luân chuyển, tăng cường có tinh thần trách nhiệm cao không ngại khó, ngại khổ.

- Do có được sự phối kết hợp giữa cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể và tổ công tác thống nhất chặt chẽ.

4- Nguyên nhân tồn tại

- Một số đồng chí quan niệm muốn giải quyết công việc được nhanh, kịp thời và chưa tin tưởng vào trình độ của cán bộ cơ sở.

- Một số đồng chí chưa chịu khó nghiên cứu các văn bản của Đảng, Nhà nước nên việc tham mưu chưa sát với tính chất công việc.

- Do chưa hiểu được phong tục tập quán và tiếng nói của dân tộc thiểu số nên công tác dân vận chưa cao.

5- Những bài học kinh nghiệm và giải pháp:

- Việc bố trí cán bộ luân chuyển, tăng cường xuống cơ sở cần bố trí những đồng chí có trình độ, năng lực, trách tình trạng vừa tăng cường cho

cơ sở vừa phải theo học các lớp chuyên môn, lý luận chính trị.

- Cán bộ luân chuyển, tăng cường xuống cơ sở cần được bố trí vào một chức vụ chủ chốt của xã, có như vậy mới phát huy tính quyết đoán trong giải quyết các công việc.

6- Kết quả đánh giá phân xếp loại:

Căn cứ vào đánh giá phân xếp loại của cơ sở và căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ thực tế của từng cán bộ, huyện Bảo Yên đánh giá kết quả như sau:

- Tổng số cán bộ luân chuyển, tăng cường: 08 đồng chí.
- Hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ: 07 đồng chí.
- Hoàn thành nhiệm vụ: 01 đồng chí

Trong đó hoàn thành xuất sắc tiêu biểu: 01 đồng chí (đ/c Nguyễn Bắc Sơn).

V/ Kế hoạch phương án bố trí cán bộ luân chuyển, tăng cường trong thời gian tới

1- Kế hoạch:

Qua đánh giá phân xếp loại ở trên các đồng chí cán bộ luân chuyển, tăng cường ở huyện Bảo Yên đều đủ điều kiện rút về sau khi tổng kết xong Nghị quyết 10 - NQ/TU.

- *Cụ thể:*

+ Đối với 07 đồng chí luân chuyển, tăng cường ở các xã (Tân Tiến, Tân Dương, Xuân Thượng, Minh Tân, Điện Quan, Kim Sơn, Thượng Hà) có thể rút về khi tổng kết Nghị quyết 10-NQ/TU của tỉnh xong.

+ Riêng đối với đồng chí Tráng A Bảo hiện nay đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã Xuân Hòa đề nghị Ban Chỉ đạo tỉnh xem xét cho để lại đến hết nhiệm kỳ HĐND xã (2004-2009).

2- Phương án bố trí

- Đối với 04 đồng chí là cán bộ các sở, ban, ngành của tỉnh đề nghị tỉnh ra quyết định rút và chuyển về đơn vị công tác trước đây của các đồng chí, xem xét đề bạt bổ nhiệm cho đồng chí có thành tích xuất sắc.

- Đối với 04 đồng chí là cán bộ các phòng, ban của huyện, trước mắt quyết định rút về trở lại đơn vị cũ công tác và xem xét đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm công tác quản lý ở cơ sở để bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý nhất định. Những đồng chí nào chưa qua đào tạo đại học chuyên môn, cao cấp lý luận tiếp tục cử đi đào tạo tiếp vào thời gian tới.

VI/ Hoạt động của cán bộ chương trình 135

1- Đánh giá hoạt động của cán bộ

- Thực hiện Quyết định số 62/1999/QĐ-UB ngày 09/3/1999 của Ủy

ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tăng cường có thời hạn cán bộ công chức về các xã làm công tác xóa đói, giảm nghèo theo chương trình135. Đợt I huyện Bảo Yên đã quyết định cử 10 đồng chí cán bộ, công chức thuộc các phòng ban của huyện để tăng cường cho 10 xã đặc biệt khó khăn gồm (Tân Tiến, Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Tân Dương, Xuân Thượng, Thượng Hà, Minh Tân, Yên Sơn, Điện Quan, Cam Cọn). Đến tháng 10 năm 2002 có quyết định rút 10 đồng chí cán bộ tăng cường 10 xã trên về công tác tại các phòng, ban của huyện.

- Từ cuối năm 2002 trở lại đây được tỉnh ra quyết định tăng cường một số sinh viên các trường đại học mới ra trường tăng cường tiếp cho 12/12 xã đặc biệt khó khăn của huyện, vì yêu cầu công việc, huyện quyết định rút 01 đồng chí (xã Yên Sơn) về Huyện đoàn công tác, 01 đồng chí xã Xuân Thượng tự bỏ địa bàn công tác đến nay còn 10 đồng chí.

- Nói chung cán bộ được tăng cường xuống cơ sở thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo của huyện trong cả 2 đợt đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, đã chủ động lập kế hoạch công tác trong tháng, quý, năm để thực hiện.

- Đã tích cực tham mưu cho UBND xã tổ chức triển khai chương trình xóa đói, giảm nghèo đến tận thôn, bản, hộ gia đình.

- Tham mưu cho chính quyền cơ sở xây dựng các dự án về xây dựng cơ sở hạ tầng theo Quyết định 135/1999/QĐ-TTg thiết thực và hiệu quả, cùng với xã kiểm tra, giám sát chất lượng các công trình thi công trên địa bàn xã.

- Tham mưu cho các trưởng thôn, bản xây dựng các nhóm hộ hợp tác sản xuất, kết hợp với các tổ chức đoàn thể hướng dẫn cách thức làm ăn, thực hiện việc đáp ứng tiến bộ khoa học kỹ thuật sản xuất...

- Tham mưu cho UBND xã lồng ghép các hoạt động có liên quan đến phát triển kinh tế trên địa bàn xã, tập chung nguồn lực cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Tóm lại: Trong 5 năm thực hiện chương trình 135 của huyện Bảo Yên đã thu được những kết quả đáng kể trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội; an ninh quốc phòng đã từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn ở các xã đặc biệt khó khăn như: Hệ thống cơ sở hạ tầng được xây dựng và phát triển, đến nay 12/12 xã đặc biệt khó khăn có đường ô tô đến trung tâm xã, hệ thống đường liên thôn, liên bản được mở rộng, 12/12 xã có trạm y tế, các trường học đã và đang xây dựng theo chương trình kiên cố hóa.

- Đặc biệt có 02/12 xã đặc biệt khó khăn (xã Yên Sơn, Nghĩa Đô) đã hoàn thành mục tiêu cơ bản của chương trình, huyện đang đề nghị tỉnh công nhận.

- Sau 5 năm thực hiện chương trình 135 của huyện kết quả chỉ tiêu đạt được như sau:

+ Cơ sở hạ tầng đạt: 25/40 điểm = 62,5% so với tiêu chí của tỉnh.

+ Điều kiện xã hội đạt: 15/20 điểm = 75% so với tiêu chí của tỉnh.

+ Điều kiện sản xuất: 12,92/20 điểm = 64,6% so với tiêu chí của tỉnh.

+ Điều kiện đời sống: 16/20 điểm = 80% so với tiêu chí của tỉnh. Trong đó về giảm tỷ lệ đói nghèo đạt 90% (có 08 xã đạt 100%).

Đạt được kết quả như vậy là do có sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành sát sao của tất cả các cấp, các ngành và sự phấn đấu tích cực của cán bộ 135 và sự nỗ lực của nhân dân trong huyện đặc biệt là nhân dân trong các xã 135.

2- Kết quả đánh **giá xếp loại cán bộ 135 như sau** *(đối với 10* đồng *chí cán bộ 135 đang tăng cường)*:

- Tổng số: 10 đồng chí.

+ Hoàn thành xuất sắc chức trách nhiệm vụ: 08 đồng chí.

+ Hoàn thành chức trách nhiệm vụ: 02 đồng chí.

3- Phương án bố trí cán bộ 135 trong thời gian tới:

- Vì đa số cán bộ 135 tăng cường đợt II mới được tăng cường xuống cơ sở thời gian công tác ở cơ sở còn ít, nhiều nhất được 2 năm. Vậy nên đề các đồng chí tiếp tục tăng cường cho cơ sở thêm một thời gian nữa.

Trên đây là báo cáo 3 năm thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU của Tỉnh ủy về công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở của huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 210-BC/HU, ngày 24 tháng 05 năm 2005
Kiểm điểm tự phê bình và phê bình của tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên, tỉnh Lào Cai năm 2004, gắn với đánh giá 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai (XII) và Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa XII nhiệm kỳ (2000-2005)

Ban Thường vụ huyện Bảo Yên khóa XII gồm có 11 đồng chí. Đến tháng 4 năm 2005 một đồng chí được Tỉnh ủy thông báo nghỉ chế độ hưu trí, một đồng chí được điều động lên công tác tại HĐND tỉnh. Hiện tại còn 9 đồng chí (việc khuyết 2 đồng chí đã có báo cáo Tỉnh ủy để thực hiện quy trình bầu bổ sung).

Thực hiện Hướng dẫn số 33-HD/TCTW ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Ban Tổ chức Trung ương, Công văn Hướng dẫn số 1964-CV/TU ngày 22 tháng 12 năm 2004 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình năm 2004. Đánh giá 4 năm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ huyện Bảo Yên theo tinh thần Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Lào Cai nhiệm kỳ khóa XII đối với tập thể cấp ủy, tổ chức Đảng và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên kiểm điểm tự phê bình và phê bình với những nội dung sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KIỂM ĐIỂM TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH NĂM 2004

I. Về lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị năm 2004

1. Công tác quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong xây dựng các chương trình, kế hoạch, giải pháp và kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của huyện

Để có bản lĩnh chính trị luôn được vững vàng, thông suốt, công tác học tập các nghị quyết của Trung ương Đảng, các nghị quyết của tỉnh Đảng bộ được tập thể Ban Thường vụ đặt lên hàng đầu. Chính vì vậy các chương trình, kế hoạch, giải pháp để thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn qua từng tháng, quý mà Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra luôn sát với tình hình chung của đất nước, tỉnh, phù hợp với địa phương.

Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy bản lĩnh vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Trung ương và Tỉnh ủy.

Năm 2004 là năm huyện Bảo Yên có nhiều lợi thế, đặc biệt là thực

hiện 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở, trong 2 năm (2003-2004) được nhân dân các dân tộc đón nhận phấn khởi đạt hiệu quả tốt.

Ban Thường vụ Huyện ủy đã họp và ban hành các kết luận, thông báo và một số nghị quyết để tập chung trong lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng chính quyền, đoàn thể, ban ngành trong huyện thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng bộ huyện khóa XII đã đề ra.

- Kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của huyện

Năm 2004, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 25.150 tấn = 104,3% kế hoạch, tăng 4,79% so với cùng kỳ (tăng 1.150 tấn) cơ cấu giống lúa lai, lúa kỹ thuật đạt trên 90% diện tích gieo trồng. Tiếp tục thực hiện dự án xây dựng vùng nguyên liệu chè, trong năm đã trồng mới được 20 ha chè kỹ thuật đạt 100% kế hoạch giao.

Mặc dù đầu năm có một số vùng dịch bệnh xảy ra trên đàn gia súc gia cầm, trên xong đã được chỉ đạo dập tắt kịp thời. So với năm 2003, năm 2004 chăn nuôi gia súc, gia cầm đều tăng: Đàn trâu tăng 3%, đàn bò tăng 3,7%, đàn ngựa tăng 2,2%, đàn lợn tăng 3,1%, đàn gà tăng 2,13%.

Về công tác khoanh nuôi, tái sinh, bảo vệ, chăm sóc rừng đều thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Diện tích trồng mới rừng 130 ha = 100% KH.

Chương trình sắp xếp dân cư gắn với quy hoạch sản xuất được tổ chức triển khai tương đối đồng bộ, tổng số hộ được sắp xếp là 290 hộ = 100% KH với tổng số vốn là 1,45 tỷ đồng.

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cả năm đạt 8,154 tỷ đồng=232,97% KH, tăng 35,9% so với cùng kỳ.

Cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển, đã tiến hành mở mới và nâng cấp các tuyến đường liên xã, liên thôn bản, năm 2004 đã thông xe ô tô đến 18/18 xã, thị trấn trong huyện. Mở mới và nâng cấp đường giao thông nông thôn là 24 tuyến (rộng 4,8 m, dài 47,3 km) = 2,273 tỷ đồng 198% KH, tổng số ngày công nhân dân tham gia đóng góp là 153.700 công.

Các công trình xây dựng cơ bản được chỉ đạo, kiểm tra đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, năm 2004 đã nghiệm thu thanh toán đạt 100% KH.

Về tài chính - tín dụng: Tổng thu ngân sách huyện đạt 48,832 tỷ đồng = 100,7% KH; tổng chi ngân sách huyện đạt 47,965 tỷ = 98% KH.

Các hoạt động tín dụng ngày càng mở rộng, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn trong nhân dân, đặc biệt là bà con nông dân vùng sâu, vùng xa. Trong năm đã có 7.485 hộ thuộc diện chính sách được vay vốn, với tổng số dư nợ đạt 35,495 tỷ đồng, 3.143 lượt hộ vay vốn ngân hàng nông nghiệp với tỷ số dư nợ đạt 62 tỷ đồng.

Về văn hóa xã hội: Công tác giáo dục tiếp tục được phát triển theo hướng xã hội hóa, số học sinh các cấp học đều tăng, chất lượng dạy và học ngày một tốt hơn. Tiếp tục thực hiện việc chuẩn hóa đội ngũ giáo

viên. Trong năm đã đưa vào sử dụng 127 phòng học đủ tiêu chuẩn cho các trường, duy trì phổ cấp trung học cơ sở ở thị trấn Phố Ràng, đề nghị tỉnh công nhận đạt chuẩn phổ cập THCS thêm 2 xã Lương Sơn, Việt Tiến. Kiểm tra và công nhận thêm 7 đơn vị đạt chuẩn phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi, đưa số đơn vị đạt chuẩn phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi trong toàn huyện lên 12 xã, thị trấn và duy trì phổ cập giáo dục tiểu học chống mù chữ ở 18/18 xã, thị trấn trong huyện. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 97% = 100% KH. Tỷ lệ tốt nghiệp các cấp đạt cao: Tiểu học đạt 100%; trung học cơ sở đạt 98,6%; trung học phổ thông đạt 89%. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc trẻ em, tổng hợp các biện pháp đạt 3.999 người = 123,6% KH.

Đã khám và điều trị cho hơn 90.000 lượt người tại trung tâm Y tế huyện và các trạm y tế cơ sở. Làm tốt công tác chính sách xã hội, người có công với nước. Xây dựng các quỹ tình thương, đền ơn đáp nghĩa được đông đảo nhân dân tham gia, ủng hộ.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao, truyền thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu về đời sống văn hóa của nhân dân, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, các ngày lễ lớn trong năm. Bám sát 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở, phát huy nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa được đẩy mạnh trong toàn huyện, đã có 9.572 gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt 102,3% KH, có 75 làng bản và 41 cơ quan, trường học được công nhận là đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Công tác xóa đói giảm nghèo tiếp tục thực hiện có hiệu quả. Trong năm 2003 số hộ nghèo trong huyện còn 773 hộ. Đến nay có 307 hộ thoát nghèo 5,22% giảm 2,51% so với năm 2003.

Tình hình quốc phòng luôn được củng cố và phát triển, an ninh chính trị cơ bản ổn định và giữ vững, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng được củng cố và phát triển chiều sâu. Trong năm số người theo đạo trái phép còn 175 hộ = 1.014 khẩu ở 6 xã và 9 bản.

Tuy nhiên trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, xóa đói giảm nghèo độ bền vững chưa cao, chưa chắc chắn; tệ nạn xã hội nhất là nạn ma túy có chiều hướng gia tăng. Vấn đề di cư tự do, theo đạo tin lành trái phép vẫn còn diễn biến phức tạp.

II. Việc phát hiện, giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc những vụ việc tham nhũng lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ, những khiếu kiện và đơn thư tố cáo của nhân dân

Trong các năm qua, huyện Bảo Yên không có điểm "nóng". Các vụ việc tham nhũng, tiêu cực phải đến mức xử lý kỷ luật không có. Các tổ chức cơ sở Đảng đều hoàn thành nhiệm vụ, luôn giữ vững đoàn kết nội bộ.

Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân luôn được chú trọng, Văn phòng Huyện ủy, HĐND, UBND và các cơ quan chức năng đã có phòng tiếp dân, người được cử tiếp dân có trình độ, năng lực đảm bảo tính dân chủ, công bằng, chu đáo. Năm 2004 đã tiếp được 21 lượt công dân, nhận đơn thư, khiếu nại là 121 đơn. Đã giải quyết được 112 đơn các loại, chủ yếu là các kiến nghị đền bù giải phóng mặt bằng. Nội dung tố cáo chủ yếu về đạo đức của cán bộ vi phạm luật Hôn nhân và Gia đình, cờ bạc.

Đã xử lý kỷ luật, khai trừ ra khỏi Đảng 03 cấp ủy viên cơ sở (01 vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình, 02 đánh bạc). Việc xử lý kỷ luật đảm bảo nghiêm túc, có tính giáo dục, giữ nghiêm kỷ luật Đảng. Nhìn chung công tác an ninh chính trị địa bàn không có vấn đề bức xúc. Xong vẫn còn tiềm ẩn đó là vấn đề tuyên truyền đạo trái phép, di cư tự do, tệ nạn ma túy cần phải có giải pháp tích cực hơn để ngăn chặn kịp thời.

PHẦN THỨ HAI
CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

I. Tính chiến đấu, tinh thần trách nhiệm trong đấu tranh chóng quan liêu, tham nhũng, lãng phí và biểu hiện tiêu cực khác; xây dựng củng cố đoàn kết trong đảng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, những luận điệu phản động, những thông tin sai trái; công tác quản lý cán bộ, đảng viên, công tác tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm và thực hiện chính sách cán bộ:

Ngoài công tác tiếp thu, triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, tỉnh. Ban Thường vụ Huyện ủy chủ động xây dựng các chương trình hành động, chuyên đề, các kế hoạch, giải pháp cụ thể, thể hiện tính khoa học mang tính chiến đấu, được cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc tin tưởng, hưởng ứng đã tạo ra được sự đoàn kết thống nhất cao trong toàn đảng bộ; không có tổ chức Đảng nào không thực hiện Nghị quyết của Đảng, hay đảng viên có tư tưởng đa nguyên đa Đảng, chống đối Đảng.

Trong năm huyện đã kết nạp được 188 đảng viên, đã xóa được 6 thôn bản và đầu mối chưa có đảng viên, đến nay chỉ còn 11 đầu mối chưa có đảng viên. Hồ sơ đảng viên, cán bộ theo phân cấp được quản lý chặt chẽ theo quy định. Tổ chức có nề nếp cho đảng viên tham gia sinh hoạt nơi cư trú. Năm 2004 phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc có 36/45 = 80% cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh; 9/45 = 20% cơ sở Đảng đạt khá, không có chi, đảng bộ nào yếu, kém. Tổ chức thành công các cuộc thi báo cáo viên, tuyên truyền viên, dân vận khéo, bí thư chi bộ...

Triển khai công tác quy hoạch cán bộ theo chỉ đạo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy một cách chính xác, dân chủ, chặt chẽ. Lãnh đạo công tác bầu cử HĐND 3 cấp đạt kết quả tốt. Công tác luân chuyển cán bộ vẫn duy trì ở

8 xã cần tăng cường, trong năm đã làm tốt công tác đề bạt, bổ nhiệm cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý, tập chung đào tạo cán bộ cho thôn bản, xã, ngành huyện kịp thời chuẩn hóa theo yêu cầu.

Chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở được củng cố và hoạt động ngày càng có hiệu quả, qua phân xếp loại năm 2004, 61% chính quyền cơ sở đạt vững mạnh, số còn lại đều được xếp loại khá; Mặt trận và các Đoàn thể đều đạt từ khá trở lên (80-85%).

Tuy nhiên công tác cán bộ còn nhiều bất cập, cán bộ xã, bản trình độ văn hóa còn thấp, có nhiệt tình nhưng thiếu chuyên môn nghiệp vụ, một số phòng ban của huyện còn thiếu cán bộ có trình độ Đại học. Cán bộ trẻ có trình độ, năng lực thì mới bổ sung (1-2 năm) chưa đảm trách được công việc trọng yếu ...

II. Việc đề cao ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nguyên tắc tập chung dân chủ, xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định cấp ủy, tập thể lãnh đạo thực hiện các quy định của đảng, pháp luật của nhà nước

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tiến hành xây dựng quy chế làm việc của mình, hàng năm đều có nghiên cứu bổ sung cho phù hợp; định kỳ hàng tháng đều tiến hành, Hội nghị Ban Thường vụ, hàng quý đều tiến hành hội nghị Ban Chấp hành đảng bộ.

Trong các buổi họp luôn chú trọng kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết hay thông báo phiên họp của Ban Thường vụ lần trước. Năm 2004 Ban Thường vụ Huyện ủy đã tiến hành họp được 18 kỳ. Các vấn đề cần tạo sự thống nhất cao đều được thảo luận dân chủ đảm bảo nguyên tắc tập chung dân chủ. Các quy định, thông báo kết luận đều được gửi tới các đồng chí trong Ban Thường vụ và các đơn vị, ngành hữu quan thực hiện. Năm 2004 Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy đã ban hành 47 thông báo, 01 nghị quyết, 11 kết luận. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ hàng tháng đều dành thời gian nhất định đi công tác cơ sở xã, thôn bản.

Những thông báo, kết luận của Ban Thường vụ đều được UBND huyện, đoàn thể và các ngành hữu quan điều hành kịp thời và có báo cáo kết quả công việc về Thường trực Huyện ủy. Tạo sự lãnh đạo tập chung, thống nhất giữa Đảng với chính quyền, đoàn thể giữa huyện với xã.

III. VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH, VIỆC SỬA CHỮA KHUYẾT ĐIỂM, THIẾU SÓT SAU KHI CÓ KẾT LUẬN CỦA THANH TRA, KIỂM TRA, SAU TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH

Trong năm, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo UBND huyện sau các đợt kiểm tra, thanh tra của cấp trên hay cùng cấp phải tiến hành rút

ra bài học kinh nghiệm kịp thời, đồng thời tiến hành sửa chữa khuyết điểm như: Kiểm tra triển khai việc thực hiện Quy chế dân chủ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, các công trình xây dựng cơ bản, công tác giải phóng mặt bằng ... tạo sự tin tưởng đối với đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện.

Việc triển khai học tập trong Đảng, quần chúng, nhất là vùng sâu, vùng xa có nơi chưa sâu vì vậy việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đám cưới, đám ma còn chưa đúng quy định của Nhà nước, một số vụ vi phạm chưa được xử lý kịp thời.

PHẦN THỨ BA
VỀ GIÁO DỤC RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG

Năm 2004, tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy đã thể hiện rõ lập trường chính trị, giai cấp, không dao động trước diễn biến phức tạp của thế giới, trong nước. Kiên định lập trường mục tiêu lý tưởng của Đảng ta. Giữ gìn và phát huy tốt phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh, trung thực, kỷ luật phát ngôn, không có biểu hiện lợi dụng chức quyền cầu lợi cá nhân. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được phân công, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nâng cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đoàn kết trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành với đảng viên, quần chúng, giữ vững nguyên tắc tập chung dân chủ, không ngừng học tập, tu dưỡng bản thân, để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Gia đình, bản thân các đồng chí Thường vụ tham gia sinh hoạt đầy đủ nơi cư trú, hàng năm đều được cấp ủy, sở tại ghi nhận đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ của người đảng viên, gia đình luôn đạt tiêu chuẩn văn hóa. Việc thực hiện Quy định 19 của Trung ương về điều đảng viên không được làm, qua các năm đều được tiến hành sơ kết. Đến nay, 9 đồng chí Thường vụ không có đồng chí nào vi phạm.

PHẦN THỨ TƯ
ĐÁNH GIÁ 4 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII ĐẢNG BỘ TỈNH VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII ĐẢNG BỘ HUYỆN BẢO YÊN

Thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh. Bám sát 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở và 29 đề án của Tỉnh ủy Lào Cai. Ngay từ đầu năm 2001, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tiến hành xây dựng các kế hoạch, chương trình hành động, qua các năm có điều chỉnh bổ sung kịp thời phù hợp với địa phương, Mỗi đề án đều cử các đồng chí trong Ban Thường vụ trực tiếp làm tổ trưởng. Các giải pháp nêu ra có luận cứ khoa học và thực tiễn chính vì vậy các chỉ tiêu cơ bản về kinh tế, xã hội qua các

năm đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch do Đại hội Đảng bộ huyện khóa XII đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

Về tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt 9,9% = 110% KH, tỷ trọng thương mại, dịch vụ đạt 24,9% = 118% KH. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 25.150 tấn = 104,79% KH giảm tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 1,05% = 161% KH, giảm tỷ lệ đói nghèo xuống còn 5,22% = 210,7% KH, tỷ lệ gia đình văn hóa ở khu dân cư nông thôn: 8.136 hộ = 136% KH. Có vùng nguyên liệu giấy, diện tích 15.000 ha = 187,5% KH. Đã hình thành 5 trung tâm cụm xã: Bảo Hà, Long Khánh, Nghĩa Đô, Điện Quan, Tân Dương. Thông xe ô tô đến 3 xã: Cam Cọn, Kim Sơn, Tân Tiến (đạt 18/18 xã, thị trấn có đường ô tô đến).

Một số chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện đề ra là cho cả nhiệm kỳ, đến năm 2005 kết thúc, vì vậy cần phải tập chung lãnh đạo và đề ra các giải pháp tích cực, chắc chắn sẽ hoàn thành, đó là: GDP bình quân đầu người 3,008 triệu/năm 94% KH; Tỷ trọng nông, lâm nghiệp trong GDP 60,02% 101,6% KH; tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong GDP 15,03% 83,5% KH; độ che phủ rừng 42,93% = 95,4% KH; tỷ lệ người dân được nghe đài tỉnh, trung ương có âm lượng sóng tốt 80%= 88,8% KH; tỷ lệ người dân được xem truyền hình rõ nét 70% 87,5% KH; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 34% 88,2% KH; gia đình văn hóa ở khu vực thị trấn 1.404 hộ = 89,2% KH; chính quyền, đoàn thể vững mạnh 61,5% = 93,8% KH; đảng viên xếp loại I: 73,23% = 86,1% KH.

4 năm qua, công tác xây dựng Đảng luôn được Ban Thường vụ coi trọng trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chính vì vậy công tác xây dựng Đảng luôn được củng cố và phát triển, số chi, đảng bộ trực thuộc đạt tỷ lệ trong sạch vững mạnh qua các năm đều tăng. Đảng viên không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, học tập qua thực tiễn và các trường của Trung ương, tỉnh, huyện. Công tác phát triển Đảng các năm đều tăng về chất và sổ lượng, trong 4 năm đã kết nạp được 595 đảng viên nâng tổng số đảng viên trong huyện lên 2. 234 đồng chí, giảm được 31 đầu mối chưa có đảng viên, đến nay toàn Đảng bộ còn có 11 đầu mối chưa có đảng viên (8 thôn bản, 3 trạm xá).

Việc bố trí cán bộ từ xã đến huyện đã đi vào nề nếp, thực hiện theo đúng quy trình, quy định của trên. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (lần 2) qua các năm đều được củng cố và hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao kỷ luật của Đảng, tinh thần trách nhiệm của cá nhân từng đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú ý đúng mức góp phần quan trọng làm trong sạch nội bộ Đảng.

Trong công tác đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, luân chuyển cán bộ, quy hoạch cán bộ được Ban Thường vụ Huyện ủy đặc biệt quan

tâm, đều được tập thể Ban Thường vụ trực tiếp xây dựng hoặc nghe trình, đảm bảo đúng quy trình, phát huy trí tuệ tập thể, dân chủ và đồng bộ.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở (xã, thôn bản) những năm qua luôn được quan tâm đúng mức, tính từ năm 2001 đến nay (2004) đã có 6.451 lượt người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Riêng Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện là 6.352 lượt người. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đã có nhiều đổi mới cả về nội dung và hình thức, theo hướng tập chung về cơ sở, với phương châm địa bàn thôn bản làm nơi hoạt động. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động, sinh hoạt chính trị luôn đạt được kết quả cao, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương đề ra.

Những khuyết điểm chính qua 4 năm.

- Việc chống truyền đạo trái phép và di cư tự do đã được ngăn chặn và khoanh vùng, nắm chắc các đối tượng cầm đầu, tích cực. Song vẫn còn biểu hiện diễn biến phức tạp, cần có giải pháp tích cực và cụ thể hơn nữa trong công tác vận động thuyết phục bà con.

- Công tác xóa đói giảm nghèo đã có kết quả, song độ bền vững chưa cao. Cần chú ý và có giải pháp cho bà con ở vùng sâu, vùng xa và bà con đã thoát nghèo.

- Công tác cán bộ hiện còn bất cập. Cán bộ nhiệt tình nhưng còn thiếu kiến thức văn hóa và chuyên môn.

- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn huyện bước đầu đã hình thành và chuyển động xong chưa vững chắc. Tỷ trọng các ngành chưa hợp lý. Việc xác định sản xuất hàng hóa mũi nhọn vẫn còn ở mức ý tưởng; cần có giải pháp tích cực tạo phong trào mạnh mẽ hơn nữa về nghề rừng (bao gồm: Khoanh nuôi, bảo vệ, trồng trọt), phục tráng đàn trâu địa phương và vùng cam, quýt (cây có múi) truyền thống, là một huyện có nhiều di tích lịch sử cấp quốc gia, song việc khai thác dịch vụ còn chưa khoa học để tạo nền kinh tế chủ lực khẳng định rõ thế mạnh của huyện cửa ngõ của tỉnh.

Tóm lại.

Trong năm 2004 và 4 năm qua, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XII. Đảng bộ huyện Bảo Yên tuy còn nhiều khó khăn, song tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy với quyết tâm, bằng nội lực của mình, được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các ngành Trung ương, tỉnh giúp đỡ đã đạt được thành tích đáng khích lệ.

Ban Thường vụ Huyện ủy phát huy dân chủ, đoàn kết thống nhất cao, nắm vững nguyên tắc, phát huy trí tuệ từng cá nhân, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Tuy còn có thiết sót, khuyết điểm nhưng có thể khẳng định: Đến nay, Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên đã hoàn thành

tốt vai trò lãnh đạo năm 2004 và 2000 - 2004. Kỳ họp Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 31 kết quả phân xếp loại các đồng chí Thường vụ: Có 04 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 5 đồng chí đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Với kết quả đạt được trong năm 2004 và 4 năm qua, tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy tin tưởng bước sang năm 2005 có nhiều ngày kỷ niệm lớn của Đất nước, năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên không ngừng quyết tâm phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh. Góp phần xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh Lào Cai./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 215-BC/HU, ngày 10 tháng 06 năm 2005
Kết quả việc thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW về việc kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh
---

Thực hiện Công văn số 1243-CV/TCTU ngày 24 tháng 5 năm 2004 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Huyện ủy Bảo Yên báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 44 - CT/TW về việc kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Người như sau:

1. Tình hình chung

Đảng bộ huyện Bảo Yên có 47 chi, đảng bộ cơ sở, trong đó đảng bộ là 22, chi bộ 25 và 175 chi bộ dưới đảng bộ cơ sở với tổng số đảng viên là 2.325 đồng chí.

2. Tổ chức thực hiện

Sau khi có Chỉ thị số 44 - CT/TW ngày 12 tháng 10 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 32 - CT/TW ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai " Về việc kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Người", căn cứ vào tình hình thực tế của Đảng bộ huyện, Huyện ủy Bảo Yên đã xây dựng Kế hoạch số 62 - KH/HU ngày 13 tháng 12 năm 2004 về việc kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh của Đảng bộ. Hướng dẫn cho các tổ chức cơ sở đảng triển khai thực hiện và yêu cầu các tổ chức cơ sở đảng xây dựng kế hoạch kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh của đơn vị mình; đồng thời giao nhiệm vụ cho các đồng chí huyện ủy viên được phân công phụ trách xã giúp triển khai, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức cơ sở đảng thực hiện, thường xuyên chỉ đạo Ban Tổ chức Huyện ủy phân công cán bộ xuống cơ sở để nắm bắt tình hình giúp các thôn bản, trường, trạm chưa có đảng viên tìm nguồn nhân tố tích cực giới thiệu học cảm tình Đảng để phát triển vào Đảng.

- Chỉ đạo Ban Tổ chức Huyện ủy phối kết hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện mở lớp tập huấn cho 45 chi, đảng bộ cơ sở với tổng số 90 đồng chí là Bí thư, Phó bí thư, nội dung tập huấn hướng dẫn cho cơ sở thực hiện thủ tục các bước trong công tác phát triển Đảng như: Khai lý lịch của người vào Đảng, hoàn thiện các biểu mẫu từ khi cho đi học nhận thức về Đảng, kết nạp Đảng và chuyển đảng viên dự bị lên đảng viên chính thức.

- Trên cơ sở kế hoạch đã hướng dẫn, các tổ chức cơ sở Đảng đã triển khai và quán triệt mục đích yêu cầu của đợt kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí

Minh, gắn liền với việc giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống của Người trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt quan tâm đến thế hệ trẻ đoàn viên thanh niên, làm tốt công tác tuyên truyền vận động sâu rộng trong quần chúng, tìm hiểu học tập Điều lệ và nhận thức về Đảng. Từ thực tiễn đó các tổ chức cơ sở Đảng và các đoàn thể quần chúng đã lựa chọn được 181 người ưu tú cho đi học lớp nhận thức về Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển liên tục của Đảng đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay và mai sau.

3. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 44 - CT/TW

Từ khi thực hiện Chỉ thị số 44 CT/TW tính từ (01/11/2004 đến 19/5/2005) Đảng bộ huyện Bảo Yên đã kết nạp được 3 đợt với tổng số 158 quần chúng ưu tú vào Đảng, trong đó đoàn viên thanh niên là 81đ/c, dân tộc ít người 80 đ/c, phụ nữ 52 đ/c.

- Trình chuyên môn: Đại học 7 đ/c, cao đẳng 13 đ/c, trung cấp 15 đ/c và xóa được 6 đầu mối chưa có đảng viên, trong đó gồm: 4 bản, 1 trường, 1 trạm y tế.

Đến nay huyện Bảo Yên còn 6 bản và 2 trạm y tế, huyện phấn đấu đến năm 2006 xóa xong số đầu mối chưa có đảng viên còn lại.

- Tách và thành lập thêm 2 chi bộ trực thuộc Đảng bộ huyện (Chi bộ Tài nguyên - Môi trường, Chi bộ Ban dự án 661) nâng tổng số tổ chức cơ sở Đảng của Đảng bộ từ 45 lên 47 chi, đảng bộ trực thuộc (Có biểu số 2 kèm theo).

4. Đánh giá chung:

Việc thực hiện Chỉ thị số 44 - CT/TW về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 115 ngày sinh của Người, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, các tổ chức cơ sở Đảng đã triển khai sâu rộng tới toàn thể các tổ chức quần chúng, được quần chúng nhân dân hưởng ứng thực hiện. Chỉ trong thời gian ngắn các tổ chức cơ sở Đảng và tổ chức đoàn thể đã giới thiệu được quần chúng ưu tú để theo học tìm hiểu về Đảng và kết nạp vào Đảng so với cùng kỳ năm ngoái tăng 235%. Những đảng viên được kết nạp vào Đảng trong những đợt này có một niềm tin và tự hào về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Bác Hồ vĩ đại. Đặc biệt đối với thế hệ trẻ là đoàn viên thanh niên Hồ Chí Minh chiếm 51%, đảng viên được kết nạp vào Đảng trong những đợt này tăng về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

5. Nguyên nhân đạt được:

Có được kết quả trên là do sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, đặc biệt là sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa cấp ủy huyện và cơ sở.

- Các tổ chức cơ sở Đảng thường xuyên có kế hoạch đào tạo nguồn và tổ chức tốt việc giáo dục bồi dưỡng nhân tố tích cực ở cơ sở, làm tốt công

tác phối kết hợp giữa các Ban Xây dựng Đảng như: Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận - Dân tộc, Trung tâm chính trị huyện trong việc tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng.

**** Một số tồn tại***

- Một số chi, đảng bộ thực hiện công tác phát triển Đảng chưa đồng đều, việc phát triển đảng viên là nữ ở nông thôn còn ít.

- Thực hiện các thủ tục đề nghị đi học cảm tình Đảng, kết nạp đảng viên mới ở một số cơ sở làm còn chậm.

- Việc tuyên truyền, giáo dục tới một số bản vùng sâu, vùng xa hiệu quả còn thấp.

6. Những khó khăn

Việc kết nạp đảng viên ở một số thôn bản chưa có đảng viên còn lại hiện nay ở huyện Bảo Yên gặp nhiều khó khăn, vì đa số là những bản của đồng bào người Mông theo đạo trái pháp luật.

- Kết nạp đảng viên nữ ở nông thôn thực hiện khó vì đa số chị em thường an phận không chịu phấn đấu hoặc vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa **gia** đình, trình độ văn hóa thấp.

7. Đề nghị

Đề nghị tỉnh có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn kết nạp đảng viên là nữ ở nông thôn và kết nạp đảng viên ở những bản có đồng bào theo đạo trái pháp luật.

Trên đây là báo cáo thực hiện Chỉ thị số 44 - CT/TW của Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

BÁO CÁO
ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP LỚP HỒ CHÍ MINH NĂM 2005

	Thực hiện		Tỷ lệ (%) kỳ này so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước	
I.Đảng viên mới kết nạp	158	67	235
Trong đó: + Kết nạp lại			
+ Phụ nữ	52	25	208
+ Dân tộc ít người	80	27	296
+ Tôn giáo			
+ Là đoàn viên TNCS HCM	81	30	270
+ Cán bộ công chức nhà nước	07	07	100
+ Viên chức hoạt động sự nghiệp	44	28	157
+Viên chức kinh doanh			
+ CN, LĐ trong các thành phần kinh tế	05		
+ Nông dân	97	34	285
+ Sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an	05	02	250
+ Sinh viên, học sinh			
II. Phân tích đảng viên mới kết nạp			
1. Tuổi đời: + 18-30	81	30	270
+ 31- 40	47	25	188
+ 41-50	27	12	225
+ 51 trở lên	03		
+ Tuổi bình quân	31,6	32,1	98,4
2. Trình độ học vấn phổ thông:			
+ Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ			
+ Tiểu học	11		
+ Trung học cơ sở	69	11	222
+ Trung học phổ thông	78	36	216

3. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ			
+ CN kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ			
+ Trung học chuyên nghiệp	15	12	125
+ Cao đẳng	13	04	325
+ Đại học	07	02	350
+ Thạc sĩ			
+ Tiến sĩ			
+ Tiến sĩ khoa học			
III. Số đơn vị cơ sở có đến cuối kỳ báo cáo	60	60	100
Chia ra: 1. Số đơn vị cơ sở chưa có TCCSĐ	13	15	86,6
2. Số đơn vị đã có TCCSĐ	97	45	104
Trong đó: + Có kết nạp đảng viên	37	39	94,8
+ Không có quần chúng			

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 217-BC/BCĐ, ngày 01 tháng 07 năm 2005
Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2) của Huyện ủy từ năm 2001 - 2005 và phương hướng tới
---

Thực hiện Chỉ thị số 46 - CT/TW ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của **Đảng**. Để thực hiện tốt hướng dẫn, kế hoạch của tỉnh và huyện về tổ chức Đại hội Đảng các cấp. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) huyện báo cáo sự hoạt động và kết quả công tác Trung ương 6 (2) huyện như sau:

I/ Tổ chức thực hiện:

* *Đặc điểm huyện:* Có 18 xã, thị trấn với 7,2 vạn người, có 16 dân tộc. Đảng bộ huyện có 47 Chi, Đảng bộ với 2.329 đảng viên.

1- Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) huyện:

Có 11 thành viên, đồng chí Phó Bí thư Thường trực làm trưởng ban, đồng chí Thường vụ - Chủ nhiệm UBKT làm phó ban; đồng chí thường vụ - Phó Chủ tịch UBND huyện làm phó ban và các trưởng phó các ngành chức năng làm thành viên.

- Xây dựng được quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2).

2- Triển khai học tập các Chỉ thị, Nghị quyết:

- Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 14-CT/TTg ngày 28/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội, đã triển khai ở Hội nghị Ban Chấp hành (mở rộng).

- Thực hiện pháp lệnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Chỉ thị số 32-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về cải cách nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả, triệt để thực hành tiết kiệm trong việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị. Thông tư số 98 - TT/BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính quy định trang bị, quản lý và sử dụng phương tiện thông tin, điện thoại, fax. Quyết định số 122-QĐ/TTg ngày 10/3/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, tiêu chuẩn, định mức, sử dụng xe ô tô trong cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp Nhà nước.

- Quyết định 208- QĐ/TTg ngày 26/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung quy định về tiêu chuẩn, định mức xử dụng xe ô tô trong cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp Nhà nước. Quyết định số 147-QĐ/TTg ngày 05/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp. Chỉ thị số 29-CT/TTg ngày 30/11/2001 của Thủ tướng Chính

phủvề đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãnh phí. Tất cả các chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước nêu trên đều được quán triệt trong hội nghị Ban Chấp hành (mở rộng) tới Bí thư, Chủ tịch UBND xã, thị trấn, thủ trưởng các cơ quan trên địa bàn huyện.

- Cụ thể ở huyện 2 buổi có 175 lượt người tham gia học tập pháp lệnh về thực hành tiết kiệm; ở xã 40 buổi với 1.250 lượt người tham gia. Học tập về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; ở cấp huyện 4 buổi bằng 320 lượt người; ở xã 250 buổi bằng 31.500 lượt người; khối cơ quan 40 buổi bằng 4.200 lượt người tham gia học tập.

- Cụ thể như năm 2002. Huyện ủy đã triển khai học tập Nghị quyết TW 6 (2) của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) từ huyện đến cơ sở là 1.507/1.705 đồng chí đảng viên học tập bằng 88,4%, còn lại các đồng chí miễn hoãn và già yếu chưa tham gia học tập, riêng đảng viên tham gia học tập đạt 95%. Triển khai thực hiện kế hoạch số 01 + 02 của Trung ương về giải quyết đơn và những điều cấm đảng viên.

3- Đánh giá nhận thắc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác Trung ương 6 (2):

- Năm 2001 và năm 2002 huyện đã có báo cáo riêng về đánh giá thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2). Năm 2003 tổ chức cuộc kiểm tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí (tỉnh kiểm tra huyện làm điểm).

- Năm 2004 là kiểm tra tình hình kê khai nhà đất, cơ sở sản xuất, kinh doanh vủa cán bộ công chức huyện, thuộc cấp ủy huyện quản lý (tỉnh kiểm tra điểm huyện). Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) tỉnh, nay Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) huyện đã kiện toàn kịp thời một số thành viên chuyển công tác và bổ sung cán bộ chuyên trách theo rõi công tác Trung ương 6 (2) của Ban Chỉ đạo, đồng thời xây dựng quy chế và chương trình công tác tới của Ban Chỉ đạo.

II/ Kết quả tổ chức thực hiện

1- Từ triển khai tốt các văn bản về công tác Trung ương 6 (2):

Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đã có nhận thức sâu và thực hiện tốt, cho nên các vụ việc phát sinh là uốn nắm kịp thời và xử lý kiên quyết đối với một số cá nhân, cán bộ đảng viên khi có vi phạm điều lệ Đảng, pháp luật nhà nước như: Có xã thay đổi Bí thư, Chủ tịch (Nghĩa Đô) hoặc 2 phó Chủ tịch UBND xã... (Xuân Hòa, Yên Sơn).

2- Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2) ở một số mặt công tác, đó là:

a- Thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị: Đưa đảng viên công chức ở các cơ quan xung quanh huyện về sinh hoạt khu dân cư là một chủ trương đúng đắn để chống tiêu cực đồng thời thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Huyện có 503/tổng 2.329 đảng viên thuộc 47

Chi, Đảng bộ, qua đó phân xếp loại 6 tháng và 1 năm đều được Chi bộ nơi cư trú nhận xét tốt và gia đình chấp hành tốt hương ước thôn bản.

b- Thực hành tiết kiệm chống lãnh phí: Huyện ủy đã có Quyết định số 996-QĐ/HU ngày 28/7/2003 của Ban Thường vụ huyện về thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra việc "lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí" có 10 thành viên (Phó Bí thư Thường trực làm trưởng ban, Thường vụ - Chủ nhiệm UBKT làm phó ban, Thường vụ - Phó Chủ tịch UBND huyện làm phó ban và các ngành chức năng làm thành viên).

- Kết quả thu hồi qua kiểm tra quyết toán ngân sách hàng năm, cụ thể là:

+ Năm 2001 tổng thu hồi là 709.396 ngàn đồng.

+ Năm 2002 tổng thu hồi là 1.164.011 ngàn đồng, trong đó: Thu qua quyết toán ngân sách là 700 ngàn đồng, thu quyết toán vốn xây dựng cơ bản làn 1.163.311 ngàn đồng.

+ Năm 2003 tổng thu là 707.702 ngàn đồng, trong đó: Thu quyết toán ngân sách là 536 ngàn đồng, thu quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản làn 707.166 ngàn đồng.

+ Năm 2004 tổng thu là 328.056 ngàn đồng, là vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

** Tóm lại*: Trong 5 năm tiết kiệm qua kiểm tra thu hồi quyết toán ngân sách là 2.909.105 ngàn đồng (quyết toán ngân sách 1.236 ngàn đồng và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 2.268.929 ngàn đồng).

* Kiểm tra thực hiện Kế hoạch 01 + 02 của Trung ương: Về giải quyết đơn thư khiếu tố và những quy định đảng viên không được làm; kết quả đến nay qua 5 năm:

- Đã xử lý đơn thư khiếu tố là tiếp nhận 699 đơn thư của công dân, đã xử lý giải quyết xong 689 đơn (98,57%).

- Đảng viên vi phạm (quy định 19 điều đảng viên không được làm) đã xử lý tổng là 13 đảng viên.

* Năm 2004 về kê khai tài sản của cán bộ công chức thuộc huyện quản lý: Đã có kê khai 57/81 đồng chí: Nhà cấp 3 có 31 đồng chí; nhà cấp 4 có 30 đồng chí; về đất là 267.302,9 m, (đất ở 9.371,9 m, đất khác 257.931 m') và 2 trái phiếu có trị giá 100 triệu đồng.

Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, đã có kê khai 27/37 đồng chí: Nhà cấp 3 có 07 đồng chí; nhà cấp 4 là 22 đồng chí. Về đất tổng số 256.313,5m, trong đó: Đất ở 9.762,5 m, đất khác 264,55 m. Về vốn kinh doanh có 2.037.000.000 đồng, còn đối với công chức ở xã, thị trấn chưa kiểm tra để kê khai được.

* Huyện ủy đã chỉ đạo kiểm điểm cấp ủy thực hiện nhiệm vụ giao hàng năm từ huyện đến cơ sở được 263/263 cấp ủy viên, theo tinh thần tự phê bình và phê bình là nghiêm túc.

- Trong 5 năm đã thi hành kỷ luật 23 cấp ủy các cấp.

- Trong 5 năm đã xử lý kỷ luật:

+ Tổ chức Đảng kỷ luật 2 chi bộ (Cục thuế huyện và Chi bộ Kim Quang thuộc Kim Sơn)

+ Kỷ luật 66 đảng viên (khiển trách 22; cảnh cáo 32; cách chức 03; khai trừ 09).

3- Nhận xét đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2) huyện

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2) là nhiệm vụ thường xuyên của công tác xây dựng Đảng bộ huyện, làm tốt đã góp phần cho Đảng bộ huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong các năm. Nhưng đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí là cuộc đấu tranh lâu dài, phức tạp nhằm để tồn tại và phát triển đi lên.

* *Tồn tại*. Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của huyện do kiêm nghiệm nhiều công tác cho nên dành thời gian cho hoạt động *lĩnh* vực này còn hạn chế.

* Đề nghị: Cấp ủy cấp trên là nên có cán bộ chuyên trách theo rõi giúp Ban Chỉ đạo nắm tình hình, tổng hợp để thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2) sẽ có hiệu quả hơn.

4- Những bài học kinh nghiệm

a- Ở Đảng bộ nào cấp ủy quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục và khi có những vi phạm là xử lý nghiêm minh thì đơn vị đó là đạt trong sạch vững mạnh.

b- Thực hiện tốt quy chế dân chủ là dân bàn, dân biết, dân làm và dân kiểm tra, dân hưởng lợi thì mọi phát sinh đều được giải quyết từ cơ cơ là không có phát sinh những nổi cộm và bức xúc.

c- Cấp ủy nào coi công tác thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2) là một trong những công tác lãnh đạo thường xuyên của cấp ủy thì đơn vị đó luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

III/ Phương hướng công tác tới

* Thực hiện chủ trương là phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng chỉnh đốn Đảng là then chốt:

1- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ đảng viên và quần chúng, hiểu sâu rộng về Nghị quyết Trung ương 6 (2) của Trung ương Đảng nhất là thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng trong những năm tới với mục tiêu là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh "gần dân, sát cơ sở" để thực hiện tốt Nghị quyết đề ra.

2- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tới các chương trình, dự án nhất là công tác thu chi ngân sách và xây dựng cơ bản ở các

công trình thuộc địa bàn huyện quản lý, đồng thời phát huy quy chế dân chủ là dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi thì sẽ đạt hiệu quả cao.

3- Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2) huyện tổ chức thực hiện tốt quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo và hàng năm là phải có sơ kết, tổng kết năm; theo sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Tỉnh ủy Lào Cai và Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên.

Trên đây là báo cáo sự hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) của Huyện ủy Bảo Yên từ năm 2001 - 2005 và đề ra phương hướng tới. Kính mong cấp trên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo để Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M Ban Chỉ đạo
CHỦ NHIỆM Ủy BAN KIỂM TRA
PHÓ BAN THƯỜNG TRỰC

Đặng Xuân Thiều

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 229-BC/HU, ngày 16 tháng 08 năm 2005
Tổng kết Đại hội Đảng cơ sở

Thực hiện Chỉ thị số 46 - CT/TW ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 52 - KH/TU ngày 04/01/2005 của tỉnh ủy Lào Cai "Triển khai thực hiện Chỉ thị số 46 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng".

Đảng bộ huyện Bảo Yên đã chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc tiến hành các bước chuẩn bị cho đại hội và tổ chức đại hội đạt được kết quả như sau:

I. **Tình hình chung**

Đảng bộ huyện Bảo Yên có 47 chi, đảng bộ trực thuộc, trong đó có 22 đảng bộ và 25 chi bộ. Loại hình đảng bộ xã, thị trấn có 18 đảng bộ; loại hình chi, đảng bộ khối cơ quan, doanh nghiệp...có 04 đảng bộ và 25 chi bộ với tổng số đảng viên trong toàn đảng bộ là 2.329 đảng viên.

Số cơ sở đảng tổ chức đại hội đại biểu có 03 đảng bộ gồm: Đảng bộ thị trấn Phố Ràng, đảng bộ xã Bảo Hà và đảng bộ xã Xuân Hoà, còn lại 44 chi, đảng bộ tổ chức đại hội toàn thể đảng viên.

II. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức triển khai

- Căn cứ vào Chỉ thị số 46-CT/TW; Hướng dẫn số 37- HD/TCTW và các kế hoạch, hướng dẫn của tỉnh. Đảng bộ huyện Bảo Yên đã xây dựng Kế hoạch số 63 - KH/HU ngày 21/01/2005 "Triển khai thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng" và có Công văn số 886CV/HU ngày 07/3/2005 bổ sung thực hiện Kế hoạch số 63-KH/HU. Xây dựng Kế hoạch số 70-KH/HU ngày 09/5/2005 "Kế hoạch chi tiết tổ chức đại hội đảng bộ huyện và đại hội các chi, đảng bộ trực thuộc".

- Tổ chức hội nghị BCH mở rộng tới toàn thể các đồng chí huyện ủy viên, trưởng, phó các ban xây dựng đảng các đồng chí bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc, phó bí thư, chủ tịch UBND xã, thị trấn, các đồng chí cán bộ tăng cường xuống cơ sở, để triển khai chỉ thị, các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, của huyện về việc chuẩn bị đại hội đảng các cấp.

- Giao cho Ban Tổ chức huyện ủy hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng chuẩn bị công tác nhân sự cấp ủy khoá mới; chuẩn bị các loại mẫu biên bản phục vụ cho đại hội các cơ sở, qua trình đại hội. Ban Tuyên giáo huyện ủy xây dựng kế hoạch và thực hiện việc tuyên truyền đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X; Công an, BQH quân sự huyện

xây dựng kế hoạch về việc bảo vệ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc là thứ X của Đảng.

2. Công tác chuẩn bị nhân sự và báo cáo chính trị của các chi, đảng bộ trực thuộc

- Cấp ủy huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng chuẩn bị công tác nhân sự thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, của Tỉnh ủy Lào Cai quy định như: Xây dựng quy hoạch nhân sự cấp ủy, tiến hành rà soát, lựa chọn theo các bước, tổ chức các hội nghị quân dân chính, hội nghị cán bộ chủ chốt, hội nghị Ban Chấp hành... các hội nghị có đại diện của các ban xây dựng đảng dự để tổ chức lấy ý kiến đóng góp, giới thiệu nhân sự cấp ủy cho khoá tới.

- Các chi, đảng bộ trực thuộc thực hiện việc xây dựng nhân sự cấp ủy một cách dân chủ, công khai từ cơ sở, được toàn thể đảng viên và nhân dân ủng hộ, nhất trí cao. Số cấp ủy được dự kiến xây dựng đảm bảo số lượng, chất lượng, đảm bảo cơ cấu, cấu tạo theo như hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và bảo đảm tính kế thừa.

- Cùng với việc chuẩn bị công tác nhân sự cấp ủy khoá mới. Các chi, đảng bộ chuẩn bị tốt dự thảo báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm cấp ủy gắn với kết quả thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) khoá XIII của Đảng.

- Thực hiện đúng tinh thần hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, Ban Thường vụ huyện ủy đã xây dựng lịch duyệt và tiến hành duyệt báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm cấp ủy và đề án nhân sự cấp ủy của các chi đảng bộ trước khi tổ chức đại hội đảng ở cơ sở.

- Để cho việc tham gia ý kiến đóng góp vào các dự thảo văn kiện trình đại hội đảng các cấp, huyện ủy đã xây dựng Kế hoạch số 73-KH/HU ngày 27/6/2005 hướng dẫn tham gia và tổng hợp ý kiến đóng góp vào dự thảo văn kiện trình Đại hội XIII đảng bộ tỉnh Lào Cai và báo cáo chính trị đại hội đảng bộ huyện lần thứ XIII và triển khai tới các chi, đảng bộ thực hiện.

III. Kết quả tổ chức đại hội cơ sở

- Sau đại hội điểm của tỉnh ở đảng bộ xã Bản Lầu, huyện Mường Khương từ ngày 12/7/2005, đảng bộ huyện Bảo Yên đã tiến hành đại hội điểm ở 2 đảng bộ: Đảng bộ Công an huyện vào ngày 27 - 28/7/2005 và đảng bộ thị trấn Phố Ràng từ ngày 29 - 30/7/2005, tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm và triển khai đại hội các chi, đảng bộ trực thuộc theo lịch đã xây dựng bắt đầu từ ngày 01/8/2005 và kết thúc vào 26/8/2005. Đồng thời phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành phụ trách cơ sở và các ban xây dựng đảng của huyện ủy trực tiếp xuống chỉ đạo, hướng dẫn về công tác chuẩn bị chương trình đại hội, trang trí... Thực hiện hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và tỉnh ủy quy định về công tác nhân sự trong đại hội, Ban Thường vụ huyện ủy ra Quyết định số 1708-QĐ/HU ngày 18/7/2005 "về việc thành lập tổ

chuyên viên giúp việc thực hiện quy trình giới thiệu bí thư tại các đại hội chi, đảng bộ trực thuộc" gồm 5 đồng chí là phó ban và chuyên viên của các ban xây dựng đảng huyện ủy.

- Các chi, đảng bộ trực thuộc căn cứ vào lịch đại hội chi, đảng bộ cơ sở do Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng đã lần lượt tổ chức đại hội, đến hết ngày 26/8/2005 tất cả 47/47 chi, đảng bộ cơ sở đã tổ chức đại hội đảng xong và thành công tốt đẹp.

Đại hội các chi, đảng bộ được tổ chức nghiêm túc, trang trọng, đúng với thời gian quy định, đảm bảo tiết kiệm không phô trương, lãng phí.

* Về trang trí: 100% các chi, đảng bộ thực hiện tốt về trang trí trong đại hội đúng như quy định của Trung ương, chuẩn bị đầy đủ cờ, tượng Bác, ảnh Các Mác - Lê Nin, khẩu hiệu 2 bên cánh gà và băng đài hát quốc ca, quốc tế ca.

* Về quy trình tổ chức đại hội: Các chi, đảng bộ thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung của đại hội theo như quy định của Ban Tổ chức Trung ương.

Đại hội các chi, đảng bộ đã tập chung đánh giá kiểm điểm những mặt đã làm và chưa làm được so với mục tiêu đại hội khoá trước đề ra, chỉ ra được những yếu kém tồn tại, rút ra được bài học kinh nghiệm, đồng thời tập chung thảo luận nhất trí cao việc xây dựng mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới.

Tại đại hội các chi, đảng bộ đã thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đóng góp vào các dự thảo văn kiện trình đại hội đảng các cấp. Đối với dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cơ bản các đồng chí đảng viên nhất trí như dự thảo, có một số ý kiến tham gia về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, về vấn đề tham nhũng và đấu tranh chống tham nhũng... Đối với dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIII và dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện lần thứ XIII, đại hội các chi, đảng bộ đã tham gia đóng góp một số ý kiến về chỉ tiêu nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới.

Tại đại hội các chi, đảng bộ đã bầu ra được cấp ủy khoá mới, bầu các chức danh bí thư, phó bí thư, UBKT, chủ nhiệm UBKT và bầu đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XIII.

**** Kết quả cụ thể***

1. Kết quả bầu cấp ủy khoá mới

- Tổng số cấp ủy viên cơ sở của toàn đảng bộ huyện là 257 đồng chí. Trong đó:

+ Nữ: 54 đồng chí = 17,5%

+ Dân tộc: 26 đồng chí = 10,11%

- Độ tuổi:

+ Dưới 35 tuổi: 156 đồng chí = 60,7%

+ Từ 36 - 45 tuổi: 140 đồng chí = 54,47%

+ Từ 46 - 55 tuổi: 89 đồng chí = 34,63%

+ Từ 56 - 60 tuổi: 02 đồng chí = 0,77%

- Trình độ văn hoá:

+ Tiểu học: 11 đồng chí = 4,28%

+ Trung học cơ sở: 120 đồng chí = 46,6%

+ Trung học phổ thông: 126 đồng chí =49,0%.

- Trình độ chuyên môn:

+ Sơ cấp: 17 đồng chí =6,6%

+ Trung cấp: 43 đồng chí = 16,7%

+ Cao Đẳng: 08 đồng chí = 3,1%

+ Đại học: 63 đồng chí = 24,5%.

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Sơ cấp: 35 đồng chí = 13,6%

+ Trung cấp: 135 đồng chí = 52,5%

+ Cao cấp, cử nhân: 12 đồng chí = 4,6%.

- Cấp ủy viên của 18 đảng bộ xã, thị trấn: Tổng số cấp ủy viên: 172 đồng chí. Trong đó: + Nữ: 26 đồng chí = 15,1%

+Dân tộc: 132 đồng chí =76,7%

- Độ tuổi:

+ Dưới 35 tuổi: 18 đồng chí = 10,46%

+ Từ 36 - 45 tuổi: 94 đồng chí = 54,65%

+ Từ 46 - 55 tuổi: 58 đồng chí = 33,72%

+ Từ 56 - 60 tuổi: 02 đồng chí = 1,16%

- Trình độ văn hoá.

+ Tiểu học: 11 đồng chí = 6,3%

+ Trung học cơ sở: 111 đồng chí = 64,5%

+ Trung học phổ thông: 50 đồng chí =29%

- Trình độ chuyên môn:

+ Sơ cấp: 11 đồng chí =6,3%

+ Trung cấp: 27 đồng chí = 15,6%

+ Cao đẳng: 06 đồng chí =3,4%

+ Đại học: 04 đồng chí = 2,3%.

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Sơ cấp: 29 đồng chí = 16,8%

+ Trung cấp: 105 đồng chí=61,0

2. Đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ huyện lần thứ XIII

* Tổng số đại biểu là: 200 đồng chí. Trong đó:

- Đại biểu đương nhiệm: 29 đồng chí

- Đại biểu được bầu: 171 đồng chí.

* Phân tích cơ cấu đại biểu được bầu là 171 đồng chí. Trong đó:

+ Đại biểu nữ: 47 đồng chí = 27,4%

+ Đại biểu dân tộc: 98 đồng chí = 57,3%

- Độ tuổi:

+ Dưới 35 tuổi: 20 đồng chí = 11,6%

+ Từ 36 - 50 tuổi: 114 đồng chí = 66,8%

+ Từ 51 trở lên: 37 đồng chí =21,6%.

- Trình độ văn hoá:

+ Tiểu học: 06 đồng chí = 3,5%

+ Trung học cơ sở: 83 đồng chí = 48,6%

+ Trung học phổ thông: 82 đồng chí=47,9%.

- Trình độ chuyên môn: 10 đồng chí = 5,8%

+ Sơ cấp: 19 đồng chí = 11%

+ Trung cấp: 40 đồng chí = 23,3%

+ Cao đẳng: 32 đồng chí = 18,7%

+ Đại học: 08 đồng chí = 4,6%

- Trình độ lý luận chính trị:

+ Sơ cấp: 08 đồng chí = 4,6%

+ Trung cấp: 84 đồng chí = 49%

+ Cao cấp, cử nhân: 10 đồng chí =5,8%

3. Đánh giá chung

- Thực hiện Chỉ thị 46 - CT/TW ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và hướng dẫn các ban xây dựng đảng Trung ương và của Tỉnh ủy Lào Cai. Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch hướng dẫn chỉ đạo các bước tiến hành chuẩn bị cho đại hội 47 chi, đảng bộ trực thuộc sát thực với tình hình ở địa phương đảm bảo đúng nguyên tắc quy định của cấp trên.Quá trình chuẩn bị và tổ chức đại hội của 47 chi, đảng bộ cơ sở thực hiện nghiêm túc các bước quy định của cấp trên. Quá trình chuẩn bị và tổ chức đại hội của 47 chi, đảng bộ tiến hành đại hội từ 27/7/2005 đến ngày 26/8/2005 xong đại hội đều đạt kết quả thành công tốt đẹp.

- Việc bầu cấp ủy khoá mới và bầu đại biểu đi dự Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XIII tại đại hội các chi, đảng bộ đạt được kết quả tốt; các đồng chí được bầu trúng cử vào cấp ủy khoá mới đúng như dự kiến nhân sự cấp ủy khoá trước xây dựng và được Ban Thường vụ huyện ủy duyệt thông báo, cấp ủy khoá mới là những đảng viên tiêu biểu của đơn vị có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, nhiệt tình trong công tác, có trình độ nhận thức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của chi, đảng bộ trong nhiệm

kỳ mới và được cán bộ, đảng viên, nhân dân tín nhiệm.

- Kết quả bầu cấp ủy của các chi, đảng bộ trực thuộc nhìn chung đảm bảo được tỷ lệ dân tộc, tỷ lệ cấp ủy viên là nữ, tỷ lệ tuổi trẻ... đúng theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương, trình độ văn hoá, chuyên môn và trình độ chính trị khoá này cao hơn khoá trước. Xong còn một số đảng bộ xã tỷ lệ nữ chưa đạt như đảng bộ xã Tân Tiến, Xuân Hoà. Chưa đạt được tỷ lệ tuổi trẻ như đảng bộ xã Long Khánh, xã Kim Sơn, xã Vĩnh Yên, xã Việt Tiến và xã Điện Quan, cá biệt có một đảng bộ xã bầu cấp ủy không trúng phương án một cán bộ chủ chốt.

Tóm lại đại hội đảng ở các chi, đảng bộ cơ sở huyện Bảo Yên đạt được kết quả tốt, các tổ chức cơ sở đảng tổ chức đại hội diễn ra thuận lợi, trật tự an ninh trước, trong và sau đại hội được đảm bảo, các tổ chức cơ sở đảng đã có sự chuẩn bị tốt về mọi mặt như cơ sở vật chất, các loại văn bản... cho đại hội. Những đơn vị thực hiện tốt như đảng bộ thị trấn Phố Ràng, đảng bộ xã Nghĩa Đô, đảng bộ xã Cam Cọn, đảng bộ xã Việt Tiến, đảng bộ xã Bảo Hà, đảng bộ xã Tân Dương, đảng bộ Công an huyện, đảng bộ Quân sự huyện, đảng bộ Lâm trường và đảng bộ cơ quan Huyện ủy...

Trên đây là báo cáo tổng kết Đại hội các chi, đảng bộ cơ sở của Đảng bộ huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Hoàng Ngọc Chuyên

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ

Số 232-BC/BCH, ngày 04 tháng 10 năm 2005

Của Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện khóa XII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện lần thứ XIII

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN BẢO YÊN KHÓA XII (2000 - 2005)

A/ Đặc điểm tình hình

1. Những thuận lợi - khó khăn

Đảng bộ huyện Bảo Yên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện lần thứ XII trong điều kiện có những thuận lợi cơ bản là: Công cuộc đổi mới đất nước ngày càng được đẩy mạnh và thu được nhiều thắng lợi. Đảng, Nhà nước có nhiều chính sách và chủ trương toàn diện về đầu tư phát triển. Tỉnh đề ra 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 29 đề án, kế hoạch và các nghị quyết chuyên đề cùng với cơ chế chính sách mới đã tạo ra động lực, khơi dậy tiềm năng thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện có truyền thống đoàn kết, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Nghị quyết còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, đó là: Điểm xuất phát về kinh tế - xã hội thấp so với mặt bằng chung. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; sản xuất còn ở qui mô nhỏ và phân tán. Hệ thống giao thông thấp kém ảnh hưởng lớn đến việc lưu thông hàng hóa, phát triển dịch vụ - thương mại.

Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho các chương trình, dự án của huyện còn hạn hẹp, ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện kế hoạch đề ra.

Mặt bằng dân trí nhìn chung còn thấp và không đồng đều giữa các vùng. Chất lượng cán bộ và nguồn nhân lực còn nhiều bất cập; đời sống nhân dân ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Hoạt động truyền đạo trái pháp luật và di dịch cư tự do diễn biến phức tạp.

Trong nước giá cả thị trường không ổn định, các tai tệ nạn xã hội còn nhiều bức xúc, khí hậu thời tiết không thuận lợi, xuất hiện một số dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi gây khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

2. Về tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết:

Trên cơ sở nhận định, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, bám sát những định hướng lớn của Trung ương, của Tỉnh, ngay từ đầu nhiệm kỳ

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng chương trình hành động cụ thể. Vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của huyện, đề ra 09 nghị quyết, 73 kế hoạch, 20 chương trình và nhiều chỉ thị để tập chung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Đặc biệt là cụ thể hóa 7 chương trình công tác trọng tâm với 29 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề của tỉnh, lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Mỗi chương trình, đề án đều thành lập Ban Chỉ đạo và phân công từng đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành phụ trách. Đồng thời thành lập tổ công tác củng cố cơ sở ở 18 xã, thị trấn hoạt động theo quy chế phối hợp dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ ; định kỳ 6 tháng, 1 năm Ban Chấp hành Đảng bộ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả đã làm được, chưa làm được, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp thực hiện cho giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã thống nhất về mặt ý chí, phát huy truyền thống đoàn kết, tập chung trí tuệ tập thể, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân, giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đã tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XII đề ra.

B/ Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của nghị quyết đại hội đảng bộ huyện lần thứ XII

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực: Kinh tế tiếp tục phát triển; văn hóa - xã hội có tiến bộ; tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm, đời sống của nhân dân được cải thiện; giữ vững Quốc phòng - An ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn.

V/ về phát triển kinh tế

1- Nông - lâm nghiệp có bước chuyển biến quan trọng, hình thành nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa

- Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn năm 2005 ước đạt 225,93 tỷ đồng, tăng 144,05 tỷ đồng so với năm 2000, vượt mục tiêu đại hội 79,52 tỷ.

- Sản xuất nông nghiệp: Đã tập chung đầu tư cả bề rộng và chiều sâu. Công tác khuyến nông, khuyến lâm và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh. Nhiều giống cây, con có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao được đưa vào sản xuất. Tỷ lệ các giống lúa

mới có năng suất cao đạt 96% diện tích gieo cấy. Diện tích lúa nước năm 2005 là 4.160 ha, tăng 951 ha so với năm 2000, năng suất (ước đạt) 47,23 tạ/ha/vụ tăng 5,78 tạ/ha so với năm 2000. Diện tích ngô (ước) đạt 2.912 ha, tăng 479 ha so với năm 2000, năng suất (ước) đạt 25,58 tạ/ha tăng 9,11 tạ/ha so với năm 2000. Sản lượng lương thực có hạt năm 2005 (ước) đạt 27.748 tấn tăng 8.714 tấn so với năm 2000, tăng trung bình 7,88%/năm; bình quân lương thực tăng từ 270 kg/người năm 2000 lên 367 kg/người năm 2005. Giá trị sản phẩm trồng trọt trên 1 ha canh tác năm 2005 (ước) đạt 12,74 triệu đồng. Đảm bảo được nhu cầu lương thực trên địa bàn và một phần chuyển sang sản phẩm hàng hóa. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của nhà nước, của tỉnh đảm bảo cung ứng kịp thời các loại vật tư nông nghiệp cho nông dân.

- Việc quy hoạch sản xuất được quan tâm, từng bước hình thành phát triển các vùng thâm canh, chuyên canh, vùng sản xuất hàng hóa như vùng chuyên canh lúa ở các xã: Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Xuân Hòa, Việt Tiến, Long Khánh, Lương Sơn. Vùng cây ăn quả tập chung ở các xã: Việt Tiến, Long Khánh, Lương Sơn, Bảo Hà, Thượng Hà, Nghĩa Đô với tổng diện tích 460 ha. Vùng chè theo dự án đạt 350,8 ha, trong đó có 285 ha chè kinh doanh với các giống chè lại chất lượng tốt tập chung ở Thượng Hà, Phố Ràng, Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Yên Sơn. Các loại cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày như: Lạc, đậu tương, khoai, sắn và cây rau màu khác cũng được quan tâm phát triển góp phần làm thay đổi cơ cấu mùa vụ, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác.

- Chăn nuôi góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp, chiếm tỷ trọng 33,6% năm 2005. Chăn nuôi đại gia súc đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Năm 2005 so với năm 2000 tổng đàn trâu đạt 18.430 con, tăng 42%; đàn bò đạt 1.460 con, tăng 89%; đàn lợn đạt 44.815 con, tăng 13%; đàn gia cầm đạt 302.000 con tăng 70% đã cung cấp thực phẩm hàng hóa cho thị trường của địa phương, đồng thời bán ra ngoài tỉnh 14.915 con trâu, bò các loại. Diện tích nuôi trồng thủy sản 175 ha, sản lượng tăng 1,5 lần so với năm 2000, giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy sản đạt 14,4 triệu đồng /1 ha. Thử nghiệm nuôi Tôm càng xanh, cá Rô phi đơn tính đạt kết quả, có khả năng phát triển ra diện rộng vào những năm tiếp theo. Dịch bệnh gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát, không để phát sinh và lây lan.

- Về lâm nghiệp: Đã cơ bản hoàn thành việc giao đất, giao rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, quy hoạch sử dụng đất đai cho các xã, thị trấn trong toàn huyện, thực hiện tốt chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc, phòng chống cháy rừng. Trong 5 năm qua toàn huyện trồng mới ước đạt 3.381 ha, khoanh nuôi ước đạt 4.038 ha, đưa diện tích đất có rừng lên 36.800 ha nâng tỷ lệ độ che phủ rừng từ 35,3% năm 2000 lên 44,3% năm

2005. Đã quy hoạch 5.000 ha vùng nguyên liệu cung cấp cho hai cơ sở sản xuất giấy ở Phố Ràng và Bảo Hà.

- Các loại hình kinh tế phát triển đa dạng như kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư nhân, kinh tế hộ, kinh tế trang trại, đến nay toàn huyện có 25 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân thường xuyên tạo việc làm cho gần một nghìn lao động; có 69 hộ gia đình đang sản xuất theo hướng trang trại, trong đó có 37 hộ thu nhập đạt trên 50 triệu đồng/năm.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn được tăng cường đầu tư, đặc biệt là xây dựng các cơ sở chế biến tạo điều kiện thuận lợi cho tiêu thụ nông lâm sản. Kết quả đạt được từ 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở đã làm thay đổi cơ bản bộ mặt kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân ở khu vực nông thôn. Phương thức canh tác ngày càng đổi mới, tiến bộ, đến nay toàn huyện có 3.312/11.363 hộ nông dân sản xuất giỏi, trong đó có 258 hộ đạt danh hiệu sản xuất giỏi cấp tỉnh.

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đai toàn huyện đến 2010, triển khai thực hiện công tác quy hoạch trung tâm huyện lỵ, trung tâm cụm xã, trung tâm các xã. Thực hiện tốt đề án quy hoạch sản xuất gắn với sắp xếp dân cư trong 2 năm, đã chủ động sắp xếp được 790/1.190 hộ đảm bảo ổn định sản xuất và đời sống đạt 66,38% KH.

- Hạn chế khuyết điểm: Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn còn chậm, sản xuất vẫn trong tình trạng phân tán; sản lượng, giá trị thủ nhập trên 1 đơn vị diện tích canh tác chưa cao; việc nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả còn chậm. Dự án phát triển cây chè, cây ăn quả chưa đạt mục tiêu đề ra, chưa phát huy hết tiềm năng về sản xuất lâm nghiệp, chất lượng các loại rừng chưa cao; việc quản lý, khai thác tài nguyên rừng có nơi chưa theo quy trình gây ảnh hưởng đến chất lượng rừng. Việc thực hiện quy hoạch sản xuất gắn với sắp xếp dân cư chưa đồng bộ. Cơ sở hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư, song vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là vùng sâu, vùng xa. Hoạt động của các doanh nghiệp, các hợp tác xã còn nhỏ lẻ, chưa năng động mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thiếu vốn đầu tư, thiếu lao động kỹ thuật, đội ngũ cán bộ quản lý còn yếu.

2 - Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản được đẩy mạnh và phát triển. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội:

Giá trị sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản năm 2005 ước đạt 60,81tỷ đồng, tăng 41,816 tỷ đồng so với năm 2000. Ngành nghề phát triển đa dạng, trong đó chủ yếu là lĩnh vực sản xuất, chế biến nông - lâm sản, sản xuất khai thác vật liệu xây dựng; các cơ sở chế biến nhỏ, lẻ có chiều hướng thu hẹp dần và hình thành các tổ hợp tác sản xuất có quy mô lớn hơn. Đã hình thành các mô hình sản xuất công nghiệp gắn với chế biến như: Các cơ sở chế biến lâm sản, sản xuất giấy

đế, sản xuất bột giấy, chế biến chè, chế biến tinh bột sắn, chế biến thức ăn gia súc. Các ngành nghề truyền thống bước đầu được khôi phục. Toàn huyện có 338 cơ sở và hộ gia đình sản xuất tiểu thủ công nghiệp; 02 cơ sở công nghiệp sản xuất giấy ở Bảo Hà và Phố Ràng, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

Công tác quy hoạch xây dựng các công trình đảm bảo đúng tiêu chí quy định, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện trong 5 năm qua đạt 160 tỷ đồng tăng gấp 5 lần so với giai đoạn 1996 - 2000. Trong đó vốn thuộc chương trình 135 là 32,33 tỷ đồng đầu tư xây dựng 314 công trình chủ yếu đầu tư xây dựng các công trình như: giao thông, thủy lợi, cấp nước, điện lưới, trạm xá, trường học... Đã huy động nhân dân đóng góp xây dựng các công trình được 1,128 tỷ đồng.

Đến nay có 14/18 xã, thị trấn trên 50% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia, 70% số hộ có đủ nước sinh hoạt, chủ động tưới tiêu cho 90% diện tích lúa nước. Có 401/818 phòng học được xây dựng từ cấp 4 trở lên; 01 trong 2 phòng khám đa khoa khu vực được xây dựng kiên cố; 16/18 trạm xá, 18/18 điểm Bưu điện văn hóa xã, thị trấn được xây cấp 4.

Chương trình làm đường giao thông nông thôn được triển khai đạt kết quả tốt, nhân dân hưởng ứng tham gia tích cực. Đến nay, 18/18 xã, thị trấn có đường ôtô đến trung tâm trong đó 8/18 xã, thị trấn có đường rải nhựa. 134 km đường liên xã được rải cấp phối. Nâng cấp và mở mới được 230 km đường liên thôn, hiện đã có 231/302 thôn, bản (76,5% số thôn bản) có đường liên thôn, đạt tiêu chí của tỉnh đề ra.

- Hạn chế, khuyết điểm: Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng cơ bản có tăng nhưng chưa đạt yêu cầu, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng cơ bản trong cơ cấu kinh tế của huyện còn thấp - mới đạt 16,05% bằng 96,13% mục tiêu Đại hội đề ra. Công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng có nơi chưa được quan tâm, hiệu quả sử dụng chưa cao.

3 - Về tài chính, thương mại, dịch vụ:

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn hàng năm đều vượt chỉ tiêu trên giao và thu tăng bình quân hàng năm đạt trên 10%. Năm 2005 thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 5,99 tỷ đồng (không tính thu tiền sử dụng đất), tăng 45,4% so với năm 2000, nguồn thu chủ yếu từ khu vực công, thương nghiệp và ngoài quốc doanh. Chi Ngân sách đảm bảo phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các hoạt động tín dụng ngày càng được mở rộng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn trong huyện, đặc biệt là giải quyết khó khăn về vốn đầu tư sản xuất và phát triển kinh tế cho nông dân vùng sâu, vùng xa. Tính đến hết tháng 6 năm 2005, ngân hàng Nông nghiệp và ngân hàng Chính sách xã hội đang cho 12.375 hộ vay với tổng dư nợ 104,44 tỷ đồng.

Hoạt động thương mại - dịch vụ phát triển: Các chợ nông thôn duy trì hoạt động thường xuyên; dịch vụ cung ứng vật tư, hàng hóa được mở rộng đến các xã vùng sâu, vùng xa đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Các hoạt động du lịch từng bước phát triển, đang hình thành các điểm du lịch ở Nghĩa Đô - Phố Ràng - Bảo Hà, bước đầu thu hút được khách trong và ngoài nước.

- **Hạn chế**, **khuyết điểm**: Nguồn thu ngân sách nhà nước trên địa bàn còn hạn hẹp. Kết cấu hạ tầng thương mại - dịch vụ chưa đồng bộ, một số di tích lịch sử chưa được tôn tạo, nâng cấp. Chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu.

II - Về văn hóa - xã hội

1 - Công tác giáo dục và đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng dạy và học được nâng cao:

Năm 2005, có 17/18 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; 11/18 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (vượt mục tiêu Đại hội 3 xã); tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 97,3%. Chất lượng giáo dục được nâng lên, số học sinh khá, giỏi các cấp học hàng năm đều tăng. Trong 5 năm qua có 91 em đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia. Đội ngũ giáo viên ngày càng được chuẩn hóa. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm, hoạt động khuyến học có tiến bộ, các loại hình giáo dục - đào tạo tiếp tục phát huy.

- Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học: Được triển khai thực hiện với sự quan tâm của mọi cấp, mọi ngành, mọi tầng lớp trong xã hội. Hệ thống trường, lớp học được mở rộng. Cơ sở vật chất trường học được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học, không còn tình trạng trường, lớp học 3 ca. Đến nay toàn huyện có 818 phòng học trong đó 50% số phòng được xây dựng kiên cố .

2. Công tác y tế - dân số kế hoạch hóa gia đình và các chương trình y tế quốc gia được tổ chức thực hiện có hiệu quả:

Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, hoạt động đến thôn bản. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân từng bước được nâng cao. 5 năm qua không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm. Hiện nay toàn huyện có 12 bác sỹ, 54 y sỹ, kỹ thuật viên; Trung tâm Y tế huyện được xây dựng kiên cố, có đủ trang, thiết bị khám chữa bệnh, với 80 giường bệnh, 02 phòng khám đa khoa khu vực có bác sỹ, 18/18 xã có trạm Y tế. Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt trên 97%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 40% năm 2000 xuống còn 32% năm 2005. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 2,08% năm 2000 xuống còn 1,6% năm 2005 đạt mục tiêu Đại hội đề ra.

3 - Hoạt động văn hóa xã hội, thông tin thể thao - truyền thanh truyền hình - Bưu chính, viễn thông không ngừng phát triển:

- Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được các tầng lớp nhân dân tham gia, có tác động tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Công tác bảo tồn, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc được chú trọng, góp phần xóa bỏ những tập tục lạc hậu và những văn hóa phẩm độc hại. Đến nay đã xây dựng được 63 nhà văn hóa cộng đồng. Có 35% thôn bản; 70% cơ quan, trường học; 65 % hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển rộng khắp. Một số lễ hội truyền thống được khôi phục và phát huy. Hiện nay toàn huyện có 290 thôn bản có đội văn nghệ, 38 câu lạc bộ thể thao. Thường xuyên tổ chức nhiều giải thi đấu thể thao thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Hàng năm tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng và tham gia thi đấu thể thao ở tỉnh đạt kết quả tốt.

- Công tác truyền thanh - truyền hình không ngừng nâng cao về chất lượng, thời lượng phát sóng. Quan tâm đầu tư và khai thác có hiệu quả các trạm thu phát, phủ sóng vùng lõm. Hiện nay có 70% số hộ được xem truyền hình, 80% số hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam. Công tác tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng đã đáp ứng được nhiệm vụ thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao dân trí, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn - xã hội ở địa phương.

- Hệ thống thông tin liên lạc phát triển nhanh, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của huyện, đến nay có 18/18 xã, thị trấn có thông tin qua hệ thống bưu điện, đạt bình quân 2,3 máy điện thoại/100 dân, 17/17 xã có điểm bưu điện văn hóa xã, 8/18 xã, thị trấn có báo đọc trong ngày. Năm 2003 đã hoàn thành lắp đặt tổng đài điện thoại di động và đưa vào hoạt động, phủ sóng khu vực trung tâm huyện.

4 - Công tác thực hiện chính sách xã hội được quan tâm:

- Hoàn thành tốt việc chi trả chế độ cho người có công, các đối tượng chính sách xã hội. Quan tâm chăm sóc, thăm hỏi động viên Mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng. Các phong trào "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn"... được sự ủng hộ hưởng ứng của cộng đồng với tổng số tiền quyên góp ủng hộ các quỹ được 640 triệu đồng, làm được 19 nhà tình nghĩa, 49 nhà đại đoàn kết, hỗ trợ sửa chữa 70 nhà cho hộ nghèo, hỗ trợ giống, vốn sản xuất, học sinh nghèo vượt khó. Trợ cấp khó khăn, cứu đói, thăm hỏi tặng quà cho hộ nghèo, đối tượng chính sách xã hội là 472 triệu đồng. Góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo có điều kiện

thoát nghèo vươn lên ổn định đời sống. Các vấn đề xã hội được quan tâm đúng mức, công tác phòng ngừa, ngăn chặn tai tệ nạn xã hội được quan tâm. Công tác phòng chống lợi dụng tôn giáo, tuyên truyền đạo trái pháp luật, di dân tự do đạt được một số kết quả.

- Chương trình xóa đói giảm nghèo được xác định là một trong những mục tiêu quan trọng để tập chung các nguồn lực đầu tư: Quá trình tổ chức thực hiện luôn có sự lãnh đạo sát sao cụ thể của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận, các đoàn thể quần chúng. Thực hiện tuyên truyền phổ biến kiến thức, kinh nghiệm làm ăn, hỗ trợ giống, vốn, vật tư, kỹ thuật, tổ chức tập huấn các mô hình canh tác nông lâm kết hợp và tạo điều kiện cho vay vốn tín dụng để các hộ nghèo tự nỗ lực thoát nghèo ổn định đời sống từng bước vươn lên. Bên cạnh đó là các giải pháp về đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn, các chương trình hỗ trợ đối với các hộ nghèo được chú trọng như: hỗ trợ về tấm lợp, dụng cụ chứa nước ăn, cấp thẻ khám chữa bệnh, con em đi học được miễn giảm học phí... Qua đó số hộ nghèo đói giảm từ 22,91% năm 2000 xuống còn 3,9% năm 2005 vượt mục tiêu Đại hội 7,1%. Dự kiến toàn huyện có 4 xã/12 xã vùng III hoàn thành cơ bản các mục tiêu của chương trình 135, đủ điều kiện rút khỏi xã đặc biệt khó khăn.

5 - Hạn chế khuyết điểm của lĩnh vực văn hóa - xã hội là:

Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa xã hội chưa đáp ứng yêu cầu, chất lượng phổ cập giáo dục một số nơi chưa vững chắc. Mạng lưới y tế cơ sở còn thiếu, nhiều trạm Y tế xã chưa có bác sỹ; trang thiết bị phát thanh - truyền hình đang xuống cấp, một số vùng lõm chưa được phủ sóng truyền hình. Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp. Tỷ lệ sinh con thứ 3 có chiều hướng tăng. Tệ nạn xã hội nhất là tệ nạn ma túy còn nhiều bức xúc. Công tác phòng chống lợi dụng tôn giáo, tuyên truyền đạo trái pháp luật và di dân tự do mặc dù có nhiều cố gắng, song vẫn diễn biến phức tạp ở một số địa bàn.

III/ Về quốc phòng - an ninh

1 - Công tác Quân sự, Quốc phòng được thường xuyên củng cố.

Hàng năm thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, huấn luyện quân sự và các cuộc diễn tập, luyện tập như: Tác chiến trị an, phòng chống lụt bão, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, giảm nhẹ thiên tai, phòng chống cháy rừng... Xây dựng khu vực phòng thủ của huyện từng bước vững chắc. Nâng cao chất lượng hoạt động của các lực lượng vũ trang đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và xử lý kịp thời khi có tình huống xảy ra. Hàng năm tổ chức khám tuyển, lựa chọn thanh niên nhập ngũ đảm bảo chất lượng và số lượng, đạt 100% kế hoạch giao.

2 - Công tác an ninh, trật tự được đảm bảo.

Nhận thức về nhiệm vụ xây dựng, củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể và nhân dân được nâng lên.

Phong trào quần chúng bảo vệ An ninh tổ quốc được đẩy mạnh, đấu tranh phòng ngừa có hiệu quả đối với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Trong 5 năm qua đã giải quyết 111 vụ việc liên quan đến an ninh, phát hiện và xử lý 658 vụ việc về trật tự an toàn xã hội.

3 - Công tác tư pháp, tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân:

Được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo, đặc biệt là từ khi thực hiện Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị đã có sự chuyển biến sâu sắc hơn. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật được chú trọng. Chất lượng điều tra, truy tố được nâng cao, công tác xét xử đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09-NQ/TW của Ban Bí thư về công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, khắc phục tình trạng khiếu kiện kéo dài và vượt cấp. Trong 5 năm qua tiếp nhận 699 đơn thư của công dân, đã xem xét giải quyết xong 689 đơn (đạt 98,57%).

- Hạn chế - khuyết điểm: Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật chưa sâu rộng, nhận thức về pháp luật trong nhân dân còn hạn chế. Công tác đấu tranh chống tội phạm, tai tệ nạn xã hội đã có nhiều cố gắng song hiệu quả chưa cao.

IV. Công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được củng cố, tăng cường. Đội ngũ cán bộ được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực lãnh đạo, điều hành, cơ cấu thành phần cán bộ ngày càng hợp lý. Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể được đổi mới hướng về cơ sở đem lại hiệu quả tích cực.

1. Công tác xây dựng Đảng

a. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng: Được quan tâm thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Việc quán triệt, học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, giáo dục về tư tưởng Hồ Chí Minh, về truyền thống cách mạng được cụ thể hóa bằng các chương trình hành động và triển khai sâu rộng đến toàn Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong huyện. Các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Tư tưởng Hồ Chí Minh... được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân hưởng ứng. Nội dung và hình thức hoạt động công tác chính trị, tư tưởng được đổi mới, phù hợp từng đối tượng. Đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng được củng cố, kiện toàn, 18/18 xã, thị trấn đã thành lập Ban

Tuyên giáo. Trong 5 năm qua mở được 133 lớp nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ cơ sở với 8.479 lượt học viên.

b. Công tác tổ chức cán bộ:

- Công tác rà soát, quy hoạch cán bộ được triển khai tích cực, đồng bộ đảm bảo dân chủ, thống nhất, xác định rõ tiêu chuẩn cán bộ cho mỗi chức danh quy hoạch theo quy định của Trung ương và của Tỉnh. Trong nhiệm kỳ 2000 - 2005 đã tiến hành thực hiện đánh giá bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị. Tổng số cán bộ lãnh đạo, quản lý được đánh giá, bổ nhiệm 35 đồng chí từ trưởng, phó phòng, ban chuyên môn cấp huyện. Thực hiện nghiêm các bước chuẩn bị nguồn cán bộ cho nhiệm kỳ 2005 - 2010, đội ngũ cán bộ được trẻ hóa, tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ ngày càng tăng.

- Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được chú trọng và gắn với quy hoạch, bố trí sử dụng cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở. Trong 5 năm qua đã cử đi đào tạo 387 cán bộ đương chức, dự nguồn cơ sở và công chức. Trong đó đào tạo chuyên môn 236 đồng chí (Đại học, cao đẳng: 90; Trung cấp: 146); lý luận chính trị 151 đồng chí (Cử nhân: 3; Cao cấp 20; Trung cấp: 128), đào tạo quản lý Nhà nước: 13 đồng chí. Thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ về cơ sở, tỉnh và huyện đã tăng cường 8 đồng chí cho 8 xã và 12 cán bộ cho các xã thuộc Chương trình 135. Tạo điều kiện cho các xã chủ động cử cán bộ đi đào tạo. Qua đó chất lượng, trình độ của đội ngũ cán bộ cấp xã được nâng lên đáng kể: Năm 2005 đã có 83/347 = 24 % cán bộ xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, tăng 16 % so với năm 2000; 38% cán bộ xã có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên tăng 17% so với năm 2000.

- Công tác phát triển Đảng được các cấp ủy Đảng thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Trong 5 năm qua đã kết nạp được 703 đảng viên mới trong đó đảng viên là nữ, dân tộc thiểu số có trình độ học vấn tăng, nâng tổng số đảng viên trong toàn huyện lên 2.358 đồng chí, khắc phục được 41 đầu mối chưa có đảng viên, nâng 1 chi bộ lên đảng bộ (Tân Tiến). Thực hiện chia tách và thành lập mới 48 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, tăng từ 126 chi bộ năm 2000 lên 174 chi bộ năm 2005. Tổ chức trao tặng huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng cho 118 đồng chí, (toàn Đảng bộ đến nay có 231 đảng viên đã được tặng huy hiệu 40, 50 năm tuổi Đảng).

- Các tổ chức cơ sở Đảng đã xây dựng và bổ sung hoàn thiện quy chế hoạt động, chủ động hơn trong vai trò hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở. Nguyên tắc tập chung dân chủ trong sinh hoạt Đảng được thực hiện nghiêm túc, nội dung sinh hoạt Đảng thường xuyên được đổi mới; sinh hoạt Đảng ở nơi cư trú được duy trì và phát huy tác dụng tốt, công tác tự phê bình và phê bình được đẩy mạnh. Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ qua các năm đạt tỷ lệ cao. Số tổ chức cơ sở Đảng đạt

trong sạch vững mạnh 80%, tăng so đầu nhiệm kỳ 5%, khá 20%, không có đơn vị yếu, kém.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm thường xuyên góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng. Công tác đổi thẻ đảng viên được tiến hành nghiêm túc, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng. Qua 4 đợt đổi thẻ, toàn Đảng bộ đã có 2.071 đồng chí đủ điều kiện, tiêu chuẩn đổi thẻ và phát thẻ.

- Các tổ công tác tăng cường cơ sở ở 18/18 xã, thị trấn đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, giúp Ban Thường vụ Huyện ủy nắm bắt và đề ra các chủ trương kịp thời sát tình hình cơ sở, đồng thời tham mưu đề xuất các phương án giúp cấp ủy, chính quyền cơ sở thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ mang lại hiệu quả thiết thực về phát triển kinh tế - xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

c, Công tác kiểm tra Đảng:

- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng chương trình công tác kiểm tra toàn khóa, chỉ đạo cấp ủy các cấp và hệ thống kiểm tra từ huyện đến cơ sở thường xuyên duy trì chế độ kiểm tra tổ chức Đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và 19 điều đảng viên không được làm với phương châm giáo dục, ngăn ngừa là chính.

- Trong nhiệm kỳ đã tiến hành kiểm tra toàn diện đối với 02 đảng bộ. Kiểm tra chuyên đề 11 chi, đảng bộ trực thuộc. Việc phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong sinh hoạt Đảng được thực hiện nghiêm túc.

- Từ năm 2000 - 2005 đã xử lý kỷ luật 66 đảng viên (trong đó khiển trách 22; cảnh cáo 32; cách chức 03; khai trừ 09). Nội dung vi phạm chủ yếu về tư cách đạo đức, mất đoàn kết nội bộ, thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm Luật Hôn nhân gia đình và vi phạm 19 điều đảng viên không được làm. Xử lý kỷ luật 2 tổ chức Đảng do mất đoàn kết, buông lỏng công tác quản lý. Về đơn thư tố cáo, khiếu nại đối với đảng viên, tiếp nhận và giải quyết 31 đơn thư, qua giải quyết đã xử lý kỷ luật 05 cán bộ, Đảng viên. Nội dung chủ yếu là vi phạm về tinh thần trách nhiệm, cố ý làm trái chế độ chính sách và các quy định của Nhà nước, mất đoàn kết nội bộ. Đơn thư khiếu nại về hình thức kỷ luật Đảng tiếp nhận 3 đơn (trong đó một đơn xin rút). Đã giải quyết xong 2 đơn. Kết quả giải quyết: giữ nguyên mức xử lý ban đầu .

* Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa IX) về cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm được thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả. Các biểu hiện lãng phí tài sản công, mất đoàn kết nội bộ được khắc phục. Thực hiện tốt việc kê khai tài sản của cán bộ công chức đúng với quy định của Trung ương.

d, Công tác Dân vận:

Được các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thường xuyên coi trọng. Tích cực đổi mới nội dung, phương pháp vận động quần chúng, cổ vũ động viên hướng dẫn các tầng lớp nhân dân, các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo truyền thống theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết các dân tộc, hăng hái tham gia phong trào thi đua yêu nước như: " Xóa đói, giảm nghèo"; "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và " Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở". góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Công tác dân tộc và tôn giáo: Về tín ngưỡng truyền thống trên địa bàn cơ bản ổn định, nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết gắn bó chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác Dân tộc - Tôn giáo được nâng cao.

e, Hạn chế khuyến điểm của công tác xây dựng Đảng:

Công tác tuyên truyền ở một số thôn bản vùng sâu, vùng xa chất lượng chưa cao. Năng lực lãnh đạo của một số tổ chức cơ sở Đảng chưa ngang tầm nhiệm vụ. Công tác quy hoạch cán bộ ở một số cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu. Kết quả việc thực hiện chuẩn hóa cán bộ cấp xã đạt thấp (đến nay nơi cao nhất mới đạt 60%). Một số hoạt động công tác kiểm tra hiệu quả còn thấp. Công tác phát triển đảng viên gắn với việc xóa thôn bản chưa có Đảng viên còn chậm, đến nay toàn huyện vẫn còn 7 đầu mối chưa có đảng viên (trong đó có 5 thôn, bản và 2 trạm Y tế xã). Chất lượng hoạt động của một số tổ công tác củng cố cơ sở còn hạn chế.

2. Củng cố chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể:

- Hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở thường xuyên được củng cố kiện toàn. Chất lượng hoạt động của HĐND các cấp được nâng lên, đặc biệt sau cuộc bầu cử HĐND 3 cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009. Công tác bầu cử đảm bảo an toàn, dân chủ, đúng luật, cơ cấu và thành phần đại biểu hợp lý. Các Nghị quyết của kỳ họp HĐND các cấp đã bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác giám sát của HĐND các cấp cụ thể thiết thực có kết quả, các ý kiến của cử tri đều được xem xét giải quyết và thông qua trong các kỳ họp. UBND các cấp đã chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý kinh tế - xã hội theo các chương trình đề án, phát huy tiềm năng lợi thế và tích cực tranh thủ sự hỗ trợ của Tỉnh, của Trung ương. Bộ máy các cơ quan nhà nước từ huyện đến cơ sở được sắp xếp củng cố. Cơ chế tuyển dụng cán bộ công chức vào các cơ quan được thực hiện theo hướng chuẩn hóa nhằm nâng cao hiệu quả công tác. Phong

cách và lề lối làm việc của UBND các cấp từng bước được đổi mới, thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần dân chủ, hướng về cơ sở. Phân xếp loại hàng năm: 100% khá trở lên, trong đó vững mạnh 83,3%.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thường xuyên được củng cố, có nhiều hình thức, nội dung hoạt động phong phú theo phương châm gần dân, sát cơ sở. Thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ, triển khai sâu rộng các cuộc vận động, các phong trào, động viên đông đảo đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân hưởng ứng tập chung hướng vào các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa giữ gìn trật tự trị an, kịp thời đấu tranh ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo truyền đạo trái pháp luật, vận động nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh. Kết quả phân xếp loại hàng năm: 90% từ khá trở lên, trong đó 61,1% xuất sắc (vững mạnh).

- Các phong trào do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát động như: Xóa đói giảm nghèo; "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"; "Phụ nữ hai giỏi, giúp nhau làm kinh tế, nuôi con khỏe, dạy con ngoan"; "Nông dân sản xuất giỏi"; "Thanh niên lập nghiệp"; "Tuổi trẻ giữ nước"; "Công nhân thi đua lao động sản xuất giỏi"; "Phát huy truyền thống bộ đội cụ Hồ"; phong trào "Đền ơn đáp nghĩa"; vì người nghèo... đã phát huy tác dụng tích cực góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường củng cố sức mạnh đại đoàn kết toàn dân và mối liên hệ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Hạn chế, khuyết điểm: Cải cách hành chính còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của đời sống xã hội, công tác chỉ đạo điều hành của chính quyền một số cơ sở hiệu quả chưa cao. Công tác vận động quần chúng có nơi còn yếu, phương pháp vận động chưa phù hợp. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở một số cơ sở chậm đổi mới, nội dung sinh hoạt nghèo nàn, thiếu sức thu hút đoàn viên, hội viên và quần chúng. Việc thực hiện Quy chế dân chủ có nơi chưa nghiêm túc.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Với sự đoàn kết thống nhất cao trong Đảng bộ, sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, đúng đắn của Ban Chấp hành trên cơ sở xác định đúng tiềm năng, thế mạnh, những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm của huyện, đặc biệt là bám sát vào chủ trương, định hướng của Tỉnh, Trung ương. Chính quyền nhạy bén năng động sáng tạo trong điều hành, các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong huyện có sự quyết tâm cao, chúng ta đã vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, tạo sự chuyển biến trên

các lĩnh vực kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 12,3%. Năm 2005 so với năm 2000: Giá trị tổng sản phẩm (GDP) đạt 378,76 tỷ đồng; tăng 204,69%; thu nhập bình quân đạt 5,003 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 2 lần; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: tỷ trọng Nông - lâm nghiệp giảm từ 65,68% xuống còn 59,65%, tỷ trọng Công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng từ 15,28% lên 16,05%, tỷ trọng dịch vụ - thương mại tăng từ 18,84% lên 24,3%.

Cơ cấu sản xuất đã từng bước chuyển dịch gắn với thị trường, việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn thu được nhiều kết quả. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn liên tục tăng qua các năm. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả cao, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giảm từ 2,08% năm 2000 xuống còn 1,6% năm 2005.

Văn hóa - xã hội có chuyển biến, chất lượng dạy và học được nâng lên. Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở đạt và vượt mục tiêu đề ra. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm đúng mức. Hoạt động Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ và từng bước được xã hội hóa, bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" được nhân dân tích cực hưởng ứng. Số gia đình, thôn, bản, cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa ngày càng tăng.

Quốc phòng - an ninh được củng cố tăng cường. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định và giữ vững, tinh thần cảnh giác đấu tranh làm thất bại âm mưu "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch được đề cao. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được chú trọng kịp thời.

Hệ thống chính trị được củng cố, chất lượng hoạt động và năng lực lãnh đạo điều hành của các cấp được nâng lên. Phong cách lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy từ huyện đến cơ sở từng bước được đổi mới theo hướng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phát huy trí tuệ tập thể và tính chủ động sáng tạo của mỗi cá nhân. Công tác quy hoạch đào tạo bồi dưỡng gắn với bố trí sử dụng cán bộ theo hướng ngày càng chuẩn hóa. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở được nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và năng lực công tác. Thực hiện tốt công tác luân chuyển và tăng cường cán bộ

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể hoạt động tập chung hướng về cơ sở, nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Những kết quả trên khẳng định quan điểm chỉ đạo, chủ trương và các

giải pháp trong nhiệm kỳ qua là đúng đắn, phù hợp, là tiền đề quan trọng, mở ra hướng phát triển mới cho giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, trong nhiệm kỳ 2000 - 2005 còn một số mặt khuyết điểm, yếu kém đó là:

Kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa còn chậm. Chưa tạo ra được những sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mũi nhọn có sức cạnh tranh. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP chưa đạt mục tiêu Đại hội. Công tác xóa đói, giảm nghèo gắn với sắp xếp ổn định dân cư chưa đồng bộ, nguy cơ tái nghèo cao. Nguồn lực chưa đáp ứng được yêu cầu sự phát triển. Một số nơi tình trạng lợi dụng tôn giáo, hoạt động đạo trái phép và di dịch cư tự do vẫn xảy ra.

Năng lực lãnh đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở trong việc cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Phương thức và lề lối làm việc chậm đổi mới, thiếu khoa học, còn ỷ lại vào sự giúp đỡ của cấp trên, công tác phát triển Đảng ở các thôn, bản, đầu mối chưa có đảng viên đã có nhiều cố gắng song còn chậm.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở một số nơi chưa làm tốt chức năng giám sát hoạt động của chính quyền, tham gia ý kiến xây dựng Đảng, góp ý cho cán bộ, đảng viên. Công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ ở các xã còn gặp nhiều khó khăn.

*** Nguyên nhân cơ bản của những thành tựu đã đạt được:**

+ Nguyên nhân khách quan: Đường lối đổi mới của Đảng tiếp tục được bổ sung và được Nhà nước cụ thể hóa bằng các chính sách mới, đặc biệt là chính sách tăng cường đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tỉnh Lào Cai có nhiều chủ trương, chính sách thu hút và đầu tư phát triển toàn diện, đặc biệt là 7 chương trình công tác trọng tâm với 29 đề án, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề, đồng thời được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, ban, ngành trong tỉnh ủng hộ, giúp đỡ một cách thiết thực, có hiệu quả.

+ Nguyên nhân chủ quan:

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xác định đúng cơ cấu kinh tế nhằm khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của huyện bám sát 7 chương trình công tác trọng tâm của tỉnh, sớm cụ thể hóa, xây dựng thành 7 chương trình trọng tâm của huyện. Hàng năm có bổ sung điều chỉnh kịp thời, phù hợp với địa phương.

Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện luôn đoàn kết, thống nhất cao, thực hiện tốt nguyên tắc tập chung dân chủ, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, cụ thể, kịp thời cùng với sự điều hành năng động, kiên quyết của

chính quyền, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong huyện tạo nên sức mạnh đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

***Nguyên nhân của tồn tại hạn chế, khuyết điểm:**

+ Nguyên nhân khách quan:

- Thời tiết diễn biến thất thường, thiên tai gây nhiều thiệt hại về tài sản làm cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân ở một số nơi gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tốc độ phát triển trên các lĩnh vực.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thấp kém, nguồn nhân lực còn hạn chế, nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Các thế lực thù địch tăng cường thực hiện âm mưu Diễn biến hòa bình như lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, kích động di cư tự do.

+ Nguyên nhân chủ quan:

Việc cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tế ở một số cơ sở còn yếu, chưa đồng bộ, chưa phát huy được thế mạnh của địa phương. Việc dự báo tình hình còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu.

Điểm xuất phát nền kinh tế của huyện thấp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa đồng bộ. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong một bộ phận cán bộ và nhân dân còn nặng nề gây cản trở cho sự phát triển chung.

Nguy cơ tái nghèo cao do số hộ ở mức cận nghèo còn nhiều, lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn. Sự hỗ trợ của cộng đồng đối với những hộ thoát nghèo còn hạn chế. Sự nỗ lực cố gắng, quyết tâm vươn lên xóa đói, giảm nghèo của một bộ phận nhân dân chưa cao.

VII/ Bài học kinh nghiệm

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, từ những thành tựu đạt được và những tồn tại yếu kém có thể rút ra một số bài học như sau:

+ Một là: Trong lãnh đạo, quản lý, điều hành phải quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Sớm cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng bộ thành các chương trình, kế hoạch, đề án phù hợp với cơ chế, chính sách của Nhà nước, của tỉnh và thực tế của huyện. Lựa chọn bước đi phù hợp từng giai đoạn, khai thác có hiệu quả các nguồn lực. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, xác định đúng những lĩnh vực, những khâu đột phá để tập chung chỉ đạo thực hiện, tạo ra chuyển biến một cách toàn diện. Phát huy nội lực và khai thác các thế mạnh của huyện, tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh, của các cấp, các ngành để tạo thế vươn lên.

+ *Hai là*: Phải đổi mới phương thức lãnh đạo, đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập chung dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật, phát huy trí tuệ tập thể và nâng cao trách nhiệm cá nhân, xây dựng được khối đoàn kết trong Đảng và nhân dân, trước hết là trong cấp ủy Đảng và chính quyền. Hướng mạnh về cơ sở theo phương châm sát cơ sở, gần dân, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân, nghe được dân nói, nói cho dân hiểu, làm cho dân tin. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi. Thường xuyên sơ kết, tổng kết thực tiễn và xử lý giải quyết kịp thời các vấn đề mới phát sinh từ cơ sở.

+ *Ba là:* Phải cụ thể hóa cơ chế, chính sách, khai thác tối đa nguồn nội lực, tranh thủ ngoại lực để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ, tích cực, chủ động trong việc mở rộng quan hệ với các tổ chức kinh tế trong và ngoài tỉnh để thúc đẩy sản xuất kinh doanh và tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm. Cần chú trọng đến những nhân tố tích cực, các tập thể, cá nhân điển hình trong các phong trào thi đua, biết chủ động nắm bắt thời cơ tự mình vươn lên trong các lĩnh vực để từ đó nhân ra diện rộng.

+ *Bốn là:* Phải thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng và củng cố hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, nâng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Luôn coi trọng xây dựng sự đoàn kết nhất trí cao trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác phát triển đảng viên.

+ ***Năm*** *là*: Thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp và sử dụng cán bộ hợp lý, đúng năng lực sở trường. Đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA ĐẢNG BỘ NHIỆM KỲ 2005 - 2010

A/ Nhận định tình hình

1- Khả năng và những nhân tố thuận lợi

Thành tựu đạt được trong 5 năm qua và 40 năm xây dựng phát triển của Đảng bộ huyện là tiền đề rất quan trọng để Bảo Yên phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Nhiều chương trình, dự án của Chính phủ và tỉnh đã đầu tư, đặc biệt là 7 chương trình công tác trọng tâm, 29 đề án, các kế hoạch, nghị quyết chuyên đề đã và đang phát huy tác dụng. Là huyện

cửa ngõ của tỉnh, có hệ thống giao thông thuận lợi cho hoạt động dịch vụ - thương mại, phát triển kinh tế hàng hóa. Những tiềm năng, nguồn lực của huyện được khai thác, phát huy hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị từng bước được chuẩn hóa. Cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện có truyền thống đoàn kết, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Trong quá trình đổi mới, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê nin và tử tưởng Hồ Chí Minh. Những thuận lợi trên cho phép chúng ta đẩy mạnh nhịp độ phát triển trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2- Những khó khăn

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa toàn diện, thiếu công nghệ, thiếu vốn đầu tư. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy được cải thiện song chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đội ngũ cán bộ ở một số nơi còn bất cập, trình độ dân trí thấp, một số tập quán còn lạc hậu, tình hình tuyên truyền đạo trái phép và di dịch cư tự do diễn biến phức tạp, tư tưởng trông chờ ỷ lại của một bộ phận nhân dân đang là lực cản ảnh hưởng đến quá trình phát triển. Trong thời gian đầu thực hiện nâng cấp quốc lộ 70 sẽ ảnh hưởng, tác động đến lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế của huyện.

B/ Quan điểm chỉ đạo

- Những kết quả đạt được trong 5 năm qua khẳng định: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII là đúng đắn. Trong giai đoạn 2005 - 2010, tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung nội dung, xây dựng và triển khai các chương trình trọng tâm, trọng điểm có tính đột phá cho từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể trên cơ sở vận dụng sáng tạo những chương trình công tác trọng tâm của tỉnh phù hợp với địa phương đạt hiệu quả thiết thực.

- Tập chung đầu tư phát triển vùng cao, vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng trong huyện, tập chung nguồn lực để xóa đói, giảm nghèo đảm bảo bền vững. Ổn định dân cư, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn theo hướng: Tăng tỷ trọng sản xuất lâm nghiệp, chăn nuôi và dịch vụ, huy động nguồn nội lực, tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, khai thác hiệu quả các lợi thế về du lịch, dịch vụ.

- Chăm lo phát triển nhân lực, tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục - đào tạo. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tạo nguồn bổ sung cán bộ chủ chốt các cấp trong hệ thống chính trị. Tăng cường công tác Quốc phòng - an ninh, giữ vững An ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị trong tình hình mới. Đặc biệt coi trọng nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng.

C/ Mục tiêu tổng quát

Duy trì tốc độ và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế. Chuyển dịch mạnh về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và đầu tư. Trong giai đoạn 2005 - 2010 cơ cấu kinh tế tiếp tục được xác định là: Nông - lâm nghiệp; Công nghiệp - xây dựng; Thương mại - dịch vụ. Tiếp tục thực hiện quy hoạch, xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh và thâm canh tập chung, theo hướng sản xuất hàng hóa, Chú trọng phát triển sản xuất lâm nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với chế biến. Nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng bộ và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

D/ Mục tiêu chủ yếu đến năm 2010

1- Về kinh tế:

- Giá trị tổng sản phẩm GDP (giá hiện hành) năm 2010: 813 tỷ đồng.
- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm: 12%
- Tổng thu nhập GDP bình quân đầu người: 10 triệu/người/năm
- Cơ cấu các ngành kinh tế trong GDP.

+ Nông lâm nghiệp: 50%

+ Dịch vụ thương mại: 29%

+ Công nghiệp xây dựng: 9%

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 31 nghìn tấn
- Giá trị sản phẩm/tha canh tác/năm: 20 triệu đồng

+ Độ tán che phủ rừng: 50%

+ Giá trị sản xuất Công nghiệp - XDCB bản trên địa bàn đạt 171 tỷ đồng.

+ Thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 13,7 tỷ (không tính các khoản thu tăng đột biến như thu tiền sử dụng đất).

2. Về Văn hóa - Xã hội:

Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2007, duy trì bền vững phổ cập tiểu học đúng độ tuổi.

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt trên 98,5%.
- 95% số hộ được nghe đài tiếng nói Việt Nam; 90% số hộ được xem truyền hình;
- Tỷ lệ trạm Y tế xã có bác sỹ: 60%
- Tỷ lệ dân số có đủ nước sinh hoạt: 90%

- Giảm tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên từ 1,6% xuống còn 1,31%

- Tỷ lệ giảm nghèo (theo tiêu chí mới hiện còn 40,23%) năm 2005 xuống còn dưới 20%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 24 - 25%.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo: 15%

- 100% xã, thị trấn có đường rải nhựa và rải đá cấp phối đến trung tâm, trong đó 70% xã, thị trấn có đường rải nhựa.

- Tỷ lệ phòng học kiên cố từ: 80-85%.

- Tỷ lệ đạt tiêu chuẩn văn hóa: 60% thôn, bản; 60% tổ dân phố; 80% hộ gia đình; 90% cơ quan, trường học.

3 - Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị:

- Thôn bản, đầu mối có đảng viên: 100%

- Chi, đảng bộ trực thuộc Đảng bộ huyện đạt TSVM: 85 %

- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ: 90%, trong đó 40% hoàn thành xuất sắc.

- Tỷ lệ tổ chức chính quyền đạt khá trở lên: 100%, trong đó:

+ Xuất sắc: 15%

+ Vững mạnh: 75%

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đạt xuất sắc (VM): 75%

D/ Định hướng, nhiệm vụ phát triển:

I - Phát triển kinh tế:

1. Về nông - lâm nghiệp: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ưu tiên phát triển lâm nghiệp và chăn nuôi đại gia súc là hai khâu đột phá trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2005 - 2010 và các giai đoạn tiếp theo, hình thành rõ nét vùng sản xuất hàng hóa tập chung. Gắn quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu giấy với chế biến; mở rộng vùng chuyên canh chè, gắn sản xuất với chế biến chè. Thực hiện có hiệu quả dự án phát triển vùng cây ăn quả tập chung. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Đảm bảo lương thực tại chỗ và một phần chuyển sang sản phẩm hàng hóa. Ổn định sản xuất và đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo bền vững.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, quy mô hợp lý, đặc biệt chủ trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế rừng, quy hoạch chi tiết các loại rừng trong đó ưu tiên phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển cây bản địa có khả năng sinh thủy, tăng cường bảo vệ, bảo tồn đa dạng hệ sinh thái rừng, nâng cao chất lượng rừng.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là hộ gia đình nông thôn có đất rừng tập chung vào phát triển kinh tế nhằm phát huy và khai thác hiệu quả tiềm năng về đất đai, lao động, giải quyết nhu cầu về công ăn việc làm trong nông thôn hiện nay. Khuyến khích phát triển công

nghiệp chế biến, góp phần quan trọng đây mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất bột giấy Bảo Yên. Quy mô dự án cần khai thác và sử dụng bền vững 15.000 ha rừng nguyên liệu gồm các loại cây luồng, vầu, nứa, keo, bồ đề, bạch đàn, mỡ... trên địa bàn huyện.

Đẩy mạnh việc triển khai, thu hút đầu tư về vốn, kiến thức khoa học kỹ thuật đến từng hộ dân từ các dự án sản xuất nông lâm nghiệp đã có trên địa bàn như: Dự án 661; dự án trồng rừng kinh doanh, chủ yếu ở các xã Thượng Hà, Kim Sơn, Cam Cọn, Việt Tiến, Long Khánh, Lương Sơn, Xuân Hòa, Vĩnh Yên... Tăng cường đầu tư trồng mới, xúc tiến tái sinh, khoanh nuôi có trồng bổ sung và làm giàu rừng hiện có, tận dụng sản phẩm từ rừng làm hàng hóa bán ra thị trường tăng thu nhập nâng cao đời sống cho nhân dân lao động.

Đẩy mạnh phong trào trồng cây nhân dân trên địa bàn toàn huyện với các loại cây lâm nghiệp chủ yếu như luồng, xoan, keo lai, mỡ, bồ đề. Xây dựng và thực hiện các mô hình nông lâm kết hợp có hiệu quả kinh tế và lợi ích bền vững.

Đầu tư xây dựng kết hợp quản lý khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất lâm nghiệp, xây dựng hệ thống đường dân sinh, đường vận chuyển, vận xuất lâm sản. Phấn đấu đến năm 2010 có 41.200 ha diện tích đất lâm nghiệp có rừng, tăng 12,87% so với năm 2005, nâng tỷ lệ tán che phủ rừng lên 50%, tăng 5,4% so với 2005; 80% số hộ có đất rừng được hưởng lợi từ kinh tế rừng.

Đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc và nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, trở thành động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Tập chung phát triển đàn trâu, bò trên toàn huyện, trong đó tập chung ở các xã Thượng Hà, Minh Tân, Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Xuân Hòa, Xuân Thượng, Long Khánh, Bảo Hà, Kim Sơn. Chú trọng tuyển chọn, nâng cao chất lượng đàn trâu, tăng cường biện pháp đảm bảo nguồn thức ăn bằng cách trồng cỏ, chuyển từ chăn nuôi quảng canh sang chăn nuôi bán chăn thả. Phấn đấu đến năm 2010 đàn trâu có từ 24.000 con, đàn bò có từ 3.000 con trở lên (bình quân mỗi hộ gia đình nông thôn có từ 2 con trâu, bò trở lên). Hình thành chợ trâu, bò ở những vùng có điều kiện, mỗi năm xuất bán từ 2.000 - 2.500 con.

Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản lên 200 ha. Phấn đấu đến năm 2010 giá trị sản phẩm đạt 20 triệu/ha ao hồ. Tiếp tục phát triển đàn gia súc, gia cầm đáp ứng được nhu cầu thực phẩm tại chỗ. Tăng cường củng cố mạng lưới thú y, bảo vệ thực vật, chủ động phát hiện phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi cây trồng.

Tiếp tục mở rộng vùng nguyên liệu chè tập chung gắn sản xuất với chế biến chè là một trong những định hướng đẩy mạnh phát triển kinh tế. Phấn đấu đến năm 2010 có 508 ha, trong đó có 400 ha chè kinh doanh, sản lượng đạt trên 3.000 tấn chè búp tươi phục vụ cho dây chuyền chế biến chè tại Phố Ràng và các cơ sở sơ chế chè trong vùng quy hoạch, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, tập chung ở các xã, thị trấn Phố Ràng, Thượng Hà, Minh Tân, Yên Sơn, Lương Sơn, Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Xuân Hòa, Tân Dương.

Chỉ đạo thâm canh, tăng năng suất, tăng vụ trên diện tích canh tác. Áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là giống lúa mới có năng suất và hiệu quả kinh tế cao. Phát triển vùng sản xuất chuyên canh tập chung, tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, mở rộng mạng lưới cung ứng dịch vụ tiêu thụ sản phẩm, thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, tiếp tục phát triển và nâng cao hiệu quả chương trình kiên cố hóa kênh mương. Duy trì vùng lúa hàng hóa ở các xã Nghĩa Đô, Vĩnh Yên, Lương Sơn, Long Khánh, Xuân Hòa, Việt Tiến, Xuân Thượng. Xây dựng vùng chuyên canh ngô ở Thượng Hà, Vĩnh Yên, Xuân Hòa, Bảo Hà, Điện Quan, Kim Sơn. Phấn đấu đến năm 2010 đạt 20 triệu đồng/ha canh tác nông lâm nghiệp. Phát triển vùng cây ăn quả có múi ở xã Việt Tiến, Long Khánh, Lương Sơn, Vĩnh Yên, Nghĩa Đô, Bảo Hà.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy hoạch sản xuất gắn với sắp xếp dân cư, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, tập chung vào đường giao thông liên thôn, thủy lợi, cấp điện, nước sinh hoạt...

2 - Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản

Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, gắn công nghiệp với phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, rà soát, bổ sung đề án phát triển tiểu, thủ công nghiệp giai đoạn 2005 - 2010, quy hoạch khu công nghiệp tập chung thị trấn Phố Ràng, các cụm công nghiệp Bảo Hà, Nghĩa Đô. Tập chung phát triển ngành công nghiệp chế biến lâm sản, sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng. Đẩy mạnh các dự án chế biến thức ăn gia súc, xay xát lương thực, sản xuất tăm hương, cót đan, bao bì chế biến bột giấy, chế biến chè.

Tập chung đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các dự án cho vùng cao, vùng nông thôn còn nhiều khó khăn. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2010 hoàn chỉnh các công trình quy hoạch trung tâm huyện lỵ (như: Chợ, đường, khu văn hóa công viên, khu vực sinh thái...).

Về giao thông phấn đấu đến năm 2010 có 100% số thôn, bản có đường liên thôn, bản; 100% đường đến trung tâm các xã được rải nhựa và rải đá cấp phối chống trơn lầy (trong đó 70% xã, thị trấn có đường nhựa đến trung tâm). Phát triển hệ thống giao thông đường thủy trên địa bàn huyện, quy hoạch xây dựng các bến, bãi đỗ xe trên địa bàn thị trấn và các trung tâm cụm xã.

Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương đảm bảo phục vụ tưới tiêu, chủ động tưới tiêu cho 95% diện tích lúa nước.

Đến năm 2010 phấn đấu 100% các xã có điện lưới quốc gia trong đó trên 60% số hộ nông thôn được sử dụng điện lưới. Quan tâm quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt ở vùng sâu, vùng xa, vùng thiếu nước. Xây dựng quy chế khai thác, quản lý các công trình thủy lợi. Thường xuyên kiểm tra việc duy tu, bảo dưỡng, bảo vệ các công trình xây dựng cơ bản, đặc biệt là các công trình nước.

- Tăng cường bảo vệ và cải thiện môi trường kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với cải thiện môi trường đảm bảo phát triển bền vững, tài nguyên được khai thác hợp lý, đúng quy hoạch, hiệu quả cao. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, rác thải của trung tâm thị trấn Phố Ràng, khu công nghiệp, bệnh viện, làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân và của toàn xã hội đối với việc phòng ngừa ô nhiễm, bảo vệ, cải thiện môi trường.

3. Thương mại - dịch vụ và du lịch

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng 3 trung tâm kinh tế khu vực Thị trấn Phố Ràng, Bảo Hà, Nghĩa Đô để làm đầu mối phục vụ sản xuất, chế biến tiêu thụ nông lâm sản, tạo động lực giúp nông dân nhanh chóng đổi mới phương thức canh tác theo hướng có hiệu quả, cải thiện đời sống, thúc đẩy tiến độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển thương mại - dịch vụ, ưu tiên các khu vực trung tâm kinh tế. Đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch. Phấn đấu các trung tâm kinh tế, cụm xã đều có cửa hàng bách hóa, xăng dầu, vật tư nông nghiệp. Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới chợ đúng tiêu chuẩn trên địa bàn tạo điều kiện tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Riêng trung tâm kinh tế chú trọng đầu tư nâng cấp chợ, xây dựng các cơ sở kinh doanh dịch vụ - thương mại, sản xuất chế biến nông, lâm sản.

- Phát triển mạnh quy mô các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, khuyến khích thành lập mới các loại hình hợp tác xã nâng cao vai trò của kinh tế tập thể đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

- Từng bước làm tốt công tác thông tin, quảng bá, tiếp thị, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, kích thích sản xuất phát triển.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động dịch vụ, du lịch. Hoàn thành dự án tôn tạo thành cổ Nghị Lang ở thị trấn Phố Ràng, tôn tạo và nâng cấp các công trình phụ trợ đền Bảo Hà, đồn Phố Ràng, tiếp tục lập dự án đề nghị công nhận cụm xã di tích lịch sử - văn hóa xã Nghĩa Đô hình thành tuyến du lịch Bảo Hà - Phố Ràng - Nghĩa Đô vào hành trình du lịch "về cội nguồn" giữa ba tỉnh Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ. Tiếp tục đầu tư khai thác các danh lam, thắng cảnh, hình thành các điểm du lịch sinh thái ở các xã: Việt Tiến, Long Khánh, Xuân Thượng, Thượng Hà, Nghĩa Đô, Tân Tiến. Xây dựng và bảo vệ môi trường sinh thái, thu hút khách tham quan, du lịch, tăng thu cho ngân sách địa phương.

4- Về tài chính tiền tệ, tín dụng ngân hàng:

Tập chung thực hiện các giải pháp nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư, khai thác có hiệu quả nguồn thu từ các ngành, lĩnh vực như dịch vụ, khai thác và chế biến nông, lâm sản, sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng. Bố trí, sử dụng các nguồn vốn đầu tư có hiệu quả với phương châm tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát vốn, duy trì việc cấp sổ theo dõi thu cho nhân dân, tăng cường quản lý tiền mặt, đảm bảo yêu cầu chi thường xuyên tại địa phương. Đẩy mạnh công tác tín dụng ngân hàng, đảm bảo huy động vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

II. Về văn hóa - xã hội

Đẩy mạnh phát triển văn hóa xã hội, đưa văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội còn bức xúc.

- Duy trì vững chắc phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên theo Luật Giáo dục. Phấn đấu đến năm 2007 hoàn thành phổ cập trung học cơ sở và duy trì vững chắc trong những năm tiếp theo. Đẩy mạnh sự nghiệp xã hội hóa giáo dục. Làm tốt công tác quy hoạch quĩ đất xây dựng trường lớp, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường, đặc biệt chú trọng đối với các trường được chọn xây dựng trường chuẩn Quốc gia, lựa chọn sắp xếp, bố trí đúng, đủ cán bộ quản lý và giáo viên đạt trình độ chuẩn theo qui định. Phấn đấu có từ 10 - 15% số trường đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2010.

- Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia. Củng cố mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở. Phấn đấu 60% trạm y tế xã có bác sỹ; 40 - 50% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là người nghèo. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa y tế mở rộng phạm vi bảo hiểm, phát triển y tế cộng đồng, khuyến khích phát triển các dịch vụ y tế. Tăng cường công tác tuyên truyền và thực hiện tốt vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình.

- Văn hóa - thông tin - thể thao: Đẩy mạnh công tác xã hội hóa lĩnh vực văn hóa và thể thao, trong đó chú trọng phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc. Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa thôn bản, các khu vui chơi thể thao, sinh hoạt văn hóa tại cụm xã, tích cực thực hiện các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa. Tiếp tục đầu tư và mở rộng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình, thông tin báo chí đến vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Thực hiện và khai thác có hiệu quả công nghệ thông tin liên lạc, đảm bảo mạng lưới thông tin thông suốt trên địa bàn, nâng cao chất lượng phục vụ của các điểm bưu điện văn hóa xã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Hoàn thiện mạng lưới tin học hóa các cơ quan hành chính sự nghiệp, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ một cách phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả dự án xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng. Thực hiện các chính sách trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo. Đẩy mạnh thực hiện chương trình 134 và các dự án giảm nghèo, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tai, tệ nạn xã hội. Tăng cường các biện pháp ngăn chặn lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái pháp luật. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng và phát triển các điển hình tiên tiến để nhân ra diện rộng.

III. Củng có quốc phòng - an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố Quốc phòng - an ninh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc. Xây dựng thế trận Quốc phòng toàn dân gắn với thế trận An ninh nhân dân. Xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh của lực lượng vũ trang. Thường xuyên diễn tập, luyện tập các phương án phòng thủ và tác chiến trị an từ huyện đến cơ sở, đề cao tinh thần cảnh giác, làm thất bại âm mưu "Diễn biến hòa bình" và bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch nhằm ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Tích cực chủ động giải quyết các tai, tệ nạn xã hội.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Đẩy mạnh công tác tư pháp, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân theo đúng quy định của pháp luật.

IV. Công tác xây dựng đảng và củng cố hệ thống chính trị

Củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Xây dựng, chỉnh

đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

1. Công tác xây dựng Đảng:

a, Xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng:

Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục truyền thống cách mạng, đồng thời đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái, tư tưởng cơ hội, cực đoan, bảo thủ, lạc hậu. Vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng vào tình hình cụ thể của địa phương.

Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị; đổi mới phương pháp học tập và giảng dạy lý luận chính trị phù hợp với từng đối tượng; Kiện toàn tổ chức, cán bộ làm công tác tư tưởng các cấp.

Tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên về tư tưởng, đạo đức, thực hành dân chủ và chế độ trách nhiệm. Đổi mới nội dung sinh hoạt Đảng.

b, Xây dựng Đảng về tổ chức:

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp công tác cán bộ; trọng tâm là làm tốt công tác quản lý đánh giá cán bộ, rà soát, bổ sung quy hoạch, luân chuyển, tăng cường cán bộ.

Thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ và tiêu chuẩn hóa các chức danh lãnh đạo, quản lý trên cơ sở nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời coi trọng đúng mức năng lực thực tế. Làm tốt khâu tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ; đặc biệt coi trọng nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ cơ sở. Phấn đấu đến năm 2010: 04 xã đạt chuẩn về cán bộ.

Tập chung xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, mở rộng dân chủ trong sinh hoạt của cấp ủy, tổ chức Đảng, phát huy quyền và nghĩa vụ của đảng viên.

Đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng; làm tốt công tác quản lý đảng viên. Chú trọng xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong các doanh nghiệp tư nhân. Phát triển đảng viên, kết nạp vào Đảng những người thực sự ưu tú, gương mẫu, đủ tiêu chuẩn, đặc biệt quan tâm các thôn, bản chưa có hoặc có ít đảng viên, phấn đấu đến 2010 kết nạp được 700 đảng viên mới trở lên. Trẻ hóa và nâng cao trình độ của đảng viên, cơ bản các đảng viên được phân công nhiệm vụ. Phấn đấu đến năm 2010: 90% thôn, bản và tổ dân phố có đảng viên trở lên, 100 tổ đảng ở thôn, bản nâng cấp lên chi bộ.

c, Tăng cường công tác kiểm tra:

Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, nhất là việc thực hiện những chủ trương và nhiệm vụ đã đề ra; kịp thời phát hiện và khắc phục khuyết điểm, thiếu sót khi mới phát sinh.Thực hiện phương châm ngăn ngừa, giáo dục là chính, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra. Đẩy mạnh công tác kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra toàn diện, chú trọng việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm sau kiểm tra. Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra Đảng, công tác giám sát của HĐND và Thanh tra Nhà nước, đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo.

Giải quyết kịp thời, đúng quy định các đơn thư tố cáo, khiếu nại, xử lý nghiêm minh những trường hợp đảng viên và tổ chức Đảng vi phạm pháp luật, Điều lệ Đảng và những điều đảng viên không được làm. Nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ Ủy ban kiểm tra các cấp.

d, Tích cực phòng chống tham nhũng

Chỉ đạo kiên quyết cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2) khóa VIII. Tiếp tục tuyên truyền, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống tham nhũng, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức được tính bức thiết và ý nghĩa chiến lược của cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Giám sát chặt chẽ các hoạt động công vụ, phát hiện xử lý đúng, kịp thời những biểu hiện tiêu cực. Bố trí cán bộ, công chức có đủ đức, tài vào bộ máy cơ quan Nhà nước. Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu, tố về các vụ việc có liên quan đến quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Khuyến khích, động viên và bảo vệ người tích cực đấu tranh chống tham nhũng. Phát huy vai trò của các cơ quan giám sát, cơ quan dân cử, cán bộ, công chức cơ quan công quyền trong hoạt động công vụ. Xử lý nghiêm kẻ trù dập người đấu tranh với tham nhũng hoặc bao che, tiếp tay cho hành vi tham nhũng.

2. Xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân các cấp:

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực của đại biểu Hội đồng nhân dân; nâng cao chất lượng các kỳ họp, chất lượng giám sát của Hội đồng nhân dân. Nâng cao hiệu lực điều hành, quản lý của chính quyền nhân dân, đặc biệt là cấp xã. Đẩy mạnh cải cách hành chính ở các cấp, các ngành nhất là cải cách thủ tục hành chính.

3. Đổi mới nội dung, hình thức vận động quần chúng phù hợp, thiết thực và hiệu quả:

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và cán bộ chuyên trách làm công tác dân vận các cấp có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh. Phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền làm chủ của

nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, góp phần xây dựng hệ thống chính trị theo phương châm " Huyện nắm xã, hiểu thôn; xã nắm chắc thôn bản, hiểu hộ dân; thôn bản nắm chắc và hiểu từng hộ dân".

V/ Giải pháp chủ yếu

1- Về kinh tế - xã hội:

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh, cấp ủy và chính quyền các cấp tổ chức phổ biến tuyên truyền rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân, đảm bảo mỗi cán bộ, đảng viên từ cơ sở đến huyện nắm vững và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của cấp trên vào địa phương mình; xây dựng và triển khai thực hiện tốt các đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn cụ thể; khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế bằng giải pháp tạo điều kiện về đất đai, vốn, kỹ thuật, lao động để phát triển sản xuất. Đẩy mạnh công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng, phát triển mạnh các mô hình kinh tế có hiệu quả.

- Giải pháp về vốn: Mở rộng các hình thức huy động vốn nhàn rỗi trong nhân dân; thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống. Mở rộng đối tượng cho vay vốn, tích cực cho vay tín dụng, vay vốn xóa đói giảm nghèo, vốn tạo việc làm... đầu tư cho vùng sản xuất lớn có hiệu quả. Khai thác mở rộng các nguồn thu, huy động tăng nguồn thu ngân sách hàng năm từ 10 - 15% để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ cơ chế giám sát việc huy động và sử dụng mọi nguồn vốn từ cơ sở đến huyện, chi ngân sách tiết kiệm.

- Giải pháp về khoa học kỹ thuật: Làm tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đầu tư giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp điều kiện của huyện. Đầu tư các cơ sở chế biến nông, lâm sản tại huyện và tới các trung tâm cụm xã.

Hỗ trợ một phần cây giống, con giống, thiết bị, máy móc chế biến nông, lâm sản phù hợp với quy mô gia đình, bản làng như chế biến chè, thức ăn gia súc, hoa quả tươi, các sản phẩm từ lúa, ngô... để giải quyết việc làm, tạo sản phẩm hàng hóa cho nhân dân.

- Giải pháp lao động và việc làm: Ở vùng nông thôn sử dụng một phần lao động sản xuất nông nghiệp sang sản xuất lâm nghiệp như: Trồng rừng mới, khoanh nuôi bảo vệ rừng, sản xuất cây công nghiệp dài ngày như cây chè, cây quế nhằm giải quyết một phần lao động thiếu việc làm ở nông thôn. Ở vùng thị trấn, thị tứ có kế hoạch hướng nghiệp đưa lao động đi đào tạo tại các trường công nhân kỹ thuật để phát triển các ngành nghề

tiểu thủ công nghiệp, các cơ sở chế biến tại địa phương. Phấn đấu đến năm 2010 cơ cấu lao động nông nghiệp giảm từ 81,6% năm 2005 xuống còn 77%, lao động công nghiệp xây dựng cơ bản tăng từ 5,9% lên 8,6%, lao động thương mại dịch vụ tăng từ 12,5% lên 14,4%.

Khuyến khích người lao động tham gia các quỹ bảo hiểm do Nhà nước quy định để người lao động giảm thiệt thòi khi có tai nạn rủi ro (cả bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm con người), thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động. Tăng cường các cơ sở dịch vụ y tế, thương mại... tại các điểm đông dân cư để trực tiếp phục vụ cho người lao động.

2 - Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh:

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng và cấp ủy các cấp. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế hoạt động, đổi mới và nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết theo hướng cụ thể, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khâu triển khai thực hiện, thường xuyên sơ kết, tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo. Kiện toàn cấp ủy các cấp, củng cố chi bộ yếu kém. Duy trì thường xuyên chế độ tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện đường lối, nghị quyết của các tổ chức cơ sở Đảng và việc thi hành Điều lệ Đảng đối với cán bộ, đảng viên. Kiên quyết xử lý những đảng viên suy thoái, biến chất về đạo đức, lối sống; tham nhũng, lãng phí; phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu; vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền các cấp. Tăng cường vai trò giám sát của HĐND. Quy định rõ trách nhiệm đối với công việc theo phân cấp quản lý.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ n công chức. Phấn đấu đội ngũ cán bộ công chức khối xã, thị trấn đạt 80 - 85% có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị từ trung cấp trở lên, trong đó có 4 xã, thị trấn đạt chuẩn cán bộ. Đổi mới cách thức, qui trình giải quyết thủ tục hành chính, tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ giữa các cơ quan hành chính trong huyện, xã với mọi tổ chức, cá nhân. Mở rộng cải cách hành chính theo cơ chế "một cửa" đối với 100% các xã, thị trấn, từng bước nâng cao chất lượng cán bộ, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt cho việc tiếp nhận, trả lời kết quả thuận tiện, hiệu quả.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; xây dựng khối đoàn kết thống nhất từ Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy đến các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong huyện. Thực hiện tốt nguyên tắc tập chung dân chủ trong Đảng, Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tăng cường sự giám sát đối với công tác

quản lý, điều hành của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp. Tích cực thực hành tiết kiệm, đấu tranh bài trừ tham nhũng, lãng phí.

Trên đây là báo cáo tổng kết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên nhiệm kỳ 2000 - 2005; phương hướng, nhiệm vụ, các mục tiêu chủ yếu và các giải pháp cơ bản của nhiệm kỳ 2005 - 2010. Bước sang giai đoạn mới, chúng ta có nhiều thuận lợi đồng thời cũng không ít những khó khăn, thách thức, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện hãy nêu cao tinh thần quyết tâm, phát huy thuận lợi tranh thủ thời cơ, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đề ra, đưa huyện Bảo Yên ngày càng phát triển vững chắc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu đạt danh hiệu Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Hoàng Ngọc Chuyên

TỔNG HỢP
Kết quả công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2000 - 2005

TT	Nội dung	2000	2001	2002	2003	2004	2005	Ghi chú
1	Phân xếp loại đảng viên							
	-Tổng số đảng viên	1.779	1.841	1.969	2.067	2.334		
	-Số miễn hoãn	138	136	131	140	150		
	-Số chưa phân tích	07	03	45	18	53		
	-Số dự phân xếp loại	1.634	1702	1.793	1.909	2.031		
	+HTTNV (loại I)	1.322	1.412	1.004	1.409	1.636		80.55%
	+HTNV (loại II)	298	273	764	492	387		
	+Chưa HTNV (loại III)	09	11	25	08	08		
	+Loại IV (tiêu chí cũ)	05	06	25				
2	Phân loại cấp ủy	234	239	230	243	235		
	-HTXSNV	194	201	161	190	172		
	-HTNV	37	35	64	52	61		
	-Không HTNV	03	03	05	01	02		
3	Phân loại ban chấp hành	33	33	33	32	30	30	
	-HTTNV	33	32	30	28	30		
	-HTNV		01	03	03			
	-Không HTNV				01			
4	Phân loại cơ sở đảng	44	44	44	45	45	47	
	-Trong sạch vững mạnh	33	34	22	32	36		
	-Khá	11	10	19	13	09		
	-Yếu kém			03				
5	Kết nạp đảng viên	150	99	150	123	188		
	-Xóa đầu mối chưa có đảng viên	15	07	13	10	06		Còn lại 7
6	Xử lý kỷ luật đảng viên	28	12	17	19	09	09	
	-Khiển trách	11	03	05	06	05	03	
	-Cảng cáo	15	07	09	07	04	05	
	-Khai trừ	0	01	02	05	-	01	
	-Cách chức	02	01	01	01	-	-	
	-Đình chỉ sinh hoạt	-	-	-	-	-	-	
7	Xử lý tổ chức đảng			01	01			
	-Khiển trách				01			
	-Cảnh cáo			01				
8	Công tác đào tạo cán bộ							

	-Cử đi đào tạo chuyên môn	10	04	54	95	54		
	+Trung cấp	03		24	56	50	13	
	+Cao đẳng			01				
	+Đại học	07	04	29	39	04	06	
	-Lý luận chính trị	60	23	170	83	123	75	
	+Trung cấp		15	81		32		
	+Cao đẳng		06	05		09		
	+Cử nhân		02	01				
	+TCCT (tại chức)	60	-	83	83	82	75	
	-Bồi dưỡng tại TTCT huyện	1.338	1.047	1.472	1.475	1.453	487	
	+Đối tượng đảng	105	132	129	162	221		
	+Đảng viên mới	155	104	208	169	98	98	
	+Đoàn thể	362	291	308	364	180	120	
	+Báo cáo viên	100	200	300	100	152		
	+Cấp ủy cơ sở		200	100	100	54		
	+Khối nhà nước	613	120	427	580	670	200	
	+Sơ cấp chính trị					78	69	

KẾT QUẢ
Thực hiện mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII,, nhiệm kỳ 2000 - 2005, Phương hướng mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XIII, nhiệm kỳ 2006 - 20010

TT	Nội dung	ĐVT	Mục tiêu ĐH XII	Thực hiện 2000	Thực hiện Khoá XII			Mục tiêu 2010
					Kết quả 2005	So sánh (+, -)		
						Với 2000	Với MTĐH	
1	Tổng giá trị sản phẩm GDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	240	124.5	378.76	204.7	57.8	813
2	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân /năm	%	8.5-9	5.22	12.5	6.28	2.5	12.7
3	Thu nhập bình quân/ người/năm	Tr.đồng	3.2	1.77	5.003	182.6	56.3	10
4	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)							
	-Nông lâm thủy sản	%	61	65.88	59.65	-6.23	-1.35	50
	-Thương mại, dịch vụ	%	21	18.88	24.3	5.46	3.30	29
	-Công nghiệp, xây dựng cơ bản	%	18	15.28	16.05	0.77	-1.95	21
5	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	24.000	19.034	27.748	45.78%	15.61	31.065
6	Tỷ lệ che phủ rừng	%	45	35.32	44.3	8.98	-0.7	50
7	Phổ cập GD-THCS	xã	08	-	11	-	03	18
8	Tỷ lệ nghe Đài TNVN	%	90	70	80	10	-10	95
9	Tỷ lệ xem truyền hình	%	80	60	70	10	-10	90
10	Tỷ lệ phát triển dân số	%	1.6-1.7	2.08	1.6	-0.48	-	1.31
11	Tỷ lệ hộ nghèo năm 2005 (theo tiêu chí cũ)	%	11	22.91	3.9	19.01	-7.1	0
12	Tỷ lệ hộ nghèo năm 2010 (theo tiêu chí mới)	%						Dưới 20
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi	%	25-30	40	32	-8		24-25
14	Tỷ lệ lao động được đào tạo, tâoj huấn	%	25-30	20	30	10	-	
	Trong đó lao động được đào tạo	%			08			15
15	Đảng bộ TSVM	%	75	75	80	05	05	85

16	Đảng viên xếp loại I (HTXSNV, HTTNV)	%	85	80.9	85	401	-	90
17	Xóa đầu mối không có đảng viên	Đ.mối	100%	Còn 32	41/48*			100
18	Đảng viên được giao nhiệm vụ	%	90	80	90	10	-	95
19	Xây dựng ch.quyền VM, MT,ĐT XS (VM)							
	+Mặt trận, đoàn thể XS (VM)	%	80	5.6	5.6		-18.9	75
	+Xây dựng chính quyền từ Khá trở lên:		90	77.8	83.3	5.5	-6.7	100
	-Vững mạnh xuất sắc	%	25	5.6	5.6		19.4	15
	-Vững mạnh	%	65	72.2	77.7	5.5	12.7	75
20	Phấn đấu đạt chuẩn văn hoá							
	-Gia đình	%	85	67.7	65	-2.7	-20	80
	-Tổ dân phố	%	60	22	40	18	-20	60
	-Cơ quan, trường học	%	95	60	70	10	-25	90
	-Thôn bản	%	35	6.43	35	28.57	-	60

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN MỘT SỐ CÂY CON TRỌNG TÂM (MŨI NHỌN) ĐẾN NĂM 2010

Nội dung	ĐVT	Tổng số	Chia ra các xã, thị trấn																	Ghi chú
			Tân Tiến	Nghĩa Đô	Vĩnh Yên	Xuân Hòa	Xuân Thượng	Tân Dương	Việt Tiến	Long Phúc	Long Khánh	Lương Sơn	Yên Sơn	Bảo Hà	Cam Cọn	Kim Sơn	Minh Tân	Điện Quan	Thượng Hà	Phố Ràng	
1. Đàn trâu																					
Ước thực hiện 2025	Cọn	18.430	680	1350	1600	2230	1050	850	650	420	1050	940	500	1400	950	1350	950	720	1450	170	
Dự kiến 2010	Con	24000	900	1730	2060	2950	1400	1130	860	560	1400	1200	660	1800	1260	1800	1260	950	1862	220	5570
2. Đàn bò																					
Ước thực hiện 2005	Con	1460	15	20	60	90	45	35	10	15	10	30	60	240	85	180	250	90	195	30	
Dự kiến 2010	Con	3000	20	100	100	150	100	100	50	50	100	80	150	500	200	350	400	150	300	80	1540
3. Lâm Nghiệp																					
DT rừng hiện có	Ha	36508	822	1835	1888	2868	1523	1335	2309	1543	3612	2347	1834	2012	2485	2695.2	1923	1431	3558	488	
- Rừng TN phòng hộ	Ha	228839.7	537	1448	1354	2161	697.1	744	1486	616	1986	1430	1171.6	1673	2059	1063	1065	887	2342	120	
Rừng TN sản xuất	Ha	3460.1	65	163	226	150	331	11	221.1	26	1060	520	151.0	33	62	65	111	144	118	3	
Rừng trồng PH	Ha	4227.5		44		75	495	400	226.0	323	202	155	242.5		57	1400	138	136	272	162	
Rừng trồng SX	Ha	5980.8	220	180	308	482		180	376.0	578	364	242.2	368.9	306	307	167.2	608.5	264	826	203	
DT đất trống	Ha	31379	4651.4	1276.53	3598.11	3548.08	1677.89	1211.13	131.45	26.67	952.13	790.37	460.44	2709.4	1102.96	38881.94	985.35	023.4	2131.9	220.55	
Dự kiến trồng mới	Ha	4742.0	500	250	500	600	250	200	50	220	150	100	150	400	200	550	100	150	350	20.0	

DT rừng đến 2010	Ha	41250	1322	2085	2388	3468	1773	1535	2359	1565	3762	2447	1984	2412	2685	3245	2023	781	3908	508	4742
4. Diện tích chè hiện có	Ha	367.0	0.5	72.75	31.3	19.9	0.5	20.7	14.3	10.25	5.8	28.9	35.5	2.1	0.8	0.9	26.7	0.2	39.0	57.7	
Trồng theo DA	Ha	350.85		70.8	30.2	18.3		19.4	13.5	9.25	5.0	26.2	35.5				26.6		38.6	57.5	
Chè cũ	Ha	16.15	0.5	1.95	1.1	0.8	0.5	1.3	0.8	1.0	0.8	2.7		2.1	0.8	0.9	0.1	0.2	0.4	0.2	
Dự kiến đến 2010	Ha	508		90	50	40		40	14	9	5	50	50				40		60	60	
5. Cây ăn quả có múi hiện có	Ha	31		4	4	1	1	1	1	12	1	1	1	1	1					1	
Đến năm 2010	Ha	233	0.5	10	10	1	1	1	100	3	65	25	1	10	1	1	1	1	1	1	200

KẾ HOẠCH

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 03-KH/HU, ngày 18 tháng 06 năm 2001
Chỉ đạo công tác khảo sát điều tra kinh tế xã hội

Thực hiện Hướng dẫn số 02-HD/BCĐ ngày 08/5/2001 của Ban Chỉ đạo 184 Tỉnh.

Ban Chỉ đạo 184 Huyện xây dựng kế hoạch chỉ đạo khảo sát điều tra kinh tế xã hội cụ thể như sau.

1. Phạm vi, đối tượng khảo sát điều tra.

Khảo sát, điều tra ở 11/11 xã có đồng bào H'Mông đang sinh sống.

- Mỗi xã chỉ khảo sát điều tra những hộ người H'Mông đang ở những thôn có người theo đạo trái phép (điều tra cả thôn) cả thôn không có người theo đạo trái phép thì không phải điều tra.

- Những thôn, bản trước đây có người theo đạo trái phép nhưng đã bỏ không theo đạo, thì vẫn thuộc diện điều tra khảo sát (ở xã Tân tiến) như sau:

2. Nội dung khảo sát - điều tra.

Mỗi hộ gia đình phải điều tra, phỏng vấn để hoàn chỉnh hai biểu mẫu

+ Phiếu điều tra kinh tế xã hội (ở vùng đồng bào có khó khăn).

+ Phiếu phỏng vấn lĩnh vực tư tưởng văn hoá.

Sau khi xong phiếu điều tra kinh tế xã hội của từng hộ gia đình;thì ghi vào biểu tổng hợp chung cho cả thôn, bản đó. (phiếu phỏng vấn không phải tổng hợp).

- Toàn xã lại tổng hợp chung vào một bản tổng hợp điều tra kinh tế xã hội (bảng tổng hợp của các thôn cộng lại).

** Ghi chú:* Nộp báo cáo kết quả điều tra về Huyện gồm:

+ Các phiếu điều tra của từng hộ gia đình.

+ Các phiếu phỏng vấn của từng hộ gia đình.

+ Bảng tổng hợp chung cho cả bản đã điều tra.

+ Bảng tổng hợp chung của cả xã đã điều tra.

3. Cán bộ làm công tác điều tra.

Cán bộ của Tỉnh và Huyện trưng tập tăng cường trực tiếp làm điều tra. - Đảng ủy, UBND xã, cán bộ tăng cường của Tỉnh, Huyện đang công tác ở các xã có trách nhiệm phối hợp tổ chức chỉ đạo, thực hiện.

4. Thời gian

- Trước ngày 25/6/2001 Huyện trưng tập cán bộ để họp phổ biến,

quán triệt, phân công nhiệm vụ, phụ trách điều tra ở các xã.

- Từ ngày 25/6 đến 10/7/2001 tiến hành điều tra, khảo sát ở các xã và báo cáo kết quả về Huyện ủy (qua Ban DV - DT) trước ngày 10/7/2001. Những xã có ít số lượng hộ phải điều tra có thể báo cáo kết quả sớm hơn./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M Ban Chỉ đạo
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ BAN

Hoàng Văn Thoại

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 07-KH/HU, ngày 25 tháng 07 năm 2001
Triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2005 của Ban Chấp hành huyện Bảo Yên - Khoá XII

- Căn cứ kế hoạch thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm đến năm 2005 của Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII.

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII nhiệm kỳ 2000 - 2005 và chương trình công tác toàn khoá của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện 6 chương trình công tác trọng tâm đến năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XII như sau:

I. Chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2000-2005

1. Tập chung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế Nông - Lâm nghiệp theo hướng tăng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Trước hết là chuyển nền kinh tế đang tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hoá.

Trong đó tập chung xây dựng và thực hiện các mục tiêu sau:

- Thâm canh vùng trọng điểm lúa (với năng suất từ 11- 13 tấn/ha).

- Chương trình trồng ngô hàng hoá bằng giống mới năng suất cao từ 600 - 700 ha

- Chương trình trồng chè chất lượng cao: Trồng mới 600 - 700 ha, trong đó chè đưa vào kinh doanh 300 ha.

- Chương trình cây ăn quả: 1.500 ha.

- Cây quế: 1000 - 1500 ha

- Tỷ lệ tán che phủ rừng đạt 45% diện tích.

2. Tổ chức cung ứng và quản lý cây giống, con giống năng suất cao, chất lượng tốt:

Tuyển chọn cây giống, con giống năng suất cao phù hợp với điều kiện sinh thái của huyện.

Có biện pháp tổ chức quản lý, cung ứng giống cây, con có năng suất cao; không cho du nhập, các loại giống chất lượng kém trên địa bàn huyện.

3. Tổ chức thực hiện đề án kiên cố hoá kênh mương nội đồng vùng trọng điểm lúa.

4. Về xóa đói giảm nghèo:

Căn cứ vào kết quả điều tra kinh tế hộ gia đình làm căn cứ, xây dựng chương trình xóa đói giảm nghèo (theo tiêu chí mới) nhằm huy động mọi

lực lượng, mọi nguồn vốn, đồng bộ trên nhiều phương diện; phát động phong trào xóa đói giảm nghèo rộng khắp trong nhân dân với mục tiêu xóa đói giảm nghèo từ 2 - 3%/năm, đến năm 2005 phấn đấu còn 11% hộ nghèo, không còn hộ đói. Tạo sự thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn vùng cao, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết về mục tiêu: Nước sinh hoạt, tấm lợp cho các hộ nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn với mục tiêu đến năm 2005 có 50 - 60% số hộ vùng cao được ngói hoá, 70 - 80% số hộ vùng cao có đủ nước sinh hoạt.

5. Quy hoạch, sắp xếp, bố trí lại dân cư ở các xã đặc biệt khó khăn:

Bảo đảm sự phân bổ dân cư hợp lý, các hộ đều có đủ quĩ đất canh tác, di chuyển dân cư ở những vùng điều kiện sống quá khó khăn, nhỏ lẻ từ đó thúc đẩy việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội.

** Phân công lãnh đạo phụ trách:*

- Đồng chí Nguyễn Tiến Dũng - Ủy viên BTV Huyện ủy - Phó Chủ tịch UBND huyện trực tiếp chỉ đạo.

II. Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2000 - 2005

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, phấn đấu thông xe ô tô đến trung tâm 3 xã còn lại: Kim Sơn, Cam Cọn, Tân Tiến vào năm 2002. Hình thành 5 trung tâm cụm xã là Nghĩa Đô, Bảo Hà, Tân Dương, Điện Quan, Long Khánh.

- Các trường học, trạm y tế, phòng khám khu vực đều được kiên cố hoá một mạng lưới bước cơ bản. Phát triển việc đưa điện lưới quốc gia về các xã; phát triển thông tin liên lạc. Tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả đường giao thông nông thôn.

- Tăng cường công tác thu ngân sách. Có các giải pháp khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế tham gia vào việc chế biến nông-lâm sản: Chè, hoa quả, các sản phẩm từ nguyên liệu gỗ và cây có gióng (tre, nứa, vầu ...)

** Phân công lãnh đạo phụ trách:*

- Đ/c Hoàng Ngọc Chuyên - Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện trực tiếp chỉ đạo.

III. Chương trình phát triển văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ - môi trường và xã hội giai đoạn 2000 - 2005

- Giữ vững mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ; thực hiện xã hội hoá giáo dục.

- Xây dựng phương án, kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở 08 xã, thị trấn từ nay đến năm 2005 và những năm tiếp theo.

- Xây dựng, củng cố màng lưới y tế cơ sở, phấn đấu đến năm 2005 tại 100% trung tâm cụm xã có bác sỹ.

- Giải quyết việc làm cho người lao động, phấn đấu tỷ lệ lao động được đào tạo là 25-30%.

- Tỷ lệ người dân được xem truyền hình 80%. Tỷ lệ người dân được nghe đài 90%

- Bảo tồn, khai thác, phát triển bản sắc văn hoá dân tộc trên địa bàn huyện. Có các giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp.

** Phân công lãnh đạo phụ trách:*

- Đồng chí Lê Văn Lạc - Ủy viên BCH Huyện ủy - Phó Chủ tịch UBND huyện trực tiếp chỉ đạo.

IV. Chương trình an ninh - quốc phòng giai đoạn 2000 - 2005

- Phòng chống âm mưu " Diễn biến hoà bình " và " Bạo loạn lật đổ " của các thế lực thù địch và có kế hoạch đối phó với các tình huống xảy ra trong khu vực phòng thủ huyện.

- Phòng chống có hiệu quả các tai, tệ nạn xã hội; giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân theo đúng qui định của pháp luật.

- Thực hiện có hiệu quả công tác 184 và ổn định dân cư trên địa bàn.

** Phân công lãnh đạo phụ trách:*

- Đồng chí Hoàng Ngọc Chuyên - Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch UBND huyện trực tiếp chỉ đạo.

V. Chương trình xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh hoạt động có hiệu lực

- Thực hiện cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục củng cố, xây dựng và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo các tổ chức cơ sở Đảng. Nâng cao vai trò hoạt động của mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

- Thực hiện các mục tiêu: 90% đảng viên được giao nhiệm vụ, 85% đảng viên xếp loại I, 85% chi, Đảng bộ trực thuộc đạt trong sạch vững mạnh. Xây dựng chính quyền vững mạnh xuất sắc đạt 25%, vững mạnh 65%, khá 10%. Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh 80%. Đến năm 2003 cơ bản xóa xong các thôn bản chưa có đảng viên.

** Phân công lãnh đạo phụ trách:*

- Đồng chí Nguyễn Gia Lợi - Phó Bí thư thường trực Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo.

VI. Chương trình quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm lại, sắp xếp, luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ lãnh đạo và quản lý các phòng ban huyện và cơ sở.

- Đánh giá, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp huyện theo tinh thần Quyết định số 50, Quyết định số 51 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 16 của Chính phủ.

- Sắp xếp, luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở, đảm bảo luân chuyển ít nhất 20% cán bộ từ cấp trưởng, phó phòng, cán bộ nói chung xuống cơ sở, đặc biệt là các vùng khó khăn, phức tạp.

** Phân công:*

- Chỉ đạo chung: Ban Thường vụ Huyện ủy.

- Phụ trách trực tiếp: Đồng chí Vi Lam Sơn - Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy - Bí thư Huyện ủy.

VII. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

1. Các đồng chí được phân công phụ trách các chương trình căn cứ vào các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khoá XII, 7 chương trình công tác trọng tâm toàn khoá của Đảng bộ tỉnh Lào Cai khoá XII và nội dung kế hoạch này chỉ đạo các cơ quan, ban ngành tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

- Trong mỗi chương trình kế hoạch cần tập chung làm rõ các cơ chế, giải pháp để thực hiện các mục tiêu đề ra, chủ động khai thác mọi nguồn lực của địa phương, ở tỉnh, Trung ương và các thành phần kinh tế để thực hiện.

- Phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức, từng cá nhân, qui rõ trách nhiệm và quyền hạn; định rõ kế hoạch về thời gian hoàn thành, thường xuyên tổ chức kiểm tra tiến độ để đảm bảo mỗi chương trình được thực hiện có chất lượng, đúng thời gian qui định.

2. Về phân công trách nhiệm:

Mỗi chương trình sẽ thành lập một Ban Chỉ đạo gồm:

- Đồng chí Thường vụ hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy được phân công chỉ đạo trực tiếp.

- Một số đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành đoàn thể huyện và Bí thư các Chi, Đảng bộ trực thuộc.

3. Tổ chức thẩm định, phê duyệt các chương trình:

- Các Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình được phân công xong trước ngày 30/8/2001.

- Từ 01/9 - 15/9/2001 Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành duyệt các chương trình.

- Từ 16/9 - 30/9/2001 hoàn thiện và ra các quyết định phê duyệt.

4. Triển khai thực hiện:

- Sau khi các chương trình, kế hoạch được phê duyệt các đồng chí được phân công tổ chức triển khai thực hiện ngay.

- Đối với tất cả các chương trình qui định 6 tháng sơ kết một lần nhằm đánh giá kết quả đã làm được, những vấn đề chưa làm được, những kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc đề xuất biện pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo.

- Từ nay trong tất cả các cuộc giao ban UBND huyện, giao ban Huyện ủy; các báo cáo công tác tháng, quí, năm đều phải đánh giá theo các chương trình nêu trên một cách ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ các nội dung để Huyện ủy, UBND huyện có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

- Giao trách nhiệm cho Ban Tuyên giáo Huyện ủy chỉ đạo Phòng Văn hoá - Thông tin - Thể thao, Đài Truyền thanh - Truyền hình thường xuyên đưa tin về tình hình thực hiện các chương trình kể cả mặt làm tốt và chưa tốt để nhân dân các dân tộc trong huyện ủng hộ, tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện các chương trình này có hiệu quả hơn./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 09-KH/HU, ngày 11 tháng 09 năm 2001
Khắc phục các thôn, bản, trường học chưa có đảng viên

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khoá XII, nhiệm kỳ 2000 - 2005,

- Căn cứ vào kế hoạch số 07 - KH/HU ngày 25/7/2001 về việc triển khai một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Huyện ủy Bảo Yên đến năm 2005,

Huyện ủy xây dựng kế hoạch khắc phục các thôn bản, trương học chưa có đảng viên đến năm 2003.

A. Các bước tiến hành:

I. Bước 1: Từ nay đến hết tháng 10 năm 2001

- Cử cán bộ xuống các xã rà soát các thôn bản, trường học chưa có đảng viên. Kiểm tra sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng các xã đối với việc thực hiện nhiệm vụ khắc phục các đầu mối chưa có đảng viên.

- Chính thức điều chỉnh, phân công cán bộ của cấp ủy các xã phụ trách, cam kết tổ chức thực hiện khắc phục các thôn bản, trường học chưa có đảng viên.

- Tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

II. Bước 2 : Từ ngày 01/11/2001 đến hết tháng 6 năm 2002

- Làm thủ tục, cử các quần chúng ưu tú đi học cảm tình Đảng.

- Kiểm tra các cơ sở Đảng trong việc giúp đỡ quần chúng, xem xét kết nạp đảng viên ở các đầu mối chưa có đảng viên.

- Củng cố, kiện toàn các chi hội đoàn thể quần chúng ở các thôn bản chưa có đảng viên.

- Sơ kết bước 1 và bước 2.

III. Bước 3 : Từ ngày 01/7/2002 đến hết năm 2003

- Tiếp tục triển khai thực hiện phát triển đảng viên ở các đầu mối còn lại chưa có đảng viên và các đầu mối có 01 đảng viên.

- Tổng kết thực hiện chương trình, kế hoạch này.

B. Tổ chức thực hiện

1. Các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể của huyện cùng các cơ sở Đảng trực thuộc và các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nghiên cứu thực hiện kế hoạch này.

2. Giao cho Ban Tổ chức Huyện ủy là cơ quan tham mưu giúp Ban

Thường vụ Huyện ủy đề xuất biện pháp công tác, đôn đốc, kiểm tra thực hiện kế hoạch, thường xuyên báo cáo Ban Thường vụ.

3. Đây là một nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ huyện, nếu tổ chức và cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ đều không được xếp loại tốt hàng năm./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 13-KH/HU, ngày 26 tháng 11 năm 2001
Triển khai nghiên cứu quán triệt Nghị quyết TW3 (khóa IX)

Căn cứ vào chương trình công tác tháng 22 năm 2001 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc tiếp tục triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX gắn với Nghị quyết TW3 (khoá IX) "Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả Doanh nghiệp Nhà nước".

Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch triển khai học tập Nghị quyết TW3 cụ thể như sau:

I. Mục đích - yêu cầu

- Nhằm nâng cao nhận thức, thống nhất đánh giá hiệu quả hoạt động của các Doanh nghiệp Nhà nước và khẳng định vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Thấy được những thời cơ thuận lợi và những nguy cơ thách thức mới của các Doanh nghiệp Nhà nước trong quá trình hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới.

- Tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong việc củng cố sắp xếp và nâng cao hiệu quả của các Doanh nghiệp Nhà nước là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, đảm bảo cho kinh tế Nhà nước giữ đúng vai trò chủ đạo định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình công nghiệp hoá-hiện đại hoá.

- Các tổ chức Đảng trong các Doanh nghiệp Nhà nước sau khi nghiên cứu học tập cần lựa chọn và xây dựng các đề án của đơn vị mình thực hiện có hiệu quả Nghị quyết TW3 (khóa IX).

II. Đối tượng và thời gian triển khai học tập

*** Đối tượng:**

Nghị quyết TW3 được triển khai quán triệt đến các tổ chức Đảng và toàn thể quần chúng nhân dân.

*** Thời gian:**

- Nghiên cứu toàn văn nội dung Nghị quyết và thảo luận 1/2 ngày.

- Các Chi, Đảng bộ trực thuộc triển khai học tập xong và có báo cáo ở huyện trước ngày 15/12/2001 (thông qua Ban Tuyên giáo và Văn phòng Huyện ủy).

III. Báo cáo viên và tài liệu

- Báo cáo viên: Do các Chi, Đảng bộ cơ sở chủ động bố trí, phân công.

- Tài liệu: Nghị quyết TW3 do Ban Chấp hành Trung ương ban hành.

IV. Tổ chức thực hiện

- Đợt triển khai quán triệt học tập Nghị quyết Tương ương 3 lần này chủ yếu lấy đơn vị Chi, Đảng bộ cơ sở triển khai là chính. Huyện sẽ tổ chức hội nghị báo cáo viên trong 02 ngày 26 + 27/11/2001.

- Các Chi, Đảng bộ trực thuộc, các Ban xây dựng Đảng, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy phụ trách xã có trách nhiệm đôn đốc tổ chức thực hiện tới toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đạt hiệu quả thiết thực, đúng thời gian qui định./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 17-KH/HU, ngày 11 tháng 01 năm 2002
Thực hiện Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy Lào Cai về luân chuyển, tăng cường cán bộ về cơ sở

- Căn cứ vào Nghị quyết số 10 - NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã tỉnh Lào Cai.

- Căn cứ hướng dẫn của Ban Chỉ đạo luân chuyển, tăng cường cán bộ của Tỉnh. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện như sau:

I. Mục đích yêu cầu

Nhằm tổ chức, thực hiện Nghị quyết số 10 - NQ/TU ngày 04/12/2001 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về luân chuyển, tăng cường cán bộ đi huyện, xã đảm bảo đúng phạm vi, đối tượng, thời gian và tiến độ theo quy định.

II. Nội dung, phạm vi và đối tượng luân chuyển tăng cường

- Thực hiện như mục IV của Nghị quyết số 10 - NQ/TU và mục 3 của Hướng dẫn của Ban Chỉ đạo luân chuyển tăng cường cán bộ Tỉnh.

- Đối với Huyện ủy Bảo Yên đã ban hành Quyết định số 225 - NQ/HU ngày 08/6/2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thành lập 18 tổ công tác tăng cường củng cố cơ sở ở 18/18 xã, thị trấn. Các tổ công tác hoạt động theo tinh thần Quyết định số 262 - QĐ/HU ngày 08/8/2001 về việc ban hành Quy chế hoạt động (tạm thời).

- Đối với 10 xã thuộc diện tăng cường, cắm cán bộ xuống theo tinh thần của Tỉnh ủy, cử mỗi xã một cán bộ xuống đảm nhiệm các chức danh Phó Bí thư Đảng ủy xã hoặc Phó Chủ tịch UBND xã và tham gia bổ sung vào làm thành viên của các tổ công tác củng cố xã.

- Đối với 08 xã, thị trấn còn lại việc tăng cường củng cố cơ sở vẫn do các tổ công tác ở đó đảm nhiệm theo Qui định trước đây của Huyện ủy.

III. Các bước triển khai thực hiện

1. Bước 1: *Bao gồm thời gian chuẩn bị và tiến hành đến hết ngày 25/12/2001*

- Huyện ủy lựa chọn các xã thuộc diện tăng cường, báo cáo tỉnh từ giữa năm 2001. Sau khi Tỉnh xem xét, dự kiến các xã khó khăn, phức tạp của huyện, Huyện ủy đề nghị điều chỉnh, chọn ra 10 xã cần tăng cường cán bộ giai đoạn từ nay đến năm 2005.

- Lựa chọn đội ngũ cán bộ của huyện tăng cường cho cơ sở được 05

đồng chí, tổ chức gặp gỡ, trao đổi tinh thần luân chuyển các đồng chí xuống các xã.

- Dự kiến các chức danh để cán bộ tỉnh và huyện được tăng cường sẽ đảm nhiệm ở các xã, báo cáo với Ban Chỉ đạo Tỉnh.

2. Bước 2*: Từ ngày 26/12/2001 đến hết tháng 02/2002.*

- Ban Chỉ đạo của huyện, theo Quyết định số 231 - QĐ/HU ngày 30/7/2001 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm lại, sắp xếp, luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở.

- Đưa cán bộ tăng cường xuống cơ sở đi tập huấn ở tỉnh theo lịch từ ngày 15/01/2002 đến 30/01/2002.

- Điều động 05 cán bộ của huyện xuống các xã theo lịch từ ngày 21/02/2002 đến 28/02/2002.

-Tổ chức đón nhận số cán bộ do Tỉnh cử xuống xã, tiến hành gặp gỡ với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể ở các xã.

-Tiếp tục củng cố, kiện toàn lại các tổ công tác tăng cường củng cố cơ sở, phân công công tác từng thành viên.

- Ổn định nơi ăn ở, báo cáo Ban Chỉ đạo huyện.

- Khảo sát tỷ mỉ tình hình mọi mặt của xã.

- Tổ công tác xây dựng kế hoạch củng cố cơ sở theo phương châm cơ sở yếu mặt nào thì trước hết tập chung củng cố mặt đó đi đôi với xác định các nhiệm vụ trọng yếu của cơ sở mà tổ công tác cần tập chung chỉ đạo. Kế hoạch công tác cần được thống nhất giữa tổ công tác và Đảng ủy (hoặc Chi ủy xã) và đề nghị Ban Chỉ đạo huyện thông qua sau đó mới triển khai thực hiện.

3. Bước 3: *Từ đầu tháng 3 năm 2002 trở đi.*

- Các tổ công tác triển khai thực hiện kế hoạch củng cố cơ sở.

- Ban Chỉ đạo huyện tiếp tục nghiên cứu, có thể bổ sung hoặc đề nghị Tỉnh bổ sung cán bộ cắm điểm xuống các xã còn lại.

- Luân chuyển, tăng cường cán bộ về cơ sở là công việc quan trọng và phức tạp, giao cho Ban Chỉ đạo huyện chỉ đạo thực hiện thắng lợi kế hoạch này./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 19-KH/HU, ngày 14 tháng 01 năm 2002

Tổ chức thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW ngày 15/12/2000 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn"

I- Mục đích, yêu cầu

a/ Mục đích:

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai và Nghị quyết Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII và triển khai có hiệu quả các chính sách lớn của Đảng, Nhà nước ta từ nay đến năm 2005; cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy các cấp trong việc xây dựng củng cố tổ chức Hội Nông dân Việt Nam, đặc biệt là Hội Nông dân cấp xã, thị trấn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, để Hội Nông dân thực sự là lực lượng nòng cốt trong các phong trào thi đua ở nông thôn, là thành viên tích cực trong khối đại đoàn kết toàn dân. Góp phần tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh, thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ở địa phương.

b/ Yêu cầu:

Các cấp ủy Đảng cần quán triệt rộng rãi đến toàn thể cán bộ đảng viên trong Đảng bộ Chỉ thị 59 của Bộ Chính trị và kế hoạch tổ chức triển khai của Huyện ủy. Mỗi cấp ủy, Chi bộ phải xây dựng kế hoạch cụ thể hoá ở cấp mình để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

Chính quyền UBND và các cơ quan, ban, ngành, UBMTTQ và các đoàn thể nhân dân cần quán triệt sâu sắc Chỉ thị 59, có chương trình phối hợp với Hội Nông dân cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa bàn nông thôn.

Từ đó tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và trong hành động ở tất cả các Chi Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể từng bước đưa công tác hội và phong trào nông dân huyện Bảo Yên tiếp tục phát triển, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn trong những năm tới ngang tầm với các địa phương trong cả nước.

II- Nội dung kế hoạch

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Nông dân

Về công tác tổ chức, cán bộ: Giao cho Hội nông dân huyện phối hợp với các cấp ủy xã, thị trấn đánh giá đúng thực trạng tổ chức và đội ngũ

cán bộ công tác Hội nông dân. Qua đó xây dựng quy hoạch, đào tạo, sử dụng và bố trí cán bộ hợp lý, đạt chất lượng hiệu quả trong công tác. Tăng cường bố trí cán bộ đảng viên có đủ năng lực, trình độ, có phẩm chất chính trị, nhiệt tình công tác và am hiểu về nông nghiệp, nông thôn, nông dân, có khả năng vận động nông dân hoàn thành tốt công tác hội ở các cấp.

Đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ chủ chốt có đủ tiêu chuẩn điều kiện tham gia cấp ủy. Trước mắt các Chi, Đảng bộ chỉ đạo tốt Đại hội Hội Nông dân cấp cơ sở nhiệm kỳ 2002 - 2007.

Thường trực Huyện ủy định kỳ 3 tháng 1 lần, Cấp ủy xã, thị trấn hàng tháng nghe BTV Hội cùng cấp báo cáo tình hình hoạt động và phong trào nông dân để cho ý kiến, chủ trương chỉ đạo đồng thời tháo gỡ những vướng mắc cho Hội Nông dân hoạt động có kết quả thường xuyên.

- Hàng năm ở cấp Chi ủy, Tổ đảng tại thôn bản lấy ý kiến tham gia của Chi hội nông dân đóng góp xây dựng cho cán bộ, đảng viên nơi cùng sinh hoạt để đánhgiá, phân xếp loại chất lượng đảng viên. Về công tác phát triển Đảng, cấp ủy, Chi bộ đảng lấy ý kiến của Chi hội Nông dân giới thiệu hội viên tiêu biểu, ưu tú cho Đảng để bồi dưỡng kết nạp.

- Tất cả đảng viên đang sinh hoạt tại các Chi, Tổ đảng ở nông thôn phải tham gia sinh hoạt trong tổ chức Hội Nông dân. Từng đảng viên phải gương mẫu thực hiện các phong trào do Hội Nông dân và các đoàn thể phát động. Đồng thời mỗi đảng viên phải là người tích cực tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho hội viên và nông dân.

- Hàng năm đánh giá chất lượng của tổ chức Đảng cơ sở gắn với việc đánh giá chất lượng hoạt động của Hội Nông dân và các đoàn thể nhân dân tại nơi tổ chức Đảng hoạt động.

2. Sự phối hợp tạo điều kiện của các cấp chính quyền, các ban ngành, mặt trận và các đoàn thể nhân dân

- Căn cứ Quyết định 17/1998/QĐ-TTg ngày 14/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định 282/1999/QĐ-UB ngày 15/10/1999 của UBND tỉnh Lào Cai chính quyền các cấp phải xây dựng quy chế phối hợp giữa Hội Nông dân và UBND (xong trong quý 2/2002).

UBND các cấp tạo điều kiện thuận lợi để các cấp Hội Nông dân tham gia là thành viên chính thức BCĐ các chương trình kinh tế - xã hội có liên quan đến nông nghiệp - nông thôn. Hội Nông dân có trách nhiệm tham gia đóng góp vào việc xây dựng các chính sách và thực hiện tốt chức năng đại diện, giám sát của tổ chức Hội.

Các ban, ngành, mặt trận và các đoàn thể căn cứ nhiệm vụ chính trị có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn cần xây dựng chương trình kế hoạch

phối hợp với Hội nông dân cùng cấp triển khai thực hiện ở cấp mình.

3. Hoạt động của Hội Nông dân các cấp

- Hội nông dân các cấp cần tham mưu cho cấp ủy cùng cấp hàng năm quy hoạch, đào tạo xử dụng cán bộ Hội phát huy hiệu quả, đảm bảo tính kế thừa và tạo được nguồn cán bộ ở địa phương. Phấn đấu năm 2002 - 2003 các Chi hội Nông dân theo thôn bản có phong trào hoạt động khá; mạnh, Đưa tổng số hội viên được kết nạp vào hội đến năm 2005 đạt 90%, so với tổng số hộ nông dân trong toàn huyện. Tích cực đổi mới phương thức hoạt động công tác hội theo phương châm Hướng về Chi, Tổ hội. Phát hiện và xử lý giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của nông dân. Các cấp hội nhất là Chi, Tổ hội cần tăng cường sinh hoạt, kết hợp sinh hoạt câu lạc bộ để tập hợp nông dân vào hội. Đổi mới nội dung sinh hoạt và gắn với việc tháo gỡ giải quyết các lợi ích kinh tế thiết thực và nâng cao nhu cầu hưởng thụ tinh thần văn hoá lành mạnh của hội viên.

- Tập chung chỉ đạo và thực hiện các phong trào của hội đã phát động ở cơ sở, cần có những biện pháp tích cực phối kết hợp vận động nông dân thực hiện tốt phong trào nông dân thi đua sản xuất nông lâm nghiệp giỏi, giúp nhau xóa đói giảm nghèo; tăng nhiều hộ khá, giàu, không còn hộ đói vào năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo giảm dưới 11,0%, vận động nông dân thi đua thực hiện tốt phong trào tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở nông thôn như các công trình điện, đường, trường, trạm, nước sinh hoạt, ngói hoá...

- Hội có trách nhiệm vận động nông dân thực hiện các chương trình KT-XH, giáo dục nông dân khắc phục tính trông chờ ỷ lại phát huy tính tích cực, chủ động, cần cũ, sáng tạo tự vươn lên theo cơ chế đổi mới, thu thập ý kiến của nông dân tham gia các chương trình phát triển KT-XH ở địa phương, đề xuất tham mưu cho Đảng ủy, chính quyền giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng của nông dân.

- Thường xuyên chủ động phối hợp với các ban ngành chức năng tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao KHKT, dạy nghề cho nông dân, bảo đảm cho nông dân tham gia các chương trình trồng chè, ngô, cây ăn quả... thâm canh lúa đạt năng suất, sản lượng cao.

- Hội vận động nông dân xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất ở nông thôn như củng cố HTX nông nghiệp đã chuyển đổi ở vùng thấp. Vùng cao lấy phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại là chính, vùng có điều kiện thì phát triển loại hình kinh tế HT đa dạng.

Hội phối hợp với các ngành, đoàn thể vận động nông dân tham gia thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng làng, xã thành khu dân cư văn hoá không còn hủ tục lạc hậu và các tệ nạn xã hội, không di dịch cư tự do, không nghe, không theo đạo trái pháp luật. đồng thời triển khai

có hiệu quả mô hình, đề án xây dựng nông thôn (cấp xã) theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trên cơ sở đảm bảo" dân chủ, an toàn, đoàn kết và phát triển".

III- Các bước tiến hành

1. Ở cấp huyện

Tổ chức hội nghị triển khai gồm: Thường trực UBND huyện, lãnh đạo các Ban xây dựng Đảng, UBMTTQ, các đoàn thể nhân dân, các ban có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, các đồng chí Bí thư, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, Chủ tịch hội Nông dân 18 cơ sở để quán triệt Chỉ thị 59 của BCT và kế hoạch của tỉnh, huyện.

Thời gian 1 ngày, xong trong tháng 12/2001.

2. Ở cấp xã

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện KH của Huyện ủy trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Tổ chức hội nghị triển khai Chỉ thị 59/BCT, kế hoạch của Huyện ủy, cấp ủy cơ sở

Thời gian 1/2 ngày, xong trong tháng 1/2002.

3. BTV Huyện ủy giao cho Ban dân vận Huyện ủy

Hội nông dân huyện theo rõi kiểm tra việc tổ chức triển khai học tập Chỉ thị 59 và tổ chức thực hiện kế hoạch của Huyện ủy. Định kỳ báo cáo BTV Huyện ủy theo KH./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 23-KH/HU, ngày 17 tháng 04 năm 2002
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09- NQ/TU về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001-2005

Thực hiện nghị quyết số:09-NQ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2001 của Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001-2005.

Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch triển khai quán triệt, thực hiện nghị quyết cụ thể như sau:

I. Mục đích yêu cầu:

1. Đoàn kết các dân tộc, phát huy tiềm năng sức sáng tạo và huy động tiềm lực trong dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ công tác vận động quần chúng trong tình hình mới.

2. Tiếp tục nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân đặc biệt khu vực nông thôn, vùng cao, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, tham gia thực hiện các chương trình kinh tế xã hội, thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

3. Tiếp tục nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác dân vận. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận - đoàn thể quần chúng theo hướng gần dân - sát cơ sở.

4. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa các cấp chính quyền với mặt trận tổ quốc và đoàn thể.

5. Cấp ủy xã, thị trấn triển khai thực hiện nghị quyết nhất thiết phải chọn ít nhất một thôn bản làm điểm chỉ đạo các ngành chức năng, Mặt trận Tổ quốc - đoàn thể ở huyện có chương trình phối hợp chỉ đạo ngành dọc, đoàn thể ở cơ sở tổ chức thực hiện nghị quyết.

II. Đối tượng và thời gian triển khai nghị quyết

*** Đối tượng:**

Nghị quyết số 09 của Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng giai đoạn triệt đến tất cả các cơ sở Đảng trực thuộc, chi bộ về thực hiện nghị quyết Đảng ủy, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể quần được học tập. Chương trình hành khai thực hiện trong các cấp.

* Thời gian:

Nghiên cứu nội dung nghị quyết, chương trình động của Huyện ủy và hành thảo luận chương trình của cơ sở, thời gian 1/2 ngày.

Thời gian triển khai quán triệt nghị quyết, các cơ sở Đảng tiến hành xong trước ngày 05 tháng 5 năm 2002 và báo cáo kết quả về Huyện ủy qua Ban Dân vận - Dân tộc.

* Tài liệu:

Huyện ủy sao gửi các cơ sở Đảng toàn văn nghị quyết số:09 của Tỉnh ủy và đã có đăng trong thông tin Dân vận Lào Cai số ra tháng 01/2002.

* Tổ chức thực hiện:

Ở Huyện tổ chức hội nghị BCH Huyện ủy mở rộng ngày 19/4/2002 để triển khai nghị quyết. ở cơ sở Đảng đồng chí Bí thư chịu trách nhiệm xây dựng chương trình hành động và kế hoạch chỉ đạo triển khai ở đơn vị mình.

Các ngành chức năng, Mặt trận Tổ Quốc đoàn thể Huyện có chương trình chỉ đạo theo hệ thống ngành dọc và phối hợp với cấp ủy cơ sở để tổ chức chỉ đạo.

Việc sơ kết đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết được gắn với tổng kết công tác hàng năm của chi, Đảng bộ.

Các chi, Đảng bộ trực thuộc, các ban xây dựng Đảng Huyện ủy, các đồng chí Huyện ủy viên phụ trách xã có trách nhiệm phối hợp đôn đốc tổ chức triển khai và thực hiện nghị quyết./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 28-KH/HU, ngày 04 tháng 06 năm 2002

Triển khai học tập và thực hiện Quy định số 14-QĐ/TW ngày 16/11/2001 của Ban Chấp hành Trung ương và Hướng dẫn số 04-HD/BCTTW ngày 05/02/2002 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thi hành Điều lệ Đảng

---

Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Hướng dẫn số 04 - HD/TCTW và Kế hoạch của Tỉnh ủy Lào Cai.

Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch triển khai học tập và tổ chức thực hiện Quy định số 14 QĐ/TW và Hướng dẫn số 04-HD/TCTW cụ thể như sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Việc triển khai học tập, quán triệt các qui định của Ban Chấp hành Trung ương và hướng dẫn thực hiện của Ban Tổ chức Trung ương về việc thi hành Điều lệ Đảng phải đảm bảo đầy đủ yêu cầu làm cho toàn thể cán bộ đảng viên nắm vững mọi nội dung như: "Quyền được thông tin của đảng viên, quyền của đảng viên trong việc ứng cử, đề cử và bầu cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, quyền của đảng viên trong việc phê bình, chất vấn tổ chức Đảng và đảng viên"

2. Đổi mới việc tổ chức học tập, quán triệt qui định, hướng dẫn đến cán bộ đảng viên đảm bảo thiết thực, cụ thể, đúng đối tượng, cấp ủy cần kiểm tra, rà soát lại các chương trình hoạt động công tác cho phù hợp.

3. Quán triệt thực hiện Điều lệ Đảng, nguyên tắc tập chung dân chủ, tự phê bình và phê bình, kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện bằng báo cáo.

4. Tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện quy định, hướng dẫn để cho toàn thể đảng viên rèn luyện tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ đảng viên, nêu cao tinh thần tiên phong gương mẫu chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng. Ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức cho cán bộ đảng viên.

II. Tổ chức quán triệt

1. Ở cấp huyện:

- Thành phần:

Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư, Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể.

- Nội dung:

Giới thiệu những nội dung cơ bản của quy định số 14 - QĐ/TW và Hướng dẫn số 04 - HD/TCTW hướng dẫn một số vấn đề cụ thể về thi hành Điều lệ Đảng.

- *Thời gian:* 01 ngày, vào ngày 12 hoặc ngày 13/6/2001

+ Học tập quán triệt 1/2 ngày.

+ Thảo luận 1/2 ngày.

2. **Ở cấp xã, thị trấn**:

+ Thành phần: Triển khai nghiên cứu, quán triệt, học tập tới toàn thể đảng viên.

+ Nội dung: Giới thiệu những nội dung của Qui định 14 - QĐ/TW và Hướng dẫn số 04 - HD/TCTW một số vấn đề cụ thể về thi hành Điều lệ Đảng.

+ Thời gian: 01 ngày

+ Học tập quán triệt 1/2 ngày

+ Thảo luận 1/2 ngày

+ Thời gian hoàn thành ngày 30/6/2002.

Trên đây là kế hoạch hướng dẫn triển khai học tập quán triệt nội dung Quy định số 14 - QĐ/TW và hướng dẫn số 04 - HD/TCTW về việc thi hành Điều lệ Đảng. Huyện ủy Bảo Yên yêu cầu các Chi, Đảng bộ thực hiện nghiêm túc việc triển khai học tập tới toàn thể cán bộ đảng viên, báo cáo kết quả học tập về Ban Tổ chức Huyện ủy bằng văn bản chậm nhất ngày 05/7/2002.

Các đồng chí huyện ủy viên phụ trách cụm, xã, trực tiếp xuống địa bàn đôn đốc triển khai lãnh đạo cơ sở hoàn thành nhiệm vụ học tập và thực hiện quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

Các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Huyện ủy căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình tham mưu nắm bắt tình hình kịp thời giúp Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo tốt việc học tập và quá trình thực hiện quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 32-KH/HU, ngày 04 tháng 10 năm 2002
Triển khai học tập và tổ chức thực hiện các kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX)

Căn cứ vào kế hoạch số 17 - KH/TU ngày 23/8/2002 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc " Nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện các kết luận của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX).

Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch và triển khai học tập quán triệt và tổ chức thực hiện như sau:

I. Mục đích - yêu cầu

1. Làm cho toàn Đảng, toàn dân nhất trí cao với những đánh giá tình hình tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương về giáo dục - đào tạo; khoa học và công nghệ; về tổ chức, cán bộ trong thời gian qua, nắm vững và nhất trí với những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập chung thực hiện trong thời gian tới, khắc phục những nhận thức không đúng về những vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách trong những lĩnh vực nói trên.

2. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc những nhiệm vụ và giải pháp đã được nêu ra trong các kết luận của Hội nghị. Các cấp, các ngành, nhất là các ngành có liên quan trực tiếp cần xây dựng chương trình hành động, xác định rõ những việc phải làm ngay, các mục tiêu cần đạt, thời gian hoàn thành, các giải pháp thực hiện để triển khai một cách có hiệu quả, thiết thực tạo được sự chuyển biến rõ rệt trong việc đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

3. Phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm trong việc nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện các Nghị quyết Trung ương đã triển khai, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa việc tổ chức học tập các kết luận của Hội nghị Trung ương 6 theo hướng tổ chức học tập nghiêm túc, đúng đối tượng, nắm vững các nội dung chủ yếu, phê bình và tự phê bình sâu sắc, có chương trình hành động tích cực, cụ thể, sát thực tế. Kết luận về lĩnh vực nào thì cấp ủy và tổ chức Đảng ở lĩnh vực đó phải nghiên cứu sâu hơn, kỹ hơn.

II. Tổ chức thực hiện

1. Ở huyện:

Mở Hội nghị gồm các thành phần:

Các đ/c Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy; Trưởng các ban ngành, đoàn thể của huyện.

- Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch HĐND, UBND các xã, thị trấn.

- Hiệu trưởng các trường trên địa bàn huyện.

Các đồng chí cán bộ trung, cao cấp đã nghỉ hưu trên địa bàn huyện.

- Cán bộ tăng cường củng cố cơ sở.

* ***Nội dung****:*

- Quán triệt 03 kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khoá IX).

- Thông qua Kế hoạch triển khai các kết luận Hội nghị Trung ương 6 của huyện.

- Quán triệt chương trình hành động của tỉnh về thực hiện kết luận Hội nghị Trung ương 6.

- Thảo luận, quán triệt nội dung các kết luận Hội nghị Trung ương 6 và tham gia lấy ý kiến vào dự thảo chương trình hành động của huyện.

**** Thời gian: 02 ngày (hoàn thành trước 15/10/2002).***

**** Tài liệu:*** Theo qui định của Trung ương.

* ***Báo cáo viên:*** Các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Ở cơ sở:

Mở Hội nghị gồm các thành phần:

- Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng ủy; Trưởng, phó các ban ngành, đoàn thể của xã, thị trấn.

- Trưởng thôn bản, tổ dân phố, cán bộ tăng cường, các báo cáo viên và đảng viên trong đảng bộ.

* ***Nội dung:***

- Giới thiệu nội dung cơ bản các kết luận Hội nghị Trung ương 6.

- Tóm tắt chương trình hành động thực hiện các kết luận Hội nghị Trung ương 6 của Tỉnh ủy, Huyện ủy.

- Thảo luận chương trình hành động của chi, đảng bộ cơ sở.

* ***Thời gian*** : 01 ngày (hoàn thành trước 30/10/2002).

* ***Tài liệu****:* Hỏi và Đáp do Ban Tư tưởng Văn hoá Trung ương biên soạn.

* ***Báo cáo viên****:* Các đồng chí huyện ủy viên phụ trách xã, Bí thư, Phó Bí thư các chi, đảng bộ cơ sở.

3. Tuyên truyền trong nhân dân:

Các chi, đảng ủy cơ sở chỉ đạo các đoàn thể, trưởng thôn, bản, tổ dân phố và phân công báo cáo viên truyền đạt các nội dung cơ bản ba kết luận của Hội nghị Trung ương 6. Tóm tắt chương trình hành động của tỉnh, huyện và cơ sở đến nhân dân.

**** Thời gian:*** 1/2 ngày (hoàn thành trước 15 tháng 11 năm 2002).

**** Tài liệu****:* Do Ban Tuyên giáo Huyện ủy biên soạn.

**** Báo cáo viên:*** Các đồng chí cấp ủy viên và báo cáo viên cơ sở.

III. Phân công trách nhiệm

1. Các đồng chí huyện ủy viên; các chi, đảng bộ cơ sở căn cứ vào kế hoạch này xây dựng kế hoạch tổ chức học tập quán triệt các kết luận của Hội nghị Trung ương 6 và xây dựng chương trình hành động của đơn vị mình trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Huyện ủy về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tổ chức cán bộ. Chương trình hành động của các chi, đảng bộ cơ sở trước khi thông qua phải được Thường trực Huyện ủy phê duyệt (Huyện ủy sẽ có lịch duyệt cụ thể).

2. Các ngành trong khối tuyên truyền cần xây dựng các chuyên mục tuyên truyền các kết luận của Hội nghị Trung ương 6 và kết quả thực hiện các Nghị quyết 3, 4, 5 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX) và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy và Huyện ủy.

3. Các Ban xây dựng Đảng và các ngành chức năng tham mưu giúp Ban Chấp hành xây dựng chương trình hành động thực hiện các kết luận của Hội nghị Trung ương 6 cho sát hợp.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi đôn đốc triển khai các kết luận Hội nghị Trung ương 6. Tổng hợp báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Huyện ủy theo 2 đợt: Đợt 1 triển khai trong Đảng có báo cáo trước ngày 30/10/2002; đợt 2 triển khai trong nhân dân có báo cáo trước 20/11/2002 để Huyện chỉ đạo kịp thời và báo cáo Tỉnh./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 34-KH/HU, ngày 12 tháng 10 năm 2002
V/v kiểm tra khảo sát thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

---

Thực hiện Kế hoạch số 07 - KH/TG của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lào Cai về việc kiểm tra, khảo sát thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII về xây dựng nền văn hoá Lào Cai tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII và chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (nhiệm kỳ 2000 - 200) về xây dựng nền văn hoá Bảo Yên tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và nhiệm vụ phát triển văn hoá của huyện đến năm 2005. Huyện ủy Bảo Yên triển khai đợt kiểm tra, khảo sát kết quả thực hiện ở các cơ sở Đảng với những nội dung sau:

I. Mục đích - yêu cầu

- Nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Tiến tới sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) theo chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII.

- Công tác khảo sát đánh giá phải được triển khai toàn diện đến cơ sở, đảm bảo khách quan, toàn diện, đánh giá đúng những kết quả đã đạt được và những tồn tại trong việc triển khai thực hiện, đề ra được giải pháp và phương hướng trong thời gian tới.

II. Nội dung kiểm tra, khảo sát

- Kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng về thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) và các Nghị quyết của huyện về phát triển văn hoá văn nghệ - thể dục thể thao.

- Khảo sát thực trạng về đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân, kết quả phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", phong trào văn hoá thể dục thể thao.

- Khảo sát về tình hình công tác văn hoá văn nghệ của các cấp ủy Đảng.

- Khảo sát về kết quả công tác đầu tư, quy hoạch và xây dựng các thiết chế văn hoá ở cơ sở (như bàn bóng bàn, nhà văn hoá ...) phòng văn hoá - trung tâm văn hoá.

III. Thời gian kiểm tra - khảo sát

- Huyện ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra khảo sát, giao cho lãnh đạo Ban Tuyên giáo làm trưởng đoàn, có sự phối hợp của phòng Văn hoá - Thông tin, Trung tâm Văn hoá Thể dục thể thao. Thời gian kiểm tra từ 25/10 đến 20/11/22002, có báo cáo tổng hợp kết quả công tác khảo sát và đánh giá của các xã, thị trấn về Thường trực Huyện ủy trước ngày 20/11/2002 (ngoài báo cáo chính còn báo cáo bằng biểu mẫu thống kê kèm theo kế hoạch này).

- Huyện ủy chọn 04 cơ sở là:

+ Thị trấn Phố Ràng;

+ Xã Việt Tiến;

+ Xã Bảo Hà;

+ Xã Điện Quan

- Mỗi xã trên ngoài khảo sát xã còn khảo sát từ 01 đến 02 thôn bản. Sau đó đánh giá kết quả thực hiện của địa phương và báo cáo kết quả về Thường trực Huyện ủy. Còn các đơn vị khác tự kiểm tra khảo sát và báo cáo chậm nhất ngày 20/11/2002.

- Đối với 04 xã huyện chọn làm điểm kiểm tra khảo sát thì các tổ đi kiểm tra phối kết hợp với các đồng chí huyện ủy viên phụ trách xã cùng tham gia kiểm tra khảo sát.

Trên đây là kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy về tổ chức thực hiện chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên yêu cầu các chi, đảng bộ các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện kế hoạch này. Báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Ban Tuyên giáo Huyện ủy theo đúng thời gian, quy định./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 37-KH/HU, ngày 02 tháng 06 năm 2003
Triển khai học tập và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX)

Căn cứ Hướng dẫn số 2831-HD/TT-VH ngày 25/3/2003 của Ban Tư tưởng - văn hoá Trung ương, Kế hoạch số 22-KH/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về việc nghiên cứu, quán triệt các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương Đảng (khoá IX).

Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch triển khai học tập và tổ chức thực hiện như sau:

I. Mục đích - yêu cầu

Việc nghiên cứu, quán triệt các Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX) cần đạt được mục đích, yêu cầu sau đây:

1. Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nắm vững và nhất trí cao với các quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ, các giải pháp của các nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Về công tác dân tộc, về công tác tôn giáo và tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật, về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Khắc phục những nhận thức và việc làm lệch lạc, sai trái trong các lĩnh vực nói trên.

2. Đổi mới việc tổ chức học tập các nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 theo hướng: Đúng đối tượng, thiết thực, hiệu quả.

Đối với cán bộ chủ chốt và đội ngũ báo cáo viên các cấp phải tự nghiên cứu các nghị quyết. Trên cơ sở tự nghiên cứu để đề xuất những vấn đề cần thảo luận, giải đáp, sau đó cấp ủy mới tổ chức quán triệt các quan điểm cơ bản, giải đáp thắc mắc và chỉ đạo xây dựng triển khai chương trình hành động thực hiện các nghị quyết. Riêng nghị quyết về công tác dân tộc, công tác tôn giáo cần được nghiên cứu sâu sắc trong đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, công tác tôn giáo ở huyện và các xã trọng điểm.

Coi trọng hình thức thảo luận đối thoại trong học tập. Đối với đảng viên ở cơ sở cần quán triệt để nắm vững những vấn đề chung, giành thời gian giới thiệu phân tích kỹ những chủ trương, giải pháp trong các nghị quyết có liên quan trực tiếp đến đối tượng.

Chuẩn bị đội ngũ báo cáo viên có chất lượng và cung cấp đủ tài liệu cho cán bộ đảng viên nghiên cứu học tập.

3. Gắn việc quán triệt các nghị quyết với việc xây dựng, triển khai chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7 với thực hiện 6 chương trình công tác trọng tâm hướng về cơ sở năm 2003 của Tỉnh ủy và Huyện ủy. Xác định rõ những việc phải làm, các mục tiêu cần đạt, thời gian hoàn thành các giải pháp, phân công trách nhiệm, nêu rõ người chịu trách nhiệm chính, tạo được chuyển biến rõ nét trong việc đưa Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và của Huyện ủy vào cuộc sống.

4. Cần phân tích và làm rõ việc thực hiện các chương trình hành động thực hiện các nghị quyết trước đây, đặc biệt chú ý những việc chưa làm được, làm chậm, rút ra nguyên nhân. Qua đó rút kinh nghiệm bổ khuyết cho việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết lần này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết phải chú ý chỉ đạo làm thí điểm, xác định mô hình, xây dựng chính sách phù hợp nhằm phát huy các nhân tố mới và tăng cường công tác kiểm tra. Sau mỗi năm tiến hành sơ kết rút kinh nghiệm tiếp tục bổ sung chương trình hành động, để các nghị quyết của Đảng thực sự đi vào cuộc sống đem lại hiệu quả thiết thực cho nhân dân.

II. Tổ chức thực hiện

1. Cấp huyện: Tổ chức 2 hội nghị.

a. Hội nghị BCH mở rộng:

* Đối tượng gồm:

- Các đồng chí ủy viên BCH Huyện ủy (khoá XII), trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể của huyện.

- Bí thư, Phó bí thư; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND và chủ tịch mặt trận Tổ quốc các xã, thị trấn.

- Các đồng chí trung, cao cấp đã nghỉ hưu trên địa bàn huyện.

* Nội dung:

- Quán triệt 4 nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7 (khoá IX).

- Kế hoạch triển khai và chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Tỉnh ủy và Huyện ủy.

* Thời gian: 2 ngày (ngày 29 và 30/5/2003).

* Tài liệu: Các văn kiện Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương Đảng (khoá IX) Dự thảo kế hoạch và chương trình hành động thực hiện các nghị quyết Trung ương 7 của Tỉnh ủy và Huyện ủy.

* Báo cáo viên: Các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy được phân công.

b. Hội nghị báo cáo viên của huyện:

* Đối tượng gồm: Các đồng chí báo cáo viên các chi, đảng bộ cơ sở

không thuộc thành phần dự hội nghị BCH mở rộng của huyện (Tổng 80 đồng chí).

* Nội dung: Như hội nghị BCH mở rộng của huyện.

* Thời gian: 1,5 ngày (xong trước 10/6/2003).

* Tài liệu: Như hội nghị BCH mở rộng.

2. Cấp cơ sở:

- Các đồng chí trong BCH chi, đảng ủy xã, thị trấn và cơ quan, trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể xã, thị trấn, cơ quan và cán bộ chủ chốt của xã đã nghỉ hưu.

- Trưởng thôn, bản, báo cáo viên và toàn bộ đảng viên trong chi, đảng bộ, (nơi đông đảng viên thì tổ chức học tập theo chi bộ).

* Nội dung:

- Giới thiệu nội dung cơ bản 4 Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7.

Tóm tắt chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết Trung ương 7 của cấp ủy cấp trên và cấp cơ sở.

* Thời gian: 1 ngày (xong trước 25/6/2003).

* Tài liệu: Tài liệu học tập các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH Trung ương (khoá IX).

* Báo cáo viên: Bí thư, Phó Bí thư các chi, đảng bộ, các đồng chí Huyện ủy viên, thủ trưởng các ban, ngành phụ trách xã.

3. Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân:

- Các cấp ủy đảng cơ sở chỉ đạo các đoàn thể, thôn bản tổ chức học tập và phân công báo cáo viên truyền đạt các nội dung cơ bản 4 Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7. Tóm tắt chương trình hành động của cấp ủy các cấp đến nhân dân.

- Thời gian: 1 ngày

- Tài liệu: Hỏi và đáp về các Nghị quyết Trung ương 7.

- Báo cáo viên: Do báo cáo viên cơ sở và cấp huyện được phân công giúp xã.

III. Phân công trách nhiệm

1.Các đồng chí ủy viên BCH Huyện ủy, các cấp ủy đảng cơ sở căn cứ vào Kế hoạch này xây dựng kế hoạch, tổ chức học tập, quán triệt các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khoá IX) và căn cứ tình hình cụ thể của cơ sở, cơ quan, đơn vị mình xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của hội nghị Trung ương trên cơ sở gắn với việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch, nghị quyết chuyên đề của tỉnh và huyện đã đề ra.

Căn cứ vào chương trình hành động của huyện, các chi, đảng bộ cơ sở có thể xây dựng thành 2 nhóm chương trình hành động: Chương trình

hành động về thực hiện phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc và công tác tôn giáo; Chương trình hành động thực hiện nghị quyết về đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ CNH - HĐH đất nước. Thường trực Huyện ủy và các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, các Ban xây dựng Đảng duyệt chương trình hành động của các chi, đảng bộ cơ sở. (Có lịch riêng).

2. Phòng Văn hoá - Thông tin - Thể thao, Đài truyền thanh truyền hình huyện lập kế hoạch và xây dựng các chuyên mục tuyên truyền trong suốt quá trình triển khai và tổ chức thực hiện các Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX).

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với Ban Dân vận - Dân tộc và Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cùng các ngành liên quan xây dựng chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7 trình BCH Đảng bộ huyện quyết định.

4. Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với Ban Dân vận - Dân tộc và các ngành chức năng liên quan có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện các Nghị quyết Trung ương 7. Tổng hợp kết quả báo cáo về Ban Thường vụ Huyện ủy để chỉ đạo và báo cáo trên.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 41-KH/HU, ngày 06 tháng 08 năm 2003
Về việc kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết TW5 (khóa VIII)

Thực hiện Hướng dẫn số 3052-HD/TTVH ngày 09/5/2003 của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 03/7/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về việc triển khai kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII)

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII và chương trình công tác tư tưởng-khoa giáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (nhiệm kỳ 2000-2005).

I. Mục đích - yêu cầu

- Nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa (VIII) và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

- Công tác kiểm tra đánh giá phải được triển khai toàn diện đến cơ sở, đảm bảo khách quan, toàn diện, đánh giá đúng những kết quả đã đạt được và những tồn tại trong việc triển khai thực hiện, đề ra được giải pháp và phương hướng trong thời gian tới.

II. Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng về thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và các Nghị quyết của huyện về phát triển văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao theo 5 quan điểm chỉ đạo và 10 nhiệm vụ cụ thể được nêu trong Nghị quyết Trung ương 5.

- Kiểm tra thực trạng về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, kết quả phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư ".

- Kiểm tra về tình hình công tác văn hóa văn nghệ của cấp ủy đảng.

- Kiểm tra về kết quả đầu tư, quy hoạch, xây dựng các thiết chế văn hóa.

III. Thời gian kiểm tra

1. Thời gian: Kiểm tra từ ngày 15/8 đến ngày 30/8/2003.

- Từ ngày 15/8 đến ngày 20/8/2003: Kiểm tra Đảng bộ xã Lương Sơn.

- Từ ngày 20/8 đến ngày 30/8/2003: Kiểm tra Đảng bộ xã Vĩnh Yên.

2. Lực lượng kiểm tra: Giao cho lãnh đạo Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc, Phòng Văn hóa - Trung tâm Văn hóa huyện thành

lập tổ kiểm tra hai Đảng bộ trên. Báo cáo kết quả công tác kiểm tra đánh giá của các xã về Thường trực Huyện ủy trước ngày 30/8/2003.

Trên đây là kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy về tổ chức thực hiện triển khai kiểm tra việc kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Ban Thường vụ Huyện ủy yêu cầu các xã được kiểm tra nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 42-KH/HU, ngày 06 tháng 08 năm 2003
Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Thực hiện Kế hoạch số 04-KH/TW ngày 6/6/2003 của Ban Bí thư và Hướng dẫn số 114-HD/KTTW ngày 20/6/2003 của Ban Chỉ đạo kiểm tra Trung ương về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Căn cứ vào kế hoạch của Tỉnh ủy Lào Cai và tình hình thực tế của địa phương, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Qua kiểm tra đánh giá đúng tình hình, thực trạng về lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các qui định của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với tổ chức Đảng.

- Chỉ rõ tổ chức Đảng thực hiện tốt và thực hiện chưa tốt hoặc có vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Rút ra bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

- Kiến nghị đề nghị với cấp ủy đảng các cấp, với Nhà nước... sửa đổi, bổ sung, nếu phát hiện các nội dung qui định còn bất cập khi áp dụng ở điều kiện địa phương.

2. Yêu cầu

Các cấp ủy đảng thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nội dung này. Kết hợp tự kiểm tra với kiểm tra của cấp ủy cấp trên, trong đó tự kiểm tra là chủ yếu. Đối với cơ sở có khuyết điểm, vi phạm phải có kế hoạch khắc phục, sửa chữa ngay.

II. Nội dung và đối tượng kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, cụ thể hoá và thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các Nghị định của Chính phủ, các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Pháp lệnh thực hành tiết kiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tập chung kiểm tra việc cấp phát Ngân sách, tuỳ theo tình hình thực tế của các cơ sở đảng mà chú ý đánh giá sâu các vấn đề cho phù hợp. Đối với chị, đảng bộ các cơ quan tập chung kiểm tra trang bị sử dụng xe ô tô, điện thoại, Fax, xây dựng trụ sở làm việc, hội nghị, đón nhận danh hiệu thi đua... Việc tổ chức hiếu hỷ, khánh thành...Đối với các chi đảng bộ cơ

sở các xã, thị trấn, tập chung kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo dự toán hằng năm cho tiếp khách, hội nghị, việc cưới, việc tang... Kiểm tra việc cấp phát vốn thanh toán cho các chương trình mục tiêu như chương trình 135, chương trình nước sạch, tấm lợp, hỗ trợ giống, trợ cước, trợ giá trong các đề án của Tỉnh ủy.

Phần đánh giá phải nêu số liệu cụ thể, so sánh với qui định do Chính sách đề ra - đánh giá và nêu nguyên nhân, tồn tại phải khắc phục, sửa chữa khuyết điểm.

Thời hiệu kiểm tra từ 01 tháng 01 năm 2001 đến 30 tháng 06 năm 2003.

2. Đối tượng:

Tất cả các tổ chức Đảng đều phải kiểm tra, dưới sự lãnh đạo của Ban Thường vụ, cấp ủy đảng, để đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Ban Thường vụ Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo việc chọn điểm kiểm tra tại các đơn vị cơ sở (Dự kiến kiểm tra: Chi bộ Tài chính, Chi bộ Trung tâm y tế, Đảng bộ thị trấn Phố Ràng, Đảng bộ xã Xuân Hoà).

III. Tổ chức thực hiện

1. Ở Huyện:

- Huyện ủy triển khai quán triệt kế hoạch 04 - KH/TW ngày 06 tháng 6 năm 2003 và hướng dẫn số 114-HD/KTTW ngày 20 tháng 6 năm 2003 của Ban Chỉ đạo kiểm tra Trung ương về kiểm tra lãnh đạo, chỉ đạo thực hành kiểm tra tiết kiệm, chống lãng phí trong Ban chấp hành đảng bộ ngày 30 và 31 tháng 07 năm 2003. Hội nghị thông qua kế hoạch và hướng dẫn thực hiện đến các chi đảng bộ trực thuộc.

- Ban Thường vụ Huyện ủy thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra do đồng chí Phó bí thư thường trực làm Trưởng ban, đồng chí Chủ nhiệm UBKT làm Phó ban thường trực, đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện làm Phó ban. Tham gia đoàn còn có các đồng chí lãnh đạo các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng cấp ủy và một số ban, ngành của huyện. Công tác kiểm tra điểm ở cơ sở do Ban Chỉ đạo kiểm tra phân chia thành các tiểu ban kiểm tra thực hiện. Các tiểu ban kiểm tra được phép trưng tập cán bộ chuyên môn đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ.

- Các đồng chí trong BTV được phân công theo dõi các đảng bộ trực thuộc có trách nhiệm chỉ đạo cuộc kiểm tra ở các chi, đảng bộ trực thuộc đó.

- Ban Chỉ đạo phân công các thành viên và tiểu ban kiểm tra đôn đốc cuộc kiểm tra ở các đảng bộ được phân công.

2. Các chi, đảng bộ trực thuộc:

Sau hội nghị triển khai quán triệt của Huyện ủy, các chi, đảng bộ trực thuộc triển khai quán triệt trong cấp ủy và các tổ chức cơ sở đảng,

quán triệt kế hoạch kiểm tra của Đảng bộ huyện. Tiến hành tự kiểm tra kết hợp với sự chỉ đạo kiểm tra của cấp ủy cấp trên.

3. Thời gian thực hiện:

Các tổ chức đảng triển khai quán triệt và thực hiện xong trước ngày 20/8/2003, báo cáo với Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Ủy ban kiểm tra). Từ ngày 20 đến ngày 26/8/2003 - Ban Thường vụ Huyện ủy thông qua để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy chậm nhất ngày 30/8/2003.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Kế hoạch 04 - KH/KT của Ban Bí thư Trung ương, yêu cầu các tổ chức Đảng triển khai thực hiện nghiêm túc đảm bảo nội dung và thời gian qui định./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH

Số 44-KH/HU, ngày 15 tháng 10 năm 2003

Triển khai nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX)

- Thực hiện Chỉ thị 26-CT/TW ngày 19/8/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Kế hoạch số: 30 KH/TU ngày 07/10/2003 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc tổ chức nghiên cứu quán triệt và thực hiện Nghị quyết lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch triển khai nghiên cứu và thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khoá IX) như sau:

I. Mục đích - yêu cầu

1. Tổ chức quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Làm cho mọi người thấu suốt tinh thần "Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc" "Toàn dân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước".

2. Mỗi cấp ủy Đảng tiến hành kiểm điểm sâu sắc việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời gian qua nhằm đánh giá đúng thành tựu, khuyết điểm, yếu kém và những bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nghị quyết về bảo vệ Tổ quốc từ Đại hội VII đến nay; trong đó chú trọng kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) và Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị (khoá VIII) về chiến lược an ninh quốc gia.

3. Thống nhất nhận định và dự báo tình hình, quán triệt sâu sắc những quan điểm, phương châm chỉ đạo mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản và giải pháp chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó có cách tư duy mới về đối tác, đối tượng.

4. Các cấp ủy đảng xây dựng và triển khai thực hiện chương trình hành động của địa phương, đơn vị mình; tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước, trước hết là tiềm lực chính trị, tinh thần, tiềm lực kinh tế, tiếp tục củng cố nền quốc phong toàn dân, an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đủ sức đóng vai trò nòng cốt cùng toàn dân thực hiện và hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng trong gia đoạn mới.

II. Các bước tiến hành

1. Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt cấp huyện, chi, đảng bộ trực thuộc

* Thành phần: Các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, trưởng, phó các ban, ngành, đoàn thể của huyện; bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch HĐND và UBND các xã, thị trấn. Cán bộ tăng cường các xã của tỉnh, huyện; cán bộ trung cao cấp nghỉ hưu trên địa bàn huyện.

* Nội dung:

- Quán triệt Chỉ thị số 26 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương

- Giới thiệu nội dung Nghị quyết Hội nghị TW8

- Báo cáo của BCH Đảng bộ huyện về kết quả thực hiện các nghị quyết của Trung ương về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ Đại hội VII đến nay.

-Báo cáo và thảo luận chương trình hành động

Hướng dẫn, kế hoạch tổ chức quán triệt nghị quyết cho các tổ chức Đảng ở cơ sở và tuyên truyền trong nhân dân.

* Thời gian: Hội nghị tiến hành 1 ngày, hoàn thành trước 25/10/2003.

* Báo cáo viên: Đồng chí bí thư hoặc phó bí thư Huyện ủy trực tiếp giới thiệu.

2. Tổ chức triển khai ở các chi, đảng bộ cơ sở:

* Nội dung:

- Quán triệt Chỉ thị 26 - CT/TW của Ban Bí thư TW

- Giới thiệu nội dung cơ bản Nghị quyết TW8

- Báo cáo của cấp ủy về kết quả thực hiện các Nghị quyết của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ đại hội VII đến nay.

* Tài liệu: Tài liệu học tập Nghị quyết Trung ương 8 do Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương biên soạn.

* Thời gian: 1 ngày hoàn thành trước 20/11/2003

* Báo cáo viên: Là các đồng chí huyện ủy viên phụ trách xã, thị trấn và đồng chí bí thư các chi, đảng bộ cơ sở trực tiếp truyền đạt.

3. Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân:

Các cấp ủy đảng từ huyện đến cơ sở trực tiếp chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch, triển khai việc tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Trung ương 8 trong đoàn thể mình. Hoàn thành trước 20/12/2003. sử dụng tài liệu của Ban Tư tưởng văn hoá Trung ương biên soạn.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng:

Có kế hoạch tuyên truyền cụ thể mở các chuyên mục về Nghị quyết Trung ương 8 gắn việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, huyện và Nghị quyết Đại hội IX.

III. Tổ chức xây dựng chương trình hành động của các cấp ủy

Các chi, đảng bộ trực thuộc, các ban, ngành, các đoàn thể của huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiến hành kiểm điểm việc thực hiện Nghị

quyết của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và bao đảm an ninh trật tự, trong đó chú trọng kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khoá VII) về chống "diễn biến hoà bình" "bạo loạn lật đổ", Nghị quyết 08 của bộ Chính trị khoá VIII về chiến lược an ninh quốc gia.

Lựa chọn những vấn đề bức xúc cần tập chung chỉ đạo để xây dựng chương trình hành động, thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 đã đề ra.

IV. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

Các cấp ủy đảng cần quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 26 CT/TW của Ban Bí thư TW và các kế hoạch của trên, xây dựng kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ việc học tập quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 đến toàn thể cán bộ đảng viên và nhân dân. Đồng thời xây dựng chương trình hành động cụ thể sát với tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị, có biện pháp thiết thực tổ chức chỉ đạo cán bộ và nhân dân thực hiện Nghị quyết.

Giao cho Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với Đảng ủy cơ quan Quân sự huyện, Đảng ủy Công an huyện, Văn phòng Huyện ủy theo dõi kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 8. Thường xuyên báo cáo với Ban Thường vụ Huyện ủy về tiến độ thực hiện./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 47-KH/HU, ngày 12 tháng 12 năm 2003
Kiểm tra việc tổ chức quán triệt và thi hành Điều lệ Đảng

Thực hiện Kế hoạch số 24-KH/TCTW ngày 09/10/2003 của Ban Tổ chức Trung ương, Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 26/11/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về kế hoạch kiểm tra việc tổ chức quán triệt và thi hành Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX thông qua). Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch tiến hành kiểm tra việc tổ chức quán triệt thi hành Điều lệ Đảng Đại hội IX như sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Đánh giá đúng tình hình các cấp ủy Đảng lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức quán triệt và triển khai thi hành Điều lệ Đảng, Quy định số 14-QĐ/TW của Bộ Chính trị và hướng dẫn số 04-HD/TCTW của Ban Tổ chức Trung ương về cụ thể thi hành Điều lệ Đảng. Nêu rõ ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nội dung này. Đặc biệt vai trò trách nhiệm của cấp ủy cơ sở trong việc tổ chức thực hiện quán triệt Điều lệ Đảng và Quy định số 14-QĐ/TW của Bộ Chính trị đến cán bộ và đảng viên.

2. Đánh giá đúng những chuyển biến tiến bộ về nhận thức và chấp hành Điều lệ Đảng trong từng đảng bộ, góp phần kiện toàn, củng cố tổ chức; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy Đảng, của tổ chức Đảng; tăng cường đoàn kết nội bộ và thực hiện dân chủ, kỷ luật, kỷ cương trong từng tổ chức Đảng.

3. Qua kiểm tra phát hiện và đề xuất những nội dung cần bổ sung sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội X và quy định hướng dẫn của Trung ương về cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

II. Nội dung kiểm tra

Gồm hai phần chính là:

- Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ chức quán triệt Điều lệ Đảng, quy định số 14-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 04-HD/TCTW của Ban Tổ chức Trung ương.

- Kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng, quy định số 14-QĐ/TW và hướng dẫn số 04-HD/TCTW của Ban Tổ chức Trung ương.

- Nội dung kiểm tra từng vấn đề như sau:

A. Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ chức quán triệt điều lệ đảng và quy định cụ thể thi hành điều lệ đảng của bộ chính tri (số 04-kh/tctw ngày 27/02/2002 của ban tổ chức

trung ương và kế hoạch số 10-kh/tw ngày 24/4/2002 của ban thường vụ tỉnh ủy lào cai)

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy ? vai trò tham mưu đề xuất của Ban Tổ chức các cấp ? Các biện pháp, hình thức tổ chức quán triệt trong đó những biện pháp hình thức nào đem lại hiệu quả, hiệu quả cao ? Việc đảm bảo tiến độ, thời gian theo quy trình của kế hoạch ? Vấn đề tài liệu phục vụ cho việc học tập, quán triệt.

2. Đánh giá kết quả việc quán triệt đối với các đối tượng đã được quy định trong kế hoạch (như: Cấp ủy, ủy viên Ban cán sự, đảng đoàn; cán bộ ở các Ban Đảng; học viên Trường chính trị tỉnh và các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị; đảng viên sinh hoạt ở các tổ chức cơ sở Đảng) có số liệu minh chứng.

3. Nhận xét tổng quát mặt được, mặt còn tồn tại, rút ra kinh nghiệm?

B. Kiểm tra thi hành Điều lệ Đảng, quy định số 14 - QĐ/TW của bộ chính trị

Nội dung Điều lệ Đảng và Quy định số 14 - QĐ/TW của Bộ Chính trị bao quát nhiều nội dung, cần tập chung kiểm tra một số trọng tâm như sau:

1. Công tác đảng viên (chương I- Điều lệ Đảng) trong đó chú trọng kiểm điểm các nội dung sau:

a, Kiểm điểm việc chấp hành nhiệm vụ của đảng viên thuộc các loại hình tổ chức cơ sở Đảng. Trên cơ sở đánh giá đảng viên chấp hành nhiệm vụ, so với tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên được quy định tại điều 1 và điều 2 của Điều lệ Đảng.

b, Kiểm tra tổ chức Đảng, cấp ủy Đảng từng cấp ủy bảo đảm thực hiện các quyền của đảng viên được quy định tại điều 3 Điều lệ Đảng và quy định của Bộ Chính trị bao gồm các quyền: Được thông tin; quyền ứng cử, đề cử, bầu cử; quyền trình bày ý kiến; quyền phê bình chất vấn và quyền báo cáo, kiến nghị của đảng viên; các biện pháp quy trình tiến hành.

c, Kiểm tra công tác kết nạp đảng viên (kể cả các quy định về kết nạp lại): Bảo đảm phương hướng, phương châm, tiêu chuẩn, nguyên tắc, thủ tục, hồ sơ kết nạp đảng viên. Các giải pháp tạo nguồn, tổ chức giáo dục bồi dưỡng quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng và đảng viên dự bị ? Vấn đề tuổi kết nạp, trình độ học vấn của người vào Đảng theo Quy định 259 - QĐ/TU ngày 16/5/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và một số quy định của Huyện ủy Bảo yên đã phù hợp chưa ?

2. Về thi hành nguyên tắc tập chung dân chủ và kiện toàn, củng cố tổ chức và bộ máy của Đảng ở các cấp:

Tập chung kiểm tra một số nội dung chính sau:

a, Kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tập chung dân chủ với 2 trọng tâm được quy định tại mục 1 Quy định số 14 - QĐ/TW của Bộ Chính trị.

- Xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy Đảng và các Ban tham mưu giúp việc của cấp ủy.

- Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình.

b, Kiểm tra việc quản lý, sắp xếp hệ thống tổ chức Đảng trên địa bàn địa phương và trong từng đảng bộ khối. Trọng tâm là sắp xếp tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp và trong khối cơ quan huyện.

c, Kiểm tra việc thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương kiện toàn, quản lý, sắp xếp các cơ quan tham mưu giúp việc của cấp huyện theo Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII). Trong đó chú ý sắp xếp tổ chức bộ máy về biên chế cán bộ, công chức theo quy định và hướng dẫn của Trung ương (mục 24 của quy định số 14-QĐ/TW).

d, Kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc thủ tục Đại hội chi bộ, đảng bộ; việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục, quy trình về các nội dung: Chuẩn y kiện toàn, bổ sung, tăng thêm, điều động và thôi tham gia cấp ủy của các cấp ủy các cấp (các mục 20, 21, 22 của Quy định số 14-QĐ/TW và điều 13 Điều lệ Đảng).

e, Kiểm tra việc thực hiện các quy định về giao quyền cấp trên cơ sở và ủy quyền quyết định kết nạp Đảng và khai trừ đảng viên (mục 12 điểm 12.5 và mục 26 Quy định 14-QĐ/TW).

3. Về tổ chức cơ sở Đảng:

- Kiểm tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở Đảng đã được Trung ương quy định; vấn đề nhiệm kỳ Đại hội cơ sở; về tổ chức Đảng ở cơ sở.

-Kiểm tra việc chấp hành chế độ sinh hoạt chi bộ, đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng.

4. Về nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy:

Kiểm tra vai trò cấp ủy lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức Đảng và đảng viên được quy định tại điều 30 Điều lệ Đảng. Vai trò các Ban tham mưu cho cấp ủy thực hiện nhiệm vụ giúp cấp ủy hướng dẫn và kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Khen thưởng tổ chức Đảng và đảng viên:

Kiểm tra việc thực hiện chế độ khen thưởng đối với tổ chức Đảng và đảng viên được quy định tại mục 36 của Quy định số 14-QĐ/TW và mục 26 Hướng dẫn số 04-HD/TCTW.

6. Kiểm tra hoạt động của Đảng Đoàn, Ban cán sự Đảng:

Kiểm tra việc tổ chức, cơ cấu nhân sự, chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc, hoạt động của Đảng Đoàn, Ban cán sự Đảng, nêu kiếnnghị cụ thể. Vấn đề Ban cán sự Đảng ở các ban, ngành cấp huyện; Đảng Đoàn trong các tổ chức xã hội ở cấp huyện.

* Tóm lại: Trong mỗi nội dung kiểm tra yêu cầu đánh giá đúng những việc đã làm được, chưa làm được; thuận lợi, khó khăn; kinh nghiệm. Qua kiểm tra theo dõi thi hành Điều lệ Đảng có thể đề xuất các vấn đề xét thấy cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, quy định hướng dẫn của Trung ương cho phù hợp với thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong thời gian tới.

III. Đối tương kiểm tra

1. Các cấp ủy Đảng, các chi bộ, đảng bộ tiến hành tự kiểm tra theo chỉ đạo của Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp, tự đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức quán triệt và thực hiện các nội dung cần kiểm tra phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Huyện ủy căn cứ vào kết quả kiểm tra thực hiện quán triệt thi hành Điều lệ Đảng và quy định hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng. Tự kiểm tra đánh giá kết quả việc quán triệt thi hành Điều lệ Đảng trong toàn Đảng bộ huyện. Tổng hợp những đề xuất kiến nghị

IV. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung và kế hoạch này các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể ở đơn vị mình; thành lập tổ kiểm tra, tiến hành kiểm tra ở một số điểm để rút kinh nghiệm. Kết hợp tự kiểm tra của từng cơ sở, của cấp dưới với kiểm tra của cấp trên để có sự đánh giá khách quan, đúng đắn.

2. Ban Tổ chức Huyện ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy thành lập tổ kiểm tra của Huyện ủy đi kiểm tra từ 3 - 5 đơn vị tổng hợp rút kinh nghiệm và đồng thời tiến hành trong toàn Đảng bộ.

3. Giao cho Ban Tổ chức Huyện ủy tổng hợp báo cáo các tổ chức cơ sở, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy và báo cáo tỉnh.

4. Tiến độ thời gian thực hiện:

Các chi, đảng bộ cơ sở tiến hành tự kiểm tra từ ngày 10/12/2003 báo cáo kết quả kiểm tra về Huyện ủy trước ngày 10/01/2004 (qua Ban Tổ chức Huyện ủy).

- Huyện ủy tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra lên tỉnh trước ngày 20/02/2004.

* ***Chú ý:*** Gửi kèm theo kế hoạch này Biểu mẫu số 3 (các nội dung đề nghị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng trình tại Đại hội X)./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 48-KH/HU, ngày 30 tháng 01 năm 2004
Khắc phục sửa chữa tồn tại trong việc thực hiện Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở

Thực hiện nội dung thông báo số 891-TB/TU ngày 27/11/2003 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai về kết quả kiểm tra việc lãnh đạo chỉ đạo thực hiện đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở năm 2003 tại huyện Bảo Yên.

Ban thường vụ Huyện ủy Bảo Yên đã nghiêm túc xem xét và xây dựng kế hoạch, khắc phục những khuyết điểm, tồn tại trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở như sau:

I- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở:

1- Về đào tạo văn hoá:

- Rà soát lại quy hoạch đội ngũ cán bộ nhiệm kỳ 2004-2009 bố trí những cán bộ có khả năng, tuổi trẻ, văn hoá chưa đạt chuẩn để đi học các lớp văn hoá và phân loại rõ từng loại lớp cụ thể để đào tạo cho phù hợp trình độ học viên và quy hoạch cán bộ.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn trên cơ sở quy hoạch đã được huyện duyệt. Tiếp tục bổ sung để xây dựng đội ngũ cán bộ dự nguồn có số lượng đông, đảm bảo lai lịch chính trị để bố trí đào tạo chuyên môn văn hoá...

- Số cán bộ chủ chốt cơ sở có trình độ cấp tiểu học là 52/198 người (chiếm 14,7% so tổng số cán bộ) trong thời gian tới sẽ cử đi học phổ thông cơ sở 22 người, số còn lại tuổi đời trên 50 tuổi sẽ bố trí nghỉ công tác, đồng thời có nguồn bổ sung kịp thời.

2- Về chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch cử đi đào tạo (kết hợp tự đăng ký đi học) để đảm bảo việc đào tạo về chuyên môn như nông lâm nghiệp, hành chính, luật, quản lý xã hội.Các chức danh chủ chốt hiện nay do tuổi cao, văn hoá không đảm bảo yêu cầu mà đang giữ chức vụ sẽ bố trí cán bộ kế cận đi học để kịp thời thay thế.

- Những xã thiếu nguồn sẽ tăng cường cán bộ nơi khác có đủ trình độ đảm nhận công việc trong một số năm nhất định; đồng thời tích cực tuyên truyền vận động con em trong xã đó tự nguyện tham gia học tập, đào tạo để phục vụ địa phương. Trong tổng số 198 cán bộ chủ chốt sẽ dự kiến cử đi đào tạo là 120 người, bố trí thay thế, nghỉ công tác là 35 người (do tuổi cao, trình độ chuyên môn, văn hoá thấp). Tiến độ cử đi đào tạo dự kiến năm 2004 khoảng 40 người. Năm 2005 khoảng 50 người. Năm 2006 khoảng 30 người về chuyên môn, lý luật chính trị và quản lý nhà nước.

3- Cơ sở vật chất kỹ thuật phụ vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng:

Tích cực khai thác các nguồn vốn đầu tư; thực hiện tiết kiệm chi ngân

sách địa phương ở mức cao nhất để có kinh phí đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường như; Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện; trường bồi dưỡng cán bộ huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú và đẩy mạnh việc mở các lớp bổ túc văn hoá ở các xã và cụm xã.

II- Về 5 chức danh chuyên môn (Kể cả chức danh văn hoá - xã hội):

Tổng số chức danh chuyên môn ở 18 xã, thị trấn là 90 người trong đó số cần thay thế là 35 người. Phấn đấu bố trí 4 chức danh chuyên môn 100% có bằng trung cấp trở lên sẽ thực hiện vào tháng 6/2004 còn lại sẽ bố trí vào năm 2005. Riêng chức danh Văn hoá - xã hội năm 2004 bố trí khoảng 20% có trình độ trung cấp và đến 2006 sẽ bố trí đủ 100% là trung cấp trở lên.

III- Giải pháp về công tác quy hoạch cán bộ chủ chốt ở cơ sở và bố trí sử dụng cán bộ:

- Quy hoạch cán bộ phù hợp với đặc điểm từng xã, thị trấn, không để xảy ra tình trạng cục bộKhép kín; quan tâm đến việc tạo nguồn hợp lý và xây dựng các chức danh có ít nhất là 2 phương án trở lên. Bố trí cán bộ địa phương (cả dự nguồn) có bằng cấp phù hợp vào các chức danh ở cơ sở, có sự điều chuyển đan xen phù hợp đồng đều về trình độ, giới tính, dân tộc, tuổi đời giữa các xã với nhau.

- Nơi có đông đồng bào thiểu số (Mông, Dao, Tầy, Nùng,...) trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhất thiết phải quan tâm đến đội ngũ cán bộ các dân tộc đó. Đảm bảo việc bố trí cán bộ nữ từ 20% trở lên và tiếp tục thực hiện việc thu hút cán bộ có trình độ (ưu tiên đại học) ở nơi khác tình nguyện đến công tác ở các cơ sở xã, thị trấn.

Nắm chắc danh sách từng em học sinh con em dân tộc thiểu số tốt nghiệp phổ thông cơ sở, phổ thông trung học để làm căn cứ đào tạo bổ sung nguồn cán bộ địa phương.

- Trước mắt trong dịp bầu cử HĐND 3 cấp ngày 25/4/2004, nhân sự cấp huyện, xã, thị trấn phải đảm bảo đúng yêu cầu của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đề ra.

- Quan tâm và chú trọng công tác cán bộ nữ để đưa đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm đảm bảo tỷ lệ nữ thoả đáng đảm nhận các chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

Trên đây là kế hoạch sửa chữa tồn tại khuyết điểm về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở của huyện Bảo Yên. Rất mong sự quan tâm, chỉ đạo và tạo điều kiện của Ban thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 51-KH/HU, ngày 04 tháng 05 năm 2004
Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX)

Thực hiện Chỉ thị số 36 - CT/TW ngày 16/02/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Kế hoạch số 36 - KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX). Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch triển khai học tập và tổ chức thực hiện cụ thể như sau:

I. Mục đích - yêu cầu

- Tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ và nâng cao nhận thức đối với cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về 4 nội dung cơ bản được nêu trong Nghị quyết: Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội trong nửa đầu nhiệm kỳ và mục tiêu, nhiệm vụ trong nửa nhiệm kỳ còn lại của Đại hội IX; các giải pháp chủ yếu và phương pháp tổ chức thực hiện.

- Trên cơ sở thống nhất về đánh giá các nội dung trên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9, các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 của đơn vị mình. Xác định rõ những việc cần làm ngay, những việc bức xúc phải giải quyết, xác định rõ thời hạn hoàn thành và các giải pháp thực hiện.

- Thông qua việc triển khai Nghị quyết, tạo nên bầu không khí phấn khởi, đoàn kết, nâng cao ý chí tự lực tự cường thi đua lao động sáng tạo, phát huy mọi nguồn lực của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng, hoàn thành thắng lợi toàn diện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ và huyện Đảng bộ lần thứ XII, tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo.

- Các cấp ủy Đảng và tổ chức Đảng phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết phù hợp với trình độ nhận thức và đặc điểm đối với từng cơ sở Đảng và đảng viên đem lại hiệu quả thiết thực, tránh làm qua loa, hình thức.

II. Hình thức tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghị quyết

1. Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt ở huyện:

* Thành phần: Các đồng chí huyện ủy viên (khóa XII); Trưởng, phó các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện; Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Cán bộ trung, cao cấp đã nghỉ hưu trên địa bàn huyện.

* Nội dung:

- Giới thiệu những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 9.

- Kết luận số 94 của Ban Bí thư Trung ương về cuộc đấu tranh chống âm mưu " Diễn biến hoà bình " trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 của huyện.

* Tài liệu: Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 9 do Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương biên soạn.

* Thời gian: 2 ngày, xong trước ngày 15/5/2004.

2. Hội nghị ở các chi, đảng bộ cơ sở:

* Thành phần: Toàn thể đảng viên trong đảng bộ, chi bộ, cán bộ đoàn thể, cán bộ thôn bản cơ sở.

* Nội dung:

- Giới thiệu nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 9.

- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của đơn vị, cơ sở.

* Tài liệu:

- Tài liệu học tập Nghị quyết Trung ương 9 (dùng cho cán bộ, đảng viên

- Dự thảo chương trình hành động của chi, đảng bộ cơ sở.

* Thời gian: 1,5 ngày, hoàn thành trước ngày 25/6/2004.

3. Công tác tuyên truyền:

- Các đoàn thể xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền giáo dục, vận động thực hiện Nghị quyết trong đoàn thể mình (theo tài liệu Hỏi - Đáp do Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương biên soạn).

- Đài Truyền thanh - Truyền hình, Phòng Văn hóa - Thông tin xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Trung ương 9. Cổ vũ các nhân tố mới điển hình tiên tiến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

III. Tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy Đảng, các ngành căn cứ Nghị quyết, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức triển khai và xây dựng chương trình hành động cụ thể để ra các giải pháp thực hiện phù hợp với đơn vị mình. Việc xây dựng chương trình hành động cần được thảo luận kỹ trong cấp ủy, sau đó đưa ra hội nghị thảo luận. Các cấp ủy phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng đồng chí lãnh đạo theo dõi và tổ chức thực hiện theo lĩnh vực mình phụ trách. Báo cáo kết quả triển khai về Thường trực Huyện ủy trước ngày 25/6/2004 (thông qua Ban Tuyên giáo tổng hợp).

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Xây dựng chương trình hành động vụ thể, sát hợp với nhiệm vụ, đối tượng của đoàn thể mình.

- Các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy theo chức năng xây dựng kế hoạch triển khai Nghị quyết, kiểm tra đôn đốc và báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy về kết quả thực hiện./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 54-KH/HU, ngày 20 tháng 07 năm 2004

Triển khai thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo **của** Đảng trong công tác **phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân**

- Căn cứ Kế hoạch số 39 - KH/TU ngày 13/5/2004 của tỉnh ủy Lào Cai về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 32 - CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban bí thư trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân

-Để tăng cường công tác quản lý xã hội bằng pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban bí thư trên địa bàn huyện Bảo Yên.

Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban bí thư trung ương Đảng với nội dung như sau:

I. Mục đích - yêu cầu

1. Mục đích: Quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo nội dung Chỉ thị 32 - CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý th ức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của pháp luật trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

2. Yêu cầu: Xác định rõ tách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ, đảng viên trong chỉ đạo và thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật. Tổ chức hoạt động tuyên truyền pháp luật bằng nhiều hình thức, có nội dung sát thực tế ở địa phương, thường xuyên, liên tục, chú trọng đối với vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc ít người trên địa bàn.

II. Nội dung triển khai

- Phổ biến quản triệt nội dung Chỉ thị 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban bí thư trung ương Đảng.

- Phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến chính sách dân tộc, miền núi, xóa đói giảm nghèo.

- Các văn bản pháp luật mới được Quốc hội thông qua tại các kỳ họp trong năm và các văn bản dưới Luật do các cơ quan Nhà nước ở trung ương, địa phương ban hành liên quan trực tiếp thiết thực đến đời sống của nhân dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở tập chung lãnh đạo chính quyền các cấp phối hợp với các đoàn thể chính trị, xã hội, tổ chức việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng kế hoạch, chương trình theo từng giai đoạn phục vụ tốt yêu cầu chính trị, hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương. Đưa công tác kiểm tra sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng trong công tác hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật vào trong chương trình kiểm tra chung kiểm tra chuyên đề đối với các cơ sở Đảng.

III. Phân công trách nhiệm

1. HĐND huyện và HĐND xã: Đưa vào chương trình kỳ họp việc đánh giá kết quả triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở địa phương, định hướng công tác tuyên truyền pháp luật trong từng thời kỳ và thông qua dự toán kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền pháp luật do UBND các cấp trình .

2. UBND huyện - UBND xã: Chịu trách nhiệm về công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn địa phương quản lý; UBND cấp huyện căn cứ kế hoạch của tỉnh, huyện chỉ đạo UBND cấp xã, thị trấn và Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật các cấp, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang triển khai thực hiện Kế hoạch số 1334/KH-HD ngày 31/12/2003 của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Lào Cai về việc phổ biến giáo dục pháp luật từ năm 2003-2007 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

UBND huyện, UBND xã, thị trấn có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho công tác triển khai tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo Chỉ thị 32 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

3. Đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đoàn thể, hội viên của các tổ chức đoàn thể, tập hợp ý kiến nhân dân trong việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các dự án Luật.

4. Cơ quan thông tin đại chúng: Phối hợp với các cơ quan hữu quan tharc hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, chủ động xây dựng chương trình, hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

5. Tuyên truyền giáo dục pháp luật trong hệ thống nhà trường bao

gồm: Trường Bồi dưỡng giáo dục thường xuyên, trường Trung học phổ thông, trường Dân tộc nội trú, hệ thống trường Phổ thông cơ sở ở xã, thị trấn. Phối kết hợp với các ngành chức năng làm tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên kiến thức pháp luật cho đội ngũ giáo viên, học sinh thông qua các hoạt động ngoại khóa của nhà trường.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức hội nghị cấp huyện:

- Thành phần: Huyện ủy viên, lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng, đơn vị lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân đóng trên địa bàn huyện, bí thư, phó bí thư các đảng bộ, chi bộ cơ sở, chủ tịch, phó chủ tịch UBND, cán bộ tư pháp xã, thị trấn, báo cáo viên pháp luật cấp huyện.

- Thời gian tổ chức hội nghị: Cuối tháng 7 năm 2004.

- Kinh phí: Ngân sách cấp huyện, giao cho phòng Tư pháp huyện lập dự trù kinh phí phục vụ hội nghị.

- Nội dung: Quán triệt triển khai Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban bí thư trung ương Đảng, kế hoạch của tỉnh ủy, kế hoạch của huyện ủy về triển khai Chỉ thị số 32 - CT/TW giao cho Ban tuyên giáo huyện ủy chuẩn bị nội dung.

2. Tổ chức hội nghị cấp cơ sở (xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị ...):

- Thành phần: Cán bộ, đảng viên, công chức, trưởng thôn, bản, tổ trưởng tổ dân phố, lãnh đạo cơ quan đóng trên địa bàn đứng đầu các đoàn thể chính trị, xã hội ở xã, thị trấn.

- Nội dung: Quán triệt Chỉ thị 32-CT/TW của Ban bí thư trung ương, kế hoạch triển khai của huyện ủy Bảo Yên.

- Thời gian: Tháng 9 đến tháng 10/2004.

- Kinh phí: Ngân sách xã, thị trấn, các đơn vị trích trong ngân sách phổ biến giáo dục pháp luật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho đơn vị mình.

V. Theo dõi tổng hợp báo cáo

Ban Tuyên giáo huyện ủy có trách nhiệm thê dõi tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban bí thư trung ương Đảng và việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong hệ thống chính trị các đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc. Định kỳ báo cáo Thường vụ huyện ủy để định hướng chỉ đạo việc thực hiện Chỉ thị 32 - CT/TW đạt hiệu quả thiết thực trên địa bàn huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 56-KH/HU, ngày 27 tháng 08 năm 2004
V/v sơ kết việc thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm
---

- Thực hiện Kế hoạch số 45 - KH/TU ngày 18 tháng 8 năm 2004 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc sơ kết việc thực hiện qui định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm.

Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch sơ kết việc thực hiện quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm để các chi, đảng bộ trực thuộc làm căn cứ và thực hiện như sau:

I. Yêu cầu các chi, đảng bộ sơ kết

1. Đánh giá tình hình, thực trạng việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện qui định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm. Chỉ rõ những tổ chức làm tốt và chưa tốt, nguyên nhân, trách nhiệm của các tổ chức cơ sở đảng dưới đảng bộ; rút ra những kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ mình nhằm thực hiện nghiêm chỉnh qui định trong thời gian tới.

2. Tiến hành sơ kết thực hiện quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm gắn với kiểm điểm đảng viên năm 2004. Trên cơ sở đó tiếp tục đẩy mạnh nâng cao chất lượng thực hiện và đề xuất những vấn đề bổ sung, sửa đổi qui định (có số liệu phân tích đánh giá từ tháng 6 năm 1999 đến ngày 30 tháng 6 năm 2004).

II. Nội dung sơ kết

1. Nêu khái quát tình hình đặc điểm của đơn vị mình.

2. Đánh giá rõ việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Qui định số 55 QĐ/TW của Bộ Chính trị (nay là Qui định số 19 - QĐ/TW) về những điều đảng viên không được làm; Hướng dẫn số 48 - HD/KTTW ngày 12 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban kiểm tra Trung ương ở chi, đảng bộ mình đã được học tập, triển khai trong Đảng.

- Tổ chức hình thức, biện pháp, nghiên cứu, quán triệt ở chi, đảng bộ mình (qua từng năm).

- Nhận thức trong cấp ủy và đảng viên về mục đích, ý nghĩa, tác dụng của qui định.

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện qui định của các chi, đảng bộ.

3. Việc kiểm tra, xử lý vi phạm Qui định 19 của Trung ương.

- Tình hình chấp hành qui định đối với đảng viên trong chi, đảng bộ. Những điều chấp hành tốt và những điều chấp hành chưa tốt hoặc có thiếu sót, khuyết điểm và những vi phạm thực hiện qui định (nêu cụ thể số lượng đảng viên và tổ chức đảng dưới cơ sở).

- Kết quả kiểm tra, dấu hiệu vi phạm theo nội dung trong các điều của qui định, kể cả những điều mà pháp luật không cho phép cán bộ công chức làm. Kết quả xử lý vi phạm của đảng viên qua các năm (thi hành kỷ luật về Đảng, chính quyền, đoàn thể; xử lý cơ quan pháp luật; xử lý hành chính, trong đó phân tích những nội dung vi phạm chủ yếu).

* Tổng số đảng viên vi phạm phải xử lý là bao nhiêu ....

- Đảng viên bị xử lý do từng cấp quản lý.

- Cấp huyện quản lý ...

- Cấp cơ sở quản lý ...

Trong đó cấp ủy viên các cấp ... trong tổng số đảng viên bị xử lý kỷ luật.

- Cấp huyện ...

- Cấp cơ sở ...

Việc phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc kiểm tra và xử lý vi

* Hình thức kỷ luật (nêu cụ thể từng năm).

- Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ. Phân loại nội dung vi phạm, từng điều trong qui định.

4. Đánh giá kết quả thực hiện qui định Trung ương:

- Đánh giá ưu điểm, khuyết điểm, sự lãnh đạo, chỉ đạo trong việc triển khai và tổ chức thực hiện.

- Nguyên nhân ưu điểm, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện qui định.

- Nếu những thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện qui định, tác dụng của qui định.

- Rút ra kinh nghiệm trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện.

5. Hướng tiếp tục triển khai thực hiện qui định.

6. Đề nghị bổ sung sửa đổi Qui định 19 - QĐ/TW và các biện pháp nhằm thực hiện có hiệu quả qui định trong thời gian tiếp theo.

III. Tổ chức thực hiện

Các chi, đảng bộ xây dựng kế hoạch phù hợp và hướng dẫn cho tổ chức đảng dưới cơ sở thực hiện.

- Thời gian báo cáo:

+ Các chi, đảng bộ báo cáo về Thường trực Huyện ủy (Qua UBKT Huyện ủy) *trước ngày 15 tháng 10 năm 2004.*

+ Cấp huyện sơ kết đánh giá việc thực hiện quy định vào tháng 11 năm 2004.

Căn cứ vào kế hoạch này các chi, đảng bộ tiến hành sơ kết đánh giá việc thực hiện Quy định số 19 - QĐ/TW của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm đảm bảo đúng yêu cầu, nội dung và thời gian qui định của huyện./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 58-KH/HU, ngày 08 tháng 09 năm 2004

Tổ chức nghiên cứu quán triệt kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" trong những năm tới

---

Thực hiện Hướng dẫn số 223-HD/TTVH ngày 12 tháng 7 năm 2004 của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương về việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương X (khóa IX).

Căn cứ Kế hoạch số 44 KH/TU ngày 03 tháng 8 năm 2004 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai.

Từ tình hình cụ thể, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện kế luận Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" trong những năm sắp tới (đây gọi tắt là kết luận Hội nghị Trung ương 10) như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng kết luận Hội nghị TW 10, tạo sự thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về những thành tựu đã đạt được, những yếu kém và khuyết điểm. Đặc biệt là những vấn đề thuộc bản chất và có tính xu hướng, những nguyên nhân khách quan và chủ quan của cả thành tựu và khuyết điểm nhất là các nguyên nhân chủ quan dẫn đến những yếu kém, khuyết điểm về nhận thức, về sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, sự quản lý của Đảng, chính quyền các cấp. Những vấn đề, những nhân tố mới trong huyện, tỉnh, trong nước và ngoài nước có tác động đến việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng xây dựng, phát triển nền văn hóa của nước ta, về các nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2010. Những giải pháp chủ yếu để tạo bước chuyển biến cơ bản trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

2. Trên cơ sở nghiên cứu quán triệt kết luận Hội nghị TW 10, liên hệ với tình hình ở huyện, xã, thị trấn, cơ quan đơn vị mình để có biện pháp tổ chức thực hiện, gắn việc triển khai kết luận Hội nghị TW 10 với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng IX, các Nghị quyết TW (khóa IX) nhất là Nghị quyết TW 9 (khóa IX), các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và các Nghị quyết Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII. Nắm vững nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then

chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Đồng thời với việc nghiên cứu quán triệt nội dung kết luận Hội nghị TW 10 các cấp ủy Đảng phải làm tốt việc xây dựng chương trình hành động, nội dung làm, những vấn đề bức xúc cần giải quyết ngay, thời hạn giải quyết phân công rõ đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận Hội nghị TW 10 tại chi, đảng bộ cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

3. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc tổ chức học tập kết luận Hội nghị TW 10 theo hướng: Đúng đối tượng, thiết thực, hiệu quả, thời gian thích hợp từng cơ sở. Coi trọng thảo luận, đối thoại trong học tập. Chuẩn bị tốt đội ngũ báo cáo viên có năng lực. Chuẩn bị chu đáo tài liệu cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu trước khi tổ chức học tập, quán triệt.

II. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt kết luận hội nghị TW 10 (khóa IX)

1. Cấp huyện:

1.1 - Đối tượng:

Các đồng chí huyện ủy viên; trưởng, phó ban ngành, đoàn thể; các đồng chí Bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc; Chủ tịch, phó chủ tịch HĐND-UBND xã, thị trấn; lãnh đạo và giảng viên Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện; cán bộ trung cao cấp nghỉ hưu trên địa bàn thị trấn Phố Ràng.

1.2 - Nội dung:

- Những nội dung cơ bản của kết luận Hội nghị TW 10.

- Chương trình hành động thực hiện kết luận Hội nghị TW 10 của huyện.

- Phổ biến, quán triệt chương trình hành động thực hiện kết luận Hội nghị TW 10 của Tỉnh ủy.

- Thảo luận, giải đáp, chỉ đạo thực hiện chương trình hành động của Huyện ủy.

1.3 - Thời gian: 01 ngày, tổ chức trong tháng 9 năm 2004.

1.4 - Báo cáo viên: Đồng chí Bí thư Huyện ủy.

1.5 - Tài liệu:

Văn kiện Hội nghị TW 10 Ban Chấp hành TW Đảng (khóa IX).

Tài liệu nghiên cứu kết luận Hội nghị TW 10 (dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên) do Ban Tư tưởng - Văn hóa TW biên soạn.

- Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện kết luận Hội nghị TW

- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

2. Hội nghị ở các chi, đảng bộ cơ sở

2.1 - Thành phần: Toàn thể đảng viên trong đảng bộ, chi bộ, cán bộ đoàn thể, cán bộ thôn bản.

2.2 - Nội dung:

- Giới thiệu nội dung cơ bản của kết luận Hội nghị TW 10.

- Chương trình hành động thực hiện kết luận Hội nghị TW 10 của đơn vị, cơ sở.

2.3. Báo cáo viên: Đồng chí huyện ủy viên phụ trách xã, Bí thư các chi, đảng bộ cơ sở.

2.4 - Tài liệu:

- Kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành TW Đảng (khóa IX) (dùng cho cán bộ, đảng viên cơ sở).

- Tài liệu Hỏi - Đáp về kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành TW Đảng (khóa IX) (phổ biến rộng rãi trong nhân dân).

3. Công tác tuyên truyền

- Các cấp ủy, tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền giáo dục, vận động thực hiện kết luận Hội nghị TW 10 đến toàn thể các tổ chức và nhân dân (theo tài liệu Hỏi - Đáp do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn).

- Đài Truyền thanh - Truyền hình, Phòng Văn hóa - Thông tin xây dựng kế hoạch cụ thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ 10 (khóa IX) của Ban Chấp hành TW. Tuyên truyền các nhân tố mới điển hình tiên tiến trên lĩnh vực xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

III. Tổ chức thực hiện

- Các cấp ủy đảng, các ngành căn cứ kết luận Hội nghị TW 10 chỉ đạo chặt chẽ tổ chức triển khai và xây dựng chương trình hành động cụ thể để đề ra giải pháp thực hiện phù hợp với đơn vị mình. Việc xây dựng chương trình hành động cần được thảo luận kỹ trong cấp ủy, sau đó đưa ra hội nghị thảo luận. Các cấp ủy phân công rõ trách nhiệm cho từng đồng chí lãnh đạo theo dõi và tổ chức thực hiện.

- Báo cáo kết quả triển khai về Thường trực Huyện ủy trước ngày 20/10/2004 (Qua Ban Tuyên giáo tổng hợp).

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tổ chức tốt việc phổ biến, quán triệt kết luận Hội nghị TW 10 đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Xây dựng chương trình hành động cụ thể, sát với nhiệm vụ, đối tượng của đoàn thể mình.

- Các Ban xây dựng Đảng Huyện ủy theo chức năng xây dựng kế hoạch triển khai học tập kết luận Hội nghị TW 10, kiểm tra đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện về Ban Thường vụ Huyện ủy./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 63-KH/HU, ngày 21 tháng 01 năm 2005
Triển khai thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

---

Thực hiện Kế hoạch số 52 - KH/TU ngày 01/01/2005 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Lào Cai về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 46 - CT/TW của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Ban Thường vụ huyện ủy xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu toàn diện của tổ chức đảng ở tất cả các cấp. Trên cơ sở mở rộng dân chủ, phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên và nhân dân; nâng cao trách nhiệm, giữ vững kỷ cương, tăng cường đoàn kết, ngăn chặn suy thoái, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đổi mới việc chuẩn bị nội dung văn kiện, nhân sự cấp ủy và phương pháp tổ chức đại hội.

2. Tổ chức tốt việc thảo luận và tiếp thu các quan điểm lớn nêu trong các dự thảo văn kiện Đại hội X, dự thảo văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên để xây dựng báo cáo của đảng bộ, kiểm điểm đánh giá đúng những thành tựu, kết quả đạt được cũng như những hạn chế, yếu kém trong việc thực hiện nghị quyết của đại hội cấp mình nhiệm kỳ qua, rút ra những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời đề ra các chủ trương, mục tiêu, phải pháp cụ thể, thiết thực để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của đảng bộ trong nhiệm kỳ tới.

3. Bầu cấp ủy nhiệm kỳ mới gồm những đồng chí tiêu biểu của đảng bộ về tiêu chuẩn, phẩm chất đạo đức, năng lực thực tiễn trong cộng tác, có uy tín, có khả năng quy tụ đoàn kết, coi trọng chất lượng, có số lượng và cơ cấu hợp lý, có khả năng lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình, nghị quyết đại hội cấp trên và Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

Bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên gồm những đồng chí đủ tiêu chuẩn, có phẩm chất đạo đức, có năng lực, có uy tín và có khả năng đóng góp vào sự thành công của đại hội.

4. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội chi, đảng bộ các cấp phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết hội nghị TW6 (lần 2) Khoá VIII và kết luận Hội nghị lần

thứ 4 Ban Chấp hành TW khoá IX với kiểm điểm đánh giá việc thực hiện lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ qua và nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Tập chung giải quyết các vấn đề bức xúc mà đảng bộ và nhân dân quan tâm, tạo được sự đồng thuận xã hội, không khí phấn khởi, tin tưởng trong Đảng và trong nhân dân, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của quần chúng thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

II. Nội dung

Đại hội các chi, đảng bộ trực thuộc huyện ủy và đảng bộ huyện phải thực hiện tốt 4 nội dung sau:

1. Thảo luận đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện đại hội của cấp trên theo hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên.

2. Tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội chi, đảng bộ mình nhiệm kỳ qua; xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới của chi, đảng bộ.

3. Bầu cấp ủy khoá mới của chi, đảng bộ

4. Bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

Đối với huyện Bảo Yên có 45 chi, đảng bộ cơ sở căn cứ quy định Điều lệ Đảng đều tiến hành đại hội với các nội dung trên.

III. Tổ chức Hội nghị quán triệt chỉ thị 46 - CT/TW của Bộ Chính trị, các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và của huyện về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

1. Tổ chức hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện mở rộng vào ngày 26 tháng 01 năm 2005.

* Thành phần:

+ Các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành huyện ủy

+ Bí thư, phó bí thư các chi, đảng bộ trực thuộc

+ Chủ tịch HĐND và UBND các xã, thị trấn

+ Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện

+ Thủ trưởng, phó các ban xây dựng Đảng, ủy viên Ủy ban kiểm tra huyện ủy

+ Cán bộ tăng cường 8 xã

* Nội dung: Nghiên cứu và quán triệt các văn bản:

+ Chỉ thị 46 - CT/TW ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

+ Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 46 - CT/TW của Ban Thường vụ huyện ủy.

+ Tổng kết thực hiện nhiệm vụ công tác Ban Chấp hành đảng bộ huyện năm 2004 bàn phương hướng nhiệm vụ năm 2005.

+ Hướng dẫn công tác nhân sự phục vụ Đại hội đảng bộ các cấp.

Trong tháng 01/2005 huyện ủy thành lập 3 tiểu ban gồm: Tiểu ban Văn kiện, Tiểu ban Nhân sự, Tiểu ban Tuyên truyền khánh tiết để giúp cấp ủy chuẩn bị đại hội đảng bộ huyện

Huyện ủy chuẩn bị tốt các văn kiện trình Đại hội Đảng bộ huyện khoá XIII và báo cáo nhân sự cấp ủy khoá mới trình duyệt Ban Thường vụ tỉnh ủy (theo lịch của tỉnh ủy).

2. Tổ chức hội nghị ở các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc huyện ủy từ 30/01 đến 25/02/2005.

Sau hội nghị Ban Chấp hành huyện ủy mở rộng tại huyện các chi, đảng bộ cơ sở triệu tập hội nghị cấp ủy mở rộng ở cấp mình, thành phần hội nghị tương tự như hội nghị Ban Chấp hành mở rộng ở huyện.

Căn cứ vào Chỉ thị 46 - CT/TW của Bộ Chính trị và kế hoạch triển khai của huyện, các chi, đảng bộ cơ sở căn cứ vào tình hình cụ thể của chị, đảng bộ mình để xây dựng kế hoạch cụ thể của chi, đảng bộ mình chuẩn bị báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo nhân sự trình duyệt Ban Thường vụ huyện ủy trước khi đại hội (lịch kế hoạch duyệt sẽ có thông báo riêng).

Trong quá trình chuẩn bị nhân sự, cấp ủy cần căn cứ vào tiêu chuẩn quy định phải đánh giá rõ mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng người được dự kiến vào cấp ủy khoá mới theo đúng quy hoạch đã được duyệt CV/HU ngày (xây dựng nhân sự làm theo đúng Công văn số 861 10/01/2005 của Ban Thường vụ huyện ủy về việc xây dựng quy hoạch cán bộ). Riêng cán bộ giữ các chức danh lãnh đạo khối Nhà nước (HĐND-UBND các cấp) cần đánh giá rõ năng lực từng người sau một năm chỉ đạo điều hành của nhiệm kỳ 2004 - 2009 gắn với kiểm điểm phân loại công tác năm 2004 theo hướng dẫn 1964 - HD/TU ngày 22/12/2004 của tỉnh ủy. Đồng thời rà soát lại quy hoạch bổ sung nguồn, kịp thời thay thế những trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Tuỳ theo điều kiện cụ thể các chi, đảng bộ trực thuộc huyện ủy thành lập các tiểu ban phục vụ đại hội đảng cấp mình cho phù hợp.

Đối với các chi, đảng bộ trực thuộc huyện ủy chuẩn bị các báo cáo sau:

- Báo cáo chính trị (đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 200 - 2005 đối với đảng bộ xã, thị trấn, 2003 - 2005 đối với chị, đảng bộ khối cơ quan, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2005 - 2010 đối với đảng bộ xã, thị trấn, 2005 - 2008 đối với chị, đảng bộ khối cơ quan).

- Báo cáo cấp ủy nhiệm kỳ qua, kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình.

- Báo cáo nhân sự cấp ủy khoá mới và nhân sự đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp huyện (các báo cáo trên trình Ban Thường vụ huyện ủy duyệt, sẽ có lịch duyệt cụ thể thông báo sau).

- Sau khi Ban Thường vụ huyện ủy duyệt báo cáo chính trị và nhân sự các chi, đảng bộ trực thuộc đăng ký thời gian đại hội.

* Từ ngày 01/6/2005 đến 30/7/2005 tiến hành đại hội các chi, đảng bộ trực thuộc.

Huyện ủy chọn 2 đảng bộ trực thuộc làm điểm trước (Đảng bộ Công an huyện và đảng bộ thị trấn Phố Ràng) thời gian từ 01/06/2005 đến 10/6/2005. Sau đó rút kinh nghiệm chỉ đạo chung cho các đại hội cơ sở (theo kế hoạch).

- Tổ chức đội ngũ báo cáo viên giới thiệu nội dung các dự thảo văn kiện đại hội cấp trên và dự thảo văn kiện đại hội chi, đảng bộ cấp mình.

- Sau đại hội các chi, đảng bộ trực thuộc xong, cấp ủy cơ sở khẩn trương hoàn chỉnh các báo cáo và kết quả đại hội gửi về huyện ủy (qua Ban Tổ chức huyện ủy) để tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ huyện ủy và tỉnh ủy, các báo cáo gồm:

+ Báo cáo chính trị (đã được chỉnh, bộ sung hoàn chỉnh)

+ Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của cấp ủy

+ Báo cáo thảo luận tham gia các văn kiện (dự thảo) Đại hội X của Đảng, Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh, Đại hội Đảng bộ huyện khoá XIII.

+ Nghị quyết đại hội

+ Biên bản đại hội (chi tiết)

+ Danh sách và kết quả bầu cử Ban Chấp hành khoá mới; kết quả bầu cử Ủy ban kiểm tra cùng cấp.

+ Danh sách bầu cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

* Căn cứ vào kế hoạch của tỉnh ủy Lào Cai chọn Đảng bộ huyện Bảo Yên đại hội điểm của tỉnh, Đại hội Đảng bộ huyện tỉnh ủy dự định tiến hành đại hội vào đầu tháng 9/2005.

- Sau khi tiến hành đại hội xong huyện ủy hoàn chỉnh các loại báo cáo gửi về tỉnh ủy (qua Văn phòng tỉnh ủy và Ban Tổ chức tỉnh ủy).

- Đầu tháng 10/2005 Ban Thường vụ huyện ủy khoá mới tổ chức rút kinh nghiệm việc chỉ đạo và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp trong toàn huyện. Triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, xây dựng, bổ sung quy chế làm việc và chương trình công tác toàn khoá của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIII.

Đại hội đảng bộ các cấp có ý nghĩa rất quan trọng, yêu cầu các chi, đảng bộ trực thuộc triển khai nghiêm túc hiệu quả kế hoạch này./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Hoàng Ngọc Chuyên

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 64-KH/HU, ngày 25 tháng 02 năm 2005
Tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương và Pháp luật về khiếu nại, tố cáo
---

- Căn cứ Kế hoạch số: 03 - KH/ BCĐ, ngày 24/12/2004 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai và Quyết định số: 1603/ QĐ- HU, ngày 18/2/2005 của BTV Huyện ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo và tổ giúp việc cho BCĐ tổng kết Chỉ thị 09 CT/TW của Ban Bí thư và Pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- Ban Chỉ đạo tổng kết Chỉ thị 09 - CT/TW của Ban bí thư và pháp luật về khiếu nại, tố cáo huyện Bảo Yên xây dựng kế hoạch tổng kết như sau:

I. Mục đích - yêu cầu

- Tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-TW "Về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay" và tổng kết thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo; Chỉ thị số: 36/2004-CT/TTg, ngày 27/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan hành chính Nhà nước trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhằm đánh giá thực chất tình hình khiếu nại, tố cáo và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; tình hình thực hiện Quy chế dân chủ trong nhân dân, đồng thời chỉ ra được những ưu điểm, tiến bộ, cũng như những hạn chế, vưỡng mắc, khuyết điểm trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; phân tích nguyên nhân làm phát sinh khiếu nại, tố cáo và nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc khuyết điểm. Trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra những giải pháp nhằm tạo sự chuyển biến cơ bản về hiệu quả của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, góp phần giữ vững an ninh chính trị và ổn định trật tự xã hội,.

- Tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và Pháp luật khiếu nại, tố cáo lần này còn góp phần xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội; Phục vụ kịp thời, hiệu quả cho Đại hội Đảng các cấp và tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

- Việc xây dựng tổng kết cấp ủy Đảng và chính quyền trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo nghiêm túc, có sự chuẩn bị tốt về nội dung, phương pháp để đạt hiệu quả thiết thực

II. Nội dung tổng kết

1. Đánh giá thực trạng tình hình khiếu nại, tố cáo hiện nay so với trước khi có luật khiếu nại, tố cáo và Chỉ thị 09-CT/TW về số lượng, tính

chất, mức độ, nội dung khiếu nại, tố cáo, phân tích và làm rõ những nguyên nhân của việc phát sinh khiếu nại, tố cáo, trên cơ sở đó đề ra những phương hướng, giải pháp nhằm khắc phục những khuyết điểm thiếu sót, những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, trong quản lý, điều hành để hạn chế việc phát sinh các khiếu nại, tố cáo.

2. Đánh giá thực trạng, chỉ ra những ưu điểm, tiến bộ, những khuyết điểm, thiếu sót vướng mắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền; trong công tác giám sát của HĐND các cấp; trong việc tham gia và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên và việc tham gia của nhân dân đối với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Tổng kết, đánh giá việc tổ chức triển khai chỉ thị 09-CT/TW và Pháp luật về khiếu nại, tố cáo; đánh giá về chuyển biến, tiến bộ và những khuyết điểm hạn chế trong công tác tiếp dân và công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay so với trước khi có Chỉ thị 09-CT/TW và luật khiếu nại, tố cáo (qua việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của nhân dân về những hành vi, quyết định hành chính theo thẩm quyền của các cơ quan Hành chính, trong công tác giải quyết những khiếu nại, tố cáo của nhân dân về hoạt động tư pháp đối với cơ quan tư pháp.

Phân tích những nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm, làm rõ những khó khăn bất cập về các văn bản luật, hướng dẫn thực hiện luật, về cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước, có số liệu dẫn chứng và chứng minh và rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Đề xuất với huyện, tỉnh những chủ trương, biện pháp làm hạn chế phát sinh khiếu nại, tố cáo; xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu quả, nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo quản lý điều hành của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương.

III. Tổ chức thực hiện

1. Phạm vi và thời gian tổng kết

Lấy mốc từ ngày 01/01/1999 đến ngày 31/12/2004 để tổng kết và thống kê số liệu báo cáo.

2. Công tác chỉ đạo tổng kết

a, Ở huyện :

- Thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành và tổ thư ký giúp việc tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW và Pháp luật khiếu nại, tố cáo theo Kế hoạch số 03- KH/BCĐ LN ngày 24/12/2004 của Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh và kế hoạch liên ngành của huyện. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ giúp BTV huyện ủy chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Chi, Đảng ủy trực thuộc, Ban cán sự Đảng, đoàn, ban ngành, đoàn thể của huyện để tiến hành tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo tại huyện.

- Xây dựng báo cáo gửi BTV Tỉnh ủy và đề xuất với BTV Huyện ủy mở hội nghị tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và Pháp luật khiếu nại, tố cáo.

b, Đối với các xã, thị trấn, Đảng ủy trực thuộc: Thành lập Ban Chỉ đạo và tổ giúp việc cho cấp mình, đồng chí bí thư hoặc phó bí thư trực tiếp để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ và kết quả tốt.

- Hình thức tổ chức hội nghị, trong trường hợp do điều kiện ở cơ sở xã, thị trấn, Đảng ủy trực thuộc không tổ chức hội nghị tổng kết được thì phải tổ chức họp Đảng ủy mở rộng để tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị 09- CT/TW và Pháp luật khiếu nại, tố cáo theo các yêu cầu mà trong kế hoạch đã nêu, nhất thiết các văn bản, số liệu báo cáo phải chuẩn bị chu đáo và được duyệt qua Ban Chỉ đạo của huyện trước khi tổ chức hội nghị tại cơ sở mình.

3. Phương pháp báo cáo

Đối với một số Chi, Đảng ủy trực thuộc, Ban, ngành, đoàn thể xây dựng Báo cáo Tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo cụ thể theo các lĩnh vực như sau:

- Hội đồng nhân dân huyện báo cáo tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo sâu về công tác giám sát từ 1999- 12/2004 về thực hiện pháp luật khiếu nại, tố cáo của HĐND các cấp.

- Đảng đoàn UBMT Tổ quốc huyện báo cáo tổng kết tổng kết Chỉ thị 09- CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo sâu về công tác giám sát của Mặt trận TQ và các tổ chức thành viên đối với các cơ quan Nhà nước và công tác vận động quần chúng thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- UBND huyện huyện báo cáo tổng kết tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo sâu về tổ chức thực hiện luật khiếu nại, tố cáo.

- Chi bộ KH-TC-TM tổng kết tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và Pháp luật khiếu nại, tố cáo sâu về việc khiếu nại, tố cáo trong công tác giải phóng mặt bằng, việc thực hiện thống kê, áp giá đền bù theo cơ chế chính sách.

- Chi bộ Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn báo cáo tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo sâu về trong công tác quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về môi trường.

- Phòng CNXD huyện báo cáo tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về trong công tác quản lý xây dựng cơ bản, quy hoạch đô thị; Công tác giao thông, cấp phát, thi cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1.

- Chi bộ Viện kiểm sát nhân dân huyện báo cáo tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp.

- Chi bộ Toà án nhân dân huyện báo cáo tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo sâu về công tác xét xử các vụ án hành chính (nếu có).

- Chi bộ Phòng TC-TB& XH tổng kết tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về khiếu nại, tố cáo trong công tác thực hiện chế độ chính sách, thương binh và xã hội và công tác cai nghiện ma tuý, công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện và công tác cán bộ...

- Chi bộ Phòng Tư Pháp báo cáo tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo và việc thi hành án.

- Phòng Giáo dục và đào tạo tổng kết Chỉ thị 09 và luật khiếu nại, tố cáo và báo cáo sâu về khiếu nại, tố cáo sâu về trong công tác giáo dục-đào tạo.

- Phòng Y tế báo cáo sâu và tổng kết Chỉ thị 09-CT/TW và pháp luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về trong công tác khám chữa bênh và khám chữa bệnh cho người nghèo...

- Chi bộ Bảo hiểm XH tổng kết Chỉ thị 09 và luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về trong công tác thực hiện giải quyết chế độ chính sách xã hội.

- Đảng bộ thị trấn Phố Ràng báo cáo tổng kết Chỉ thị 09 và luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về việc hoà giải các tranh chấp, tranh chấp đất đai, xử phạt hành chính, quyết định hành chính, quản lý đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữ vững an ninh trật tự xã hội.

- Đảng bộ xã Bảo Hà báo cáo tổng kết Chỉ thị 09 và luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về quản lý đất đai, giải quyết việc đền bù giải phóng mặt bằng tại cơ sở.

- Đảng bộ xã Nghĩa Đô báo cáo tổng kết Chỉ thị 09 và luật khiếu nại, tố cáo sâu về quản lý và giải quyết các tranh chấp đất tại trung tâm xã, việc giải quyết giữ gìn đoàn kết nội bộ.

- Đảng bộ xã Xuân Hòa báo cáo tổng kết Chỉ thị 09 và Pháp luật khiếu nại tố cáo đi sâu về chấp hành Luật Hôn nhân gia đình.

- Đảng bộ xã Long Phúc báo cáo tổng kết Chỉ thị 09 và Pháp luật khiếu nại, tố cáo đi sâu về nội dung tuyên truyền giáo dục pháp luật khiếu nại tố cáo ở cơ sở.

IV. Thời gian thực hiện và báo cáo

1. Ngày 28/2/2005 Ban Chỉ đạo liên ngành huyện họp triển khai kế hoạch và phân công từng thành vên BCĐ xuống kiểm tra, đôn đốc .

2. Trước ngày 20/3/2005 các xã, thị trấn, các ngành phải tổng kết xong, gửi văn bản báo cáo kèm theo biểu mẫu, thành 2 bộ: cho BTV huyện ủy và tổ thư ký giúp việc cho BCĐ huyện.

3. Từ ngày 21 - 25/3/2005 Tổ thư ký giúp việc cho BCĐ tổng hợp và hoàn chỉnh soạn thảo báo cáo trình BCĐ và BTV huyện ủy duyệt trước khi tổ chức tổng kết tại huyện.

4. Từ ngày 26- 30/3/2005 tổ thư ký và Ban Chỉ đạo hoàn chỉnh báo cáo và mở hội nghị tổng kết.

Giao cho Văn phòng Huyện ủy và Thanh tra Nhà nước huyện là cơ quan trực tiếp nhận báo cáo cơ sở.

Các thành viên trong BCĐ huyện có trách nhiệm thực hiện theo phân công, chỉ đạo theo dõi địa bàn, lĩnh vực, tổ chức thực hiện và báo cáo kịp thời với BCĐ huyện./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
KIÊM TRƯỞNG Ban Chỉ đạo

Nguyễn Gia Lợi

DANH SÁCH PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH CƠ SỞ

(Danh sách này thay thế danh sách kèm theo KH số 04 KH/BCĐ ngày 25/02/2005)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điểm phụ trách
1	Nguyễn Gia Lợi	PBT TT H.ủy-TB Chỉ đạo	Phụ trách chung
2	Bùi Văn Tòng	Chánh TT - Phó BCĐ	Yên Sơn, Long Khánh
3	Đỗ Văn Tín	TV-PCT huyện - Phó BCĐ	Các cơ quan
4	Đặng Xuân Thiều	TV-CN UBKT Huyện ủy	Long Phúc, Lương Sơn
5	Mai Tiến Đức	Trưởng phòng Tư pháp	Xuân Thượng TT Phố Ràng
6	Trần Trí	Phó trưởng Công an	Bảo Hà Cam Cọn
7	Bàn Quang Thảo	Viện trưởng VK-SND huyện	Điện Quan, Thượng Hà
8	Hà Thị Căn	Q.Chánh án TAND huyện	Tân Dương, Xuân Hoà
9	Hoàng Văn Đao	HUV-Chủ tịch MTTQ huyện	Vĩnh Yên, Nghĩa Đô
10	Nguyễn Anh Chuyên	HUV-Chánh VP HU	Tân Tiến,Việt Tiến
11	Trịnh Công Khương	Phó VP HĐND,UBND huyện	Minh Tân, Kim Sơn

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 66-KH/HU, ngày 11 tháng 04 năm 2005
Tổ chức thực hiện Thông báo số 159-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Thực hiện Thông báo số 159-TB/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương (khóa IX) và Kế hoạch số 57-KH/TU ngày 31 tháng 3 năm 2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai. Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể như sau:

I. Mục đích - yêu cầu

1. Tiếp tục triển khai xây dựng và thực hiện QCDC ở tất cả các loại hình cơ sở (xã, thị trấn, cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước) việc triển khai thực hiện phải bám sát các văn bản hướng dẫn của trung ương, của tỉnh và huyện để chỉ đạo sát với từng loại hình cơ sở và đạt hiệu quả thiết thực.

2. Việc xây dựng và thực hiện QCDC phải gắn với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và tiến hành Đại hội Đảng các cấp; gắn với việc cải cách thủ tục hành chính và đổi mới phong cách của cán bộ, đảng viên theo tinh thần "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân" tăng cường sự đoàn kết nhất trí và đẩy mạnh phong trào quần chúng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh.

II. Nội dung

1. Tổ chức quán triệt Thông báo số 159TB/TW của Ban Bí thư Trung ương gắn với việc tiếp tục quán triệt thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa IX) ở từng tổ chức cơ sở Đảng.

2. Tiếp tục quán triệt tuyên truyền, giải thích trong công chức, người lao động, nhân dân về các Nghị định 79, 71, 07 của Chính phủ quy định nội dung thực hiện QCDC đối với 3 loại hình cơ sở.

3. Tổ chức tiếp thu ý kiến góp ý của quần chúng, các đồng chí lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở lắng nghe, đối thoại và giải đáp với công chức, người lao động và nhân dân về những vấn đề quần chúng quan tâm trong quá trình triển khai thực hiện QCDC.

4. Đề ra các biện pháp, hình thức nhằm cụ thể hóa nội dung thực hiện QCDC sát thực tế ở từng cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn để thực hiện QCDC đạt yêu cầu và hiệu quả.

5. Thường xuyên củng cố kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC ở từng cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn; xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và đề ra chương trình công tác, kế hoạch kiểm tra để việc thực hiện QCDC đi vào nền nếp.

III. Tổ chức thực hiện

1. Ở huyện

- Mở hội nghị cấp ủy (mở rộng) để quán triệt Thông báo số 159-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương, kế hoạch tổ chức triển khai của Tỉnh ủy và Huyện ủy về chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ sở trên địa bàn toàn huyện.

- Ban Chỉ đạo QCDC huyện xây dựng chương trình chỉ đạo các cơ sở triển khai tiếp tục thực hiện QCDC ở các loại hình cơ sở đến toàn thể các tổ chức Đảng, chính quyền, người lao động và nhân dân trong các thôn bản.

- Có kế hoạch kiểm tra và đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện Thông báo số 159-TB/TW và thực hiện QCDC ở các loại hình cơ sở trong toàn huyện theo định kỳ 6 tháng, một năm và kiểm tra đột xuất.

- Cơ quan: MTTQ Việt Nam huyện Bảo Yên, Liên đoàn lao động huyện, Phòng Nội vụ LĐ-TBXH huyện căn cứ hướng dẫn của ngành cấp trên có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Ban Chỉ đạo huyện hướng dẫn các cơ sở trong việc tổ chức triển khai thực hiện QCDC ở các loại hình cơ sở.

- Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện căn cứ tài liệu hướng dẫn của ngành dọc cấp trên để tổ chức thực hiện QCDC ở đơn vị Công an, Quân đội theo thẩm quyền quy định.

2. Đối với xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp

- Xây dựng kế hoạch triển khai Thông báo số 159 - TB/TW và tiếp tục quán triệt Nghị định số 79, 71, 07 ở từng loại hình cơ sở.

- Cụ thể hóa các nội dung thực hiện QCDC ở từng loại hình cơ sở thành các quy định, quy ước, hương ước, thông báo ... để công chức, người lao động và nhân dân nắm được và có trách nhiệm cùng thực hiện nội dung QCDC ở cơ sở theo đúng quy định hướng dẫn của Trung ương, kế hoạch của tỉnh, của huyện.

- Tiếp tục quán triệt, học tập trong cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và nhân dân nắm được tinh thần nội dung trong thông báo của trung ương và các nghị định của Chính phủ về thực hiện QCDC ở cơ sở, gắn với việc tiếp thu ý kiến của nhân dân, đối thoại, giải thích những vấn đề mà quần chúng quan tâm trong quá trình thực hiện QCDC.

- Tự kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện QCDC ở cơ sở theo định kỳ 6 tháng, một năm và báo cáo lên Ban Chỉ đạo huyện.

- Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC ở cơ quan, vị, xã, thị trấn do đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư làm Trưởng ban, ở cơ quan, đơn vị do đồng chí Bí thư hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị làm Trưởng ban.

IV. Thời gian tổ chức thực hiện

- Cấp huyện, chi, đảng bộ cơ quan, doanh nghiệp triển khai xong trong quý II năm 2005.

- Cấp xã, thị trấn triển khai xong trong quý III năm 2005.

Trên đây là kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Thông báo số 159-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục thực hiện QCDC ở cơ sở, các chi, đảng bộ cơ sở, các Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC của huyện và cơ sở có trách nhiệm triển khai thực hiện và thường xuyên báo cáo kết quả với Thường trực Huyện ủy..

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 69-KH/HU, ngày 04 tháng 05 năm 2005
Kiểm tra 02 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo

---

Thực hiện Kế hoạch số 60 - KH/TU ngày 27 tháng 4 năm 2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm tra đánh giá hai năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo". Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra của đảng bộ như sau:

I. Mục đích yêu cầu

1. Đánh giá đúng việc triển khai, quán triệt các nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa IX); những chuyển biến trong thực hiện triển khai các chủ trương, biện pháp nêu trong Nghị quyết số 23, 24, 25 - NQ/TW; kinh nghiệm và nhân tố mới qua hai năm triển khai thực hiện.

Đồng thời nghiêm túc đánh giá những thiếu sót, yếu kém trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết, những vướng mắc, bức xúc đang đặt ra, từ đó đề ra giải pháp khắc phục.

2. Qua kiểm tra phát hiện, bổ sung chương trình hành động thực hiện nghị quyết cho phù hợp, sát với tình hình ở cơ sở và tiếp tục chỉ đạo đưa Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) vào cuộc sống, đạt hiệu quả thiết thực.

3. Các cấp ủy cơ sở, mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong huyện, căn cứ hướng dẫn nay tiến hành tự kiểm tra đánh giá kết quả 2 năm thực hiện nghị quyết của Trung ương. Thường trực Huyện ủy sẽ cùng đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy trực tiếp xuống kiểm tra Đảng bộ xã: Nghĩa Đô, Bảo Hà, Lương Sơn, Long Phúc.

II. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân về công tác triển khai, quán triệt và học tập, tuyên truyền, phổ biến nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

2. Kiểm tra việc xây dựng chương trình hành động để thực hiện nghị quyết của các cấp ủy cơ sở.

- Đánh giá chuyển biến về nhận thức tư tưởng, nguyện vọng, dư luận xã hội sau khi quán triệt, học tập nghị quyết; sự phối hợp giữa chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, việc cụ thể hóa các nội dung Nghị quyết Trung ương 7 ở các cơ quan, đơn vị.

3. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW:

Đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể, phát huy vai trò của mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc.

Nâng cao chất lượng hoạt động của khối dân vận cơ sở, xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa khối dân vận với mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân làm tham mưu cho Đảng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

4. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW:

Kết quả thực hiện chính sách đầu tư để nâng cao mọi mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội cho nhân dân vùng đồng bào dân tộc như: Đầu tư cơ sở hạ tầng; sắp xếp dân cư; hỗ trợ tấm lợp; nước sinh hoạt; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; các chương trình, dự án vay vốn hỗ trợ việc làm.

Kết quả về thực hiện 7 chương trình với 29 đề án của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh và chương trình trọng tâm hướng về cơ sở. Nêu kết quả đạt được bằng số liệu cụ thể để chứng minh ở từng cơ sở.

5. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 25 - NQ/TW:

Kết quả của việc tuyên truyền, phổ biến các quan điểm chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; vai trò của cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc lãnh đạo, quản lý tạo điều kiện cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo bình thường đúng quy định pháp luật; đấu tranh chống lợi dụng hoạt động tôn giáo trái phép, tà đạo, mê tín dị đoan.

Kết quả của cuộc vận động thi đua yêu nước trong quần chúng ở cơ sở, xây dựng khối đại đoàn kết giúp đỡ nhau xóa đói, giảm nghèo xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; nêu cao cảnh giác, đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch phá hoại khối đại đoàn kết, chống phá sự nghiệp cách mạng của nước ta.

6. Những tồn tại, khuyết điểm, những vướng mắc trong tổ chức thực hiện, những bức xúc phát sinh trong nội bộ nhân dân, trong mối quan hệ giữa cơ quan lãnh đạo, quản lý với nhân dân trong công tác tôn giáo, công tác dân tộc. Những chủ trương giải pháp của cơ sở và kiến nghị với cấp trên (huyện, tỉnh, trung ương).

7. Nguyên nhân đạt được những kết quả và tồn tại, những kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết.

III. Phương pháp tiến hành kiểm tra

1. Các cấp ủy cơ sở, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong huyện tự kiểm tra là chính và tổng hợp báo cáo theo yêu cầu nội dung trên đây gửi về Thường trực Huyện ủy (Qua Ban Dân vận- Dân tộc).

2. Các đảng bộ xã (nêu ở phần I điểm 3) huyện sẽ cùng đoàn của tỉnh xuống cơ sở kiểm tra. Yêu cầu Bí thư các đảng bộ cơ sở chủ động xây dựng

kế hoạch chỉ đạo, phân công tổng hợp báo cáo đánh giá thực hiện nghị quyết ở đơn vị mình để làm việc với đoàn và lựa chọn chuẩn bị một số thôn, bản mà đoàn sẽ xuống tiếp xúc với nhân dân.

3. Giao cho Ban Dân vận - Dân tộc Huyện ủy có trách nhiệm theo dõi đôn đốc các cơ sở tiến hành công tác kiểm tra theo kế hoạch của Huyện ủy và tổng hợp báo cáo của Huyện ủy để làm việc với đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy.

IV. Thời gian

- Thời gian tiến hành kiểm tra và báo cáo kết quả xong trước ngày 30/5/2005.

- Thời gian đoàn kiểm tra của huyện và tỉnh xuống kiểm tra các đơn vị điểm vào đầu tháng 5 năm 2005 (có lịch thông báo sau).

Ban Thường vụ Huyện ủy yêu cầu các cấp ủy cơ sở, mặt trận Tổ quốc huyện và các đoàn thể quần chúng trong huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện tốt kế hoạch và báo cáo kết quả bằng văn bản về Thường trực Huyện ủy (Qua Ban Dân vận - Dân tộc Huyện ủy) để tổng hợp./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 70-KH/HU, ngày 09 tháng 05 năm 2005
Tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên
và Đại hội Đảng các chi, đảng bộ trực thuộc

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 06 tháng 12 năm 2004 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và các chỉ thị, hướng dẫn, kế hoạch của trung ương, tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch số 52 - KH/TU ngày 01 tháng 01 năm 2005 của Tỉnh ủy Lào cai. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên xây dựng Kế hoạch số 63-KH/HU ngày 21 tháng 01 năm 2005 và các công văn, hướng dẫn chỉ đạo cho cơ sở tổ chức triển khai các bước phục vụ cho Đại hội Đảng cấp mình và tiến tới Đại hội Đảng cấp trên.

Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa XIII nhiệm kỳ 2005 - 2010 và Đại hội Đảng các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy như sau:

I. Mục đích yêu cầu

Việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội các cấp phải đạt được mục đích yêu cầu sau:

1. Đại hội Đảng các cấp phải thực sự dân chủ, đoàn kết, đổi mới, phát huy tối đa trí tuệ của cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động.

2. Tổ chức tốt việc thảo luận và tiếp thu các quan điểm lớn nêu trong các dự thảo Văn kiện Đại hội X của Đảng, dự thảo Văn kiện Đại hội đảng bộ cấp trên để xây dựng báo cáo của chi, đảng bộ mình. Báo cáo chính trị trình đại hội phải đánh giá đúng kết quả đạt được, cũng như những hạn chế yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ qua, đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chính trị cho nhiệm kỳ mới và giải pháp giải quyết những hạn chế, yếu kém trong nhiệm kỳ qua, tổng kết rút kinh nghiệm để tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết của cấp trên và nghị quyết đại hội chi, đảng bộ cấp mình nhiệm kỳ 2005 - 2010 (chi, đảng bộ cơ sở khối cơ quan nhiệm kỳ 2005-2008).

3. Xây dựng phương án nhân sự và bầu cấp ủy khóa mới phải thực sự coi trọng chất lượng, lựa chọn bầu vào cấp ủy những đồng chí có đủ tiêu chuẩn phẩm chất, đạo đức, trình độ học vấn, năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, không tham nhũng, tiêu cực và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực tại cơ sở, có tín nhiệm, có tinh thần đấu tranh tự

phê bình và phê bình, xây dựng cơ sở nêu cao tinh thần đoàn kết, tiêu biểu cho trí tuệ của cơ sở.

4. Bầu đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, có phẩm chất đạo đức, năng lực, có uy tín và có khả năng đóng góp vào sự thành công của đại hội.

5. Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội, chi, đảng bộ các cấp phải kết hợp chặt chẽ cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và kết luận Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX với đánh giá kiểm điểm việc thực hiện, lãnh đạo thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ nhiệm kỳ qua và nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Tập chung giải quyết các vấn đề bức xúc mà đảng bộ và nhândân quan tâm, tạo được sự đồng thuận xã hội, không khí phấn khởi, tin tưởng trong Đảng và trong nhân dân, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của quần chúng nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

6. Việc chuẩn bị đại hội phải thực hiện đúng chỉ thị 46-CT/TW, quy định của Điều lệ Đảng và các quy định chỉ đạo của cấp trên.

II. Chuẩn bị báo cáo, duyệt báo cáo chính trị và nhân sự cấp ủy khóa mới

A. Đối với cấp huyện

1. Tháng 01 năm 2005 Huyện ủy thành lập 3 Tiểu ban, gồm: Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban văn kiện, Tiểu ban tuyên truyền khánh tiết để giúp cấp ủy chuẩn bị đại hội đảng bộ huyện.

2. Các bước tiến hành chuẩn bị cho đại hội thực hiện theo Kế hoạch số 52 - KH/TU của Tỉnh ủy và hướng dẫn bổ sung số 2011 -CVHDTW và Kế hoạch số 63-KH/HU bổ sung Kế hoạch số 886-CVHU/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2.1 - Công tác đánh giá cán bộ: Ban Chấp hành đương nhiệm, và đánh giá cán bộ trong quy hoạch có triển vọng vào cấp ủy hoàn thành trước 30 tháng 3 năm 2005.

2.2 - Mở hội nghị cán bộ chủ chốt để bỏ phiếu giới thiệu nhân sự. Khảo sát nguồn nhân sự cấp ủy khóa mới. Tiểu ban Nhân sự họp tổng hợp kết quả khảo sát trên cơ sở nghiên cứu tình hình cấp ủy và nguồn cán bộ được quy hoạch, đề xuất các định hướng lớn về nhân sự để chuẩn bị nội dung trình Ban Thường vụ lần 1, bước này hoàn thành xong trước 30 tháng 4 năm 2005.

2.3 - Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy thảo luận lần đầu đề án nhân sự sắp xếp một bước nhân sự trước đại hội từ ngày 05 đến ngày 10 tháng 5 năm 2005.

- Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xin ý kiến chỉ đạo việc sắp xếp nhân sự lần đầu của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2.4 - Tiểu ban nhân sự tổng hợp ý kiến chuẩn bị hồ sơ chi tiết theo kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy, từ đó rà soát lại lần nữa danh sách cấp ủy viên đương nhiệm, dự kiến giới thiệu tham gia cấp ủy khóa mới, tổ chức lấy ý kiến nơi công tác và nơi cư trú của người được giới thiệu tham gia cấp ủy khóa mới theo hướng dẫn (bước này từ 10/5/2005 đến 30/5/2005).

2.5. Hội nghị Ban Thường vụ thảo luận lần thứ 2 về nhân sự, chuẩn bị trình ra cấp ủy, nội dung theo Hướng dẫn 37-HD/TCTW (bước này tiến hành vào đầu tháng 6/2005).

2.6. Hội nghị cấp ủy giới thiệu nhân sự lần đầu (tiến hành vào trung tuần tháng 6/ 2005).

2.7 - Công tác chuẩn bị nhân sự Bí thư, Phó bí thư trước đại hội, mở hội nghị cán bộ chủ chốt giới thiệu Bí thư, Phó Bí thư; lấy ý kiến Ban Chấp hành giới thiệu bước này tiến hành vào đầu tháng 7 năm 2005.

2.8 - Ban Thường vụ cấp ủy tổng hợp kết quả giới thiệu cấp ủy, Ban Thường vụ, các chức danh Bí thư, Phó bí thư thảo luận và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (bước này hoàn thành vào trung tuần tháng 7 năm 2005).

2.9 - Hội nghị cấp ủy giới thiệu lần hai (hoàn thành cuối tháng 7 năm 2005).

2.10 - Dự thảo báo cáo chính trị và các báo cáo trình đại hội xong trước ngày 25 tháng 5 năm 2005.

2.11 - Tiến hành trình duyệt đề án nhân sự cấp ủy khóa mới, nhân sự đại biểu đi dự đại hội cấp trên và dự thảo báo cáo chính trị của đảng bộ huyện (theo thông báo Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Huyện dự kiến vào 15 tháng 8 năm 2005).

3. Đại hội Đảng bộ huyện khóa XIII Ban Thường vụ thống nhất đại biểu chính thức là 200 đại biểu, đại biểu dự khuyết 6 đại biểu.

4. Đại biểu mời dự gồm 7 huyện trong tỉnh, thành phố Lào Cai, Tỉnh ủy, các Ban xây dựng Đảng tỉnh, Đài, Báo tỉnh là 50 đại biểu.

5. Kinh phí phục vụ Đại hội có bản chi tiết riêng.

6. Chọn điểm chỉ đạo: Đảng bộ thị trấn Phố Ràng và Đảng bộ Công an huyện.

B. Đối với các chi, đảng bộ trực thuộc:

1. Nội dung duyệt: 47 chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy đều tiến hành đại hội theo quy định của Đảng. Các chi, đảng bộ phải hoàn chỉnh báo cáo chính trị (dự thảo) và xây dựng lập danh sách phương án nhân sự

cấp ủy khóa mới, dự kiến ngày đại hội gửi về Thường trực Huyện ủy (Qua Ban Tổ chức Huyện ủy trước ngày 15 tháng 5 năm 2005 đối với 2 đơn vị làm điểm là Đảng bộ thị trấn Phố Ràng và Đảng bộ Công an huyện; còn các chi, đảng bộ khác nộp trước ngày 20 tháng 5 năm 2005) gửi 9 bộ báo cáo và nhân sự.

2. Thành phần duyệt báo cáo chính trị và phương án nhân sự gồm: Ban Thường vụ Huyện ủy, lãnh đạo các Ban XDĐ Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy cùng với Bí thư và Phó bí thư của chi, đảng bộ cơ sở về duyệt báo cáo của cơ sở mình.

3. Lịch duyệt và thời gian duyệt tiến hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2005 đến ngày 05 tháng 6 năm 2005 (có lịch duyệt kèm theo).

4. Địa điểm làm việc: Tại phòng họp Ban Thường vụ Huyện ủy tầng 2 trụ sở làm việc Huyện ủy Bảo Yên.

III. Nội dung đại hội

Đại hội đảng bộ huyện và đại hội các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy phải thực hiện tốt 4 nội dung sau:

1. Thảo luận đóng góp ý kiến vào dự thảo các Văn kiện đại hội của cấp trên theo hướng dẫn của trung ương và cấp ủy cấp trên.

2. Tổng kết việc thực hiện nghị quyết đại hội chi, đảng bộ mình nhiệm kỳ qua; xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của chi, đảng bộ mình.

3. Bầu cấp ủy khóa mới.

4. Bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên.

5. Số lượng đại biểu đại hội cấp ủy, Ban Thường vụ các chi, đảng bộ và đại biểu dự đại hội đảng bộ huyện (có danh sách kèm theo)

IV. Thời gian lịch ngày đại hội

1. Đối với huyện dự kiến tổ chức đại hội vào tháng 9 năm 2005 (thời gian cụ thể tỉnh có thông báo sau).

2. Đối với các chi, đảng bộ trực thuộc tiến hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2005 đến 30 tháng 7 năm 2005.

Hai đảng bộ: Đảng bộ thị trấn Phố Ràng và Đảng bộ Công an huyện là 2 đơn vị đại hội điểm, sau đó Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức họp rút kinh nghiệm và triển khai đại hội theo kế hoạch (có lịch đại hội kèm theo).

V. Tổ chức thực hiện

1. Đại hội đại biểu cấp huyện không quá 03 ngày; Đại hội cấp cơ sở gồm đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu không quá 02 ngày.

2. Các cấp ủy trực thuộc chịu trách nhiệm hoàn chỉnh công tác chuẩn bị các văn bản nội dung để duyệt tại Huyện ủy và triển khai thực hiện theo quy định.

3. Các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Huyện ủy, các đồng chí huyện ủy viên phụ trách cơ sở Đảng giúp việc cho Ban Thường vụ Huyện ủy chuẩn bị chu đáo và tổ chức thắng lợi đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng lập kế hoạch tuyên truyền phục vụ đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

5. Sau đại hội các cơ sở báo cáo kết quả về Huyện ủy (Qua Ban Tổ chức) gồm:

- Báo cáo bổ sung các văn kiện đại hội cấp trên.

- Nghị quyết đại hội, báo cáo chính trị - đề án công tác (đã được chỉnh bổ sung hoàn chỉnh).

- Các biên bản bầu cử: Bầu cấp ủy, bầu cử các chức danh Bí thư, Phó bí thư, Ủy ban kiểm tra, bầu đại biểu đi dự đại hội đảng bộ huyện.

Trong quá trình chuẩn bị và tổ chức đại hội tùy theo sự chỉ đạo của cấp trên để điều chỉnh cho phù hợp, nếu có gì vướng mắc các đơn vị trực tiếp về báo cáo Thường trực Huyện ủy (Qua Ban Tổ chức Huyện ủy) tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy giải quyết./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

SỐ LƯỢNG ĐẠI BIỂU

đại hội **cấp ủy Ban thường vụ các chi,** đảng bộ

và đại biểu dự Đại **hội đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XIII Kèm theo kế hoạch số 70 TB/HU ngày 09 tháng 05 năm 2005 của BTV huyện ủy, Bảo Yên,Lào Cai**

STT	Đơn vị	TS chi bộ	TS đảng viên BTV	Khóa cũ		Khóa mới		Dự kiến đại biểu dự đại hội Đảng bộ huyện	
				Cấp ủy	BTV	Cấp ủy	Đại biểu đương nhiệm	Đại biểu bầu	
1	Đảng bộ thị trấn Phố Ràng	26	263	3	13	3	12-15	1	17
2	Đảng bộ Cam Cọn	10	91	3	9	3	9	1	6
3	Đảng bộ Xuân Hòa	9	114	3	9	3	9-11	1	7
4	Đảng bộ Kim Sơn	11	118	3	9	3	9-11		8
5	Đảng bộ Nghĩa Đô	5	137	3	9	3	9-11		9
6	Đảng bộ Lương Sơn	10	97	3	9	3	9		7
7	Đảng bộ Xuân Thượng	7	99	3	9	3	9		7
8	Đảng bộ Minh Tân	7	54	3	9	3	7-9		4
9	Đảng bộ Long Khánh	7	75	3	9	3	9		5
10	Đảng bộ Yên Sơn	5	56		7	3	7-9		4
11	Đảng bộ Long Phúc	4	43		7		7		3
12	Đảng bộ Tân Tiến	6	44	3	5	3	7		3
13	Đảng bộ Bảo Hà	15	214	3	13	3	13	1	14
14	Đảng bộ Việt Tiến	6	93		9	3	9		7
15	Đảng bộ Tân Dương	5	50	3	7	3	7-9		4
16	Đảng bộ Vĩnh Yên	10	12	3	9	3	9-11		8
17	Đảng bộ Thượng Hà	10	7		9	3	9	1	7
18	Đảng bộ Điện Quan	6	55		7	3	9		4
19	Đảng bộ Huyện ủy	5	30		5		5	9	3
20	Đảng bộ Công an	3	48		6		7	1	3
21	Đảng bộ Quân sự	4	29		7			1	2

22	Đảng bộ Lâm trường	4	34				5	1	2
23	Chi bộ VP UBND huyện	1	18				3	2	2
24	Chi bộ Dân vận	1	24				32	3	3
25	Chi bộ Phòng TN_MT	1	6				2		1
26	Chi bộ Thanh tra	1	7				2	2	1
27	Chi bộ Tư pháp	1	7				3		1
28	Chi bộ Tài chính	1	14				3		2
29	Chi bộ Ngân hàng	1	14				3		2
30	Chi bộ kho bạc	1	9				3		1
31	Chi bộ Thương nghiệp	1	9				2		1
32	Chi bộ Văn hóa	1	8				3	1	1
33	Chi bộ Chi cục thuế	1	21				2		2
34	Chi bộ Thống kê	1	5				2	2	1
35	Chi bộ Phòng Nội vụ	1	7				2	1	1
36	Chi bộ Bưu điện	1	8				1		1
37	Chi bộ Bảo hiểm XH	1	4				5		1
38	Chi bộ Trung tâm y tế	1	35				2	1	3
39	Chi bộ Viện kiểm sát	1	5				2		1
40	Chi bộ Tòa án	1	7				3		1
41	Chi bộ Kiểm lâm	1	12				2		1
42	Chi bộ Đài TT-TH	1	8				2		1
43	Chi bộ trường THPT số1	1	8				3		1
44	Chi bộ trường THPT số 2	1	9				5		1
45	Chi bộ Phòng GD&ĐT	1	27				3		3
46	Chi bộ Phòng Kinh tế	1	17				3	1	2
47	Chi bộ Ban QLDA 661	1	4				1		1

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 72-KH/HU, ngày 10 tháng 07 năm 2005
Tổng kết thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Ban Bí thư về việc đổi thẻ đảng viên
---

- Căn cứ Kế hoạch số 0 -KH/BCĐ ngày 06/6/2005 của Ban Chỉ đạo đổi thẻ đảng viên tỉnh Lào Cai về Tổng kết thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư về việc đổi thẻ đảng viên.

- Căn cứ Kế hoạch số 49-KH/HU ngày 16/3/2004 của Ban Thường vụ huyện ủy Bảo Yên về việc đổi thẻ đảng viên

Ban Chỉ đạo đổi thẻ đảng viên huyện Bảo Yên xây dựng kế hoạch tổng kết công tác đổi thẻ đảng viên của đảng bộ như sau:

I. Mục đích yêu cầu

- Các chi đảng bộ cần đánh giá thực trạng kết quả, ưu điểm, khuyết điểm tồn tại và nguyên nhân rút ra kinh nghiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW.

- Xác định rõ mức độ, tác dụng của công tác đổi thẻ đảng viên so với mục đích, yêu cầu, nội dung nêu trong Chỉ thị 29-CT/TW của Ban bí thư và Kế hoạch số 49-KH/HU của huyện ủy Bảo Yên về việc đổi thẻ đảng viên.

- Đề ra những biện pháp nhằm giải quyết những tồn tại sau đổi thẻ đảng viên đợt 19/5/2005 để hoàn thành công tác đổi thẻ đảng viên theo nội dung hướng dẫn số 45 - HD/BTCTW ngày 13/5/2005 của Ban Tổ chức Trung ương "Một số điểm thực hiện Thông tư số 07-TT/TW ngày 13/4/2005 của Ban Bí thư về việc chỉ đạo tiếp tục thực hiện công tác đổi thẻ đảng viên"; Công văn hướng dẫn số 1207-CV/TCTU ngày 22/4/2005 của Ban Tổ chức tỉnh ủy "về việc đổi thẻ đảng viên và xử lý tồn tại sau đợt 19/5/2005".

- Xác định rõ phương hướng nhiệm vụ thực hiện công tác phát triển đảng viên thường xuyên theo quy định của Điều lệ Đảng; Quy định số 14 - QĐ/TW ngày 16/11/2001 của Bộ Chính trị "cụ thể thi hành Điều lệ Đảng".

II. Nội dung tổng kết

A. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư

1. Đánh giá quá trình triển khai thực hiện:

- Kết quả triển khai, quán triệt Chỉ thị số 29 - CT/TW các văn bản hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, các kế hoạch, hướng dẫn của tỉnh, của huyện.

2. Đánh giá kết quả đổi và phát thẻ đảng viên:

- Kết quả đánh giá tổ chức đảng và đảng viên hai năm 2003, 2004 số lượng tỷ lệ mỗi loại; phân xếp loại chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Việc kiểm tra, rà soát và điều chỉnh kết quả đánh giá chất lượng đảng viên.

- Số lượng và tỷ lệ đảng viên được đổi và phát thẻ từng đợt (5 đợt) so với tổng số đảng viên chính thức; trong đó đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ?; đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng? đảng viên miễn công tác và sinh hoạt? đảng viên chính thức đủ tiêu chuẩn phát thẻ?.

- Kết quả củng cố chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở khắc phục yếu kém, đảng viên đủ tư cách còn hạn chế và đảng viên vi phạm tư cách đã sửa chữa tiến bộ trong thời gian thực hiện công tác đổi thẻ.

- Số lượng và kết quả các buổi lễ đổi, phát thẻ đảng viên đảm bảo yêu cầu chất lượng so với buổi lễ mà chi, đảng bộ đã tổ chức trong 5 đợt đổi, phát thẻ đảng viên.

- Số lượng và tỷ lệ đảng viên đã bị đưa ra khỏi Đảng trong thời gian thực hiện Chỉ thị số 29 - CT/TW của Ban Bí thư (từ ngày 17/10/2003 - 19/5/2005) so với tổng số đảng viên.

- Đánh giá vai trò lãnh đạo của cấp ủy và nhận thức của cán bộ đảng viên về công tác đổi, phát thẻ.

3. Kiến nghị, đề xuất.

B. Phương hướng nhiệm vụ thực hiện công tác đổi **thẻ** đảng **viên thường xuyên**.

- Nắm chắc số chi bộ trực thuộc yếu kém, đảng viên còn hạn chế và đảng viên vi phạm sau đợt đổi thẻ 19/5/2005.

- Rà soát lại số thẻ sai dữ liệu chưa được làm lại.

- Thường xuyên thực hiện tốt công tác phát thẻ đảng viên cho đảng viên dự bị chuyển đảng chính thức.

C. Khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên:

- Huyện: Xét khen thưởng những chi, đảng bộ trực thuộc và cán bộ Ban Tổ chức làm công tác nghiệp vụ đổi thẻ có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện công tác đổi thẻ đảng viên.

- Đề nghị tỉnh tặng bằng khen cho những chi, đảng bộ trực thuộc hoàn thành xuất sắc tiêu biểu

- Đảng bộ cơ sở: khen thưởng, biểu dương những chi bộ trực thuộc và đảng viên thực hiện tốt công tác đổi thẻ của đơn vị mình, đề nghị huyện tặng giấy khen cho chi bộ trực thuộc và đảng viên có thành tích xuất sắc trong công tác đổi thẻ.

III. Tổ chức thực hiện

- Đối với các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng báo cáo tổng kết, thông

qua cấp ủy và gửi về huyện ủy (qua Ban Tổ chức tổng hợp) trước ngày 15/7/2005.

- Đối với huyện tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết, tổ chức hội nghị tổng kết khoảng cuối tháng 8 năm 2005 (thời gian thông báo cụ thể sau).

Ban Tổ chức huyện ủy là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đổi thẻ có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết và phối kết hợp với Văn phòng huyện ủy và các cơ quan liên quan giúp Ban Chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện kế hoạch này./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

Q. TRƯỞNG Ban Tổ chức
KIÊM PHÓ BCĐ ĐỔI THẺ

Trần Văn Yên

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 75-KH/HU, ngày 23 tháng 08 năm 2005
Tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa VI) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ mới
---

Thực hiện kế hoạch số 65-KH/TU ngày 03/8/2005 của Tỉnh ủy Lào Cai, chỉ đạo việc tổng kết Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về công tác thanh niên trong thời kỳ mới. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên xây dựng kế hoạch tổng kết như sau:

I. Mục đích -yêu cầu

- Các cấp ủy Đảng, đoàn thể cần tập chung chỉ đạo cơ sở đánh giá kết quả những việc đã làm, chưa làm được sau 12 năm triển khai thực hiện Nghị quyết TW 4 (khóa VII) của Đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ mới, sát với tình hình thực tiễn của huyện.

- Đánh giá tình hình và dự báo hướng phát triển của công tác thành niên, hiệu quả việc thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, rút ra bài học kinh nghiệm, những giải pháp cụ thể trong lãnh đạo công tác thanh niên nhằm tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và phát huy tiềm năng, trí tuệ to lớn của lực lượng thế hệ trẻ trong công cuộc đổi mới đất nước.

- Việc tổng kết Nghị quyết TW4 (khóa VII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được triển khai thực hiện từ cơ sở đến huyện một cách thiết thực.

II/ về nội dung

1- Đánh giá kết quả việc quán triệt và triển khai Nghị quyết:

- Công tác chỉ đạo của cấp ủy trong việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động và nội dung quán triệt triển khai Nghị quyết.

- Công tác chỉ đạo việc kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết từng nội dung, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời điểm qua các năm tổ chức thực hiện nhiệm vụ đối với công tác thanh niên.

- Đánh giá đúng vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của các tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, đoàn thể ở các cấp trong phối hợp triển khai, thực hiện Nghị quyết của Đảng.

2- Đánh giá **kết quả tổ chức và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết**:

- Căn cứ vào 3 nội dung cơ bản của Nghị quyết TW4 (khóa VII) để đánh giá kiểm điểm sát với tình hình cụ thể của từng cấp ủy, ngành, đơn vị...

- Đánh giá toàn diện về tình hình thanh niên từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết ở địa phương, đơn vị cho đến nay, thông qua kết quả khảo sát, kiểm tra thực trạng và phong trào thanh niên qua các năm tại địa phương, đơn vị.

- Cần tập chung kiểm điểm làm rõ nhận thức, trách nhiệm và kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết TW4 trong hệ thống Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể, thông qua các chương trình và gắn với nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của huyện.

Từ những kết quả đạt được từng đơn vị cơ sở còn xác định rõ những nguyên nhân của thành tựu, những tồn tại yếu kém cần khắc phục. Đồng thời rút ra bài học kinh nghiệm, dự báo tình hình, đề ra nhiệm vụ, giải pháp và những đề xuất kiến nghị, nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh niên trong thời kỳ mới.

III. Phương pháp tổng kết

1- Ở huyện:

- Thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa VII) của huyện gồm 11 thành viên, do đồng chí Trưởng ban Dân vận - Dân tộc Huyện ủy làm trưởng ban.

- Huyện đoàn là cơ quan thường trực giúp Ban Chỉ đạo tổng hợp và dự thảo báo cáo tổng kết của huyện.

- Ban Chỉ đạo của huyện có trách nhiệm tham mưu giúp cấp ủy để tổ chức Hội nghị tổng kết ở huyện theo tinh thần của Ban Chỉ đạo tỉnh. -

2- Ở cấp cơ sở:

Các cấp ủy cơ sở căn cứ vào tình hình cụ thể của đơn vị, thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Phó bí thư làm trưởng ban, trưởng các ngành, đoàn thể làm thành viên và tham mưu giúp cấp ủy tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết của từng tổ chức, đơn vị cơ sở để báo cáo Ban Chỉ đạo huyện.

IV. Thời gian tổng kết

1- Đối với huyện:

Hoàn thành kế hoạch chỉ đạo cơ sở và tiến hành tổ chức tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa VII) tại huyện trước ngày 30/9/2005.

2- Đối với cấp cơ sở:

- Tiến hành chỉ đạo và triển khai việc tổng kết tại đơn vị cơ sở xong trước ngày 20/9/2005.

- Các báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết TW4 và các biểu mẫu tổng hợp của đơn vị cơ sở gửi về Ban Chỉ đạo huyện (qua Thường trực Huyện đoàn) chậm nhất vào ngày 15/9/2005 để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy đúng thời gian quy định.

Việc tổng kết Nghị quyết TW4 (khóa VII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ đổi mới là nhiệm vụ quan trọng mang ý nghĩa chiến lược của Đảng đối với công tác thanh niên. Do vậy yêu cầu các cấp ủy Đảng cơ sở quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch, sát với tình hình thanh niên và công tác thanh niên của toàn Đảng bộ trong thời kỳ mới./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Hoàng Ngọc Chuyên

CHƯƠNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 59-CTr/HU, ngày 14 tháng 04 năm 2001
của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên (khoá XII)
nhiệm kỳ 2000 - 2005

Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2000 - 2005 xây dựng chương trình công tác toàn khoá như sau:

1. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 2 (tháng 01/2001):

- Tổng kết công tác năm 2000, phương hướng nhiệm vụ năm 2001.

- Thông qua Quy chế của UBKT Huyện ủy nhiệm kỳ 2000 - 2005.

- Phân công các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành và các cơ quan ban ngành phụ trách các cơ sở.

- Thông qua Kế hoạch tổ chức Hội thi "Báo cáo viên giỏi" của huyện lần thứ nhất (Ban Tuyên giáo chuẩn bị).

2. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 3 (tháng 4/2001):

- Sơ kết công tác quí I. Phương hướng nhiệm vụ quí II năm 2001.

- Thông qua chương trình công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XII nhiệm kỳ 2000 - 2005 (Văn phòng chuẩn bị).

- Thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XII nhiệm kỳ 2000 - 2005 (Ban Tổ chức chuẩn bị).

- Thông qua chương trình kiểm tra toàn khoá của Ban Chấp hành (UBKT chuẩn bị).

- Thông qua dự thảo 02 Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành (UBND huyện chuẩn bị).

+ Nghị quyết về phát triển nông nghiệp - nông thôn giai đoạn 2001 - 2005 (đi sâu vào phát triển cây ăn quả, cây lấy củ, cây chè, thâm canh lúa, ngô; ổn định dân cư).

+ Nghị quyết về tăng cường công tác giáo dục - đào tạo, duy trì phổ cập GDTH - CMC, Phổ cập Trung học cơ sở (tại 08 xã, thị trấn theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đi sâu vào phát triển nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và xây dựng đời sống văn hoá).

- Bàn và Nghị quyết một số nhiệm vụ trọng tâm về công tác quần chúng trong tình hình mới (về Tôn giáo - dân tộc và di cư tự do).

3. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 4 (tháng 7/2001):

- Sơ kết công tác 6 tháng, đề ra nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2001 (Văn phòng).

- Triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 9 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (Ban Tuyên giáo chuẩn bị).

- Tổng kết cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2), (Ban Tuyên giáo chuẩn bị).

- Thông qua đề án biên chế theo tinh thần Nghị quyết TW7 (khoá VIII) (Ban Tổ chức chuẩn bị).

- Nghe báo cáo của UBND huyện về phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2001 (về sản xuất lúa, ngô thâm canh, cây ăn quả, cây lấy củ, sản xuất lâm nghiệp, xây dựng cơ bản, thu chi ngân sách).

- Thông qua Kế hoạch tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành khoá XI về xóa thôn bản chưa có đảng viên (Ban Tổ chức chuẩn bị)

- Sơ kết việc thực hiện Kế hoạch 184 về công tác Tôn giáo trong tình hình mới năm 2001 (Ban Dân vận - Dân tộc chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

4. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 5 (tháng 10/2001):

- Sơ kết công tác 9 tháng, nhiệm vụ quí 4/2001 (Văn phòng chuẩn bị). Nghe báo cáo của UBND huyện về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2002.

- Thông qua chương trình công tác giáo dục - lý luận chính trị đến đội ngũ cán bộ, đảng viên (chú trọng cán bộ cơ sở), (Ban Tuyên giáo chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

5. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 6 (tháng 01/2002):

- Tổng kết công tác năm 2001. Phương hướng nhiệm vụ năm 2002 (Văn phòng chuẩn bị).

- Thông qua Kế hoạch và chương trình hành động thực hiện về phát triển kinh tế HTX theo Luật HTX và đẩy mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng (Ban Tuyên giáo chuẩn bị).

- Thông qua chương trình xây dựng củng cố mạng lưới y tế cơ sở (UBND huyện chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

6. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 7 (tháng 4 năm 2002):

- Sơ kết công tác quí I/2002 (Văn phòng chuẩn bị).

- Sơ kết một năm thực hiện 02 Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành về phát triển nông nghiệp nông thôn và Nghị quyết tiếp tục công tác Phổ cập Trung học cơ sở (08 xã), (UBND huyện chuẩn bị).

- Sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 13 của Tỉnh ủy về việc giới thiệu đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt nơi cư trú (Ban Tổ chức chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

7. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 8 (tháng 7 năm 2002):

- Sơ kết công tác 6 tháng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2002 (Văn phòng chuẩn

- Xây dựng kế hoạch thực hiện phát huy dân chủ, an ninh nông thôn gắn với công tác vận động quần chúng (do Ban Dân vận - Dân tộc chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

8. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 9 (tháng 10/2002):

- Sơ kết công tác 9 tháng, nhiệm vụ quí 4/2002.

- Nghe UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện và nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2003 (Ngô hàng hoá, lúa cao sản, cây chè, cây ăn quả, củ, xây dựng cơ bản, thu chi ngân sách).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

9. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 10 (tháng 01/2003):

- Tổng kết công tác năm 2002. Phương hướng nhiệm vụ năm 2003 (Văn phòng chuẩn bị).

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp

- nông thôn giai đoạn 2001 - 2005. Nghị quyết về tiếp tục thực hiện Phổ cập trung học cơ sở (08 xã), (UBND huyện chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

10. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 11 (tháng 4/2003):

- Sơ kết công tác quí I/2003.

- Thông qua kế hoạch và chuẩn bị nội dung, nhân sự Đại hội các Chi, Đảng bộ trực thuộc (Ban Tổ chức chuẩn bị).

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết về xóa thôn bản chưa có đảng viên Ban Tổ chức chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

11. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 12 (tháng 7/2003):

- Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2003 (Văn phòng chuẩn bị).

- Sơ kết đánh gía tình hình thực hiện phát triển kinh tế HTX theo Luật HTX (UBND huyện chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

12. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 13 (tháng 10/2003):

- Sơ kết công tác 9 tháng, nhiệm vụ quí 4/2003 (Văn phòng chuẩn bị).

- Nghe báo cáo của UBND huyện về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2004.

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

13. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 14 (tháng 01/2004):

- Tổng kết công tác năm 2003. Phương hướng nhiệm vụ năm 2004 (Văn phòng chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

14. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 15 (tháng 4/2004):

- Sơ kết công tác quí I/2004 (Văn phòng chuẩn bị).

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết TW5 (khoá VIII) về phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc (UBND huyện chuẩn bị).

- Đánh giá tình hình xây dựng mạng lưới y tế cơ sở, thực hiện chủ trương đưa Bác sỹ về cơ sở.

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

15. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 16 (tháng 7/2004):

- Sơ kết công tác 6 tháng. Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2004.

- Sơ kết tình hình thực hiện Phổ cập trung học cơ sở (08 xã).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

16. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 17 (tháng 10/2004):

- Sơ kết công tác 9 tháng, nhiệm vụ quí 4/2004.

- Đánh giá 4 năm thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ đảng viên (Ban Tuyên giáo chuẩn bị).

- Nghe báo cáo của UBND huyện về phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2005.

- Đánh giá tình hình thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện trong 4 năm qua.

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

- Tổng kết công tác năm 2004. Phương hướng nhiệm vụ năm 2005.

- Thông qua kế hoạch và chuẩn bị nội dung nhân sự Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII (Ban Tổ chức chuẩn bị).

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

18. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 19 (tháng 4/2005):

- Sơ kết công tác quí I/2005.

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết về công tác quần chúng trong tình hình mới (Tôn giáo - Dân tộc và Di cư tự do).

- Đánh giá 4 năm tình hình thực hiện Kế hoạch 184 về công tác Tôn giáo.

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

19. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 20 (tháng 7/2005):

- Sơ kết công tác 6 tháng. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2005. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết về phát triển nông nghiệp - nông thôn, tình hình thực hiện HTX theo Luật HTX.

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

20. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 21 (tháng 10/2005):

- Sơ kết 9 tháng, nhiệm vụ quí 4/2005.

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết về Phổ cập trung học cơ sở (08 xã). Nghe UBND huyện báo cáo phương hướng mục tiêu và giải pháp phát triển kinh tế xã hội 2006 - 2010.

- Tham gia ý kiến vào các báo cáo chuẩn bị Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII

- Chuẩn bị nhân sự Đại hội.

- Tổ chức quán triệt thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên.

21. Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 22 (tháng 12/2005):

- Tổng kết công tác năm 2005.

- Thông qua các dự thảo văn kiện, công tác nhân sự và chuẩn bị các điều kiện cho Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII.

Trên đây là chương trình công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII (Nhiệm kỳ 2000 - 2005). Trong quá trình thực hiện, tuỳ từng kỳ họp cụ thể được bổ sung các nội dung theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Lào Cai./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 76-CTr/HU, ngày 25 tháng 05 năm 2001

Công tác kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy năm 2001

- Căn cứ vào Quy chế làm việc số 104 - QC/HU ngày 03/4/2001 của Ban Chấp hành Huyện ủy khoá XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

- Căn cứ vào Chương trình công tác kiểm tra số 56 - CTr/HU ngày 16/4/2001 của Ban Chấp hành Huyện ủy về công tác kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy khoá XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

- Căn cứ vào Chương trình công tác kiểm tra các năm số 59 - CTr/HU ngày 16/4/2001 của Ban Chấp hành Huyện ủy khoá XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005).

- Thực hiện Điều lệ Đảng: Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, tổ chức Đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, tổ chức Đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng. Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên khoá XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005) xây dựng chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy năm 2001 như sau:

*** Quý I năm 2001**:

1. Công tác tổ chức: Hoàn tất việc kiện toàn hệ thống tổ chức công tác kiểm tra từ huyện đến 44 Chi, Đảng bộ cơ sở (18 Chi, Đảng bộ xã, thị trấn; 26 Chi, Đảng bộ cơ quan).

2. Lập chương trình thông qua Hội nghị Ban Chấp hành để quyết định về công tác kiểm tra và lãnh đạo công tác kiểm tra của cấp ủy huyện các năm và toàn khoá (2000-2005).

*** Quý II năm 2001:**

1. Kiểm tra các Chi, Đảng bộ cơ sở về việc xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành và việc tổ chức, điều hành, thực hiện Quy chế của các thành viên Ban Chấp hành và sự chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng với chính quyền, đoàn thể ... (Kiểm tra từ 05 - 10 Chi, Đảng bộ).

2. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chịu trách nhiệm kiểm tra chính là các Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách các cơ sở xã, thị trấn, hàng tháng đi cơ sở từ 05 - 10 ngày.

3. Mở các lớp tập huấn nghiệm vụ cho cấp ủy cơ sở (công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác kiểm tra nói riêng).

*** Quý III năm 2001:**

1. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết về dự án trồng chè: Kiểm tra

về việc tổ chức, triển khai, kết quả đã trồng, triển vọng phát triển, sự ủng hộ của nhân dân trong việc thực hiện dự án (kiểm tra từ 02 - 03 xã vùng dự án).

2. Kiểm tra các xã đặc biệt khó khăn (12/18 xã, thị trấn) về các dự án, nguồn vốn, hiệu quả dự án. (kiểm tra từ 03 - 06 xã theo chương trình 135, 138 của Chính Phủ).

*** Quý IV năm 2001**

1. Kiểm tra tất cả các xã còn thôn bản chưa có đảng viên và các đoàn thể việc triển khai, tổ chức, thực hiện, kết quả (kiểm tra do các Ban xây dựng Đảng tiến hành; Ban Tổ chức chủ trì).

2. Kiểm tra việc tổ chức, thực hiện Nghị quyết số 03 - NQ/HU ngày 08/5/2001 của Ban Chấp hành Huyện ủy về phát triển Nông nghiệp và nông thôn giai đoạn 2001-2005. Trọng tâm năm 2001 là triển khai, thực hiện, kết quả.

Kiểm tra 18 xã, thị trấn do các Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy khoá XII phụ trách xã, thị trấn kiểm tra, có văn bản kết luận báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy trước ngày 20/12/2001.

- Kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2001.

3. Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2001 đối với 18 xã, thị trấn. Kết quả thực hiện đạt hay không đạt, nguyên nhân.

- Kiểm tra 18/18 xã, thị trấn: Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách cụm chỉ đạo cùng các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy phụ trách xã tổ chức kiểm tra và có kết luận báo cáo về Ban Thường vụ Huyện ủy trước ngày 30/12/2001.

Trên đây là Chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy huyện Bảo Yên năm 2001./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - KHOA GIÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN BẢO YÊN KHOÁ XII

Số 90-CTr/HU, ngày 10 tháng 07 năm 2001

(Nhiệm kỳ 2000 - 2005)

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII đã đề ra.

Căn cứ vào chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khoá XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005). Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá XII đề ra chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo toàn khoá như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện lòng trung thành với tổ quốc dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc xây dựng CNXH, bảo vệ tổ quốc và sự nghiệp Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá đất nước, phấn đầu vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Làm cho mọi đảng viên và nhân dân trong toàn Đảng bộ quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX,Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII. kịp thời đưa đường lối, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các chủ trương của tỉnh, của huyện xuống cơ sở và tới các tầng lớp nhân dân để mọi người nắm và thực hiện.

- Tạo được sự đoàn kết nhất trí cao trong Đảng và nhân dân, sự gắn bó giữa dân với Đảng, thống nhất ý trí và hành động, biến Nghị quyết của Đảng thành hiện thực trong cuộc sống. Đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, nhanh chóng xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các dân tộc trong huyện. Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch.

- Củng cố và phát triển nền văn hoá đa dạng của các dân tộc, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, giữ vững truyền thống yêu nước, đoàn kết giữa các dân tộc, khắc phục tư tưởng lối sống trái với truyền thống, đạo lý dân tộc.

II**. Phương hướng nhiệm vụ**

A. **Phương hướng**

- Trên cơ sở đường lối đổi mới và các Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XII Ban chấp hành đảng bộ huyện tập trung sự lãnh đạo trên lĩnh vự công tác tư tưởng - khoa giáo nhằm phát huy truyền thống đoàn kết, nêu cao tinh thần cách mạng tiền công ý chí tự lực tự cường, đề cao tinh thần cảnh giác, tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII.

- Đẩy mạnh hơn nữa việc học tập lý luận chính trị, văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao bản lĩnh và năng lực thực tiễn để nắm bắt và vận dụng sáng tạo đường lối chính sách của Đảng vào thực tiễn địa phương và cơ sở. Coi trọng tổng kết thực tiễn, nhân điển hình thực tiễn, hướng mọi hoạt động về cơ sở, xây dựng hình thành nông thôn mới XHCN trên địa bàn huyện.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, các lĩnh vực hoạt động khoa giáo (giáo dục, y tế, Bảo vệ - chăm sóc trẻ em, khoa học - công nghệ - môi trường ... xây dựng môi trường lành mạnh phục vụ cho việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực con người xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở theo hướng trong sạch vững mạnh, đảm bảo giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong hoạt động, thường xuyên tự phê bình và phê bình, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với dân. Kiên quyết chống mọi biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng ...

- Tiếp tục nghiên cứu và có giải pháp thích hợp để xử lý những vấn đề dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng để gây mất ổn định chính trị, trật tự xã hội như: Tôn giáo, dân tộc, tranh chấp đất đai ...

- Củng cố kiện toàn đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng - khoa giáo từ huyện đến cơ sở. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức hoạt động, bám sát thực tiễn, bám sát cơ sở, nói đi đôi với làm. đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ công tác tư tưởng - khoa giáo trong tình hình mới.

B. **Nhiệm vụ:**

1. Tiếp tục quán triệt sâu xắc 06 quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng theo Nghị quyết trung ương 6 (lần 2), các cấp ủy Đảng, các cơ quan tuyên truyền, các phương tiện thông tin đại chúng cần tập trung làm tốt công tác tuyên truyền góp phần giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, khắc phục các bước hiện hoài nghi, bi quan, dao động. Kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái đi ngược lại lợi ích của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

2. Tổ chức triển khai học tập và quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, các chỉ thị nghị quyết của Ban chấp hành trung

ương, Bộ chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào cai lần thứ XII và các Chỉ thị, Nghị quyết, chủ trương của Tỉnh, Huyện đến toàn thể đảng viên và quần chúng nhân dân.

3. Tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong nhân dân và các cấp các ngành về 07 chương trình, trọng tâm của ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh và chương trình về phát triển kinh tế - xã hội nông thôn của Ban chấp hành Đảng bộ huyện đề ra. Trước mắt tập chung tuyên truyền phổ biến và vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện 09 nhiệm vụ trọng tâm năm 2001 của Tỉnh và .... nhiệm vụ trọng tâm năm 2001 của huyện. Nhằm tạo ra bước đột phá cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.

4. Kịp thời phát hiện, biểu dương và nhân rộng các điển hình tiên tiến, những nhân tố mới đồng thời phê phán các hiện tượng tiêu cực, thoái hoá chất lượng trong cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân.

5. Khai thác và phát huy tốt các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng thông tin hai chiều để kịp thời nắm bắt tình hình thực tiễn phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Củng cố hệ thống báo cáo viên từ huyện đến cơ sở để làm tốt công tác tuyên truyền miệng. Hoàn thiện các quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong khối tư tưởng - khoa giáo.

6. Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục lý luận chính trị và công tác quản lý nhà nước, quản lý ngành sát với đặc điểm, điều kiện của đơn vị cơ sở nhằm nâng cao một bước trình độ, năng lực, phương pháp công tác, thái độ phục vụ nhân dân cho đội ngũ cán bộ (theo phân cấp quản lý) nhất là cán bộ Đảng, chính quyền và đoàn thể ở cơ sở. Tăng cường đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất cho Trung tâm chính trị huyện.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục truyền thống cách mạng, to chức tốt các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của địa phương, ngành, đơn vị. Tổ chức biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện tập III và lịch sử của các ngành, các xã để

phục vụ công tác nghiên cứu, giáo dục lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm tin vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

8. Mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao hướng về cơ sở, huy động đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất vốn văn hoá văn nghệ cổ truyền, đặc sắc của các dân tộc. Nâng dần mức hưởng thụ văn hoá, văn nghệ, phong trào thể dục thể thao lên một bước mới.

9. Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục - đào tạo cả về số lượng và chất lượng ở tất cả các ngành học, cấp học. Duy trì và hoàn chỉnh chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ. Triển khai thực hiện và hoàn thành mục tiêu chương trình phổ cập trung học cơ sở. Đầu tư nâng cao

chất lượng đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất trường học và chất lượng giáo dục đào tạo toàn diện.

10. Triển khai thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, nâng cao khả năng dự báo phòng dịch, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và y đức của người thầy thuốc, thực hiện chương trình đưa cán bộ y - bác sỹ về công tác tại các trạm y tế xã chương trình dân số - KHHGĐ, công tác chăm sóc bảo vệ trẻ em.

11. Nghiên cứu ứng dụng các đề tài khoa học công nghệ phục vụ cho trương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi treo hướng sản xuất hàng hoá. Triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động bảo vệ môi trường (bảo vệ rừng, nguồn nước, môi trường công nghiệp, môi trường đô thị ...).

12. Củng cố kiện toàn đội ngũ làm công tác tư tưởng - khoa giáo từ huyện đến cơ sở đủ sức làm tham mưu cho công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2000-2005.

III. Chương trình cụ thể

Năm 2001:

1. Xây dựng và thông qua chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo toàn khoá. (Ban Tuyên giáo chuẩn bị)

2. Xây dựng kế hoạch và triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII. (Ban Tuyên giáo và Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện chuẩn bị nội dung).

3. Tổ chức hội thi báo cáo viên giáo toàn huyện lần thứ nhất. (Ban Tuyên giáo chuẩn bị nội dung).

4. Xây dựng kế hoạch, chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên trong nhiệm kỳ 2000 - 2005. (Ban Tuyên giáo và trung tâm bồi dưỡng chính trị thực hiện).

5. Tổng kết bước III cuộc vận động xây dựng - chỉnh đốn Đảng (theo tinh thần NQ TW6 (lần 2) kiểm điểm việc thực hiện NQ TW 8b, triển khai Nghị quyết nghị quyết về công tác dân vận của huyện. (Các Ban xây dựng Đảng phối hợp thực hiện).

6. Xây dựng chương trình kế hoạch tổ chức kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh Lào cai (1/10/1991 - 1/10/2001). (Ban Tuyên giáo và các cơ quan chức năng thuộc khối văn hoá xã tổ chức thực hiện).

7. Tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày thành lập lực lượng vũ trang quân khu II (19/10/2946 - 19/10/2001). (Đảng ủy QS huyện và Ban Tuyên giáo thực hiện)

8. Tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện NQ TW2 (khoá VIII) về giáo dục

đào tạo, khoa học - công nghệ - môi trường và phương hướng tiếp theo. (Phòng giáo dục - đào tạo, Phòng công nghiệp - xây dựng và Ban Tuyên giáo phối hợp thực hiện).

9. Triển khai học tập và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ban hành. (Ban Tuyên giáo và các ban xây dựng Đảng hướng dẫn thực hiện).

Năm 2002:

1. Mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề về Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX cho cán bộ huyện và xã. (Ban Tuyên giáo - Trường bồi dưỡng chính trị thực hiện).

2. Tổng kết 5 năm thực hiện NQ TW5 (khoá VIII) về "xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"). (Phòng văn hoá TT - TDTT và ban Tuyên giáo phối hợp thực hiện).

3. Tổng kết 10 năm thực hiện NQ TW4 (khoá VII) và công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân và dân số - KHHGĐ, Triển khai chương trình đưa cán bộ y tế về cơ sở. (Trung tâm y tế và các cơ quan chức năng thực hiện).

4. Tổ chức kỷ niệm 55 năm thành lập Đảng bộ Lào cai (5/3/1947 - 5/3/2002). UBND huyện + Ban Tuyên giáo và các ngành chức năng thực hiện).

Năm 2003:

1. Sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ và huyện Đảng bộ lần thứ 12. (Các Ban xây dựng Đảng và Chi, Đảng ủy cơ sở thực hiện)

2. Tổng kết 10 năm thực hiện chỉ thị 36 và 38 của Bộ chính trị Ban Chấp hành TW (khoá VII) về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thể dục thể thao. (Các cơ quan chức năng và ban Tuyên giáo thực hiện).

3. Triển khai học tập và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của TW, của Bộ chính trị và của Tỉnh ban hành.(Các Ban xây dựng Đảng và ban Tuyện giáo hướng dẫn thực hiện).

Năm 2004:

1. Tổng kết 5 năm công tác tư tưởng - khoa giáo, chuẩn bị cho việc xây dựng văn kiện Đại hội khoá tới. (Ban Thường vụ chỉ đạo - Các Ban xây dựng Đảng và các cơ quan chức năng thực hiện).

2. Tổng kết 2 Nghị quyết chuyên đề về "công tác phổ cập giáo dục THCS" và "về phát triển nông thôn". (Thường trực Huyện ủy chỉ đạo - các cơ quan chức năng thực hiện).

3. Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Ban Chấp hành TW, Bộ chính trị, của Tỉnh, của huyện ban hành.(Các ban xây dựng Đảng cùng các cơ quan chức năng triển khai thực hiện).

Năm 2005.

1. Tuyên truyền về Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội X của Đảng. (Ban Tuyên giáo cùng các cơ quan chức năng thực hiện).

2. Tổ chức các ngày lễ lớn của dân tộc và 40 năm ngày thành lập huyện bảo yên (3/3/1965 - 3/3/2005).

3. Triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết của Ban Chấp hành TW, của Bộ chính trị và các chị thị, Nghị quyết của Tỉnh, Huyện ban hành. (Các ban xây dựng Đảng, các ngành chức năng tổ chức thực hiện).

IV. Tổ chức thực hiện

- Để thực hiện thắng lợi công tác nêu trên, Ban Chấp hành huyện Đảng bộ yêu cầu các cấp, các ngành, các Ban xây dựng Đảng căn cứ vào chức năng nhiệm

vụ của mình xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Văp phòng Huyện ủy có nhiệm vụ theo dõi tổng hợp báo cáo Huyện ủy việc thực hiện chương trình này.

Các đồng chí ủy viên BCH có trách nhiệm triển khai thực hiện chương trình công tác này ở ngành và cơ sở mình phụ trách.

Các Chi, Đảng ủy cơ sở, các ban ngành, đoàn thể căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các nội dung được phân công theo chương trình này./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 186-CTr/HU, ngày 20 tháng 01 năm 2002

về việc thực hiện Nghị quyết lần thứ ba và các kết luận Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX

I. Chương trình thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ ba ban chấp hành trung ương về tiếp tục sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp nhà nước

Các Doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chủ quản cấp trên để thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục sắp xếp đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị mình.

II. Chương trình thực hiện các kết luận hội nghị lần thứ Tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá ix)

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX) đã thông báo một số kết luận sau:

- Kết luận về sửa đổi bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992.

- Kết luận về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước năm 2002 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005.

- Kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

Để quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, căn cứ vào tình hình cụ thể của huyện Bảo Yên, Ban Chấp hành Huyện ủy đề ra chương trình hành động của toàn Đảng bộ thực hiện các kết luận của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) như sau:

1. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992

- Hiến pháp là Đạo luật cơ bản của Nhà nước. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét những quan điểm, phương hướng cơ bản chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX đã có Nghị quyết về những sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng và Quốc hội năm 2002 Đảng bộ huyện cần triển khai tốt các nhiệm vụ sau:

- Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể có chương trình kế hoạch tổ chức cho cán bộ và nhân dân các dân tộc học tập Hiến pháp và các Luật sửa

đổi đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 10 khoá IX. Thường trực UBND huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì với các ngành, các đoàn thể xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai rộng rãi đợt học tập này.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp có chương trình lãnh đạo, chỉ đạo thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội khoá X, tổ chức vào ngày 19/5/2002; thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong nhiệm vụ xây dựng chính quyền do dân vì dân.

2. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 và 5 năm 2001-2005

Năm 2002 là năm thứ hai thực hiện các Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, là năm đầu triển khai các chương trình, các Nghị quyết chuyên đề của Đảng bộ huyện và là năm kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai, tạo bước phát triển mới để thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Vì vậy năm 2002 cần tập chung vào một số mục tiêu chủ yếu sau:

a, Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 200

Xác định cơ cấu kinh tế của huyện " Nông - Lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ:

- Tốc độ tăng GDP bình quân: 8,5 - 9%.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 23.000 tấn.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 4.002 triệu đồng.
- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường: 95%.
- Giảm tỷ lệ sinh: 8%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ: 97%.
- Giảm tỷ lệ đói nghèo: 3,23%.
- Thông xe ô tô đến trung tâm 01 xã còn lại (Tân Tiến).

b, Một số biện pháp cơ bản để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu năm 2002

- Phát triển Nông - Lâm nghiệp và nông thôn: Bám sát mục tiêu, qui mô, giải pháp các đề án chương trình liên quan đến nông nghiệp nông thôn, nông dân; tổ chức thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy về phát triển nông nghiệp - nông thôn năm 2002. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

Ưu tiên đầu tư cao hơn cho phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ nông nghiệp. Phát triển hệ thống mạng lưới dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp, phục vụ đời sống và tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích phát triển các mô hình trang trại, vườn rừng nông thôn; tập chung sắp xếp ổn định dân cư. Giữ vững nhịp độ phát triển của đàn gia súc, gia cầm và thủy sản.

- Phát triển công nghiệp: Phát huy thế mạnh của các cơ sở tiểu thủ công nghiệp chế biến; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Đầu tư theo các chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, phát huy dân chủ từ cơ sở, đặc biệt đối với chương trình 135. Tiếp tục thực hiện đề án hỗ trợ chất lợp và nước ăn cho các hộ nghèo vùng III; phát động phong trào nhân dân giúp nhau làm khung nhà.

- Tài chính - tín dụng ngân hàng: Tích cực khai thác mọi nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo thu đúng thu đủ theo các sắc thuế đã ban hành. Tăng cường huy động nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, tích cực huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân.

- Văn hoá - xã hội: Duy trì chất lượng và kết quả phổ cập giáo dục tiểu học- chống mù chữ. Đẩy mạnh công tác phổ cập trung học cơ sở. Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục - đào tạo. Đẩy mạnh hoạt động văn hoá - thông tin - thể thao về số lượng và chất lượng, hướng hoạt động về cơ sở, đảm bảo một năm ít nhất một xã nhân dân được xem biểu diễn 02 buổi. Tiếp tục củng cố màng lưới y tế cơ sở, tăng cường đưa bác sỹ về trung tâm cụm xã (60% phòng khám khu vực có bác sỹ).

3. Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi tê tham nhũng, lãnh phí

a, Cấp ủy các cấp phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên; giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đặc biệt là giáo dục về đạo đức cách mạng, phê phán những quan điểm sai trái, cơ hội chính trị, chủ nghĩa cá nhân, lối sống ích kỷ, buông thả.

b, Khẩn trương giải quyết, xử lý những vụ nổi cộm, bức xúc: các cấp ủy, tổ chức Đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cần rà soát lại các vụ việc nổi cộm của địa phương, ngành, đơn vị mình (bao gồm những việc đã phát hiện nhưng chưa xử lý hoặc xử lý chưa tốt và cả những vụ việc chưa được phát hiện xác minh nhưng trong nhân dân có nhiều dư luận đang quan tâm, có nhiều thắc mắc, nghi ngờ), để lập kế hoạch chỉ đạo giải quyết tích cực, nghiêm túc có hiệu quả và dứt điểm trong một thời gian nhất định.

Các cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng phải thực hiện đúng các qui định của pháp luật, không được có các hành vi (bằng bất cứ hình thức nào) can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che để lọt người, lọt tội.

c, Kê khai nhà đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức: Thực hiện việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với toàn cán bộ công chức Nhà nước. Cán bộ, công chức phải tự giác, trung thực trong việc kê khai khi tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước phát hiện tài sản kê khai của cán bộ, công chức có dấu hiệu bát minh thì giao cho cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, xác minh nguồn gốc tài sản và nếu vi phạm thì xử lý theo pháp luật.

d, Nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể biếu, tặng cho cá nhân, tổ chức: Các cơ quan Đảng, đoàn thể, Nhà nước, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp không được dùng tiền Nhà nước, tập thể chi làm quà tặng, biểu cho cá nhân và tổ chức, trừ trường hợp thực hiện chính sách theo qui định.

Cán bộ, công chức không nhận tiền, quà biếu, tiền thưởng của các cơ quan, chức kinh tế - xã hội trong mọi trường hợp, kể cả các ngày lễ, tết, đi công tác.

Các đồng chí Bí thư cấp ủy, thủ trưởng cơ quan chỉ đạo, thực hiện tốt qui định, bản thân và gia đình tự giác, gương mẫu không nhận quà tặng, tiền biếu.

e, Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo pháp lệnh của Quốc hội và qui định của Chính phủ, trước hết trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đấu thầu quản lý dự án, quản lý sử dụng đất đai, xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị...

Giảm hội họp, không tặng lẵng hoa trong mừng công, đón nhận Huân chương, lễ hội, thực hiện tiết kiệm trong lễ cưới, trong việc tang. Trước mắt yêu cầu tổ chức cưới gọn nhẹ, giảm bớt việc mời khách trong các lễ cưới (sau khi HĐND - UBND Tỉnh có qui định thì HĐND - UBND huyện sẽ có qui định cụ thể các việc trên).

g, Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc qui định những điều đảng viên không được làm: Các Chi, Đảng bộ tổ chức truyền đạt, nghiên cứu, quán triệt ý nghĩa, mục đích tác dụng và nội dung của qui định cho cán bộ, đảng viên.

Công khai những điều đảng viên không được làm cho quần chúng nhân dân để giám sát đảng viên thực hiện.

Đưa việc kiểm điểm thực hiện qui định những điều đảng viên không được làm vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của cấp ủy, tổ chức Đảng cơ sở. Hàng năm các cấp ủy, tổ chức Đảng phải báo cáo đánh giá tình hình thực hiện qui định.

h, Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý: Có hình thức xử lý cán bộ lãnh đạo, quản lý nếu để xảy ra các vụ tiêu cực tham nhũng trong cơ quan, đơn vị; phải bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng.

i, Tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở: Gắn việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Có qui định về vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân của tập thể cơ quan, đơn vị, khu dân cư góp ý phê bình cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

k, Về tổ chức chỉ đạo: Ban Thường vụ Huyện ủy sẽ có Chỉ thị về chống lãng phí, thực hành tiết kiệm. Các Chi, Đảng bộ trực thuộc phân công một số đồng chí Ủy viên chỉ đạo thường xuyên cuộc vận động.

Định kỳ 6 tháng họp chuyên đề kiểm điểm, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trong Chi, Đảng bộ mình.

HĐND - UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn căn cứ vào các biện pháp trên đây cụ thể hoá thành qui ước, qui định, quyết định pháp qui để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng bộ đề ra.

Giao cho UBKT Huyện ủy phối hợp với các Ban xây dựng Đảng kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chương trình hành động này và thường xuyên tổng hợp tình hình báo cáo về Ban Thường vụ Huyện ủy..

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN CHẤP HÀNH
HUYỆN ỦY

Nguyễn Gia Lợi

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 220-CTr/HU, ngày 12 tháng 04 năm 2002

Thực hiện Nghị quyết 09 Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005

Để tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09 NQ/TU ngày 03/12/2001 của Ban Thượng vụ Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005. Căn cứ vào tình hình cụ thể của Huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy khoá XII đề ra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết cụ thể như sau:

I. Mục tiêu hành động

1. Tiếp tục quán triệt các quan điểm của Đảng về đổi mới công tác vận động quần chúng của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận - Đoàn thể vận động giáo dục các tầng lớp nhân dân tham gia học tập các chủ trương, Nghị quyết, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước như: Nghị quyết Đại hội IX của Đảng; Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Tỉnh; Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ Huyện.

2. Tập chung sức chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, mặt trận đoàn thể quần chúng đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong Huyện phấn đấu thực hiện có kết quả cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống văn hoá ở khu dân cư" thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra, đến năm 2005 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo từ 3 4%/ năm, Phổ cập giáo dục trung học cơ sở 8/18 xã, thị trấn xây dựng kiên cố và bán kiên cố thay thế nhà tạm của cơ sở trường học, 80% dân số xem được truyền hình, 50% số thôn bản đạt tiêu chuẩn văn hoá; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn.

3. Lãnh đạo đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện các chương trình dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, tăng cường quản lý và sử dụng tốt các nguồn vốn đầu tư và chất lượng xây dựng công trình đưa vào sử dụng phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

4. Củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị trước hết quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của Chi bộ, chi hội, chi đoàn thanh niên phát triển đảng viên, hội viên, đoàn viên khắc phục tình trạng thôn bản chưa có đang viên, hội viên, đồng thời tích cực đổi mới phương thức hoạt động của Đảng, chính quyền, mặt trận - đoàn thể về công tác vận động quần chúng theo tinh thần Nghị

quyết 8B (khoá VI) Chỉ thị 69 của Ban Bí thư TW (khoá VII) Chỉ thị 30 của Bộ chính trị về việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Chỉ thị 18 của Chính Phủ, nhằm đáp ứng các nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân.

5. Thường xuyên nắm bắt tình hình cơ sở với phương châm gần dân, sát cơ sở chủ động phối hợp giải quyết kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vụ việc phát sinh ở cơ sở, ổn định tình hình đời sống nhân dân, hạn chế đến mức thấp nhất đơn thư khiếu kiện vượt cấp.

6. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác tôn giáo dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đảm bảo các hoạt động về tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân đúng quy định pháp luật, chủ động công tác 184 tích cực đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các hoạt động lợi dụng tôn giáo tín ngưỡng nhằm mục đích lôi kéo, lừa gạt nhân dân vào mục đích chính trị nằm trong âm mưu "diễn biến hoà bình" của thế lực thù địch, vận động nhân dân tự nguyện bỏ không theo đạo trái phép, không di cư tự do.

II. Biện pháp chỉ đạo thực hiện:

1. Phối hợp sự chỉ đạo từ Huyện đến cơ sở, đoàn công tác các xã, Huyện ủy viên phụ trách, thủ trưởng cơ quan tay ngành tay xã, cán bộ tăng cường về xã để chỉ đạo các doạt động ở cơ sở tạo ra phong trào quần chúng đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

2. Tăng cường đưa thông tin về cơ sở, thôn bản đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền để nhân dân hiểu và thực hiện đúng các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước làm tròn trách nhiệm, nghĩa vụ công dân.

3. Chỉ đạo thường xuyên thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở tạo điều kiện để nhân dân phát huy dân chủ nhất là trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhân dân tham gia ý kiến chính quyền quyết định, nâng cao vai trò quản lý Nhà nước ở địa phương.

4. Tổ chức chỉ đạo nhân dân các thôn bản kiểm điểm đánh giá thực hiện quy ước thôn bản trong thời gian qua để khuyến khích động viên những người thực hiện tốt, phê bình những người chưa gương mẫu chấp hành, đồng thời bổ sung quy ước thôn bản sát với cuộc sống nhân dân.

5. Chọn điểm chỉ đạo xây dựng làng, bản văn hoá theo tiêu chí hướng dẫn của Tỉnh; Mỗi xã, thị trấn có ít nhất một bản xây dựng điểm trong đó phấn đấu đạt 05 tiêu chuẩn không có người di cư, không có hộ đói, không có người theo đạo trái phép, không có vi phạm pháp luật, không mắc tệ nạn xã hội, không chứa chấp người lạ mặt, không tảo hôn.

6. Củng cố kiện toàn tổ chức và cán bộ làm công tác dân vận, mặt

trận từ Huyện đến cơ sở, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được phân công thực hiện phương châm "nghe được dân nói, nói cho dân nghe, làm cho dân hiểu".

7. Thường xuyên thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng để động viên kích lệ phong trào nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt thông qua các kỳ sơ, tổng kết hàng năm.

8. Các cấp ủy, chính quyền, mặt trận - đoàn thể cơ sở; các nghành chức năng của Huyện căn cứ Nghị quyết mà đề ra nhiệm vụ cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết về công tác vận động quần chúng ở đơn vị mình đạt kết quả./.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 7 (khoá IX) về đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai

---

I. Đánh giá tình hình đất đai, quản lý và sử dụng đất đai của huyện Bảo Yên

Sau hơn 15 năm (kể từ khi Quốc hội khoá VIII thông qua Luật đất đai ngày 29/12/1987) thực hiện các chính sách, pháp luật mà Đảng và Nhà nước, công tác quản lý, sử dụng đất đai của huyện Bảo Yên đã đạt được những kết quả như sau:

Bảo Yên là một huyện cửa ngõ của tỉnh vùng cao biên giới Lào Cai, có tổng diện tích đất tự nhiên 82.090 ha chiếm 10,21% diện tích toàn tỉnh, có 16 dân tộc anh em cùng chung sống.

Đất nông nghiệp hiện có 10.844,62 ha chiếm 13,21% diện tích đất tự nhiên, tăng 3.371,37 ha so với năm 1993. Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ từ năm 1993 đến nay đã tổ chức giao đất cho nhân dân với tổng diện tích 8.077,21 ha chiếm 74,50% diện tích đất nông nghiệp hiện có.

Đất lâm nghiệp có rừng hiện có 30.744,09 ha tăng 12,956,19 ha so với năm 1993. Chiếm 37,45% diện tích đất tự nhiên. Thực hiện Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994; Quyết định số 202/ TTg ngày 02/5/1994 và các chương trình dự án 327, 661 ... của chính phủ, từ năm 1987 đến nay đã giao đất lâm nghiệp cho 7.355 hộ và một tổ chức với tổng diện tích: 42.597,53 ha trong đó dự án 661: 18.620,3 ha, phần đất lâm nghiệp đã giao nhưng chưa hoàn thành công tác trồng rừng, tái sinh rừng là 11.853,44 ha. Trong đó dự án 661 là 4.193,3 ha, trồng cây nhân dân: 7.660,1 ha.

Đất chuyên dùng hiện có 1.497,29 ha tăng 871,78 ha so với năm 1993, chiếm 1,82% đất tự nhiên của toàn huyện. Việc tăng đất chuyên dùng chủ yếu do quy hoạch mở rộng khu công nghiệp, mở rộng đường giao thông, đất quốc phòng, đất di tích lịch sử...

Đất đô thị hiện có 33,52 hạ tăng 6,22 ha so với năm 1993.

Đất ở nông thôn hiện có 439,56 ha tăng 80,79 ha so với năm 1993.

Đất chưa sử dụng còn: 38.530,92 ha giảm 17.286,35 ha so với năm 1993, chủ yếu là đất đồi núi.

Có được những kết quả trên là do có sự nhận thức đúng đắn, đầy đủ của cấp ủy và chính quyền các cấp về tầm quan trọng của công tác quản lý và sử dụng đất đai. Hàng năm từ cấp huyện đến cơ sở đã tiến hành công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, gắn phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng, sử dụng đất đai đúng mục đích, phù hợp với tập quán canh tác của từng vùng, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế góp phần nâng cao hệ số sử dụng ruộng đất.

Công tác giao đất nông lâm nghiệp đã có nhiều tiến bộ. Đại đa số nhân dân các dân tộc trong huyện đã được giao đất để Sản xuất nông lâm nghiệp, đất thổ cư, công tác thống kê tình hình biến động đất đai đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Nhà nước. Đã tổ chức đo đạc địa chính cho 05 xã, thị trấn/18 xã thị trấn của toàn huyện. Giải quyết dứt điểm 63 đơn thư khiếu nại có liên quan trực tiếp đến công tác đất đai.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn huyện cũng còn bộc lộ một số tồn tại đó là:

- Do việc giao đất nhanh, đảm bảo cho nhân dân có đất để sản xuất nên trong quá trình tổ chức giao đất còn có những thiếu sót như: Xét duyệt cho các hộ ở cơ sở chưa thật sự công bằng (người nhiều, người ít...) diện tích khoanh, vẽ trên bản đồ và thực địa chưa ăn khớp, còn chồng chéo giữa hộ này với hộ khác, giữa cá nhân và tập thể.

- Quỹ đất chưa sử dụng còn khá lớn do một số hộ gia đình sau khi nhận đất nhưng vẫn chưa tổ chức sản xuất đúng mục đích.

Việc tổ chức quản lý công tác chuyển đổi mục đích, chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa chặt chẽ, tình trạng mua bán chuyển nhượng không đúng pháp luật, tự lấn chiếm đất đai vẫn còn xảy ra.

- Công tác quy hoạch sử dụng đất ở các cấp làm chưa kịp thời, chưa thực sự đi trước công tác tổ chức sản xuất và sử dụng đất đai.

- Nguyên nhân của những tồn tại trên là do:

- Công tác tuyên truyền các văn bản pháp luật về đất đai chưa kịp thời và sâu rộng, nhận thức của nhân dân về công tác quản lý đất đai còn nhiều hạn chế, chưa có các biện pháp quản lý chặt chẽ.

- Một số trường hợp vi phạm Luật đất đai nhưng chưa được xử lý dứt điểm, dẫn đến nhiều trường hợp vi phạm khác lại tiếp diễn từ đó khó khăn cho công tác quản lý.

- Cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đến công tác quản lý đất đai, đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ về công tác địa chính từ xã đến huyện chưa đồng đều, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Các chính sách về đất đai ban hành quá nhiều nhưng khi áp dụng vào thực tế hiệu quả không cao vì có chỗ còn chồng chéo, mâu thuẫn nhau và chưa phù hợp với thực tế.

II. Nhiệm vụ và các giải pháp lớn về công tác quản lý đất đại trong thời gian tới

A. Nhiệm vụ

- Làm tốt công tác tuyên truyền các nghị quyết,chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác đất đai, tạo ra sự thống nhất cao trong nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân về công tác quản lý và sử dụng đất đai.

- Tiếp tục hoàn chỉnh việc đo đạc địa chính ở các xã, thị trấn còn lại. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất mà tất cả các xã, thị trấn trên cơ sở đó hoàn chỉnh quy hoạch vùng sản xuất, đi đôi với quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở đảm đồng bộ tránh chồng chéo.

- Rà soát tất cả các loại đất đã được cấp giấy chứng nhận, cấp quyền sử dụng đất, giải quyết dứt điểm các điểm tranh chấp, chồng chéo, trong quá trình thực hiện giao đất. Tổ chức triển khai các văn bản pháp luật về đất đai một cách đồng bộ.

- Tiếp tục đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai từ huyện xuống cơ sở. Mở các lớp bồi dưỡng quản lý Nhà nước về đất đai cho cán bộ chủ chốt, cán bộ đoàn thể các xã, thị trấn.

B. Một số giải pháp lớn về công tác quản lý đất đai trong thời gian tới

1. Hoàn chỉnh đo đạc lập bản đồ địa chính, lập kế hoạch quy hoạch sử dụng đất:

- Làm tốt công tác quy hoạch đất đai, quy hoạch sản xuất gắn với ổn định dân cư.

- Tập chung hoàn chỉnh đo đạc lập bản đồ địa chính của 13 xã còn lại trong huyện (đến nay đã đo đạc xong 05 xã) lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất của 17 xã (năm 2003 sẽ làm tại thị trấn Phố Ràng) trên cơ sở kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất của toàn huyện đã được phê duyệt, kế thừa các quy hoạch về đất đai trước đây tiến hành phân vùng sản xuất, xác định quỹ đất cho từng loại cây trồng. Hoàn chỉnh quy hoạch các khu trung tâm cụm xã để phát triển các thị tứ, thúc đẩy quá trình đô thị hoá trong thời gian tới, đồng thời tạo ra các quỹ đất để tiến hành đấu giá sử dụng đất.

2. Tiến hành rà soát và tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

a. Đối với đất nông - lâm nghiệp:

- Tiếp tục giao đất nông - lâm nghiệp còn lại cho nhân dân sản xuất ổn định lâu dài theo luật đất đai.

- Tiến hành tổng kết đánh giá lại kết quả công tác giao đất nông - lâm nghiệp trong thời gian vừa qua để từ đó có biện pháp khắc phục những sai sót trong quá trình tổ chức giao đất nhanh. Những diện tích đất nông - lâm nghiệp đã giao cho nhân dẫn đến nay sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp hoặc thu hồi theo Quyết định 81/2003/QĐ.UB ngày 10/3/2003 của UBND tỉnh Lào Cai.

- Tiến hành đo đạc và lập sổ địa chính đối với những diện tích mới khai hoang. Lập kế hoạch đưa hết các diện tích đất trống vào sử dụng, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và đất rừng. Phấn đấu đến 2010 sẽ không còn đất trống.

- Rà soát quỹ đất của các doanh nghiệp sản xuất nông - lâm nghiệp, trụ sở của các cơ quan Nhà nước. Những diện tích còn để hoang hoá hoặc không có nhu cầu sử dụng cần chuyển cho nhân dân sản xuất, những diện tích xen ghép với dân quá nhỏ cần được quy hoạch gọn lại đảm bảo thuận tiện cho việc tổ chức của các doanh nghiệp và nhân dân. Những diện tích trùng lặp giữa nhân dân và doanh nghiệp Nhà nước cần được khắc phục ngay theo hướng: Những diện tích nhân dân đã và đang sản xuất ổn định thì nên giao cho nhân dân làm. Doanh nghiệp Nhà nước thiếu đất sản xuất đề nghị tỉnh cấp bổ sung.

- Có biện pháp xử lý kiên quyết đối với các cá nhân và tập thể vi phạm luật đất đai.

b. Đối với đất đô thị, đất nhà ở nông thôn:

- Tập chung tháo gỡ các khó khăn để giải quyết dứt điểm các đối tượng có đủ điều kiện giao đất theo quy định tại Quyết định số: 75/2002/QĐ.UB ngày 01/3/2002 của UBND tỉnh Lào Cai, chuẩn bị quỹ đất của khu tái định cư khi thực hiện các dự án xây dựng tại trung tâm huyện lỵ và trung tâm các cum xã.

- Từng bước thực hiện việc chuyển đổi từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện.

- Từng bước tạo quỹ đất và tiến hành thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất. tiến hành thu hồi những lô đất sử dụng không đúng mục đích, đất bỏ hoang, đất chuyển nhượng trái pháp luật để đấu giá quyền sử dụng đất.

- Trình UBND Tỉnh phê duyệt khung giá đất tại các trung tâm cụm xã để tiến hành cấp quyền sử dụng đất cho nhân dân. Chấm dứt tình trạng giao đất, cho mượn, cho thuê đất không đúng thẩm quyền.

- Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng có liên quan đến đất ở đô thị và nông thôn.

c. Làm tốt công tác thanh tra - giải quyết khiếu nại về đất đai:

Các địa phương, cơ quan của huyện phải duy trì công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo nguyên tắc: Trách nhiệm thuộc cấp nào, cơ quan nào thì cơ quan, chính quyền ở cấp đó phải trực tiếp xem xét giải quyết, xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân trong công tác quản lý đất đai, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm Luật đất đai.

d. Tăng cường cơ sở vật chất và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai (cán bộ địa chính):

Tổ chức sắp xếp lại hệ thống sổ sách, bản đồ, tài liệu về đất đai từ huyện đến xã. Những tài liệu bị hư hỏng, thất lạc cần được bổ sung kịp thời đảm bảo đầy đủ tính pháp lý.

- Tổ chức sắp xếp lại đội ngũ cán bộ địa chính ở các xã, thị trấn từ 2005 đến nay đảm bảo 100% cán bộ địa chính xã, thị trấn có trình độ trung cấp, ở huyện 100% cán bộ địa chính có trình độ đại học, những cán bộ có trình độ chuyên môn nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác cũng được xem xét xử lý.

III. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX) và các chính sách pháp luật về đất đai của Đảng và Nhà nước hiện hành, các chương trình hành động của tỉnh, của BCH Đảng bộ huyện, UBND huyện và các ngành chức năng tích cực chỉ đạo, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý đất đai cho phù hợp với tình hình thực tế ở huyện, khẩn chương khắc phục những khó khăn yếu kém và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn huyện.

2. Các cấp ủy và tổ chức đảng cơ sở, động viên nhân dân tham gia học tập xây dựng thực hiện pháp luật về đất đai, thường xuyên quán triệt trong Đảng và nhân dân để mọi người, mọi tổ chức tự giác chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đất đai, tăng cường công tác lãnh đạo, kiểm tra việc triển khai nghị quyết của Đảng ở các cấp các ngành. Phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân trong việc thi hành chính sách pháp luật về đất đai, tham

gia phát hiện, kiểm tra, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, tư lợi, tham nhũng trong quản lý sử dụng đất đai.

3. Các Ban xây dựng Đảng căn cứ theo chức năng của mình giúp BCH Đảng bộ huyện quán triệt theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động này. Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo dõi tình hình thực hiện chương trình này định kỳ hàng tháng báo cáo về Ban Thường vụ Huyện ủy./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Vi Lam Sơn

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 682-CTr/HU, ngày 08 tháng 01 năm 2004
Công tác Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên năm 2004

- Căn cứ vào điều 30 chương VII Điều lệ Đảng IX; Quy chế làm việc, chương trình công tác kiểm tra của Ban Chấp hành khóa XII. Báo cáo tổng kết năm 2003 và phương hướng năm 2004.

- Để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2004 thì công tác kiểm tra của cấp ủy huyện, trọng tâm những nhiệm vụ chính, đó là:

1. Lãnh đạo công tác kiểm tra **của Đảng bộ huyện**

a, Về nhận thức đối với các cấp ủy cơ sở: Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức Đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức Đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra của Đảng. Thường xuyên quán triệt Điều lệ Đảng, Quy định 19 những điều đảng viên không được làm cho cán bộ, đảng viên.

b, 45/45 chi, đảng bộ, cấp ủy phải xây dựng được chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy mình năm 2004 gửi về Thường trực Huyện ủy (qua UBKT Huyện ủy tổng hợp, hạn cuối cùng là ngày 30/3/2004 phải xong).

- Xây dựng chương trình căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ năm 2004 về 7 chương trình hướng về cơ sở là trọng tâm, cần kiểm tra.

c, Củng cố tổ chức, quản lý bộ máy làm công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp, luôn trong sạch vững mạnh, nếu có yếu kém củng cố, thay thế để đáp ứng được nhiệm vụ giao.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của Đảng bộ huyện

a, Các tổ công tác Huyện ủy ở 18/18 xã, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa bàn thuộc quyền quản lý. Hàng tháng, quý, năm có báo cáo về hoạt động chỉ đạo, kiểm tra về Thường trực Huyện ủy (UBKT Huyện ủy tổng hợp).

b, Các đồng chí huyện ủy viên đã được phân công phụ trách cụm xã, đơn vị tăng cường kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác bầu cử HĐND ba cấp năm 2004 để thực hiện tốt Chỉ thị 31-CT/TW ngày 26/11/2003 của Bộ Chính trị.

c, Tổ chức kiểm tra (6 tháng cuối năm 2004) thực hiện 7 chương trình hướng về cơ sở:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

- Chương trình xóa đói giảm nghèo.

- Chương trình phát triển giao thông nông thôn.

- Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học.

- Chương trình xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Chương trình củng cố hệ thống chính trị cơ sở.

- Chương trình quy hoạch khu dân cư.

- Cấp ủy huyện sẽ kiểm tra điểm 2 chương trình, cụ thể là: Chương trình đường giao thông nông thôn (xã Kim Sơn, xã Việt Tiến); Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học (xã Long Khánh, xã Điện Quan).

- Nội dung kiểm tra:

+ Nghị quyết Đảng ủy, Nghị quyết HĐND xã, Nghị quyết UBND xã tổ chức điều hành (thực hiện theo Quy chế dân chủ).

+ Tổng kinh phí dự toán, quyết toán, giá trị công trình.

+ Tổ chức thực hiện giám sát: Bên A, bên B của cơ sở được hưởng chương trình (theo quy chế dân chủ) việc quản lý, khai thác sử dụng công trình, dự án, hiệu quả tốt, chưa tốt, nguyên nhân, đề xuất trên hướng xử lý giải quyết.

+ Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XII (2000 - 2005) tăng cường công tác kiểm tra đối với cơ sở đã được phân công phụ trách theo dõi là hàng quý có báo cáo kết quả về Ban Thường vụ (qua Văn phòng Huyện ủy tổng hợp và trình các kỳ họp Ban Thường vụ).

*** *Lưu ý*:** Các cuộc kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy có quyết định, kế hoạch cụ thể riêng từng cuộc kiểm tra.

Trên đây là chương trình công tác kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên năm 2004 (đã thông qua hội nghị Ban Chấp hành ngày 06/01/2004). Đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Tổ chức Huyện ủy, UBKT Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy tham mưu cho cấp ủy, cùng các cấp ủy cơ sở, các tổ công tác cơ sở, tổ chức thực hiện tốt chương trình này./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2004

Số 749-CTr/HU, ngày 18 tháng 05 năm 2004

- Căn cứ Quyết định số 20 - QĐ/TW ngày 04/01/2002 của Bộ Chính trị về thành lập Ban Chỉ đạo TW6 (2).

- Căn cứ Quyết định số 408 - QĐ/TU ngày 27/8/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về việc thành lập Ban Chỉ đạo TW6 (2).

- Căn cứ Quyết định số 1095 - QĐ/HU ngày 01/12/2003 của Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên về việc thành lập Ban Chỉ đạo TW6 (2).

- Căn cứ chương trình công tác trọng tâm năm 2004 của Ban Chỉ đạo TW, của Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy Lào Cai; Ban Chỉ đạo TW6 (2) Huyện ủy Bảo Yên xây dựng chương trình công tác năm 2004 như sau:

I. Củng cố, kiện toàn ban chỉ đạo TW6 (2):

1. Ban Chỉ đạo TW6 (2) của Huyện ủy nghiên cứu xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy thành lập bộ phận chuyên trách giúp việc cho Ban Chỉ đạo và tổ chức thực hiện (theo qui định của Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX và Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX).

2. Chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc bố trí một đồng chí trong cấp ủy có năng lực theo dõi, tổng hợp tham mưu cho cấp ủy cơ sở về việc thực hiện Nghị quyết TW6 (2) khoá VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa IX (theo chỉ đạo của Bộ Chính trị và Ban Chỉ đạo TW, tỉnh ủy).

II. Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2004

1. Giám sát việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong một số cơ quan, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, các xã, thị trấn, nhất là đối với trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong các cơ quan, đơn vị.

Phân công đồng chí Trần Văn Yên - Phó Ban Tổ chức Huyện ủy chỉ đạo thực hiện.

2. Theo dõi việc kê khai nhà, đất của cán bộ, đảng viên, trước hết đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý. Những trường hợp có dư luận phải được xác minh, kết luận đúng, sai để báo cáo Ban Thường vụ xem xét, xử lý nghiêm minh và thông báo công khai với hình thức phù hợp.

- Phân công đồng chí Trần Văn Yên - Phó Ban Tổ chức Huyện ủy chỉ đạo thực hiện.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng giám sát, thanh tra về xây dựng cơ bản và các chương trình mục tiêu như: Chương trình kiên cố hoá trường lớp học, kiên cố hóa kênh mương ..

- Phân công đồng chí Đặng Xuân Thiều - Ủy viên Ban Thường vụ - Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy - Phó Ban thường trực và đồng chí Bàn Văn Tòng - Chánh Thanh tra huyện chỉ đạo thực hiện.

4. Chỉ đạo kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chi tiêu ngân sách nhà nước ở các cơ quan, đơn vị, lực lượng vũ trang.

- Phân công đồng chí Nguyễn Tiến Dũng - Ủy viên Ban Thường vụ Phó Chủ tịch UBND huyện, Phó Ban Chỉ đạo thực hiện kiểm tra, đánh giá việc chi tiêu ngân sách nhà nước ở các cơ quan, các xã, thị trấn.

- Phân công đồng chí Vi Văn Khoa - Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng Công an huyện, chỉ đạo kiểm tra việc chi tiêu ngân sách trong ngành Công an huyện, xã.

- Phân công đồng chí Hoàng Đức Ngọt - Ủy viên Ban Thường vụ - Chỉ huy trưởng BCHQS huyện kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách trong Quân đội huyện, xã.

5. Chỉ đạo kiểm tra việc quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Phân công đồng chí Vũ Đức Nhuận - HUV - Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy và đồng chí Ma Thị Sách - Phó Ban Tổ chức Huyện ủy chỉ đạo thực hiện.

6. Chỉ đạo việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh và theo dõi thực hiện kiểm điểm tự phê bình, phê bình định kỳ cuối năm, khắc phục khuyết điểm sau kiểm tra; đề xuất với Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo tự phê bình, phê bình đột xuất đối với những nơi có nổi cộm phát sinh phức tạp.

- Phân công các đồng chí: Hà Trọng Luân - Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy; đồng chí Ma Thị Sách - Phó Ban Tổ chức Huyện ủy chỉ đạo theo dõi đối với các chi, đảng bộ trực thuộc huyện (ngoài đơn vị vũ trang).

- Phân công đồng chí Vi Văn Khoa - Ủy viên Ban Thường vụ - Trưởng Công an huyện theo dõi ngành Công an từ huyện đến các cơ sở; đồng chí Hoàng Đức Ngọt - Ủy viên Ban Thường vụ - Chỉ huy trưởng BCHQS huyện theo dõi việc thực hiện trong ngành Quân đội từ huyện tới các cơ sở.

7. Theo dõi việc thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy; các kết luận qua thanh tra, kiểm tra kinh tế - xã hội.

- Phân công đồng chí Vũ Đức Nhuận - HUV - Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy và đồng chí Đoàn Thế Xương - Phó Văn phòng Huyện ủy chỉ đạo thực hiện.

- Các nội dung trên được triểnkhai thực hiện từ cuối quí II năm 2004; định kỳ 6 tháng, cuối năm có sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện để tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy và Ban Chỉ đạo Tỉnh ủy Lào Cai.

III. Tổ chức thực hiện

- Các đồng chí thành viên của Ban Chỉ đạo được phân công có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả với Ban Chỉ đạo (qua Ủy ban kiểm tra Huyện ủy).

- Bộ phận chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham mưu giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các chi, đảng bộ trực thuộc, các cơ quan, ban, ngành chức năng thực hiện và định kỳ tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo TW6 (2) của huyện./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 750-CTr/HU, ngày 19 tháng 05 năm 2004
thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX

I. Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nghị quyết đại hội đảng bộ huyện lần thứ XII:

Ba năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, Ban Chấp hành Đảng bộ và Ban Thường vụ Huyện ủy đã thực hiện đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Căn cứ vào chương trình công tác trọng tâm toàn khóa và tình hình thực tế ở địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng các Nghị quyết chuyên đề và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết một cách cụ thể, làm căn cứ cho các cấp ủy cơ sở xây dựng Nghị quyết và đề ra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết có hiệu quả. Sau 3 năm triển khai đồng bộ các Nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị của huyện đã đạt được khá toàn diện.

Tính đến hết năm 2003, các mục tiêu lớn Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đề ra nhiệm kỳ 2000 - 2005 đã cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu. Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm đạt 10,12% (mục tiêu Đại hội là 8,5 - 9%/ năm); tổng sản lượng lương thực đạt 24.000 tấn (đạt mục tiêu Đại hội đến 2005); cơ cấu kinh tế chủ yếu: Nông lâm nghiệp 60,79%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 14,02%, dịch vụ thương mại 25,19% (mục tiêu Đại hội: Nông lâm nghiệp 61%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 18%, dịch vụ thương mại 21%); thu ngân sách trên địa bàn năm 2003 đạt 5,67 tỷ đồng đạt 131,1%KH; số hộ đói nghèo giảm hiện còn 7,73% (mục tiêu Đại hội đến 2005 còn 11%) tốc độ tăngdân số tự nhiên 1,762%; tỷ lệ số hộ dân được nghe đài sóng tốt đạt 80%; xem truyền hình sóng tốt đạt 60%; trên 90% tổ chức mặt trận, đoàn thể đạt khá trở lên; 71% chi, đảng bộ trực thuộc đạt trong sạch vững mạnh.

Năm 2003, cùng với toàn tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên xác định là năm tập chung nguồn lực hướng về cơ sở được cụ thể hóa bằng 6 chương trình trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, tổng kết năm 2003, tất cả các chương trình đều đạt hiệu quả. Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn được chú trọng đầu tư giống mới (trên

90% giống lúa lai kỹ thuật) và thâm canh tăng năng suất, năng suất lúa bình quân đạt 45,67 tạ/ha, ngô 23,51 tạ/ha. Chương trình làm đường giao thông nông thôn đạt 89,4 km (vượt kế hoạch 11,1 km). Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm 4,59%, 16/18 xã, thị trấn có điện thoại.

Các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục đã được quan tâm đúng mức. 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ; 9.058 hộ gia đình, 105 thôn bản, 21 cơ quan, 13 trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa, xây dựng 38 nhà văn hóa thôn bản.

Quốc phòng an ninh được tăng cường củng cố, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn được đảm bảo. Tình hình tôn giáo trên địa bàn từng bước đi vào ổn định, di dịch cư tự do giảm đáng kể. Quy chế dân chủ ở cơ sở được chú ý thực hiện tốt hơn. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân được quan tâm đúng mức, kịp thời, không để dây dưa kéo dài.

Hệ thống chính trị được củng cố nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động với phương châm " Gần dân, sát cơ sở ". Công tác đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở tạo ra bước đột phá trong công tác cán bộ. Các tổ chức mặt trận, đoàn thể hoạt động tích cực có hiệu quả, vận động tuyên truyền giúp nhân dân thực hiện chủ trương chính sách pháp luật và phát triển kinh tế, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc ...

*** *Một số tồn tại, yếu kém*:**

- Mặc dù kinh tế có mức tăng trưởng khá song việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Cơ sở hạ tầng vùng sâu, vùng xa tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đời sống kinh tế, xã hội. Việc tiêu thụ một số sản phẩm cho nhân dân gặp khó khăn. Công nghệ sản xuất còn lạc hậu, giá thành sản phẩm cao, khả năng cạnh tranh yếu.

- Vai trò lãnh đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Phương thức làm việc của một số cơ sở chậm đổi mới, thiếu khoa học. Còn có tư tưởng ỷ lại trông chờ vào Nhà nước, ỷ lại vào cấp trên ở một bộ phận cán bộ, nhân dân.

- Trình độ dân trí nhìn chung còn thấp, mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào dân tộc còn hạn chế, trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất của nông dân còn yếu, một số hủ tục tập quán lạc hậu còn tồn tại ở một số nơi. Tình hình truyền đạo trái phép, di dịch cư tự do tuy giảm nhưng còn tiềm ẩn phức tạp, tai tệ nạn xã hội chưa giảm.

- Công tác phát triển đảng viên, xóa thôn bản, đầu mối chưa có đảng viên còn chậm. Tỷ lệ cán bộ còn mất cân đối giữa thành phần dân tộc và tỷ lệ cán bộ nữ. Trình độ năng lực cán bộ ở một bộ phận cán bộ, nhất là cán

bộ cơ sở còn hạn chế. Nguồn nhân lực thiếu, công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ ở các xã vùng cao, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn.

**** Nguyên nhân của những thành** tựu* đã đạt được:

- Đảng bộ huyện đã vận dụng sáng tạo các Nghị quyết của Đảng vào điều kiện của huyện, tổ chức xây dựng kế hoạch và chương trình hành động đúng trọng tâm, trọng điểm, đồng thời phân công chỉ đạo trực tiếp đến từng cá nhân phụ trách trên các lĩnh vực, đôn đốc thực hiện có hiệu quả.

- Phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí cao trong tổ chức Đảng và nhân dân các dân tộc trong huyện, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Thực hiện tốt nguyên tắc tập chung dân chủ trong Đảng và Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân và mọi cấp, mọi ngành. Kịp thời khắc phục yếu điểm tạo nên sức mạnh đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

- Tranh thủ sự ủng hộ, chỉ đạo giúp đỡ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, của các cơ quan, sở, ban , ngành, các tổ chức, doanh nghiệp một cách thiết thực có hiệu quả.

- Tăng cường bám sát cơ sở, củng cố kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở yếu kém, đặc biệt là việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ. Đổi mới có hiệu quả phương thức lãnh, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền.

**** Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém***:

- Khách quan: Do điều kiện địa lý và lịch sử để lại. Xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, cơ sở hạ tầng thấp kém, trình độ dân trí thấp với tập quán canh tác cũ lạc hậu. Tiềm năng thế mạnh kinh tế nổi trội không có.

- Chủ quan: Còn có cấp ủy, chính quyền cơ sở nhận thức chưa đầy đủ về chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, các chương trình đề án do vậy còn chưa sáng tạo, chưa sát thực tế, các thế mạnh chưa được phát huy hiệu quả.

- Năng lực của đội ngũ cán bộ ở một số nơi, nhất là ở cơ sở còn chưa đáp ứng được yêu cầu, việc cụ thể hóa Nghị quyết ở một số nơi còn lúng túng, thiếu chủ động, nhất là trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, ỷ lại cấp trên của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ và những giải pháp chủ yếu từ nay đến năm 2005

1. Mục tiêu:

Bám sát các mục tiêu của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Bảo Yên quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Trung ương IX. Phát huy kết quả đã đạt được, với tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo. Trong 2 năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ

huyện. Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc huyện Bảo Yên quyết tâm thực hiện đạt và vượt các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đã đề ra.

Nhất quán tư tưởng:

* Lấy "Phát triển kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt", tiếp tục thực hiện 7 chương trình trọng tâm hướng về cơ sở để phát triển nông nghiệp, nông thôn đồng thời phát huy các nguồn lực, các thế mạnh của huyện để tạo đà cho sự phát triển.

- Các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể đến năm 2005:
- Giá trị tổng sản phẩm trong huyện (GDP): 276 tỷ đồng
- Tốc độ tăng trưởng GDP: 8,5-9%
- GDP bình quân đầu người/năm: 3,2 triệu đồng
- Cơ cấu kinh tế trong GDP:
+ Nông, lâm nghiệp: 61%
+ Công nghiệp, TTCN, chế biến: 17%
+ Thương mại dịch vụ: 22%
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 24.000 tấn
- Độ tán che phủ rừng: 45%
- Giảm tỷ lệ đói nghèo: 2 - 3%/năm
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,6-1,7%
- Hoàn thành PCTH đúng độ tuổi; 8 xã, thị trấn đạt chuẩn PCTHCS.
- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề: 25-30%
- Tỷ lệ dân được nghe đài TNVN sóng tốt: 90%
- Tỷ lệ dân được xem truyền hình VN sóng tốt: 80%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng: Dưới 30%
- Xóa thôn, bản, đầu mối chưa có đảng viên: TCCSĐ đạt TSVM: 85%
- Tổ chức đoàn thể đạt tiêu chuẩn khá trở lên: 85%.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII và thực hiện Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XII đề ra, đồng thời tập chung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

2.1 Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, ổn định đời *sống nhân dân:*

- Tập chung thâm canh năng năng suất, tiếp tục áp dụng gieo trồng đại trà các giống mới, tăng vụ trên diện tích gieo trồng; làm tốt công tác quy hoạch sử dụng hợp lý, có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động tạo sự phát triển bền vững. Đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

vào sản xuất, gắn với phát triển hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập chung với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp cho nông dân nhằm kích thích sản xuất hàng hóa phát triển.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, duy trì chính sách trợ cước, trợ giá phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp. Thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển giao thông, thủy lợi, trường học, chợ nông thôn. Hình thành vùng lúa cao sản ở Lương Sơn, Long Khánh, Xuân Hòa, Việt Tiến, Xuân Thượng. Xây dựng vùng chuyên canh ngô ở Thượng Hà, Vĩnh Yên, Xuân Hòa. Thực hiện tốt chương trình nạc hóa đàn lợn, phục tráng đàn trâu, phòng chống dịch bệnh gia súc gia cầm.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình dự án sản xuất nông lâm nghiệp, thâm canh kỹ thuật và tiếp tục trồng mới tạo vùng chè nguyên liệu tập chung 600 - 700 ha chất lượng cao, phát triển đa dạng các loại cây ăn quả phù hợp với từng vùng.

- Xây dựng, quản lý bảo vệ tốt vốn rừng hiện có. Tập chung thực hiện trồng mới tập chung với loài cây có giá trị kinh tế cao và khả năng bảo vệ môi trường sinh thái, Bảo Yên chú trọng phát triển thêm diện tích trồng quế, phát triển mô hình kinh tế trang trại, tổ chức giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình.

- Thực hiện lồng ghép các chương trình xóa đói giảm nghèo với việc sắp xếp ổn định dân cư, quy hoạch sản xuất và kết cấu hạ tầng khu vực các xã vùng sâu, vùng xa. Phát triển các ngành nghề nông thôn, các nghề truyền thống như may mặc trang phục dân tộc, đan lát thủ công từ song, mây, tre, nứa ...

2.2 Tập chung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Tập chung các nguồn lực để nâng cấp, mở mới các tuyến đường giao thông, trong đó ưu tiên phát triển đường giao thông liên thôn, bản. Phấn đấu đến năm 2005, 80% thôn, bản có đường liên thôn xe cơ giới đi lại thuận tiện.

- Đẩy mạnh chương trình kiên cố hóa trường lớp học, thực hiện có hiệu quả việc kiên cố hoá nhà công vụ cơ sở. Tiếp tục phát triển công nghiệp chế biến tạo các sản phẩm hàng hóa từ nông lâm nghiệp như giấy, bột giấy, chế biến chè, nông sản; phát triển ngành nghề như may, dệt, công cụ cầm tay. Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng (đá, gạch, cát, sỏi).

2.3 Chăm lo phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và xã hội theo hướng xã hội hóa:

- Nâng cao chất lượng giáo dục, củng cố vững chắc kết quả PCGDTH -XMC thực hiện mục tiêu và bổ sung kế hoạch PCGDTH đúng độ tuổi và

CTHCS. Tăng cường và duy trì các lớp mẫu giáo, đặc biệt là lớp mẫu giáo 5 tuổi để ít nhất trên 95% số trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Ưu tiên xây dựng kiên cố hóa trường lớp học ở các xã, thôn, bản.

- Củng cốmạng lưới y tế cơ sở, tăng cường đưa bác sỹ về xã, chú trọng đào tạo bác sỹ sau đại học. Thực hiện tốt chính sách thu hút lao động có tay nghề cao phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội.

- Thực hiện tốt công tác bảo tồn, khai thác, phát triển bản sắc văn hoá các dân tộc; duy trì và phát triển phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa "; chú trọng đầu tư phát triển các phong trào thể thao quần chúng, tạo nguồn vận động viên tham gia các phong trào thể thao thành tích cao của tỉnh.

2.4 Tăng cường, củng cố Quốc phòng - An ninh:

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, thường xuyên tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm bảo vệ biên giới Tổ quốc.

- Tăng cường nắm địa bàn, quản lý chặt chẽ hộ tịch, hộ khẩu, đấu tranh kịp thời với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Ngăn chặn có hiệu quả các tệ nạn xã hội, đặc biệt là buôn bán, vận chuyển chất ma tuý, nghiện ma tuý. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện Luật Giao thông nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn.

- Tiếp tục kiện toàn các ngành Nội chính về tổ chức, cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Tăng cường phối hợp giữa các ngành, các cấp trong hoạt động tư pháp. Làm tốt công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân ngay từ cơ sở, không để dây dưa, kéo dài, xử lý oan sai, không để xảy ra " điểm nóng " trên địa bàn.

2.5 Củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay:

- Chú trọng giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất là giáo dục Lý luận Mác - Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Các cấp ủy Đảng thường xuyên quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật và Điều lệ Đảng. Thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

- Tiếp tục thực hiện công tác luân chuyển cán bộ, tăng cường cán bộ theo Nghị quyết 11- NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 10 - NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Làm tốt công tác đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhất là

cán bộ cơ sở, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ. Trong công tác quy hoạch cán bộ đặc biệt chú trọng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ hợp lý.

- Làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, xóa đầu mối không có đảng viên. Các thôn bản đều có chi bộ đảng; đội ngũ cán bộ từng bước được chuẩn hóa kể cả cơ sở

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, giảm phiền hà, sách nhiễu trong thực thi công việc của cơ quan, cán bộ công chức nhà nước.

- Đổi mới nội dung, hình thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng trong sạch, vững mạnh theo hướng "gần dân, sát cơ sở", thiết thực phù hợp với lợi ích chính đáng của các hội viên và đoàn viên.

- Tập chung chỉ đạo, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ mới giai đoạn 2005 - 2010.

III. Phân công tổ chức thực hiện

- Cấp ủy, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến các cơ sở cần quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Hội nghị TW9 khóa IX. Căn cứ vào chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, 7 chương trình công tác trọng tâm hướng về cơ sở năm 2004 và căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị và cơ sở để xây dựng chương trình hành động đề ra giải pháp cụ thể.

- Các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Huyện ủy hướng dẫn các chi, đảng bộ trực thuộc, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xây dựng chương trình hành động và kế hoạch cụ thể của cấp mình, ngành mình để triển khai tổ chức thực hiện.

- Các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Huyện ủycác đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách cơ sở thường xuyên kiểm tra, đôn đốc theo dõi việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, hàng tháng, quí, năm có báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Huyện ủy./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN CHẤP HÀNH
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Số 816-CTr/HU, ngày 05 tháng 10 năm 2004

thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX); tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"

I. Khái quát tình hình thực hiện nghị quyết tw 5 (khóa VII)

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) của Đảng ta, về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cùng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã không ngừng đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và xây dựng môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

5 năm qua, đặc biệt là từ Đại hội huyện đảng bộ lần thứ XII đến nay, Ban Chấp hành đảng bộ huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm đến năm 2005. Với những chủ trương kế hoạch đó đã dấy lên các phong trào thi đua sôi nổi ở mọi cấp, mọi ngành, mọi lĩnh vực, mọi người, mọi nhà, mọi thành phần kinh tế hăng hái đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Tính đến hết năm 2003 các mục tiêu Đại hội đảng bộ đề ra cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu. Tốc độ tăng tưởng GDP bình quân hàng năm đạt 10,12% (mục tiêu Đại hội là 8,5 - 9%/năm). Số hộ đói nghèo giảm xuống, hiện còn 6,81%. Bộ mặt thị trấn Phố Ràng, thị tứ, trung tâm cụm xã các vùng nông thôn thực sự có nhiều thay đổi, phát triển.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hóa - xã hội cũng được đầu tư phát triển đạt được nhiều tiến bộ nhất là cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư " triển khai thu nhiều kết quả, công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh; 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ; 9.058 gia đình, 105 thôn bản, 21 cơ quan, 13 trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa, xây dựng được 38 nhà văn hóa thôn bản. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thông tin đại chúng, xây dựng các thiết chế văn hóa đã tập chung hướng về cơ sở; nhiều hoạt động văn hóa lớn như: Lễ hội

đền Bảo Hà, lễ hội Thành Nghị lang, lễ kỷ niệm 55 năm giải phóng Phố Ràng 26/6/1949 - 26/6/2004 ... Hàng năm tổ chức tốt hội diễn văn hóa văn nghệ cụm, trong huyện, liên hoan văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng những ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh, huyện và những ngày lễ, tết ... được tổ chức phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của huyện, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày nâng cao của nhân dân. Phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư ", tạo ra sự chuyển biến tích cực trong đời sống văn hóa của nhân dân. Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang có nhiều chuyển biến tích cực, đám cưới có đăng ký kết hôn, lễ cưới tiết kiệm, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,76%. Số hộ được nghe đài sóng tốt đạt 80%, xem truyền hình thu tốt đạt 60%. Phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc, nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi thể được sưu tầm trong đó một số di tích được công nhận như đồi Phố Ràng, đền Bảo Hà, Thành cổ Nghị Lang đã được Nhà nước công nhận, tôn tạo, một số nghề truyền thống được khai thác phát huy, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Đặc biệt 6 tháng đầu năm 2004 đã tổ chức thành lập được các đội văn hóa văn nghệ ở các nhà văn hóa cộng đồng dân tộc Mông đi dự thi toàn tỉnh đã giành thành tích cao đạt giải nhất toàn tỉnh đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp cho đồng bào. Đáng chú ý là hàng năm Trung tâm văn hóa - thể dục - Thể thao huyện tổ chức được các cụm hội diễn văn hoá văn nghệ quần chúng đặc biệt là đến năm 2004 Tân Tiến là một xã vùng cao vùng sâu của huyện đã tổ chức được đội văn nghệ đi dự hội thi cụm. Thông qua đó những nét đẹp về truyền thống, đạo đức, lòng tự hào, tự tôn dân tộc được giữ gìn và phát huy. Bản sắc văn hóa tốt đẹp các dân tộc Bảo Yên đang từng bước được khôi phục, phát triển. Phong tục tập quán lạc hậu trong đời sống sinh hoạt dần dần được xóa bỏ. Thay vào đó giá trị văn hóa mới đem lại môi trường lành mạnh cho mỗi người, mỗi gia đình, mỗi vùng, mỗi dân tộc và cộng đồng các dân tộc trong huyện. Các điển hình tiên tiến về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ngày càng được phổ biến, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, bản sắc văn hóa các dân tộc Bảo Yên đã tạo ra môi trường thuận lợi cho huyện, cho tỉnh phát triển đi lên cùng cả nước.

* ***Tuy nhiên bên cạnh những kết quả*** đạt được còn một số tồn ***tại yếu kém là:***

- Quá trình thực hiện chưa tạo ra được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức cũng như hành động trong công tác lãnh đạo, quản lý ở một số cấp ủy Đảng. Một số ít cán bộ, đảng viên chưa đổi mới về nhận thức, tình trạng suy thoái xuống cấp về tư tưởng, đạo đức, lối sống vẫn còn biểu hiện ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

- Phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu

dân cư " tuy đã được đẩy mạnh, song chưa đều, chưa có chiều sâu, có thôn bản, xã còn là hình thức. Một số hủ tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang chậm được khắc phục. Một số tệ nạn xã hội nhất là nghiện ma tuý, có chiều hướng gia tăng. Vì vậy đòi hỏi sự nỗ lực, tích cực đấu tranh mạnh mẽ của toàn xã hội.

- Tình hình truyền đạo trái phép và di dịch cư tự do vẫn còn diễn ra khá phức tạp. Hoạt động văn hóa văn nghệ phát triển nhưng chưa mạnh, chưa rộng khắp, có mặt còn chậm đổi mới.

- Việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Bảo Yên tuy đã được triển khai thực hiện nhưng kết quả chưa cao. Bảo tồn, phát huy, nâng cao giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc phục vụ nhu cầu văn hóa của nhân dân còn hạn chế.

- Công tác quản lý văn hóa có lúc, cơ nơi còn buông lỏng, lúng túng thiếu chủ động, các dịch vụ văn hóa, kinh doanh văn hóa phẩm, băng đĩa nhạc, intenét, lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình qua vệ tinh, trò chơi điện tử chưa được kiểm soát một cách chặt chẽ theo qui định hiện hành.

- Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa chưa được coi trọng, thiếu các công trình văn hóa trọng điểm, nhà văn hóa cộng đồng ở cơ sở, thôn bản đã và đang được xây dựng nhưng tỷ lệ còn thấp. Các công trình văn hóa hiện có chưa được đầu tư đồng bộ. Một số nhà văn hóa cộng đồng thiếu nội dung hoạt động chưa phát huy hết tác dụng. Thực hiện xã hội hóa về văn hóa trong hoạt động văn hóa chưa được đẩy mạnh, có mặt còn yếu, chưa có những giải pháp cụ thể trong việc huy động và phát huy các nguồn lực trong nhân dân, vào nhiệm vụ phát triển văn hóa ở địa phương.

+ Chưa nắm và còn thiếu cơ chế động viên vốn quí của các nghệ nhân dân gian còn bị mai một.

- Trình độ cán bộ làm công tác văn hóa - văn nghệ nhất là ở cơ sở (xã, thị trấn, thôn bản) thiếu về số lượng, yếu về năng lực, phần lớn chưa qua đào tạo. Các chính sách đầu tư, ưu đãi về tài chính thấp, thiếu trang thiết bị nên việc tổ chức, duy trì, phát triển đời sống văn hóa cơ sở còn mang tính hình thức, chưa thường xuyên. Tư tưởng trông chờ bao cấp vẫn còn biểu hiện ở một số cơ sở.

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại yếu kém là:

* *Khách quan:*

Do mặt trái của cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập và những tiến bộ khoa học - công nghệ mới tác động. Một số ít cán bộ, đảng viên và nhân dân bị lối sống thực dụng lôi cuốn dẫn tới tha hóa, vị kỷ, chạy theo đồng tiền, coi nhẹ các giá trị tinh thần, bàng quang với các phong trào thi đua yêu nước, yêu CNXH. Các thế lực thù địch ráo riết thực hiện âm mưu "

diễn biến hòa bình phá hoại trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa chia rẽ nội bộ, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

** Chủ quan:*

- Thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa chưa phù hợp và đồng bộ với nhiệm vụ phát triển kinh tế có lúc còn coi nhẹ nhiệm vụ xây dựng, bảo tồn và phát triển văn hóa. Sự phối kết hợp và phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ với các giải pháp xây dựng, bảo tồn và phát triển văn hóa nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) đã đặt ra.

- Công tác lãnh đạo ở một số chi, đảng bộ còn yếu kém. Trình độ tổ chức quản lý cán bộ chưa theo kịp với xu thế hiện đại hóa và những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong thời kỳ mới của nền kinh tế thị trường hiện nay. Một số ít cán bộ, đảng viên, cơ quan, tổ chức xã hội chưa thực sự là tấm gương văn hóa cho quần chúng noi theo. Đời sống kinh tế, trình độ văn hóa, dân trí của nhân dân nhìn chung còn thấp.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa đến năm 2010

1. Mục tiêu

Đảm bảo sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với nhiệm vụ phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần. Không ngừng nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng đạo đức, lối sống, năng lực, trí tuệ. Đặc biệt là việc xây dựng con người Việt Nam với 5 đức tính trong thời kỳ mới mà Nghị quyết TW đã nêu, xây dựng môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh tạo nên sự phát triển đồng bộ, bền vững. Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, bản sắc độc đáo của văn hóa các dân tộc trong huyện. Nắm bắt kịp thời những thành tựu văn hóa - thông tin hiện đại huy động mọi tiềm lực cho sự nghiệp văn hóa, chủ động có kế hoạch và thực hiện cơ chế chính sách phù hợp để duy trì và phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc Bảo Yên. Kiên quyết đấu tranh chống lại các khuynh hướng lợi dụng văn hóa để chia rẽ, phá hoại về tư tưởng, đạo đức lối sống, khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

a, Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống gắn với cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, xây dựng con người Việt Nam XHCN:

Đó là: Triển khai quán triệt sâu sắc kết luận Hội nghị Ban Chấp hành TW Đảng 10 (khóa IX) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Gắn nhiệm vụ phát triển văn hóa với nhiệm

vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 6 lần 2 (khoá VIII) thông qua cuộc vận động lớn về học tập xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước mắt hướng mạnh vào việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng con người Việt Nam XHCN tạo sự chuyển biến về bản lĩnh chính trị, tư tưởng, nhận thức đoàn kết thống nhất trong cán bộ, đảng viên và nhân dân từng bước đẩy lùi tiêu cực, làm thất bại diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

b, Đẩy mạnh phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa":

- Tập chung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo bước phát triển mạnh mẽ sâu rộng phong trào " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa " hướng mọi hoạt động vào nhiệm vụ xây dựng gia đình văn hóa, làng bản, khu phố, cơ quan đơn vị, trường học văn hóa. Đảm bảo cho nhân dân được hưởng thụ nếp sống văn hóa cộng đồng lành mạnh, văn minh có đời sống kinh tế phát triển, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, cảnh quan môi trường nếp sống, ăn, ở vệ sinh không ngừng được cải thiện. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đồng thời chú trọng việc xây dựng hương ước, quy ước ở thôn bản, Phấn đấu đến năm 2010 có từ 85 - 90% gia đình, từ 50 - 60% thôn bản, 80 85% khu phố, 100% số cơ quan đơn vị trường học đạt chuẩn văn hóa toàn huyện, 40% dân số thường xuyên tham gia luyện tập thể thao.

- Tăng cường công tác giáo dục, công tác quản lý của nhà nước, nâng cao tinh thần chủ động của các tổ chức quần chúng làm chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện Chỉ thị 27 của Bộ Chính trị và các qui định của tỉnh, huyện về tổ chức cưới, tang, lễ hội văn minh, tiết kiệm trong Đảng và ngoài xã hội.

- Thực hiện tốt chính sách văn hóa đối với tôn giáo ngăn chặn có hiệu quả việc truyền đạo trái phép, di dịch cư tự do và việc lợi dụng tôn giáo hành nghề mê tín dị đoan.

c, Tăng cường chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa cơ sở xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng đa dạng của các tầng lớp nhân dân nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc:

- Tập chung chỉ đạo thắng lợi 7 chương trình hướng về cơ sở năm 2004 trong đó đẩy mạnh thực hiện các nội dung xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở phù hợp với từng vùng, từng dân tộc, từng khu dân cư. Giải quyết tốt những vấn đề bức thiết, tồn tại: Phong tục tập quán lạc hậu như thách cưới, tảo hôn, cưới không đăng ký, chết không báo tử. Làm tốt vệ sinh môi trường, không thả rông gia súc, phòng ngừa trộm cắp và các

tệ nạn xã hội khác. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa văn nghệ hướng về cơ sở. Phấn đấu 100% xã, thị trấn có đội văn nghệ 65 - 70% số thôn bản, khu phố có đội văn nghệ hoặc câu lạc bộ văn hóa, thể thao, 100% nhà văn hóa cộng đồng có nội dung hoạt động, khai thác, phát huy văn hoá truyền thống các dân tộc đáp ứng nhu cầu văn hoá của nhân dân.

- Tổ chức tốt việc triển khai Kế hoạch 33 - KH/TU, Kế hoạch số 07 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên và chương trình công tác tư tưởng - văn hóa của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về triển khai thực hiện Chỉ thị 18 của Ban Chấp hành TW Đảng về việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) về công tác văn học, nghệ thuật trong tình hình mới. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng phát huy tài năng nghệ thuật, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần để các văn nghệ sỹ, nghệ nhân dân gian sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật ca ngợi quê hương, con người Bảo Yên. Đặc biệt là các bài hát, các làn điệu của các dân tộc thiểu số ... Cần có nội dung hoạt động hướng về cơ sở, sưu tầm, khai thác, phát huy văn hoá, văn nghệ truyền thống của các dân tộc nâng cao và làm phong phú thêm đời sống sinh hoạt văn hóa của nhân dân.

- Tiếp tục đầu tư từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất cho hệ thống truyền thanh - truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, tăng cường các thiết chế văn hóa, các thiết bị nghe nhìn cho đồng bào vùng sâu, vùng xa. Thực hiện tốt công tác quản lý các loại sách báo văn hóa phẩm và các thiết bị nghe nhìn ...

- Phát triển vững chắc sự nghiệp giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học lên một bước, củng cố vững chắc kết quả PCGDTH - CMC, bổ sung kế hoạch PCGDTH đúng độ tuổi và PCTHCS. Tăng cường và duy trì các lớp mẫu giáo, nhất là mẫu giáo 5 tuổi phấn đấu đạt trên 97% số trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Ưu tiên xây dựng và kiên cố hoá trường lớp học ở các xã, thôn bản. Tăng cường công tác giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống văn hóa của dân tộc, giáo dục công dân, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các trường học. Nhằm mục tiêu xây dựng con người Bảo Yên phát triển toàn diện có tinh thần yêu nước, yêu quê hương, yêu chủ nghĩa xã hội, có kiến thức, trí tuệ, có trình độ ngoại ngữ, có văn hóa ứng xử, văn hóa dân tộc.

- Đẩy mạnh thực hiện các dự án như công viên, khu vui chơi, giải trí trung tâm huyện, các trung tâm cụm xã. Tranh thủ thu hút các nguồn lực đầu tư cho văn hóa, tiếp cận nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào việc phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

- Tăng cường đầu tư của Nhà nước, đồng thời thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, xã hội hóa các hoạt động văn

hóa. Phấn đấu đến năm 2010: 100% xã, thị trấn đều có thiết chế cơ bản như nhà văn hóa, sân vận động, đội thể thao, đội văn nghệ, phần lớn các xã, thị trấn đều có nhà truyền thống, thư viện, tủ sách, hệ thống truyền thanh - truyền hình ..., thôn bản có từ 65 - 70%, khu phố có trên 90%, có nơi sinh hoạt văn hóa thông tin như nhà sinh hoạt cộng đồng, sân chơi thể thao và một số phương tiện hoạt động cần thiết khác.

- Tăng cường công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc Bảo Yên, sưu tầm, khai thác các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Có kế hoạch tôn tạo các di tích danh lam thắng cảnh, các bản làng văn hóa truyền thống, giữ gìn phát huy ngôn ngữ các dân tộc. Khuyến khích truyền dạy chữ viết hiện có của các dân tộc trong sinh hoạt cộng đồng, trong hoạt động văn hóa văn nghệ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc kể cả trong sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo. Đảm bảo các dân tộc đều có sự phát huy, phát triển văn hóa của dân tộc mình.

- Thực hiện tốt công tác đưa văn hóa về cơ sở. Tăng cường công tác quản lý văn hóa, lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, trước mắt cần thực hiện tốt quản lý kinh doanh, lắp đặt, sử dụng các thiết bị thu tín hiệu truyền từ vệ tinh, dịch vụ Intenet, kinh doanh băng đĩa hình, băng đĩa nhạc ... ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm qui định về quản lý, sử dụng, buôn bán, lưu hành trái phép văn hóa phẩm đồi trụy, phản động, vi phạm nếp sống văn minh nơi công cộng và các tệ nạn xã hội khác.

- Tiếp tục chọn lọc tinh hoa văn hóa hiện đại góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa các dân tộc trong huyện, trong tỉnh, tổ chức các hoạt động văn hóa về chủ đề dân tộc thiểu số, mở rộng giao lưu văn hóa giữa các vùng, thúc đẩy kinh tế, văn hóa phát triển; cảnh giác, đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hoá phẩm độc hại.

3. Một số giải pháp chủ yếu sau

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm và hiệu quả chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện cuộc vận động chính trị, văn hóa trong toàn Đảng, toàn dân, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh làm chuyển biến mạnh mẽ công tác giáo dục, rèn luyện trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất là cán bộ chủ chốt và thanh niên. Tạo chuyển biến rõ rệt về bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trí tuệ nhận thức gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế đi đôi với nhiệm vụ phát triển văn hóa. Tăng cường công tác quản lý, kiện toàn Ban Chỉ đạo " Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa " ở huyện và các xã. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, phát huy

tính năng động của hệ thống chính trị vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa đến năm 2010.

- Làm tốt công tác đào tạo và quy hoạch cán bộ, nâng cao năng lực tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa của cán bộ, đảng viên và công chức. Thường xuyên cho đi đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa - nghệ thuật - thể thao từ huyện đến cơ sở. Có chính sách đào tạo và quy hoạch cán bộ hợp lý, ưu tiên những tài năng văn hóa, văn nghệ, thể thao, con em đồng bào các dân tộc được đào tạo, bố trí việc làm ổn định. Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của đội thông tin lưu động, chiếu bóng lưu động của huyện và các ban văn hóa thông tin xã, thị trấn. Coi trọng công tác tập huấn, hướng dẫn hoạt động cho các làng, bản văn hóa để đào tạo, bồi dưỡng tài năng nhất là tài năng trẻ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, nghệ thuật...

- Tăng cường nguồn kinh phí và phương tiện cho các hoạt động văn hóa, đầu tư bổ sung trang thiết bị cho các đội thông tin lưu động, các nhà văn hóa. Ưu tiên xây dựng một số thiết chế văn hóa ở cơ sở như phủ sóng phát thanh, truyền hình cho vùng sâu, vùng xa, nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng ở thôn bản. Thực hiện tốt chính sách xã hội hóa văn hóa với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm nhằm huy động, quản lý, sử dụng mọi nguồn lực của xã hội, sự đầu tư của tỉnh, các dự án của trung ương, của nước ngoài tài trợ để góp phần xây dựng các thiết chế văn hóa, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa.

- Có chính sách và cơ chế xã hội hóa trên các lĩnh vực văn hóa, thông tin, văn học nghệ thuật, thể thao, chính sách về bảo tồn di sản văn hóa, chính sách động viên, khen thưởng, khuyến khích tài năng, chính sách đầu tư, ưu đãi các hoạt động văn hóa. Đặc biệt coi trọng nghiên cứu tính năng, đặc thù cũng như đặc điểm nhu cầu thị hiếu của đồng bào các dân tộc thiểu số để xây dựng phương thức hoạt động cho phù hợp với từng vùng, từng địa phương.

- Tổ chức hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, đặc biệt là tổ chức hội diễn hát các làn điệu truyền thống dân tộc (16 dân tộc của huyện).

III. Tổ chức thực hiện

- Cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể các cấp triển khai quán triệt sâu sắc Nghị quyết Hội nghị TW 10 (khóa IX) tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII và chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo của Ban Chấp hành đảng bộ huyện. Kết quả kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) và điều kiện của từng chi, đảng bộ, địa phương,

đơn vị và cơ sở để xây dựng chương trình hành động đề ra những giải pháp cụ thể.

- Các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Huyện ủy hướng dẫn các chi, đảng bộ trực thuộc, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xây dựng chương trình hành động và kế hoạch cụ thể của đơn vị mình, ngành mình triển khai tổ chức thực hiện.

- Các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Huyện ủy, Mặt trận và các đoàn thể, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, cơ quan, đơn vị được phân công phụ trách cơ sở thường xuyên kiểm tra, đôn đốc theo dõi việc triển khai quán triệt Nghị quyết Hội nghị TW 10 (Khóa IX), hàng tháng, quý, năm có báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Huyện ủy./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
Số 936-CTr/HU, ngày 20 tháng 06 năm 2005
Công **tác Ban Chỉ** đạo **năm 2005**

Căn cứ Chương trình số 45-CTr/BCĐ ngày 31 tháng 5 năm 2005 của Ban Chỉ đạo TW6(2) của Tỉnh ủy Lào Cai và quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Huyện ủy Bảo Yên, phương hướng nhiệm vụ của Huyện ủy Bảo Yên về tổ chức thực hiện Nghị quyết TW6(2) năm 2005.

Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (lần 2) của Huyện ủy Bảo Yên xây dựng chương trình công tác năm 2005 cụ thể như sau:

I. Công tác tổ chức và bộ máy BCĐ

1. Điều chỉnh thành viên BCĐ theo Quyết định số 1095A - QĐ/HU ngày 01 tháng 12 năm 2003 của Huyện ủy là thay thế một Phó BCĐ và bổ sung thêm một thành viên để theo dõi và tổng hợp cho BCĐ. Thành lập bộ phận thường trực để giúp BCĐTW6(2) của Huyện ủy nắm bắt tình hình các đơn vị ở cơ sở xây dựng quy chế.

2. Phân công công tác các thành viên BCĐ huyện năm 2005 để chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ quý, năm đối với các cơ sở được phân công nhằm tuyên truyền, giáo dục, ngăn chặn và có phát sinh là báo cáo BCĐTW6(2) của Huyện ủy để xử lý giải quyết kịp thời.

II. Nhiệm vụ trọng tâm bcđ năm 2005

A. Chỉ đạo một số cuộc kiểm tra theo chuyên đề

1. Kiểm tra xã Điện Quan

Nội dung: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy xã về tổ chức thực hiện, quản lý nguồn vốn được hưởng trên địa bàn xã vốn 135 và xây dựng kiên cố hóa trường học.

Phân công thực hiện: Đồng chí Đặng Xuân Thiều - Ủy viên BTV - Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy - Phó BCĐTƯ6 (2) huyện cùng thực hiện.

2. Kiểm tra xã Nghĩa Đô

Nội dung: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy xã, đã tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát việc sử dụng ngân sách xã. Tổ chức thực hiện kết luận của huyện về xử lý, quản lý đất đai khu vực chợ xã Nghĩa Đô.

- Phân công thực hiện: Đồng chí Hoàng Đức Ngọt - Ủy viên BTV - Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện - Thành viên BCĐTW6(2) huyện cùng thực hiện.

3. Kiểm tra thị trấn Phố Ràng:

- Nội dung: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy thị trấn Phố Ràng về quản lý và sử dụng đất đai, giải quyết xử lý các vụ việc phát sinh về đất đai.

- Phân công thực hiện: Đồng chí Hà Trọng Luân - Ủy viên BTV-Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy-Thành viên BCĐTW6(2) huyện chủ trì thực hiện và đồng chí Ma Thị Sách-Phó trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy-Thành viên BCĐTW6(2) huyện cùng thực hiện.

4. Kiểm tra xã Bảo Hà

- Nội dung:Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy xã; về thu, chi ngân sách cho công tác an ninh trên địa bàn xã và thu, chi ngân sách ở khu đền Bảo Hà.

- Phân công thực hiện: Đồng chí Vi Văn Khoa -Ủy viên BTV- Trưởng Công an huyện - Thành viên BCĐTW6 (2) huyện chủ trì thực hiện và đồng chí Vũ Đức Nhuận HUV- Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy-Thành viên BCĐTW6 (2) huyện cùng thực hiện.

5. Kiểm tra xã Việt Tiến

- Nội dung: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy xã về công tác quy hoạch, đánh giá các bước giới thiệu cán bộ chuẩn bị cho nhân sự Đại hội Đảng bộ xã (nhiệm kỳ 2005 - 2010) và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã.

- Phân công thực hiện: Đồng chí Đặng Văn Dụng - HUV - Phó Chủ tịch UBND huyện - Phó BCĐTW6(2) huyện chủ trì thực hiện và đồng chí Trần Văn Yên - HUV - Quyền trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy - Thành viên BCĐTW6(2) huyện cùng thực hiện.

* Đồng chí Phạm Duy Thịnh - Cán bộ UBKT Huyện ủy - Thành viên tổng hợp của BCĐTW6(2) huyện tham gia cùng các tổ công tác cơ sở để tổng hợp.

* Các cuộc kiểm tra trên hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2005.

B. Một số nhiệm vụ thường xuyên của BCĐTW6 (2) huyện

1. Tham mưu cho cấp ủy huyện chỉ đạo phối hợp với các Ban Xây dựng Đảng huyện xác minh làm rõ những trường hợp cán bộ, đảng viên thuộc diện BTV Huyện ủy quản lý và nhân sự Đại hội Đảng các cơ sở và huyện. Khi các vụ việc phát sinh đơn thư hoặc nhiều dư luận, ý kiến phản ảnh của đảng viên, nhân dân liên quan đến quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ... là phản ánh cấp ủy kịp thời để có hướng xử lý giải quyết.

2. Hàng tháng hoặc đột xuất Trưởng ban, Phó ban, bộ phận thường trực của BCĐTW6(2) huyện sẽ nghe các cơ quan chức năng phản ánh, báo cáo những vụ việc nổi cộm phức tạp để cho ý kiến chỉ đạo thúc đẩy xử lý, giải quyết kịp thời theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Các thành viên BCĐ TW6 (2) huyện theo quy chế hoạt động và phân công phụ trách cơ sở là tăng cường kiểm tra giám sát năm bắt tình hình kịp thời để phản ánh, báo cáo những phát sinh cho BCĐ TW6 (2) huyện để có hướng xử lý, giải quyết (sẽ phân công cụ thể).

4. Căn cứ vào quy chế, chương trình công tác 2005 của BCĐTW6(2) của huyện đã được BTV Huyện ủy duyệt; bộ phận thường trực của BCĐTW6(2) huyện sẽ cử các thành viên tham gia các đoàn kiểm tra của Huyện ủy, đoàn giám sát của HĐND huyện, khi tiến hành công tác có liên quan đến việc thực hiện TW6(2) trên địa bàn huyện.

C. Một số công tác khác của BCĐ

1. Chỉ đạo tiếp thực hiện chương trình công tác của BCĐTW6(2) huyện của năm 2004 về một số kiểm tra chuyên đề. Chuẩn bị tổng kết năm 2004 và triển khai công tác năm 2005 (theo sự chỉ đạo của BCĐ tỉnh) trong tháng 7 năm 2005.

2. Đề nghị BCĐTW6(2) tỉnh tăng cường giúp đỡ BCĐTW6(2) huyện, nhất là tập huấn nghiệp vụ cho bộ phận thường trực của BCĐTW6(2) huyện hoặc cán bộ tổng hợp của BCĐ.

3. Đề nghị BCĐTW6(2) Tỉnh ủy báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho cấp huyện thêm 1 biên chế chuyên trách làm công tác TW6(2) của huyện để theo dõi, tổng hợp, phân tích tình hình được kịp thời, chính xác.

4. Mở hội nghị tổng kết năm 2005 song trước ngày 30 tháng 11 năm 2005.

III. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào quy chế, chương trình công tác, phân công công tác các thành viên BCĐ và bộ phận thường trực, bố trí công tác chuyên môn đồng thời thực hiện tốt công tác đã được phân công của BCĐTW6(2) của huyện năm 2005.

2. Các thành viên BCĐTW6(2) huyện, các Ban XDĐ huyện và các chi, đảng bộ tổ chức tốt thực hiện nghiêm minh công tác TW6(2) về cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trên địa bàn huyện Bảo Yên./.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Gia Lợi

MỤC LỤC

Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy, Số: 02 -NQ/HU, ngày 06 tháng 04 năm 2001, về tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" 5

Nghị quyết của Ban Chấp hành huyện ủy bảo yên Số: 02-NQ/HU, ngày 07 tháng 5 năm 2001 Về công tác phổ cập trung học cơ sở từ năm 2001 đến năm 2005 9

Nghị quyết, Số: 03-NQ/HU, ngày 08 tháng 05 năm 2001, về phát triển Nông nghiệp và Nông thôn giai đoạn 2001 - 2005 13

Quyết định, Số: 134-QĐ/HU, ngày 19 tháng 04 năm 2001, về việc kiểm tra thực hiện quy chế cấp ủy cơ sở 24

Quyết định, Số: 226-QĐ/HU, ngày 28 tháng 05 năm 2001, V/v thành lập Ban Chỉ đạo để kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 25

Quyết định, Số: 231-QĐ/HU, ngày 30 tháng 07 năm 2001, V/v thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình quy hoạch, đánh giá bổ nhiệm lại, sắp xếp, luân chuyển cán bộ hướng về cơ sở 27

Quyết định, Số: 234-QĐ/HU, ngày 30 tháng 07 năm 2001, V/v thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ môi trường và xã hội giai đoạn 2000 - 2005 29

Quyết định, Số: 424-QĐ/HU, ngày 03 tháng 04 năm 2002, về việc kiểm tra thực hiện quy chế cấp ủy cơ sở 31

Quyết định, Số: 511-QĐ/HU, ngày 07 tháng 05 năm 200, thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng mô hình điểm, bản văn hoá huyện Bảo Yên 32

Quyết định, Số: 555-QĐ/HU, ngày 14 tháng 06 năm 2002, v/v thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm 33

Quyết định Số: 556-QĐ/HU, ngày 20 tháng 06 năm 2002 V/v kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở 35

Quyết định Số: 562-QĐ/HU, ngày 11 tháng 07 năm 2002 37

Quyết định, Số: 804-QĐ/HU, ngày 21 tháng 02 năm 2003, về việc thành lập Ban Chỉ đạo khảo sát xây dựng kế hoạch củng cố toàn diện 06 xã trong huyện còn nhiều khó khăn 39

Quyết định, Số: 996-QĐ/HU, ngày 28 tháng 07 năm 2003, v/v thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra việc "lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí" 41

Quyết định, Số: 999-QĐ/HU, ngày 01 tháng 08 năm 2003, v/v thành lập Đoàn công tác chỉ đạo phong trào "Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở 6 xã còn nhiều khó khăn 43

Quyết định, Số: 1402-QĐ/HU, ngày 03 tháng 08 năm 2004, v/v thành lập Ban Bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cán bộ 45

Quyết định, Số: 1768-QĐ/HU, ngày 28 tháng 04 năm 2005, về việc thành lập Tiểu Ban Bảo vệ và phục vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Yên, khóa XIII Nhiệm kỳ 2005 - 2010 46

Quyết định, Số: 1840-QĐ/HU, ngày 10 tháng 06 năm 2005, v/v ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị BCHTW6 (lần 2) khóa VIII của Huyện ủy Bảo Yên 48

Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo TW6 (2) của Huyện ủy Bảo Yên (Ban hành theo Quyết định số: 1840 QĐ/HU ngày 10 tháng 6 năm 2005 của Ban Thường vụ Huyện ủy) 51

Chỉ thị, Số: 02-CT/HU, ngày 05 tháng 01 năm 2001, về việc lãnh đạo nhiệm vụ QS - QP năm 2001 56

Chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện ủy Số: 12-CT/HU, ngày 26 tháng 08 năm 2002 V/v tăng cường chỉ đạo công tác thu thuế cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn Huyện 60

Chỉ thị, Số:19-CT/HU, ngày 08 tháng 12 năm 2003, Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện Bảo Yên nhiệm kỳ 2004 - 2009 61

Chỉ thị, Số: 21-CT/HU, ngày 14 tháng 05 năm 2004, Về việc tăng cường công tác phát triển Đảng đối với lực lượng DQTV và lực lượng DBĐV trong tình hình mới 63

Chỉ thị, Số: 22-CT/HU, ngày 23 tháng 09 năm 2004, Về tăng cường sự lãnh đạo của chi, đảng bộ các cấp đối với công tác xây dựng, phát triển và hoạt động của tổ chức Hội Chữ thập đỏ 66

Báo cáo, Số: 03-BC/HU, ngày 11 tháng 01 năm 2001, Tổng kết công tác Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2000 Mục tiêu phương hướng nhiệm vụ năm 2001 69

Báo cáo, Số: 24-BC/HU, ngày 21 tháng 05 năm 2001, Tổng kết thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) và Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng 80

Báo cáo Số: 26-BC/HU, ngày 03 tháng 7 năm 2001 Kết quả điều tra kinh tế-xã hội (Đồng bào vùng khó khăn) 87

Báo cáo, Số: 28-BC/HU, ngày 10 tháng 7 năm 2001, Sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về việc đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú 89

Báo cáo, Số: 35-BC/HU, ngày 18 tháng 10 năm 2001, Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8B về "Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân" 93

Báo cáo Số: 43-BC/HU, ngày 04 tháng 01 năm 2002 Kết quả công tác thực hiện Chỉ thị 184 năm 2001 Phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu công tác năm 2002 104

Báo cáo, Số: 45-BC/HU, ngày 20 tháng 01 năm 2002, Tổng kết công tác Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2001, Mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ năm 2002 108

Báo cáo Số: 46-BC/HU, ngày 20 tháng 01 năm 2002 Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khoá XII, năm 2001 124

Báo cáo, Số: 55-BC/HU, ngày 12 tháng 06 năm 2002, Nghiên cứu, khảo sát thực trạng về Tôn giáo trong vùng đồng bào thiểu số 133

Báo cáo, Số: 65-BC/BCĐ, ngày 5 tháng 8 năm 2002, Kết quả thực hiện bước II Kế hoạch 01, 02 - KH/TW của Ban Bí thư Trung ương 137

Báo cáo Số: 67-BC/BCĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2002 139
Tổng kết 22 năm thực hiện Chỉ thị số 83 - CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư (khoá IV) về phát thẻ đảng viên

Báo cáo, Số: 72-BC/BCĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2002, Đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2002 huyện Bảo Yên 144

Báo cáo, Số: 74-BC/HU, ngày 21 tháng 11 năm 2002, Kết quả thực hiện Nghị quyết 08 NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp năm 2002 148

Báo cáo, Số: 80-BC/HU, ngày 14 tháng 01 năm 2003, Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2002, phương hướng nhiệm vụ năm 2003 155

Báo cáo Số: 81-BC/HU, ngày 14 tháng 01 năm 2003 Kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong hoạt động công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2002 175

Báo cáo tổng kết, Số: 93-BC/HU, ngày 15 tháng 05 năm 2003, Thực hiện Hướng dẫn số: 09, 10 - HD/TCTW ngày 30/10/2002 về đánh giá tổ chức cơ sở đảng và đảng viên 181

Báo cáo, Số: 96-BC/HU, ngày 16 tháng 06 năm 2003, Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 35 - CT/TWcủa Bộ Chính trị về đổi mới công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn mới 184

Báo cáo kết quả, Số: 98-BC/HU, ngày 31 tháng 07 năm 2003, Đề án Đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở 191

Báo cáo, Số: 99-BC/HU, ngày 4 tháng 8 năm 2003, Kiểm điểm giữa nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên từ 2000 - 6/2003 nhiệm kỳ 2000 - 2005 199

Báo cáo, Số: 100-BC/HU, ngày 04 tháng 08 năm 2003, Kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa XII (nhiệm kỳ 2000 - 2005) 207

Báo cáo Số: 101-BC/HU, ngày 06 tháng 08 năm 2003 Tổng kết 9 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và 4 năm thực hiện Chỉ thị 17-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác cán bộ nữ huyện Bảo Yên. 266

Báo cáo, Số: 108-BC/HU, ngày 22 tháng 9 năm 2003, Tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về " Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" 234

Báo cáo, Số: 117-BC/HU, ngày 30 tháng 11 năm 2003, Sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết 08 - NQ/TU 241

Báo cáo, Số: 118-BC/HU, ngày 01 tháng 12 năm 2003, Sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách Tư pháp 245

Báo cáo, Số: 120-BC/BCĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2003 Đánh giá Công tác 184 năm 2003, nhiệm vụ công tác năm 2004 253

Báo cáo, Số: 122-BC/HU, ngày 30 tháng 12 năm 2003 Đánh giá thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2003 259

Báo cáo, Số: 123-BC/HU, ngày 31 tháng 12 năm 2003, Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy về xóa thôn bản, các đầu mối chưa có đảng viên 264

Báo cáo, Số: 124-BC/HU, ngày 08 tháng 01 năm 2004 Công tác Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên năm 2003 267

Báo cáo, Số: 126-BC/HU, ngày 14 tháng 01 năm 2004, Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2003 phương hướng nhiệm vụ năm 2004 270

Báo cáo, Số: 127-BC/HU, ngày 15 tháng 01 năm 2004 Kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên năm 2003 286

Báo cáo, Số: 131-BC/HU, ngày 09 tháng 03 năm 2004, Việc kiểm điểm tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết TW5 (Khoá IX) về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn 291

Báo cáo, Số: 142-BC/HU, ngày 23 tháng 05 năm 2004, Sơ kết 3 năm thực hiện Kết luận Hội nghị TW4 (khóa IX) 299

Báo cáo, Số:144-BC/HU, ngày 12 tháng 07 năm 2004, Sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 61-CT/TW ngày 28/12/2000 của Bộ Chính trị (Khoá VIII) về việc thực hiện phổ cập THCS trên địa bàn huyện Bảo Yên 306

Báo cáo, Số:150-BC/HU, ngày 14 tháng 09 năm 2004, Kết quả tiếp tục kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 311

Báo cáo, Số:154-BC/HU, ngày 20 tháng 10 năm 2004 Sơ kết việc thực hiện qui định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm 321

Báo cáo, Số: 159-BC/HU, ngày 29 tháng 11 năm 2004, Tổng kết công tác bảo vệ chính trị nội bộ năm 2004 326

Báo cáo, Số:161-BC/HU, ngày 29 tháng 11 năm 2004 Đánh giá kết quả kiểm tra thực hiện QCDC ở cơ sở năm 2004 329

Báo cáo, Số:189-BC/HU, ngày 15 tháng 12 năm 2004, Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 09 của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005 341

Báo cáo, Số:190-BC/HU, ngày 29 tháng 12 năm 2004, Tổng kết công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng qua 20 năm đổi mới 351

Báo cáo, Số:191-BC/HU, ngày 06 tháng 01 năm 2005 Về việc thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW năm 2004 360

Báo cáo, Số:192-BC/HU, ngày 02 tháng 02 năm 2005, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2004 phương hướng nhiệm vụ năm 2005 363

Báo cáo, Số:194-BC/HU, ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về công tác kiểm tra năm 2004 phương hướng nhiệm vụ năm 2005 378

Báo cáo, Số: 204-BC/HU, ngày 31 tháng 03 năm 2005, Tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư và pháp luật về khiếu nại, tố cáo 383

Báo cáo, Số: 205-BC/HU, ngày 25 tháng 03 năm 2005, Tổng kết Nghị quyết 10-NQ/TU về việc luân chuyển, tăng cường cán bộ 395

Báo cáo, Số: 210-BC/HU, ngày 24 tháng 05 năm 2005, Kiểm điểm tự phê bình và phê bình của tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên, tỉnh Lào Cai năm 2004, gắn với đánh giá 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai (XII) và Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa XII nhiệm kỳ (2000-2005) 404

Báo cáo, Số: 215-BC/HU, ngày 10 tháng 06 năm 2005 Kết quả việc thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW về việc kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh 413

Báo cáo, Số: 217-BC/BCĐ, ngày 01 tháng 07 năm 2005, Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (2) của Huyện ủy từ năm 2001 - 2005 và phương hướng tới 418

Báo cáo, Số: 229-BC/HU, ngày 16 tháng 08 năm 2005, Tổng kết Đại hội Đảng cơ sở 423

Báo cáo Chính trị, Số: 232-BC/BCH, ngày 04 tháng 10 năm 2005 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XII trình Đại hội Đại biểu Đảng huyện lần thứ XIII 429

Kế hoạch, Số: 03-KH/HU, ngày 18 tháng 06 năm 2001, Chỉ đạo công tác khảo sát điều tra kinh tế xã hội 466

Kế hoạch, Số: 07-KH/HU, ngày 25 tháng 07 năm 2001, Triển khai thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2005 của Ban Chấp hành huyện Bảo Yên - Khoá XII 468

Kế hoạch, Số: 09-KH/HU, ngày 11 tháng 09 năm 2001, Khắc phục các thôn, bản, trường học chưa có đảng viên 473

Kế hoạch, Số: 13-KH/HU, ngày 26 tháng 11 năm 2001, Triển khai nghiên cứu quán triệt Nghị quyết TW3 (khóa IX) 475

Kế hoạch, Số: 17-KH/HU, ngày 11 tháng 01 năm 2002 Thực hiện Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy Lào Cai về luân chuyển, tăng cường cán bộ về cơ sở 477

Kế hoạch, Số: 19-KH/HU, ngày 14 tháng 01 năm 2002 Tổ chức thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW ngày 15/12/2000 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn" 479

Kế hoạch, Số: 23-KH/HU, ngày 17 tháng 04 năm 2002, Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09- NQ/TU về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001-2005 483

Kế hoạch, Số: 28-KH/HU, ngày 04 tháng 06 năm 2002, Triển khai học tập và thực hiện Quy định số 14-QĐ/TW ngày 16/11/2001 của Ban Chấp hành Trung ương và Hướng dẫn số 04-HD/BCTTW ngày 05/02/2002 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thi hành Điều lệ Đảng 485

Kế hoạch, Số: 32-KH/HU, ngày 04 tháng 10 năm 2002, Triển khai học tập và tổ chức thực hiện các kết luận của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) 487

Kế hoạch, Số: 34-KH/HU, ngày 12 tháng 10 năm 2002, V/v kiểm tra khảo sát thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc 490

Kế hoạch, Số: 37-KH/HU, ngày 02 tháng 06 năm 2003, Triển khai học tập và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) 492

Kế hoạch, Số: 41-KH/HU, ngày 06 tháng 08 năm 2003, Về việc kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết TW5 (khóa VIII) 496

Kế hoạch, Số: 42-KH/HU, ngày 06 tháng 08 năm 2003 Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 498

Kế hoạch, Số: 44-KH/HU, ngày 15 tháng 10 năm 2003, Triển khai nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) 501

Kế hoạch, Số:47-KH/HU, ngày 12 tháng 12 năm 2003 kiểm tra việc tổ chức quán triệt và thi hành Điều lệ Đảng 504

Kế hoạch, Số: 48-KH/HU, ngày 30 tháng 01 năm 2004, Khắc phục sửa chữa tồn tại trong việc thực hiện Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở 508

Kế hoạch, Số: 51-KH/HU, ngày 04 tháng 05 năm 2004, Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) 510

KẾ HOẠCH 513
Số: 54-KH/HU, ngày 20 tháng 07 năm 2004
Triển khai thực hiện Chỉ thị 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân

Kế hoạch, Số: 56-KH/HU, ngày 27 tháng 08 năm 2004, V/v sơ kết việc thực hiện Quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm 516

Kế hoạch, Số: 58-KH/HU, ngày 08 tháng 09 năm 2004, Tổ chức nghiên cứu quán triệt kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" trong những năm tới 578

Kế hoạch, Số: 63-KH/HU, ngày 21 tháng 01 năm 2005, Triển khai thực hiện Chỉ thị 46-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng 522

Kế hoạch, Số: 64-KH/HU, ngày 25 tháng 02 năm 2005, Tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương và Pháp luật về khiếu nại, tố cáo 526

Kế hoạch Số: 66-KH/HU, ngày 11 tháng 04 năm 2005 532
Tổ chức thực hiện Thông báo số 159-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục chỉ đạo xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Kế hoạch, Số: 69-KH/HU, ngày 04 tháng 05 năm 2005, Kiểm tra 02 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; về công tác dân tộc; về công tác tôn giáo" 535

Kế hoạch chi tiết, Số: 70-KH/HU, ngày 09 tháng 05 năm 2005, Tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện Bảo Yên và Đại hội Đảng các chi, đảng bộ trực thuộc 538

Kế hoạch, Số: 72-KH/HU, ngày 10 tháng 07 năm 2005, Tổng kết thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Ban Bí thư về việc đổi thẻ đảng viên 545

Kế hoạch, Số: 75-KH/HU, ngày 23 tháng 08 năm 2005, Tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa VI) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ mới 548

Chương trình công tác, Số: 59-CTr/HU, ngày 14 tháng 04 năm 2001, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên (khoá XII) nhiệm kỳ 2000 - 2005 552

Chương trình, Số: 76-CTr/HU, ngày 25 tháng 05 năm 2001, Công tác kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy năm 2001 557

Chương trình công tác tư tưởng - khoa giáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa XII, Số: 90-CTr/HU, ngày 10 tháng 07 năm 2001 (Nhiệm kỳ 2000 - 2005) 559

Chương trình hành động, Số: 186-CTr/HU, ngày 20 tháng 01 năm 2002, Của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yênvề việc thực hiện Nghị quyết lần thứ ba và các kết luận Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX 565

Chương trình hành động, Số: 220-CTr/HU, ngày 12 tháng 04 năm 2002, Thực hiện Nghị quyết 09 Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác vận động quần chúng giai đoạn 2001 - 2005 570

Chương trình hành động, Số: 378-CTr/HU, ngày 02 tháng 06 năm 2003, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 7 (khoá IX) về đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai 573

Chương trình Số: 682-CTr/HU, ngày 08 tháng 01 năm 2004 Công tác Kiểm tra của Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên năm 2004 579

Chương trình công tác năm 2004 Số: 749-CTr/HU, ngày 18 tháng 05 năm 2004 581

Chương trình hành động, Số: 750-CTr/HU, ngày 19 tháng 05 năm 2004, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX 584

Chương trình hành động, Số: 816-CTr/HU, ngày 05 tháng 10 năm 2004, của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX); tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền Văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" 591

Chương trình Số: 936-CTr/HU, ngày 20 tháng 06 năm 2005 Công tác Ban Chỉ đạo năm 2005 600

In 70 cuốn khổ, 16x24 cm tại Công ty Cổ phần In Tổng hợp Lào Cai. Địa chỉ: Số nhà 002, đường Nhạc Sơn, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai. SĐT: 02143800328. Giấy phép xuất bản số: 42/GPXBTLKKD-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai cấp ngày 21/5/2025. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2025.

VĂN KIỆN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

Tập 3

GIAI ĐOẠN 2001-2005

Sách không bán